

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HOÀNG HẢI

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ
DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI
TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

HÀ NỘI - 2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HOÀNG HẢI

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ
DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI
TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS. TS. Nguyễn Thị Quế

TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin được cam đoan, Luận án Tiến sĩ với nội dung “***Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay***” là công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân tôi, được sự hướng dẫn của Cô PGS. TS Nguyễn Thị Quế và Cô TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. Tôi xin chịu trách nhiệm về tính trung thực của các số liệu, thông tin, kết quả cũng như những kết luận nghiên cứu của Luận án.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Tác giả Luận án

Nguyễn Hoàng Hải

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn tới các Thầy, Cô giáo Ban Giám hiệu Nhà trường, các Thầy, Cô giáo Khoa Quốc tế học cùng các Thầy, Cô giáo của Phòng Sau Đại học và các Phòng, Ban chuyên môn, Thư viện của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; các Thầy, Cô giáo của Viện Quan hệ quốc tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi, Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện tốt nhất, chia sẻ thông tin tư liệu, hướng dẫn và nhận xét quý báu để giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thiện Luận án theo đúng quy định của Nhà trường.

Đặc biệt, tôi xin được gửi lòng biết ơn sâu sắc và kính trọng tới Cô PGS.TS. Nguyễn Thị Quế, Nguyên Viện trưởng Viện Quan hệ Quốc tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh và Cô TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội đã nhiệt tâm, cổ vũ, động viên, chia sẻ kinh nghiệm và tận tình hướng dẫn tôi nghiên cứu, hoàn thành các môn học và luận án.

Cuối cùng, Tôi xin gửi lời cảm ơn tới toàn thể gia đình, đặc biệt là Bố và Mẹ tôi, những người thân yêu cùng sự ủng hộ của Thủ trưởng, đồng nghiệp và bạn bè đã luôn hết lòng động viên, kề cạnh giúp tôi có thêm nghị lực, thời gian và ý chí để thực hiện công trình nghiên cứu này.

Xin kính chúc Quý Thầy Cô, Gia đình, Đồng nghiệp và Bạn hữu sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong công việc và cuộc sống!

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Tác giả Luận án

Nguyễn Hoàng Hải

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	1
LỜI CẢM ƠN.....	2
MỤC LỤC.....	3
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	8
DANH MỤC HÌNH VÀ PHỤ LỤC.....	11
MỞ ĐẦU	12
1. Lý do chọn đề tài.....	12
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	14
2.1. Đối tượng nghiên cứu.....	14
2.2. Phạm vi nghiên cứu.....	14
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	15
3.1. Mục tiêu nghiên cứu	15
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	15
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	15
5. Nguồn tài liệu.....	16
6. Đóng góp của luận án	17
6.1. Về mặt khoa học	17
6.2. Về mặt thực tiễn.....	18
7. Bố cục của luận án	18
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI	20
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án.....	20
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở hình thành chính sách đối ngoại của Ấn Độ 20	
1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ.....	25
1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đánh giá tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ.....	43
1.2. Nhận xét các công trình đã công bố và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung	45
CHƯƠNG 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG	48
ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ	49

DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY	49
2.1. Cơ sở lý luận	49
2.1.1. <i>Chủ nghĩa Hiện thực trong quan hệ quốc tế</i>	49
2.1.2. <i>Chủ nghĩa Lý tưởng và Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế</i>	51
2.1.3. <i>Chủ nghĩa Kiến tạo trong quan hệ quốc tế</i>	55
2.1.4. <i>Chính sách đối ngoại</i>	57
2.1.4.1. <i>Khái niệm chính sách đối ngoại</i>	57
2.1.4.2. <i>Mô hình Chủ thể duy lý</i>	60
2.1.4.3. <i>Các cấp độ phân tích chính sách đối ngoại</i>	62
2.1.4.4. <i>Lý thuyết “vòng tròn đồng tâm”</i>	65
2.2. Các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi	67
2.2.1. <i>Cấp độ hệ thống</i>	67
2.2.1.1. <i>Xu thế trật tự thế giới đa cực</i>	68
2.2.1.2. <i>Xu hướng “Đông hóa” và sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trên thế giới</i>	70
2.2.1.3. <i>Nhân tố Mỹ</i>	71
2.2.1.4. <i>Nhân tố Trung Quốc</i>	74
2.2.1.5. <i>Cạnh tranh chiến lược ở ÁDD - TBD</i>	75
2.2.1.6. <i>Các nhân tố khác</i>	80
2.2.2. <i>Cấp độ quốc gia</i>	83
2.2.2.1. <i>Địa chính trị và địa kinh tế của Ấn Độ</i>	83
2.2.2.2. <i>Tình hình chính trị trong nước</i>	84
2.2.2.3. <i>Sức mạnh kinh tế - quốc phòng</i>	86
2.2.2.4. <i>Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trước năm 2014</i>	91
2.2.2.5. <i>Các nhân tố khác</i>	95
2.2.3. <i>Cấp độ cá nhân</i>	98
2.2.3.1. <i>Xuất thân của Thủ tướng Narendra Modi</i>	98
2.2.3.2. <i>Phong cách lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi</i>	99
Tiểu kết Chương 2	102

CHƯƠNG 3 NỘI DUNG VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY	104
3.1. Tầm nhìn đối ngoại.....	104
3.2. Mục tiêu của chính sách đối ngoại.....	105
3.2.1. Mục tiêu chung.....	105
3.2.2. Mục tiêu cụ thể	106
3.2.2.1. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế.....	106
3.2.2.2. Tăng cường an ninh của Ấn Độ trong khu vực	107
3.2.2.3. Nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trên thế giới, thể hiện vai trò lãnh đạo và vai trò của nhà giữ gìn trật tự an ninh thế giới.....	108
3.3. Nhiệm vụ đối ngoại.....	111
3.4. Nguyên tắc đối ngoại	116
3.5. Thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại	119
3.5.1. Vòng tròn thứ nhất trong chính sách đối ngoại	119
3.5.1.1. Đối với Pakistan	120
3.5.1.2. Đối với Bangladesh	122
3.5.1.3. Đối với Nepal.....	125
3.5.1.4. Đối với các nước Nam Á còn lại.....	127
3.5.1.5. Đối với SAARC	131
3.5.2. Vòng tròn thứ hai trong chính sách đối ngoại.....	135
3.5.2.1. Đối với Mỹ	135
3.5.2.2. Đối với Trung Quốc	142
3.5.2.3. Đối với Nhật Bản.....	149
3.5.2.4. Đối với Australia	154
3.5.2.5. Đối với ASEAN.....	156
3.5.2.6. Đối với các nước khu vực Trung Á.....	162
3.5.2.7. Đối với các nước khu vực Tây Á.....	166
3.5.2.8. Đối với các nước khu vực Châu Phi.....	172
3.5.2.9. Đối với QUAD.....	177
3.5.2.10. Đối với BRICS.....	179
3.5.3. Vòng tròn thứ ba trong chính sách đối ngoại.....	183

3.5.3.1. Đối với Nga	184
3.5.3.2. Đối với EU	189
3.5.3.3. Đối với khu vực Mỹ Latinh và Caribe	192
3.5.3.4. Đối với Liên hợp quốc	196
3.5.3.5. Đối với WTO	200
3.5.3.6. Đối với G20	202
CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY, DỰ BÁO CHIỀU HƯỚNG TRIỂN KHAI VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM	205
4.1. Đánh giá về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi	205
4.1.1. Thành tựu và nguyên nhân thành tựu của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi	205
4.1.1.1 Về việc hoàn thành mục tiêu chung	205
4.1.1.2. Về việc triển khai chính sách đối ngoại với từng vòng tròn đồng tâm	212
4.1.1.2.1. Đối với vòng tròn thứ nhất	212
4.1.1.2.2. Đối với vòng tròn thứ hai	217
4.1.1.2.3. Đối với vòng tròn thứ ba	226
4.1.1.3. Nguyên nhân của thành tựu	232
4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi	235
4.1.3. Sự kế thừa, tiếp nối và điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Narendra Modi so với các chính phủ tiền nhiệm	246
4.2. Tác động của chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời thủ tướng Narendra Modi đến quan hệ quốc tế và Việt Nam	261
4.2.1. Tác động đến quan hệ quốc tế	261
4.2.1.1. Tác động đến sự chính sách đối ngoại của các nước lớn với Ấn Độ	261
4.2.1.2. Góp phần chuyển dịch trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới, xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới	264
4.2.1.3. Thúc đẩy hòa bình, an ninh thế giới, giải quyết các vấn đề toàn cầu	266
4.2.1.4. Thúc đẩy nền kinh tế thế giới	267
4.2.2. Tác động đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ	268

4.2.2.1. Thúc đẩy mối quan hệ song phương lên tầm cao mới	268
4.2.2.2. Tạo ra thách thức trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ.....	274
4.3. Dự báo chiều hướng triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thời gian tới.....	277
4.4. Hàm ý chính sách cho Việt Nam.....	284
Tiểu kết Chương 4	290
KẾT LUẬN.....	291
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	297
TÀI LIỆU THAM KHẢO	298

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn Khu vực ASEAN
BBIN	The Bangladesh, Bhutan, India, Nepal Initiative	Sáng kiến Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Nepal
BCIM	Bangladesh, China, India, Myanmar Economic Corridor Builds Steam	Hành lang Kinh tế Bangladesh, Trung Quốc, Ấn Độ, Myanmar
BIMSTEC	Bay of Bengal Initiative for MultiSectoral Technical and Economic Cooperation	Sáng kiến Vịnh Bengal về hợp tác kinh tế và kỹ thuật đa lĩnh vực
BJP	Bharatiya Janata Party	Đảng Nhân dân Ấn Độ
BRI	Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai và Con đường
BRICS	Brazil, Russia, India, China, South Africa	Nhóm Năm nền kinh tế mới nổi hàng đầu thế giới
CEPA	Comprehensive Economic Partnership Agreement	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện
COP	Conference of the Parties	Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc
EAS	East Asia Summit	Hội nghị Cấp cao Đông Á
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FOC	Foreign Office Consultation	Tham vấn Văn phòng Ngoại giao

FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do
G20	Group of Twenty	Nhóm 20 nền kinh tế lớn
GDP	Gross domestic product	Tổng sản phẩm quốc nội
GoI	Government of India	Chính phủ Ấn Độ
HCQ	Hydroxychloroquine	Thuốc Hydroxychloroquine
HICDP	High Impact Community Development	Chương trình Dự án Phát triển Cộng đồng có Tác động nhanh
ICCR	Indian Council for Cultural Relations	Hội đồng Quan hệ Văn hóa Ấn Độ
IGC	Intergovernmental Committee	Ủy ban liên Chính phủ
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IN	Indian Navy	Hải quân Ấn Độ
IORA	Indian Ocean Rim Association	Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương
IPOI	Indo - Pacific Oceans Initiative	Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ
ISA	International Solar Alliance	Liên minh Năng lượng Mặt trời quốc tế
ISRO	Indian Space Research Organisation	Tổ chức Nghiên cứu vũ trụ Ấn Độ
ITEC	Technical and Economic Cooperation Programme	Chương trình Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật
JCM	Joint Committee	Ủy ban Hỗn hợp
JSC	Joint Steering Committee	Ban Chỉ đạo chung
JWG	Joint Working Group	Nhóm Công tác chung
LOC	Line of Credit	Hạn mức tín dụng

LAC	Latin America and the Caribbean	Khu vực Mỹ Latinh và Caribe
MEA, GoI	Ministry of External Affairs, Government of India	Bộ Ngoại giao, Chính phủ Ấn Độ
MOA	Memorandum of Agreement,	Thỏa thuận
MOU	Memorandum of Understanding	Biên bản ghi nhớ
QUAD	Quadrilateral Security	Đối thoại An ninh bốn bên
UN	United Nations	Liên Hợp Quốc
UNGA	United Nations General Assembly	Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc
UNSC	United Nations Security Council	Hội đồng Bảo An Liên Hợp Quốc
USD	United States Dollar	Đồng Đô la Mỹ
RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện khu vực
SAGAR	Security And Growth for All in the Region	An ninh và phát triển cho tất cả các nước trong khu vực Ấn Độ Dương
SAARC	South Asian Association for Regional Cooperation	Hiệp hội Hợp tác khu vực Nam Á
SCO	Shanghai Cooperation Organisation	Tổ chức Hợp tác Thượng Hải
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC HÌNH VÀ PHỤ LỤC

Danh mục Hình

Hình 2.1: Cách tiếp cận vòng tròn đồng tâm trong khuôn khổ luận án	66
Hình 2.2: GDP của Ấn Độ (2014 - 2023)	88
Hình 2.3: Ước tính dự trữ đầu đạn hạt nhân toàn cầu đến năm 2024	89
Hình 2.4: Ngân sách quốc phòng Ấn Độ (2014 - 2024).....	91
Hình 3.5: Thương mại song phương Ấn Độ - Mỹ (2014 - 2024)	137
Hình 3.6: Thương mại song phương Ấn Độ - Trung Quốc (2014 - 2024)	144
Hình 3.7: Thương mại song phương Ấn Độ - Nhật Bản (2014 - 2024).....	150

Danh mục Phụ lục

Phụ lục 1.....	324
Phụ lục 2.....	325

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cộng hòa Ấn Độ là quốc gia lớn nhất tiểu lục địa Nam Á, với diện tích rộng thứ bảy (khoảng 3,3 triệu km²) [Hà Nội mới, 2019] và dân số đông nhất thế giới (hơn 1,4 tỷ người) [Báo Điện tử VOV, 2024]. Quốc gia này chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với 2/3 chiều dài đất nước tiếp giáp với biển. Bên cạnh đó, đây cũng được xem là một trong những cái nôi văn minh của nhân loại với truyền thống văn hóa giàu tính bản sắc. Từ những ưu thế vượt trội đó, Ấn Độ hoàn toàn có đủ tiềm lực để xây dựng và phát triển sức mạnh tổng hợp quốc gia. Đây cũng là tiền đề giúp củng cố niềm tin của các thể hệ lãnh đạo Ấn Độ về một cường quốc thịnh vượng kể từ sau khi giành được độc lập từ thực dân Anh (1947). Với những nỗ lực xây dựng đất nước từ đối nội đến đối ngoại, đặc biệt từ những cải cách kinh tế dựa trên cơ sở thị trường những năm 1990, Ấn Độ đã từng bước khẳng định vị thế của mình trên bản đồ chính trị thế giới khi trở thành một trong những nền kinh tế lớn có mức tăng trưởng nhanh và được nhận định là nước công nghiệp mới (1991). Không chỉ phát triển kinh tế năng động, Ấn Độ còn đầu tư vào quốc phòng khi sở hữu vũ khí hạt nhân, có quân đội thường trực lớn và được quốc tế đánh giá là một siêu cường tiềm năng.

Sau Chiến tranh Lạnh, Ấn Độ đã linh hoạt điều chỉnh chính sách phát triển đất nước theo hướng thực dụng hơn, lấy lợi ích quốc gia làm cơ sở để phát triển quan hệ với các nước lớn và nổi lên như một hiện tượng đáng chú ý của khu vực trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI. Với vị trí địa - chiến lược và vị thế của mình, Ấn Độ mong muốn trở thành một cực trong trật tự thế giới đa cực đang hình thành. Ấn Độ từ lâu đã có chiến lược và ảnh hưởng tương đối lớn với khu vực ÁĐD - TBD, nhất là từ khi Mỹ quyết tâm “trở lại” khu vực này - nơi có vai trò quan trọng về kinh tế, chính trị và địa chiến lược đối với các nước lớn nói riêng và các nước trên thế giới nói chung. Trong điều kiện đó, Ấn Độ sẽ hưởng nhiều lợi ích từ khu vực và có nhiều cơ hội để hội nhập kinh tế sâu, rộng hơn thông qua các hiệp định tự do thương mại, hiệp định hợp tác kinh tế với các nước, nhất là với các đối tác chiến lược. Không gian chiến lược của Ấn Độ không ngừng được mở rộng. Ấn Độ tăng cường triển khai đối ngoại trên các lĩnh vực với các nước láng giềng, các nước lớn và các nước trong khu vực ÁĐD - TBD nhằm tăng lợi thế cho mình trong cuộc cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc. Với xu hướng trở thành nước có nền kinh tế lớn, nắm bắt được công nghệ tiên tiến, cải thiện và tăng cường sức mạnh quân sự...Ấn Độ được dự

báo sẽ trở thành nhân tố quan trọng trong cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực trong vài thập kỷ tới, cũng như thể hiện vai trò lớn hơn của mình đối với việc định hình một cấu trúc an ninh bền vững tại khu vực Nam Á.

Năm 2014, Ấn Độ chứng kiến một bước ngoặt trong lịch sử bầu cử khi một đảng giành đa số mà không cần liên kết với đảng nào khác. Đảng Nhân dân Ấn Độ (BJP) của lãnh đạo Narendra Modi (N. Modi) đã giành chiến thắng áp đảo và chính thức trở thành Thủ tướng. Sự kiện này cũng đánh dấu cho một thời kỳ Ấn Độ có những sự thay đổi, điều chỉnh về chính sách đối ngoại nhằm thích ứng với những chuyển biến mạnh mẽ của tình hình thế giới và khu vực. Thủ tướng N. Modi đã điều chỉnh chiến lược đối ngoại một cách toàn diện, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược là đảm bảo hòa bình, ổn định, hợp tác trong khu vực và trên thế giới, qua đó tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước. Mặt khác, ông N. Modi mở rộng không gian chiến lược nhằm tạo dựng ảnh hưởng tương xứng với vị thế của cường quốc khu vực và toàn cầu. Ông cũng mạnh dạn lồng ghép thêm những biện pháp mới mang tính chủ động, mở rộng phạm vi quan hệ song phương sang những lĩnh vực mới mà trước đây chưa được khai phá dưới thời Thủ tướng M. Singh (2004 - 2014). Giới chuyên gia cho rằng, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đang tạo nên sự quyết đoán và năng động hơn trong chính sách kinh tế và đối ngoại so với người tiền nhiệm, đưa đất nước này thoát khỏi sự trì trệ, bước vào một chu kỳ phát triển nhanh, bền vững, tạo nên vị thế mới tại khu vực Nam Á nói riêng và trên trường quốc tế nói chung [An Nhiên, 2019].

Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi không chỉ ảnh hưởng đến khu vực và thế giới mà còn ảnh hưởng rất lớn đến Việt Nam. Trong bối cảnh hòa bình hợp tác tiếp tục là xu thế chủ đạo ở khu vực và trên thế giới, Việt Nam đang thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế nhằm đưa đất nước ngày càng phát triển ổn định, hòa bình. Chính vì vậy, việc đi sâu tìm hiểu chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay là hết sức cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc góp phần vào công tác hoạch định chính sách đối ngoại ở Việt Nam. Việc nghiên cứu không chỉ mang đến những góc nhìn khách quan về cơ sở hình thành, nhân tố ảnh hưởng, nội dung và quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, mà còn giúp Việt Nam rút ra được những bài học kinh nghiệm, hàm ý cần thiết cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với các quốc gia trên thế giới nói chung và Ấn Độ

nói riêng. Điều này thực sự có ý nghĩa trong bối cảnh quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ đang phát triển rất tốt đẹp, đạt được sự tin cậy cao.

Với những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay”*** làm luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu về nội dung và quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ theo lý thuyết vòng tròn đồng tâm. Theo đó, vòng tròn thứ nhất đề cập đến các nước láng giềng bao gồm hợp tác song phương với các quốc gia khu vực Nam Á và hợp tác đa phương qua cơ chế khu vực (SAARC) thể hiện qua Chính sách “Láng giềng trước tiên” (NFP). Vòng tròn thứ hai bao gồm các nước láng giềng mở rộng là các quốc gia trong khu vực Á-ĐD - TBD, bao gồm Mỹ, Trung Quốc, các nước ở châu Phi, Tây Á, Trung Á, Đông Nam Á, Đông Bắc Á. Vòng tròn thứ ba đề cập đến phần còn lại của thế giới, bao gồm Nga, EU, Mỹ Latinh và Caribe, các cơ chế đa phương như UN, WTO, G20. Đồng thời, luận án cũng tập trung phân tích, làm rõ các tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đến quan hệ quốc tế và Việt Nam. Vòng tròn này được hình thành theo tiêu chí *“Mức độ gần gũi và chiến lược về địa lý”* giữa Ấn Độ và các quốc gia.

- *Về thời gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ tháng 5/2014 đến hết năm 2024. Trong đó, năm 2014 đánh dấu cột mốc Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền, mở ra một “thời đại Modi” với nhiều dấu ấn trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu toàn diện chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, trong đó tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành, nội dung chính sách và thực tiễn triển khai theo lý thuyết vòng tròn đồng tâm. Từ đó, đánh giá những thành công và hạn chế, xem xét tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đối với quan hệ quốc tế và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Cuối cùng đưa ra dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Từ việc làm rõ cơ sở hình thành chính sách, Luận án làm rõ nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay. Qua đó, đánh giá, nhận xét về chính sách, đưa ra dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích nêu trên, luận án cần thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài
- Phân tích cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay;
- Phân tích nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay;
- Đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, đưa ra dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

- *Cách tiếp cận*: là Luận án nghiên cứu về chính sách đối ngoại, về mối quan hệ song phương và đa phương giữa nhà nước và các chủ thể trong quan hệ quốc tế, luận án sử dụng cách tiếp cận hệ thống, đa ngành (chính trị, kinh tế, xã hội...), cách tiếp cận theo lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” và các lý thuyết kinh tế - chính trị trong quan hệ quốc tế như chủ nghĩa trọng thương để xem xét mối quan hệ giữa lợi ích với việc hoạch định chính sách, mối quan hệ giữa sự thay đổi của xã hội với sự thay đổi trong nhận thức. Tìm thấy những giải đáp trong sự điều chỉnh nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Bên cạnh đó, luận án còn dựa trên một số lý thuyết quan hệ quốc tế tiêu biểu như chủ nghĩa hiện thực để làm rõ những mục tiêu và lợi ích trong chính sách đối ngoại, chủ nghĩa tự do để làm rõ sự phụ thuộc trong quan hệ giữa Ấn Độ và một số cường quốc, chủ nghĩa kiến tạo để làm rõ vai trò của bản sắc Ấn Độ và Thủ tướng N. Modi.

- *Phương pháp nghiên cứu*:

Một là, phương pháp phân tích chính sách được sử dụng để phân tích tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay.

Hai là, phương pháp phân tích - tổng hợp là nền tảng, được áp dụng để làm rõ việc triển khai chính sách đối ngoại kinh tế ở các cấp độ hệ thống, khu vực, quốc gia; đồng thời phân tích, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu và tác động ảnh hưởng của chính sách.

Ba là, phương pháp lịch sử được sử dụng để phân tích, làm rõ sự giống nhau, khác nhau và chỉ ra nguyên nhân tạo ra sự khác biệt cũng như nội dung có tính kế thừa giữa các nhiệm kỳ thủ tướng Ấn Độ, từ đó rút ra những điểm chung có tính chất ổn định trong chính sách hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của Ấn Độ.

Bốn là, phương pháp nghiên cứu trường hợp được sử dụng để làm rõ thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các quốc gia, khu vực, tổ chức quốc tế tiêu biểu, thông qua đó làm nổi bật lên những hướng ưu tiên của Ấn Độ và nội dung chính trong quá trình điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Ngoài ra để thực hiện luận án tác giả còn sử dụng các phương pháp liên ngành, đa ngành của khoa học xã hội và nhân văn như: chính trị học, quan hệ quốc tế... tác giả luận án còn vận dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như logic, lịch sử tổng hợp, thống kê, phân tích, đối chiếu, so sánh và suy luận... để giải quyết những vấn đề khoa học đặt ra.

5. Nguồn tài liệu

Tài liệu chính được sử dụng trong luận án này bao gồm các nguồn sau:

- Các tài liệu sơ cấp cung cấp những thông tin chính thức và độ tin cậy cao như Cương lĩnh tranh cử BJP, các bài phát biểu, diễn văn, thông điệp Thủ tướng Ấn Độ N. Modi; hiệp ước ký kết giữa Ấn Độ với các nước, các khu vực trên thế giới; các công điện, thư từ của quan chức ngoại giao. Nguồn tư liệu này bao gồm các tài liệu sơ cấp do Bộ Ngoại giao Ấn Độ công bố, trong các công trình tuyển chọn tư liệu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, trên các website của Chính phủ, Bộ Ngoại giao Ấn Độ, của các trường đại học...

- Các công trình chuyên khảo của một số quan chức trực tiếp tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và thực thi chính sách đối ngoại Ấn Độ.

- Các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước có giá trị tham khảo về nội dung thông tin, quan điểm đánh giá và cách tiếp cận nhiều chiều liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án.

- Các công trình, bài viết nghiên cứu khoa học của các học giả Ấn Độ về chính sách đối ngoại quốc gia, đây là những tư liệu quan trọng, góp phần hình thành nên góc nhìn khách quan, đầy đủ và toàn diện về chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Các nguồn tài liệu để thực hiện luận án chủ yếu bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; được thể hiện dưới dạng bài viết hay sách của các tác giả người Việt hoặc người Ấn Độ. Các công trình của các tác giả Mỹ, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan... chủ yếu được khai thác qua bản dịch bằng Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh.

6. Đóng góp của luận án

Trên cơ sở kế thừa thành quả nghiên cứu của các công trình trong và ngoài nước, đóng góp của luận án chủ yếu ở những mặt sau đây:

6.1. Về mặt khoa học

Thứ nhất, đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi giai đoạn 2014 - 2024 một cách khách quan và khoa học dưới góc nhìn của Việt Nam.

Thứ hai, luận án đưa ra những nhìn nhận khách quan, đa chiều về cơ sở hình thành và quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi một cách chân thực. Từ đó, luận án rút ra những đánh giá cơ bản trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, góp phần nhận thức, đánh giá về nền ngoại giao của Ấn Độ từ 2014 - 2024.

Thứ ba, luận án đã đóng góp về lý luận quan hệ quốc tế, đặc biệt trong việc phân tích sự thay đổi trong chiến lược đối ngoại của một quốc gia đang nổi lên như một cường quốc khu vực và toàn cầu. Bằng cách nghiên cứu những bước đi chiến lược của Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi, đề tài làm rõ các yếu tố mới trong chính sách đối ngoại của quốc gia này, bao gồm việc duy trì cân bằng giữa các cường quốc lớn như Mỹ và Trung Quốc, đồng thời mở rộng ảnh hưởng ở các khu vực khác như Đông Nam Á và Châu Phi. Đặc biệt, đề tài sẽ làm rõ các khái niệm mới về “chính sách đối ngoại đa phương” và “chính sách tự chủ chiến lược”, qua đó làm phong phú thêm lý thuyết về cách thức các quốc gia trong thế kỷ XXI định hình và thực thi chính sách đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự chuyển dịch quyền lực quốc tế.

Thứ tư, kết quả luận án làm sáng tỏ thêm nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong giai đoạn nắm quyền của Thủ tướng N. Modi, góp phần vào việc nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung, lịch sử quan hệ quốc tế của Ấn Độ nói riêng. Do vậy, luận án sẽ là nguồn tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập của sinh viên, học viên cùng những ai quan tâm đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

6.2. Về mặt thực tiễn

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi giai đoạn 2014 - 2024, luận án nêu lên một số nhận thức mới, cần thiết cho quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thứ hai, từ những kinh nghiệm lịch sử trong quá trình thực hiện chính sách đối ngoại Ấn Độ với các nước đối tác, luận án sẽ là những hàm ý cần thiết cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Ấn Độ. Điều này thực sự có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam và Ấn Độ đang phát triển mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Phụ lục, luận án bao gồm 04 chương, 13 tiết:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài

Tác giả tập trung hệ thống các nguồn tư liệu liên quan đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014, từ đó nghiên cứu, kế thừa, sử dụng để chứng minh các nội dung có trong Luận án nhằm xác định rõ những nội dung chưa được các tư liệu đó làm rõ, từ đó có thể tập trung nghiên cứu sâu hơn.

Chương 2: Cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay

Chương này trình bày những lý thuyết cơ bản về chính sách đối ngoại, luận án làm rõ các lý thuyết cơ bản về quan hệ quốc tế, khái niệm và lý thuyết về chính sách đối ngoại như (mô hình hoạch định, các cấp độ phân tích, lý thuyết “vòng tròn đồng tâm”). Đồng thời, phân tích các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay theo ba cấp độ: hệ thống, quốc gia và cá nhân. Ở cấp độ hệ thống, các nhân tố đó bao gồm xu thế trật tự thế giới đa cực, xu hướng “Đông hóa” và sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trên thế giới, nhân tố Mỹ và Trung Quốc, cạnh tranh chiến lược ở Á-ĐD - TBD, vấn đề leo thang vũ khí hạt nhân, sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng lôi kéo liên minh và sự hình thành các liên minh mới đang được xem là có tác động trực diện đến việc định hình chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Ở cấp độ quốc gia, đó là các yếu tố về địa chính trị và địa kinh tế của Ấn Độ, Tình hình chính trị trong nước, sức mạnh kinh tế - quốc phòng, di sản từ chính sách đối ngoại của Ấn Độ trước năm 2014, sự chuyển đổi từ Chủ nghĩa Lý tưởng sang Chủ

nghĩa Thực dụng, văn hóa chiến lược và các nhóm lợi ích. Cuối cùng, ở cấp độ cá nhân chính là những đặc điểm trong xuất thân và phong cách lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi.

Chương 3: Nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay

Chương 3 của Luận án tập trung phân tích nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay. Theo đó, về nội dung chính sách, luận án làm rõ tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc đối ngoại. Về thực tiễn triển khai, luận án trình bày và phân tích quá trình Ấn Độ thực hiện chính sách đối ngoại với các chủ thể quốc tế theo ba vòng tròn đồng tâm. *Vòng tròn thứ nhất* đề cập đến các nước láng giềng bao gồm hợp tác song phương với các quốc gia khu vực Nam Á và hợp tác đa phương qua cơ chế khu vực như SAARC, thể hiện qua Chính sách “Láng giềng trước tiên” (NFP). *Vòng tròn thứ hai* bao gồm các quốc gia láng giềng mở rộng là các quốc gia trong khu vực ÁDD - TBD, bao gồm các quốc gia ở châu Phi, Tây Á, Trung Á, Đông Nam Á, Đông Bắc Á, châu Đại Dương; Mỹ và Trung Quốc cùng các cơ chế hợp tác đa phương như BRICS, QUAD, SCO. Trong đó nổi bật là các Chính sách “Ngoại giao nước lớn”, “Cân bằng quyền lực”, “Hành động hướng Đông” (AEP), “Kết nối Trung Á” (CCAP), “Liên kết phía Tây” (LWP) - “Nghĩ về phía Tây” (TWP), Chính sách châu Phi và Sáng kiến Tầm nhìn ÁDD - TBD (IPOI). *Vòng tròn thứ ba* đề cập đến phần còn lại của thế giới, bao gồm Nga, UN, khu vực Mỹ Latinh và Caribe, các cơ chế đa phương như WTO, G20, Liên minh châu Âu (EU). Việc phân tích theo lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” cũng giúp thể hiện rõ thứ tự ưu tiên của chính quyền N. Modi với các mối quan hệ đối ngoại.

Chương 4: Đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 đến nay và hàm ý cho Việt Nam

Qua việc tìm hiểu cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại cùng nội dung, thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay ở Chương 2 và Chương 3, Luận án đưa ra đánh giá về những thành tựu, hạn chế, những điểm kế thừa và điều chỉnh của chính sách đối ngoại N. Modi với các chính phủ tiền nhiệm. Đồng thời, luận án cũng chỉ ra những tác động của chính sách đối ngoại Ấn Độ đến quan hệ quốc tế, dự báo chiều hướng triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ thời gian tới và sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, từ đó khuyến nghị giải pháp nhằm tăng cường quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở hình thành chính sách đối ngoại của Ấn Độ

- Về cơ sở lý luận của hoạch định chính sách đối ngoại Ấn Độ

Luận án *Chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ (2014 - 2022)* (2023) của tác giả Nguyễn Văn Thắng [Nguyễn Văn Thắng, 2023] đã hệ thống lại khá đầy đủ về cơ sở lý luận hoạch định Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Theo đó, tác giả đưa ra khái niệm mới về chính sách đối ngoại, đồng thời làm rõ các lý thuyết Chủ nghĩa Lý tưởng, chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế, mô hình phân tích sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và cấp độ phân tích chính sách để làm khung lý thuyết cho đề tài. Cuối cùng, tác giả kết luận, trên phương diện lý luận, ảnh hưởng của sự chuyển dịch từ Chủ nghĩa Lý tưởng sang Chủ nghĩa Thực dụng đã thể hiện rất rõ ràng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi nói chung và Chính sách “Hành động hướng Đông” nói riêng. Các xu hướng chính sách đối ngoại của New Delhi giai đoạn này có “sự chuyển đổi tư duy về mô hình chính sách đối ngoại từ “Không liên kết” sang “Đa liên kết”, từ chú trọng chính trị sang chú trọng kinh tế” [Nguyễn Văn Thắng, 2023, tr.111]. Đặc biệt, việc điều chỉnh Chính sách “Hướng Đông” thành Chính sách “Hành động hướng Đông” được định hướng là giúp thu hẹp khoảng cách với các quốc gia Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam TBD và góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế và vị thế ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực.

Cuốn sách *How Realist Is India's National Security Policy?* (2023) của Bajpai, K. [Bajpai, K, 2023], sử dụng góc độ của chủ nghĩa hiện thực để giải thích các quyết định chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Cuốn sách bắt đầu bằng việc trình bày giải mã chủ nghĩa hiện thực và cách chúng ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách của Ấn Độ. Tác giả cho rằng Ấn Độ đã ngày càng trở nên thoải mái hơn trong việc sử dụng sức mạnh quân sự và các chiến lược thực dụng để bảo vệ lợi ích quốc gia, đặc biệt trong các mối quan hệ phức tạp với các nước láng giềng và cường quốc toàn cầu. Đồng thời đi sâu phân tích biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực trong mối quan hệ đối ngoại với Tây Á, ASEAN, Trung Quốc, Mỹ và Pakistan. Kết luận, tác giả khẳng định việc hiểu rõ hơn về chủ nghĩa hiện

thực trong chính sách ngoại giao của Ấn Độ sẽ giúp làm sáng tỏ các quyết định và hành động của nước này trong bối cảnh toàn cầu ngày càng phức tạp.

Cuốn sách *The Oxford Handbook of Indian Politics* (2024) của tác giả Ganguly, S., Sridharan, E. [Ganguly, S., Sridharan, E., 2024] đã phân tích toàn diện về chính sách đối ngoại của Ấn Độ thông qua các khung lý thuyết khác nhau. Thứ nhất, là *Chủ nghĩa Hiện thực*, cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của sức mạnh và lợi ích quốc gia trong việc định hình chính sách đối ngoại của Ấn Độ, tập trung vào sự tồn tại của nhà nước và tầm quan trọng của năng lực quân sự trong một môi trường quốc tế cạnh tranh. Thứ hai, là *Chủ nghĩa Tự do*, góc nhìn này làm nổi bật sự quan trọng của các thể chế quốc tế, sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau và hợp tác giữa các quốc gia, xem xét cách chính sách đối ngoại của Ấn Độ bị ảnh hưởng bởi toàn cầu hóa và sự tham gia của nước này vào các khuôn khổ đa phương. Thứ ba, là *chủ nghĩa Kiến tạo*, cách tiếp cận này tìm hiểu cách mà các ý tưởng, bản sắc và chuẩn mực định hình các quyết định chính sách đối ngoại, khám phá vai trò của văn hóa, các câu chuyện lịch sử và chính trị nội bộ trong việc ảnh hưởng đến các mối quan hệ quốc tế của Ấn Độ. Thứ tư, là *Chủ nghĩa Mác Lê-nin*, góc nhìn này phê phán những nền tảng tư bản trong quan hệ quốc tế và xem xét cách mà các cấu trúc kinh tế ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại. Nó xem xét sự tác động của lợi ích giai cấp và chủ nghĩa đế quốc trong việc định hình các mối quan hệ quốc tế của Ấn Độ. Thứ năm, là *Chủ nghĩa Hậu thuộc địa*, phân tích cách mà cách các quốc gia từng là thuộc địa định hình lại bản sắc và chính sách đối ngoại sau khi giành được độc lập. quá khứ thuộc địa của Ấn Độ ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại hiện tại. Nó tập trung vào các vấn đề về bản sắc, chủ quyền và di sản của chủ nghĩa thực dân trong các mối quan hệ của Ấn Độ với các cường quốc cũ và các quốc gia khác. Cuốn sách kết hợp các cách tiếp cận này để cung cấp một hiểu biết tinh tế về những phức tạp và động lực của chính sách đối ngoại Ấn Độ trong một bối cảnh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng.

- *Về các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại Ấn Độ*

Cuốn sách *Sự điều chỉnh chính sách của Cộng hòa Ấn Độ từ 1991 đến 2000* (2002) của tác giả Trần Thị Lý [Trần Thị Lý, 2002] đã đề cập đến những thành tựu mà Ấn Độ đạt được trên hai lĩnh vực chủ yếu là kinh tế và ngoại giao, trong đó tác giả chỉ ra những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ, bao gồm những nhân tố chủ quan và khách quan; cải cách kinh tế, quá trình thực hiện các chính sách đổi mới và cải cách kinh tế; điều chỉnh chính sách đối ngoại, quá trình hoạch định và triển khai

chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với các nước láng giềng, các nước lớn, các khu vực chủ yếu trên thế giới; những thành tựu sau 10 năm điều chỉnh chính sách, bao gồm chính sách kinh tế và chính sách đối ngoại của Ấn Độ (1991 - 2000).

Cuốn sách *Indian Foreign Policy: Challenges and Opportunities* (2007) của hai tác giả Sinha, A., Mohta, M. [Sinha, A., Mohta, M., 2007] đã nêu ra một số yếu tố chính ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ sau Chiến tranh Lạnh đến trước thời đại N. Modi, bao gồm: (i) Yếu tố địa chính trị: Ấn Độ phải đối phó với sự cạnh tranh khu vực, đặc biệt là từ Trung Quốc và Pakistan; (ii) Yếu tố kinh tế: Các hiệp định thương mại và tăng cường hợp tác kinh tế toàn cầu đóng vai trò quan trọng; (iii) An ninh quốc phòng: Các mối đe dọa về an ninh trong khu vực Nam Á và toàn cầu... Từ đó cuốn sách đề cập đến chiến lược ngoại giao của Ấn Độ trong bối cảnh toàn cầu thay đổi nhanh chóng, nhấn mạnh các vấn đề địa chính trị, kinh tế, và an ninh. Cuốn sách cũng nêu bật quan hệ của Ấn Độ với các cường quốc, khu vực Nam Á và các tổ chức quốc tế.

Trong cuốn sách *Transitions and Interdependence: India and its Neighbours* (2015) của hai tác giả Pankaj, J., Smita, T. [Pankaj, J., Smita, T., 2015] đã làm rõ sự tác động ảnh hưởng qua lại giữa tình hình khu vực Nam Á và chính sách đối ngoại Ấn Độ. Các tác giả cho rằng cấu trúc khu vực Nam Á là sự mở rộng tự nhiên của các tiểu lục địa Ấn Độ, nơi từng trải qua thời kỳ thuộc địa. Tuy nhiên, Nam Á đã không đáp ứng được các tiêu chuẩn cơ bản của sự gắn kết và hợp tác do sự chia rẽ từ xa xưa và việc hình thành các quốc gia mới tách ra khỏi Ấn Độ. Từ đó, các tác giả chỉ ra những vấn đề cốt lõi của quá trình chuyển biến chính trị, những thách thức KT-XH và hợp tác khu vực trong bối cảnh rộng lớn hơn của sự hòa bình, thịnh vượng, phát triển ở Nam Á nói chung và sự phụ thuộc lẫn nhau trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các quốc gia trong khu vực. Sự phát triển trong khu vực có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ, và cũng hun đúc chính trị trong nước. Ngược lại, chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với từng quốc gia cũng có tác động quyết định đến tốc độ chuyển đổi chính trị đang diễn ra ở một số lĩnh vực: quan hệ quân sự - dân sự, chính sách đối ngoại của từng quốc gia, động lực chính trị xã hội và kinh tế và bản chất quản trị.

Bài nghiên cứu *Variables of India's foreign policy*, International Journal of Information Movement (2017) của tác giả Sumit [Sumit, 2017] đã chỉ rõ những yếu tố tác động bên trong và bên ngoài đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Cụ thể, tác giả cho rằng các yếu tố nội tại tác động đến các quyết

sách của New Delhi là quy mô, địa lý, truyền thống văn hóa và lịch sử, phát triển kinh tế, tiến bộ trong công nghệ, năng lực quốc gia, cấu trúc xã hội và hệ tư tưởng, trách nhiệm chính trị và dư luận, lãnh đạo, lợi ích và địa chính trị. Bên cạnh đó, chính sách đối ngoại Ấn Độ còn chịu tác động của những nhân tố bên ngoài như sự phân chia quyền lực và tương quan sức mạnh giữa các cường quốc trên thế giới, các tổ chức quốc tế và phản ứng của các quốc gia trước các động thái của Ấn Độ.

Trong cuốn sách *How India Sees the World: Kautilya to the 21st Century* (2017) của tác giả Saran, S. [Saran, S., 2017] đã kết luận rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ là sự kết hợp giữa tư tưởng truyền thống và hiện đại. Tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của các nguyên tắc từ triết lý cổ xưa của Kautilya trong việc định hình chính sách đối ngoại hiện đại, đặc biệt là cách Ấn Độ nhìn nhận về an ninh, quyền lực, và các mối quan hệ quốc tế. Sách cũng khẳng định sự tự tin của Ấn Độ trong việc định vị mình như một cường quốc toàn cầu.

Nghiên cứu *“Indian Foreign Policy under Narendra Modi: A New Brand or Just Repackaging?”*, International Studies Perspectives (2019) của tác giả Gupta, S. và cộng sự [Gupta, S., 2019] đã đi sâu phân tích về chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi để trả lời cho câu hỏi “chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới N. Modi là một sự chuyển biến toàn diện hay chỉ là “bình cũ rượu mới”? Điều này cũng cho thấy góc tiếp cận của nghiên cứu là làm rõ ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi đối với chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Theo đó, Chính phủ của Thủ tướng N. Modi đã tập trung quyền quyết định các chính sách quan trọng của đất nước vào Văn phòng Thủ tướng, điều này làm nổi bật tầm quan trọng của cá nhân ông N. Modi trong việc điều chỉnh hướng đi của đất nước. Ông N. Modi đã đưa ra những sáng kiến mới trong ngoại giao tôn giáo và kinh tế, nhưng nhiều chính sách vẫn duy trì tính tiếp nối của các chính quyền trước đây. Cuốn sách cũng cho thấy ông N. Modi tập trung vào chiến lược “India First” (Ấn Độ trên hết) với tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, kết hợp các mối quan hệ khu vực và quốc tế để tăng cường sức mạnh kinh tế và an ninh của Ấn Độ. Sự tiếp cận của ông trong chính sách đối ngoại vừa có những thay đổi về mặt hình thức, vừa duy trì các nguyên tắc cốt lõi của các chính quyền trước. Một yếu tố quan trọng khác là ông N. Modi đã thúc đẩy các mối quan hệ với Mỹ và các quốc gia châu Á khác trong khuôn khổ Chính sách “Hành động hướng Đông”. Cuối cùng, tác giả kết luận, phong cách của ông N. Modi cũng ảnh hưởng lớn đến việc hoạch định chính sách đối ngoại Ấn Độ. Song nhiều thay đổi dưới thời Thủ

tướng N. Modi vẫn là sự tiếp nối của các chiến lược đã có từ trước, thay vì là sự chuyển biến toàn diện.

Nghiên cứu của tác giả Bhuiyan, D. với tựa đề “*Internal determinants of India’s foreign policy: Issues and challenges*” (2022) [Bhuiyan, D., 2022] cũng phân tích các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi dưới góc nhìn từ trong nội tại quốc gia. Trong đó có một số yếu tố được coi là cốt lõi trong việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của New Delhi như: quy mô, vị trí địa lý, kinh nghiệm và truyền thống lịch sử của Ấn Độ, tình hình kinh tế, bản chất của các thể chế và hệ thống chính trị, cũng như tính cách, quan điểm của giới lãnh đạo, vai trò cá nhân của những người ra quyết định.

Tác giả Quách Thị Huệ với Luận án “*Quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến năm 2022*” [Quách Thị Huệ, 2023] đã mang đến cách phân tích các nhân tố tác động tới quan hệ giữa hai nước một cách khá toàn diện. Đó là phân tích theo 05 cấp độ là cấp độ toàn cầu, cấp độ khu vực, cấp độ liên quốc gia, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân. Từ đó, luận án kết luận Quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 - 2022) là kết quả của sự tác động tổng hợp từ các yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Sự biến động trong chính trị toàn cầu và những thay đổi về địa chính trị, kinh tế tại khu vực Á-ĐD - TBD có ảnh hưởng sâu sắc đến mối quan hệ này. Xu thế hợp tác và cạnh tranh giữa các cường quốc đã thúc đẩy Mỹ và Ấn Độ xích lại gần nhau. Các vấn đề bất ổn về an ninh ở Nam Á đã tạo ra những khác biệt trong phản ứng, dẫn đến sự thăng trầm trong quan hệ. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, cùng với vai trò của các nước như Nga, EU, và Nhật Bản, cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình mối quan hệ này. Bên cạnh đó, tình hình nội bộ của Mỹ và Ấn Độ, cùng với vai trò của các nhà lãnh đạo, cũng có tác động đáng kể đến mối quan hệ. Mỹ, với ý đồ kiềm chế sự phát triển của Trung Quốc và tăng cường sức mạnh, không ngừng đẩy mạnh quan hệ với Ấn Độ. Ấn Độ, với mong muốn khẳng định vị thế cường quốc trong khu vực và trên toàn cầu, cần sự hỗ trợ của Mỹ để đối trọng với Trung Quốc. Chính sự đồng thuận trong nhận thức chính trị và chiến lược của các nhà lãnh đạo từ năm 2014 đã liên tục thúc đẩy mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển mạnh mẽ.

Tác giả Basrur, R. với cuốn sách “*Subcontinental Drift: Domestic Politics and India’s Foreign Policy*” (2023) [Basrur, R. 2023] cũng mang đến một góc nhìn khá mới mẻ khi nhận định: mục tiêu lâu dài của Ấn Độ là đạt được vị thế cường quốc, nhưng tham vọng của nước này cho đến nay vẫn bị cản trở bởi cái gọi là “sự trôi dạt chính sách”, trong

đó các yếu tố như sự phân cực chính trị cản trở việc theo đuổi chính sách có mục đích. Tác giả cho thấy các đặc điểm của chính trị trong nước của Ấn Độ đã ảnh hưởng như thế nào đến phản ứng của nước này đối với các thách thức chính sách đối ngoại bằng cách sử dụng bốn nghiên cứu tình huống: thỏa thuận hạt nhân dân sự Mỹ - Ấn, vai trò của Ấn Độ trong cuộc nội chiến Sri Lanka, chiến lược hạt nhân và phản ứng của nước này đối với vấn đề khủng bố xuyên biên giới từ Pakistan. Từ đó đưa ra các khuyến nghị cho các nhà hoạch định chính sách của Ấn Độ nói chung và chính sách đối ngoại nói riêng. Như vậy, nghiên cứu này đã đặt yếu tố chính trị quốc gia lên bàn cân tham chiếu với chính sách đối ngoại và phân tích kỹ các tác động qua lại của nó theo từng trường hợp cụ thể để thấy mối quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố nội - ngoại này.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ

- Về nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Năm 2015, Cuốn sách “*India in the Contemporary World*” do tập thể 24 học giả nổi tiếng của nhiều nước biên soạn [Jakub, Z., Jivanta, S., Manish, T., 2015] đã phân tích sâu về Ấn Độ đương đại trên các bình diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quan hệ quốc tế. Cuốn sách đã nghiên cứu kỹ lưỡng các vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ và các mối quan hệ với một số quốc gia như Trung Quốc, Pakistan, Mỹ, các nước Đông Nam Á... và các khu vực như EU, ASEAN. Từ đó, các tác giả kết luận rằng Ấn Độ đang nổi lên như một cường quốc toàn cầu, với chính sách đối ngoại dựa trên việc cân bằng các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt với Mỹ, Trung Quốc, và các quốc gia trong khu vực châu Á. Nghiên cứu nhấn mạnh sự thay đổi trong cách tiếp cận của Ấn Độ, từ một quốc gia có lập trường thận trọng sang việc chủ động tham gia vào các vấn đề quốc tế để thúc đẩy vị thế của mình trên trường quốc tế.

Tác giả Horimoto, T. với nghiên cứu “*Explaining India’s Foreign Policy: From Dream to Realization of Major Power*” (2017) [Horimoto, T., 2017] cho rằng châu Á đang chứng kiến một sự chuyển đổi quyền lực, do sự nổi lên nhanh chóng của Trung Quốc và sự suy giảm tương đối ảnh hưởng của Mỹ. Ấn Độ đã tìm cách đối phó với tình hình mới này. Bản thân Ấn Độ đã nổi lên kể từ những năm 1990, đặc biệt là các vụ thử vũ khí hạt nhân từ năm 1998 trở đi. Kể từ đầu thế kỷ XXI, Ấn Độ được coi là quốc gia tiếp theo theo chân Trung Quốc trong việc tìm kiếm vị thế cường quốc. Mặc dù trước đây Ấn Độ có xu hướng che giấu tham vọng quyền lực nhưng năm 2015 nước này đã tuyên bố ý định

trở thành cường quốc hàng đầu. Bài viết này đã làm sáng tỏ sự chuyển đổi này thông qua định hướng chính sách của Ấn Độ ở cấp độ địa phương, khu vực và toàn cầu cũng như các mối quan hệ đối tác quan trọng của Ấn Độ với Nga và Nhật Bản. Sự biến đổi của Ấn Độ có ý nghĩa to lớn đối với sự chuyển đổi quyền lực ở châu Á.

Các tác giả Nguyễn Thị Quế, Đặng Đình Tiến với cuốn sách *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI* (2017), [Nguyễn Thị Quế, Đặng Đình Tiến, 2017] đã phân tích chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm thập niên đầu của thế kỷ XXI như nội dung chính sách, quá trình triển khai và tác động của chính sách đến quan hệ quốc tế và Việt Nam. Cuốn sách kết luận rằng Ấn Độ đã và đang thể hiện vai trò ngày càng quan trọng trên trường quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa. Cuốn sách nhấn mạnh sự chuyển đổi từ chính sách truyền thống sang một chiến lược đối ngoại năng động hơn, nhằm mở rộng quan hệ với các cường quốc và các quốc gia trong khu vực. Ấn Độ đã điều chỉnh chính sách để đối phó với những thách thức mới, nhằm củng cố vị thế toàn cầu của mình.

Cuốn sách *Imagining India as a global power: Prospects and challenges* của nhóm tác giả Sangit, K. R, Sunil, S., Vidhan, P., (2017) [Sangit, K. R., Sunil, S., Vidhan, P., 2017] đề cập đến các chính sách, thế mạnh và sự ảnh hưởng của Ấn Độ trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ cũng như các phương thức liên minh; mục tiêu hiện tại và tương lai của Ấn Độ với vị thế trên trường quốc tế. Cuốn sách kết luận rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ được định hình bởi tham vọng trở thành một cường quốc toàn cầu, với mục tiêu xây dựng các mối quan hệ chiến lược quan trọng. Ấn Độ tập trung vào tăng cường vị thế trong các tổ chức quốc tế, đồng thời đối phó với thách thức khu vực và nội bộ. Cuốn sách nhấn mạnh sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, an ninh quốc gia và tham gia vào hệ thống quốc tế.

Hai tác giả Rajesh, B., Kate, S. E. trong cuốn sách *Rising India: Status and Power* (2017) [Rajesh, B., Kate, S. E., 2017] đã phân tích cách thức hoạch định và thực hiện chiến lược quốc tế nhằm đưa Ấn Độ có được vị thế từ khi giành được độc lập đến nay; nghiên cứu địa vị của Ấn Độ trong nền chính trị thế giới đương đại. Cuối cùng, cuốn sách kết luận rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ đang chuyển đổi nhằm củng cố vị thế của quốc gia này như một cường quốc đang trỗi dậy. Ấn Độ tìm cách cân bằng giữa việc bảo vệ lợi ích quốc gia và mở rộng ảnh hưởng trong các diễn đàn quốc tế. Cuốn sách nhấn mạnh việc Ấn

Độ sử dụng sức mạnh mềm, các quan hệ đối tác chiến lược và tham gia tích cực vào các tổ chức toàn cầu nhằm gia tăng quyền lực và vị thế của mình trong hệ thống quốc tế.

Trong cuốn sách *Indian Foreign Policy: An Overview* (2017) [Harsh, V. P., 2017], tác giả Harsh, V. P. đã giới thiệu khái quát chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi giành được độc lập đến nay; sự vươn lên của Ấn Độ về kinh tế và quân sự; khẳng định tầm ảnh hưởng chính trị của Ấn Độ trên trường quốc tế cũng đã tăng lên tương xứng, trở thành trung tâm chính trị của các cường quốc lớn và được coi là một bên cân bằng ở khu vực CA-TBD. Tác giả cũng cho rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã trở nên năng động và đa dạng hơn, đặc biệt dưới thời Thủ tướng N. Modi. Ấn Độ tập trung vào việc tăng cường mối quan hệ với các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản và Australia trong khu vực Á-ĐD - TBD. Đồng thời, duy trì chính sách không liên kết truyền thống nhưng mở rộng tầm ảnh hưởng toàn cầu, với mục tiêu nâng cao vai trò và vị thế trên trường quốc tế.

Tác giả Rajendra, M. A. với cuốn sách *“Indian Diplomacy: Beyond Strategic Autonomy”* (2018) [Rajendra, M. A., 2018] đã phân tích quá trình hình thành và phát triển chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi giành được độc lập; nội dung của các chính sách đối ngoại đó; trình bày khái quát quan hệ song phương của Ấn Độ với các quốc gia, các tổ chức khu vực và quốc tế. Tác giả cho rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã phát triển vượt ra ngoài khái niệm tự chủ chiến lược truyền thống. Ấn Độ hiện đang điều chỉnh linh hoạt hơn trong việc xây dựng quan hệ với các cường quốc, tập trung vào lợi ích quốc gia thay vì duy trì một lập trường cố định. Cuốn sách nhấn mạnh sự thay đổi trong cách tiếp cận của Ấn Độ nhằm tối đa hóa ảnh hưởng toàn cầu, đồng thời nhấn mạnh vai trò quan trọng của ngoại giao trong việc thúc đẩy vị thế quốc tế của đất nước.

Khanna, V. N., Kumar, L. K. (2018) với cuốn sách *Foreign Policy of India* (2018) đã đề cập đến các vấn đề mới nảy sinh và chiếm vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Cùng với đó là sự thảo luận về cách thức mà Ấn Độ đang tìm cách xây dựng chính sách đối ngoại phù hợp với sự nổi lên của nước này như một cường quốc quốc tế. Ngoài ra, các tác giả cũng thảo luận về mối quan hệ của Ấn Độ đối với các nước láng giềng như Trung Quốc, các quốc gia Nam Á, Israel, Liên hợp quốc, SAARC, NAM và về vấn đề hạt nhân.

Trong cuốn sách *Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi* (2019) [Ngô Xuân Bình, 2019], tác giả Ngô Xuân Bình tập trung nghiên cứu vào những vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại của chính quyền Thủ tướng N. Modi để

chứng minh rằng cùng với những khởi sắc trong lĩnh vực kinh tế, chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng được nâng lên tầm cao mới từ giữa năm 2014, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi. Các khuynh hướng chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã có bước nhảy vọt và lấy lại đà phát triển sau một thập niên tê liệt. Điều quan trọng là Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi đã đột ngột nổi lên trong nhận thức chiến lược toàn cầu của nhiều nước lớn. Cuốn sách này ra đời trong bối cảnh Thủ tướng N. Modi đang đẩy mạnh việc thực thi chính sách đối ngoại nhằm tăng cường liên kết kinh tế và an ninh với các khu vực, thông qua các cuộc tập trận và sức mạnh mềm. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ không chỉ có tác động tích cực đến Ấn Độ mà còn đem lại những cơ hội và thách thức không nhỏ cho các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

- *Về thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các quốc gia láng giềng Nam Á*

Tác giả Rakhee, B. với cuốn sách *Northeastern India and Its Neighbours: Negotiating Security and Development* (2018) [Rakhee, B., 2018] tập trung nghiên cứu các vấn đề như địa chính trị, mối liên hệ giữa phát triển và an ninh, đặc biệt ở vùng Đông Bắc của Ấn Độ, nơi Ấn Độ có biên giới giáp với Trung Quốc, Myanmar, Bangladesh, Bhutan và Nepal. Tác giả kết luận rằng khu vực Đông Bắc Ấn Độ, với vị trí chiến lược giáp các nước láng giềng Nam Á và Trung Quốc, đang đối mặt với các thách thức về an ninh và phát triển. Đó đó, biện pháp cần thiết là phải cân bằng giữa an ninh khu vực và phát triển kinh tế để đảm bảo ổn định. Đồng thời, sự hợp tác quốc tế với các nước láng giềng là yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển bền vững cho khu vực này.

Tác giả Trần Nam Tiến với bài viết *Chính sách Nam Á của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019): Tiếp cận từ góc độ an ninh* (2022) [Trần Nam Tiến, 2022] cho rằng từ khi Trung Quốc tăng cường sự hiện diện ở Nam Á, đặc biệt là từ đầu thế kỷ XXI, Ấn Độ đã ngày càng lo ngại. Thủ tướng N. Modi, sau khi nắm quyền vào năm 2014, đã triển khai Chính sách "Láng giềng trước tiên" nhằm củng cố vị thế của Ấn Độ tại Nam Á. Do đó, từ góc độ an ninh truyền thống, quá trình triển khai chính sách Nam Á mới của Ấn Độ được xem là một biện pháp để đối phó với sự can thiệp của Trung Quốc và bảo vệ an ninh khu vực, đồng thời nhằm tăng cường quan hệ với các nước láng giềng Nam Á và củng cố vị thế lãnh đạo của Ấn Độ trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Pakistan, trong cuốn sách *The People Next Door: The Curious History of India's Relations with Pakistan* (2019)

của tác giả Raghavan, TCA [Raghavan, TCA., 2019], tác giả đã nghiên cứu kỹ lưỡng quan hệ Ấn Độ - Pakistan suốt bảy thập kỷ kể từ khi xảy ra sự chia cắt của tiểu lục địa này từ năm 1947 trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, quân sự, văn hóa... Từ đó, đi đến kết luận rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Pakistan là sự pha trộn giữa đối đầu và hợp tác. Mặc dù có nhiều căng thẳng và xung đột, đặc biệt về vấn đề Kashmir, hai nước vẫn duy trì một mối quan hệ phức tạp với các yếu tố văn hóa và lịch sử gắn kết. Ấn Độ thường phải điều chỉnh chính sách ngoại giao nhằm cân bằng an ninh và cơ hội hợp tác, đồng thời quản lý các yếu tố cạnh tranh chiến lược trong khu vực.

Ở một nghiên cứu khác về Ấn Độ với Pakistan, tác giả Kaura, V. trong bài viết *India's Pakistan policy: from 2016 'surgical strike' to 2019 Balakot 'airstrike'* (2020) [Kaura, V. 2020] đã nhận định rằng Pakistan luôn là yếu tố quan trọng trong chính trị nội bộ và chính sách đối ngoại của Ấn Độ, bắt nguồn từ các tranh chấp lãnh thổ và sự ủng hộ của Pakistan đối với các nhóm khủng bố hoạt động chống lại Ấn Độ. Dưới thời Thủ tướng N. Modi, tầm quan trọng này càng tăng lên. Bài viết lập luận rằng các cuộc "tấn công phẫu thuật" (9/2016) và "không kích" (02/2019) là những cột mốc quan trọng trong chính sách của Ấn Độ với Pakistan. Tuy nhiên, những nỗ lực của Ấn Độ để thay đổi hiện trạng này vẫn đang tiếp diễn, với nhiều giới hạn nhất định.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Nepal, tác giả Kandel, I. P. đã bàn luận trong nghiên cứu *Nepal - India Relationship After The Rise of Modi* (2020) [Kandel, I. P., 2020]. Theo đó, Kandel tập trung vào việc phân tích mối quan hệ giữa Nepal và Ấn Độ sau khi Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền, xem xét chính sách đối ngoại "Láng giềng trước tiên" của ông N. Modi và tác động của chính sách này lên quan hệ song phương. Đồng thời, cũng phân tích những căng thẳng do tranh chấp biên giới, sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Nepal, và cách Ấn Độ tìm cách duy trì sự ổn định và ảnh hưởng trong khu vực. Nghiên cứu kết luận rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Nepal dưới thời Thủ tướng N. Modi đã trở nên chủ động hơn, nhấn mạnh chiến lược "Láng giềng trước tiên" để củng cố quan hệ khu vực. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai nước vẫn tồn tại những căng thẳng, đặc biệt liên quan đến biên giới và ảnh hưởng của Trung Quốc tại Nepal. Mặc dù có những nỗ lực cải thiện, sự bất đồng giữa Ấn Độ và Nepal về các vấn đề chiến lược và chính trị vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Butan, trong bài viết "*Paradiplomacy, domestic considerations and New Delhi's prerogative*" (2019) [Sarki,

A. 2019], tác giả Sarki, A. cho rằng Ấn Độ - Bhutan trở nên thân thiết kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao (1968). 04 bang của Ấn Độ có chung ranh giới với nước này, do đó, Bhutan đóng vai trò quan trọng trong Chính sách “Láng giềng trước tiên”. Mặc dù New Delhi đã cố gắng duy trì mối quan hệ thân tình với tất cả các quốc gia xung quanh nhưng nước này đã không thành công với Pakistan, Trung Quốc và Nepal. Ấn Độ đã phải xem lại chính sách của mình đối với Bhutan, trong đó tính đến mong muốn của Bhutan trong việc đạt được vị thế cao hơn trên trường quốc tế. Đồng thời, Ấn Độ cũng phải đảm bảo với các nước láng giềng nhỏ hơn rằng họ được coi là đối tác và bạn bè chứ không phải các quốc gia vệ tinh.

Một nghiên cứu khác về chủ đề này là bài viết *“India’s Strategies on its Periphery - A Case Study in the India - Bhutan Relationship”* (2018) của tác giả Sauvagerd, M. [Sauvagerd, M., 2018] nêu rõ chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong mối quan hệ với Bhutan - một trong những mối quan hệ khu vực bất cân xứng nhất trên thế giới và là trở thành trung tâm trong bối cảnh căng thẳng giữa Ấn Độ và Trung Quốc về lãnh thổ tranh chấp ở Doklam (2014 - 2017). Trong bối cảnh đó, bài viết nhìn lại mối quan hệ Ấn Độ - Bhutan từ năm 2007 - 2016, sau quá trình chuyển đổi sang chế độ dân chủ của Bhutan. Nó tập trung vào hai lĩnh vực chính sách cụ thể là ngoại giao của Bhutan và đặc biệt là nỗ lực thiết lập quan hệ với Trung Quốc, đối thủ của Ấn Độ trong khu vực; và hợp tác phát triển Ấn Độ - Bhutan trong lĩnh vực dự án thủy điện. Bài viết sử dụng khung phân tích tập trung vào ba chiến lược điển hình lý tưởng mà các cường quốc khu vực như Ấn Độ có thể sử dụng: đế chế, bá quyền và lãnh đạo. Các phát hiện cho thấy rằng trong khi Ấn Độ có xu hướng theo đuổi chiến lược “lãnh đạo” trong các dự án thủy điện, thì nước này lại có cách tiếp cận tương phản khi nói đến chính sách ngoại giao của Bhutan, cho thấy một số trường hợp “bá quyền cứng”. Trong khi Ấn Độ sẵn sàng thiết lập quan hệ đối tác bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế từ các dự án thủy điện song phương, nước này có xu hướng theo đuổi một chiến lược bá quyền rất bất bình đẳng và cứng rắn trong chính sách ngoại giao của Bhutan vì mối quan hệ Bhutan - Trung Quốc được coi là chặt chẽ hơn lợi ích an ninh của chính Ấn Độ.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Bangladesh của Nandy, D. trong *India's Bangladesh Policy: Dilemmas and Challenges* (2019) [Nandy, D. 2019] cho rằng mối quan hệ Ấn Độ - Bangladesh đã chứng kiến rất nhiều thăng trầm kể từ khi bắt đầu. Bangladesh rất quan trọng đối với Ấn Độ vì thị trường tiềm năng và vị trí chiến lược.

Có rất nhiều mối liên kết gần gũi giữa hai nước như kinh tế, xã hội, văn hóa. Sự đồng điệu về ngôn ngữ, quá khứ lịch sử và di sản chung đã gắn kết hai nước với nhau. Hai nước đang nỗ lực chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế trong nhiều thập kỷ. Sự thành công trong chính sách láng giềng của Ấn Độ phụ thuộc đáng kể vào chính sách đối với Bangladesh của nước này. Bên cạnh đó, các cường quốc ngoài khu vực cũng đóng vai trò quan trọng trong quan hệ hai nước. Bangladesh đã thăng hạng từ quốc gia kém phát triển nhất lên quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, sự phát triển của chủ nghĩa cực đoan ở Bangladesh là mối đe dọa lớn đối với an ninh Ấn Độ. Hiện còn nhiều vấn đề tồn tại giữa hai nước, trong đó có rất ít khía cạnh tích cực trong mối quan hệ song phương này.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Sri Lanka, Chalamalla, V. với bài viết *India - Sri Lanka Relations Ethnic and Cultural Relations in the Context of SAARC* (2020) [Chalamalla, V., 2020] đã mang đến góc độ phân tích mối quan hệ Ấn Độ - Sri Lanka tập trung vào yếu tố văn hóa và sắc tộc của hai nước. Bài viết cho rằng quan hệ Ấn Độ - Sri Lanka gắn bó thân thiết dựa trên sự tương đồng về lịch sử và nền văn minh. Cả hai nước đều có một quỹ đạo tương tự trong quan hệ quốc tế, sau khi thoát khỏi sự áp bức của thực dân. Kể từ đó, hai quốc gia độc lập, Ấn Độ và Sri Lanka đã tiến hành đổi mới và khôi phục các mối liên kết văn hóa, thương mại và chiến lược lâu dài vì lợi ích chung của hai quốc gia. Ấn Độ lo ngại về tình trạng xung đột sắc tộc đang diễn ra ở Sri Lanka sẽ tiếp tục gây thiệt hại về mọi mặt và dẫn đến các cuộc di cư của người dân tị nạn. Ấn Độ cho rằng lối thoát duy nhất là một giải pháp chính trị, được đàm phán, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của tất cả các cộng đồng, đồng thời tôn trọng sự thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Sri Lanka. Sự tham gia của Ấn Độ vào vấn đề sắc tộc ở Sri Lanka đã cho thấy sự gần gũi trong quan hệ của hai nước. Các hiệp định mà hai nước đã ký kết có nhiều ý nghĩa đối với an ninh khu vực Nam Á.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Afghanistan, Saqib, M.Y. trong nghiên cứu *“India's socio-economic and political engagement in Afghanistan”* (2019) [Saqib, M.Y., 2019] đã tìm ra lý do đằng sau sự can dự mạnh mẽ của Ấn Độ vào chính trị, kinh tế, xã hội của Afghanistan. Nghiên cứu lập luận rằng sự tham gia của Ấn Độ tại Afghanistan là chiến lược được ưu tiên trong bối cảnh chính trị của Ấn Độ nhằm gia tăng sức ảnh hưởng của nước này trong khu vực. Nghiên cứu cũng chỉ ra sự tham gia của Ấn Độ với Afghanistan đã bị thay đổi bởi ba yếu tố chính (1) Tạo ra sự cân bằng giữa quan hệ Afghanistan và Pakistan; (2) Sự thay đổi về chính trị trong nước và mong muốn

của các đảng chính trị nội bộ ở Afghanistan và (3) Những thay đổi trong môi trường chính trị quốc tế.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Maldives, Kumar, A. với bài viết “*India - Maldives Relations: Is the Rough Patch Over?*” (2016) [Kumar, A., 2016] đã đi sâu về mối quan hệ giữa hai quốc gia này. Theo bài viết, sau khi giành được độc lập từ Anh (1965), mối quan hệ Ấn Độ - Maldives nhìn chung ổn định. Tuy nhiên, tình hình này đã thay đổi, đặc biệt là sau khi Mohamed Nasheed từ chức (2012), đã tạo nên một cuộc chơi quyền lực phức tạp ở khu vực Ấn Độ Dương (IOR). Ấn Độ đang nỗ lực lấy lại sự ổn định trong quan hệ song phương với Maldives nhưng giai đoạn khó khăn này dường như vẫn chưa kết thúc hoàn toàn. Maldives là quốc đảo nằm giữa các SLOC quan trọng và vị trí gần với Diego Garcia - nơi đặt căn cứ Bộ Tư lệnh Ấn Độ - TBD (INDOPACOM) của Mỹ - đã thu hút sự quan tâm của các cường quốc quan trọng trên thế giới. Điều này khiến Male buộc phải duy trì quan hệ thân thiện với các cường quốc như Ấn Độ, Mỹ, Trung Quốc và tham gia các diễn đàn đa phương như SAARC. Để hiểu về quan hệ Ấn Độ - Maldives, điều quan trọng là phải nêu bật lợi ích của Ấn Độ ở quốc gia này (1) Ấn Độ quan tâm đến sự ổn định chính trị ở khu vực lân cận và Maldives cũng không ngoại lệ, (2) Ấn Độ không muốn Maldives bị ảnh hưởng bởi các thế lực đi ngược lại lợi ích an ninh của nước này. Các lực lượng này cũng có thể thay đổi môi trường an ninh trong IOR và (3) Một số lượng lớn người Ấn Độ làm việc ở Maldives và Ấn Độ quan tâm đến sự an toàn và an ninh của họ. Cuối cùng, Ấn Độ muốn các khoản đầu tư của các doanh nghiệp Ấn Độ ở Maldives được duy trì an toàn.

- *Về thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các nước lớn*

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Mỹ, Jain, B. M. trong cuốn sách *India - US Relations in the Age of Uncertainty: An Uneasy Courtship* (2016) [Jain, B. M., 2016] đã đánh giá lại nhận thức, chính sách, quan điểm của các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo của Ấn Độ và Mỹ trong việc thực hiện quan hệ song phương giữa hai nước trên các lĩnh vực; các vấn đề liên quan đến an ninh ở khu vực CA-TBD; mối liên hệ giữa chủ nghĩa khủng bố và vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD); sự trỗi dậy của Trung Quốc hay vấn đề Nam Á là các nhân tố tác động trong quan hệ Ấn Độ - Mỹ thời gian qua. Từ đó, tác giả kết luận rằng quan hệ đối ngoại giữa Ấn Độ và Mỹ trong bối cảnh hiện tại vẫn còn nhiều thách thức và sự không chắc chắn. Mặc dù có sự cải thiện đáng kể trong quan hệ đối tác chiến lược, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế và quốc phòng, mối

quan hệ này vẫn chưa thực sự ổn định. Tác giả chỉ ra rằng hai nước vẫn có những khác biệt về chính sách đối ngoại và lợi ích quốc gia, điều này khiến quan hệ đối tác khó có thể phát triển toàn diện. Hai nước vẫn đang trong quá trình điều chỉnh để tìm ra một cơ sở hợp tác vững chắc hơn, nhưng những yếu tố như cạnh tranh khu vực, chính trị nội bộ và sự trỗi dậy của Trung Quốc tiếp tục tạo ra thách thức cho quan hệ song phương này.

Tác giả Rangaraj, V., Vaibhavi Palsule (2017) trong cuốn sách *US - India Forward Leap - The Partnership Building* [Rangaraj, V., Vaibhavi Palsule, 2017] cũng đã phân tích quan hệ song phương Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực thương mại; cung cấp thông tin sâu rộng về chế độ đầu tư ở hai nước; khái quát sự phát triển quan hệ của hai nước dưới thời Tổng thống B. Obama và thời gian đầu cầm quyền của Tổng thống D. Trump. Cuốn sách cho rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Mỹ đã phát triển đáng kể với trọng tâm là xây dựng quan hệ đối tác chiến lược mạnh mẽ hơn. Đồng thời nhấn mạnh rằng cả hai quốc gia đều đang tìm kiếm các cơ hội hợp tác sâu rộng trong các lĩnh vực quốc phòng, kinh tế, năng lượng và công nghệ. Cuốn sách kết luận rằng quan hệ Ấn Độ - Mỹ sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, dựa trên nền tảng lợi ích chung và sự đồng thuận chiến lược.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc, Suryanarayana, P. S. trong *Smart Diplomacy: Exploring China - India Synergy* (2016), [Suryanarayana, P. S., 2016] đã phân tích các định hướng chính sách trên cơ sở theo dõi quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ và Trung Quốc căn cứ trên các tài liệu chính thức và thư từ ngoại giao giữa hai nước. Cuốn sách được đặt trong bối cảnh địa chính trị 10 năm sau khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, hợp tác vì hòa bình và thịnh vượng. Tác giả hình dung ý tưởng về Vùng thông minh Trung - Ấn như một kịch bản hậu hiện đại có thể diễn ra. Cuối cùng, cuốn sách kết luận chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc là một sự pha trộn giữa hợp tác và cạnh tranh. Mặc dù hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng về lợi ích kinh tế và mong muốn phát triển, nhưng vẫn tồn tại những căng thẳng sâu sắc về biên giới và ảnh hưởng khu vực. Cuốn sách nhấn mạnh rằng cả Ấn Độ và Trung Quốc đều tìm kiếm các cơ hội để hợp tác trong các vấn đề toàn cầu, nhưng sự bất đồng về các vấn đề an ninh và chiến lược vẫn là rào cản chính. Kết luận cho thấy việc duy trì mối quan hệ cân bằng giữa hợp tác và kiểm soát cạnh tranh sẽ là yếu tố quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

Trong cuốn sách *India - China Relations: Politics Of Resources, Identity And Authority In A Multipolar World Order* (2016) [Jagannath P. P., 2016], tác giả Jagannath

P. P. đã xem xét các sắc thái và chính sách mà hai quốc gia Ấn Độ và Trung Quốc gắn với thể chế đa phương; đồng thời nghiên cứu cách mà hai quốc gia này tiếp nhận, phản ứng và tiếp cận sự hiện diện và phát triển của nhau. Tác giả cũng phân tích những phức tạp lâu dài và đang nổi lên trong quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc, vốn có bản chất đa tầng và đa giác, đây vừa là kết quả vừa là sự phản ánh trật tự thế giới đa cực. Mặt khác, giải thích cách tiếp cận chính sách đối ngoại của hai cường quốc châu Á, thực trạng quan hệ song phương giữa hai quốc gia trong bối cảnh sự nổi lên của cả Ấn Độ và Trung Quốc với tư cách là hai chủ thể kinh tế và chính trị lớn trong chính trị khu vực và quốc tế.

Panigrahi, D. N. với cuốn sách *The Himalayas and India - China Relations* (2016) [Panigrahi, D. N., 2016] đã xem xét và phân tích có hệ thống về sự trỗi dậy quyền lực của Trung Quốc; chỉ ra sự phức tạp trong quan hệ song phương với Ấn Độ; các cuộc giao tranh quân sự và sự hợp tác trong ngoại giao đa phương của hai nước. Đây là một cuốn sách nghiên cứu về Ấn Độ và Trung Quốc trên góc độ của quan hệ quốc tế, lịch sử, khoa học chính trị và địa chính trị. Tác giả kết luận rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc tập trung vào việc giải quyết các căng thẳng về biên giới, đặc biệt là khu vực dãy Himalaya, nơi có nhiều tranh chấp lãnh thổ giữa hai nước. Mặc dù có những nỗ lực để cải thiện quan hệ kinh tế và ngoại giao, nhưng các vấn đề an ninh và tranh chấp biên giới vẫn là rào cản lớn trong mối quan hệ song phương. Cuốn sách cũng nhấn mạnh rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc và ảnh hưởng ngày càng tăng của họ tại khu vực Nam Á đã tạo ra những thách thức chiến lược cho Ấn Độ, buộc nước này phải điều chỉnh chính sách để cân bằng giữa việc hợp tác kinh tế và bảo vệ an ninh quốc gia.

Yang, L. trong cuốn sách *China - India Relations in the Contemporary World: Dynamics of national identity and interest* (2016) [Yang, L., 2016] tiếp tục phân tích đặc điểm đa tầng, đa lớp của quan hệ Trung - Ấn từ đầu thế kỷ XXI được đánh dấu bằng cả hợp tác và cạnh tranh. Cuốn sách phân tích ảnh hưởng của bản sắc dân tộc và lợi ích quốc gia, đóng vai trò quan trọng trong việc xác định mối quan hệ của chúng trong việc hình thành cấu trúc quan hệ quốc tế hiện nay; xem xét trong bối cảnh toàn cầu hóa đang tăng tốc, bản sắc dân tộc của hai cường quốc đang nổi lên với quyền lực mới nổi và lợi ích quốc gia về phát triển kinh tế đã xác định và định hướng vị thế quốc tế và quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của hai nước. Từ đó kết luận, chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc là một sự cân bằng giữa lợi ích quốc gia và bản sắc dân tộc. Quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc sẽ tiếp tục phát triển với sự kết hợp giữa hợp tác và đối đầu, trong

đó lợi ích chiến lược và bản sắc quốc gia sẽ tiếp tục định hình các quyết định ngoại giao của hai nước.

Basrur, R., Mukherjee, A., Thazha. V. P. với cuốn sách *India - China Maritime Competition: The Security Dilemma at Sea* (2019) [Basrur, R., Mukherjee, A., Thazha. V. P., 2019] đã có những phân tích và lập luận về “tình thế tiến thoái lưỡng nan trong vấn đề an ninh” và áp dụng nó vào cuộc cạnh tranh hàng hải giữa Ấn Độ - Trung Quốc. Từ đó, giải quyết câu hỏi liệu tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh có phải là một cách để giải thích cho chính sách đối ngoại và chiến lược hải quân của hai nước hay không. Sáng kiến BRI và mức độ can dự ngày càng tăng của Trung Quốc ở khu vực Á-ĐD đã dẫn tới việc Ấn Độ tăng quy mô đáng kể đầu tư vào lực lượng hải quân, bổ sung thêm tàu, máy bay và tàu ngầm. Cuốn sách nghiên cứu sự cạnh tranh đang diễn ra ở các tiểu vùng thuộc khu vực Á-ĐD và phản ứng của các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và các quốc gia Đông Nam Á đối với sự cạnh tranh Trung - Ấn.

Luận án *Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019)* của tác giả Nguyễn Thị Oanh (2022) [Nguyễn Thị Oanh, 2022] đã hệ thống nguồn tư liệu nghiên cứu về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc và quan hệ Ấn - Trung: Làm rõ cơ sở lý luận về các nhân tố (bên ngoài và bên trong) tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc (2014 -2019); Phân tích và làm rõ nội dung sự triển khai chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi (2014 - 2019) trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh - quốc phòng. Theo đó, tác giả nhấn mạnh rằng Ấn Độ đã cố gắng tạo ra sự cân bằng giữa việc giữ vững chủ quyền quốc gia, đối phó với sự ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc trong khu vực, đồng thời thúc đẩy các sáng kiến hợp tác kinh tế, trong đó có các dự án đầu tư song phương và sự hợp tác tại các diễn đàn quốc tế. Từ đó, tác giả rút ra một số đánh giá về chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc đồng thời đánh giá tác động của những chính sách này đối với khu vực và Việt Nam, đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Nga, Rekha, C. (2017) với cuốn sách *India - Russia Post Cold War Relations: A New Epoch Of Cooperation* [Rekha, C., 2017] gồm 07 chương, làm rõ việc không thể phủ nhận các mối quan hệ quốc tế thời hậu Chiến tranh Lạnh là một phép thử cho quan hệ song phương giữa Ấn Độ và Nga. Đánh giá mối quan hệ đối tác chiến lược này trong bối cảnh mới thông qua đánh giá chi tiết quan hệ trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, kinh tế, năng lượng, khoa học và công

nghệ, hạt nhân, an ninh và can dự chiến lược. Tác giả nhận định Ấn Độ coi Nga là một đối tác quan trọng trong việc đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh Ấn Độ tìm cách duy trì chính sách đối ngoại tự chủ và không liên kết. Kết luận cho thấy quan hệ hai nước sẽ tiếp tục phát triển, mặc dù cả hai nước phải điều chỉnh để đối phó với những thách thức toàn cầu và sự thay đổi trong cục diện quốc tế.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Nhật Bản, Mathur, A. (2017) đã bàn luận trong cuốn sách *Japan and China in India's Foreign Policy* [Mathur, A., 2017]. Trong chương 14 của cuốn sách, tác giả nhận xét rằng mối quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản đã trở nên nồng ấm hơn kể từ khi Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền. Tác giả đưa ra nhận định: “Để đối phó với một Trung Quốc hùng mạnh và quyết đoán hơn, Nhật Bản và Ấn Độ đã xích lại gần nhau hơn”. Tuy nhiên, tác giả cũng lưu ý rằng Trung Quốc không phải là “động lực quan trọng nhất giúp quan hệ hai nước ngày càng được tăng cường” mà đó là những giá trị lợi ích chung trên các lĩnh vực mà hai nước đang hợp tác và nhận định rằng “Ấn Độ không muốn bị cuốn vào một liên minh chống Trung Quốc” và giải thích “các chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Nhật Bản và Trung Quốc sẽ không được định hướng bởi các liên minh chính trị mà là từ những cân nhắc của chính Ấn Độ, đặc biệt là phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh và lợi ích quốc gia, tìm kiếm an ninh năng lượng, duy trì và nâng cao ảnh hưởng của mình trong khu vực và các vấn đề toàn cầu” Tuy nhiên, New Delhi lo ngại về sự thiếu minh bạch, việc xây dựng quân sự, mối quan hệ chặt chẽ với Pakistan và tham vọng hàng hải ngày càng tăng của Trung Quốc ở khu vực Á-ĐD. Tác giả nhấn mạnh quá trình chuyển đổi quyền lực ở châu Á cũng liên quan đến sự trỗi dậy của Ấn Độ và việc nước này tìm kiếm các đối tác, trong đó có Nhật Bản.

- *Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với các khu vực*

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Đông Nam Á, Dahiya, R., Singh, U. B. (2015) với cuốn sách *Delhi Dialogue VI: Realising the ASEAN - India Vision for Partnership and Prosperity* [Dahiya, R., Singh, U. B., 2015] đã phân tích quá trình gia tăng hợp tác, đối thoại giữa Ấn Độ và ASEAN ở tất cả các cấp. Diễn đàn Đối thoại thường niên ASEAN - Ấn Độ tạo cơ hội cho các lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà hoạch định quan điểm, các học giả và các nhà báo gặp mặt hàng năm để thảo luận về một loạt các vấn đề cùng quan tâm có liên quan đến mối quan hệ Ấn Độ - ASEAN. Đối thoại thường niên ASEAN - Ấn Độ lần thứ 6 được tổ chức tiếp theo sau dịp kỷ niệm ASEAN ban hành

“Tuyên bố Tầm nhìn” (2012), điều này đã tạo một cái nhìn sâu hơn, toàn diện hơn đối với các kịch bản có khả năng xảy ra và các xu hướng trong giai đoạn sau năm 2015.

Trong một nghiên cứu khác là *Hợp tác khu vực châu Á: Nhân tố ASEAN và Ấn Độ* (2018) [Tôn Sinh Thành, 2018], tác giả Tôn Sinh Thành đã đi sâu tìm hiểu, phân tích một cách tổng thể và liên tục bản chất của quá trình hình thành, vận hành các cơ chế hợp tác khu vực châu Á, thông qua việc nghiên cứu về lịch sử và lý thuyết hợp tác khu vực, đánh giá khoa học về tác động của các nhân tố kinh tế, chính trị, an ninh, bản sắc văn hóa, thể chế đối với quá trình hợp tác khu vực cũng như sự ra đời, phát triển và mở rộng các cơ chế hợp tác. Trong tất cả quá trình này, nổi lên vai trò của ASEAN và Ấn Độ. Chính sự tham gia của Ấn Độ vào cơ chế EAS đã làm thay đổi bức tranh hợp tác khu vực châu Á, làm cho bức tranh hợp tác trải rộng hơn, đậm nét và sinh động hơn. Ấn Độ đã mở rộng vai trò của mình trong khu vực thông qua các sáng kiến hợp tác với ASEAN, đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, và an ninh. Cuốn sách cũng nhấn mạnh mối quan hệ đối tác giữa Ấn Độ và ASEAN không chỉ giúp tăng cường sự phát triển kinh tế của các nước trong khu vực mà còn tạo ra nền tảng để đối phó với các thách thức an ninh chung, bao gồm cả vấn đề an ninh hàng hải. [Tôn Sinh Thành, 2018]

Bài viết *Sự thay đổi chiến lược của Ấn Độ tại Đông Nam Á trong thế cạnh tranh với Trung Quốc sau Chiến tranh Lạnh* của hai tác giả Trần Ngọc Dũng và Nguyễn Duy Thái (2023) [Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Duy Thái, 2023] đã từ bối cảnh sau Chiến tranh Lạnh để phân tích về sự điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á của Ấn Độ. Theo đó, sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc đã vươn lên mạnh mẽ với sức mạnh quốc gia vượt trội, làm thay đổi tương quan lực lượng tại khu vực Đông Nam Á, đe dọa trực tiếp đến vị thế của Ấn Độ. Trước tình thế đó, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã mạnh dạn điều chỉnh từ Chính sách “Hướng Đông” sang Chính sách “Hành động hướng Đông” nhằm tích cực và chủ động hơn trong việc giữ vững vị thế, củng cố sức ảnh hưởng đối với các quốc gia Đông Nam Á. Bài viết đã làm rõ tác động của cạnh tranh Trung - Ấn đến sự thay đổi chính sách của Ấn Độ tại Đông Nam Á, từ đó đánh giá và chỉ ra các điểm khác biệt nổi bật giữa Chính sách “Hướng Đông” và “Hành động hướng Đông”. Cuối cùng, hai tác giả khẳng định dù có điểm thay đổi song chính sách của Ấn Độ tại Đông Nam Á vẫn luôn đi sau một bước và ở thế “phản ứng”, “đối phó” với Trung Quốc thay vì chủ động nắm bắt lợi thế trên bàn cờ chính trị giữa các cường quốc.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Á, Aras, F. Ç., Kandemir, E. (2023) với nghiên cứu *An Evaluation of India's Central Asian Policy in the Context of Regional Interests* [Aras, F. Ç., Kandemir, E., 2023] đã bàn luận khá rõ về những chuyển đổi trong chính sách Trung Á từ thời kỳ hậu chiến tranh lạnh của Ấn Độ đến nay. Theo tác giả, trong bối cảnh hiện nay, ảnh hưởng của Ấn Độ trong cuộc đua tranh giành quyền lực ở Trung Á, cơ sở để Ấn Độ thiết lập quan hệ với khu vực và vị trí của vòng xoáy quan hệ này trong nền kinh tế Ấn Độ đã được bộc lộ trong bối cảnh chính sách đối ngoại. Bất chấp những thay đổi về tình hình bên trong và bên ngoài của Ấn Độ trong quá trình lịch sử, mối quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia Trung Á vẫn không bị phá vỡ. Các tác giả phát hiện rằng Trung Á có tiềm năng mang lại lợi ích chiến lược cho Ấn Độ trong cạnh tranh địa chính trị. Sự phát triển lịch sử của mối quan hệ giữa Ấn Độ và các nước Trung Á cũng như cách mà mối quan hệ này có thể được định hình trong tương lai được tác giả dự đoán.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Tây Á và Châu Phi, trong Cuốn sách *Foreign Policy of India: West Asia & North Africa (WANA)* (2016) của tác giả Ahmed, F., Kumar, S. [Ahmed, F., Kumar, S., 2016] bao gồm 11 bài viết được nghiên cứu kỹ lưỡng bởi các chuyên gia trong lĩnh vực chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã đưa ra nhận định rằng Tây Á và Bắc Phi (WANA) là khu vực rất sôi động và đầy hứa hẹn, song lại có nhiều biến động về địa chính trị. Sự xuất hiện của Ấn Độ tại khu vực này đã có từ lâu. Ấn Độ chia sẻ mối quan hệ văn hóa mạnh mẽ với các nước trong khu vực. Quan hệ thương mại, ngoại giao giữa Ấn Độ và các nước WANA đang có xu hướng phát triển. Các quốc gia Vùng Vịnh đã được coi là khu vực lân cận mở rộng, trong khi hầu hết các nước châu Phi đang trở thành điểm đến ưa thích cho các khoản đầu tư của Ấn Độ. Trên thực tế, Ấn Độ và các nước WANA không thể thiếu lẫn nhau về tài nguyên thiên nhiên, tuyến đường biển, an ninh hàng hải, hợp tác kinh tế, thị trường tiềm năng và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, đòi hỏi Ấn Độ phải có chính sách đối ngoại phù hợp với khu vực này.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với EU, Malhotra, S. (2015) với bài viết *EU-India Relations: A Soft Power Approach*, [Malhotra, S., 2015] cho rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đang trở nên tham vọng và không ngừng mở rộng phạm vi khi Ấn Độ chuyển từ vùng ngoại vi sang trung tâm của quan hệ quốc tế. Ấn Độ đổi mới trọng tâm vào quyền lực mềm và triển khai chiến lược thúc đẩy mục tiêu chính sách đối ngoại trong một thế giới đang toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Tiềm năng của quyền lực mềm là rất lớn trong bối cảnh quan hệ Ấn Độ - EU đã là quan hệ Đối tác chiến lược và Kế hoạch Hành động chung được ký kết hơn một thập kỷ qua nhưng vẫn chưa phát huy được hết tiềm năng. Trong một thế giới đầy thách thức, đối thoại giữa các bên cần thừa nhận sức mạnh và sức mạnh tổng hợp tự nhiên cốt lõi, bao gồm tầm nhìn chung về trật tự quốc tế và đây phải là ý tưởng trọng tâm đưa mối quan hệ tiến lên phía trước.

Yadav, G. (2022) trong bài viết *Trade and Investment Relations Between India and Sub-Saharan African Countries In Recent Times* [Yadav, G., 2022] đã phân tích chính sách đối ngoại của Ấn Độ và quan hệ thương mại - đầu tư giữa Ấn Độ với các quốc gia châu Phi, cụ thể là một số quốc gia cận Sahara dưới thời Thủ tướng N. Modi. Bài viết phân tích vai trò quan trọng của Ấn Độ và các quốc gia châu Phi cận Sahara trong nền kinh tế toàn cầu đồng thời thể hiện rõ Ấn Độ vẫn đang chiếm lĩnh vị trí hàng đầu trong quan hệ thương mại - đầu tư với các quốc gia tại khu vực này và ở một mức độ nào đó, có cả sự ảnh hưởng về chính trị.

- Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ tại các cơ chế đa phương

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong khuôn khổ các cơ chế đa phương tại khu vực Nam Á, Raghav, P., Rai, T. (2020) với bài viết *India's strategic interest in SAARC countries: Soft power approach* [Raghav, P., Rai, T., 2020] đã phân tích chiến lược đối ngoại của Ấn Độ trong SAARC dưới góc độ quyền lực mềm. Các tác giả kết luận rằng Ấn Độ đã và đang sử dụng quyền lực mềm để thúc đẩy lợi ích chiến lược của mình tại các quốc gia thành viên SAARC. Quyền lực mềm của Ấn Độ được thể hiện thông qua các yếu tố như văn hóa, giáo dục, ngoại giao công chúng, và hợp tác phát triển kinh tế. Mặc dù quyền lực cứng vẫn đóng vai trò quan trọng, nhưng quyền lực mềm đã giúp Ấn Độ tạo dựng hình ảnh tích cực và duy trì ảnh hưởng trong khu vực Nam Á. Sự tiếp cận bằng quyền lực mềm của Ấn Độ hướng tới việc củng cố các mối quan hệ hòa bình và hợp tác, đồng thời giảm thiểu những căng thẳng chính trị, đặc biệt với các nước láng giềng. Bài viết kết luận chiến lược sử dụng quyền lực mềm là một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ nhằm củng cố vị thế lãnh đạo trong SAARC.

Nghiên cứu “*State of the Regional Integration Within South Asian Association for Regional Organisation (SAARC): Assessment of India's Leadership*” (2023) của hai tác giả Aryal, S. K. và Bharti, S. S. [Aryal, S. K., Bharti, S. S., 2023] đã lập luận vai trò lãnh đạo của Ấn Độ trong SAARC rất quan trọng nhưng gặp nhiều thách thức trong việc thúc

đẩy hội nhập khu vực. Mặc dù Ấn Độ là quốc gia lớn và có sức ảnh hưởng nhất, các căng thẳng chính trị với Pakistan và sự khác biệt lợi ích giữa các quốc gia thành viên đã làm giảm hiệu quả của SAARC. Nghiên cứu chỉ ra Ấn Độ cần điều chỉnh cách tiếp cận lãnh đạo để tăng cường hợp tác, thúc đẩy hội nhập khu vực và xây dựng lòng tin với các nước láng giềng nhằm đạt được các mục tiêu chung.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong khuôn khổ các cơ chế đa phương khác, Trong “*India and the BRICS A Cautious and Limited Engagement*” (2017) [Kumar, R., 2017], tác giả Kumar, R. nghiên cứu những lợi ích cốt lõi của Ấn Độ tại BRICS và lập luận rằng Ấn Độ tham gia vào tổ chức như một phần trong chiến lược nhằm tăng cường quan hệ với tất cả các cường quốc. Ấn Độ đã thấy trước được những lợi ích kinh tế và địa chính trị đáng kể từ sự liên kết của mình với các quốc gia mới nổi khác trong diễn đàn đa phương. New Delhi tích cực tham gia vào các hội nghị thượng đỉnh BRICS và đóng góp đáng kể vào việc thiết lập và thể chế hóa chương trình nghị sự. Bài viết cho thấy BRICS đã rời xa NAM và chính sách truyền thống của Ấn Độ đối với Nam Bán cầu. Bằng việc tham gia BRICS, Ấn Độ tìm cách nâng cao thứ hạng và vị thế của mình. Bài viết cũng thảo luận về vị thế vượt trội của Trung Quốc trong tổ chức này và những xung đột biên giới giữa hai nước đã tác động đến triển vọng của BRICS như thế nào.

Kumar, S. (2020) trong bài viết *Reinvigoration of BIMSTEC and India's Economic, Strategic and Security Concerns* (2020) [Kumar, S., 2020] đã phân tích sự hồi sinh của BIMSTEC và các mối quan tâm về kinh tế, chiến lược và an ninh của Ấn Độ. Tác giả lập luận những nỗ lực của Ấn Độ trong việc khôi phục BIMSTEC là kết quả của sự kết hợp giữa các mục tiêu trong Chính sách “Hành động hướng Đông” và Chính sách “Láng giềng trước tiên”. Kể từ năm 2014, Ấn Độ đã cố gắng hồi sinh BIMSTEC để khai thác các cơ hội thương mại, thúc đẩy an ninh năng lượng và lương thực, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của khu vực Đông Bắc bằng cách tăng cường kết nối cơ sở hạ tầng với các nước Đông Nam Á, thúc đẩy hội nhập kinh tế sâu rộng hơn tại Vịnh Bengal. Các lợi ích chiến lược và mối quan ngại về an ninh, đặc biệt là tạo áp lực lên Pakistan, chống lại sự xâm nhập của Trung Quốc đồng thời đảm bảo an ninh cho khu vực Đông Bắc cũng đã làm gia tăng lợi ích của Ấn Độ trong việc hồi sinh BIMSTEC. Giống như SAARC, có một số trở ngại tại BIMSTEC, chẳng hạn như hình ảnh về một khối do Ấn Độ thống trị, sự khác biệt trong quan hệ song phương của Ấn Độ với các quốc gia BIMSTEC như Bangladesh và

Nepal hay tranh chấp song phương giữa các nước thành viên khác, đặc biệt là Bangladesh với Myanmar, Thái Lan với Myanmar.

Sarma, A. S. (2022) trong bài viết *India in SCO: Strengthening India's Footprint in Central Asia* (2022) [Sarma, A. S., 2022] lại phân tích vai trò của Ấn Độ trong SCO. Tác giả cho rằng Ấn Độ đang can dự vào khu vực ở cả cấp độ song phương và đa phương. Cột mốc quan trọng trong sự tham gia của Ấn Độ với khu vực là tư cách thành viên SCO. Nó củng cố chỗ đứng của Ấn Độ trong khu vực, nơi đang chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các bên tham gia, nơi mỗi thành viên đều cố gắng mở rộng phạm vi ảnh hưởng tại khu vực. Bài viết phân tích triển vọng và thách thức mà Ấn Độ phải đối mặt khi là thành viên SCO đồng thời lập luận rằng bất chấp những thách thức, tư cách thành viên của Ấn Độ trong SCO có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao tầm ảnh hưởng của Ấn Độ ở khu vực Á - Âu.

Với nghiên cứu *From non-alignment to multi-alignment: assessing India's foreign policy shift* (2023) [Mishra, R., 2023], tác giả Mishra, R. đề cập đến Phong trào NAM do Ấn Độ cùng một số quốc gia khác khởi xướng và cho rằng việc thành lập một khối không liên kết ở thời kỳ đỉnh cao của Chiến tranh Lạnh dựa trên chính trị là một trong những đóng góp quan trọng nhất mà Ấn Độ đã thực hiện cho trật tự quốc tế hiện đại. Bài viết lập luận rằng NAM là một cách tiếp cận thực dụng nhưng có nguyên tắc để đối phó với một thế giới bị chi phối bởi liên minh chính trị của các cường quốc. Đối với Ấn Độ, việc không liên kết chỉ tồn tại ở mức độ nhất định dưới hình thức bảo vệ quyền tự chủ chiến lược và việc lặp lại Chính sách “đa liên kết” gần đây trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ là để ứng phó với một thế giới đầy biến động.

Vaishali, J., Somvir, G. (2023) với bài viết *Situating the Quad in India's multi-alignment policy* [Vaishali, J., Somvir, G., 2023] đã nhận định thời kỳ hậu đại dịch đã mang đến những thay đổi sâu sắc trên thế giới, định hình lại trật tự toàn cầu. Sự trỗi dậy của khu vực ÁĐD - TBD (IPR) với tư cách là trung tâm địa chính trị thế giới là một ví dụ về sự chuyển đổi như vậy. Để thích ứng với sự biến động và đảm bảo lợi ích quốc gia, Ấn Độ buộc phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình. Ấn Độ đã từ bỏ chiến lược “không liên kết” thời Chiến tranh Lạnh và chuyển sang Chính sách “đa liên kết”. Ấn Độ tìm kiếm quan hệ đối tác với các nước có cùng quan điểm theo chiến lược này. Trong IPR, sự hợp tác như vậy đã hình thành QUAD. Bài viết này tìm hiểu vị trí của QUAD trong chính sách đa liên kết của Ấn Độ, đồng thời giải thích sự trỗi dậy lâu dài của QUAD trong các tính

toán chiến lược tại IPR. Đặc biệt phân tích tầm quan trọng của QUAD trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Cuối cùng, giải thích QUAD phù hợp như thế nào với chính sách đa liên kết của Ấn Độ, đưa ra triển vọng và một số đề xuất cho tương lai của QUAD trong chính sách đa liên kết của Ấn Độ.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong Liên hợp quốc, nghiên cứu *A New Hope: India, the United Nations and the Making of the Universal Declaration of Human Rights* của tác giả Bhagavan, M. (2010) [Bhagavan, M., 2010] đã làm rõ vai trò của Ấn Độ trong quá trình phát triển và kiến thiết UN, được phản ánh thông qua Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Qua phân tích về chủ quyền, quyền công dân, quốc tịch và quyền con người (1940 – 1956), bài báo thảo luận về những gì Ấn Độ hy vọng UN sẽ trở thành và nói chung hơn là những gì họ mong muốn cho trật tự thế giới mới và cho chính họ. Từ đó, mang đến một góc nhìn mới, tìm cách đổi mới sự hiểu biết của chúng ta về tầm nhìn trí tuệ của J. Nehru và đúc kết lại chính khái niệm hậu thực dân.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong WTO, trong cuốn sách *Strategic Arena Switching in International Trade Negotiations* (2007) của tác giả Dubey, M. [Dube, M., 2007] đã có một chương “India and the WTO” để tập trung phân tích vai trò của Ấn Độ tại các cuộc đàm phán thương mại trong Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT)/WTO. Điều này diễn ra trong bối cảnh chiến lược phát triển và chính sách thương mại của Ấn Độ đang thay đổi kể từ khi giành được độc lập. Phân tích hậu quả đối với nền kinh tế Ấn Độ, các thỏa thuận đạt được cùng các chế độ được đưa ra sau các cuộc đàm phán của WTO. Đồng thời theo dõi vai trò của Ấn Độ trong hệ thống thương mại quốc tế, bắt đầu từ GATT, từ Vòng đàm phán thương mại Uruguay và trải qua các cuộc đàm phán trong các cuộc họp Bộ trưởng khác nhau của WTO. Vị thế của Ấn Độ về các vấn đề đàm phán được lựa chọn đã được phân tích trong bối cảnh tầm quan trọng và ý nghĩa của các vấn đề này đối với sự phát triển của Ấn Độ. Các vấn đề liên quan là nông nghiệp, dịch vụ, tiếp cận thị trường phi nông nghiệp, các vấn đề thực hiện, đối xử đặc biệt và khác biệt với các nước đang phát triển, Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của Quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS), các hiệp định thương mại khu vực và các vấn đề Singapore. Cuốn sách kết luận vai trò của Ấn Độ trong WTO rất quan trọng và được thể hiện qua việc sử dụng chiến lược linh hoạt để bảo vệ lợi ích thương mại. Ấn Độ đã phát huy khả năng thay đổi bối cảnh đàm phán nhằm đạt được các lợi thế trong các cuộc thương lượng quốc tế. Thay vì chỉ tập trung vào một chiến trường cụ thể, Ấn Độ đã tận dụng sự

đa dạng trong các diễn đàn quốc tế, giúp nước này duy trì ảnh hưởng và bảo vệ quyền lợi phát triển.

Về việc triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong G20, trong nghiên cứu “India and the G20 Presidency: Its Priorities and Challenges” của Mukherjee, B. (2022) [Mukherjee, B., 2022], tác giả đã phân tích các ưu tiên và thách thức của Ấn Độ khi đảm nhận vai trò Chủ tịch G20 (2022 - 2023). Nghiên cứu cho rằng đây là bước ngoặt quan trọng trong nỗ lực của Ấn Độ nhằm củng cố vị thế toàn cầu và thúc đẩy các sáng kiến quan trọng về kinh tế, phát triển bền vững, và biến đổi khí hậu. Các ưu tiên của Ấn Độ bao gồm thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, xây dựng cơ sở hạ tầng xanh và bền vững, hỗ trợ chuyển đổi năng lượng và kỹ thuật số, cũng như tăng cường hợp tác quốc tế để đối phó với các thách thức toàn cầu. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra Ấn Độ sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm việc cân bằng giữa lợi ích của các nền kinh tế lớn và nhỏ, quản lý căng thẳng địa chính trị, và đảm bảo sự đồng thuận trong các vấn đề nhạy cảm như xung đột Nga - Ukraine. Kết luận, tác giả nhấn mạnh thành công của Ấn Độ trong việc thực hiện vai trò lãnh đạo tại G20 sẽ phụ thuộc vào khả năng giải quyết các thách thức này và thúc đẩy hợp tác toàn cầu một cách bền vững.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đánh giá tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Về đánh giá tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ đến quan hệ quốc tế, Luận án *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh (2004 - 2014)* của tác giả Đặng Đình Tiến (2021) [Đặng Đình Tiến, 2021] đã trình bày về khía cạnh này của Chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời ông M. Singh. Theo đó, tác động thứ nhất là các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, và EU đã điều chỉnh chính sách đối ngoại với Ấn Độ. Đặc biệt, Mỹ coi Ấn Độ là đối tác chiến lược quan trọng trong việc duy trì cân bằng sức mạnh với Trung Quốc ở khu vực châu Á. Các nước châu Âu cũng tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư với Ấn Độ, nhất là Anh và Pháp. Thứ hai, chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng góp phần củng cố cấu trúc đa phương của trật tự thế giới, chuyển dịch trọng tâm địa - chính trị thế giới sang C. Thứ ba là góp phần đảm bảo nền hòa bình, an ninh thế giới, giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ấn Độ đã đóng góp vào việc duy trì hòa bình khu vực và giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, và chống khủng bố. Thông qua các cơ chế hợp tác đa phương và song phương,

Ấn Độ đã thúc đẩy các sáng kiến khu vực và toàn cầu để đối phó với các thách thức quốc tế, đặc biệt trong các tổ chức như IBSA, BASIC và SAARC.

Về đánh giá tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “*Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới*” của Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2016) [Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, 2016] là công trình tập hợp nhiều bài viết nghiên cứu của nhiều tác giả về mối quan hệ hai nước trước những thay đổi lớn của tình hình khu vực và thế giới. Các bài viết phân tích sâu sắc bối cảnh mới tác động đến Việt Nam, Ấn Độ và quan hệ hai nước trên nhiều bình diện; nguyên nhân, điều kiện phát triển hợp tác; thực trạng, những thành tựu trong hợp tác, những rào cản ảnh hưởng đến quan hệ song phương và triển vọng phát triển quan hệ Việt - Ấn trong tình hình mới, bối cảnh mới, tầm nhìn mới. Các bài nghiên cứu luận giải sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ tác động đến quan hệ hai nước; phân tích Chính sách “*Hướng Đông*” và “*Hành động hướng Đông*”, những đặc điểm tác động của chính sách đó đến quan hệ hai nước, quan hệ Ấn Độ - ASEAN. Kết luận của cuốn sách nêu rõ quan hệ hai nước không chỉ giới hạn ở các yếu tố song phương mà còn đóng góp vào việc duy trì ổn định và hòa bình trong khu vực, đặc biệt trong bối cảnh sự trỗi dậy của các cường quốc và tranh chấp khu vực biển Đông. Sự hợp tác này phản ánh tầm nhìn chung về hòa bình, ổn định, và phát triển bền vững của hai nước trong bối cảnh mới.

Năm 2017, Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ tiếp tục xuất bản Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề *Sức mạnh mềm Ấn Độ, sức mạnh mềm Việt Nam trong bối cảnh khu vực hóa, toàn cầu hóa* (2017) [Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, 2017]. Với 98 bài tham luận của các nhà lãnh đạo, quản lý, các học giả Việt Nam và Ấn Độ đã làm sâu sắc hơn nữa giá trị, vai trò, tác động của sức mạnh mềm; lợi thế, mối tương quan giữa sức mạnh cứng, sức mạnh mềm và sức mạnh thông minh trong đời sống chính trị, văn hóa - xã hội, ngoại giao của các quốc gia dân tộc, tập trung vào Việt Nam và Ấn Độ trong bối cảnh khu vực hóa và toàn cầu hóa. Các bài viết đã luận giải thực trạng sáng tạo sức mạnh mềm, những thành tựu đạt được, những rào cản trong việc triển khai thực thi sức mạnh mềm của hai nước trong suốt thời kỳ hai nước đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng phát triển đất nước, và nhất là trong giai đoạn hội nhập khu vực và toàn cầu hóa ngày nay.

Cuốn sách *45 năm quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: Thành tựu và triển vọng* (2017) của tác giả Nguyễn Xuân Trung [Nguyễn Xuân Trung, 2017] đã phân tích mối quan hệ nửa thế kỷ giữa hai nước trên các lĩnh vực như chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội,

an ninh, quốc phòng, KH%CN, giao lưu nhân dân... Qua đó phân tích những thách thức cũng như triển vọng quan hệ hai nước trong tương lai. Cuốn sách cho rằng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong 45 năm qua, phát triển từ mức độ hợp tác truyền thống sang quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, qua sự hợp tác chặt chẽ trên các diễn đàn quốc tế và khu vực. Cuốn sách cũng nhấn mạnh rằng triển vọng quan hệ hai nước rất tích cực với tiềm năng mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực như kinh tế số, năng lượng, giáo dục và an ninh - quốc phòng. Tác giả kết luận cả hai nước đều có tầm nhìn chung về hòa bình, ổn định khu vực và mong muốn nâng cao vai trò của mình trong cộng đồng quốc tế.

Tác giả Lê Văn Toan (2018) với cuốn sách *Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược* [Lê Văn Toan, 2018a] đã tập trung phân tích làm rõ mối quan hệ Việt Nam và Ấn Độ trong nửa thế kỷ qua. Cuốn sách tập hợp nhiều bài viết của các học giả, nhà khoa học hai nước, đánh giá một cách toàn diện mối quan hệ hai nước trong suốt 45 năm từ tổng quan đến cụ thể như chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại, quốc phòng - an ninh, văn hóa, giao lưu nhân dân..., làm nổi bật tình đoàn kết hữu nghị giữa hai nước, hai dân tộc luôn bền vững, kiên định và phát triển ngày càng sâu rộng, đồng thời nêu ra một số biện pháp cụ thể giúp mối quan hệ ngày càng gặt hái được nhiều thành quả. Tác giả kết luận mối quan hệ giữa hai nước đã phát triển mạnh mẽ trong suốt 45 năm qua, đặc biệt trong 10 năm là đối tác chiến lược. Hai quốc gia đã xây dựng được mối quan hệ bền vững và ngày càng quan trọng, dựa trên nền tảng vững chắc của sự hợp tác toàn diện trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hóa. Mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước không chỉ giới hạn trong hợp tác song phương mà còn đóng góp vào sự ổn định và phát triển khu vực CA - TBD.

1.2. Nhận xét các công trình đã công bố và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung

Nghiên cứu về Ấn Độ được nhiều cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu, đạt được nhiều kết quả tích cực. Các công trình đã tập trung tìm hiểu, phân tích và làm rõ nhiều vấn đề liên quan đến các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ, nội dung và thực tiễn triển khai chính sách cùng những đánh giá tác động của chính sách tới thế giới và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ từ khi Ấn Độ giành độc lập đến nay. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trong/ngoài nước đã làm rõ một số vấn đề chính:

- Làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi giành độc lập đến nay. Theo đó, về cơ sở lý luận, các công trình đã cung cấp hệ thống lý thuyết về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại như Chủ nghĩa Lý tưởng, Chủ nghĩa Hiện thực, Tự do, Kiến tạo, Hậu thuộc địa; khái niệm, mô hình chính sách đối ngoại... Về các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ, các công trình đã phân tích và xem xét các nhân tố này theo 03 cấp độ chính: Cấp độ toàn cầu, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân để làm nổi bật các tác động ngoại sinh và nội sinh đối với quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Ở mỗi cấp độ, mỗi công trình nghiên cứu lại có những kiến giải sâu sắc riêng, mang đến cái nhìn đa chiều về vấn đề này.

- Phân tích nội dung và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ bao gồm: mục tiêu, nguyên tắc, đường lối đối ngoại, sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và sự triển khai chính sách đối với các chủ thể quan hệ quốc tế như các nước láng giềng Nam Á, các nước lớn, các khu vực và các cơ chế đa phương

- Đánh giá về tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với thế giới và quan hệ Ấn Độ - Việt Nam. Đối với thế giới, Ấn Độ với vai trò là cường quốc tầm trung song lại có một vị trí chiến lược tại Á-ĐD - TBD khiến nhiều nước lớn phải có sự điều chỉnh chính sách trước các động thái của Ấn Độ. Đồng thời, chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng đang góp phần củng cố cấu trúc đa phương của trật tự thế giới, đảm bảo nền hòa bình, an ninh thế giới và giải quyết các vấn đề toàn cầu. Mối quan hệ dù trải qua nhiều giai đoạn khác nhau nhưng vẫn duy trì được hợp tác bền vững và tạo ra nhiều triển vọng.

Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, song hầu hết các công trình mới chỉ đề cập và tổng kết đến nhiệm kỳ đầu tiên (2014 - 2019) hoặc mới tiếp cận sang đầu nhiệm kỳ thứ hai (2019 - 2024) của Thủ tướng N. Modi. Vẫn chưa có một công trình chính thức nào trong/ngoài nước nghiên cứu tổng thể chính sách đối ngoại của vị Thủ tướng này từ năm 2014 đến nay, tức là làm rõ qua cả hai nhiệm kỳ cầm quyền và chiến thắng của ông N. Modi trong nhiệm kỳ thứ 3 (6/2024). Từ đó, chưa thể đưa ra được kết luận, so sánh, đối chiếu cũng như là thấy được sự phát triển trong chính sách đối ngoại của ông N. Modi. Điều này giúp luận án vừa có sự kế thừa của các nghiên cứu trước đó, vừa có những “khoảng trống” để tiếp tục phân tích và làm rõ.

Thứ nhất, về những nội dung luận án sẽ kế thừa

Những công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước đã khái quát về cơ sở lý luận và thực tiễn quá trình hình thành, triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi giành được độc lập đến nay. Thông qua các công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách đối ngoại và quan hệ song phương, đa phương của Ấn Độ, luận án tiếp thu và kế thừa nguồn tư liệu học thuật quý giá, giúp tác giả củng cố các luận điểm, luận cứ khoa học đã có, phục vụ quá trình nghiên cứu đề tài Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay. Đồng thời, đây là cơ sở để tác giả phân tích và so sánh những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi với các giai đoạn trước đó.

Thứ hai, những khoảng trống mà luận án sẽ nghiên cứu bổ sung

Một là, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay. Theo đó, hệ thống lại các cơ sở lý luận hình thành nên chính sách đối ngoại của New Delhi dưới thời Thủ tướng N. Modi. Bên cạnh những cơ sở lý luận các nghiên cứu trước đó đã khai thác như chủ nghĩa hiện thực, tự do, kiến tạo, khái niệm chính sách đối ngoại... tác giả đưa ra thêm một định nghĩa mới về chính sách đối ngoại, khái quát lại mô hình chủ thể duy lý và lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” làm khung lý thuyết của đề tài. Bên cạnh đó, tác giả cũng phân tích các nhân tố tác động đến quá trình hình thành chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu trước đó về vấn đề trên, nhưng các nghiên cứu này chưa cập nhật và phân tích đầy đủ các yếu tố tác động phức tạp mới nảy sinh trong giai đoạn hiện nay như cục diện thế giới, khu vực, tình hình Ấn Độ tính đến thời điểm hiện tại. Luận án tiếp tục bổ sung các nhân tố này một cách toàn diện trên cả ba cấp độ gồm cấp độ hệ thống, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân.

Hai là, chỉ ra những điểm kế thừa và điều chỉnh trong tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc đối ngoại và sự triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay so với các chính phủ tiền nhiệm. Các công trình trước đó chủ yếu đề cập và tổng kết đến nhiệm kỳ đầu tiên (2014 - 2019) của Thủ tướng N. Modi. Vẫn chưa có một công trình chính thức nào trong/ngoài nước nghiên cứu tổng thể chính sách đối ngoại của vị Thủ tướng này trong suốt hai nhiệm kỳ cầm quyền liên tiếp từ 2014 đến 2024. Do đó, chưa làm rõ được sự chuyển biến về lý luận, tư duy trong chính sách đối ngoại của ông N. Modi.

Ba là, luận án phân tích thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay theo lý thuyết vòng tròn đồng tâm: vòng tròn thứ nhất là các nước láng giềng, vòng tròn thứ hai là các nước láng giềng mở rộng, vòng tròn thứ ba là phần còn lại của thế giới. Đây sẽ là một góc độ phân tích khá mới mà chưa có đề tài nghiên cứu về tổng thể chính sách đối ngoại Ấn Độ trong một giai đoạn lịch sử sử dụng để phân tích.

Bốn là, luận án đã đánh giá về các thành tựu, hạn chế trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi so với các chính phủ tiền nhiệm. Từ đó, luận án đánh giá toàn diện những tác động của chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đối quan hệ quốc tế và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Luận án cũng đúc rút những kinh nghiệm và gợi mở chính sách cho Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ trong giai đoạn hiện nay.

Với những định hướng này, luận án sẽ phân tích, làm rõ quá trình vận động, phát triển chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay với những điểm kế thừa và điểm mới mà các nghiên cứu trước đó chưa thể hiện.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

2.1. Cơ sở lý luận

Trên thực tế, những lý thuyết về chính sách đối ngoại đều có nguồn gốc từ các lý thuyết trong quan hệ quốc tế như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo cũng như nhiều cách tiếp cận khác nhằm giải thích cội rễ bên trong của quá trình xác định và triển khai chính sách đối ngoại.

Nếu quan hệ quốc tế được xem là một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn, nơi có những lý thuyết mang tính toàn diện, quy mô thì chính sách đối ngoại được xem là một lĩnh vực nghiên cứu hẹp hơn, chú trọng tới việc xây dựng những lý thuyết bậc trung. Vì thế, khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, tác giả sẽ khái quát lại các lý thuyết quan hệ quốc tế (Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Lý tưởng, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo). Từ đó xem xét cách chúng ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách của Ấn Độ, suy ra bản chất và nguyên nhân đằng sau các quyết sách, thực tiễn triển khai và kết quả của chính sách đối ngoại đó.

2.1.1. Chủ nghĩa Hiện thực trong quan hệ quốc tế

Trong quan hệ quốc tế, Chủ nghĩa Hiện thực là trường phái lý thuyết chủ đạo, có lịch sử lâu đời nhất, tác động sâu sắc đến công tác hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia. Những quan điểm hiện thực xuất phát từ thời Hy Lạp và La Mã cổ đại, song phải đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) mới được giới nghiên cứu đặc biệt chú ý và trở thành học thuyết nổi bật. Chủ nghĩa Hiện thực chịu ảnh hưởng lớn từ thực tiễn chiến tranh, xoay quanh vấn đề chủ đạo là quyền lực - sự phân bổ và cạnh tranh quyền lực trong quan hệ quốc tế. Học thuyết phân tích hàng loạt các vấn đề trọng tâm của chính sách đối ngoại quốc gia như xu hướng chung của chính sách đối ngoại, các mẫu hình chính trong hoạt động chính sách, các điều kiện xác định nên chính sách, mục tiêu của chính sách, phương pháp đạt mục tiêu, và các chính sách chống lại nước khác. Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng, chủ thể chính trong hệ thống quan hệ quốc tế là các quốc gia - dân tộc có chủ quyền, còn các chủ thể khác như các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các công ty đa quốc gia, các nhóm hay cá nhân không đóng vai trò lớn. Từ quan niệm này, Chủ nghĩa Hiện thực có những luận điểm cơ bản như sau:

Một là, về bản chất, môi trường quốc tế là vô chính phủ và hỗn loạn. Đặc điểm này được thể hiện ở chỗ không tồn tại và không thể xây dựng được một thiết chế quyền lực siêu nhà nước, kiểu “chính phủ của toàn thế giới” với vai trò quản lý, điều phối và bình xét quan hệ giữa các chủ thể quốc gia. Để tồn tại trong môi trường vô chính phủ này, “mọi quốc gia đều tìm cách tối đa hóa quyền lực” để tự cứu lấy mình nên “sự cạnh tranh quyền lực rất dễ dẫn đến xung đột và chiến tranh. Chủ nghĩa Hiện thực xem xung đột là tuyệt đối và hợp tác trong quan hệ quốc tế chỉ là tương đối” [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 37-44].

Bàn về vấn đề này, Jackson Robert cũng cho rằng “sự phân bổ trong hệ thống quyền lực giữa các quốc gia là cấp độ quan trọng nhất để phân tích và giải thích chính sách đối ngoại” [Jackson, R., 2013, p.257]. Nghĩa là các quyết định về chính sách đối ngoại của một quốc gia chịu sự chi phối chủ đạo từ thực trạng phân bổ quyền lực trong hệ thống quốc tế. Mỗi một sự thay đổi hay chuyển dịch quyền lực của thế giới đều tác động trực diện đến quyết định lựa chọn công cụ, phương thức, chiến lược và mục tiêu chính sách đối ngoại của từng chủ thể. Chẳng hạn, trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh với sự cạnh tranh gay gắt của khối Xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa do Liên Xô và Mỹ đứng đầu, mục tiêu trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ là đảm bảo tính độc lập và tự chủ, giảm thiểu tối đa vòng ảnh hưởng của các Khối bằng cách sáng lập Phong trào Không liên kết (NAM). Điều này đã cho thấy tác động của sự phân bổ và cạnh tranh quyền lực trong việc hoạch định mục tiêu và chính sách đối ngoại của một nước.

Hai là, trong hệ thống quốc tế, các chủ thể luôn cố gắng xây dựng và tối đa hóa quyền lực. Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển cho rằng chính sự ích kỷ và khao khát quyền lực vốn có của con người là nguyên nhân khiến các quốc gia và các cá nhân ưu tiên quyền lực hơn các giá trị khác. Điều này có nghĩa là Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển nhấn mạnh tầm quan trọng của cấp độ phân tích cá nhân trong chính trị quốc tế. Hans Morgenthau - một trong những nhà tư tưởng nổi bật của Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển, cho rằng “con người, tự bản thân nó, là con người của quyền lực, điều này được thể hiện qua việc chiếm hữu hay tích lũy nguồn lực để đạt được mục tiêu cá nhân” [Trương Minh Huy Vũ, 2015]. Từ quan điểm xã hội học, xu hướng theo đuổi quyền lực có thể thấy ở mọi tổ chức xã hội, từ tôn giáo đến các đoàn thể. Nơi nào có sự liên kết giữa các cá nhân thì nơi đó sẽ xuất hiện những cuộc tranh giành quyền lực. Do đó, việc các quốc gia theo đuổi quyền lực và những

cuộc chiến tranh, xung đột giữa các quốc gia bắt nguồn từ bản chất ích kỷ và khao khát quyền lực của con người, đặc biệt là các nhà lãnh đạo.

Cũng khẳng định các quốc gia luôn tìm cách gia tăng quyền lực, Chủ nghĩa Tân Hiện thực tập trung vào cấp độ phân tích hệ thống quốc tế khi lý giải nguyên nhân các quốc gia tìm kiếm quyền lực. Trường phái này cho rằng trong một hệ thống vô chính phủ, sự phân bổ quyền lực tương đối giữa các quốc gia là yếu tố quan trọng đối với an ninh quốc gia. Vì vậy, các quốc gia nỗ lực gia tăng quyền lực để củng cố vị thế của mình trong hệ thống quốc tế và đảm bảo an ninh quốc gia. Đồng thời, các quốc gia cũng tìm cách cân bằng quyền lực với các quốc gia mạnh hơn để giảm thiểu sự chênh lệch quyền lực và giảm thiểu các mối đe dọa an ninh. Do đó, chiến tranh, xung đột trên thế giới được xuất phát từ cuộc cạnh tranh gia tăng quyền lực và cân bằng quyền lực giữa các quốc gia trong hệ thống, thay vì từ bản chất con người như lập luận của Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển. Quan điểm này chính là sự lý giải rõ nét cho nỗ lực gia tăng quyền lực của Ấn Độ trong mối tương quan với Trung Quốc, nhất là trong cấp độ khu vực. Đây cũng là cơ sở cho sự ra đời chính sách cân bằng quyền lực đối với Trung Quốc của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi trước sự bành trướng quyền lực “vượt ngoài tầm kiểm soát” của chính quyền Bắc Kinh trong khu vực và trên thế giới.

Ba là, Chủ nghĩa Hiện thực nhận định mối quan hệ ứng xử giữa các chủ thể bị ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố hệ thống, không chỉ bị chi phối bởi yếu tố quyền lực và lợi ích mà còn là bị tác động bởi hệ thống thứ bậc [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.43-44]. Luận điểm này mang màu sắc của trường phái Chủ nghĩa Tân Hiện thực và đặc biệt đúng khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Trước nỗ lực của Trung Quốc trong việc định hình và xây dựng một trật tự hệ thống “thứ bậc”, trong đó Bắc Kinh chiếm vị trí trung tâm của châu Á, Ấn Độ đã chủ trương “chính sách kiềm chế” đối với Trung Quốc nhằm kìm hãm tham vọng “bành trướng” của cường quốc này. Chủ trương này hoàn toàn phù hợp với chiến lược theo đuổi Chủ nghĩa Thực dụng trong chính sách đối ngoại của New Delhi dưới thời Thủ tướng N. Modi.

2.1.2. Chủ nghĩa Lý tưởng và Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế

Chủ nghĩa Lý tưởng trong quan hệ quốc tế có nguồn gốc từ chính sách đối ngoại của Mỹ trong giai đoạn giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919 - 1939). Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất, Tổng thống Woodrow Wilson đã đưa ra Tuyên bố "14 điểm" vào năm 1918 trước Quốc hội Mỹ, đề xuất các mục tiêu như quyền tự quyết của các dân

tộc, tự do thương mại, và giải trừ quân bị, nhằm xây dựng một nền hòa bình bền vững và công bằng toàn cầu. Ông khẳng định: "Nguyên tắc duy nhất xuyên suốt toàn bộ chương trình này là công lý cho tất cả các quốc gia và dân tộc, quyền được sống bình đẳng, tự do và an toàn với nhau, dù họ mạnh hay yếu" [Woodrow Wilson, 1918].

Chủ nghĩa Lý tưởng nhấn mạnh vào vai trò của các giá trị đạo đức, nguyên tắc đạo lý và niềm tin vào sự tiến bộ trong các mối quan hệ quốc tế. Theo Chủ nghĩa Lý tưởng, các quốc gia nên hợp tác với nhau để thúc đẩy hòa bình và ổn định toàn cầu, đồng thời đề cao các giá trị phổ quát như nhân quyền, tự do và dân chủ. Chủ nghĩa Lý tưởng phản đối việc sử dụng sức mạnh quân sự hay các biện pháp cưỡng chế để giải quyết xung đột, mà thay vào đó, ưu tiên sử dụng ngoại giao, thương thuyết và hợp tác quốc tế. Mục tiêu chính của Chủ nghĩa Lý tưởng là xây dựng một trật tự quốc tế dựa trên luật pháp quốc tế. Trách nhiệm đảm bảo trật tự thế giới sẽ thuộc về cộng đồng quốc tế thông qua các tổ chức và định chế toàn cầu. Tư tưởng này của Chủ nghĩa Lý tưởng được xem là đối lập hoàn toàn với quan điểm hiện thực trong chính trị quốc tế, nơi sức mạnh và quyền lực quốc gia được coi là động lực chính và chiến tranh, xung đột là điều tất yếu trong thế giới đề cao lợi ích quốc gia. Chủ nghĩa lý tưởng lập luận rằng chiến tranh và tình trạng vô chính phủ trong quan hệ quốc tế có thể giảm thiểu nếu các thể chế quốc tế được củng cố và cải tổ, và điều này đòi hỏi sự hợp tác của nhiều quốc gia, không thể chỉ dựa vào nỗ lực đơn phương của một quốc gia.

Với quan niệm trên, Chủ nghĩa Lý tưởng đã trở thành nhân tố cốt lõi trong việc hình thành chính sách đối ngoại của Ấn Độ trước thời N. Modi, với người đặt nền móng đầu tiên là Thủ tướng J. Nehru. Dưới thời J. Nehru, chính sách đối ngoại của Ấn Độ được xây dựng dựa trên các nguyên lý của chủ nghĩa lý tưởng, đặc biệt là tư tưởng về hòa bình và không tham gia vào các liên minh quân sự trong chiến tranh lạnh. Ông J.Nehru khởi xướng chính sách Không liên kết (NAM), nhằm tránh sự phụ thuộc vào các cường quốc lớn như Mỹ và Liên Xô, đồng thời thúc đẩy một trật tự thế giới mới công bằng và hòa bình. Chính sách này phản ánh chủ nghĩa lý tưởng trong việc tìm kiếm các giải pháp hòa bình, công bằng và hợp tác thay vì đối đầu và xung đột. Ông Nehru tin tưởng mạnh mẽ vào nguyên tắc công lý toàn cầu, hợp tác quốc tế và quyền tự quyết của các dân tộc. Ấn Độ tích cực tham gia vào các sáng kiến toàn cầu để giải quyết các vấn đề quốc tế, từ việc kêu gọi giải trừ vũ khí hạt nhân đến việc hỗ trợ các cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do trên toàn thế giới. Tư tưởng này vẫn tiếp tục được kế thừa và tiếp nối đến thời Thủ tướng M. Singh.

Dưới thời Thủ tướng N. Modi, dấu ấn của Chủ nghĩa Lý tưởng không còn quá đậm nét. Thay vào đó là cách tiếp cận thực dụng và chiến lược hơn. Tuy nhiên, một số yếu tố lý tưởng vẫn hiện diện trong chính sách đối ngoại của ông, đặc biệt là trong cách Ấn Độ xây dựng quan hệ quốc tế, thúc đẩy hòa bình và hợp tác khu vực. Dù có sự thay đổi mạnh mẽ trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ vẫn duy trì cam kết với các nguyên lý hòa bình và an ninh toàn cầu, thể hiện lập trường ủng hộ các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, và tiếp tục là đối tác chủ chốt trong các sáng kiến toàn cầu về biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo. Chẳng hạn, việc tham gia vào Thỏa thuận Paris về khí hậu năm 2015 là một ví dụ điển hình của việc Ấn Độ vẫn giữ vững cam kết đối với hòa bình và phát triển bền vững, các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa lý tưởng. Bên cạnh đó, chính sách "Hướng Đông" của ông N. Modi tiếp tục thúc đẩy hợp tác khu vực tại Đông Nam Á, mở rộng mối quan hệ với các quốc gia trong khu vực và tăng cường sự tham gia của Ấn Độ trong các tổ chức như ASEAN và EAS, cam kết xây dựng một khu vực hòa bình và ổn định, khuyến khích hợp tác kinh tế, văn hóa và an ninh, thể hiện một phần tư tưởng lý tưởng trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, đồng thời khuyến khích một môi trường hòa bình, ổn định.

Trong lịch sử phát triển Lý thuyết quan hệ quốc tế, Chủ nghĩa Lý tưởng dù ra đời từ rất sớm nhưng luôn bị phê phán bởi những người theo Chủ nghĩa Hiện thực bởi chưa làm rõ được bản chất của quan hệ quốc tế, chưa phân tích được nền chính trị giữa các quốc gia mà chỉ thiên về việc cần làm gì một cách duy ý chí. Khi đó, những người theo Chủ nghĩa Tự do - một trường phái vốn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố "lý tưởng" - bắt đầu có những thay đổi căn bản về lý luận và cách tiếp cận, thay thế cho Chủ nghĩa Lý tưởng.

Chủ nghĩa Tự do đề cập đến vai trò của các chủ thể phi quốc gia (như tổ chức quốc tế, các công ty xuyên quốc gia...) bên cạnh các chủ thể quốc gia trong quan hệ quốc tế. Sự xuất hiện của các thể chế quốc tế này đã buộc các chủ thể quốc gia phải có sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại để phù hợp với lợi ích của các thể chế quốc tế mà quốc gia đó là thành viên. Từ quan niệm này, Chủ nghĩa Tự do có những luận điểm cơ bản như sau:

Một là, Chủ nghĩa Tự do cho rằng hòa bình, hợp tác là xu hướng chủ đạo của thế giới. Tuy nhiên, nếu Chủ nghĩa Lý tưởng tuyệt đối hóa nguyên tắc chung sống hòa bình, hướng đến sự hòa bình vĩnh cửu, thì Chủ nghĩa Tự do lại có góc nhìn linh hoạt và thực tế hơn khi hướng các chủ thể quốc tế hợp tác với nhau dựa trên những lợi ích chung chứ không phải dựa trên các nguyên tắc đạo lý và giá trị đạo đức. Chủ nghĩa Tự do cũng không

tuyệt đối hóa môi trường hòa bình mà chỉ coi đây là xu hướng chủ đạo và ở một mức độ nhất định, hợp tác và cạnh tranh có thể tồn tại song hành cùng nhau. Hiện nay, cùng với quá trình toàn cầu hóa kinh tế, các chủ thể quốc tế có nhiều lợi ích đan xen, gắn bó, phụ thuộc lẫn nhau, vì thế sự hợp tác lẫn nhau ngày càng chặt chẽ. Mỗi quan hệ hợp tác này “có thể thực hiện trên cơ sở tương đồng nhất định chứ không nhất thiết phải có sự hài hòa hay thống nhất...” [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 69]. Ví dụ, ở cấp độ toàn cầu, xuất phát từ xu hướng chung của thế giới, mức độ phụ thuộc, hợp tác trong quan hệ quốc tế, Ấn Độ và Trung Quốc đều duy trì mối quan hệ ổn định với nhau. Song ở một khía cạnh khác, Ấn Độ vẫn âm thầm “bắt tay” với Mỹ tung loạt sáng kiến tham vọng để ứng phó với Trung Quốc. *Hai là*, quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa đang đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố thẩm quyền và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức, thể chế quốc tế. Đồng thời, quá trình này cũng thúc đẩy việc hoàn thiện và thực thi hệ thống pháp lý, các chuẩn mực quốc tế, khiến luật pháp quốc tế trở thành công cụ điều chỉnh bắt buộc đối với mọi quốc gia. Quan hệ quốc tế đang hướng tới việc xây dựng các mô hình và cơ chế quản trị toàn cầu tương tự như một hệ thống chính trị quốc gia. Điều này bắt nguồn từ một luận điểm cơ bản rằng các tổ chức, thiết chế quốc tế và toàn cầu (như các tổ chức quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia) sẽ dần trở thành các chủ thể chính, có vai trò quyết định đối với quá trình phát triển toàn cầu, trong khi vai trò của các quốc gia dần trở nên thứ yếu. Vì vậy, xu hướng tương lai là sự gia tăng vai trò và ảnh hưởng của các thiết chế quốc tế, làm suy giảm quyền lực và chủ quyền của các quốc gia. Quan điểm này ảnh hưởng rất lớn đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời N. Modi khi ông đặc biệt thúc đẩy việc tăng cường vai trò của New Delhi tại các tổ chức quốc tế, nhằm tham gia mạnh mẽ vào quá trình thiết lập các chương trình nghị sự của thế giới và trở thành người “tạo ra luật chơi” thật sự thay vì chỉ là một lực lượng cân bằng.

Ba là, trong quá trình tương tác giữa các chủ thể quốc tế, dần dần đã hình thành và duy trì một hệ thống giá trị, các quy tắc đạo đức và chuẩn mực ứng xử chung cho mọi quốc gia. Trường phái tự do cho rằng sự tồn tại, bảo tồn và truyền bá các giá trị và chuẩn mực chung này sẽ giúp các dân tộc hiểu biết lẫn nhau hơn, từ đó tăng cường quan hệ hợp tác, hòa bình, hữu nghị, và giảm thiểu xung đột, chiến tranh giữa các quốc gia. Ấn Độ là quốc gia hiểu rất rõ luận điểm này, do đó, họ luôn khao khát lan tỏa các giá trị và chuẩn mực của riêng mình ra thế giới, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và tạo dựng các "luật chơi" có lợi cho Ấn Độ trên trường quốc tế. Trong khi các chuẩn mực phương Tây đã được định

hình và chi phối nền tảng của hệ thống toàn cầu, Ấn Độ hy vọng có thể đưa vào các yếu tố văn hóa, tư tưởng và triết lý của mình thành một chuẩn mực định hình lại những nguyên tắc và giá trị quốc tế. Điều này giúp Ấn Độ củng cố vị thế trên trường quốc tế và mở cơ hội cho sự phát triển của một hệ giá trị đa dạng hơn, không bị ràng buộc chặt chẽ bởi những chuẩn mực phương Tây vốn đã đóng đinh từ lâu.

Bốn là, Chủ nghĩa Tự do dành nhiều quan tâm đối với mối quan hệ chính trị trong nước cũng như các yếu tố đối nội. Vì quốc gia không phải là một thực thể đơn nhất, nên bên trong quốc gia tồn tại nhiều lực lượng khác nhau cùng tham gia xác định lợi ích quốc gia và hoạch định chính sách đối ngoại. Các lực lượng này có lợi ích và quan điểm khác nhau về đối ngoại. Khi cùng tham gia, mỗi nhóm đều cố gắng biến lợi ích của mình thành lợi ích quốc gia hoặc ít nhất là tác động đến lợi ích quốc gia sao cho có lợi hơn cho mình. Do đó, lợi ích quốc gia và chính sách đối ngoại thường là kết quả của quá trình đấu tranh, thỏa hiệp và liên minh giữa các nhóm, chứ không phải lúc nào cũng phản ánh đúng lợi ích quốc gia. Nói cách khác, lợi ích quốc gia và chính sách đối ngoại còn phụ thuộc vào mối quan hệ và tương quan giữa các nhóm nội bộ. Điều này trái ngược với quan điểm coi nhà nước là một chủ thể đơn nhất của Chủ nghĩa Hiện thực. Bên cạnh đó, các yếu tố nội bộ có thể thúc đẩy hoặc kiềm chế ý chí của các nhà lãnh đạo, từ đó ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại. Chẳng hạn các yếu tố như tự do, dân chủ, nhân quyền có thể tác động đến chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế. Như vậy, khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, cần phân tích các yếu tố tác động ở cấp bậc quốc gia như đảng phái chính trị, nhà lãnh đạo quốc gia, lợi ích các nhóm xã hội quốc nội....

2.1.3. Chủ nghĩa Kiến tạo trong quan hệ quốc tế

Chủ nghĩa Kiến tạo đưa ra một hệ thống các quan điểm về các vấn đề cơ bản trong quan hệ quốc tế bao gồm bản chất của nhà nước, bản chất vô chính phủ của hệ thống quốc tế, vấn đề quyền lực hay sự thay đổi trong quan hệ quốc tế... Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh về mối quan hệ giữa bản sắc và lợi ích quốc gia. Chủ nghĩa Kiến tạo có ba luận điểm cơ bản như sau:

Một là, bản sắc, các chuẩn tắc, niềm tin và các giá trị đều mang tính cấu trúc và tác động mạnh mẽ đến hành vi của chủ thể chính trị - xã hội trong quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh đến tầm quan trọng của cấu trúc mang tính nhận thức (cấu trúc phi vật chất) hơn là cấu trúc vật chất. Luận điểm này hoàn toàn phù hợp để lý giải sự định hình mạnh mẽ của các triết lý truyền thống, bề dày lịch sử, di sản tư tưởng phong phú,

bản sắc dân tộc và các giá trị văn hóa của người Ấn Độ... đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia này. Chẳng hạn, kể từ khi độc lập đến hiện tại, Ấn Độ luôn nhấn mạnh quan điểm hòa bình, được thể hiện qua những khái niệm như *Panchsheel* (05 nguyên tắc chung sống hòa bình từ thời Thủ tướng J. Nehru) và *Panchamrit* (05 trụ cột trong chính sách đối ngoại Ấn Độ của Thủ tướng N. Modi). *Panchsheel*, được giới thiệu vào thập niên 1950, tập trung vào 05 nguyên tắc là tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác; bình đẳng, hợp tác cùng có lợi và chung sống hòa bình [Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, 2024]. *Panchamrit*, trong thời hiện đại, thể hiện việc Ấn Độ duy trì những giá trị truyền thống của mình trong khi thích nghi với bối cảnh toàn cầu hóa và tương tác quốc tế, với các trụ cột như phẩm giá và danh dự; tham gia và đối thoại sâu rộng hơn; chia sẻ sự thịnh vượng; an ninh khu vực và toàn cầu; các liên kết văn hóa và nền văn minh [Lê Văn Toan, 2018b]. Đây là những giá trị bắt nguồn từ tư tưởng Hindu về hòa bình và sự cân bằng trong mối quan hệ giữa con người và thế giới. Như vậy, thông qua tư tưởng kiến tạo, bản sắc văn hóa và lịch sử của Ấn Độ đã quyết định cách tiếp cận của họ trong việc định hình chính sách đối ngoại, tạo nên hành vi mang tính chiến lược nhưng vẫn bảo tồn bản sắc dân tộc.

Hai là, mỗi nước để có một *bản sắc quốc gia*, đó là cách họ tự nhận thức về bản thân mình, từ đó xác định được những mục tiêu và lợi ích mà họ đang theo đuổi. Song trên thực tế, con đường để các quốc gia hiện thức hóa được những mục tiêu này lại bị chi phối mạnh mẽ bởi *bản sắc xã hội*, đó là cách các quốc gia nhận thức về mình trong mối tương quan với các quốc gia khác trong hệ thống quốc tế. Từ đó, các chủ thể quốc gia sẽ định hình nên lợi ích của quốc gia mình dựa trên nền tảng của những bản sắc này. Ấn Độ, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi, đã tập trung xây dựng một hình ảnh quốc gia mạnh mẽ và tự chủ, phản ánh cách quốc gia này nhận thức về bản thân trong bối cảnh toàn cầu. New Delhi đã tập trung phát triển tinh thần dân tộc, nhấn mạnh sự hồi sinh của các giá trị văn hóa và lịch sử Ấn Độ, khẳng định vị thế là một cường quốc đang trỗi dậy trong hệ thống quốc tế.

Ba là, Chủ nghĩa Kiến tạo chú ý tới mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể và cấu trúc cũng như vai trò của thực hành bản sắc và lợi ích của chủ thể trong quan hệ quốc tế. Các nước có thể có nhiều *bản sắc xã hội* không giống nhau, các bản sắc này có thể mang thiên hướng hợp tác hoặc cạnh tranh, và lợi ích quốc gia cũng thay đổi phụ thuộc vào *bản sắc xã hội* mà quốc gia định hình.

Tóm lại, mỗi một lý thuyết quan hệ quốc tế đều có những lý lẽ và quan điểm riêng. Nếu Chủ nghĩa Hiện thực đề cao các yếu tố trong cấp độ hệ thống, nhấn mạnh về sự phân bổ quyền lực của các chủ thể quốc gia trong quan hệ quốc tế và xu hướng xung đột là tất yếu, thì Chủ nghĩa Tự do lại dành sự quan tâm tới vai trò của các yếu tố trong cấp độ quốc gia khi nghiên cứu chính sách đối ngoại của mỗi nước, đồng thời đề cập thêm vai trò của các chủ thể phi quốc gia trong hệ thống quốc tế và coi hợp tác mới là xu hướng chủ đạo của thế giới. Trong khi đó, Chủ nghĩa Kiến tạo đi sâu và quá trình kiến tạo cộng đồng chung bằng sự tương tác lẫn nhau cùng với mối quan hệ giữa bản sắc và lợi ích quốc gia trong cấu trúc quan hệ quốc tế.

Mỗi học thuyết đều tự nhận định lý lẽ của mình là đúng, tưởng như không có tính thống nhất. Tuy nhiên, chuyên đề sẽ không tự đóng khung trong một học thuyết quan hệ quốc tế nhất định, mà kết hợp sử dụng cả Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Lý tưởng, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo để lý giải một cách toàn diện cho các nhân tố tác động và nội dung của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi.

2.1.4. Chính sách đối ngoại

2.1.4.1. Khái niệm chính sách đối ngoại

- Khái niệm chính sách

Theo Từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “Chính sách” được hiểu theo nghĩa chung nhất là “sách lược và kế hoạch cụ thể nhằm đạt được mục đích nhất định, dựa vào đường lối chính trị chung và tình hình thực tế mà đề ra” [Viện Ngôn ngữ học, 1994, tr. 157]. Theo cách lý giải này, chính sách là những sách lược cụ thể phụ thuộc vào từng thời điểm lịch sử, từng hoàn cảnh cụ thể mà đề ra các phương hướng, kế hoạch phù hợp để đạt được mục tiêu lâu dài của một chính phủ, một tổ chức hay một cá nhân. Trong Từ điển Bách khoa Việt Nam định nghĩa “Chính sách là những chuẩn tắc cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ. Chính sách được thực hiện trong một thời gian nhất định trên những lĩnh vực cụ thể nào đó. Bản chất, nội dung và phương hướng của chính sách tùy thuộc vào tính chất của đường lối, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa...” [Trung tâm Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, 1995, tr. 475]. Do đó, để định ra chính sách đúng phải căn cứ vào tình hình thực tiễn trong từng lĩnh vực, từng giai đoạn, phải vừa giữ vững được mục tiêu, phương hướng được xác định trong đường lối, nhiệm vụ chung, vừa linh hoạt, vận dụng vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể. Theo James E. Anderson: “Chính sách là một quá trình hành động có mục đích mà một cá nhân hoặc một nhóm theo đuổi một cách kiên định

trong việc giải quyết vấn đề” [Đặng Ngọc Lợi, 2008]. Chính sách đưa ra bao giờ cũng nhằm mục đích giải quyết các vấn đề cấp bách đối với một cá nhân hay một nhóm trong một thời kỳ nhất định.

Đối với một Đảng cầm quyền hay một nhà nước, chính sách là chủ trương cụ thể của một Đảng hay chính phủ về nhiệm vụ phát triển chung của đất nước theo một chiến lược phát triển lâu dài. Chính sách của nhà nước bao gồm chính sách đối nội và chính sách đối ngoại.

- Khái niệm chính sách đối ngoại

Bàn về chính sách đối ngoại, Giáo sư Chính trị học Marijke Breuning cho rằng chính sách đối ngoại là “tổng thể các chính sách và các mối tương tác với môi trường bên ngoài biên giới quốc gia” [Breuning, M., 2007].

Tại Việt Nam, nhiều học giả cũng đã đưa ra nhận định của mình về khái niệm chính sách đối ngoại như: Chính sách đối ngoại là “những mục tiêu chung hướng dẫn các hoạt động và các mối quan hệ của một quốc gia trong sự tương tác với các quốc gia khác” [Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, 2011, tr. 256]; là “Chủ trương, chiến lược, kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể do một quốc gia đề ra liên quan đến các mối quan hệ quốc tế mà quốc gia đó thiết lập với các quốc gia và các chủ thể khác nhằm tăng cường và bảo vệ lợi ích quốc gia của mình” [Dương Văn Quảng, 2002]; “Chính sách đối ngoại của bất kỳ một quốc gia nào dù lớn hay nhỏ bao giờ cũng nhằm phục vụ ba mục tiêu cơ bản là mục tiêu an ninh; mục tiêu phát triển và mục tiêu ảnh hưởng” [Vũ Khoan, 1993, tr. 3]. Cùng với đó, các nhà nghiên cứu Ấn Độ cho rằng “Chính sách đối ngoại là nỗ lực của một quốc gia nhằm tối đa hóa lợi ích quốc gia của mình trong môi trường bên ngoài hoặc quốc tế” [MEA, GoI, 2009].

Nhìn chung, các khái niệm trên đều nhấn mạnh vào bản chất của chính sách đối ngoại là những quyết định chiến lược trong mối quan hệ tương tác với bên ngoài (bao gồm chủ thể quốc gia và phi quốc gia), song hầu hết là hướng tới các chủ thể quốc gia. Mục đích cao nhất của chính sách đối ngoại bao giờ cũng là tối đa hóa lợi ích của quốc gia, thể hiện trên ba trụ cột mục tiêu là an ninh (độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ); phát triển (tăng trưởng về kinh tế, đảm bảo sự thịnh vượng và các giá trị cho con người) và ảnh hưởng (nâng cao vị thế và vai trò của quốc gia trong khu vực và quốc tế).

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra định nghĩa *Chính sách đối ngoại là một bộ phận trong chính sách chung của một quốc gia được xây dựng dựa trên lợi ích quốc gia -*

dân tộc đó, là tập hợp những quyết định chiến lược mà quốc gia đề ra trong quá trình quan hệ với các quốc gia khác nhằm phục vụ các mục tiêu về phát triển, an ninh và ảnh hưởng.

Sự thành công của chính sách đối ngoại phụ thuộc vào sự ước tính và dự đoán chính xác ảnh hưởng của những lực lượng chi phối hoàn cảnh bên ngoài và bên trong quốc gia. Những nhà cầm quyền dựa vào tình hình trong nước và những tác động bên ngoài mà đề ra những chính sách đối ngoại phù hợp với đất nước. Chính sách đối ngoại được hình thành qua các giai đoạn sau: *Thứ nhất* là xác định các quyền lợi và mục tiêu quốc gia. Những nhà lãnh đạo cần xác định được quyền lợi và mục tiêu quốc gia trong sự tác động của hoàn cảnh nội tại và sự ảnh hưởng từ bên ngoài. Quyền lợi quốc gia gồm lợi ích về an ninh, sự phát triển thịnh vượng và ảnh hưởng của quốc gia. Chính sách đối ngoại phải hướng tới mục tiêu giữ vững hay nâng cao vị thế, quyền lực của quốc gia trên trường quốc tế. *Thứ hai* là xếp hạng quyền lợi và mục tiêu. Muốn thực hiện thành công chính sách đối ngoại, nhà cầm quyền phải huy động được toàn bộ tiềm lực của đất nước vì mục tiêu chung. Song vì có tính giới hạn của phương tiện quốc gia nên mỗi quốc gia phải xác định rõ quyền lợi chủ yếu và quyền lợi thứ yếu để có những ưu tiên và điều chỉnh phù hợp cho chính sách đối ngoại. Quyền lợi chủ yếu là những quyền lợi cơ bản và quan trọng nhất, không thể loại bỏ được như sự toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập của quốc gia, quyền lợi chủ yếu cần được ưu tiên trong quá trình thực hiện chính sách đối ngoại. Trong khi đó, quyền lợi thứ yếu là những quyền lợi không mang tính thiết yếu hoặc không quan trọng bằng quyền lợi chủ yếu trong một hoàn cảnh nhất định. Cuối cùng, bản chất của chính sách đối ngoại là các cuộc đàm phán và cân nhắc ngoại giao, chứ không phải là luật pháp và do đó chính sách đối ngoại nằm ngoài phạm vi liên kết trách nhiệm trực tiếp với cử tri và được xây dựng trước hết bởi bộ máy nhà nước, với trường hợp của Ấn Độ là Thủ tướng và Hội đồng Bộ trưởng, đặc biệt là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và bộ máy hành chính - tức là Bộ Ngoại giao, cùng với các cơ quan chuyên trách bao gồm các đại sứ quán, lãnh sự quán và các cơ quan khác (Hội đồng An ninh Quốc gia, Văn phòng Thủ tướng, Quốc hội, các bang/tiểu bang). Đây là những người chia sẻ mọi trách nhiệm thực chất về mặt ngoại giao trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Ngoài ra, còn có các tác nhân không chính thức trong việc hoạch định chính sách đối ngoại là phương tiện truyền thông, các nhóm lợi ích, tổ chức phi chính phủ, Cộng đồng hải ngoại, các nhóm chuyên gia nghiên cứu và tư vấn (ICWA, RIS, ORF...) và khu vực tư nhân.

Chính sách đối ngoại có thể được tiếp cận qua hai phương diện chính, gồm văn bản chính sách và hành vi chính sách.

(1) Văn bản chính sách bao gồm các tài liệu chính thức và tuyên bố của chính phủ, trong đó nêu rõ mục tiêu, nguyên tắc và hướng đi của các hoạt động đối ngoại. Những văn bản này thường phản ánh quan điểm của quốc gia về các mối quan hệ quốc tế và vấn đề quốc tế, giúp xác định vị thế và chiến lược trong quan hệ với các nước khác.

(2) Hành vi chính sách, ngược lại, bao gồm các hành động và quyết định thực tế mà quốc gia đưa ra trong bối cảnh quan hệ quốc tế. Điều này có thể là hành động ngoại giao, thỏa thuận, hoặc bất kỳ hoạt động nào mà quốc gia thực hiện để đạt được mục tiêu chính trị. Hành vi này không chỉ phản ánh nội dung của văn bản chính sách mà còn cho thấy khả năng và cam kết thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Với Ấn Độ, chính sách đối ngoại dưới thời Thủ tướng N. Modi đã được đề cập đến trong một số các văn bản chính thức như Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP; Báo cáo về Chính sách đối ngoại thường niên; Chương trình “Sứ mệnh Ấn Độ tự cường”; Tuyên bố chung trong các hội nghị thượng đỉnh như G20, QUAD; Diễn văn của Thủ tướng N. Modi tại UN; các bài phát biểu chính thức của Thủ tướng N. Modi... Tuy nhiên, điểm chung của những văn bản này là chỉ đề cập đến một hoặc một số điểm trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, chưa có một văn bản chính thức nào tường thuật đầy đủ về tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc đối ngoại hay các chiến lược, chiến thuật đối ngoại của New Delhi. Chẳng hạn như nỗ lực tiên phong trong các hoạt động cứu trợ thiên tai, hỗ trợ nhân đạo, xây dựng cơ sở hạ tầng với tinh thần “Vasudhaiva Kutumbakam” (Thế giới là một gia đình), tăng cường hợp tác tại các diễn đàn đa phương... chính là biểu hiện cho Chính sách “Đa liên kết” của Ấn Độ vốn là đặc trưng của đường lối đối ngoại dưới thời Thủ tướng N. Modi. Điều này đòi hỏi người nghiên cứu phải có sự tổng hợp tài liệu để đưa ra một góc nhìn tổng thể và đối chiếu với các hành vi trong thực tế để làm rõ các chính sách của Ấn Độ.

Tóm lại, khi phân tích chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi (2014 - 2024), tác giả sẽ kết hợp nghiên cứu trên cả hai phương diện văn bản chính sách và hành vi chính sách nhằm làm rõ tổng thể chính sách đối ngoại của Ấn Độ dựa trên sự thống nhất về phát ngôn, công bố và thực tiễn.

2.1.4.2. Mô hình Chủ thể duy lý

Chính sách đối ngoại là một lĩnh vực phức tạp và các quyết định về chính sách đối ngoại thường bị chi phối bởi các yếu tố bên trong và bên ngoài nhà nước. Sẽ rất hữu ích

nếu có các mô hình phân tích để làm sáng tỏ các tác động này và giúp giải thích cách các quốc gia hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của họ. Có năm mô hình chính trong phân tích chính sách đối ngoại bao gồm Mô hình Chủ thể duy lý (The rational actor model), Mô hình Chính trị quan liêu (The bureaucratic politics model), Mô hình Quy trình tổ chức (The organizational process model), Mô hình Chính trị liên ngành (The interbranch politics model) và Mô hình Tiến trình chính trị (The political process model).

Trong đó, phương pháp phân tích chính sách đối ngoại được áp dụng rộng rãi nhất là Mô hình Chủ thể duy lý [Norwich University, 2024]. Cách tiếp cận này giả định rằng tác nhân chính trong chính sách đối ngoại là một chủ thể duy lý, người có thể đưa ra các quyết định sáng suốt nhằm tối đa hóa giá trị và lợi ích cho quốc gia. Theo đó, lợi ích được xem là điểm cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại, và các chủ thể sẽ thường đánh giá mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích (cost - benefit) của cách thức, công cụ sử dụng để lựa chọn phương án tối đa hóa lợi ích nhất. Có bốn bước chính trong quá trình ra quyết định của chủ thể duy lý (1) Xác định vấn đề, (2) Xác định kết quả mong muốn, (3) Đánh giá các lựa chọn chính sách tiềm năng và (4) Đưa ra quyết định hợp lý nhất để tối đa hóa lợi ích. Cách tiếp cận lý thuyết Mô hình Chủ thể duy lý có thể sử dụng để hiểu các mục tiêu và hàm ý đằng sau một quyết định chính sách đối ngoại.

Tác giả lựa chọn áp dụng Mô hình Chủ thể duy lý để lý giải nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ năm (2014 - 2024) và phân tích tầm nhìn, mục tiêu và nguyên tắc của chính sách đối ngoại này. Lý giải cho sự lựa chọn này là do vì các quyết định của Chính phủ N. Modi dường như tuân theo logic của việc tối đa hóa lợi ích quốc gia dựa trên đánh giá chi phí và lợi ích.

Trước tiên, ông N. Modi khẳng định chính sách đối ngoại của ông luôn hướng tới việc tối đa hóa giá trị và lợi ích cho quốc gia với phương châm “Ấn Độ trên hết” [VTV Online, 2019]. Theo đó, lợi ích được xem là điểm cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với lý thuyết Mô hình Chủ thể duy lý.

Thứ hai, Mô hình Chủ thể duy lý giả định rằng nhà lãnh đạo và chính phủ hành động theo cách tối ưu hóa lợi ích quốc gia, cân nhắc lợi ích kinh tế, chính trị và an ninh. Ấn Độ dưới thời N. Modi đã áp dụng các chiến lược nhằm củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế, như việc tham gia vào các liên minh quốc tế mới và thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế song phương với các cường quốc. Chính sách “Hành động hướng Đông” là một ví dụ điển hình khi ông N. Modi đã đưa ra các quyết định dựa trên lợi ích chiến lược và

kinh tế, nhằm tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ ở khu vực ÁDD - TBD để đối trọng với ảnh hưởng của Trung Quốc.

Bên cạnh đó, Chính phủ N. Modi đã nhiều lần thể hiện việc đánh giá kỹ lưỡng các khả năng khác nhau trong chính sách đối ngoại, từ việc phát triển năng lực quốc phòng đến xây dựng các mối quan hệ ngoại giao có lợi về kinh tế và chính trị. Quyết định của Ấn Độ trong việc tham gia vào các hiệp định thương mại và quan hệ ngoại giao chặt chẽ hơn với các nước phương Tây nhằm cân bằng sức mạnh với các đối thủ khu vực là minh chứng rõ ràng cho cách tiếp cận duy lý này.

2.1.4.3 Các cấp độ phân tích chính sách đối ngoại

Để làm rõ các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, luận án sử dụng phương pháp phân tích theo 03 cấp độ của K. Waltz - nhà lý thuyết quan hệ quốc tế nổi tiếng của Mỹ, bao gồm: (1) Cấp độ hệ thống quốc tế (2) Cấp độ quốc gia (3) Cấp độ cá nhân.

- Cấp độ hệ thống quốc tế

Hệ thống quốc tế là một chỉnh thể sống động, gồm tập hợp các chủ thể quan hệ quốc tế cùng sự tương tác lẫn nhau giữa chúng được cơ cấu theo những luật lệ và mẫu hình nhất định. Phân tích theo cấp độ hệ thống quốc tế là cách tiếp cận từ trên xuống, nhấn mạnh đến sự hiện diện của hệ thống kinh tế - chính trị - xã hội toàn cầu mà trong đó các chủ thể quan hệ quốc tế như Ấn Độ tham gia vào hệ thống và tương tác với các chủ thể khác. Hệ thống quốc tế có cách thức vận hành riêng biệt, vừa tạo ra những cơ hội, vừa tiềm ẩn những rào cản thách thức, từ đó tác động đến hành vi của chủ thể trong các mối quan hệ quốc tế. Các nhà nghiên cứu chính sách dựa trên cấp độ hệ thống cho rằng có thể dự đoán cách thức vận hành của hệ thống quốc tế ở một mức độ nhất định, từ đó xác định được các xu hướng hành vi của các chủ thể.

Có 05 điểm khác biệt giữa cấp độ hệ thống với hai cấp độ phân tích còn lại: *Một là*, không có một cơ cấu, bộ máy hữu hình như hệ thống quốc gia nên hệ thống quốc tế được xem như một hệ thống phi hình thức. Do đó, hệ thống quốc tế sẽ chỉ tác động gián tiếp đến các chủ thể và chỉ được xem xét dưới góc nhìn lịch sử. *Hai là*, hệ thống quốc tế hội tụ các điểm chung của quan hệ quốc tế, từ đó biểu hiện ra thành xu hướng vận động của quan hệ quốc tế. *Ba là*, hệ thống quốc tế là một hệ thống xã hội, nên bị ảnh hưởng mạnh mẽ của các yếu tố chủ quan. Tính quy luật chưa rõ ràng, tính ổn định chưa cao, các tương tác khó nhận thấy và khó kiểm soát. *Bốn là*, hệ thống mở và tính tổ chức thấp. *Năm*

là, trạng thái chủ đạo là vô tính chủ vì hệ thống quốc tế là tập hợp của nhiều chủ thể quan hệ quốc tế, đặc biệt là quốc gia, song nó không phải của riêng chủ thể nào. Cấp độ hệ thống bao gồm cấp độ khu vực và cấp độ toàn cầu.

Trên phạm vi toàn cầu, hệ thống quan hệ quốc tế được xây dựng trên nền tảng sắp xếp, duy trì và cân bằng quyền lực của các chủ thể nắm giữ cực của trật tự. Một cực của hệ thống thông thường sẽ là một cường quốc, một liên minh đa quốc gia, các ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ hệ thống, đến mức sự mất đi của một cực sẽ có thể chi phối đến cả nền kinh tế, chính trị của hệ thống. Có 03 dạng trật tự thế giới: đơn cực, lưỡng cực, đa cực. Theo đó, cục diện thế giới hiện nay được xem là “nhất siêu đa cường” và đang định hình xu thế trật tự đa cực với sự nổi lên của các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản... Tức là, quyền lực quốc tế đang được trải rộng trên một số quốc gia, nhưng lại không tạo ra sự cân bằng quyền lực, nên chưa thể hình thành trật tự thế giới đa cực. Tiến trình phát triển đến trật tự đa cực của thế giới được cho là sẽ diễn ra trong một thời gian dài, với sự bất ổn định của hệ thống khi các xung đột quốc tế có thể xảy ra. Sự định hình của cục diện thế giới “đa cực, đa trung tâm” với điểm then chốt là cuộc “so găng” giữa các nước lớn để khẳng định vị thế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các quyết sách đối ngoại của Ấn Độ.

Bên cạnh đó, với góc nhìn của cấp độ hệ thống, có thể thấy Ấn Độ còn chịu tác động mạnh mẽ từ các tổ chức quốc tế, nhất là các tổ chức quốc tế có “tiếng nói” về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội như UN, WTO, ASEAN...

- Cấp độ quốc gia

Các nhà phân tích cấp độ quốc gia đề cao vai trò quan trọng của nhà nước và các quy trình chính trị nội bộ của họ trong tiến trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại. Do đó, cách tiếp cận này sẽ nhấn mạnh đến các nhân tố ít mang tính tổng quát như cách tiếp cận vĩ mô của cấp độ hệ thống, nhưng cũng không đi sâu vào các nhân tố quá chi tiết như cách tiếp cận vi mô của cấp độ cá nhân. Cách tiếp cận ở cấp độ quốc gia chủ yếu phân tích vai trò của sự tác động qua lại giữa lực lượng bên trong nhà nước như cơ quan hành pháp, lập pháp, các nhóm lợi ích đối với chính sách đối ngoại của một quốc gia.

Vì thế, khi phân tích chính sách đối ngoại Ấn Độ, cần xem xét đến quy trình chính trị nội bộ của Ấn Độ, sự tương tác giữa các cơ quan có vai trò then chốt trong việc hoạch định chính sách đối ngoại như văn phòng thủ tướng, Hội đồng An ninh Quốc gia và Bộ Ngoại giao. Ngoài ra, các yếu tố khác như đặc điểm địa lý, hệ tư tưởng, các giá trị chuẩn mực, triết lý truyền thống, văn hóa chính trị, tổ chức chính quyền.... cũng sẽ dặt dặt Ấn

Độ đi đến những quyết sách khác nhau khi đối mặt với các tác động bên ngoài hệ thống. Chẳng hạn, vị trí địa lý khiến chính quyền New Delhi không thể phủ nhận và buộc phải có những chính sách đối ngoại quan tâm đến các nước láng giềng bên cạnh. Bên cạnh đó, nếu biết cách tận dụng, vị trí địa chiến lược của Ấn Độ cũng có thể mang lại những lợi thế nhất định trong các mối quan hệ quốc tế. Ngoài ra, an ninh quốc gia và tinh thần dân tộc đã thúc đẩy nhân dân đoàn kết xích lại gần nhau, nhất là trong cộng đồng người Hindu đông đảo, vượt qua yếu tố đẳng cấp vốn nặng nề trong xã hội.

- Cấp độ cá nhân

Cấp độ cá nhân nhấn mạnh đến vai trò của chủ thể cá nhân trong các quyết sách đối ngoại. Nếu quốc gia là chủ thể đưa ra chính sách đối ngoại thì cá nhân là người trực tiếp lựa chọn và đề xuất các quyết định ấy. Quốc gia trao cho cá nhân, nhóm cá nhân quyền đề ra đường lối chiến lược, chủ trương và chính sách ngoại giao, từ đó Nhà nước đánh giá, xem xét và phê duyệt nếu phù hợp và đúng đắn. Có thể nói, cá nhân là tiền đề tạo nên Nhà nước, làm nên sức mạnh của Nhà nước.

Ở đây, có hai nhóm cá nhân tác động lớn đến chính sách đối ngoại (1) Các nhà lãnh đạo đương chức như Tổng thống, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao...(2) Những cá nhân không đương chức song vẫn có tầm ảnh hưởng đối với các quyết sách đối ngoại như cựu lãnh đạo, những người có ảnh hưởng trong xã hội. Mỗi cá nhân đều những tư tưởng, quan điểm chính trị và tầng tư duy khác nhau. Do đó, sự khác biệt về quan điểm khi xây dựng chính sách đối ngoại của từng cá nhân là không thể tránh khỏi.

Ví dụ, quan điểm đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng J. Nehru là không liên minh, liên kết, theo đuổi đường lối độc lập trong chính trị quốc tế. Những năm đầu thập niên 2000, chiến lược đa liên kết của Ấn Độ bắt đầu nhen nhóm khi nước này bắt đầu mở cửa và tái cấu trúc quan hệ quốc tế, đặc biệt là ký kết Hiệp định Hạt nhân với Mỹ (năm 2005), tuy nhiên điều này vẫn còn chưa rõ rệt khi Phong trào không liên kết vẫn được coi trọng. Chiến lược đa liên kết chỉ thực sự trở thành một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi từ năm 2014 khi ông là Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên không tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Phong trào không liên kết (NAM) (2016). Và ông N.Modi cũng mạnh dạn định hướng Ấn Độ trở thành một nước lãnh đạo thay vì an phận làm một “lực lượng cân bằng” như trước. Có thể nói, sự khác biệt trong quan điểm đối ngoại của các nguyên thủ quốc gia chính là yếu tố tạo nên bản sắc đối ngoại của quốc gia đó trong mỗi thời kỳ, cũng tạo nên dấu ấn của nhà lãnh đạo trong nhiệm kỳ của họ.

Dù còn nhiều tranh cãi trong việc tìm ra cấp độ phân tích phù hợp nhất, song không thể phủ nhận cấp độ nào cũng có vai trò hữu ích. Việc áp dụng các cấp độ phân tích sẽ giúp nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện, khách quan khi nghiên cứu chính sách đối ngoại Ấn Độ.

2.1.4.4. Lý thuyết “vòng tròn đồng tâm”

Vòng tròn đồng tâm là những vòng tròn hình thành bên trong nhau, xoay quanh một điểm chung. Điều này có nghĩa là các vòng tròn sẽ có chung “điểm lõi” - điểm trung tâm, trục hoặc nguồn gốc với nhau. Theo Olufemi, A. lý thuyết vòng tròn đồng tâm lần đầu tiên được đề xuất bởi nhà xã hội học Ernest Burgess (1925) [Olufemi, A., 2014]. Lý thuyết này ngay từ đầu đã giải thích rằng các cấu trúc đô thị hình thành một cách tự nhiên, không có quy hoạch. Nó cũng dự đoán rằng các cấu trúc xã hội đô thị phát triển theo các vòng tròn đồng tâm xung quanh trung tâm thành phố.

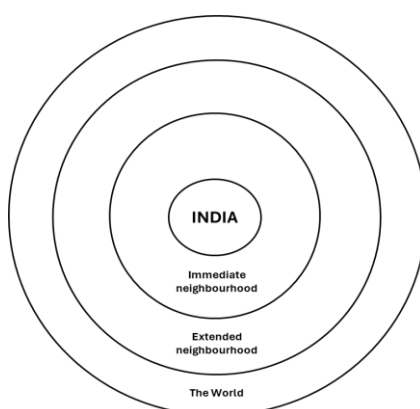
Từ tính hữu dụng của cách tiếp cận này trong việc giải thích các trường hợp phức tạp, lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” đã được áp dụng trong một số ngành khác, bao gồm cả nghiên cứu chính sách đối ngoại, nhằm cung cấp sự hiểu biết nhiều tầng bậc về các ưu tiên trong chính sách đối ngoại của một quốc gia. Vòng tròn đồng tâm là các vòng tròn mở rộng, có cùng một tâm điểm và có thể được xem như là "một hệ thống phân cấp từ trong ra ngoài" [Malhotra, A., 2019, p.2]. Theo đó, các thứ tự ưu tiên trong chính sách đối ngoại được thể hiện qua các vòng tròn đồng tâm, theo chiều từ trung tâm là chủ thể quốc gia và mở rộng ra bên ngoài.

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ có thể được hiểu rõ hơn thông qua cách tiếp cận vòng tròn đồng tâm. Việc sử dụng các vòng tròn đồng tâm khi nghiên cứu về Ấn Độ có thể bắt nguồn từ nhà tư tưởng và chiến lược gia Ấn Độ cổ đại Chanakya (còn được gọi là Kautilya), người đã áp dụng cách tiếp cận của “Vòng tròn các quốc gia” (Raj Mandala) để bảo vệ mối quan hệ của Ấn Độ với khu vực lân cận bất ổn [MEA, GoI, 2002]. Bên cạnh đó, cách tiếp cận này cũng đã từng được đề cập đến trong các bài phát biểu của các quan chức chính phủ Ấn Độ và các nhà nghiên cứu nổi tiếng của Ấn Độ như Mohan, R. để giải thích chiến lược an ninh của Ấn Độ trong mối quan hệ phức tạp với các quốc gia [Mohan, C. R., 2006, pp. 17-32]. Ngoài ra, học giả Malhotra khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại và an ninh của Ấn Độ cũng áp dụng lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” gồm vòng tròn thứ nhất trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ hướng đến các nước láng giềng (Immediate neighbours), vòng tròn thứ hai là các nước láng giềng mở rộng (Extended

neighbours), vòng tròn thứ ba là các vấn đề toàn cầu (The World) [Malhotra, A., 2019, p.2]. Trong đó, “Láng giềng mở rộng” vốn là những thuật ngữ chưa có định nghĩa chính thức, và thường được xác định dựa trên khía cạnh địa chính trị của Ấn Độ với các quốc gia khác. Đồng thời, quan niệm về thuật ngữ trên có thể điều chỉnh theo từng giai đoạn lịch sử khi cân nhắc về các yếu tố chính trị, kinh tế và an ninh.

Trong khuôn khổ luận án, tác giả sẽ tiếp tục kế thừa cách tiếp cận “vòng tròn đồng tâm” này để phân tích thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Điều này cho phép tác giả làm rõ thứ tự ưu tiên của ông N. Modi trong việc triển khai chính sách đối ngoại với các chủ thể quốc tế khác.

Hình 2.1: Cách tiếp cận vòng tròn đồng tâm trong khuôn khổ luận án



Theo cách tiếp cận này, trục hay trung tâm của vòng tròn chính là lợi ích quốc gia của Ấn Độ. Mọi lớp lang bên ngoài đều xoay quanh trục tức là quay xoanh lợi ích của cường quốc này. Cụ thể:

(1) *Vòng tròn đồng tâm thứ nhất* đề cập đến các nước láng giềng lân cận (Immediate neighbours) là những quốc gia có chung biên giới đất liền và biển với Ấn Độ. Cụ thể là khu vực Nam Á. Cơ sở để tác giả xác định phạm vi các quốc gia trong vòng tròn thứ nhất này dựa trên Chính sách đối ngoại “Láng giềng trước tiên” của Chính phủ N. Modi. Phạm vi vòng tròn này được duy trì nhất quán kể từ khi Ấn Độ giành độc lập. Sự gần gũi về mặt địa lý giúp Ấn Độ và các quốc gia này có sự tương đồng về lịch sử - văn hóa, làm tiền đề để phát triển các mối quan hệ.

(2) *Vòng tròn thứ hai* bao gồm các nước láng giềng mở rộng (Extended neighbours) là các quốc gia ở xa Ấn Độ về mặt địa lý nhưng vẫn duy trì mối quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa và chiến lược quan trọng với Ấn Độ. Đây là vòng tròn có xu hướng thay đổi tùy thuộc vào sức mạnh kinh tế, chính trị và quân sự của New Delhi. Dưới thời Thủ tướng

N. Modi, trong bối cảnh Ấn Độ tích cực đẩy mạnh hợp tác trong khu vực ÁĐD - TBD - khu vực mà ông gọi là “trái dài từ bờ biển châu Phi đến bờ biển châu Mỹ”, tác giả xác định khu vực này chính là vòng tròn thứ hai [MEA, GoI, 2018].

(3) *Vòng tròn thứ ba* (The World) biểu thị cấp độ toàn cầu và bao gồm phần còn lại của thế giới.

Tiêu chí để sắp xếp các vòng tròn đồng tâm dựa trên các yếu tố như sự quan trọng và gần gũi, chiến lược địa lý; mức độ ảnh hưởng chiến lược và ảnh hưởng trong các cơ chế đa phương (Phụ lục 2).

- *Địa lý*: Các quốc gia hoặc khu vực có vị trí địa lý gần gũi với Ấn Độ sẽ có mức độ ưu tiên cao hơn trong chính sách đối ngoại, vì các mối quan hệ này ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh và ổn định của Ấn Độ.

- *Mức độ ảnh hưởng chiến lược*: Các quốc gia có tầm quan trọng chiến lược trong các lĩnh vực như an ninh, kinh tế, và chính trị toàn cầu (chẳng hạn Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản) được xếp vào vòng tròn thứ hai.

- *Mức độ ảnh hưởng trong các cơ chế đa phương*: Các quốc gia tham gia vào các cơ chế quan trọng như BRICS, QUAD, ASEAN... và các tổ chức quốc tế sẽ được ưu tiên trong các vòng có mức độ ảnh hưởng lớn hơn.

Tóm lại, việc lựa chọn các quốc gia và khu vực vào các vòng tròn đồng tâm này được căn cứ vào mức độ quan trọng chiến lược đối với lợi ích quốc gia và tình hình an ninh khu vực của Ấn Độ, với mục tiêu xây dựng một chính sách đối ngoại linh hoạt và hiệu quả trên toàn cầu.

Cách tiếp cận này phản ánh chính sách đối ngoại của Ấn Độ theo mức độ ưu tiên các quan hệ quốc tế phù hợp với lợi ích của quốc gia. Nó cũng thể hiện sự linh hoạt trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, với khả năng điều chỉnh chiến lược dựa trên bối cảnh quốc tế và lợi ích lâu dài của quốc gia.

2.2. Các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi

2.2.1. Cấp độ hệ thống

Thế kỷ XXI là thế kỷ hội nhập với sự gia tăng phụ thuộc của các quốc gia. Ngay trong thập kỷ đầu, xu thế toàn cầu hóa đã trở thành hiện thực, chi phối đến chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia. Sự đa văn hóa ngày càng rõ rệt, khoảng cách giàu - nghèo, bất bình đẳng trong mỗi nước ngày càng tăng. Bên cạnh quá trình hội nhập toàn cầu, hợp tác

khu vực và tiểu vùng cũng trở thành một xu hướng quan trọng trong quan hệ quốc tế. Tuy vậy, sang tới thập niên thứ hai của thế kỷ, nhiều xu hướng đã thay đổi với sự biến động của cục diện thế giới đã có sự tác động lớn đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

2.2.1.1. Xu thế trật tự thế giới đa cực

Kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc với sự sụp đổ của Liên Xô, Mỹ là siêu cường duy nhất còn tồn tại, thế kỷ XXI tưởng như sẽ trở thành "Thế kỷ Mỹ" vì không ai có thể thách thức và đe dọa đến quyền lực của quốc gia này. Tuy nhiên, đến năm 2010, Tổng thống Mỹ B. Obama đã phải thừa nhận xu thế hiện nay của thế giới là "đa cực" và Mỹ buộc phải xem xét trao quyền lực cho nhiều "người chơi" khác trong vòng xoay quốc tế [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016]. Đây là kết quả từ suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ và sự nổi lên của các cường quốc thế giới, nhất là Trung Quốc. Trật tự thế giới chuyển từ trạng thái "nhất siêu" (Mỹ), "đa cường" sang cục diện "hai siêu" (Mỹ và Trung Quốc), "đa cường", "đa trung tâm".

Giai đoạn này được ví với xu hướng định hình đa cực bởi quyền lực quốc tế được trải rộng ra nhiều quốc gia như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, Đức, Anh,... song lại chưa đạt đến trật tự đa cực. Trên lý thuyết, trật tự đa cực chỉ được hình thành khi hơn hai quốc gia có sức mạnh gần như tương đương nhau về mặt quân sự, văn hóa, tài chính, kinh tế. Song lịch sử cũng chứng minh rằng, để đạt đến đa cực, thế giới sẽ phải trải qua những giai đoạn khá bất ổn và bị chi phối sâu sắc bởi chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh tiền tệ, hay thậm chí được kết thúc bằng những xung đột kéo dài. Hiện nay, dù siêu cường đã đánh mất vị trí thống trị, sức mạnh được trải rộng ra nhiều nước nhưng các quốc gia lại không có sự cân bằng quyền lực với nhau mà sở hữu những loại quyền lực khác nhau, không có quốc gia nào đủ mạnh để điều khiển thế giới. Trước tình hình đó, các siêu cường sẽ cạnh tranh gay gắt với nhau bằng các công cụ (như kinh tế, tài chính) để ngăn chặn sự gia tăng quyền lực của những chủ thể khác (như Chiến tranh Thương mại Mỹ - Trung). Điều này đã tạo nên sự bất ổn định trong hệ thống quốc tế. Do sự bất cân bằng và đa dạng về sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự và tài chính giữa các chủ thể quốc tế nên trật tự đa cực này nếu xuất hiện sẽ là một trật tự ba cực hoặc bốn cực xen kẽ với các khối lưỡng cực khác [Timofeev, I. 2019]. Cục diện "đa cực, đa trung tâm" hiện nay được biểu hiện qua một số điểm như sau:

Một là, khi Mỹ suy giảm tương đối, thế giới chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và sự nổi lên của các cường quốc, cường quốc tầm trung như Nga, Nhật Bản,

Ấn Độ, EU. Sự suy giảm tương đối với Mỹ đã bắt đầu được bộc lộ rõ từ Cuộc khủng hoảng kinh tế (2008), khiến cấu trúc an ninh quốc tế bị biến đổi sâu sắc. Mỹ lần lượt đánh mất vai trò lãnh đạo trong các vấn đề quốc tế, tạo ra khoảng trống quyền lực khiến nhiều quốc gia không thể ngồi yên, muốn chớp lấy thời cơ để lấp đầy, điển hình là Nga và Trung Quốc. Về kinh tế, Trung Quốc đang vươn lên trở thành cường quốc lớn thứ hai trên thế giới (chỉ sau Mỹ), cao hơn nhiều so với các quốc gia khác... và chi phối mạnh mẽ đến bản đồ kinh tế thế giới.

Hai là, các thể chế quốc tế và khu vực đồng thời tồn tại, vừa cạnh tranh vừa bổ sung cho nhau, từ đó chi phối và định hướng cục diện thế giới đa cực. Bên cạnh các thể chế cũ như UN, IMF, WTO, WB... các thể chế khu vực và quốc tế mới lần lượt được ra đời như SCO, ASEM, Khu vực Thương Mại Tự do CA-TBD (FTAAP), Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên TBD (CPTPP), Ngân hàng đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB)...

Bà là, các mô hình phát triển trong cấu trúc kinh tế toàn cầu cùng phát triển trong mối quan hệ biện chứng, vừa đấu tranh vừa bổ sung lẫn nhau. Đó là Mô hình Xã hội chủ nghĩa và Mô hình Tư bản chủ nghĩa do Trung Quốc và Mỹ lần lượt đứng đầu. Tuy nhiên, cùng với quá trình toàn cầu hóa và sự đề cao mục tiêu phát triển trong chính sách đối ngoại của các nước, sự đối đầu gay gắt giữa hai hệ thống kinh tế - xã hội này đang có chiều hướng suy giảm rõ rệt.

Bốn là, xu hướng đa cực gắn liền với chủ nghĩa đa phương khiến các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Đây chính là nền tảng tạo nên một cục diện đa cực với xu hướng chủ đạo là hòa bình, hợp tác thay vì xung đột trực diện.

Xu thế định hình đa cực đã có tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Một mặt, nó tạo ra những cơ hội để Ấn Độ tự tin lên tiếng trong các vấn đề quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế, gia tăng sức mạnh, trở thành động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng toàn cầu. Xu thế đa cực vừa giúp Ấn Độ dễ dàng hợp tác với các quốc gia vừa giúp xác định đối thủ của Ấn Độ khi cạnh tranh lợi ích. Để khẳng định vị thế và nâng cao vòng ảnh hưởng trong cục diện thế giới đa cực, Ấn Độ cần phải tích cực tham gia vào các diễn đàn đa phương, thể chế quốc tế và khu vực, tăng cường hợp tác chiến lược với các quốc gia, nhất là các nước láng giềng và có trách nhiệm trong các vấn đề quốc tế. Ấn Độ có thể xác định hướng đi trở thành một cực của thế giới với sự trợ lực của các cường quốc khác thông qua Chính sách “Đa liên kết”.

2.2.1.2. Xu hướng “Đông hóa” và sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trên thế giới

Bản chất của xu hướng “Đông hóa” (hay hướng Đông - gia tăng giá trị của phương Đông) là sự dịch chuyển quyền lực từ Tây sang Đông, đánh dấu một bước chuyển mình mạnh mẽ của thế giới. Nếu xu hướng chủ đạo của thế kỷ XIX là “châu Âu hóa” (Europeanized), của thế kỷ XX là “Mỹ hóa” (Americanized) thì sang đến thế kỷ XIX, đó là xu hướng “châu Á hóa” (Asianized) [Woetzel, J., Seong, J. 2019]. Có thể dễ dàng nhận thấy những biểu hiện của xu hướng này:

Thứ nhất, đó là sự trỗi dậy mạnh mẽ của châu Á. “Thế kỷ châu Á” đã thực sự bắt đầu khi châu lục này trở thành điểm tựa vững chãi của chính trị và kinh tế thế giới. Nó là bước đệm để quyền lực chuyển dịch từ Âu sang Á, từ Tây sang Đông với sự tác động lớn của “Bốn Tiểu châu Á”: (1) “Tiểu châu Á thứ nhất” là Trung Quốc - mỏ neo của châu lục, mang tới nền tảng kết nối và đổi mới cho các quốc gia láng giềng châu Á; (2) “Tiểu châu Á thứ hai” là “châu Á tiên tiến” bao gồm các nền kinh tế như Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Philippines - có vai trò cung cấp công nghệ và vốn tăng trưởng cho châu Á. (3) “Tiểu châu Á thứ ba” là nhóm các nền kinh tế nhỏ mới nổi khá đa dạng, cung cấp nguồn lao động dồi dào và có tiềm năng tăng trưởng. (4) “Tiểu châu Á thứ tư” là “Ấn Độ và khu vực vùng ven châu Á” có tỷ lệ hội nhập khu vực thấp hơn so với các tiểu châu Á trên nhưng lại có vai trò kết nối hội nhập giữa hai châu lục Á – Âu. Nhóm này có nguồn lao động khá trẻ, tầng lớp trung lưu đang phát triển và có nhiều cơ hội cho ngành xuất khẩu phát triển

Thứ hai, quá trình “Đông hóa” với sự chuyển dịch quyền lực từ Âu sang Á được thể hiện qua các khía cạnh như: Trung Quốc gia tăng vượt trội về sức mạnh kinh tế so với Mỹ và các nước EU, đồng thời vượt trội về sức mạnh quân sự so với các cường quốc châu Á khi Mỹ và các đồng minh châu Âu đang có xu hướng cắt giảm các chi phí quốc phòng. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn mở rộng sự ảnh hưởng của mình ra các nước Trung Á, Mỹ Latinh, châu Phi - vốn là “vùng ảnh hưởng” của phương Tây và Mỹ. Các quốc gia châu Á như Ấn Độ ngày càng có vai trò trong các vấn đề quốc tế và các thể chế kinh tế, an ninh (như AIIB, SCO) của các nước châu Á ngày càng có tính cạnh tranh với các thể chế kinh tế, an ninh của các nước phương Tây (như WB, ADB, IMF). Không những thế, xu hướng “Đông hóa” còn tạo động lực làm thay đổi cán cân quyền lực quốc tế. Cuộc chiến quyền lực không chỉ diễn ra giữa hai siêu cường của thế giới là Mỹ và Trung Quốc mà còn ngầm ngầm bộc lộ giữa các cường quốc/cường quốc tầm trung ở châu Á khi họ cố gắng muốn

thay đổi cấu trúc khu vực và cán cân quyền lực nhằm mang lại lợi ích lớn nhất cho đất nước. Khi các quốc gia châu Á đang không ngừng gia tăng quyền lực thì phương Tây lại rơi vào tình trạng bất ổn liên tục về kinh tế, chủ nghĩa dân túy chính trị, làm cản bước các quốc gia này trong hành trình tăng cường ảnh hưởng. Do đó, quyền lực của các Tây phương đang dần lùi về sau trên chính trường quốc tế, tạo điều kiện cho xu hướng Đông hóa lên ngôi.

Thứ ba, các liên kết và hội nhập kinh tế khu vực châu Á ngày càng gia tăng và trở nên sôi nổi hơn bao giờ hết, tạo thành một kinh tế chung vì quyền và lợi ích bình đẳng của tất cả các bên tham gia. Đó là một kinh tế không “khói súng” của chiến tranh và đối lập với nền kinh tế nhiều “mâu thuẫn” đan xen với các lệnh trừng phạt của phương Tây. Khu vực châu Á không chỉ ngày càng “giàu có” mà còn trở thành khu vực hội nhập kinh tế sâu sắc, giống như Liên minh châu Âu (EU) và dần ít bị tác động bởi những cú sốc kinh tế từ phương Tây và Mỹ.

Xu hướng “hướng Đông” trở thành một nhân tố ảnh hưởng trực diện đến chính sách Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. *Một là*, sự lên ngôi của châu Á với các giá trị phương Đông ngày một tăng cao đã nâng tầm vị thế của các quốc gia châu Á, nhất là các cường quốc như Ấn Độ, hướng các quốc gia này hòa mình vào dòng chảy hội nhập và phát triển của phương Đông. *Hai là*, sự trỗi dậy của châu Á đang đe dọa sự thống trị và sức ảnh hưởng của Mỹ cùng phương Tây trong các vấn đề quốc tế và thể chế liên kết, từ đó dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn phương Tây và các cường quốc phương Đông trên hành trình khẳng định vị thế quốc gia. Chủ nghĩa Bảo hộ, Chủ nghĩa Dân tộc kinh tế ở châu Âu, Chiến tranh Thương mại Mỹ - Trung chính là minh chứng rõ nhất cho điều này. Trước cục diện đó, Ấn Độ cần phải có sự khéo léo, linh hoạt trong các quyết sách đối ngoại để tránh bị “kẹt” vào những mâu thuẫn trong quan hệ giữa phương Tây và phương Đông, đồng thời giữ vững sức ảnh hưởng ở các liên kết quốc tế.

2.2.1.3. Nhân tố Mỹ

Khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc (1945), Mỹ là quốc gia có sức ảnh hưởng lớn nhất ở châu Á. Mỹ luôn tìm mọi cách để duy trì lực ảnh hưởng này trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh và đã loại bỏ được thách thức từ Liên Xô ở phương Đông vào giữa những năm 1980. Tuy nhiên, sang đến thế kỷ XXI, Mỹ dần đánh mất vị thế của mình tại châu Á bởi nhiều thách thức đe dọa. Liên tiếp đối mặt với những khủng hoảng chính trị và những cú sốc kinh tế cả trong và ngoài nước, Mỹ đã tạo ra cơ hội vàng cho các cường

quốc phương Đông như Nhật Bản và Trung Quốc trỗi dậy. Nhật Bản nổi lên với hệ thống kinh tế, giáo dục, phúc lợi hàng đầu châu Á, và không ngừng xây dựng và củng cố sức ảnh hưởng thông qua đầu tư, viện trợ và thương mại. Sự phát triển kinh tế thần tốc cùng những cải tiến quan trọng về sức mạnh, ngoại giao, quân sự đã khiến Trung Quốc nhanh chóng trở thành trung tâm quyền lực của châu Á, cạnh tranh trực tiếp với Mỹ. Với đường lối ngoại giao khéo léo, đẩy mạnh quan hệ song phương và mở rộng kết nối đa phương, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề ở khu vực đã giúp Trung Quốc nhanh chóng nhận được sự ủng hộ về những sáng kiến và phát triển của mình. Trong khi đó, các chính sách của Mỹ lại nhận về nhiều chỉ trích, nhất là khi các người đứng đầu Nhà Trắng chỉ bận tâm và sa lầy vào những tranh chấp quốc tế như chiến tranh Iraq, lập trường đối với tranh chấp giữa Hàn Quốc và Triều Tiên. Chính sách đối ngoại của Mỹ dần lộ điểm yếu, suy giảm ảnh hưởng rõ rệt tại phương Đông.

Tuy vậy, quyết sách đối ngoại của Mỹ vẫn có một số điểm mạnh. Sự lãnh đạo của Mỹ trong vai trò người đảm bảo an ninh châu Á đã có tác động theo hướng tích cực tới khu vực này, đồng thời Mỹ cũng là đối tác kinh tế quan trọng của phương Đông. Bên cạnh đó, không thể phủ nhận dù đẩy mạnh liên kết hợp tác, song các chính phủ châu Á cũng còn khá cảnh giác và nghi ngờ lẫn nhau, khiến các mối quan hệ ở khu vực này tiềm ẩn nhiều khe hở “rạn nứt”. Lúc này, Mỹ đóng vai trò quan trọng trong tính toán của các nước phương Đông. Mỹ tập trung vào việc bảo vệ quyền lợi chiến lược, an ninh khu vực và duy trì ảnh hưởng chính trị, kinh tế ở châu Á. Việc duy trì sự hiện diện quân sự ở nhiều quốc gia (như Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines) và các hoạt động tự do hàng hải trong khu vực Biển Đông, có thể bị coi là một cách để Mỹ duy trì vai trò thống trị và đối phó với các mối đe dọa chiến lược, đặc biệt là từ Trung Quốc. Mỹ sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn và chấp nhận rủi ro khi đưa quân đội hiện diện ở khu vực này. Siêu cường không chỉ giữ vị trí dẫn đầu về an ninh mà còn trở thành đối tác kinh tế quan trọng ở châu Á, trở thành ưu tiên hàng đầu trong chính sách của các nước phương Đông, nhất là các quốc gia tập trung vào xuất khẩu. Các nước Đông phương có xu hướng ngày càng mở rộng hợp tác với Trung Quốc nhưng cũng tăng cường quan hệ với Mỹ để duy trì quyền tự do hành động và đảm bảo lợi ích.

Tại châu Á, Ấn Độ có vai trò quan trọng chiến lược đối với Mỹ. Ấn Độ giúp kìm hãm sức mạnh của Trung Quốc khi Mỹ tiếp tục duy trì ưu thế về quyền lực quân sự thông qua các nước dân chủ ở phương Đông. Chính quyền New Delhi đứng về phía Mỹ ủng hộ Tổng thống Hamid Karzai ở Afghanistan. Không những thế, sự bùng nổ trong phát triển

nền kinh tế công nghệ cao của Ấn Độ cũng giúp tăng trưởng thương mại song phương và đầu tư cho các doanh nghiệp Mỹ.

Trước đây, các nguyên thủ quốc gia Ấn Độ từng nhấn mạnh rằng họ sẽ thắt chặt quan hệ chiến lược sâu sắc hơn với Mỹ, đặc biệt là về quân sự, để tạo thế cân bằng với các nước láng giềng thường xuyên gây bất ổn như Pakistan và Trung Quốc. Ở chiều ngược lại, vị trí trung tâm của tiểu lục địa Ấn Độ giữa Trung Quốc ở phía Đông và Nhật Bản ở Bán đảo Ả Rập ở phương Tây cũng có thể giúp Mỹ chiếm ưu thế trên bản đồ chiến lược đang thay đổi nhanh chóng của thế giới [Nicholas Bums, N., 2012]. Sự tương đồng của hai nền dân chủ cùng những lợi ích chung đã kéo Ấn Độ và Mỹ xích lại gần nhau hơn, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh Ấn – Trung và Trung - Mỹ ngày càng leo thang ở cả cấp độ khu vực và toàn cầu.

New Delhi vẫn coi chính quyền Bắc Kinh là rào cản đối ngoại lớn nhất của mình. Nếu Trung Quốc thay thế vị trí siêu cường của Mỹ sẽ là một tương lai không có lợi cho Ấn Độ. Để đối phó với sự bành trướng của Trung Quốc, Ấn Độ không chỉ cần duy trì chính sách tự chủ, dồn lực vào phát triển kinh tế và quân sự mà còn cần thêm một trợ lực từ bên ngoài, đặc biệt là Mỹ. Hiện nay, chỉ có sức mạnh của Mỹ mới đủ sức để đối đầu với Trung Quốc và ngăn chặn quốc gia này thực hiện “Giấc mộng Trung Hoa”. Vì thế, ưu tiên đối ngoại hàng đầu của Ấn Độ vẫn là tăng cường mối quan hệ hợp tác với Mỹ. Quốc gia này cũng cần có sự ủng hộ của Mỹ trong việc nỗ lực trở thành thành viên của UNSC và các thể chế quốc tế khác.

Trong tam giác chiến lược Ấn - Trung - Mỹ, thúc đẩy quan hệ với Mỹ chính là nước đi đúng đắn để Ấn Độ giúp hai nước bổ sung sức mạnh cho nhau và nâng cao vị thế của mình trong mối tương quan với Trung Quốc. Mỹ là quốc gia đầu tiên có cơ chế Đối thoại 2+2 cấp bộ trưởng với Ấn Độ [Tôn Sinh Thành, 2020, tr. 33-40]. Ấn Độ cũng là quốc gia tích cực tham gia vào Chiến lược Á-ĐD - TBD tự do và rộng mở của Mỹ.

Có thể nói, nhân tố Mỹ đang ảnh hưởng sâu sắc đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ ở các khía cạnh: Một mặt Ấn Độ thắt chặt quan hệ với Mỹ và Mỹ công nhận vai trò và vị thế của Ấn Độ trong khu vực và quốc tế chính là động lực giúp Ấn Độ tự tin và quyết đoán hơn khi triển khai các quyết sách đối ngoại. Mặt khác, rõ ràng Ấn Độ đang yếu thế hơn so với Trung Quốc nên quốc gia cần một đối tác liên minh chiến lược để bổ sung quyền lực cạnh tranh với Trung Quốc. Lúc này, Mỹ trở thành sự lựa chọn hàng đầu bởi Mỹ là quốc gia duy nhất đủ tiềm lực và sức mạnh để đối kháng với Trung Quốc.

2.2.1.4. Nhân tố Trung Quốc

Hiện nay, sự trỗi dậy của Trung Quốc đang trở thành một thách thức đối với các quốc gia châu Á, trong đó có Ấn Độ. Thể hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc đã vạch ra mục tiêu đầy tham vọng và một lộ trình rõ ràng cho vị thế của Trung Quốc trong bối cảnh hiện nay nhằm hiện thực hóa “Giấc mộng Trung Hoa”. Từ sau Đại hội thứ 18 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (2012), Chủ tịch Tập Cận Bình đã dồn toàn bộ tài lực vào Sáng kiến BRI (2013) với tham vọng hồi sinh tuyến đường thương mại vĩ đại mà trước đây từng là cầu nối của hai nền văn hóa Đông - Tây.

Sáng kiến BRI với Hành lang BCIM, đi đến vùng phía Đông của Ấn Độ và thông qua CPEC, thông qua Pakistan về phía Tây của Ấn Độ. Do đó, Ấn Độ được bao bọc kín bởi BRI của Trung Quốc. Sáng kiến này đề cập đến những lợi ích lẫn nhau cho các nước trong khu vực - các khách hàng tiềm năng của CPEC như Afghanistan, Iran, Trung Á và Nam Á bao gồm Ấn Độ; nhưng thực tế không có dấu hiệu cho thấy sáng kiến này tìm cách "cùng có lợi" hay "thích ứng với các lợi ích và mối quan tâm của tất cả các bên liên quan" [Clarke, M., 2017, pp. 71-79]. Thay vào đó, CPEC xuất hiện như một dự án độc quyền của Trung Quốc mang lại cho nước này khả năng đến Vịnh Ba Tư thông qua các liên kết Kashgar - Gwadar và vào Afghanistan và Iran. Không ngạc nhiên khi Ấn Độ phản đối CPEC chạy qua khu vực này. Nhiều người có thể cảm thấy Ấn Độ không nên phản đối sự liên kết CPEC mà quên rằng Trung Quốc đã phản đối dự án tại Arunachal Pradesh được các tổ chức tài chính quốc tế tài trợ [Clarke, M., 2017, pp. 71-79].

Từ quan điểm an ninh của Ấn Độ, sự trỗi dậy của Trung Quốc có ba ý nghĩa khác nhau đối với các quốc gia trong khu vực và do đó ba nhóm quốc gia riêng rẽ này sẽ có những nhận thức khác nhau. Nhóm đầu tiên, bao gồm các quốc gia có quan hệ gần gũi, thân thiện với Trung Quốc và chào đón sự tăng trưởng sức mạnh toàn diện, vai trò của Trung Quốc: Pakistan, Iran, Bangladesh, Myanmar và Sri Lanka. Các quốc gia này hiện đang xem Trung Quốc như một đồng minh trong nỗ lực nhằm tăng cường không gian chính trị của họ và để duy trì nguồn cung cấp vũ khí và công nghệ quân sự ổn định, giá phải chăng hơn ở nơi khác. Đối với các quốc gia này, Trung Quốc có quyền lực và vai trò độc lập giúp họ tăng cường an ninh bằng cách cân bằng với các quốc gia lớn khác như Ấn Độ, Mỹ, Nga vốn là mối quan tâm chính của họ. Họ vừa không có tranh chấp biên giới với Trung Quốc, vừa không bị ảnh hưởng bất lợi từ sức mạnh quân sự của Trung Quốc.

Một nhóm thứ hai, gồm các quốc gia toàn đất liền Nepal và Bhutan vốn có mối quan

hệ an ninh chặt chẽ với Ấn Độ nhưng sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi một Trung Quốc vượt trội về ưu thế thông qua các cuộc di cư từ Trung Quốc do những bất ổn chính trị ở Tây Tạng và do sự suy thoái của quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc. Cả hai nước này đều không phụ thuộc vào Trung Quốc về các nguồn cung thiết yếu hoặc các đầu ra tiêu thụ cho hàng hóa/thương mại. Chính sách, nền kinh tế và an ninh của họ đều liên quan tới Ấn Độ. Trung Quốc đã cố gắng mở rộng quan hệ với cả hai nước và trong quá khứ thậm chí còn muốn làm suy yếu các quan hệ đặc biệt của Ấn Độ với hai nước này. Người Trung Quốc tiếp tục duy trì sự hiện diện của mình thông qua việc xây dựng đường sá, sản xuất và các dự án khác, cả qua các cuộc thăm viếng chính trị cấp cao thường xuyên.

Ấn Độ nằm trong nhóm thứ ba, là quốc gia có ưu thế ở khu vực với chính sách đối ngoại độc lập. Ấn Độ đã và đang có những mâu thuẫn với Trung Quốc về các vấn đề như: tranh chấp lãnh thổ và các vấn đề khác như Tây Tạng cùng những khác biệt trong thế giới quan và vị thế an ninh suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh và các chính sách của Trung Quốc được New Delhi cho là không thân thiện [Menon, S., 2016].

Hầu hết các quốc gia trong khu vực đều bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong sức mạnh kinh tế và quân sự, các chính sách thương mại và quốc phòng, cách thức giải quyết tranh chấp song phương và cách thức mà Trung Quốc sẽ tăng cường nguồn sức mạnh của mình.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc được dự báo về một thời kỳ căng thẳng chính trị và an ninh ở ÁĐD - TBD. Nền kinh tế thế giới sẽ không thể phục hồi nhanh chóng, và cạnh tranh an ninh giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ vẫn là mâu thuẫn chính. Tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh giữa Trung Quốc và Nhật Bản; Trung Quốc và Ấn Độ; Trung Quốc và Việt Nam; và những bên khác sẽ mãnh liệt hơn.

Nói cách khác, ở khu vực mà Ấn Độ theo đuổi lợi ích sẽ trở nên phức tạp hơn. Và sự phức tạp của tình hình ở khu vực ÁĐD - TBD khiến Ấn Độ cần chọn lựa các đối tác và cộng sự để hợp tác với mục đích theo đuổi lợi ích của riêng mình.

2.2.1.5. Cạnh tranh chiến lược ở ÁĐD - TBD

Khái niệm ÁĐD - TBD (IPR) xuất hiện lần đầu tiên (2007) khi Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo nêu rõ sự kết nối ngày càng tăng giữa ÁĐD và TBD. Sau đó, dần trở thành một phần trong từ điển của nhiều quốc gia và tổ chức, bao gồm Ấn Độ, Mỹ, Nhật Bản, ASEAN và những quốc gia khác. Mặc dù có nhiều quan điểm tiếp cận về địa lý đối với khu vực này, song với Ấn Độ, Thủ tướng N. Modi cho rằng, khu vực này được “trải dài

từ bờ biển châu Phi đến bờ biển châu Mỹ” [MEA, GoI, 2018]. Đây cũng là cách tiếp cận của phân đông các quốc gia phương Tây.

Với xu hướng chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông, khu vực ÁĐD - TBD đang trở thành tâm điểm cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc, với các mối quan hệ phức tạp và lợi ích đan xen. Ấn Độ, với tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh mẽ, được coi là một nhân tố quan trọng trong việc gia tăng sức mạnh cạnh tranh cho bất kỳ liên minh nào trong khu vực.

Tại Nam Á, các nước lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc, và Ấn Độ đều mong muốn tăng cường sự hiện diện và kiểm soát khu vực này, điều này ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình an ninh khu vực. Kể từ sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ đã triển khai chiến lược “xoay trục” sang CA - TBD nhằm chống khủng bố ở Afghanistan, kiềm chế Nga và Trung Quốc. Sau sự kiện khủng bố 11/09/2001, Mỹ đã tấn công Afghanistan với lý do tiêu diệt trùm khủng bố, nhưng thực chất là để thiết lập vị thế ở Nam Á, sử dụng khu vực này làm bàn đạp kiểm soát Trung Á, nơi có trữ lượng dầu lửa lớn thứ hai trên thế giới. Mục tiêu của Mỹ bao gồm việc kiềm chế Trung Quốc, thu hẹp không gian chiến lược của Nga và phá vỡ liên minh Nga - Trung - Ấn trong SCO. Bên cạnh đó, Mỹ cũng gia tăng quan hệ với Pakistan, biến nước này thành “đồng minh lớn ngoài NATO”, đồng thời thúc đẩy quan hệ song phương và đa phương với Ấn Độ nhằm: (i) tận dụng vị thế của New Delhi trong việc thực hiện Chiến lược “xoay trục”, (ii) phục vụ các lợi ích an ninh trên biển, khu vực Viễn Đông, (iii) tận dụng Chính sách “Hướng Đông” của New Delhi để duy trì tự do hàng hải, thương mại trên Biển Đông và (iv) đạt được những lợi ích kinh tế [Ngô Xuân Bình, 2019, tr.41].

Trong khi đó, Nga cũng tập trung vào Nam Á với các mục tiêu: (i) tăng cường hợp tác với Ấn Độ, (ii) can thiệp vào quá trình tái thiết Afghanistan, và (iii) xây dựng một vành đai an ninh tại các quốc gia Trung Á. Quan hệ hai nước được xây dựng trên nền tảng lịch sử tốt đẹp, với sự hợp tác trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là quốc phòng, khi trước đó là Liên Xô và hiện tại là Nga vẫn là nguồn cung cấp chính cho 60% - 70% trang thiết bị quốc phòng của Ấn Độ [Ngô Xuân Bình, 2019, tr.41].

Trung Quốc, với mục tiêu mở rộng không gian chiến lược và cạnh tranh kiểm soát, đã đẩy mạnh quan hệ với các quốc gia Nam Á để tạo ra một vòng tròn bao vây Ấn Độ. Ngược lại, Ấn Độ nỗ lực duy trì và nâng cao vị thế cường quốc trong khu vực, tầm nhìn hướng tới trở thành một trung tâm quyền lực của thế giới. New Delhi đồng thời tích cực

thực hiện các chính sách can dự và ngoại giao kinh tế với các nước Nam Á, và đã có ảnh hưởng nhất định tại Nepal, Bhutan và Maldives. Mặt khác, Ấn Độ cũng tăng cường giải quyết xung đột với Bangladesh và Pakistan...

Sự chồng chéo trong các mối quan hệ chiến lược này tạo ra sự cạnh tranh địa - chiến lược ở Nam Á, tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị - an ninh của khu vực. Trên khía cạnh tích cực, điều này thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực với các nước lớn, tăng cường lợi ích quốc gia cho các nước Nam Á mà không bị ràng buộc quá mức vào một cường quốc nào. Tuy nhiên, cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng tăng cũng làm tình hình khu vực trở nên căng thẳng hơn, đặt các quốc gia Nam Á trước nhiều thách thức trong việc duy trì hợp tác, hạn chế tác động tiêu cực và tránh trở thành “con bài” trong tay các cường quốc [Nguyễn Văn Sinh, 2016].

Tại Đông Nam Á, cuộc cạnh tranh giành ảnh hưởng giữa các cường quốc Đông Bắc Á là Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản đang diễn ra mạnh mẽ. Trung Quốc, với khởi đầu thuận lợi, đã tích lũy ảnh hưởng trong thập niên qua thông qua việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với ASEAN (2003) và là đối tác, đối thoại đầu tiên của ASEAN gia nhập Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC). Tuy nhiên, sự quyết đoán của Bắc Kinh ở Biển Đông đã khiến các nước ASEAN trở nên dè chừng và cẩn trọng hơn với mối quan hệ, mở ra cơ hội cho các cường quốc khác như Hàn Quốc và Nhật Bản. Năm 2011, ASEAN trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Hàn Quốc (sau Trung Quốc), và cũng là điểm đến đầu tư của Hàn Quốc [Trung tâm WTO và Hội nhập, 2011]. Ngoài ra, việc Trung Quốc liên tục có những yêu sách tại Biển Đông và biển Hoa Đông cũng đã kéo Nhật Bản trở nên gần gũi hơn với các nước ASEAN.

Với Ấn Độ, Đông Nam Á được xem là một trong những trọng tâm trong chính sách đối ngoại của nước này thông qua việc thực hiện sâu rộng Chính sách “Hướng Đông” (1991). Ấn Độ tích cực gia tăng hợp tác kinh tế và quân sự với các nước khu vực, đồng thời giải quyết vấn đề lãnh thổ, biển đảo nhằm bảo vệ lợi ích chiến lược.

Tại Trung Á, khu vực này đang chứng kiến sự gia tăng đáng kể của các cường quốc trong cuộc đua tranh giành ảnh hưởng và khai thác tài nguyên. Nga tỏ rõ quyết tâm khôi phục lại một phần ảnh hưởng lịch sử của mình từ thời Liên Xô. Tuy nhiên, Trung Quốc mới thực sự tạo ra tác động lớn trong khu vực này. Sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ, siêu cường số một thế giới, đã tăng cường sự hiện diện tại Trung Á thông qua việc thiết lập các căn cứ quân sự ở một số quốc gia như Uzbekistan và Kyrgyzstan [VOV, 2021] đồng thời thúc

đẩy quan hệ với các nước Trung Á nhằm hỗ trợ cho chiến dịch quân sự kéo dài nhằm lật đổ chế độ Taliban và tiêu diệt mạng lưới khủng bố Al-Qaeda. Trong bối cảnh cạnh tranh không thể tránh khỏi, sự thỏa hiệp và hợp tác vẫn đang và nên là một phần của bài toán địa chiến lược. Mỹ theo đuổi mục tiêu an ninh thông qua các biện pháp quân sự đơn phương, trong khi Trung Quốc lại lựa chọn các phương thức ngoại giao, kinh tế và văn hóa một cách cân trọng qua cả con đường song phương và đa phương. Điều này có nghĩa là sức mạnh mềm của Trung Quốc đang đối đầu với sức mạnh cứng của Mỹ tại trung tâm của khu vực Á - Âu. Cũng tại khu vực này, một tổ chức mới ra đời khiến Mỹ lo ngại có thể trở thành công cụ để Trung Quốc bành trướng quyền lực và làm thay đổi cán cân ảnh hưởng, đó là SCO.

Trong khi đó, đối với Ấn Độ, không giống như Trung Quốc có chung biên giới với Kazakhstan, Kyrgyzstan và Tajikistan, New Delhi phải đối mặt với hạn chế về khả năng tiếp cận khu vực vì bị ngăn cách bởi Pakistan và Afghanistan. Bất chấp điều đó, lợi ích của Ấn Độ ở Trung Á lại đang ngày càng được tăng lên. Cả Ấn Độ và Mỹ đều có một điểm chung là không muốn khu vực này rơi vào tầm ảnh hưởng độc quyền của Nga hoặc Trung Quốc. Vì thế, bằng nhiều cách, Ấn Độ vẫn thể hiện mong muốn hợp tác thiện chí với khu vực để đảm bảo lợi ích quốc gia cho mình. Từ đó, mối quan hệ của Ấn Độ với các quốc gia trong khu vực cũng đang ngày càng phát triển, tạo điều kiện để Ấn Độ đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng ổn định và duy trì thương mại bền vững qua Trung Á.

Tại Tây Á, Mỹ từ lâu đã đóng vai trò chủ chốt trong việc định hình trật tự tại Tây Á, với mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia, bao gồm an ninh năng lượng, chống khủng bố, và bảo vệ các đồng minh như Israel và Saudi Arabia. Mỹ duy trì sự hiện diện quân sự đáng kể trong khu vực và đã can thiệp vào nhiều cuộc xung đột như ở Iraq. Hiện nay, Mỹ tập trung vào việc kiềm chế Iran và duy trì ảnh hưởng của mình thông qua các liên minh quân sự và ngoại giao.

Nga đã gia tăng ảnh hưởng tại Tây Á, đặc biệt qua sự can thiệp quân sự tại Syria nhằm hỗ trợ chế độ Bashar al-Assad. Mục tiêu của Nga là củng cố vị thế của mình trong khu vực, tạo ra một đối trọng với Mỹ và bảo vệ các lợi ích chiến lược như căn cứ quân sự tại Địa Trung Hải. Nga cũng thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Iran, tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của mình tại Tây Á.

Trung Quốc tiếp cận Tây Á chủ yếu qua con đường kinh tế và ngoại giao, ít can thiệp quân sự. Thông qua Sáng kiến BRI, Trung Quốc tìm cách đảm bảo nguồn cung năng

lượng từ khu vực này, mở rộng ảnh hưởng kinh tế, bán vũ khí và tham gia vào các sứ mệnh gìn giữ hòa bình, thể hiện sự tăng cường dần dần trong chiến lược của mình tại Tây Á.

Ấn Độ tiếp cận Tây Á với mục tiêu mở rộng ảnh hưởng kinh tế và tăng cường quan hệ với các quốc gia trong khu vực. Ấn Độ đặc biệt quan tâm đến an ninh năng lượng, do đó tích cực tham gia vào các liên minh kinh tế và năng lượng với các nước Tây Á. Đồng thời, Ấn Độ cũng tìm cách cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc và mở rộng vai trò của mình tại các diễn đàn quốc tế liên quan đến Tây Á.

Tại *Biển Đông và ÁĐĐ*, sự cạnh tranh về tài nguyên như thủy sản, trữ lượng dầu khí, và việc kiểm soát các "điểm huyết mạch" chiến lược như eo biển Malacca (hiện đang được tuần tra chung bởi Singapore, Malaysia và Indonesia), cũng như cuộc đấu tranh giành ảnh hưởng giữa các cường quốc, đặc biệt là Mỹ, Trung Quốc, và Ấn Độ, diễn ra vô cùng sôi động. Những biến động trong mối quan hệ tam giác chiến lược này có tác động sâu sắc đến tình hình chính trị và an ninh trong khu vực.

Tại ÁĐĐ, vốn được xem là "ngọn hải đăng quyền lực" của Washington sau Chiến tranh Lạnh, nhưng hiện tại đang bị thách thức bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc và Ấn Độ. Với sức mạnh hải quân ngày càng tăng và vị trí địa lý chiến lược, Ấn Độ có tiềm năng trở thành "lực lượng đảm bảo an ninh" hoặc ít nhất là một "lực lượng kiềm chế" trong khu vực. Tuy nhiên, nếu Hải quân Ấn Độ không thể khẳng định được sức mạnh, New Delhi có thể phải từ bỏ lợi ích của mình, để lại khoảng trống chiến lược cho Mỹ và Trung Quốc. Ấn Độ và Mỹ gần như chắc chắn sẽ đứng cùng một chiến tuyến để đối phó với Trung Quốc, bởi mối quan hệ cạnh tranh giữa họ không tiềm ẩn yếu tố xung đột lớn và thậm chí có thể mở ra tiềm năng hợp tác. Trung Quốc đang xây dựng "Chuỗi ngọc trai" dọc theo duyên hải ÁĐĐ, bao gồm các cảng như Gwadar (Pakistan), Hambantota (Sri Lanka), Chittagong (Bangladesh)...., trong khi Ấn Độ đang thiết lập "Vòng cổ kim cương" với các căn cứ ở trong nước như Kochi, Kanwar, Mumbai và Visakhapatnam, cũng như tại các quốc đảo tại ÁĐĐ.

Ở Biển Đông, một khu vực then chốt trong cấu trúc an ninh khu vực, các cường quốc không ngừng khẳng định sự hiện diện của mình, cả về quân sự lẫn bán quân sự, tạo ra nguy cơ tiềm ẩn về xung đột, gây lo ngại trong nỗ lực bảo vệ chủ quyền của các nước ASEAN. Trung Quốc xem Biển Đông là "lối thoát chiến lược" để mở rộng ảnh hưởng và đã đưa ra yêu sách "Đường lưỡi bò", đồng thời tăng cường sức mạnh cho lực lượng hải quân của mình. Trong khi đó, Mỹ chính thức can dự vào khu vực và trở thành một yếu tố

quan trọng trong việc định hình cục diện an ninh. Ngoài ra, Ấn Độ cũng tăng cường hiện diện ở Biển Đông, nhằm tìm kiếm một vị trí tương xứng với vai trò của một cường quốc đang lên và đối trọng với Trung Quốc. Chiến lược quân sự biển (2007) của Ấn Độ cũng xác định rằng, khu vực lợi ích chiến lược của Ấn Độ bao gồm cả các cửa ngõ ra vào ÁĐD, đặc biệt là eo biển Malacca.

Những diễn biến tại Biển Đông và ÁĐD không chỉ đặt ra thách thức mà còn mang lại cơ hội lớn cho Ấn Độ. Điều này thúc đẩy Ấn Độ mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trong khu vực, đồng thời đòi hỏi nước này phải tích cực tham gia và phát huy vai trò tại các tổ chức và diễn đàn khu vực và quốc tế như UN, NAM...để củng cố vị thế và ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế.

2.2.1.6. Các nhân tố khác

- Vấn đề leo thang vũ khí hạt nhân

Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn, xung đột về lãnh thổ và lãnh hải đang ngày càng gia tăng, làm dấy lên các cuộc chạy đua vũ trang ở cấp độ khu vực và toàn cầu, bao gồm cả chạy đua sức mạnh vũ khí hạt nhân. Mặc dù 09 nước hạt nhân chính thức và không chính thức (Mỹ, Nga, Anh, Trung Quốc, Pháp, Ấn Độ, Triều Tiên, Pakistan và Israel) đã có chính sách giảm bớt kho vũ khí hạt nhân kể từ Chiến tranh Lạnh, nhưng tổng lượng đầu đạn hạt nhân trên thế giới vẫn ở mức rất cao: khoảng 12.100 đầu đạn (2024). Trong đó, Mỹ và Nga hiện sở hữu khoảng 88% tổng kho vũ khí hạt nhân của thế giới và 84% đầu đạn dự trữ sẵn sàng cho quân đội sử dụng [Kristensen, H., Korda, M., Johns, E., Knight, M., Kohn, K., 2024].

Chính quyền Bắc Kinh với tham vọng trở thành “bá chủ của thế giới” đang không ngừng khơi mào cho những cuộc xung đột quốc tế, thúc đẩy việc chạy đua vũ khí hạt nhân với điểm nóng là châu Á. Quốc gia này cũng đã tuyên bố chính thức về chương trình xây dựng quân đội “đẳng cấp thế giới” vào năm 2050 để hiện thực hóa “Giấc mộng Trung Hoa” [US Department of Defense, 2023, p.10] Không nằm ngoài chuỗi leo thang hạt nhân, kể từ khi tiến hành chiến dịch quân sự ở Ukraine, Tổng thống Nga V. Putin đã nhiều lần khẳng định sẽ sử dụng mọi phương tiện sẵn có, bao gồm cả vũ khí hạt nhân để bảo vệ “sự thống nhất lãnh thổ” của Nga. Tổng thống Mỹ J. Biden cũng cảnh báo nguy cơ thế giới đối mặt với “Ngày tận thế hạt nhân” đang ở mức cao nhất kể từ cuộc Khủng hoảng Tên lửa Cuba (1962) [Kiều Anh, 2022].

Đầu năm 2016, Ấn Độ đã hoàn tất việc phát triển “bộ ba hạt nhân”, bao gồm tên lửa

mang đầu đạn hạt nhân ở đất liền, máy bay ném bom tầm xa ở trên không và tàu ngầm tấn công ở dưới nước. Động thái này được cho là phản ứng của Ấn Độ đối với chiến lược hạt nhân của các nước láng giềng.

- Sự gia tăng của Chủ nghĩa Bảo hộ

Trong khi toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở thành xu thế tất yếu của thời đại, chi phối đến mạng lưới quan hệ quốc tế trong hệ thống thì “bóng ma” của Chủ nghĩa Bảo hộ vẫn đang nhen nhóm trong từng quốc gia, thậm chí gia tăng khá mạnh. Ngay khi lên nắm quyền nước Mỹ (2017), cựu Tổng thống D. Trump đã nhấn mạnh chủ trương “Nước Mỹ trên hết”, bảo vệ lợi ích của nước Mỹ bằng việc đẩy mạnh các mối quan hệ song phương và lần lượt rút khỏi các liên kết đa phương. Chủ nghĩa Bảo hộ không chỉ hiện hữu ở nước Mỹ mà đang trở thành xu hướng của toàn cầu. Khảo sát từ Tổ chức Cảnh báo thương mại toàn cầu (GTA) có thấy chỉ số đo lường tác động của chính sách bảo hộ tại mỗi quốc gia đều dương (2009 - 8/2018), cho thấy xu hướng bảo hộ trong thương mại quốc tế đang gia tăng mạnh mẽ [Tạp chí Tài chính Online, 2019].

Các quốc gia tăng cường áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, tăng thuế nhập khẩu hay áp đặt thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng mới. Không nằm ngoài xu thế bảo hộ thương mại, Ấn Độ đã có động thái tăng thuế nhập khẩu đối với thiết bị y tế từ 5% lên 7,5% từ 19/01/2016, tăng thuế nhập khẩu lúa mì từ 10% lên 25% (áp dụng có thời hạn, từ tháng 8/2015 đến ngày 30/6/2016); tăng thuế nhập khẩu từ 0% lên 5% đối với các mặt hàng như các loại hạt và ngũ cốc, kính cường lực chống tia tử ngoại [Cổng Thông tin điện tử Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, 2017]. Không những thế, Ấn Độ còn tuyên bố rút khỏi RCEP vì các bất đồng về thuế quan, hàng rào phi thuế quan cũng như mức thâm hụt thương mại với một số nước tham gia hiệp định này. Những động thái trên đã đẩy lên làn sóng tranh cãi về cú xoay chiều đột ngột của Ấn Độ, một quốc gia từng ủng hộ chính sách tự do hóa thuế suất nhiều năm qua. Tuy nhiên, nếu soi xét kỹ, có thể thấy việc Ấn Độ không tham gia RCEP xuất phát từ nhiều nguyên nhân, mà trước hết là do các bất đồng về thuế quan, hàng rào phi thuế quan cũng như mức thâm hụt thương mại với một số nước tham gia RCEP, đặc biệt là Trung Quốc. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng cho rằng việc từ chối tham gia RCEP là cần thiết để phòng ngừa làn sóng nhập khẩu ồ ạt từ các nền kinh tế trong RCEP, nhất là hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc - công xưởng thế giới. Những động thái ủng hộ Chủ nghĩa Bảo hộ của Ấn Độ chắc chắn sẽ tác động đến tiến trình hội nhập của quốc gia này trong chuỗi giá trị của thế giới và ảnh hưởng đến các

quyết sách đối ngoại của Ấn Độ.

- Xu hướng lôi kéo liên minh và sự hình thành các liên minh mới

Cùng với vấn đề leo thang vũ khí hạt nhân và gia tăng Chủ nghĩa Bảo hộ, thế giới còn đang nổi lên xu hướng lôi kéo liên minh, dẫn đến sự ra đời của các liên minh mới. Thế giới đa cực đang được định hình theo hướng phát sinh các trục quan hệ đa phương gồm “bốn bên”, “ba bên” và các cặp quan hệ song phương. Biểu hiện rõ nhất hiện nay là “Tứ giác kim cương” - QUAD (Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ); Tam giác quan hệ Mỹ - Nhật Bản - Australia; Nga - Trung Quốc - Pakistan; liên minh các nền dân chủ Ấn Độ - Nhật Bản - Australia; và các cặp quan hệ song phương như Nhật Bản - Australia; Trung Quốc - Nga.

Bên cạnh đó, cục diện thế giới hiện nay còn hình thành mạng lưới liên kết nhằm kiềm chế sức mạnh của Trung Quốc gồm các quốc gia không phân biệt về chế độ chính trị, trình độ phát triển, cùng “chung chí hướng” là đối trọng với Trung Quốc, hướng tới một “trật tự dựa trên luật pháp”. Liên minh không chính thức này đã được dẫn đầu bởi Mỹ cùng với các quốc gia có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc như Ấn Độ.

- Nhu cầu năng lượng gia tăng

Trung Quốc, Ấn Độ và Mỹ là những nước tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính lớn nhất thế giới (GHG) [World Resources Institute, 2023]. Trong tương lai, sự thống trị của họ trong trật tự năng lượng toàn cầu sẽ trở nên rõ rệt hơn. Trung Quốc tiếp tục là lực lượng chính trong thị trường năng lượng toàn cầu ngay cả khi sự phát triển kinh tế chậm lại của Trung Quốc sẽ làm tăng khả năng biến động của thị trường. Một khía cạnh quan trọng khác là việc một Ấn Độ đang trỗi dậy có xu hướng gia tăng nhu cầu về dầu mỏ, than đá cùng các nguồn năng lượng khác được dự đoán sẽ gia tăng với tốc độ nhanh nhất thế giới. Trong khi đó, vì cả lý do thị trường và ngoại giao, Mỹ sẽ tiếp tục đóng vai trò lãnh đạo quan trọng trong vấn đề năng lượng toàn cầu, ngay cả khi nước này giảm cầu cả về tương đối và tuyệt đối. Trong khi ba nước này đã có những nỗ lực cụ thể để tăng cường an ninh năng lượng ở cấp quốc gia, hợp tác đa phương trong vấn đề năng lượng giữa ba nước này vẫn còn hạn chế. Một vài nguyên nhân xuất phát từ việc khác nhau về mục tiêu trong nước, sự thiếu tin tưởng về mặt chính trị và thiếu cơ hội mặc dù có những lý do thuyết phục cho sự hợp tác.

2.2.2 Cấp độ quốc gia

2.2.2.1. Địa chính trị và địa kinh tế của Ấn Độ

Địa chính trị và địa kinh tế của Ấn Độ đóng vai trò chiến lược trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của nước này.

Về địa chính trị, Ấn Độ nằm tại Nam Á, khu vực thường có những bất ổn về chính trị như xung đột lãnh thổ, tôn giáo, sắc tộc, biểu tình và khủng bố. Đặc biệt, Ấn Độ nằm cạnh hai quốc gia sử hữu vũ khí hạt nhân là Trung Quốc và Pakistan, cả hai đều có mối quan hệ căng thẳng với Ấn Độ. Với Pakistan, mối quan hệ bị căng thẳng chủ yếu do tranh chấp Kashmir, trong khi đó, với Trung Quốc, căng thẳng biên giới tại khu vực Himalaya vẫn là một vấn đề lớn. Các mối đe dọa an ninh xoay quanh địa chính trị buộc Ấn Độ phải duy trì một chính sách đối ngoại mang tính phòng thủ, tăng cường quốc phòng và đối ngoại an ninh, đặc biệt, xây dựng và củng cố quan hệ đối tác quốc phòng với các cường quốc khác như Mỹ, Nhật Bản và Australia.

Ấn Độ nằm tiếp giáp với Biển Ả Rập, Vịnh Bengal và Ấn Độ Dương giúp Ấn Độ có thể kiểm soát các tuyến đường hàng hải quan trọng, bao gồm cả các eo biển quan trọng kết nối với Nam Á, Đông Nam Á, Tây Á, bao gồm các eo biển như Malacca. Điều này có ý nghĩa lớn trong việc đảm bảo an ninh hàng hải và bảo vệ các lợi ích quốc phòng.

Về địa kinh tế, có thể xem Ấn Độ là trung tâm của các tuyến đường thương mại hàng hải quan trọng của châu Á. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu và nhập khẩu và phát triển kinh tế vùng biển cùng du lịch. Các cảng biển Mumbai, Chennai và Kolkata trở thành các cửa ngõ quan trọng cho thương mại hàng hóa quốc tế, góp phần thúc đẩy nền kinh tế biển của Ấn Độ. Vùng ven biển của Ấn Độ phát triển mạnh các ngành kinh tế biển như đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch ven biển và khai thác tài nguyên biển. Những ngành này đóng góp đáng kể vào GDP của các bang ven biển. Sự gần gũi với các tuyến đường hàng hải khuyến khích sự phát triển của các ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến thực phẩm và hóa chất tại các vùng ven biển. Ấn Độ có các bãi biển và các điểm du lịch ven biển nổi tiếng như Goa, Kerala và đảo Andaman & Nicobar, thu hút lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế, đóng góp lớn vào ngành du lịch và dịch vụ.

Bên cạnh vị trí địa lý, khí hậu và tài nguyên thiên nhiên cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các ngành kinh tế tại Ấn Độ. Về nông nghiệp, Ấn Độ có diện tích đất nông nghiệp rộng lớn và phong phú, chiếm khoảng 60% tổng diện tích đất đai, lại có khí hậu nhiệt đới. Điều này giúp nước này trở thành một trong những quốc gia sản xuất

nông nghiệp hàng đầu thế giới, với các sản phẩm chính như lúa gạo, lúa mì, đường, và bông. Các con sông lớn như sông Hằng, sông Brahmaputra và sông Yamuna cung cấp nguồn nước tưới tiêu quan trọng, hỗ trợ sự phát triển của nền nông nghiệp. Về công nghiệp khai khoáng, Ấn Độ có trữ lượng than lớn thứ 4 thế giới và là nhà sản xuất than lớn thứ 2 thế giới sau Trung Quốc [Điện Biên Phủ Online, 2021], giúp cung cấp năng lượng dồi dào cho các nhà máy nhiệt điện, đồng thời là nguyên liệu chính cho ngành sản xuất thép và xi măng. Ấn Độ sở hữu trữ lượng dầu mỏ và khí đốt lớn, đặc biệt là ở ngoài khơi biển Ả Rập, giúp nước này tự cung cấp một phần nhu cầu năng lượng và hỗ trợ các ngành công nghiệp hóa dầu, hóa chất. Về lâm nghiệp và thủy sản, Ấn Độ có diện tích rừng lớn, cung cấp gỗ, lâm sản, và các sản phẩm phi gỗ khác, hỗ trợ các ngành công nghiệp như sản xuất giấy, đồ gỗ, và dược phẩm. Với bờ biển dài hơn 7.500 km, ngành thủy sản ở Ấn Độ phát triển mạnh, đặc biệt là ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Điều này không chỉ cung cấp thực phẩm cho người dân mà còn đóng góp lớn vào xuất khẩu. Về du lịch, các cảnh quan thiên nhiên như dãy Himalaya, sa mạc Thar, và các bãi biển tạo điều kiện cho Ấn Độ phát triển ngành du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm, thu hút du khách trong nước và quốc tế. Về năng lượng tái tạo, Ấn Độ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, quanh năm nắng gió, mang lại tiềm năng lớn về năng lượng mặt trời và năng lượng gió, đặc biệt là ở các vùng Rajasthan và Gujarat. Điều này giúp Ấn Độ phát triển các dự án năng lượng tái tạo, giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và thúc đẩy phát triển bền vững.

Nhìn chung, vị trí chiến lược của Ấn Độ đã và đang mang lại cho nước này những lợi ích về phát triển kinh tế, thương mại quốc tế, song cũng tiềm ẩn những rủi ro, thách thức về an ninh liên quan đến địa chính trị. Đây sẽ là bài toán mà chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi cần giải quyết.

2.2.2.2. Tình hình chính trị trong nước

Đặc điểm nổi bật trong nền chính trị Ấn Độ (2014 - 2024) của Thủ tướng N. Modi chính là lần đầu tiên một đảng chiếm đa số ghế trong Quốc hội, tạo nên một chính phủ đa số. Trước năm 2014, các chính phủ tại Ấn Độ thường là các chính phủ liên minh không ổn định, với các đảng phái phải thương lượng để đạt được sự đồng thuận. Tuy nhiên, khi N. Modi và Đảng BJP giành chiến thắng áp đảo trong cuộc bầu cử (2014), họ đã đạt được đa số tương đối trong Quốc hội, phá vỡ xu hướng liên minh trước đó. Điều này đã cho phép ông N. Modi thực hiện các chính sách của mình mà không phải quá phụ thuộc vào các đảng liên minh khác.

Trong một hệ thống chính trị liên minh, việc lập kế hoạch và thực hiện chính sách thường gặp khó khăn và tốn nhiều thời gian do sự mâu thuẫn giữa các đảng phái khác nhau. Điều này không chỉ làm chậm quá trình ra quyết định mà còn khiến việc triển khai chính sách bị cản trở. Tuy nhiên, chính phủ đa số của Thủ tướng N. Modi đã khắc phục được những thách thức này bằng việc thúc đẩy sự ổn định và sự đồng thuận trong các quyết sách. Chính phủ của Ông có thể nhanh chóng thực hiện các chính sách của mình mà không cần thỏa hiệp với các đảng liên minh, giúp cải thiện đáng kể hiệu quả hoạt động của chính phủ.

Chính phủ N. Modi đã thực hiện các cải cách quan trọng ngay từ đầu nhiệm kỳ. Một trong những thay đổi nổi bật là việc cải tổ nội các để đảm bảo sự tinh gọn và hiệu quả trong công việc. Nội các mới của ông chỉ bao gồm 45 thành viên, so với 71 thành viên của chính phủ tiền nhiệm [VOV World, 2014], thể hiện sự cam kết của ông trong việc giảm bớt sự chồng chéo và tăng cường hiệu suất. Việc cắt giảm số lượng bộ trưởng và thu gọn bộ máy chính phủ không chỉ giúp tiết kiệm ngân sách mà còn đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách quan trọng. Chính phủ mới của ông N. Modi đã tận dụng sự linh hoạt và quyết đoán này để đẩy mạnh các chính sách đối ngoại, bao gồm cả Chính sách “Láng giềng trước tiên” và “Hành động hướng Đông”. Những nỗ lực này giúp Ấn Độ vươn lên trở thành một cường quốc khu vực với ảnh hưởng mạnh mẽ và sự hợp tác quốc tế được củng cố hơn trong thời gian tới.

Những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Chính phủ N. Modi không chỉ là sự kế thừa từ các chính phủ trước đó với đặc trưng là tính liên tục [Rajesh, B., 2017, pp.7-26] mà còn có những điều chỉnh lớn nhằm đáp ứng với thách thức thời đại và tạo ra một vị thế mới cho Ấn Độ trên trường quốc tế. Chính phủ của Ông đã khởi động một loạt sáng kiến ngoại giao và đối ngoại quan trọng như “Make in India” (Sản xuất tại Ấn Độ), đặt nền móng cho sự phát triển và ổn định lâu dài.

Năm 2024, Ấn Độ tiếp tục chứng kiến cuộc bầu cử Ấn Độ (2024 - 2029). Liên minh NDA do Đảng BJP của Thủ tướng N. Modi dẫn đầu đã giành chiến thắng với 292/543 ghế. Đảng BJP chỉ đạt được 240/543 ghế tại Hạ viện, thấp hơn nhiều so với đa số tuyệt đối mà họ đạt được trong hai cuộc tổng tuyển cử trước. Liên minh NDA giành được 292 ghế, tức là chỉ vượt qua con số tối thiểu 272 ghế cần thiết để thành lập chính phủ. Điều này cho thấy vị thế của NDA và BJP đang bị suy yếu trong nội bộ quốc gia. Trong khi đó, Liên minh Toàn diện Phát triển Quốc gia Ấn Độ (INDIA) do Đảng Quốc đại (INC) lãnh đạo bất ngờ nổi lên như một lực lượng đối lập mạnh mẽ khi chiếm được 234/543 ghế

[Thanh Hóa, 2024]. Dù không đạt được mục tiêu 400 ghế như mong đợi, NDA vẫn đủ điều kiện để thành lập chính phủ và tiếp tục lãnh đạo đất nước. Điều này đánh dấu sự kiện Thủ tướng N. Modi sẽ đi vào lịch sử Ấn Độ với ba nhiệm kỳ liên tiếp. Milan Vaishnav, Giám đốc Chương trình Nam Á tại Quỹ Hòa bình Quốc tế Carnegie, nhận định rằng việc BJP không đạt được đa số ghế trong nghị viện đã đẩy đảng này vào thế phải dựa vào các đồng minh nhỏ hơn để có thể thành lập chính phủ. Các đồng minh này sẽ có nhiều vai trò hơn trong việc các quyết sách của chính phủ mới cũng như ảnh hưởng đến đường lối đối ngoại của quốc gia [Thanh Hóa, 2024].

2.2.2.3. Sức mạnh kinh tế - quốc phòng

Hai thập niên đầu thế kỷ XXI đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong sức mạnh kinh tế và quân sự của Ấn Độ. Đây cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của New Delhi.

- Sức mạnh kinh tế

Hiện nay, Ấn Độ là cường quốc kinh tế lớn thứ năm trên thế giới (chỉ sau Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức). Trong hai thập niên vừa qua dù có nhiều tác động lớn từ các vấn đề toàn cầu, song nền kinh tế vĩ mô vẫn phát triển tương đối ổn định với sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Từ nền kinh tế xếp thứ 10 thế giới (2014) [VnEconomy, 2024] đã vươn lên thứ 5 thế giới (2023) [VTV Online, 2024].

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng nổ khiến nền kinh tế Ấn Độ chịu nhiều ảnh hưởng, dẫn tới việc rớt hạng xuống vị trí thứ 6 trên bản đồ GDP (danh nghĩa). Các tổ chức quốc tế từng e ngại Ấn Độ sẽ khó có thể lấy lại vị trí thứ hạng trước đó, tuy nhiên, năm ngoài dự đoán, chỉ sau hai năm, Ấn Độ đã quay trở lại vị trí nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới một cách ngoạn mục. Theo số liệu của IMF (2022), nền kinh tế Ấn Độ tính theo giá trị danh nghĩa đạt 3,63 nghìn tỷ USD, trong khi quy mô kinh tế Anh là 3,46 nghìn tỷ USD [Phan Tùng, 2022]. Bộ Tài chính Ấn Độ cho biết nước này có thể trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới (2027 - 2028) với GDP đạt 5.000 tỷ USD, vượt qua Đức và Nhật Bản [Tạp chí Tài chính Online, 2024a]. Thành tích trên của Ấn Độ được xem là điều “kỳ diệu” bởi nước này vừa mới trải qua hai năm vật lộn với dịch bệnh cùng nhiều hệ quả tiêu cực kéo dài song nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển và bước vào một guồng quay mới. Một số lý do được đưa ra để giải thích cho đột biến này:

Thứ nhất, New Delhi đang nắm giữ tiềm năng tăng trưởng lớn về dài hạn khi sở hữu dân số gần 1,4 tỷ người với phần lớn là nhóm người trẻ, nằm trong độ tuổi lao động. Đây

chính là yếu tố quan trọng nhất để kích thích nền kinh tế quốc nội phát triển. Trong quý II (2022), tăng trưởng GDP của Ấn Độ ở mức 13,5% - mức tăng trưởng nhanh nhất trong 1 năm [Phan Tùng, 2022]. Mốc tăng trưởng này có được là nhờ mảng tiêu dùng, báo hiệu sự hồi sinh của nhu cầu trong nước, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ. Trong năm tài chính 2023, GDP của Ấn Độ tăng trưởng 8,2%, vượt mức dự báo 7,6% trước đó của Chính phủ nước này, củng cố vị thế của Ấn Độ là nền kinh tế lớn tăng trưởng nhanh bậc nhất thế giới [Ngọc Thúy, 2024a].

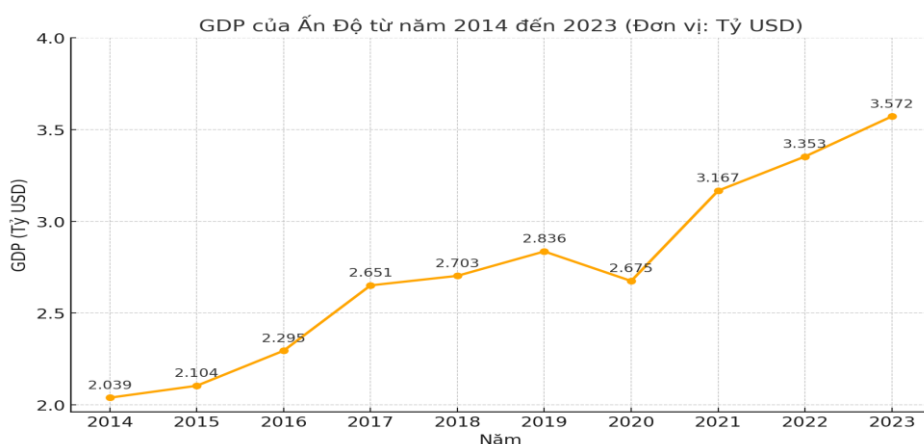
Thứ hai, chiến lược định hướng đúng đắn cũng chính là lý do Ấn Độ phát huy được hết tiềm lực quốc gia. Từ khi lên nắm quyền, thủ tướng N. Modi đã lựa chọn cải cách nội bộ nền kinh tế với mong muốn làm trong sạch bộ máy công quyền, đưa nền kinh tế đi vào quỹ đạo chuẩn mực và minh bạch hơn. Ông đã áp dụng các chiến lược như "Make in India", "Ấn Độ Tự cường" (Atmanirbhar Bharat) hay Chương trình Sáng kiến Liên kết Sản xuất (PLI), tập trung ưu đãi, phát triển các lĩnh vực công nghiệp, công nghệ đang nổi lên, có hàm lượng kỹ thuật cao, cũng như đón đầu làn sóng dịch chuyển sản xuất toàn cầu đang diễn ra. Đặc biệt, với việc công bố Chính sách Ngoại thương (FTP) mới (2023), Ấn Độ đang tìm cách hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và đưa Ấn Độ trở thành một trung tâm xuất khẩu, một động thái phù hợp với tầm nhìn của Ấn Độ về việc trở thành "Atmanirbhar" (tự lực). Đến năm 2023, Ấn Độ hiện có 13 Hiệp định thương mại tự do (FTA)/Hiệp định thương mại khu vực (RTA) với các quốc gia/khu vực khác. Ngoài ra, có 06 Hiệp định thương mại ưu đãi (PTA) có phạm vi nhỏ hơn [MEA, GoI, 2023]. Một Ủy ban Giám sát FTA đã được thành lập với đại diện từ các cơ quan chính phủ, các cơ quan thương mại và công nghiệp để xác định các vấn đề liên quan đến FTA và đề xuất các ý tưởng và hành động. Kể từ năm 2014 đến nay, Ấn Độ đã tham gia và thiết lập các quan hệ đối tác kinh tế quan trọng trong khu vực và toàn cầu vì lợi ích chung của tất cả các nước liên quan. Ví dụ về chiến lược này, Chính sách "Hướng Đông" được phát triển thành Chính sách "Hành động hướng Đông", trong đó Ấn Độ mong muốn gắn kết nhiều hơn với các quốc gia ở Đông Nam Á và Vành đai TBD. Ấn Độ đã dành một trọng tâm tương tự cho các nền kinh tế phát triển ở Tây Âu, Bắc Mỹ và Viễn Đông, cũng như các nền kinh tế đang phát triển ở Nam Mỹ, Trung Á và châu Phi. Chính phủ cũng đã và đang thúc đẩy hợp tác thương mại thông qua các khối như ASEAN, BIMSTEC, BRICS và các khối khác.

Với các chiến lược trên, hàng loạt các cải cách lần lượt ra đời. Ví dụ, Ấn Độ ban hành chính sách nhằm minh bạch hóa quá trình đấu thầu giúp làm lành mạnh lĩnh vực

khai thác mỏ. Lĩnh vực tài chính cũng được quan tâm chỉnh sửa. Thuế GST thay thế cho một mê cung các loại thuế vốn cản trở thương mại liên bang. Hàng ngàn công ty “ma” vốn phục vụ cho gian lận tài chính cũng bị công khai và buộc phải đóng cửa. Từ năm 2014, Ấn Độ giám sát chặt diễn biến lạm phát trong nước với quan điểm lạm phát tác động tới người nghèo nhiều nhất, nhờ đó Ấn Độ đã có các biện pháp can thiệp hợp lý nhằm kéo lạm phát xuống dưới 6% [Phan Tùng, 2022]. Ngay cả trong giai đoạn đại dịch, khi kinh tế lâm vào khủng hoảng vì các biện pháp chống dịch quyết liệt, chuỗi cung ứng hàng hóa, nguyên liệu bị đứt gãy mạnh, New Delhi cũng đã có các sáng kiến nhằm đảm bảo an sinh xã hội, nuôi dưỡng tăng trưởng, hướng nền kinh tế Ấn Độ đi theo hướng phát triển bền vững, giảm sự phụ thuộc bên ngoài.

Với những nỗ lực của cải cách của Thủ tướng N. Modi, nền kinh tế Ấn Độ đã có những chuyển biến rõ nét. Từ 2014 - 2023, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt hơn 6% [World Bank, 2024a]. Dòng vốn FDI vào New Delhi cũng tăng lên đáng kể từ 45,1 tỷ USD (2015) lên 64,4 tỷ USD (2019). Sản phẩm nông nghiệp của Ấn Độ không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn đẩy mạnh xuất khẩu; sản lượng xuất khẩu thủy sản tăng cao, đứng thứ tư toàn cầu. Ấn Độ hiện là nước xuất khẩu gạo và sữa lớn nhất thế giới. Khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh, đóng góp 50% GDP và 60% sức tăng trưởng. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Ấn Độ cũng được cải thiện, các doanh nghiệp có đủ khả năng tham gia sản xuất các chuỗi giá trị toàn cầu mang lại lợi nhuận lớn cho nền kinh tế đất nước. Ấn Độ trở thành một trong số các nền kinh tế có mức tăng trưởng nhanh nhất thế giới, tạo tiềm lực, cơ sở vững chắc cho củng cố sức mạnh tổng hợp quốc gia [Nguyễn Văn Dương, 2021].

Hình 2.2: GDP của Ấn Độ (2014 - 2023)

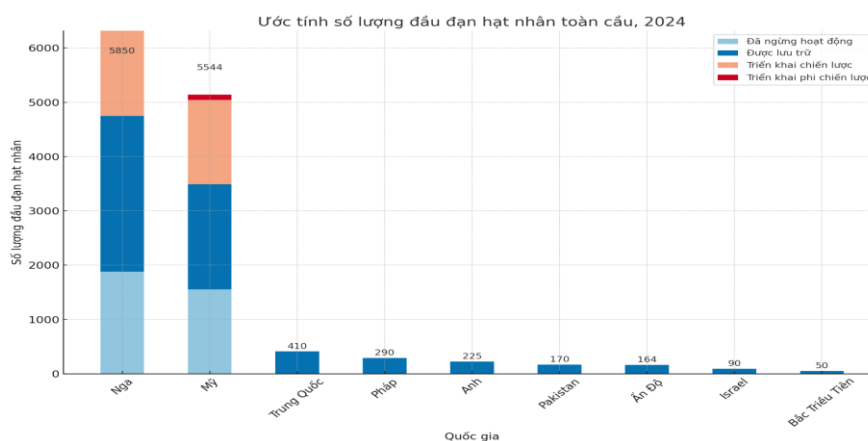


Nguồn: World Bank [World Bank, 2024b]

- Sức mạnh quốc phòng

Theo thống kê đến tháng 9/2024 của Global Firepower Index, Ấn Độ được xếp hạng là quân đội đứng thứ tư trên thế giới về sức mạnh, chỉ sau Trung Quốc tại châu Á. Ấn Độ có hơn 1,45 triệu quân nhân tại ngũ; gần 1,16 triệu quân nhân dự bị; gần 2,53 triệu lực lượng bán quân sự. Ấn Độ đang sở hữu 4.614 xe tăng, 151.248 xe bọc thép, 2.296 máy bay (bao gồm 606 máy bay chiến đấu, 130 máy bay tấn công chiến đấu, 264 máy bay vận chuyển, 351 máy bay huấn luyện, 70 máy bay nhiệm vụ đặc biệt, 06 máy bay chở dầu, 869 trực thăng, 40 trực thăng tấn công từ tất cả các cơ sở). Ấn Độ cũng trang bị gần 140 pháo tự hành, gần 3.243 pháo kéo, 702 tổ hợp pháo phản lực phóng loạt (MLRS). Về sức mạnh Hải quân, Ấn Độ có 294 Hạm đội, sở hữu 02 tàu sân bay, 18 tàu ngầm, 12 tàu khu trục, 30 tàu hộ vệ, hộ tống, 137 tàu tuần tra. Ấn Độ nằm trong danh sách 09 các quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân với khoảng 170 đầu đạn, trong đó có các tên lửa liên lục địa (ICBM) như Agni-V có khoảng cách tấn công là 8.000 km, Surya có tầm bắn 16.000 km, K15 Sagarika có tầm bắn 700km, K4 với tầm bắn 3.500 km [The Global Firepower, 2024].

Hình 2.3: Ước tính dự trữ đầu đạn hạt nhân toàn cầu đến năm 2024



Nguồn: Federation of American Scientists [Kristensen, H., Korda, M., Johns, E., Knight, M., Kohn, K., 2024]

Ấn Độ đã nhanh chóng nâng cao tiềm lực quốc phòng tự chủ. Kể từ 2014 - 2024, Ấn Độ đã thi hành hàng loạt các chính sách nhằm nâng cao năng lực quốc phòng như thúc đẩy tự sản xuất vũ khí trong nước theo chương trình "Make in India" và sáng kiến "Ấn Độ tự cường", cấm nhập khẩu hơn 400 loại vũ khí do nước ngoài sản xuất, phát triển các công nghệ quốc phòng và dịch vụ hỗ trợ, khuyến khích sự tham gia và đầu tư của khu vực tư nhân, bao gồm cả FDI vào các ngành công nghiệp quốc phòng (từ 49% lên 74%), cải cách tổ chức, thanh tra, xét xử, giáo dục, hiện đại hóa lực lượng vũ trang, chế độ đãi ngộ,

tăng cường số lượng nhân viên ủy nhiệm và hạ sĩ quan trong lực lượng quốc phòng, tăng cường mua sắm quốc phòng, thành lập cơ quan Hàng hải Quốc gia, 04 trường Đại học Quốc phòng, Ủy ban Cựu Chiến binh để tuyển dụng lại các cựu quân nhân... [Trung Hiếu, Lâm Phương, 2024] [BJP, 2014, pp.38-39].

Hiện nay, Ấn Độ là một trong những quốc gia được đánh giá có nền công nghiệp quốc phòng hiện đại nhất trong khu vực châu Á, tự sản xuất được hầu hết các loại vũ khí, trang bị và khí tài bộ binh, chế tạo các loại máy bay huấn luyện, máy bay chiến đấu hạng nhẹ như Tejas và máy bay trực thăng; tự nghiên cứu và chế tạo các loại tên lửa hiện đại như tên lửa chiến thuật đất đối đất Privet, tên lửa hành trình siêu âm BrahMos, tên lửa đạn đạo đất đối đất tầm trung Agni... và là một trong 07 quốc gia (Ấn Độ, Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc và Israel) có khả năng chế tạo các loại tên lửa hiện đại; tự đóng mới các loại tàu hộ vệ lớn nhỏ, tàu khu trục trên 5.000 tấn, tàu sân bay hạng trung, tàu ngầm thông thường... Công nghiệp vũ khí hạt nhân của Ấn Độ cũng rất phát triển, đã sản xuất được bom nguyên tử, tên lửa mang đầu đạn hạt nhân, tàu ngầm nguyên tử và đang nghiên cứu phát triển bom Hydro. Đặc biệt, Ấn Độ công khai theo đuổi Chương trình hạt nhân vì mục đích dân sự và quân sự, tuyên bố không để bị cản trở bởi áp lực và ảnh hưởng từ nước ngoài [Trung Hiếu, Lâm Phương, 2024] [BJP, 2014, pp.38-39].

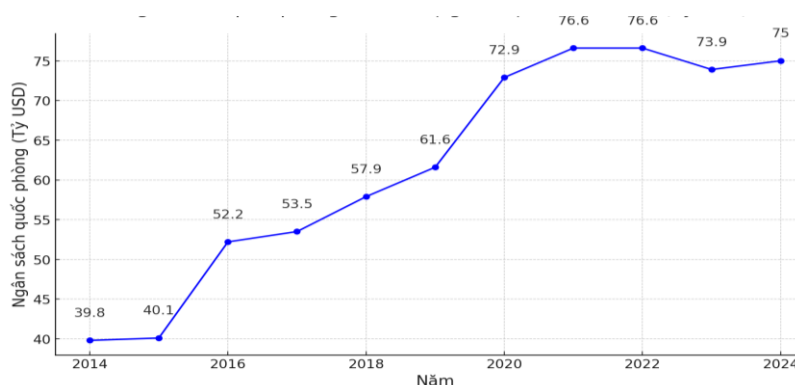
Nhờ đó, Ấn Độ đã giảm đáng kể mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu vũ khí bên ngoài. Bằng chứng là chi tiêu mua sắm quốc phòng của nước này đã giảm 46% (2018 - 2019) xuống còn 36,7% (2021 - 2022). Cũng nhờ sáng kiến trên, đến năm 2023 - 2024, xuất khẩu vũ khí của Ấn Độ tăng gấp 31 lần (2,63 tỷ USD) so với năm 2013 - 2014 [Quang Trung, 2024]. Ấn Độ hiện có 100 công ty xuất khẩu các sản phẩm quốc phòng, xuất khẩu sang hơn 85 quốc gia. Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu Hòa bình quốc tế Stockholm (SIPRI), Ấn Độ xếp vị trí thứ 4 tại khu vực Á-ĐD - TBD về khả năng tự chủ trong sản xuất quốc phòng. Trên đà tăng trưởng, Ấn Độ đã đặt mục tiêu đầy tham vọng là đạt ngưỡng 6,2 tỷ USD về xuất khẩu quốc phòng vào năm 2029 [Báo cáo viên, 2024]. Xuất khẩu quốc phòng gia tăng cùng với sự tham dự của 104 quốc gia tại Triển lãm Aero India 2023 là bằng chứng cho thấy năng lực sản xuất quốc phòng ngày càng lớn của Ấn Độ, là kết quả của những cải cách do Chính phủ của Thủ tướng N. Modi thực hiện [Hoàng Vũ, 2023].

Việc sở hữu vũ khí hạt nhân cũng giúp Ấn Độ có vai trò răn đe chiến lược ở Nam Á và toàn cầu. Ấn Độ đã trở thành thành viên của một loạt các cơ chế an ninh khu vực như ARF (1995), ReCAAP (2006), ADMM Plus (2010), SCO (2017). Ấn Độ tham gia vào

các cuộc tập trận đa phương trên biển Đông và Ấn Độ - Thái Bình Dương... Hợp tác an ninh - quốc phòng với các nước như Nhật Bản, Australia và ASEAN được nâng cấp và cải thiện đáng kể [Nguyễn Văn Dương, 2021].

Về ngân sách quốc phòng, năm 2017, ngân sách quốc phòng của Ấn Độ đã chính thức vượt Anh và vươn lên vị trí thứ 5 của thế giới, làm dịch chuyển cán cân sức mạnh quân sự tại châu Á. Con số Ấn Độ dành cho quốc phòng đã lên tới 75 tỷ USD (2024), tăng hơn 35 tỷ USD so với 2014, chiếm tới 13,18% tổng ngân sách của đất nước, đứng ở vị trí thứ 4 thế giới [The Global Firepower, 2024].

Hình 2.4: Ngân sách quốc phòng Ấn Độ (2014 - 2024)



Nguồn: Defence Review Asia (2022), The World Bank (2023), Global Firepower Index (2024), ORF (2024)

Sức mạnh kinh tế và quốc phòng ngày càng lớn mạnh của Ấn Độ sẽ là một trong những yếu tố tác động đến quá trình định hình chính sách đối ngoại của nước này dưới thời Thủ tướng N. Modi, góp phần hình thành sức mạnh mềm về an ninh - quốc phòng của Ấn Độ (số lượng và chất lượng quân đội, năng lực chỉ huy, trình độ lý luận quân sự và trang thiết bị, khí tài quân sự, đặc biệt là những vũ khí có sức hủy diệt lớn) [Nguyễn Hồng Quân, 2020].

2.2.2.4. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trước năm 2014

Từ khi giành được độc lập (1947), chính sách đối ngoại Ấn Độ cũng luôn xoay quanh ba vòng tròn đồng tâm bao gồm các nước láng giềng lân cận (Immediate neighbours), các nước láng giềng mở rộng (Extended neighbours) và phần còn lại của thế giới (The World).

Trong đó, quan niệm của Ấn Độ về các nước láng giềng lân cận và các nước láng giềng mở rộng có sự thay đổi theo quá trình lịch sử. Điều này phần lớn bị ảnh hưởng bởi các lợi ích về an ninh - nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển, hòa bình, ổn định của

Ấn Độ. *Giai đoạn đầu (1947 - 1962) - Không liên kết lạc quan.* Giai đoạn này được đánh dấu bằng bối cảnh thế giới lưỡng cực, với các phe do Mỹ và Liên Xô lãnh đạo. Mục tiêu của Ấn Độ trong giai đoạn này là chống lại sự suy yếu chủ quyền, xây dựng lại nền kinh tế và củng cố toàn vẹn lãnh thổ. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ (ảnh hưởng của cao độ của Chủ nghĩa phổ quát (Universalism) dựa trên đạo đức và Chủ nghĩa duy tâm (Idealism)) tập trung vào Nam Á (vòng tròn thứ nhất) và khu vực lân cận mở rộng (vòng tròn thứ hai), bao gồm châu Á và Á-ĐD. Ấn Độ là một trong những quốc gia đầu tiên được phi thực dân hóa. Do đó, Ấn Độ tự nhiên dẫn đầu châu Á và Châu Phi trong nỗ lực tìm kiếm một trật tự thế giới công bằng hơn. Ấn Độ định vị mình như một nhân tố an ninh chủ đạo ở Nam Á, đồng thời tìm kiếm ảnh hưởng ở khu vực láng giềng mở rộng và ở cấp độ toàn cầu. Điều này được thể hiện thông qua việc Ấn Độ tự định vị mình là lãnh đạo của Phong trào NAM (1961), đánh dấu đỉnh cao của sự đoàn kết của Thế giới thứ ba nhằm thúc đẩy hòa bình và ổn định thế giới nhưng lại giữ khoảng cách với cả Mỹ và Liên Xô như một phần của Chính sách “Không liên kết”.

Giai đoạn thứ hai (1962 - 1971) - Thập kỷ của chủ nghĩa hiện thực và phục hồi. Cách tiếp cận của Ấn Độ đã trải qua một sự chuyển đổi. Ấn Độ đã có chính sách đối ngoại chủ động và thực tế hơn trong giai đoạn này, nhằm bảo vệ lợi ích trong nước và mở rộng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Ấn Độ nhìn xa hơn sự “không liên kết” vì lợi ích an ninh quốc gia, ký kết thỏa thuận quốc phòng với Mỹ (1964) nhưng đồng thời phải đối mặt với áp lực từ Mỹ và Anh vì Hiệp định Tashkent về Kashmir (1965). Vì thế, Ấn Độ bắt đầu nghiêng về phía Liên Xô. Những nỗ lực của Ấn Độ nhằm mở rộng phạm vi ảnh hưởng và củng cố NAM (1961), G77 (1964) cũng như giải quyết các vấn đề trong nước và quốc tế. Những thay đổi này trở nên rõ ràng sau Chiến tranh Biên giới Trung - Ấn (1962) với thất bại của Ấn Độ. Ấn Độ đã đưa ra những lựa chọn thực tế về an ninh và thách thức chính trị. Tình hình trở nên phức tạp hơn do những thách thức chính trị trong nước sau sự ra đi của Thủ tướng J. Nehru và những khó khăn về tài chính do nền kinh tế biệt lập. Với những diễn biến phức tạp này, sự chú ý của Ấn Độ chỉ tập trung vào khu vực láng giềng lân cận. Khu vực láng giềng mở rộng vẫn bị bỏ qua trong nhiều thập kỷ. Trong giai đoạn này, New Delhi đã nỗ lực khẳng định mình là một thế lực an ninh hùng mạnh ở Nam Á. Điều này đã được chứng minh qua sự ủng hộ của Ấn Độ đối với Phong trào giải phóng ở Đông Pakistan (nay là Bangladesh) chống lại Tây Pakistan bằng “sức mạnh cứng”. Năm 1971, sau khi Bangladesh tách khỏi Pakistan, Ấn Độ nổi lên như một cường quốc thống trị ở

Nam Á và hoạt động như nhà cung cấp an ninh khu vực. Ấn Độ tiếp tục củng cố lợi ích và vị thế của mình trong khu vực Nam Á và kiềm chế mạnh mẽ mọi sự can dự bên ngoài (trực tiếp hoặc gián tiếp) [Hagerty, D. T., 1991].

Giai đoạn thứ ba (1971 - 1991) - Ấn Độ khẳng định mình tại khu vực. Trong giai đoạn đặc biệt phức tạp này, sau khi giải phóng Bangladesh (1971), Ấn Độ đã có những nỗ lực chính trị và quân sự nhằm chấm dứt xung đột dân sự ở Sri Lanka và sự can dự của quân đội nhằm chấm dứt cuộc đảo chính ở Maldives. Vì giới lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ bận tâm nhiều đến các yêu cầu cấp bách về an ninh tại khu vực Nam Á (trục Mỹ - Trung Quốc - Pakistan hình thành đã đe dọa nghiêm trọng đến triển vọng trở thành cường quốc khu vực của Ấn Độ cũng như lệnh trừng phạt từ Mỹ và các đồng minh sau khi Ấn Độ tiến hành thử nghiệm hạt nhân hòa bình - Pokhran I (1974)) nên New Delhi không dành nhiều nguồn lực và sự quan tâm đến khu vực láng giềng mở rộng và các khu vực xa hơn nữa. Do đó, Ấn Độ thể hiện vai trò khiêm tốn hơn trong phạm vi vòng tròn đồng tâm thứ hai và thứ ba. Điều này tiếp tục kéo dài cho đến khi Liên Xô sụp đổ (1991) và Chiến tranh Lạnh kết thúc. Sự tan rã của Liên Xô (1991) - đồng minh thân cận của Ấn Độ trong Chiến tranh Lạnh - là một thách thức nghiêm trọng đối với New Delhi về mặt kinh tế, quân sự, và chính trị. Một cuộc khủng hoảng tài chính chưa từng có trong quốc gia chỉ làm trầm trọng thêm tình hình và buộc giới lãnh đạo Ấn Độ phải thực hiện các cuộc cải cách kinh tế lớn (1991 - 1992) (ảnh hưởng từ Chiến tranh Vùng Vịnh (1991 - 1992) [Cerra, V., Saxena, S. C., 2002].

Từ cách hoạch định chính sách đối ngoại với mục tiêu trọng tâm là an ninh, Ấn Độ mạnh mẽ chuyển hướng về các triển vọng kinh tế với mong muốn đưa New Delhi trở thành một cường quốc “ôn hòa” và đề cao sự hợp tác ở cả ba vòng tròn đồng tâm. Kết quả là, trọng tâm an ninh lâu đời trên vòng tròn đồng tâm chính đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, xu hướng này vẫn tiếp tục trong chưa đầy một thập kỷ.

Giai đoạn thứ tư (1991 - 1998) - bảo vệ quyền tự chủ chiến lược. Ấn Độ đã thay đổi lập trường và cách tiếp cận của mình về các vấn đề quốc tế do sự xuất hiện của một thế giới đơn cực do Mỹ thống trị, kết quả là chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã thay đổi để trở nên độc lập hơn về mặt chiến lược. Nhiệm vụ tìm kiếm quyền tự chủ chiến lược này đặc biệt tập trung vào việc đảm bảo lựa chọn vũ khí hạt nhân với cuộc thử hạt nhân Pokhran II của Ấn Độ (1998), điều này châm ngòi cho một loạt các cuộc thử nghiệm hạt nhân của Pakistan. Năm sau đó, Ấn Độ và Pakistan đã tham gia vào một cuộc xung đột

vũ trang ở Kargil (Kashmir) sau khi quân đội Pakistan xâm nhập Đường kiểm soát được thiết lập từ 1971. Những sự kiện này đã đưa các vấn đề an ninh trở lại hàng đầu. Đây là giai đoạn Ấn Độ nỗ lực hợp tác chặt chẽ hơn với Mỹ, Israel và các nước ASEAN.

Giai đoạn thứ năm (1998 - 2013) - cường quốc cân bằng. Bước sang thế kỷ XXI, New Delhi một lần nữa hồi sinh trọng tâm an ninh của mình tại khu vực láng giềng lân cận trong khi cũng tìm cách thiết lập dần dần vai trò an ninh tại khu vực láng giềng mở rộng. Trong hai thập kỷ, Ấn Độ cố gắng duy trì sự thống trị của mình tại Nam Á - “Tiểu lục địa Ấn Độ”, mở rộng ảnh hưởng an ninh và chính trị của mình tại khu vực láng giềng mở rộng, và định vị mình như một nhân tố an ninh quan trọng ở cấp độ toàn cầu. Ấn Độ dần dần có được các đặc điểm và cố gắng hành động như một cường quốc cân bằng (chống lại sự trỗi dậy của Trung Quốc), điều này được phản ánh trong thỏa thuận hạt nhân giữa Mỹ và Ấn Độ (Hiệp định 123). Đồng thời, Ấn Độ cũng cùng Trung Quốc hợp tác trong việc thúc đẩy thương mại, giải quyết vấn đề biên giới khí hậu; củng cố quan hệ với Nga và hỗ trợ BRICS thành diễn đàn toàn cầu lớn. Tuy nhiên, kết quả của những thay đổi trong chính sách đối ngoại vẫn chưa đạt được như mục tiêu đề ra, mối quan hệ của Ấn Độ với các đồng minh truyền thống đã trở nên lạnh nhạt, Ấn Độ và các nước láng giềng trở nên dần xa cách...

Như vậy, nhìn lại bức tranh chính sách đối ngoại Ấn Độ trước năm 2014, có thể thấy gần như trong suốt chiều dài lịch sử Ấn Độ từ khi độc lập đến trước “Thời đại Modi” (Giai đoạn thứ sáu - Sự tham gia năng nổ), “an ninh” luôn được xem là mục tiêu hàng đầu và trọng tâm trong chính sách đối ngoại của nước này. Điều đó là hoàn toàn có lý khi khu vực Nam Á và cục diện thế giới trong giai đoạn này có quá nhiều mối đe dọa an ninh, tác động trực tiếp đến Ấn Độ. Hơn nữa, New Delhi cũng vừa phải trải qua những năm tháng “hy sinh xương máu” để giành lại độc lập từ tay Thực dân Anh nên nền độc lập đối với họ là một điều vô cùng thiêng liêng và điều này cũng giúp họ ý thức cao độ về việc bảo vệ chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Mặt khác, bám sát vào mục tiêu “an ninh”, nên có thể thấy có một nguyên tắc bao quát và xuyên suốt trong quá trình hoạch định, thực thi chính sách của Ấn Độ kể từ khi giành được độc lập đó là “quyền tự chủ chiến lược” nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của quốc gia trước những diễn biến phức tạp bên ngoài.

Cùng với đó, mặc dù kiên định với mục tiêu “an ninh”, song trong quá trình triển khai, Ấn Độ có những điều chỉnh nhất định về mức độ quan tâm đến các vòng tròn đồng tâm, khi mở rộng tầm ảnh hưởng ở những vành tròn xa trung tâm, khi lại thu hẹp mức độ

quan tâm về vòng tròn thứ nhất. Song dù có sự thay đổi, điều chỉnh ở từng giai đoạn lịch sử nhưng tựu chung lại, Ấn Độ vẫn giữ nguyên và thống nhất về các cấp độ ưu tiên trong quan hệ với các chủ thể quốc tế (giữ nguyên thứ tự các vòng tròn đồng tâm).

2.2.2.5. Các nhân tố khác

- Sự chuyển đổi từ chủ nghĩa Lý tưởng sang cách tiếp cận Thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Cách tiếp cận Thực dụng xem việc theo đuổi lợi ích quốc gia là lý do chính đáng cho mọi hành động của nhà nước và nhấn mạnh vào hành xử dựa trên tình hình thực tế, đặt hành động thiết thực lên trên lý lẽ có tính lý thuyết. Cách tiếp cận Thực dụng không “khuôn mẫu” và “nguyên tắc” như Chủ nghĩa Lý tưởng mà áp dụng cách tiếp cận “tự lực” của Chủ nghĩa Hiện thực [Ganguly, S., Pardesi, M. S., 2009, p.4].

Trong quá khứ, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng J. Nehru, chính sách đối ngoại Ấn Độ mang đậm tư tưởng lý tưởng, chú trọng vào những giá trị đạo đức và tinh thần trong quan hệ quốc tế. J. Nehru nhấn mạnh tầm quan trọng của tư tưởng đạo đức và lý tưởng hòa bình, phản ánh thông qua lập trường không liên kết của Ấn Độ trong Chiến tranh Lạnh và việc giữ khoảng cách với các khối quân sự lớn như NATO do Mỹ đứng đầu hay Warszawa do Liên Xô lãnh đạo. Tuy nhiên, hiện nay Ấn Độ đã dần rời bỏ lý tưởng này và chuyển sang một hướng thực tế hơn nhằm nhấn mạnh vào lợi ích quốc gia cụ thể và những mục tiêu mang tính thực tiễn, đồng thời, đối phó với những thách thức mới của toàn cầu hóa và cuộc cạnh tranh chiến lược với các cường quốc lớn.

Thủ tướng N. Modi được xem là nhân tố quyết định đối với sự chuyển hướng sang cách tiếp cận Thực dụng trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Theo truyền thông Ấn Độ, thuật ngữ "Thực dụng" được nhắc đến với tần suất cao hơn nhiều khi liên quan đến Thủ tướng N. Modi so với các vị tiền nhiệm. Cụ thể, từ 01/2014 đến ngày 01/3/2016, ba tờ báo quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn tại Ấn Độ là Indian Express, Times of India và Economic Times đã xuất bản 359 bài báo có chứa các từ khóa liên quan đến N. Modi và "thực dụng". Trong số đó, 115 bài báo đề cập trực tiếp đến tác động của Chủ nghĩa Thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, đặc biệt là trong mối quan hệ với các đối tác toàn cầu hàng đầu [Miller, M. C., Kate, S. E., 2017, pp.27-30].

Ngoài ra, sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ Chủ nghĩa Lý tưởng sang Thực dụng còn là kết quả của bối cảnh quốc tế mới, khi mà sự cạnh tranh giữa các cường quốc lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, đang ngày càng gia tăng. Việc Ấn

Độ lựa chọn con đường thực dụng không chỉ giúp nước này củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế mà còn giúp tối đa hóa lợi ích kinh tế và chiến lược trong mối quan hệ với các cường quốc này. Cách tiếp cận Thực dụng cũng giúp Ấn Độ nhìn nhận chính xác hơn về các tác động, thách thức của các nhân tố trong cấp độ hệ thống thay vì bỏ qua như Chủ nghĩa Lý tưởng. Chuyển đổi Chủ nghĩa Lý tưởng sang Thực dụng, ông N. Modi đã xây dựng chính sách ngoại giao tập trung vào tăng cường quyền lực quốc gia và thúc đẩy vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, một trong những bước đột phá lớn trong chiến lược của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi là sự chú trọng đến việc xây dựng quan hệ kinh tế và chiến lược với các cường quốc lớn chứ không đi theo chủ trương “Không liên kết” như trước đây, nhằm bảo vệ và mở rộng lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, chính sách này cũng không loại trừ việc áp dụng các biện pháp cứng rắn khi cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia. Điều này được thể hiện qua cách Ấn Độ ứng phó với những thách thức từ Trung Quốc, chẳng hạn như các tranh chấp biên giới ở Thung lũng Galwan (2020). Sự kiện này đã làm nổi bật vai trò quan trọng của cách tiếp cận Thực dụng trong chính sách đối ngoại Ấn Độ, khi nước này không chỉ sử dụng ngoại giao mà còn sẵn sàng sử dụng cả biện pháp quân sự để bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Như vậy, yếu tố Thực dụng đang ngày càng trở thành nền tảng cốt lõi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Sự chuyển đổi từ lý tưởng sang thực tế không chỉ giúp Ấn Độ đối phó hiệu quả với các thách thức an ninh và kinh tế từ bên ngoài, mà còn nâng cao vị thế của nước này trên trường quốc tế. Thủ tướng N. Modi, với sự kiên định và nhạy bén của mình, đã thành công trong việc định hình lại cách tiếp cận của Ấn Độ đối với thế giới, đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu trong mọi quyết định và hành động.

- Văn hóa chiến lược

Nền văn minh của Ấn Độ cũng đang có ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối tư duy Ấn Độ. Người Ấn chấp nhận sự hiện diện của một trật tự thế giới có thứ bậc và quan niệm rằng, mở khóa cho cánh cửa tới hành động và quyền lực là sự thấu hiểu chân lý. Quốc gia này luôn đề cao triết lý hòa bình và cùng nhau phát triển. Các điều này đã được biểu hiện rõ ràng trong cách hành xử của New Delhi đối với các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là đối với Trung Quốc. Ở một mức độ nào đó, Ấn Độ mong muốn hợp tác với Trung Quốc để cùng tạo nên thế kỷ thịnh vượng của châu Á. Song nếu xét những khía cạnh khác như văn hóa chiến lược, sự thân cận về mặt địa lý, thì Trung Quốc cũng chính

là một mối lo về an ninh đối với Ấn Độ. Vì vậy, ngoài quan niệm về hòa bình, hợp tác, Ấn Độ cần có những quyết sách đối ngoại có sức răn đe hơn về mặt an ninh, quốc phòng với các thế lực đe dọa bên ngoài.

Trong công cuộc cải cách toàn diện, Ấn Độ luôn sử dụng chính sách văn hóa để củng cố cho sức mạnh tổng hợp quốc gia. Với Chính sách văn hóa “mềm” và “Ngoại giao Phật giáo”, Ấn Độ đã thành công trong việc quảng bá hình ảnh của một đất nước đa sắc tộc, đa văn hóa với thế giới. Ấn Độ trở thành điểm đến du lịch hành hương với hệ thống các viện bảo tàng, danh lam thắng cảnh mang đậm nét văn hóa Phật giáo trên thế giới; ngành điện ảnh Bollywood và bộ môn Yoga được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ. Ấn Độ đã đề xuất thành công với UN về công nhận ngày Quốc tế Yoga (21/6). Ấn Độ là quốc gia đa tôn giáo, song mỗi tôn giáo đều có vị trí như nhau và được quy định trong Hiến pháp. Tất cả các tôn giáo tạo nên một bức khảm mang đậm những nét đặc trưng riêng của Ấn Độ.

- Sự nhấn mạnh các mục tiêu kinh tế trong chính sách đối ngoại

Thủ tướng N. Modi coi việc "hiện đại hóa" Ấn Độ là một nhiệm vụ của quốc gia, nhằm đưa Ấn Độ tiến vào thế kỷ XXI với việc mở rộng mối quan hệ kinh tế với các quốc gia khác trên thế giới [Deutsche Welle, 2024]. Trong bối cảnh hiện tại, khi nền kinh tế toàn cầu đang có những thay đổi sâu sắc, mối liên hệ giữa nền kinh tế Trung Quốc và thế giới ngày càng trở nên chặt chẽ. Điều này đòi hỏi chính sách đối ngoại của Ấn Độ cần phải thay đổi để phù hợp với tình hình mới. Cụ thể, Ấn Độ cần điều chỉnh ngoại giao từ một quốc gia bình thường thành một quốc gia lớn có vai trò và tầm ảnh hưởng lớn hơn, thông qua việc thu hút đầu tư nước ngoài, cải thiện các chỉ số kinh tế và xã hội, và tăng cường vị thế của mình trong khu vực cũng như trên thế giới. Mô hình mới này còn nhấn mạnh đến sự kết nối giữa các quốc gia "giàu" và "mạnh", đặc biệt là với những quốc gia như Trung Quốc.

- Các nhóm lợi ích

Các nhóm lợi ích liên quan đến chính sách đối ngoại Ấn Độ đều có mặt cả bên trong và bên ngoài Quốc hội nhưng thiếu tính tổ chức hoặc thiếu tính liên kết so với phần lớn các nền dân chủ khác. Các nhóm lợi ích này bao gồm các nhóm kinh doanh như Liên đoàn các Phòng thương mại quốc tế Ấn Độ; các nhóm tôn giáo, đặc biệt là nhóm người Hồi giáo và các cộng đồng hữu nghị hoặc văn hóa khác đang thúc đẩy mối quan hệ gần gũi hơn với từng quốc gia cụ thể. Trong số đó còn có các nhóm không chính thức được biết

đến như là những nhóm vận động hành lang cho Nga và Mỹ.

Các đảng phái chính trị đối lập thường có những quan điểm khác nhau liên quan đến chính sách đối ngoại, tuy nhiên những quan điểm này cũng ít ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách cho đến những năm 1990. Khác với Hạ viện của bà I. Gandhi, chỉ gồm Đảng Cộng sản, Đảng Janata và Jana Sangh và một trong những Đảng kế nhiệm là Đảng BJP đã phát triển các nền tảng thống nhất về chính sách đối ngoại. Từ khoảng giữa những năm 1950, các Đảng Cộng sản đã thể hiện sự ủng hộ rộng rãi đối với chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Vào giai đoạn đầu nắm quyền của Đảng Janata (1977 - 1979), Thủ tướng M. Desai cam kết sẽ trở về thời kỳ “không liên kết” nguyên bản như thời kỳ đầu. Tuy nhiên, các cân nhắc về yếu tố an ninh đã buộc ông M. Desai và Bộ trưởng Ngoại giao của ông, tuân thủ đường lối chính sách đối ngoại theo giống Quốc hội của I. Gandhi - không liên kết theo hướng thân Nga. Các ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Đảng BJP khác biệt nhiều nhất với các ưu tiên theo Quốc hội của I. Gandhi. BJP chỉ trích sự “không liên kết” và ủng hộ việc sử dụng mạnh mẽ quyền lực của Ấn Độ để bảo vệ lợi ích quốc gia không bị xói mòn trong tay của Pakistan và Trung Quốc [Ngô Xuân Bình, 2019, tr. 108].

2.2.3. Cấp độ cá nhân

2.2.3.1. Xuất thân của Thủ tướng Narendra Modi

Nguồn gốc đẳng cấp và nền tảng gia đình của Thủ tướng N. Modi cũng đóng vai trò quan trọng trong chính sách ngoại giao quyết đoán của ông. Gia đình ông N. Modi thuộc đẳng cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ - đẳng cấp Dalit, vì thế ông đã phải trải qua một quãng đời tuổi thơ nghèo khó. Tuy vậy, với ý chí kiên cường và mạnh mẽ, ông N. Modi đã vượt lên trên hoàn thành và địa vị xã hội thấp kém, để tốt nghiệp cử nhân Khoa học chính trị tại trường Đại học Delhi, sau đó lấy bằng Thạc sĩ Khoa học chính trị, Đại học Gujarat. Tất cả những điều ấy đã hun đúc lên một Thủ tướng N. Modi hoàn toàn khác với người tiền nhiệm: thấu hiểu rõ nét tình cảnh của mọi tầng lớp trong xã hội; nhìn rõ thời cuộc, nhận thức được những khó khăn và thách thức của đất nước; quyết đoán và mạnh mẽ trong việc ra quyết định.

Bên cạnh đó, nhờ có cá tính mạnh mẽ, tự tin, ông N. Modi còn có khả năng thực hiện những tình huống khó khăn mà không do dự. Ông N. Modi đã tái thiết chính sách ngoại giao của Ấn Độ một cách mạnh mẽ và có mục đích. Khi hoàn cảnh yêu cầu, ông N. Modi phá vỡ các nghị định/giao thức chung, không tuân theo quy định chung và khéo léo biến Ấn Độ thành điểm đến đầu tư và văn hóa. Nếu như các nhà lãnh đạo Ấn Độ trước

đây đã từng thúc đẩy kinh doanh với các nhà lãnh đạo “cứng rắn” mà dụng ý dân chủ của họ bị cộng đồng quốc tế cho là đáng ngờ, ông N. Modi đã ưu tiên các lợi ích kinh tế hơn là các lý tưởng dân chủ và rất thoải mái với các nhà lãnh đạo như vậy. Thủ tướng N. Modi đã thể hiện niềm tin vững vàng để thực hiện những bước đi lớn. Một trong số đó là quá trình phi tiền tệ hóa, dù vấp phải những chỉ trích bởi nhiều người trong giới truyền thông.

2.2.3.2. Phong cách lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi

Khi Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền, yếu tố tính cách cá nhân lãnh đạo đã trở lại vị trí trung tâm trong chính sách ngoại giao của Ấn Độ. Nhiều lần Thủ tướng N. Modi nhấn mạnh rằng, ông là vị Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên được sinh ra sau khi Ấn Độ giành được độc lập (ông sinh năm 1950), do đó đương nhiên mọi người có thể trông đợi ở ông sự “dịch chuyển” về thế giới quan so với những người tiền nhiệm. Người ta tin rằng, với sự lãnh đạo của N. Modi, “con người của sự phát triển”, Ấn Độ có thể trở thành một “cường quốc thông minh” (smart power), sử dụng sức mạnh cứng (hard power) ở khu vực láng giềng Nam Á và sức mạnh mềm (soft power) ở những nơi khác.

Ngoài ra, ông N. Modi còn được đánh giá là một người khôn khéo, thực tế, có tầm nhìn xa và tư duy chiến lược. Trong quá trình tranh cử, khả năng hùng biện và khai thác tốt cảm xúc của cử tri với sự hỗ trợ của truyền thông và mạng xã hội đã định hình trong lòng cử tri về hình ảnh một thủ tướng như là đại diện của chủ nghĩa dân tộc Hindutva. Ông đã luôn thể hiện thái độ mạnh mẽ, cứng rắn và quyết đoán với Trung Quốc và Pakistan, tham vọng thu hút đầu tư từ Mỹ cả sự quan tâm đến các nước láng giềng nhỏ. Dưới sự cầm quyền của Thủ tướng N. Modi, chính sách đối nội cũng như đối ngoại của Ấn Độ đã và sẽ có những điều chỉnh quan trọng.

Có thể kể đến một số đặc điểm chính trong phong cách lãnh đạo và sự nghiệp chính trị của ông như sau:

Thứ nhất, Đảng BJP do N. Modi lãnh đạo xem truyền thống tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc Hindu là triết lý chính trị và hệ tư tưởng. Cá nhân ông N. Modi cũng được biết đến là người rất trọng các tín ngưỡng và truyền thống của người Hindu. Ông đã từng phát biểu “Chủ nghĩa Dân tộc là nguồn cảm hứng của chúng tôi” [Al, Jazeera, 2019]. Ông thường xuyên đề cập đến “niềm tự hào dân tộc” trong chủ nghĩa Hindu để nhấn mạnh vị thế quyền lực của Ấn Độ. Chính vì tư tưởng đó, ông N. Modi không chấp nhận bất cứ thế lực bành trướng nào đe dọa đến quyền lực và sức mạnh của Ấn Độ. Trong quá trình tranh cử, ông từng có tuyên bố thể hiện rõ lập trường của mình về thế lực đe dọa của Trung

Quốc “Không có sức mạnh nào trên trái đất có thể cướp đi... Tư tưởng bành trướng không còn được chấp nhận trong thời đại ngày nay. Trung Quốc sẽ phải bỏ lại tư duy bành trướng” [Mohan, C. R., 2015].

Mặt khác, ông N. Modi đã sử dụng Chủ nghĩa Dân tộc Hindu không chỉ như một nền tảng tư tưởng văn hóa mà còn là một công cụ chiến lược trong các mối quan hệ quốc tế. Điều này thể hiện rõ ràng qua các sáng kiến như lễ hội Diwali được tổ chức ở nhiều quốc gia khác nhau, các chương trình quảng bá Yoga và Ayurveda (y học cổ truyền Ấn Độ) ra toàn thế giới. Những hành động này không chỉ tạo dựng hình ảnh mềm mỏng cho Ấn Độ mà còn giúp quốc gia này có tiếng nói trong các diễn đàn quốc tế về văn hóa và tôn giáo.

Ông N. Modi còn tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ với các quốc gia cùng chung tư tưởng hoặc có nền văn hóa tương đồng với Ấn Độ, đặc biệt là các nước châu Á và các nước có cộng đồng Hindu đông đảo. Chủ nghĩa Hindu trong chính sách ngoại giao của ông N. Modi còn được nhìn nhận là một phần của chiến lược quyền lực mềm, nhằm tạo nên sức hút của Ấn Độ với các quốc gia khác thông qua văn hóa và tôn giáo.

Thứ hai, ông N. Modi được miêu tả là một người theo “Chủ nghĩa Thực dụng”. Mặc dù thuật ngữ này chỉ mang tính tạm thời và vẫn có những điểm không phù hợp (chủ yếu là vì ông N. Modi mang tư tưởng kinh tế và chính trị), nhưng “thực dụng” đã được sử dụng để mô tả sự tích cực của ông trong các vấn đề kinh tế cũng như đối ngoại. Về kinh tế, “chủ nghĩa duy nhất” của Ông và “con người CEO” đã mang tới sự chuyển đổi kinh tế nhanh chóng ở bang Gujarat trong thời gian ông giữ chức vụ trưởng, được hy vọng sẽ làm thay đổi Ấn Độ. Về đối ngoại, ông N. Modi đã hỗ trợ các cuộc tiếp xúc cá nhân trong quan hệ với các cường quốc lớn hơn Ấn Độ và bằng chứng là Ấn Độ chủ trì cuộc gặp giữa Tổng thống Mỹ B. Obama và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình. Thủ tướng N. Modi cũng là thủ tướng Ấn Độ thực hiện nhiều chuyến công du nước ngoài nhất trong lịch sử. Ngoài ra, nhiều người dự đoán rằng Ấn Độ dưới thời N. Modi sẽ có một lập trường cứng rắn hơn đối với các đối thủ lâu năm trong khu vực là Pakistan và Trung Quốc.

Thứ ba, khác các nhà lãnh đạo trước luôn ưu tiên những truyền thống của Ấn Độ trong quan hệ với thế giới - một truyền thống đối ngoại đã được xây dựng hàng chục năm qua; ông N. Modi lại không đặt nặng vấn đề này khi mạnh dạn điều chỉnh những nguyên tắc chuẩn mực trước đó. Ở Ấn Độ, có một thực tiễn tồn tại từ rất lâu là người dân thường thể hiện sự ủng hộ theo từng thời kỳ đối với những nguyên tắc truyền thống trong chính

sách đối ngoại của Ấn Độ như không liên kết, đạo đức và nhân quyền. Nhưng dưới thời N. Modi, ông đã lên kế hoạch đưa Ấn Độ trở thành một cường quốc quốc tế đầy tham vọng và thậm chí là quyết đoán. Cụ thể là, BJP đã tìm cách thay thế năm nguyên tắc truyền thống Panchsheel (một thuật ngữ liên quan đến đạo Phật) thành năm trụ cột mới là Panchamrit - (một thuật ngữ liên quan đến Hindu giáo chỉ thức uống thiêng được dâng trong nghi lễ cầu nguyện (pooja) và sau đó được phân phối như lễ vật ban phước (prasad), đó là: nhân phẩm, đối thoại, an ninh, sự thịnh vượng chung và văn hóa.

Trong khi nguyên tắc Panchsheel mong muốn kết hợp và cân bằng các giá trị của Ấn Độ và phương Tây, thì nguyên tắc Panchamrit kêu gọi nhấn mạnh vào yếu tố phi phương Tây. “Các tiêu chuẩn của châu Á” không phù hợp với việc phê bình nghiêm túc và công khai, sự bình đẳng xã hội và sự bất đồng về cấp tiến trong chính trị. Hơn nữa, ông N. Modi hứa hẹn rằng Ấn Độ sẽ được định hướng bởi “Ba C” trong các mối quan hệ quốc tế: văn hóa, thương mại và kết nối (Economic Times, 2014). Điều này được phản ánh rõ qua các biện pháp tôn giáo và văn hóa của Chính phủ - trong đó chủ yếu là Hindu giáo - như yếu tố đặc trưng cho quyền lực mềm trên trường quốc tế. Lời tuyên bố rằng ngày 21/6 sẽ là ngày Yoga quốc tế và các từ chỉ tôn giáo/văn hóa của N. Modi trong những chuyến công du nước ngoài của ông đều hỗ trợ cho viễn cảnh này.

Bên cạnh đó, có thể thấy, ông N. Modi cũng không lãng tránh và cũng không quá lưu tâm đến việc mình là lãnh đạo của một quốc gia hậu thuộc địa, vì ông ý thức được sự thiếu hụt quyền lực và ảnh hưởng quốc tế của đất nước mình. Ông đã tự định hình mình là người lãnh đạo của một quốc gia trẻ, đầy tham vọng có nhiều điều kiện về tiềm năng văn hóa và con người.

Thứ tư, chính sách Ấn Độ chịu ảnh hưởng từ nhận thức của Thủ tướng N. Modi về sự phức tạp của hệ thống quốc tế. Ông nhận thức sâu sắc sự phụ thuộc lẫn nhau của các chủ thể trong hệ thống, vì thế để tồn tại, Ấn Độ không thể đứng ngoài vòng tương tác và phụ thuộc đó. Đây cũng là lý do ông N. Modi theo đuổi chủ nghĩa đa liên kết. Thủ tướng cũng từng nhấn mạnh rằng, ông ủng hộ quan điểm về Vasudhaiva Kutumbakam (Thế giới là một gia đình), Vishwa Bandhuta (Tình huynh đệ trên thế giới) và hòa bình. Ông dành sự ưu tiên hàng đầu cho các lợi ích kinh tế trong quan hệ quốc tế để củng cố tiềm lực và sức mạnh quốc gia phát triển, từ đó đưa ra 5 trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại: danh dự, thịnh vượng chung, an ninh khu vực và thế giới, liên kết văn hóa và văn minh [Ravish, T., 2015].

Thứ năm, ông là một nhà hùng biện thiên tài trước công chúng, với một thái độ mềm mỏng cá nhân, và cũng đạt được thành công tương tự trong việc vượt qua nền tảng truyền thống của đảng mình để kết nối với cử tri. Ông đã thành công trong việc đặt mối quan hệ với cộng đồng người Ấn Độ trên toàn thế giới theo một cách chưa từng có. Nhưng thậm chí ngay cả khi ông đã xây dựng một danh tiếng như một thủ tướng trong chính sách đối ngoại, N. Modi cũng đạt hiệu quả tương đương trong việc kết nối với những người Ấn Độ trong nước. Các chương trình phát thanh Mann Ki Baat gọi nhớ đến các cuộc nói chuyện vô tuyến điện “Fireside Chat” của Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt trong những năm 1940, khi đó chương trình đã giúp ông được bầu vào Nhà Trắng lần thứ tư chưa từng có trong lịch sử.

Thứ sáu, ông đã thể hiện sự kiên trì to lớn trong việc vượt qua những trở ngại chính trị, cũng như dần trở thành một nhân vật ảnh hưởng của một quốc gia với trọng tâm là thu hút đầu tư và thúc đẩy nền kinh tế. Ông có khả năng tạo ấn tượng rằng tất cả các đảng liên quan đều cân bằng và từ đó che giấu sự chênh lệch về quyền lực. Ông bắt đầu được mô tả là người đứng đầu quyền lực nhất của chính phủ Ấn Độ kể từ sau thời kỳ hoàng kim của Indira Gandhi. Năm 2014, Đảng BJP đã chiến thắng như là Đảng duy nhất chiếm đa số tại Hạ viện trong vòng 29 năm. Đó là một sự đóng góp to lớn cho nền dân chủ lớn nhất trên thế giới mà cho phép phát triển theo chiều hướng đi lên, ông N. Modi đã đi từ sự khởi đầu thấp kém đến quyền lực cao nhất trong chính phủ [Thanh Hóa, 2024].

Như vậy, nguồn gốc xuất thân, địa vị chính trị, phong cách lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi chính là một yếu tố quan trọng giúp Ấn Độ có những chiến lược và chính sách đối ngoại quyết đoán, hiệu quả.

Tiểu kết Chương 2

Nhằm lý giải chính xác chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi trong Chương 2. Về cơ sở lý luận, tác giả đã đưa ra khái niệm và hệ thống lý thuyết về chính sách đối ngoại. Theo đó, những lý thuyết về chính sách đối ngoại đều có nguồn gốc từ các lý thuyết trong quan hệ quốc tế như Chủ nghĩa Lý tưởng, Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo, cùng với các mô hình và cấp độ phân tích, nhằm tạo nền tảng lý luận để giải thích cội rễ bên trong của quá trình xác định và triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Mặt khác, tác giả cũng đề cập tới Mô hình hoạch định chính sách đối ngoại, các cấp độ phân tích

chính sách đối ngoại, Lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” để làm khung lý thuyết cho việc nghiên cứu.

Bên cạnh cơ sở lý luận, tác giả cũng làm rõ các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay theo cả ba cấp độ (hệ thống, quốc gia và cá nhân). Đây đều là những nhân tố chủ chốt tác động trực tiếp và gián tiếp đến chính sách của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi. Ở cấp độ hệ thống, các nhân tố đó bao gồm xu thế trật tự thế giới đa cực, xu hướng “Đông hóa” và sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trên thế giới, nhân tố Mỹ và Trung Quốc, cạnh tranh chiến lược ở Á-ĐD - TBD, vấn đề leo thang vũ khí hạt nhân, sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng lôi kéo liên minh và sự hình thành các liên minh mới đang được xem là có tác động trực diện đến việc định hình chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời đại N. Modi. Ở cấp độ quốc gia, đó là các yếu tố về địa chính trị và địa kinh tế của Ấn Độ, Tình hình chính trị trong nước, sức mạnh kinh tế - quốc phòng, di sản từ chính sách đối ngoại của Ấn Độ trước năm 2014, sự chuyển đổi từ Chủ nghĩa Lý tưởng sang Chủ nghĩa Thực dụng, văn hóa chiến lược và các nhóm lợi ích. Cuối cùng, ở cấp độ cá nhân chính là những đặc điểm trong xuất thân và phong cách lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi.

Những yếu tố tác động trên đang đặt ra cho chính phủ Ấn Độ yêu cầu cấp thiết phải đẩy mạnh hội nhập, tận dụng tối đa các mối quan hệ đối ngoại, gia tăng vai trò trong các liên kết quốc tế, nhằm tạo điều kiện thuận lợi và ưu tiên cho phát triển kinh tế, khẳng định vị thế quốc gia, đồng thời đảm bảo an ninh chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Suy cho cùng chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay chính là phá bỏ mọi rào cản để tìm ra những lối đi khác biệt nhằm mang tới lợi ích cao nhất cho quốc gia.

CHƯƠNG 3

NỘI DUNG VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi (2014 - 2024) không có một văn bản chính thức công bố về đường lối đối ngoại. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ thường được đề cập một cách không đầy đủ và nằm rải rác trong các văn kiện chính thức của Chính phủ và Đảng cầm quyền như “Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP”, “Sách Trắng”, “Chiến lược An ninh Quốc gia”... hoặc thông qua qua các phát biểu, diễn văn của các nhà lãnh đạo chính trị, đặc biệt là Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước này tại các sự kiện hội nghị, diễn đàn song phương, đa phương, hay các cuộc gặp mặt chính thức.... Do đó, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi có tính chất “linh hoạt”, “mềm dẻo” và dễ dàng điều chỉnh dựa trên các diễn biến quốc tế và khu vực. Vì vậy, khi nghiên cứu nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 - 2024, tác giả không chỉ phân tích dựa trên các *văn bản chính sách* sẵn có mà còn làm rõ và lập luận dựa trên *hành vi chính sách* của Ấn Độ trên thực tiễn. Từ đó, đưa ra những kết luận giá trị mang tính tổng quát, có đầy đủ căn cứ lý luận và thực tiễn về các nội dung tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc đối ngoại cũng như thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi.

3.1. Tầm nhìn đối ngoại

Từ khi lên nắm quyền năm 2014, với khẩu hiệu “*Một Ấn Độ - Ấn Độ xuất sắc*”, “*Cùng tham gia - Cùng phát triển*”, “*Đã đến lúc thay đổi - Thời khắc của N. Modi*”, Thủ tướng N. Modi đã để lại dấu ấn trong tư duy đối ngoại đổi mới. Theo đó, Chính phủ N. Modi xác định tầm nhìn đối ngoại là: “*Về cơ bản là khởi động lại và định hướng lại các mục tiêu, nội dung và quy trình thực hiện chính sách đối ngoại, theo cách xác định sự tham gia chiến lược toàn cầu của Ấn Độ vào một mô hình mới và trên phạm vi rộng hơn, không chỉ giới hạn ở ngoại giao chính trị mà còn bao gồm cả các lợi thế về kinh tế, khoa học, văn hóa, chính trị và an ninh của Ấn Độ, cả ở quy mô khu vực và toàn cầu, trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, để dẫn đến một Ấn Độ mạnh hơn về kinh tế và tiếng nói được lắng nghe trên các diễn đàn quốc tế*” [BJP, 2014].

Năm 2019, với khẩu hiệu “*Ấn Độ quyết tâm - Ấn Độ mạnh mẽ*”, Chính phủ N. Modi đã thể hiện nhiều tham vọng hơn trong tầm nhìn đối ngoại với khẳng định “*Ấn Độ*

đang nổi lên như một cường quốc và kết nối các bên liên quan trong một thế giới đa cực. Sự trỗi dậy của Ấn Độ là một thực tế mới và sẽ đóng vai trò trong việc định hình Chương trình nghị sự toàn cầu trong thế kỷ XXI” [BJP, 2019].

Đặc biệt, trước thềm Tổng tuyển cử quốc gia (2024), Đảng BJP đã công bố Cương lĩnh tranh cử do Thủ tướng N. Modi lãnh đạo với chủ đề *"Cam kết của Modi"* (Modi ki Guarantee), nội dung đề cập đến 24 khía cạnh trong mọi lĩnh vực, trong đó có nêu rõ về việc tiếp tục duy trì tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ và các nguyên tắc trong chính sách đối ngoại của Chính phủ N. Modi. Cụ thể, tầm nhìn đối ngoại của Ấn Độ là *“sẽ củng cố vị thế của mình và thực hiện các chính sách để thúc đẩy lợi ích quốc gia với tinh thần đối tác toàn cầu...” [BJP, 2024].*

Như vậy, về tổng thể, tầm nhìn đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi là biến Ấn Độ từ một cường quốc tầm trung trở thành một thế lực trỗi dậy trên toàn cầu, từ một nước giữ “cân bằng” trở thành một quốc gia lãnh đạo, từ một nước tuân thủ các quy tắc trở thành một quốc gia tạo ra “luật chơi” và thiết lập các chương trình nghị sự toàn cầu.

3.2. Mục tiêu của chính sách đối ngoại

3.2.1. Mục tiêu chung

Tại Hội nghị các nhà ngoại giao Ấn Độ (HOM) (2017) do Bộ trưởng Bộ ngoại giao Ấn Độ S. Swaraj chủ trì, Thủ tướng N. Modi đã chia sẻ trực tiếp với khoảng 120 nhà ngoại giao hàng đầu của Ấn Độ về các vấn đề như môi trường địa chính trị và địa kinh tế đương đại, kết nối và các ưu tiên chính sách đối ngoại của Ấn Độ, mục tiêu trong chính sách đối ngoại mà Chính phủ đang thực hiện, bao gồm (1) Ấn Độ cần thúc đẩy sự hiện diện kinh tế tại các thị trường mới hơn nữa, (2) Tăng cường an ninh của Ấn Độ trong khu vực, (3) Nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trên thế giới, thể hiện vai trò lãnh đạo và vai trò của nhà giữ gìn trật tự an ninh thế giới [The Times of India, 2017]. Như vậy, ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại được Thủ tướng N. Modi xác định chính là mục tiêu “Phát triển” - mở rộng sự hiện tại các thị trường để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế Ấn Độ. Mục tiêu “An ninh” đứng ở vị trí thứ hai và cuối cùng là mục tiêu “Vị thế” - nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ ra toàn cầu và định vị như một nhà lãnh đạo, một lực lượng đảm bảo trật tự an ninh của thế giới.

Việc nhấn mạnh trọng tâm vào mục tiêu kinh tế tiếp tục được ông R. Bhatia - cựu Đại sứ/Cố vấn đặc biệt của Ấn Độ tại Myanmar, Mexico, Nam Phi và Kenya khẳng định trong nghiên cứu “Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thế kỷ XXI” [Bhatia, R., 2019].

“Tăng trưởng kinh tế - tăng trưởng nhanh chóng, cân bằng, bao trùm - là sứ mệnh hàng đầu của Ấn Độ. Chính sách đối ngoại của chúng ta (Ấn Độ) cần phải làm mọi thứ có thể để giúp chúng ta đảm bảo được mục tiêu bao quát này”. Sự nhấn mạnh vào mục tiêu “Phát triển” cũng cho thấy sự khác biệt của Chính phủ N. Modi so với các chính phủ trước đó vốn chú trọng nhiều hơn vào mục tiêu “An ninh”. Đây cũng dấu hiệu thay đổi trong cách tiếp cận của Ấn Độ đối với các thách thức toàn cầu. Thay vì chỉ tập trung vào việc đối phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống, Chính phủ của N. Modi đã thể hiện một tầm nhìn rộng hơn, nhìn nhận các cơ hội kinh tế như là công cụ chính để đạt được an ninh quốc gia và vị thế quốc tế.

Bên cạnh việc nhấn mạnh vào phát triển kinh tế như một ưu tiên hàng đầu, Chính phủ N. Modi cũng nhận thức rõ một nền kinh tế vững mạnh cần được hỗ trợ bởi một môi trường an ninh ổn định và một tầm ảnh hưởng quốc tế vững chắc. Chính ông R. Bhatia đã nhận định đảm bảo hòa bình và an ninh (ở biên giới của Ấn Độ, khu vực xung quanh và trên thế giới nói chung) cùng sự tham gia vào hệ thống quốc tế của Ấn Độ chính là đang giúp thúc đẩy phát triển kinh tế của quốc gia này [Bhatia, R., 2019].

Việc Ấn Độ tập trung vào "An ninh" như một mục tiêu ưu tiên thứ hai trong chính sách đối ngoại cho thấy Chính phủ N. Modi tiếp tục duy trì sự quan tâm đối với việc bảo vệ và củng cố lợi ích quốc gia trong bối cảnh khu vực và quốc tế đầy biến động. Điều này cũng thể hiện sự tiếp nối và nhất quán với quan điểm đối ngoại “truyền thống” của Ấn Độ. Song “An ninh” dưới thời N. Modi không chỉ liên quan đến việc tăng cường an ninh quốc phòng mà còn bao gồm cả an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh công nghệ.

Mục tiêu cuối cùng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi là "Vị thế". Với Ấn Độ, việc nâng cao vị thế quốc tế không chỉ đơn thuần là tăng cường ảnh hưởng mà còn là việc đảm nhận vai trò lãnh đạo trong các vấn đề toàn cầu. Bằng cách chủ động tham gia vào các vấn đề toàn cầu, Ấn Độ muốn khẳng định mình là một cường quốc đang trỗi dậy và là một quốc gia có trách nhiệm với việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Điều này cũng hoàn toàn thống nhất với tầm nhìn đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.2.1. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế

Một trong những ưu tiên hàng đầu của Thủ tướng N. Modi là đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của Ấn Độ, nhất là sự hiện diện tại các thị trường mới và tiềm năng thông qua chính sách đối ngoại.

Ngay khi vừa lên nắm quyền, Thủ tướng N. Modi đã sắp xếp hàng loạt các chuyến thăm đến các nước lớn như Mỹ, Đức, Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản... Nhất là đối với Trung Quốc - quốc gia mà Ấn Độ có nhiều tranh chấp, chuyến thăm của ông N. Modi đến Trung Quốc đã thể hiện sự chủ động của Ấn Độ trong việc tạm gác lại những vấn đề biên giới - lãnh thổ để thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế.

Để duy trì quỹ đạo tăng trưởng của đất nước, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác với các đối tác nước ngoài thông qua đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), hỗ trợ tài chính và sự kết hợp của “Make in India” (Sản xuất tại Ấn Độ), “Skill India” (Chương trình kỹ năng), “Smart City” (Thành phố thông minh), phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh “Digital India” (Ấn Độ kỹ thuật số), “Clean India” (Làm sạch Ấn Độ) và nhiều sáng kiến khác nhằm thúc đẩy đầu tư trong nước, tạo ra việc làm, nâng cao năng suất và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ. Tạo môi trường thuận lợi cho sự tăng trưởng toàn diện của Ấn Độ, sao cho lợi ích của sự tăng trưởng này đến được với những bộ phận nghèo nhất của đất nước, để Ấn Độ trở thành “Self-reliant India” (Ấn Độ tự cường). Ấn Độ là quốc gia có cộng đồng hải ngoại lớn nhất thế giới với hơn 20 triệu người và nguồn kiều hối 108 tỷ USD (chiếm 3% GDP) (2022). Ngoài ra, rất nhiều người gốc Ấn đang nắm giữ những vị trí quan trọng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, KH&CN... tại nhiều quốc gia và tổ chức trên thế giới (Thủ tướng Anh Sunak, R; Phó Tổng thống Mỹ Harris, K.; Chủ tịch World Bank Banga, A. và hàng loạt các CEO tập đoàn lớn như Adobe, Alphabet, IBM, Microsoft...) [Gia Lai Online, 2023]. Do đó, để thu hút và nhận được lợi ích tối đa từ kiều bào, đồng thời bảo vệ lợi ích của họ, là một trong những mục tiêu chính. Có thể thấy, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã lồng ghép ngoại giao kinh tế với ngoại giao chính trị trong chính sách đối ngoại của mình.

3.2.2.2. Tăng cường an ninh của Ấn Độ trong khu vực

Mặc dù ông N. Modi đặt trọng tâm vào việc phát triển kinh tế trong mục tiêu đối ngoại, nhưng điều đó không có nghĩa là ông lơ là về vấn đề an ninh quốc gia trong khu vực. Thậm chí, vấn đề an ninh quốc gia trong chính sách đối ngoại của ông còn được đánh giá là thực tế hơn rất nhiều so với những tiên nhiệm. Ấn Độ đã có bước thay đổi chiến lược từ “Không liên kết” sang “Đa liên kết” trên tinh thần “Tự chủ chiến lược” dưới thời

Thủ tướng N. Modi. Hành vi thiết thực nhất đánh dấu cho bước chuyển mình này của Ấn Độ chính là sự kiện ông N. Modi từ chối tham gia Hội nghị Thượng đỉnh Phong trào không liên kết (NAM) tại Venezuela (2016) [Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, 2022]. Đây cũng là lãnh đạo Ấn Độ đầu tiên không tham dự sự kiện trọng yếu này. Việc chuyển hướng chiến lược trên không chỉ giúp Ấn Độ đẩy mạnh phát triển kinh tế mà còn giúp đảm bảo an ninh quốc gia, phòng ngừa các mối đe dọa an ninh đến từ cả bên trong và bên ngoài.

Có thể nói, chính sách đối ngoại được ông N. Modi khéo léo sử dụng như là một công cụ để “mở rộng vùng ảnh hưởng về an ninh của Ấn Độ”. Vùng ảnh hưởng về an ninh của Ấn Độ được hình dung như những vòng tròn đồng tâm. Ấn Độ ở vị trí trung tâm của vòng tròn này, vòng tròn thứ nhất là vành đai Nam Á được tạo thành bởi các nước láng giềng trong SAARC, vòng tròn thứ hai là ÁĐD - TBD rộng lớn và bao quanh lớp ngoài cùng là phần còn lại của thế giới. Với mục tiêu tăng cường an ninh của Ấn Độ trong khu vực, chiến lược của Ấn Độ trước hết hướng đến việc duy trì, tăng cường các mối quan hệ hữu hảo, thân thiết và thiện chí với các nước láng giềng, coi Chính sách “Láng giềng trước tiên” là ưu tiên hàng đầu nhằm tạo ra vòng đai bảo vệ Ấn Độ trước những thế lực đe dọa an ninh bên ngoài. Ấn Độ tích cực hỗ trợ các nước láng giềng dưới dạng nguồn lực, thiết bị và đào tạo, mở rộng kết nối và hội nhập khu vực, tăng cường quan hệ hàng hải và đối tác an ninh với các quốc gia láng giềng nhằm đảm bảo an ninh và ổn định khu vực, bảo vệ Ấn Độ khỏi các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống. Từ đó, thúc đẩy và duy trì một môi trường bên ngoài hòa bình và ổn định, có thể nhanh chóng giải quyết các thách thức bên trong về phát triển kinh tế toàn diện.

Trong chính sách với các nước lớn, Ấn Độ thể hiện sự tích cực, đa dạng hóa và mở rộng quan hệ song phương với các cường quốc. Bên cạnh việc thúc đẩy mối quan hệ hợp tác “tứ giác” cùng Mỹ, Nhật Bản, Australia trong QUAD ở khu vực ÁĐD - TBD, Ấn Độ cũng tăng cường quan hệ hợp tác “tam giác” với Trung Quốc và Nga trong RIC. Đối ngoại với tinh thần thiện chí, song Ấn Độ vẫn rất kiên định với phương châm là phải bảo đảm được an ninh quốc gia và khu vực. Bằng chứng là sự kiện ở Doklam, trên lãnh thổ Bhutan (2017), Ấn Độ đã đưa quân và vũ khí vào Doklam, buộc quân đội Trung Quốc phải rút lui.

3.2.2.3. Nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trên thế giới, thể hiện vai trò lãnh đạo và vai trò của nhà giữ gìn trật tự an ninh thế giới

Thủ tướng N. Modi đặt mục tiêu nâng cao vai trò và ảnh hưởng của Ấn Độ trong cấu trúc quốc tế. “Đa liên kết” được xem là chiến lược tất yếu mà Chính phủ N. Modi

theo đuổi để nâng tầm ảnh hưởng và hướng tới việc trở thành một nhà lãnh đạo, một người tạo ra “luật lệ” thay vì phải an phận làm một “lực lượng cân bằng” như thời kỳ trước đó [Vietnamplus, 2019].

Ở cấp độ khu vực, New Delhi thúc đẩy sự hiện diện, tiếng nói và nâng cao vai trò của mình bằng cách thúc đẩy mô hình chủ nghĩa khu vực do quốc gia này dẫn dắt. Những động thái, phát ngôn của chính quyền N. Modi đều nhấn mạnh đến tính trách nhiệm của Ấn Độ với các nước láng giềng trong khu vực, điều này đã và đang gián tiếp khẳng định vai trò lãnh đạo của Ấn Độ tại Nam Á. Đặc biệt, nước đi khôn khéo của ông N. Modi còn thể hiện ở chỗ mời lãnh đạo chính phủ của các nước láng giềng đến tham dự các lễ nhậm chức của mình một cách có chọn lọc (2014, 2019 và 2024). Ngay sau lễ nhậm chức, ông N. Modi còn tổ chức các cuộc họp song phương với từng nguyên thủ quốc gia Nam Á và nhấn mạnh nỗ lực đưa SAARC trở thành khối đoàn kết khu vực vững mạnh. Ấn Độ đã đưa ra nhiều sáng kiến nhằm hỗ trợ kinh tế cho cộng đồng Nam Á như cấp thẻ kinh doanh cho các doanh nhân thuộc các nước SAARC để họ có được thị thực doanh nghiệp từ 3-5 năm và miễn thuế hàng không tại Ấn Độ [Nguyễn Xuân Trung, 2020]. Hay trong đại dịch Covid-19, Ấn Độ đã đứng lên kêu gọi các quốc gia trong khu vực hợp lực chống lại đại dịch như thành lập Quỹ Khẩn cấp Covid-19 và đóng góp 10 triệu USD; thành lập và duy trì trạng thái sẵn sàng về nguồn nhân lực; thiết lập Trung tâm Quản lý Thảm họa SAARC nhằm ứng phó với đại dịch Covid-19 và các thảm họa khác trong tương lai. Ấn Độ còn đề xuất tạo ra một “nền tảng nghiên cứu” cho tất cả thành viên SAARC để có thể trình bày ý tưởng và đề xuất can thiệp chẩn đoán trong điều trị bệnh và dịch bệnh.

Không chỉ vậy, ông N. Modi còn thúc đẩy hợp tác mở rộng với các nhóm tiểu vùng như Sáng kiến Vùng Vịnh Bengal về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật đa khu vực (BIMSTEC), BBIN (Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ và Nepal) và Hợp tác Mê Kông - sông Hằng (MGC) [Nguyễn Xuân Trung, 2020]. Mối quan tâm chính của ông N. Modi hiện tập trung vào BIMSTEC. Đây được xem là một cơ chế hợp tác khác nhằm đẩy mạnh hợp tác và kết nối giữa các quốc gia trong khu vực Nam Á (không có Pakistan) với một số quốc gia Đông Nam Á như Myanmar và Thái Lan. Chính phủ N. Modi còn đặc biệt mời lãnh đạo các quốc gia BIMSTEC tham dự lễ nhậm chức nhiệm kỳ thứ hai (2019) của mình, thay vì nguyên thủ của các nước SAARC (2014). Những bước tiến này nhấn mạnh vai trò dẫn dắt mà Ấn Độ đang thể hiện với mong muốn không có cường quốc nào có thể thay thế vị thế của họ ở

khu vực Nam Á. Ấn Độ khẳng định vai trò của mình không chỉ là người nhận đảm bảo an ninh từ bên ngoài, mà còn là người đảm bảo và cung cấp an ninh cho khu vực và thế giới.

Ở cấp độ toàn cầu, Ấn Độ đã tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với các cường quốc cũng như tìm kiếm sự hỗ trợ và công nhận của cộng đồng quốc tế cho vị trí Ấn Độ là một cường quốc hàng đầu quan trọng. Đảm bảo rằng quan điểm của Ấn Độ được lắng nghe trên các nền tảng toàn cầu và Ấn Độ có khả năng tác động đến dư luận thế giới về các vấn đề toàn cầu như khủng bố, biến đổi khí hậu, giải trừ quân bị, cải cách thể chế quản trị toàn cầu...Ngoài ra, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Chính sách “Hướng Đông” được nâng cấp thành Chính sách “Hành động hướng Đông” và chính quyền mới cho ra đời chính sách mới “Liên kết phía Tây” - “Nghĩ về phía Tây”, Chính sách Châu Phi...

Ngoài việc thúc đẩy đa dạng hóa, đa phương hóa các hoạt động đối ngoại, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Chính sách “Ấn kiều” đã mở rộng đến cấp độ chưa từng có trước đây. Ông N. Modi chủ trương “Ấn kiều của Ấn Độ” và khẳng định đưa ra một kế hoạch hành động để định hướng lại hoạt động của các cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài, nhằm nâng cao sức mạnh cộng hưởng để gia tăng vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế. Ông đã xây dựng một mạng lưới vững chắc của các nhà lập pháp, các quan chức và giới truyền thông, đặc biệt là ở Mỹ để thúc đẩy chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Ông N. Modi đã khuyến khích Ấn kiều tham gia các dự án xã hội như cải thiện vệ sinh nông thôn và dần nói lỏng các quy định về đầu tư dành cho họ. Ấn Độ cho phép Ấn kiều sử dụng một thẻ căn cước để bảo đảm thị thực lâu dài và giúp họ dễ dàng kết nối với quê nhà, đồng thời tránh bị kiểm tra tại bởi cảnh sát địa phương trong thời gian trở lại đất nước. Đặc biệt, tòa án Ấn Độ còn cho phép Ấn kiều tham gia các cuộc bầu cử ở Ấn Độ, đã cho thấy sự coi trọng của GoI đối với những người con xa quê. GoI cũng tham gia vào các hoạt động di tản, cứu trợ người Ấn Độ ở các khu vực có chiến tranh, như Vùng Vịnh và Tây Á.

Để nâng tầm sức ảnh hưởng của Ấn Độ trên toàn cầu, quốc gia này cũng đẩy mạnh chiến lược “kết nối văn hóa”, gia tăng ảnh hưởng sức mạnh mềm. Ngoại giao Yoga và ngoại giao Phật giáo là những nỗ lực đầu tiên của Thủ tướng N. Modi. Ông sử dụng ngày lễ Yoga, điểm chạm tín ngưỡng Phật giáo để thúc đẩy bản sắc văn hóa Ấn Độ ra thế giới, từ đó góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế. Ông đã khôn khéo tiếp cận ngoại giao văn hóa bằng cách liên kết tâm linh và triết học của Ấn Độ với phần còn lại của châu Á.

Như vậy, có thể khái quát lại, mục tiêu chiến lược của chính sách đối ngoại dưới thời Thủ tướng N. Modi nhấn mạnh đến ba trụ cột là tạo lập: “Phát triển Ấn Độ”, “An ninh Ấn Độ” và “Vị thế Ấn Độ”. Ba trụ cột này hình thành một tam giác chiến lược có sự tương tác lẫn nhau. Trong đó, “Phát triển” là ưu tiên hàng đầu, “An ninh” là trọng yếu và “Vị thế” là mục tiêu dài hạn. Với các mục tiêu này, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi không chỉ phản ánh những thay đổi trong môi trường địa chính trị và địa kinh tế mà còn đánh dấu một giai đoạn mới, trong đó Ấn Độ quyết tâm trở thành một cường quốc kinh tế và chính trị toàn cầu.

3.3. Nhiệm vụ đối ngoại

Năm 2014, Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP có nêu rõ “*Chính sách đối ngoại của Ấn Độ sẽ căn cứ lợi ích quốc gia trên hết và sẽ tạo ra một mạng lưới các đồng minh để cùng nhau thúc đẩy lợi ích của mình. Ấn Độ sẽ tận dụng tất cả các nguồn lực và con người để đóng một vai trò lớn hơn trên bàn đàm phán quốc tế... Cần phải tích hợp biện pháp quyền lực mềm của Ấn Độ vào sự trao đổi với bên ngoài, đặc biệt tập trung và khai thác các khía cạnh tinh thần, văn hóa và triết học... Ấn Độ sẽ áp dụng chính sách đối ngoại chủ động để truyền bá những điều đó... Ấn Độ sẽ hồi sinh bản sắc của mình thông qua 5 chữ T: Truyền thống, Tài năng, Du lịch, Thương mại và Công nghệ (Tradition, Talent, Tourism, Trade, Technology)*” [BJP, 2014].

Từ đó, có thể thấy, nhiệm vụ đối ngoại mà Chính phủ N. Modi đặt ra cho *nhiệm kỳ đầu tiên* (2014 - 2019) của mình là:

- (1) Tạo ra một mạng lưới các liên minh quốc tế để cùng thúc đẩy và bảo vệ lợi ích chung;
- (2) Sử dụng tất cả các nguồn lực và nhân lực sẵn có để đóng một vai trò quan trọng hơn trong các bàn đàm phán quốc tế;
- (3) Tích hợp các biện pháp *quyền lực mềm*, đặc biệt nhấn mạnh đến các khía cạnh tinh thần, văn hóa và triết học vào các cuộc trao đổi quốc tế nhằm quảng bá giá trị của Ấn Độ ra bên ngoài, đồng thời tái tạo và hồi sinh bản sắc của Ấn Độ trên trường quốc tế thông qua 5T (*Truyền thống, Tài năng, Du lịch, Thương mại và Công nghệ*);

Trong đó, *nhiệm vụ thứ nhất* đáng chú ý hơn cả vì sự xuất hiện của cụm từ “liên minh”, đánh dấu cho một thời kỳ mới trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ - thời kỳ của “đa liên kết” thay vì di sản “không liên kết” của Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên J. Neru. Đây cũng là lần đầu tiên cụm từ này xuất hiện trong các văn bản về chính sách đối ngoại của

Ấn Độ từ khi giành được độc lập. Điều này cũng biểu thị cho thái độ sẵn sàng liên kết của Thủ tướng với các bên nhằm mang lại lợi ích tối đa cho Ấn Độ và phù hợp với phong cách “thực dụng” của vị Thủ tướng này. Trong khi “Không liên kết” là chủ trương tránh liên minh quân sự với bất kỳ siêu cường nào và không tham gia vào các liên minh quân sự đối kháng, không can thiệp vào xung đột giữa các nước lớn thì “đa liên kết” là linh hoạt, không gấn bó quá chặt chẽ với bất kỳ quốc gia hoặc khối quốc gia nào, nhưng sẵn sàng hợp tác với bất kỳ bên nào khi có lợi cho lợi ích quốc gia, đa dạng hóa các quan hệ để đảm bảo không bị phụ thuộc vào một bên duy nhất. Động thái này cho thấy Ấn Độ sẵn sàng xây dựng quan hệ tốt với cả các nước như Mỹ, Nga, Trung Quốc, thậm chí có những hợp tác trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, đồng thời đẩy mạnh hợp tác với toàn bộ thế giới, tham gia vào nhiều tổ chức quốc tế và khu vực. Từ đây, hàng loạt các chính sách được Chính phủ N. Modi đưa ra như Chính sách “Láng giềng trước tiên” nhằm ưu tiên tuyệt đối quan hệ ngoại giao, hợp tác với các nước láng giềng, Chính sách “Hành động hướng Đông” nhằm chú ý nhiều hơn đến mối quan hệ ở phía Đông khi cánh cửa phía Tây tại Nam Á tạm thời bế tắc bởi mối quan hệ với Pakistan, Chính sách “Ngoại giao nước lớn” cởi mở linh hoạt, đặc biệt là làm sâu sắc mối quan hệ với Mỹ để cân bằng với Trung Quốc, Chính sách “Liên kết Phía Tây” - “Nghĩ về Phía Tây”....

Bên cạnh nhiệm vụ thứ nhất với nhiều điểm đột phá, *nhiệm vụ thứ hai* là sự tiếp nối từ truyền thống đối ngoại của Ấn Độ khi luôn cố gắng mở rộng tiếng nói trên các diễn đàn và đàm phán quốc tế hướng tới nhiệm vụ cuối cùng là sự “nâng tầm” cho việc quảng bá hình ảnh và gia tăng vị thế quốc gia bằng quyền lực. Chính phủ N. Modi đã mạnh mẽ đề xuất sáng kiến mới là “tái tạo” và “hồi sinh” bản sắc Ấn Độ thông qua năm yếu tố (5T) gồm *Truyền thống, Tài năng, Du lịch, Thương mại và Công nghệ*. Trong đó, yếu tố “Truyền thống” được ưu tiên hàng đầu, bởi lẽ nền văn minh sống Ấn vốn là một trong ba nền văn minh lâu đời nhất của thế giới với rất nhiều giá trị hồn cốt đặc sắc và phong phú. Nhưng dường như những giá trị này chưa được lan tỏa rộng rãi và có một vị thế xứng tầm trên thế giới, ít nhất là còn khá lép vế so với sự phổ cập của nền văn minh Trung Hoa. Nên chắc chắn bằng mọi giá, Chính phủ N. Modi muốn đẩy mạnh yếu tố này nhiều hơn trong đối ngoại, để góp phần xây dựng nên một bản sắc Ấn Độ khác biệt và “có tâm”.

Năm 2014 cũng là lần đầu tiên kể từ năm 1984, một Chính phủ đa số tái đắc cử mà không cần liên kết với đảng phái nào, cho thấy, Chính phủ của ông N. Modi gần như có

toàn quyền quyết định bất cứ chính sách nào nhằm hiện thực hóa định hướng “Ấn Độ trên hết” - đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu.

Tiếp nối đường lối từ nhiệm kỳ đầu tiên, trong *nhiệm kỳ thứ hai* (2019 - 2024), Chính phủ của Thủ tướng N. Modi đã xác định 07 nhiệm vụ đối ngoại trong Cương lĩnh tranh cử [BJP, 2019] bao gồm:

(1) Hợp tác toàn cầu vì tiến bộ, thịnh vượng, hòa bình và an ninh, đặc biệt là với các quốc gia và láng giềng thân thiện. Ấn Độ sẽ tăng cường vai trò của mình với tư cách là “người ứng phó đầu tiên” trong các hoạt động cứu trợ thiên tai và hỗ trợ nhân đạo, đồng thời phát triển các cơ sở hạ tầng có khả năng ứng phó với thảm họa;

(2) Tăng cường trao đổi kiến thức và chuyển giao công nghệ vì sự phát triển của tất cả các nước, coi đây là trọng tâm chính trong quan hệ ngoại giao bằng việc sẽ nỗ lực thành lập một “Liên minh Công nghệ Vũ trụ Quốc tế” để phối hợp và hợp tác về các vấn đề có liên quan đến công nghệ vũ trụ nhằm đảm bảo rằng lợi ích của công nghệ vũ trụ sẽ đến được với tất cả các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia nhỏ;

(3) Tạo ra cơ chế để làm sâu sắc thêm mối quan hệ văn hóa và di sản với người gốc Ấn Độ, đồng thời phát động chiến dịch “Tự hào Ấn Độ” (Bharat Gaurav) để tăng cường kết nối với cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài và kêu gọi họ cùng tham gia các “Sứ mệnh của Ấn Độ”. Củng cố mạng lưới MADAD (một phần trong chương trình hỗ trợ của chính phủ Ấn Độ nhằm bảo vệ và hỗ trợ công dân Ấn Độ đang sinh sống ở nước ngoài) như một hệ thống thông tin và dịch vụ duy nhất dành cho người Ấn Độ ở nước ngoài;

(4) Cam kết thực hiện các hành động cụ thể trên các diễn đàn quốc tế nhằm chống lại các quốc gia và tổ chức ủng hộ khủng bố, đồng thời sẽ thực hiện mọi biện pháp cần thiết để cô lập các quốc gia và tổ chức đó trên phạm vi toàn cầu. Hướng tới thành lập “Hiệp hội các quốc gia chống khủng bố quốc tế” như một diễn đàn đa phương tự nguyện dựa trên các nguyên tắc của Công ước toàn diện về khủng bố quốc tế (CCIT);

(5) Theo đuổi hợp tác một cách hiệu quả chống lại các vấn nạn mang tính toàn cầu như khủng bố và tham nhũng thông qua các diễn đàn như Liên hợp quốc (UN), Nhóm 20 nền kinh tế lớn (G20), BRICS - gồm các nền kinh tế mới nổi lớn, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Khối thịnh vượng chung (The Commonwealth)... Các tương tác đáng kể tại các khuôn khổ như Cơ chế phối hợp ba bên Nga-Trung Quốc-Ấn Độ (RIC) và quan hệ đối tác chiến lược ba bên giữa Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ (JAI) - bổ sung cho QUAD sẽ được tăng cường. Tận dụng rộng rãi các diễn đàn như Sáng kiến Vùng Vịnh Bengal về Hợp tác

Kinh tế và Kỹ thuật đa khu vực (BIMSTEC) nhằm tăng cường phối hợp khu vực và hợp tác kinh tế với các quốc gia trong khu vực để thúc đẩy Chính sách “Láng giềng trước tiên” (NFP). Theo đuổi mạnh mẽ Chính sách “Hành động hướng Đông” (Chính sách "Hành động hướng Đông"), hợp tác với ASEAN và đảm bảo một khu vực ÁĐD - TBD rộng mở, bao trùm, thịnh vượng và an toàn;

(6) Tìm kiếm tư cách thành viên thường trực của UNSC;

(7) Tăng cường sức mạnh của các cán bộ ngoại giao để bắt kịp với sự tham gia toàn cầu ngày càng tăng và vị thế đang được nâng cao của Ấn Độ trên trường quốc tế; tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoạch định chính sách đối ngoại thông qua một cơ chế mạnh mẽ; xây dựng Đại học Chính sách đối ngoại đầu tiên trong khu vực nhằm nghiên cứu về chính sách đối ngoại và các vấn đề địa chính trị liên quan đến Ấn Độ cũng như nâng cao năng lực cho các nhà ngoại giao nước ngoài. Các bang của Ấn Độ sẽ được hỗ trợ tích cực trong việc hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế.

Nhiệm kỳ thứ hai này cơ bản vẫn tiếp nối các nhiệm vụ đối ngoại của nhiệm kỳ trước đó, song đặc biệt bổ sung và nhấn mạnh nhiệm vụ “Tìm kiếm tư cách thành viên thường trực của UNSC”, tức là quyết tâm đưa Ấn Độ đứng ngang hàng với Mỹ, Trung Quốc, Nga, Anh và Pháp, từ đó hiện thực hóa tầm nhìn đưa Ấn Độ từ một cường quốc tầm trung trở thành một quốc gia lãnh đạo, từ người “tuân thủ quy tắc” trở thành những người “tạo ra luật chơi” trong hệ thống quốc tế. Bên cạnh đó, New Delhi nhấn mạnh nhiều hơn vào vấn đề chống khủng bố và các vấn đề toàn cầu khác thông qua các cơ chế đa phương, tăng tương tác trong các cơ chế ba bên, cấp tiểu vùng, tiểu khu vực, phát huy vai trò của người Ấn Độ ở nước ngoài, và thúc đẩy sức mạnh nội tại từ việc nâng cao năng lực ngoại giao cho các cán bộ, tăng cường hợp tác cấp bang (Paradiplomacy - ngoại giao bán chính thức).

Đến năm 2024, trong cuộc tranh cử *nhiệm kỳ thứ ba* (2024 - 2029), Thủ tướng N. Modi đã tiếp tục công bố Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP [BJP, 2024], trong đó nêu rõ 03 nhóm nhiệm vụ cụ thể trong chính sách đối ngoại là:

(1) Các nhiệm vụ hàng đầu, bao gồm: (i) Vai trò lãnh đạo Nam Bán Cầu, (ii) Người ứng phó đầu tiên, (iii) Ủy viên Thường trực UNSC, (iv) Tạo sự đồng thuận toàn cầu về cuộc chiến chống khủng bố, (v) Đẩy mạnh Chính sách “Láng giềng trước tiên”, (vi) Tăng cường Kế hoạch SAGAR, theo đó SAGAR nghĩa là “An ninh và Tăng trưởng cho Tất cả” (Security and Growth for All), (vii) Thành lập Hành lang kinh tế Ấn Độ - Trung Đông - châu Âu (IMEC) nhằm thúc đẩy thương mại Ấn Độ, (viii) Phát triển quan hệ đối tác chiến

lược trong đảm bảo an ninh tài nguyên khoáng sản, (ix) Mở rộng mạng lưới ngoại giao, (x) Tăng cường gắn kết Cộng đồng Ấn Độ ở nước ngoài vì sự tăng trưởng và phát triển của Ấn Độ;

(2) Nâng tầm Ấn Độ là quốc gia toàn cầu về sức mạnh mềm, bao gồm: (i) Thành lập các trung tâm văn hóa Thiruvalluvar trên toàn cầu, (ii) Tiên phong thành lập các liên minh quốc tế, (iii) Triển khai cơ sở hạ tầng kỹ thuật số công cộng trên phạm vi toàn cầu, (iv) Tăng cường quảng bá Yoga và Ayurveda tới thế giới, (v) Nỗ lực thúc đẩy quá trình trao trả cổ vật bị lấy đi khỏi Ấn Độ, (vi) Khuyến khích nghiên cứu các ngôn ngữ cổ của Ấn Độ;

(3) Tôn vinh hệ thống di sản văn hóa phong phú của Ấn Độ, bao gồm: (i) Hồi sinh các di tích có liên quan đến văn minh của Ấn Độ trên toàn thế giới, (ii) Bảo tồn và phát huy di sản Ramayan.

Trong nhiệm kỳ này, các nhiệm vụ đối ngoại cơ bản không có nhiều thay đổi, chỉ mở rộng về chiều sâu, thực chất, thiết thực.

Như vậy, về tổng thể, nhiệm vụ đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi được đề ra để phục vụ việc hiện thực hóa 03 mục tiêu đối ngoại cốt lõi “Phát triển”, “An ninh” và “Vị thế” của nước này. Cụ thể, các nhiệm vụ chính bao gồm:

Thứ nhất, tạo mạng lưới liên minh quốc tế để thúc đẩy và bảo vệ lợi ích chung như tăng cường quan hệ Đối tác Chiến lược ba bên giữa Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ (JAI), Đối thoại An ninh bốn bên Mỹ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ (QUAD), đẩy mạnh tương tác tại Cơ chế phối hợp ba bên Nga - Trung Quốc - Ấn Độ (RIC)...

Thứ hai, hợp tác toàn cầu vì tiến bộ, thịnh vượng, hòa bình và an ninh. Trong đó, đặc biệt ưu tiên thắt chặt quan hệ với các nước láng giềng tại Nam Á thông qua Chính sách “Láng giềng trước tiên”; mở rộng hợp tác chiến lược với các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản và các nước trong khu vực ÁDD - TBD. Theo đuổi mạnh mẽ Chính sách “Hành động hướng Đông” - hợp tác với ASEAN và đảm bảo một khu vực ÁDD - TBD rộng mở, bao trùm, thịnh vượng và an toàn; đồng thời tham gia vào nhiều diễn đàn đa phương để khẳng định vị thế của Ấn Độ như một quốc gia lãnh đạo toàn cầu.

Thứ ba, thúc đẩy các sáng kiến kinh tế lớn như xây dựng Hành lang Kinh tế Ấn Độ - Trung Đông - châu Âu (IMEC), thành lập “Liên minh Công nghệ Vũ trụ Quốc tế”, tăng cường Kế hoạch SAGAR, tăng cường Sáng kiến Vùng Vịnh Bengal về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật đa khu vực (BIMSTEC)...

Thứ tư, đóng vai trò quan trọng hơn trong các cơ chế đa phương và đàm phán quốc tế, không chỉ ở cấp độ toàn cầu mà còn ở cấp khu vực, tiểu khu vực, tiểu vùng. Theo đó, trọng tâm nhất là tìm kiếm vị trí Ủy viên Thường trực UNSC. Kế tiếp là tham gia mạnh mẽ vào việc giải quyết các vấn đề toàn cầu thông qua các diễn đàn quốc tế nhằm thể hiện vai trò của một quốc gia “lãnh đạo”, “nhà giữ gìn trật tự an ninh”. Trong đó, trước mắt phải là nhà lãnh đạo tại Nam bán Cầu, sau đó là nhà lãnh đạo thế giới.

Thứ năm, tăng cường chống khủng bố và cô lập các quốc gia, tổ chức ủng hộ khủng bố, hướng tới thành lập tổ chức tập hợp các quốc gia chống khủng bố trên toàn cầu.

Thứ sáu, tích hợp quyền lực mềm để nâng tầm vị thế và ảnh hưởng của Ấn Độ: quảng bá giá trị tinh thần, văn hóa và triết học của Ấn Độ như: tái tạo và hồi sinh bản sắc của Ấn Độ trên trường quốc tế thông qua 5T (*Truyền thống, Tài năng, Du lịch, Thương mại và Công nghệ*); phát động chiến dịch “Tự hào Ấn Độ” (Bharat Gaurav) để tăng cường kết nối với cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài và kêu gọi họ cùng tham gia các “Sứ mệnh của Ấn Độ”; thành lập các trung tâm văn hóa Thiruvalluvar trên khắp thế giới; triển khai cơ sở hạ tầng kỹ thuật số công cộng trên phạm vi toàn cầu; tăng cường quảng bá Yoga và Ayurveda tới thế giới; khuyến khích nghiên cứu các ngôn ngữ cổ của Ấn Độ...

3.4. Nguyên tắc đối ngoại

- Lợi ích quốc gia trên hết

Trong quan hệ quốc tế, lợi ích quốc gia là mục tiêu chính và là công cụ để thực hiện chính sách đối ngoại của một quốc gia. Học giả Morgenthau, H. J., đại diện của chủ nghĩa hiện thực nhấn mạnh rằng lợi ích quốc gia gồm các yếu tố như an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, hệ thống xã hội và sự thịnh vượng kinh tế [Morgenthau, H. J., 1952]. Học giả Keohane, R. O., đại diện của chủ nghĩa tân tự do cũng đồng quan điểm rằng lợi ích quốc gia bao gồm sự sinh tồn, sự độc lập và sức mạnh kinh tế [Keohane, R. O., 2003]. Về cơ bản, chính sách đối ngoại của một quốc gia luôn nhằm bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia của quốc gia đó. Ấn Độ cũng không phải là một ngoại lệ. Nguyên tắc “lợi ích quốc gia trên hết” được Ấn Độ duy trì và tiếp nối xuyên suốt lịch sử ngoại giao từ khi giành độc lập và được Thủ tướng N. Modi kế thừa. Chính phủ của Ông coi đây là nguyên tắc chỉ đạo hàng đầu về đối ngoại và được nhắc đến đầu tiên trong số các nguyên tắc “bất di bất dịch” tại Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP (2014) [BJP, 2014]. Cụ thể, Cương lĩnh đã nêu rõ “*Điều chỉnh các mối quan hệ đối ngoại dựa trên chủ nghĩa thực dụng và lợi ích chung, với nền tảng là vì lợi ích quốc gia*”. Nguyên tắc này dưới thời Thủ tướng N. Modi

được hội tụ trong một thông điệp đầy mạnh mẽ “*Ấn Độ trên hết*” (India first hay Bharat first) được Đảng BJP đưa ra và lý giải đầy đủ: “*Chúng ta phải luôn đặt quốc gia lên hàng đầu trong suy nghĩ và hành động của mình. Bất kỳ hoạt động nào phá vỡ sự toàn vẹn của quốc gia đều không thể vì lợi ích của bất kỳ bộ phận nào trong xã hội hoặc bất kỳ khu vực nào của đất nước. Tất cả người dân Ấn Độ sống ở các khu vực khác nhau của đất nước đều có lợi ích ngang nhau trong sự tiến bộ của đất nước và họ phải được đảm bảo về thành quả của sự tiến bộ đó*” [BJP, 2014].

Năm 2023, trả lời cuộc phỏng vấn của Báo The Financial Times, Thủ tướng N. Modi tiếp tục khẳng định về tính kiên định và nhất quán đối với nguyên tắc này trong đối ngoại: “*Nguyên tắc chỉ đạo hàng đầu của chúng tôi trong các vấn đề đối ngoại là lợi ích quốc gia của chúng tôi*”, “*Lập trường này cho phép chúng tôi hợp tác với nhiều quốc gia theo cách tôn trọng lợi ích chung và thừa nhận sự phức tạp của địa chính trị đương đại*” [PM India, 2023] và “*Chính phủ của chúng tôi không thiếu ý chí chính trị và sẽ đưa ra mọi quyết định với nguyên tắc “quốc gia là trên hết”*” [Thế giới và Việt Nam, 2024b]

- Tự chủ chiến lược

Nguyên tắc này tiếp tục là sự kế thừa từ các chính phủ tiền nhiệm và dưới thời Thủ tướng N. Modi đã có thêm sự sáng tạo và phát triển. Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ J. Nehru là người đặt nền móng cho nguyên tắc “tự chủ chiến lược” với quyết tâm theo đuổi một đường lối ngoại giao độc lập, “không liên kết”, tránh xa nền chính trị quyền lực của các nhóm liên kết với nhau để chống lại nhau, đồng thời tuân thủ 05 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình (Panchsheel), sau này được coi là nền tảng của Phong trào Không liên kết (NAM). Tuy nhiên, dưới thời Thủ tướng N. Modi, “tự chủ chiến lược” lại được gắn với “đa liên kết”. Chính sách này không nhằm vào việc đứng ngoài các cạnh tranh quyền lực của những quốc gia đứng đầu thế giới, cũng không phải là hoàn toàn liên minh với một siêu cường mà là hợp tác với nhiều đối tác chiến lược khác nhau, nhiều trung tâm quyền lực của thế giới để tranh thủ được tối đa lợi ích.

Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP (2014) đã khẳng định sẽ xây dựng một Ấn Độ “mạnh mẽ, tự lực và tự tin” để “giành lại vị trí xứng đáng của mình trong cộng đồng các quốc gia” [BJP, 2014].

Bên cạnh đó, Thủ tướng N. Modi cũng chính là người đưa ra Chiến lược “Ấn Độ tự cường” (Self-reliant India hay Atmanirbhar Bharat) nhằm đưa Ấn Độ trở thành một quốc gia tự lực, tự cường mà vẫn hòa nhập với cộng đồng thế giới [Nguyễn Xuân Trung, Lê

Thị Hằng Nga, 2021]. "Ấn Độ tự cường" ban đầu được gắn với lĩnh vực kinh tế trong bối cảnh Ấn Độ quyết tâm giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu, thúc đẩy sản xuất trong nước sau tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Sau đó, khái niệm này cũng mang hàm ý về đối ngoại, với mục tiêu là tự chủ về chiến lược và duy trì sự độc lập trong các quyết định đối ngoại của Ấn Độ...

- Nguyên tắc *Panchamrit*

Nguyên tắc *Panchamrit* được Thủ tướng N. Modi đưa ra lần đầu tiên trong “Tuyên bố quốc gia” tại Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu (COP26) (2021) [Srivatsan, K. C., 2021]. Đây là một sáng kiến đổi mới quan trọng của Thủ tướng N. Modi, đánh dấu cột mốc thay thế 05 nguyên tắc chung sống hòa bình Panchsheel vốn là di sản của Thủ tướng J. Nehru bằng 05 năm trụ cột *Panchamrit*. Thuật ngữ này ban đầu có nguồn gốc từ Hindu giáo, được Thủ tướng N. Modi khéo léo chọn lựa để thể hiện nguyên tắc đối ngoại của Ấn Độ trong thời đại của ông. Điều này cũng tái khẳng định về một đường lối “đậm đà” bản sắc Hindi của Thủ tướng N. Modi. Năm trụ cột trong nguyên tắc *Panchamrit* bao gồm phẩm giá và danh dự (*Samman*); tham gia và đối thoại sâu rộng hơn (*Samvad*); chia sẻ sự thịnh vượng (*Samridhi*); an ninh khu vực và toàn cầu (*Suraksha*); các liên kết văn hóa và nền văn minh (*Sanskriti evam Sabhyata*).

Trong đó, trụ cột “*Samman*” là tập trung vào việc bảo vệ và nâng cao phẩm giá, danh dự của quốc gia Ấn Độ cũng như công dân của mình, bao gồm cả những người Ấn Độ sống ở nước ngoài. “*Samvad*” là đề cao sự tham gia tích cực và rộng rãi của Ấn Độ trong các diễn đàn quốc tế, không chỉ giới hạn ở cấp chính phủ mà còn bao gồm các doanh nghiệp, học giả, cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài và các tổ chức xã hội khác. “*Samridhi*” tập trung vào việc thúc đẩy sự thịnh vượng kinh tế của Ấn Độ, đảm bảo rằng lợi ích kinh tế của quốc gia được bảo vệ và phát triển. “*Suraksha*” nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ đất nước khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài. Cuối cùng, “*Sanskriti*” nhấn mạnh việc sử dụng các giá trị văn hóa và di sản văn minh của Ấn Độ như một công cụ trong chính sách đối ngoại, nhằm tăng cường sự ảnh hưởng của quốc gia trên trường quốc tế.

Năm trụ cột *Panchamrit* là sự kết hợp toàn diện và thống nhất của cả các yếu tố kinh tế, an ninh, phẩm giá và bản sắc văn hóa để tạo ra một chính sách đối ngoại mạnh mẽ, toàn diện và linh hoạt cho Ấn Độ. Điều này cũng phản ánh sự áp dụng linh hoạt Chủ nghĩa

Thực dụng, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo của Thủ tướng trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia.

3.5. Thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại

Như đã đề cập tại Chương 2, tác giả sẽ áp dụng lý thuyết “vòng tròn đồng tâm” để phân tích thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi (2014 - 2024). Theo đó, chính sách đối ngoại của Ấn Độ giống như các vòng tròn đồng tâm, mỗi vòng tròn đều bao gồm các mối quan hệ song phương và đa phương:

(1) *Vòng tròn thứ nhất* đề cập đến các nước láng giềng bao gồm hợp tác song phương với các quốc gia khu vực Nam Á và hợp tác đa phương qua cơ chế khu vực (SAARC, BIMSTEC, BBIN) thể hiện qua Chính sách “Láng giềng trước tiên” (NFP).

(2) *Vòng tròn thứ hai* bao gồm các nước láng giềng mở rộng là các quốc gia trong khu vực ÁDD - TBD, bao gồm các nước ở châu Phi (Nam Phi, Mozambique, Tanzania...); Tây Á (UAE, Saudi Arabia, Israel, Iran...); Trung Á (Tajikistan, Uzbekistan, Kazakhstan, Turkmenistan, Kyrgyzstan, SCO), Đông Nam Á (Việt Nam, Singapore, Indonesia...); Đông Bắc Á (Nhật Bản); Mỹ - nhân tố chi phối trong trật tự an ninh khu vực và Trung Quốc - cường quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ; cùng các cơ chế hợp tác đa phương như BRICS, QUAD, SCO; các tổ chức khu vực như AU, ASEAN. Trong đó nổi bật là các Chính sách “Ngoại giao nước lớn”, “Cân bằng quyền lực”, “Hành động hướng Đông”, “Kết nối Trung Á” (CCAP), “Liên kết Phía Tây” - “Nghĩ về phía Tây” và Sáng kiến ÁDD - TBD (IPOI).

(3) *Vòng tròn thứ ba* đề cập đến phần còn lại của thế giới, bao gồm Nga, EU, Mỹ Latinh và Caribe, các cơ chế đa phương như UN, WTO, G20.

3.5.1. Vòng tròn thứ nhất trong chính sách đối ngoại

Kế thừa học thuyết Gujral [The Tribune, 2012], đối với khu vực Nam Á, Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP do Thủ tướng N. Modi lãnh đạo có viết “*Sự ổn định chính trị, tiến bộ và hòa bình trong khu vực là điều cần thiết cho sự tăng trưởng và phát triển của Nam Á*” [BJP, 2014]. Cũng trong bài phát biểu của Thủ tướng N. Modi tại UNGA 69 (2014), ông đã khẳng định “*Vận mệnh của một quốc gia được gắn kết với chính khu vực lân cận của nó. Đó là lý do tại sao chính phủ của tôi đã đặt ưu tiên cao nhất cho việc thúc đẩy tình hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng của mình*”. Trên nền tảng đó, Chính sách “Láng giềng trước tiên” được ra đời, ưu tiên tăng cường quan hệ, can dự tích cực và ngoại giao kinh tế với các nước láng giềng trong khu vực nhằm duy trì ảnh hưởng ở Nam Á. Chính sách này tạo ra những con đường mới cũng như đòn bẩy cho các sáng kiến hợp

tác khu vực hiện có như SAARC, SASEC, BBIN và BIMSTEC đồng thời bổ sung cho Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ tập trung vào Đông Nam Á và Chính sách “Nghĩ về phía Tây” tập trung vào Tây Á.

Những nỗ lực nghiêm túc được Thủ tướng N. Modi thực hiện ngay từ đầu với việc tăng cường quan hệ song phương với các quốc gia láng giềng thông qua các nỗ lực ngoại giao với 16 chuyến thăm các quốc gia ở khu vực Nam Á (2014 - 2024), nhấn mạnh cách tiếp cận chủ động và tập trung mạnh mẽ vào việc hàn gắn mối quan hệ với các nước láng giềng gần nhất. Để làm nổi bật hơn nữa lập trường kiên định của Ấn Độ với Chính sách “Láng giềng trước tiên” và Sáng kiến “SAGAR” (2015), Thủ tướng N. Modi đã có một động thái ngoại giao khôn khéo chưa từng có tiền lệ đối với các nước láng giềng, đó là mời lãnh đạo chính phủ các nước này đến tham dự lễ nhậm chức của mình vào năm 2014, 2019 và 2024. Ngay sau lễ nhậm chức, ông N. Modi đã tiến hành các cuộc họp song phương với từng nhà lãnh đạo Nam Á. Có thể thấy, New Delhi đang nỗ lực hết sức để đạt được vị thế cường quốc bằng cách củng cố vị trí lãnh đạo của mình tại khu vực Nam Á và mở rộng phạm vi hoạt động ra khu vực ÁĐD (IOR).

3.5.1.1. Đối với Pakistan

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Theo Chính sách “Láng giềng trước tiên”, Ấn Độ mong muốn có mối quan hệ láng giềng bình thường với Pakistan. Quan điểm nhất quán của Ấn Độ là các vấn đề giữa Ấn Độ và Pakistan nên được giải quyết song phương và hòa bình, trong bầu không khí không có khủng bố và bạo lực. Kể từ năm 2014, nỗ lực nhằm xây dựng quan hệ láng giềng bình thường với Pakistan được thể hiện trong lời mời của Thủ tướng N. Modi tới Thủ tướng N. Sharif đến dự lễ tuyên thệ nhậm chức và ở lại Ấn Độ để có buổi gặp mặt riêng (27/5/2014); cuộc gặp của hai Thủ tướng bên lề Hội nghị Thượng đỉnh SCO (7/2015) và COP21 (11/2015) với cam kết khởi động lại quá trình đối thoại; chuyến thăm bất ngờ của Thủ tướng N. Modi cùng Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ (2015) đã thể hiện thiện chí đó. Song trong quá trình nỗ lực cải thiện quan hệ, hai bên cũng đã vướng phải rất nhiều vấn đề khiến tiến trình bình thường hóa quan hệ bị chậm lại, thậm chí trở nên cực kỳ căng thẳng, đó là việc Ấn Độ và Pakistan đã lần lượt đơn phương hủy bỏ các cuộc đàm phán cấp bộ trưởng tại Islamabad (2014) và Bangkok (2015) về vấn đề Kashmir; các tuyên bố khiêu khích từ các chính trị gia hai nước (đáng chú ý là phát biểu của Thủ tướng N. Modi về việc Ấn Độ đã hỗ trợ Đông Pakistan tách khỏi Pakistan (1971)) [Haider, M., Haider, I., 2015];

hai bên vi phạm lệnh ngừng bắn ở Đường kiểm soát; khủng bố xuyên biên giới cùng bạo lực ở Pathankot và Uri (2016), Pulwama (2019); hai nước trục xuất các phái bộ ngoại giao với cáo buộc gián điệp; Ấn Độ hủy hội đàm giữa hai Bộ trưởng Ngoại giao bên lề UNGA (2018); cuộc tấn công Balakot (2019); Ấn Độ công bố sắc lệnh bãi bỏ Điều 370 trong Hiến pháp (2019) về việc trao quyền tự trị đặc biệt cho Kashmir và Jammu và Pakistan ngay lập tức đáp trả bằng việc hạ cấp quan hệ ngoại giao và đình chỉ thương mại song phương...

Kể từ khi Thủ tướng N. Modi nhậm chức, quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước trải qua nhiều thái cực, lên xuống như “một con lắc”. Mặc dù gặp nhiều trở ngại trong quá trình cải thiện mối quan hệ hai nước nhưng Thủ tướng N. Modi - một người với sự quyết đoán, vẫn cố gắng “giải bài toán Pakistan” mà những người tiền nhiệm chưa làm được. Những cố gắng đó được đền đáp bằng việc hai nước đã ban bố một lệnh ngừng bắn chung tại Đường kiểm soát (2021); khôi phục Các biện pháp xây dựng lòng tin chính trị (CBM); nối lại cuộc họp thường kỳ giữa lực lượng biên phòng và tuyến xe buýt Dosti, tuyến tàu Samjhota (2022) để tạo thuận lợi cho nhân dân hai nước.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Không có bước đột phá lớn nào được thực hiện từ 2014 - 2024 do các vấn đề (ngoài vấn đề chính trị) cản trở thương mại như hàng rào thương mại thuế quan và phi thuế quan do Ấn Độ áp đặt. Thương mại song phương giữa hai nước chỉ dao động trong khoảng từ 02 - 03 tỷ USD, cụ thể đạt 2,35 tỷ USD (2014 - 2015), 2,61 tỷ USD (2016), 2,28 tỷ USD (2017), 2,41 tỷ USD (2018), 2,56 tỷ USD (2019). Cán cân thương mại nghiêng về phía Ấn Độ [MEA, GoI, 2024a]. Cả hai nước đã không tổ chức bất kỳ cuộc đàm phán thương mại. Sau vụ khủng bố Pulwama (2019), Ấn Độ đã rút Quy chế Tối huệ quốc (MFN) cho Pakistan và tăng thuế hải quan với hàng xuất khẩu từ Pakistan lên 200%. Pakistan cũng đình chỉ thương mại song phương và xem xét lại các thỏa thuận đã ký nhằm đáp trả việc Ấn Độ sửa đổi Hiến pháp, khiến thương mại song phương giảm mạnh còn 831 triệu USD (2020), 329 triệu USD (2021), 516 triệu (2022), 647 triệu (2023) và chỉ tăng lên 1,2 tỷ USD (2024) khi mà căng thẳng giữa hai nước được cải thiện [MEA, GoI, 2024a].

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Quan hệ an ninh - quốc phòng giữa hai nước nổi bật bởi các vụ nổ súng xuyên biên giới, vi phạm Đường kiểm soát, đe dọa chiến tranh và tuyên truyền chống phá lẫn nhau. Các tranh chấp về Kashmir, Siachen, Sir Creek, nguồn nước và vấn đề hạt nhân chưa được giải quyết triệt để, ngoại trừ việc đạt được các lệnh ngừng bắn tại Đường kiểm soát (2021)

và các cuộc họp thường kỳ giữa hai lực lượng biên phòng. Bàn về những tranh chấp trên, Thủ tướng N. Modi đã từng khẳng định *“Ấn Độ ủng hộ hòa bình nhưng nước này sẽ không ngần ngại thực hiện bất kỳ bước đi cần thiết nào vì an ninh quốc gia”* [BJP, 2019], cho thấy quyết tâm và sự quyết liệt của ông trong các vấn đề biên giới.

** Trên các lĩnh vực khác*

Nhờ những nỗ lực bền bỉ, Ấn Độ đã thành công trong việc đảm bảo trả tự do và hồi hương cho 2.133 công dân Ấn Độ khỏi sự giam giữ của Pakistan (2014). Hòa giải để trao trả tự do cho 57 tàu đánh cá của Ấn Độ (2015) và kiên trì giải quyết vụ 1.100 tàu đánh cá Ấn Độ bị Pakistan giam giữ [MEA, GoI, 2024a]. Năm 2017, Ấn Độ đã đề xuất với Pakistan khôi phục cơ chế JCM về tư pháp nhằm xem xét các vấn đề nhân đạo của ngư dân và tù nhân. Hai nước cũng đã khởi xướng việc thành lập các “hành lang” để tạo điều kiện cho khách hành hương Ấn Độ có thể tới các thánh đường ở Pakistan như Sahib Kartarpur và thảo luận về việc hợp tác tại Dự án Thủy điện Pakal Dul (HEP).

Như vậy, dù Ấn Độ đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện quan hệ với Pakistan trên mọi lĩnh vực, song mối quan hệ giữa hai nước này vẫn luôn căng thẳng bởi những xung đột, mâu thuẫn hơn là sự thiện chí, hợp tác. Ấn Độ luôn kiên định với việc không thỏa hiệp về các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia như Kashmir, Siachen, Sir Creek và sẽ thực hiện các biện pháp kiên quyết để đối phó với mọi nỗ lực phá hoại an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ, đồng thời liên tục nhấn mạnh yêu cầu Pakistan phải có hành động đáng tin cậy để chấm dứt chủ nghĩa khủng bố xuyên biên giới chống lại nước này, mối lo ngại cốt lõi trong quan hệ song phương.

3.5.1.2. Đối với Bangladesh

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Bangladesh hiện được cho là đối tác chiến lược thân thiết nhất của Ấn Độ trong khu vực. Hai nước đã ký nhiều văn kiện quan trọng, như *“Hiệp định văn hóa”*, *“Hiệp định chia sẻ nguồn nước sông Hằng”*, *“Hiệp định khôi phục hòa bình biên giới”*, *“Hiệp định về trao đổi 162 vùng đất “tách biệt” nằm trong lãnh thổ hai nước”*...và hàng chục MOA hợp tác trên các lĩnh vực, tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển toàn diện cả về lượng và chất, đồng thời góp phần giải quyết nhiều mâu thuẫn và các vấn đề “gai góc” trong quan hệ hai nước. Năm 2014, hai nước đã chấp nhận phán quyết của Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS) và giải quyết tranh chấp về trật tự hàng hải lâu nay. Về phía Ấn Độ, có các chuyến thăm Bangladesh của Tổng thống R. N. Kovind (2021) và Thủ

tướng N. Modi (2015, 2021). Về phía Bangladesh cũng có chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng S. Hasina (2022, 2023). Trong các chuyến thăm, hai bên đã ký 32 MOA/MOU về hợp tác trong các lĩnh vực mà hai nước cùng quan tâm, bao gồm cả MOA về vấn đề biên giới đất liền (Hiệp định 162). Ngoài các cam kết cấp cao, các cơ chế song phương khác nhau như JCM cấp Bộ trưởng Ngoại giao cũng được tổ chức thường niên (2014 - 2024). Hai nước bắt đầu các cuộc đàm phán định kỳ về biên giới (2023). Quan hệ hợp tác đa chiều giữa hai nước được trải dài trên các lĩnh vực.

Một trở ngại lớn tồn tại trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước có lẽ là vấn đề Rohingya giữa Bangladesh và Myanmar. Điều này đang đặt Ấn Độ vào tình thế khó xử vì phải cân bằng giữa quan hệ với Myanmar và Bangladesh, vừa gây ra lo ngại an ninh biên giới và làn sóng tị nạn, cùng với áp lực trong nước về việc tiếp nhận người Rohingya. Mặt khác, việc Thủ tướng S. Hasina - đối tác quan trọng của Ấn Độ bất ngờ từ chức trong cuộc biểu tình (8/2024), đã đặt chính quyền của Thủ tướng N. Modi trước tình thế tiến thoái lưỡng nan và có thể phải đổi mặt việc phải xây dựng lại mối quan hệ ngoại giao, duy trì những thỏa thuận đã ký kết.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Ấn Độ cung cấp cho Bangladesh khoản tín dụng mới trị giá 02 tỷ USD (2015) nhằm thu hẹp khoảng cách cũng như sự nghèo khổ đã tồn tại trong suốt nhiều thập kỷ với Ấn Độ. Năm 2016, Ấn Độ đã ký MOA cung cấp 100 MW điện hàng ngày với giá cực kỳ ưu đãi cùng Dự án điện 500 MW cho Bangladesh. Đáp lại, Bangladesh cũng đồng ý cho Ấn Độ được sử dụng cảng Chittagong (2023) để trung chuyển hàng hóa đến Nepal và Bhutan. Ấn Độ hiện là đối tác thương mại lớn thứ hai của Bangladesh ở châu Á và Bangladesh là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ tại Nam Á. Thương mại song phương đạt 7,1 tỷ USD (2015), 6,77 tỷ USD (2016), 7,52 tỷ (2017), 9,3 tỷ USD (2018), 10,3 tỷ USD (2019), 9,5 tỷ USD (2020), 10,8 tỷ USD (2021), 18,1 tỷ USD (2022), 14,2 tỷ USD (2023) và 13 tỷ USD (2024). Cán cân thương mại nghiêng về Ấn Độ, tạo ra thặng dư trong thương mại. [MEA, GoI, 2024d]. Hai nước đồng ý sớm ký kết Hiệp định CEPA, thanh toán một phần giao dịch thương mại bằng đồng Rupee và Taka, để giảm bớt áp lực nắm giữ đồng USD. Bangladesh cũng nổi lên như một cửa ngõ chính cho các sáng kiến tiểu vùng BIMSTEC và BBIN. Việc bắt đầu dịch vụ vận tải ven biển giữa Ấn Độ và Bangladesh (2016) đã đánh dấu một cột mốc quan trọng khác trong việc kết nối tiểu vùng BIMSTEC. Hai nước đã xây dựng đường ống dẫn dầu xuyên biên giới và tuyến đường sắt Ấn Độ - Dhaka, góp

phần tạo ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế cho hai bên. Song hạn chế kinh tế lớn nhất lúc này chỉ là vấn đề chia sẻ nguồn nước của sông Teesta còn bỏ ngỏ. *Về đầu tư*, Bangladesh hiện là đối tác phát triển lớn nhất của Ấn Độ kể từ 2014. Ấn Độ đã mở rộng 03 dòng tín dụng trị giá 08 tỷ USD cho Bangladesh (2016 - 2024) để phát triển cơ sở hạ tầng. Ngoài các dòng tín dụng, Ấn Độ cũng viện trợ không hoàn lại cho Bangladesh các dự án cơ sở hạ tầng khác, bao gồm tuyến đường sắt Akhaura - Agartala, nạo vét các tuyến đường thủy nội địa và xây dựng đường ống để vận chuyển tốc độ cao dầu diesel vào Bangladesh (2023) [MEA, GoI, 2024d].

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Có sự hợp tác tích cực giữa các cơ quan an ninh của hai nước để chống buôn bán ma túy, tiền giả, buôn người... Các cơ chế quản lý và hợp tác đối với đường biên giới dài 4.096 km cũng được thảo luận bằng việc xây dựng hàng rào biên giới, kiểm tra và cắm các cột mốc giới chung. Ấn Độ đã công bố hạn mức tín dụng mới trị giá 4,5 tỷ USD cùng với 500 triệu USD bổ sung cho việc mua sắm cơ sở vật chất quốc phòng của Bangladesh và Bangladesh hiện đang đi đầu trong chiến lược chống khủng bố của Ấn Độ [Kashyap, S. G., 2017]. Hai nước đã hợp tác trong lĩnh vực hải quân với một chương trình toàn diện và xây dựng cơ chế tuần tra hải quân CORPAT. Cơ chế Đối thoại Quốc phòng thường niên và Đàm phán về Dịch vụ ba bên cũng như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng thường xuyên được tổ chức (2014 - 2024). Tuy vậy, Ấn Độ vẫn đau đầu một nỗi lo ngại về việc Trung Quốc tăng cường sức mạnh hải quân ở Vịnh Bengal và lo ngại càng được nhân lên khi Bangladesh đưa vào hoạt động 02 tàu ngầm tấn công do Trung Quốc sản xuất (2017).

** Trên các lĩnh vực khác*

Về giao thông, đã có 05 tuyến đường sắt hoạt động giữa hai nước, mở đường cho sự kết nối tiểu vùng mạnh hơn đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho tuyến vận chuyển hàng hóa Bangladesh, Nepal, Bhutan và ngược lại. *Về hợp tác năng lượng*, Bangladesh hiện đang nhập khẩu 1.160 MW điện từ Ấn Độ. JWG/JSC về điện cung cấp một khuôn khổ thể chế để thúc đẩy hợp tác song phương trong lĩnh vực thương mại điện năng xuyên biên giới. *Về quan hệ đối tác phát triển*, Ấn Độ đã tài trợ 93 HICDP và là đối tác phát triển lớn nhất của Bangladesh. *Về văn hóa, giáo dục*, Ấn Độ cung cấp 800 học bổng ITEC/năm và 1.000 học bổng Suborno Jayanti dành cho Bangladesh (2021 - 2024) [MEA, GoI, 2024d]. Hai nước đã tổ chức thành công các chương trình triển lãm công nghệ và các chương trình đào tạo tại Trung tâm Văn hóa I. Gandhi và Trung tâm Văn hóa Ấn Độ ở Dhaka như

Yoga, dạy tiếng Hindi...góp phần thúc đẩy ngoại giao văn hóa. *Về y tế và hỗ trợ nhân đạo*, Ấn Độ đã hỗ trợ Bangladesh giải quyết tình trạng người tị nạn với “Chiến dịch Insaniyat”, đồng thời tiến hành các chương trình tập huấn trực tuyến để đào tạo các chuyên gia y tế và hỗ trợ 39,7 triệu Rupee, 30.000 khẩu trang, 15.000 mũ đội đầu, 50.000 găng tay phẫu thuật, 100.000 viên HCQ, 30.000 kit PCR, 3,3 triệu liều vaccine Covid-19, 02 Nhà máy oxy lưu động, 109 xe cứu thương cùng các chuyến tàu “Oxygen Express” để vận chuyển oxy y tế lỏng kèm 20 tấn vật tư y tế cần thiết để tặng Bangladesh (2021) [Nguyễn Hoàng Hải, 2021b] . Hai nước đã ký kết MOU để mua 30 triệu liều vaccine Covid-19 từ Ấn Độ [MEA, GoI, 2024d].

3.5.1.3. Đối với Nepal

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Hai nước có mối quan hệ truyền thống lâu đời song đã xấu đi trong suốt một thập kỷ qua do một số yếu tố trong nước và khu vực. Thủ tướng N. Modi đã 05 lần đến thăm Nepal và trở thành Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên sau 17 năm đến thăm Nepal và các Thủ tướng Nepal cũng có 10 chuyến thăm Ấn Độ [MEA, GoI, 2024b]. Hai Thủ tướng cũng thường xuyên trao đổi điện đàm và gặp nhau bên lề tại các diễn đàn đa phương và thảo luận các biện pháp nhằm tăng cường hơn nữa các khía cạnh hợp tác. Sự gắn kết được tăng cường hơn với các chuyến thăm cấp cao và hơn 40 cơ chế khác nhau như JPMC, JWG, JSC trên các lĩnh vực. Ông N. Modi đã thể hiện việc Ấn Độ sẽ giúp đỡ Nepal với tư cách là một “Sherpa” - người giúp đỡ đúng nghĩa [Giri, A., 2018]. Các chuyến thăm đã góp phần thúc đẩy sự tin cậy, hiểu biết và hợp tác, tạo động lực mới để củng cố hơn nữa mối quan hệ lâu đời và đi vào thực chất. Về phía Nepal, Nepal cam kết không cho phép bất cứ thế lực nào sử dụng lãnh thổ Nepal để chống lại Ấn Độ, bảo đảm an ninh cho công dân Ấn Độ ở Nepal; ủng hộ Ấn Độ trở thành thành viên thường trực UNSC. Ấn Độ khẳng định coi quan hệ với Nepal là ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ ở khu vực, cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ và ủng hộ tiến trình hòa bình ở Nepal, cam kết tiếp tục viện trợ cho Nepal phát triển KT-XH. Đáng chú ý, Ấn Độ đã hỗ trợ Nepal tăng cường lực lượng vũ trang chống Chính phủ Nepal, cam kết sẵn sàng giúp Nepal xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lực, trang thiết bị và huấn luyện quân sự...

Dù sự hợp tác giữa hai bên đã được thời gian kiểm chứng và ngày càng gắn kết, song vẫn tiềm ẩn các thách thức như sự xuất hiện của một thể hệ chính trị gia và nhà hoạch định chính sách mới ở Nepal, những người tiếp xúc với thế giới phương Tây hoặc có ít

tình cảm với Ấn Độ đã khiến ảnh hưởng của Ấn Độ trong chính trị nội bộ của Nepal bị thu hẹp đáng kể [Jha, P., 2017]. Nepal có thể chuyển hướng lựa chọn “mô hình tham gia kinh tế không có sự sai khiến chính trị” của Trung Quốc hơn là Chính sách “Láng giềng trước tiên” [Haegeland, H. E., 2016]. Song trước mắt, Nepal vẫn sẽ ủng hộ vai trò Ấn Độ tại khu vực vì những lợi ích song trùng.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Ấn Độ là đối tác thương mại lớn nhất của Nepal với thương mại song phương đạt 5,2 tỷ USD (2015), 4,4 tỷ USD (2016), 5,9 tỷ USD (2017), 7,1 tỷ USD (2018), 8,3 tỷ USD (2019), 7,9 tỷ USD (2020), 7,5 tỷ USD (2021), 11 tỷ USD (2022), 2,3 tỷ (2023) và 7,9 tỷ (2024). Cán cân thương mại nghiêng về phía Ấn Độ [MEA, GoI, 2024b]. Ấn Độ cung cấp quá cảnh cho gần như toàn bộ hoạt động thương mại cho bên nước thứ ba của Nepal. Xuất khẩu của Ấn Độ sang Nepal đã tăng 08 lần trong khi xuất khẩu từ Nepal tăng gấp 02 lần (2014 - 2024) [MEA, GoI, 2024b]. Bất chấp đại dịch Covid-19, Ấn Độ vẫn đảm bảo dòng chảy thương mại và nguồn cung cấp cho Nepal không bị gián đoạn. Trong khi Ấn Độ đã giải quyết vấn đề thu hồi và thay thế tiền tệ với Bhutan thì vấn đề này vẫn chưa được giải quyết với Nepal [Haidar, S., 2019]. Mặt khác, Trung Quốc đang cố gắng từng bước mở rộng dấu chân kinh tế và chiến lược của mình vào quốc gia trên dãy Himalaya. Về đầu tư, Ấn Độ là một trong những nhà đầu tư lớn nhất, chiếm 33,5% tổng vốn FDI ở Nepal (670 triệu USD). Có khoảng 150 công ty liên doanh của Ấn Độ đang hoạt động tại Nepal trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ. Hai nước cũng đã ký DTAA. Dòng kiều hối song phương đạt khoảng 03 tỷ USD (từ Nepal đến Ấn Độ) và 01 tỷ USD (từ Ấn Độ đến Nepal) [MEA, GoI, 2024b]. Ấn Độ công bố hạn mức tín dụng trị giá 01 tỷ USD cho các dự án cơ sở hạ tầng, thủy lợi và năng lượng của Nepal, tái khởi động dự án Pancheshwar 5.600 MW đã bị đình trệ 18 năm [Ghimire, Y., 2014].

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Hai nước có mối quan hệ hợp tác lâu dài, sâu rộng và cùng có lợi trong lĩnh vực này. Hiện có 32.000 binh sĩ thuộc Trung đoàn Gorkha (Nepal) đang phục vụ trong quân đội Ấn Độ [MEA, GoI, 2024b]. Nhóm Tư vấn song phương về các vấn đề an ninh (BCGSI) được tổ chức thường niên (2014 - 2024) nhằm hợp tác chặt chẽ trong trao đổi và chia sẻ thông tin, tổ chức các cuộc họp để thảo luận các vấn đề an ninh cùng quan tâm, bao gồm cả quản lý biên giới được thể chế hóa thành các cuộc huấn luyện quân sự chung và Cuộc

tập trận Surya Kiran (2021). Ngoài ra, Nepal cũng yêu cầu Ấn Độ đào tạo và nâng cao năng lực cho lực lượng quốc phòng nước này.

** Trên các lĩnh vực khác*

Về quan hệ đối tác phát triển, Ấn Độ là nhà tài trợ phát triển lớn nhất của Nepal (1,65 tỷ USD, chưa tính khoản AID) để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng và kết nối lớn, các dự án HICDP trên khắp cả nước, nổi bật là Bệnh viện Mắt Fateh Bal, Tòa nhà Rapti, Nhà máy Thủy điện Jumla, tuyến đường sắt xuyên biên giới Jaynagar - Bardibas và Jogbani - Biratnagar; MOA về Dịch vụ đường sắt (RSA) và Quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP) (2021); tuyến đường sắt xuyên biên giới dài 34,9 km nối Jaynagar đến Kurtha; MOU về xây dựng cầu Mahakali (2022)... Về hợp tác năng lượng, Ấn Độ hỗ trợ xây dựng thành công các đường truyền tải điện xuyên biên giới 400 kV (2016) và 132 kV (2017) với khoảng 600 MW điện cung cấp cho Nepal, ngoài ra cho phép xuất/nhập khẩu điện đã giúp Nepal khắc phục tình trạng thiếu điện trong nước [MEA, GoI, 2024b]. Về trao đổi giáo dục và cộng đồng hải ngoại, hai nước miễn thị thực nhập cảnh vào lãnh thổ cho công dân của nhau. Có gần 08 triệu công dân Nepal tại Ấn Độ và khoảng 600.000 công dân Ấn Độ tại Nepal. Ấn Độ cung cấp khoảng 1.500 suất học bổng/năm và đã có 38.000 công dân Nepal được nhận học bổng (2001 - 2024) [MEA, GoI, 2024b]. Về hợp tác văn hóa, các sáng kiến của Ấn Độ nhằm thúc đẩy trao đổi văn hóa bao gồm các chương trình văn hóa, hội nghị và sự kiện được tổ chức với sự hợp tác từ các cơ quan địa phương của Nepal. Các tổ chức hữu nghị Ấn Độ - Nepal cũng đang hoạt động mạnh mẽ để thúc đẩy văn hóa và quan hệ song phương giữa hai nước. Về hợp tác y tế và hỗ trợ nhân đạo, sau 02 trận động đất ở Nepal (2015 và 2023), Ấn Độ đã tiến hành hoạt động cứu hộ và hỗ trợ cho các dự án tái thiết trị giá hơn 01 tỷ USD. Trong đại dịch Covid-19, Ấn Độ đã hỗ trợ 67,8 triệu Rupee, 320.000 viên paracetamol, 250.000 viên HCQ, 30.000 kit PCR, 28 máy thở ICU, 2.000 lọ Remdesivir, 01 triệu liều vaccine trong đợt 1 [Nguyễn Hoàng Hải, 2021b]. Tổng giá trị hàng hóa và vật tư y tế mà Ấn Độ hỗ trợ cho Nepal trong cả đại dịch Covid-19 là hơn 07 triệu USD (23 tấn thuốc và vật tư y tế, hơn 9,5 triệu liều vaccine) và 01 Nhà máy tạo oxy y tế cho 200 bệnh nhân (2021). Ngoài ra, kể từ năm 1994, Ấn Độ đã phân phối 1.009 xe cứu thương và 300 xe bus trường học đến các vùng khác nhau của Nepal. Những nỗ lực trên của Ấn Độ được nhân dân Nepal đánh giá cao [MEA, GoI, 2024b].

3.5.1.4. Đối với các nước Nam Á còn lại

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Quan hệ ngoại giao giữa Ấn Độ và Sri Lanka, Afghanistan, Maldives, Bhutan từ năm 2014 - 2024 đã có nhiều bước phát triển quan trọng, với các chuyến thăm cấp cao và thảo luận song phương giúp cải thiện và mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực. *Với Sri Lanka*, sau một thập kỷ lạnh nhạt do cuộc nội chiến kéo dài, quan hệ song phương đã được tái thiết từ năm 2014 với các chuyến thăm của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi, bao gồm 03 chuyến thăm của ông và 05 chuyến thăm của các Tổng thống và Thủ tướng Sri Lanka [MEA, GoI, 2024e]. Hai bên đã thảo luận về các vấn đề nhạy cảm như người Tamil và ngư dân, nhằm tìm ra giải pháp lâu dài. Những tiếp xúc cấp cao này đã giúp củng cố mối quan hệ chính trị giữa hai nước, đồng thời mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới. Tuy vậy, các trở ngại lớn nhất trong quan hệ ngoại giao của Ấn Độ và Sri Lanka chính là vấn đề người Tamil ở Sri Lanka, vấn đề ngư dân Ấn Độ bị bắt do cáo buộc hoạt động vi phạm lãnh hải, cơ giới hóa tàu cá lớn, sự chậm trễ trong các dự án đầu tư của Ấn Độ và can thiệp gián tiếp vào các vấn đề chính trị nội bộ của Sri Lanka. Thêm vào đó, sự hiện diện ngày càng lớn của Trung Quốc ở Sri Lanka, đặc biệt là việc cho thuê cảng Hambantota trong 99 năm, đã làm suy yếu phần nào quan hệ với Ấn Độ. *Với Afghanistan*, Ấn Độ đã có chính sách tiếp cận đa chiều, đặc biệt sau khi Ashraf Ghani trở thành Tổng thống Afghanistan (2014). Ấn Độ thường xuyên có các chuyến thăm cấp cao, như chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi (2015, 2016). Quan hệ chính trị được củng cố thông qua việc mở 04 lãnh sự quán tại Afghanistan, các hiệp định kinh tế và vận tải hàng không. Sau khi Taliban nắm quyền (2021), Ấn Độ tạm thời đóng cửa Đại sứ quán tại Kabul do lo ngại an ninh nhưng đã nối lại hoạt động ngoại giao vào năm 2022, cho thấy cam kết duy trì quan hệ dù có những thách thức [MEA, GoI, 2024f]. *Với Maldives*, Ấn Độ duy trì mối quan hệ chính trị mạnh mẽ, đặc biệt thông qua các chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi vào năm 2018 và 2019. Quan hệ ngoại giao được tăng cường với việc Ấn Độ công bố gói hỗ trợ 1,4 tỷ USD cho Maldives nhằm giúp trả nợ cho Trung Quốc và phát triển cơ sở hạ tầng. Maldives công nhận vai trò chiến lược của Ấn Độ trong việc duy trì an ninh khu vực và hai nước đã đồng ý nối lại Hội nghị An ninh Colombo để thảo luận về an ninh hàng hải [MEA, GoI, 2024g]. Tuy vậy, mối quan hệ hai bên vẫn gặp nhiều thách thức dưới thời các Tổng thống thân Trung Quốc như Abdulla Yameen và Mohamed Muizzu, đặc biệt khi Maldives công khai ủng hộ sáng kiến BRI của Trung Quốc và thông qua FTA với Bắc Kinh, dẫn đến căng thẳng với Ấn Độ. *Với Bhutan*, Ấn Độ duy trì các hoạt động trao đổi cấp cao thường xuyên, bao gồm 03 chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi tới Bhutan (2014 - 2024) và của các cấp lãnh đạo chức năng.

Các chuyến thăm của ông N. Modi chủ yếu xoay quanh hợp tác kinh tế, khai thác khoáng sản và tiềm năng thủy điện - những lĩnh vực vốn là thế mạnh của Bhutan.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Thương mại và hợp tác kinh tế giữa Ấn Độ với Sri Lanka, Afghanistan, và Maldives, Bhutan đã có sự tăng trưởng đáng kể, nhưng cũng gặp không ít thăng trầm do các yếu tố như đại dịch Covid-19 và tình hình chính trị bất ổn trong khu vực. Thương mại song phương với *Sri Lanka* đã tăng trưởng không ổn định trong giai đoạn này, từ 4,65 tỷ USD năm 2014 lên 7,5 tỷ USD vào năm 2015 nhưng giảm xuống còn 4,5 tỷ USD vào năm 2017 [MEA, GoI, 2024e] do tình hình kinh tế khu vực và tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, nhờ các hiệp định như Hiệp định Hợp tác Kinh tế và Công nghệ (ETCA) và các FTA khác, thương mại song phương đã dần phục hồi, đạt 6,8 tỷ USD vào năm 2022. 70% hàng hóa của Ấn Độ đi qua cảng Colombo (Sri Lanka) [Ias Gyan, 2022], thể hiện tầm quan trọng của quan hệ kinh tế giữa hai nước. Về đầu tư, Ấn Độ là một trong những nhà đầu tư lớn nhất tại Sri Lanka với FDI đạt 2,2 tỷ USD (2005 -2021), Năm 2021, Ấn Độ là nguồn FDI lớn nhất với 142 triệu USD [HCI, Colombo, Sri Lanka, 2024]. Với *Afghanistan*, thương mại song phương tăng từ 685 triệu USD (2015) lên 1,53 tỷ USD (2020) trước khi giảm xuống còn 890 triệu USD (2023) do sự thay đổi chính trị khi Taliban nắm quyền [MEA, GoI, 2024f]. Để tăng cường thương mại, hai nước đã phối hợp triển khai Sáng kiến "Hành lang vận tải hàng không chuyên dụng" và hợp tác tại cảng Chabahar ở Iran (2017) [MEA, GoI, 2024f]. Afghanistan trở thành thị trường lớn nhất của Ấn Độ tại Nam Á, dù các khó khăn về chính trị vẫn còn đó. Với *Maldives*, thương mại song phương đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ, từ 173,5 triệu USD (2014) lên 979 triệu USD (2024). Ấn Độ cũng là đối tác thương mại lớn nhất của Maldives (2023) [MEA, GoI, 2024g]. Đây là kết quả trực tiếp từ việc khai trương tuyến tàu chở hàng giữa hai nước (2020) và các ký kết thương mại khác như MOU về hợp tác đánh cá và miễn thuế cá ngừ xuất khẩu sang Ấn Độ và MOA về hạn mức tín dụng 100 triệu USD (2022)... [MEA, GoI, 2024g]. Với *Bhutan*, Thương mại song phương hai nước có sự tăng trưởng vượt bậc gấp 3,5 lần từ 484 triệu USD (2015) đến 1,3 tỷ USD (2024) và đạt đỉnh là 1,6 tỷ USD (2023). Cán cân thương mại nghiêng về Ấn Độ [MEA, GoI, 2024c]. Bên cạnh đó, Ấn Độ là nước viện trợ song phương lớn nhất và là nguồn đầu tư hàng đầu vào Bhutan, chiếm 50% tổng vốn FDI. Đặc biệt, New Delhi đã mở rộng hỗ trợ tài chính cho kế hoạch 05 năm lần thứ 12 của Bhutan (2018) và viện trợ cho nước này 200 triệu USD (2023) [MEA, GoI, 2024c]. Nhìn chung,

Ấn Độ luôn chiếm ưu thế về thương mại khi cán cân thương mại luôn nghiêng lệch về nước này, song đây cũng là đầu tư lớn hàng đầu của các quốc gia Nam Á trong suốt thập kỷ qua.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Ấn Độ đã tăng cường hợp tác quốc phòng với cả ba quốc gia này nhằm đảm bảo an ninh khu vực và bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc tại ÁĐD. *Với Sri Lanka*, Ấn Độ đã thực hiện các cuộc tập trận song phương hàng năm như Mitra Shakti và SLINEX, đồng thời cung cấp nhiều thiết bị quân sự với hạn mức tín dụng 100 triệu USD Độ [Ias Gyan, 2022]. Sri Lanka cũng mua máy bay Dornier từ Ấn Độ để tăng cường năng lực phòng không [Ias Gyan, 2022]. Bên cạnh đó, Ấn Độ huấn luyện lực lượng an ninh của Sri Lanka tại Pune và tích cực hỗ trợ trong các hoạt động chống khủng bố, đặc biệt sau vụ đánh bom Lễ Phục sinh ở Colombo (2019) [NDTV, 2019]. *Với Afghanistan*, Ấn Độ cung cấp máy bay 04 trực thăng Mi-25 và hàng trăm học bổng cho con em liệt sĩ Afghanistan để giúp nước này đối phó với Taliban. Hai bên cũng quyết định tiến hành kỳ họp Hội đồng Đối tác chiến lược lần thứ hai (2017) cùng với 04 cuộc họp của JWG [MEA, GoI, 2024f]. Ấn Độ vẫn đứng ngoài các cuộc đàm phán hòa bình giữa Mỹ và lực lượng Taliban do Pakistan làm trung gian, đồng thời miễn cưỡng tăng cường hợp tác quân sự với Afghanistan nhưng vẫn tuân theo chiến lược ngoại giao không liên kết và không can thiệp, ngoại trừ các vấn đề an ninh. *Với Maldives*, Ấn Độ và Maldives đã tham gia vào Kế hoạch Hành động hợp tác Quốc phòng (2016). Ấn Độ cung cấp huấn luyện cho Lực lượng Phòng vệ Quốc gia Maldives (MNDF),); tiến hành tập trận chung (Ekuverin, Ekatha và Dosti); tuần tra chung, nâng cao nhận thức, xây dựng mới trụ sở Bộ Quốc phòng; cung cấp các tàu tấn công, xe chuyên dụng. Sự hỗ trợ này càng quan trọng hơn trong bối cảnh Trung Quốc gia tăng hiện diện quân sự tại Maldives, đặc biệt là việc thuê đảo Feydhoo Finolhu trong 50 năm [MEA, GoI, 2024g]. *Với Bhutan*, điều lo ngại nhất của Thủ tướng N. Modi là việc Trung Quốc sẽ gây ảnh hưởng lên “quốc gia hạnh phúc nhất thế giới” và điều lo ngại nhất đó đã trở thành sự thật khi Trung Quốc bắt đầu mở rộng một con đường từ Tây Tạng đến khu vực Doklam của Bhutan (2017). Vì hai nước đã có hiệp ước cam kết về an ninh nên Ấn Độ đã gửi quân đội đến khu vực tranh chấp, ngăn chặn Trung Quốc nhằm giành quyền kiểm soát thực tế đối với khu vực này. Ngoài ra, Ấn Độ và Bhutan là hai quốc gia trong khu vực không tham gia BRI cho thấy Bhutan ít nhiều đang duy trì một chính sách đối ngoại cân trọng và vẫn có thiên hướng nghiêng về phía Ấn Độ.

** Trên các lĩnh vực khác*

Ấn Độ đã thể hiện vai trò lớn trong việc hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế và các dự án cộng đồng tại Sri Lanka, Afghanistan và Maldives. *Sri Lanka* nhận được khoản hỗ trợ phát triển 3,5 tỷ USD từ Ấn Độ cho các dự án phát triển [MEA, GoI, 2024e]. Ấn Độ cũng tài trợ xây dựng các bệnh viện và cơ sở y tế, bao gồm bệnh viện Dickoya và Vavuniya. Hỗ trợ nhân đạo cũng được mở rộng với việc cung cấp hàng hóa thiết yếu như gạo, đường, lúa mì và phân bón cho Sri Lanka trong giai đoạn 2021-2022 [MEA, GoI, 2024e]. *Afghanistan* nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Ấn Độ với hơn 110 dự án phát triển cộng đồng trị giá 3 tỷ USD [MEA, GoI, 2024f]. Các dự án nổi bật như tòa nhà Quốc hội Afghanistan và Đập Salma đều là biểu tượng cho sự hợp tác sâu rộng giữa hai nước. Ấn Độ cũng cung cấp 75.000 tấn lúa mì và nhiều mặt hàng y tế trong đại dịch Covid-19, đồng thời viện trợ 20.000 tấn lúa mì cho Afghanistan trong giai đoạn đói kém năm 2023 [MEA, GoI, 2024f]. *Maldives* đã nhận được tổng cộng 18 dự án hỗ trợ phát triển trị giá 50 tỷ Rupee từ Ấn Độ. Các dự án bao gồm phát triển cơ sở hạ tầng, y tế và giáo dục, với 3.800 công dân Maldives đã tham gia các chương trình đào tạo tại Ấn Độ (2019–2024). Ấn Độ cũng là nguồn cung cấp chính các vật tư y tế và vaccine cho Maldives trong giai đoạn đại dịch, giúp nước này chống lại các khủng hoảng y tế nghiêm trọng [Nguyễn Hoàng Hải, 2021b]. Ấn Độ tiếp tục là đối tác phát triển chính của *Bhutan* (2014 - 2024) với hơn 83 dự án lớn và trung bình và 524 dự án phát triển nhỏ/HICDP đang được triển khai tại Bhutan [MEA, GoI, 2024c].

3.5.1.5. Đối với SAARC

Ấn Độ là thành viên sáng lập của Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á - SAARC (1985). Nước này không ngừng hỗ trợ các sáng kiến trong SAARC để đạt được sự hợp tác chặt chẽ hơn trong các lĩnh vực.

Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, trong số 18 Hội nghị Thượng đỉnh SAARC được tổ chức, Ấn Độ đã tổ chức 03 hội nghị (1986, 1995, 2007). Kể từ năm 2014 đến nay, chưa có Hội nghị Thượng đỉnh SAARC nào được diễn ra. Năm 2014, Thủ tướng N. Modi đã mời lãnh đạo các quốc gia SAARC đến tham dự lễ nhậm chức và có cuộc gặp riêng với lãnh đạo của từng quốc gia. Điều đó thể hiện cam kết mạnh mẽ của Ấn Độ với Chính sách "Láng giềng trước tiên", nhằm củng cố vị thế của Ấn Độ và đảm bảo an ninh, ổn định trong khu vực Nam Á, đặc biệt là trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh địa chính trị với Trung Quốc tại khu vực này. Ấn Độ là một đối tác phát triển tích cực và đang tham gia

vào nhiều dự án của SAARC dựa trên cách tiếp cận mang tính tham vấn, không đối đầu và hướng đến kết quả, tập trung vào việc mang lại những lợi ích như kết nối tốt hơn, hợp tác phát triển mạnh mẽ hơn trong các lĩnh vực khác nhau.

Dù Ấn Độ có nhiều nỗ lực để vực dậy sự gắn kết giữa các thành viên trong SAARC, nhưng không thể phủ nhận cơ chế này đang dần mất đi tính hiệu quả của nó, do sự rạn nứt quan hệ của các quốc gia, đặc biệt là Ấn Độ và Pakistan. Sự thất bại của SAARC trong việc thúc đẩy hội nhập khu vực đã dẫn đến sự gia tăng của các tổ chức thay thế có quy mô nhỏ hơn, cấp tiểu vùng như BIMSTEC, BBIN...nơi Ấn Độ có cơ hội tăng cường hợp tác với các quốc gia khác mà không bị ràng buộc bởi các tranh cãi chính trị truyền thống với Pakistan. Chủ nghĩa tiểu vùng này cũng được đánh giá là chủ nghĩa khu vực mới ở Nam Á, không chỉ giúp Ấn Độ tăng cường ảnh hưởng trong khu vực mà còn tạo tiền đề cho sự hợp tác sâu rộng hơn với các nước láng giềng trong các vấn đề quốc tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển trong toàn bộ khu vực.

Trên lĩnh vực kinh tế, việc Ấn Độ duy trì hợp tác kinh tế, đầu tư với các quốc gia láng giềng Nam Á và tổ chức SAARC nhằm củng cố vai trò lãnh đạo trong khu vực, đồng thời giảm thiểu ảnh hưởng của Trung Quốc. Chính sách "Láng giềng trước tiên" của Ấn Độ không chỉ tập trung vào việc xây dựng các mối quan hệ song phương mà còn khám phá các cơ hội hợp tác đa phương. Mặc dù SAARC đang gặp nhiều khó khăn trong việc hoạt động hiệu quả, Ấn Độ vẫn duy trì những khoản đầu tư cho các quốc gia Nam Á theo các sáng kiến của tổ chức với mục tiêu hướng tới sự ổn định và phát triển của các nước láng giềng. Cụ thể như: Quỹ phát triển của SAARC (SDF) nhằm xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy sự phát triển bền vững và cải thiện chất lượng cuộc sống, Khu vực mậu dịch tự do Nam Á (SAFTA) nhằm thúc đẩy thương mại nội khu vực, Các trung tâm khu vực của SAARC về y tế, nông nghiệp, giáo dục và phát triển... Mặc dù tồn tại gần 40 năm, SAARC có rất nhiều lợi thế với diện tích đất lớn hơn EU và ASEAN cộng lại, chiếm tới 25% dân số toàn cầu và tổng GDP hơn 2.900 tỷ USD, song tổ chức này đã hầu như không có được bất kỳ ảnh hưởng cũng như đòn bẩy kinh tế nào như EU, AU hay ASEAN. Mặc dù được thành lập để thúc đẩy hội nhập khu vực thông qua thương mại, với SAFTA thường được coi là kết quả nổi bật của SAARC nhưng chỉ 5% thương mại của SAARC diễn ra trong khu vực. Bản thân Ấn Độ cũng cho thấy những điều chỉnh trong chiến lược ngoại giao khi sắp xếp lại ưu tiên của nước này đối với việc hội nhập khu vực và tầm quan trọng của SAARC ngày càng giảm sút với tư cách là một thể chế. Với Chính sách “Láng

giềng trước tiên”, Ấn Độ đã tăng cường hợp tác song phương với các nước láng giềng Nam Á, thúc đẩy các tương tác song phương và đa phương bên ngoài Nam Á như với BIMSTEC, BBIN, SAGQ, BRICS và đặc biệt là G20, nơi Ấn Độ giữ chức chủ tịch (2023). Điều này có thể là nguyên nhân khiến Ấn Độ dành ít nguồn lực hơn cho SAARC.

Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, việc Ấn Độ tiếp tục duy trì hợp tác an ninh - quốc phòng với tổ chức SAARC cho thấy nỗ lực của Ấn Độ nhằm củng cố sự hiện diện và ảnh hưởng của mình trong khu vực, cũng như đáp ứng các thách thức an ninh đang gia tăng, đặc biệt là từ Trung Quốc. Ấn Độ coi việc nâng cao hợp tác an ninh với các nước Nam Á là cần thiết để đảm bảo sự ổn định và an ninh khu vực, đồng thời giảm thiểu những rủi ro từ các mối đe dọa bên ngoài. Trong số các mối đe dọa hiện nay của Nam Á, Ấn Độ nhận thức được chủ nghĩa khủng bố xuyên biên giới đang là mối đe dọa nguy hiểm cần phải ưu tiên đối phó kịp thời. Tại cuộc họp của các Bộ trưởng Ngoại giao SAARC được tổ chức bên lề UNGA (2019), Ấn Độ đã nhấn mạnh rằng các vấn đề đang đặt ra cho SAARC không chỉ là câu chuyện về những cơ hội bị bỏ lỡ mà còn là những trở ngại có chủ ý, trong đó chủ nghĩa khủng bố là một trong số đó. Việc mà SAARC cần phải làm là loại bỏ chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức, đó là điều kiện tiên quyết không chỉ cho sự hợp tác hiệu quả mà còn cho sự tồn vong của chính khu vực Nam Á. Tuy nhiên, dường như SAARC vẫn chưa phát huy được hiệu quả trong việc ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố khi mà các nhóm khủng bố như Jaish-e-Mohammed và Lashkar-e-Taiba vẫn đang hoạt động mạnh mẽ và thường xuyên tổ chức các cuộc tấn công khủng bố, bao gồm vụ tấn công Pulwama (2019), gây tử vong cho hàng chục binh sĩ Ấn Độ.

Trên các lĩnh vực khác, các hoạt động hợp tác như chia sẻ thành tựu công nghệ, trao đổi văn hóa, chương trình học bổng cho sinh viên, hợp tác phòng chống thiên tai,... thường xuyên thúc đẩy quan hệ mật thiết hơn giữa các quốc gia trong khu vực. Ấn Độ đã kiên định với cam kết chia sẻ thành quả của những tiến bộ công nghệ với các quốc gia có cùng chí hướng trong khu vực lân cận. Trong bối cảnh này, sáng kiến mở rộng Mạng tri thức quốc gia (NKN) tới các quốc gia Nam Á được mở rộng tới Sri Lanka, Bangladesh và Bhutan. Ấn Độ đã phóng Vệ tinh Nam Á (SAS) (2017) và lắp đặt các thiết bị thu phát của SAS tại 06 quốc gia SAARC (trừ Pakistan). Một đóng góp lớn khác của Ấn Độ cho sự hợp tác trong SAARC là xây trụ sở của Đại học Nam Á (SAU). SAU cung cấp các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ trong 08 lĩnh vực. Ấn Độ cam kết chịu toàn bộ chi phí cho việc xây dựng SAU ở Delhi. Ngân sách hoạt động của SAU dựa trên sự đóng góp của tất

cả các quốc gia SAARC với Ấn Độ là nước đóng góp lớn nhất. Ấn Độ cũng thành lập Trung tâm Quản lý Thảm họa SAARC (IU) (2016), phục vụ nhu cầu của tất cả thành viên SAARC thông qua tư vấn chính sách, hỗ trợ kỹ thuật về phát triển hệ thống, dịch vụ, nâng cao năng lực và đào tạo để quản lý toàn diện rủi ro thiên tai trong khu vực SAARC.

Ngoài ra, việc hợp tác trong lĩnh vực y tế và nhân đạo có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh các cuộc khủng hoảng như đại dịch Covid-19. Ấn Độ là quốc gia đi đầu kêu gọi các nước SAAR giải quyết những thách thức liên quan đến dịch bệnh này. Hội nghị trực tuyến của các nhà lãnh đạo SAARC về việc đối phó với Covid-19 đã được tổ chức theo đề xuất của Thủ tướng N. Modi (2020). Ấn Độ đã thành lập Quỹ Khẩn cấp Covid-19 với khoản viện trợ ban đầu là 10 triệu USD để đáp ứng chi phí cho các hành động tức thời. Hoạt động cứu trợ nhân đạo của Ấn Độ trong khu vực bao gồm cung cấp các loại thuốc thiết yếu, vật tư y tế, bộ dụng cụ xét nghiệm cũng như các thiết bị phòng thí nghiệm và bệnh viện. Với sự hỗ trợ của Ấn Độ, IU đã thiết lập một trang web chuyên biệt về Covid-19 (<http://www.covid19-sdmc.org/>) để các quốc gia SAARC sử dụng. Các hội nghị trực tuyến của các chuyên gia y tế ở cấp Giám đốc Tổng cục Dịch vụ Y tế (DGHS) (2020), các quan chức thương mại (2020) đại diện cho các quốc gia SAARC được tổ chức để thảo luận các biện pháp ứng phó với ảnh hưởng đại dịch. Ấn Độ đã phát triển “Nền tảng trao đổi thông tin Covid-19 của SAARC” (COINEX) để tất cả các quốc gia SAARC trao đổi thông tin và can thiệp chuyên môn giữa các chuyên gia y tế. Trong mạng e-ITEC của Ấn Độ, việc đào tạo nhân viên y tế trong khu vực được tiến hành với sự tham gia của các viện y tế chuyên khoa hàng đầu như AIIMS và PGI Chandigarh. Sự kết nối về mặt y tế này không chỉ tăng cường niềm tin mà còn giúp thống nhất các mục tiêu phát triển chung giữa các quốc gia trong khu vực.

Cuối cùng, việc tập trung vào các vấn đề quốc tế và quan hệ đối với cộng đồng hải ngoại cũng cho thấy sự chú trọng của Ấn Độ trong việc gia tăng sức mạnh mềm và bảo vệ các quyền lợi của công dân Ấn Độ ở nước ngoài. Như vậy, nhìn chung mối quan hệ hợp tác Ấn Độ - SAARC đang dừng ở mức duy trì và nỗ lực, chứ chưa thực sự đi vào chiều sâu do Ấn Độ nhận ra tính chưa hiệu quả của tổ chức này trong việc gắn kết các quốc gia thành viên.

Tóm lại, về vòng tròn thứ nhất, Ấn Độ đã dành sự quan tâm đặc biệt để thúc đẩy “Chính sách Láng giềng trước tiên” nhằm củng cố vị thế nhà lãnh đạo khu vực và là “người cung cấp an ninh” tại ÁĐĐ. Thành công của Ấn Độ là thể hiện được vai trò người

tiên phong trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và can dự tích cực hỗ trợ các nước láng giềng giải quyết vấn đề thách thức. Tuy vậy, mối quan hệ giữa Ấn Độ và Pakistan vẫn luôn căng thẳng và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Còn với quan hệ với nước láng giềng khác, trừ Nepal và Bhutan, các quốc gia như Bangladesh, Sri Lanka, Maldives không hoàn toàn ủng hộ sự thống trị của Ấn Độ và đã tìm kiếm sự cân bằng quyền lực bằng cách hợp tác với các cường quốc bên ngoài như Trung Quốc hoặc Mỹ. Với Afghanistan từ Taliban lên nắm quyền, quan hệ hai nước không có nhiều dấu hiệu tích cực.

3.5.2. Vòng tròn thứ hai trong chính sách đối ngoại

Khu vực ÁĐD - TBD là vòng tròn đồng tâm tiếp theo và là khu vực có tầm quan trọng thứ hai. Mặc dù ban đầu New Delhi tỏ ra do dự trong việc tiếp nhận cấu trúc khu vực mới này, nhưng nước này đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ Mỹ và các liên minh, cụ thể là Nhật Bản và đôi khi là Australia, để đảm nhận vai trò lớn hơn trong khu vực.

Để tạo dựng một vị trí riêng cho mình trong khu vực ÁĐD - TBD, Ấn Độ đã củng cố các mối quan hệ đối ngoại với Mỹ - nhân tố thống trị an ninh trong khu vực, Trung Quốc - cường quốc đang trỗi dậy với tham vọng bá quyền, cùng các nước ở Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc), Đông Nam Á, Trung Á, Tây Á, Châu Phi, Châu Đại Dương (Australia) và các cơ chế hợp tác đa phương như BRICS, QUAD, SCO. Trong đó nổi bật là các chính sách Chính sách “Ngoại giao nước lớn”, “Cân bằng quyền lực”, “Hành động hướng Đông”, “Kết nối Trung Á” (CCAP), “Liên kết phía Tây” (LWP) - “Nghĩ về phía Tây” (TWP), Chính sách Châu Phi và Sáng kiến ÁĐD - TBD (sự kết hợp của Chính sách “Láng giềng trước tiên”, “Hành động hướng Đông” và SAGAR) - IPOI.

3.5.2.1. Đối với Mỹ

**** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao***

Quan hệ Ấn Độ - Mỹ đã trở thành một trụ cột trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Trong quá khứ, Thủ tướng N. Modi từng bị Mỹ từ chối cấp thị thực vì vấn đề tôn giáo, bị cấm nhập cảnh trong gần một thập kỷ. Tuy nhiên, kể từ khi lệnh cấm đó được dỡ bỏ (2014), ông N. Modi ngày càng được Mỹ chào đón nồng nhiệt. Từ năm 2014 - 2024, hai bên đã thường xuyên tổ chức các chuyến thăm, tiếp xúc cấp cao. Ngay trong chiến dịch tranh cử (2014), Thủ tướng N. Modi đã tuyên bố rằng quan hệ Ấn Độ - Mỹ là “đồng minh tự nhiên” [Joshi, M., 2014]. Sau đó, Thủ tướng N. Modi đã mời Tổng thống B. Obama trở thành Tổng thống Mỹ đầu tiên tham dự buổi lễ kỷ niệm Ngày Cộng hòa của Ấn Độ (2015) và tuyên bố “Ấn Độ và Mỹ đã trông thấy nhau từ lâu trên

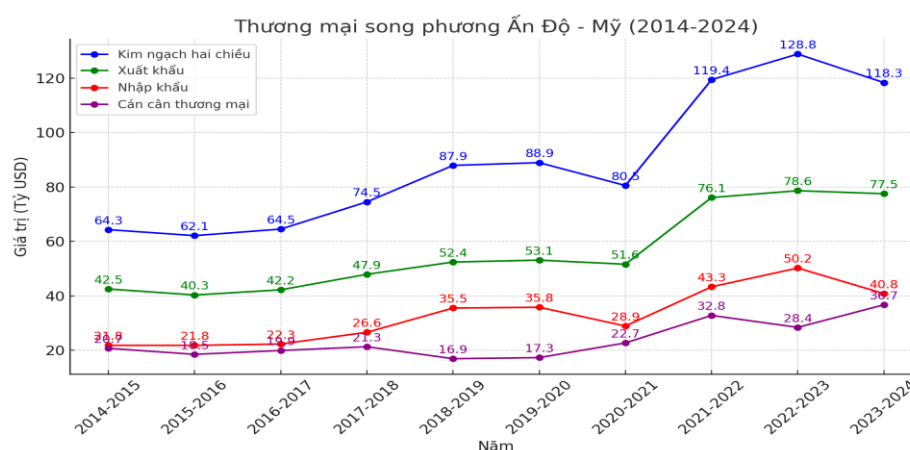
khắp châu Âu và Đại Tây Dương. Khi tôi nhìn về phía Đông, tôi thấy bờ biển phía Tây của Mỹ” [Sajjanhar, A., 2016] và miêu tả đây sẽ là mối quan hệ đối tác quan trọng nhất của thế kỷ XXI [The Guardian, 2020]. Về phía Ấn Độ, có các chuyến thăm Mỹ của Tổng thống Ấn Độ S. V. Naidu (2018) và 10 chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi (2014, 2015, 2016 (02 lần), 2017, 2019, 2021, 2023 (02 lần) và 2024). Về phía Mỹ, có các chuyến thăm Ấn Độ của Tổng thống B. Obama (2015) và Tổng thống D. Trump (2020). Dưới thời Tổng thống B. Obama, hai nước đã có “Tuyên bố chung về tầm nhìn cho Quan hệ Đối tác Chiến lược” (2014), được coi là kim chỉ nam cho quan hệ hai nước trong 10 năm tiếp theo và được tiếp tục thực hiện dưới thời Tổng thống J. Biden (2021 - 2025). Dưới thời Tổng thống D. Trump, hai nước đã công bố “Tuyên bố chung về Tầm nhìn chiến lược về khu vực CA-TBD” và “Nguyên tắc của Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện” (2020), trở thành định hướng xuyên suốt trong hợp tác giữa hai nước. Mỹ cũng bày tỏ quan tâm tới sự trỗi dậy của Ấn Độ bằng việc đề ra “Chính sách Nam Á mới” lấy Ấn Độ làm trọng tâm (2017). Ngoài ra, các nhà lãnh đạo cũng thường xuyên có các cuộc gặp gỡ bên lề tại các hội nghị quốc tế như G7, QUAD, I2U2, G20, ASEAN, EAS, APEC... và có các cuộc điện đàm trao đổi thông tin (2020 - 2024). Chất xúc tác góp phần gắn kết hơn nữa trong quan hệ hai nước cũng phải kể đến các cuộc gặp gỡ và điện đàm cấp bộ trưởng (2014 - 2024). Quan hệ Ấn Độ - Mỹ cũng nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của lưỡng đảng trong Quốc hội Mỹ với 10 chuyến thăm Ấn Độ của các phái đoàn Quốc hội Mỹ (2021 - 2024). Đối thoại thường xuyên giữa các nhà lãnh đạo là một yếu tố quan trọng trong việc mở rộng quan hệ song phương. Kết quả của những chuyến thăm này là công cụ để tăng cường quan hệ song phương về nhiều mặt, kể cả các mục tiêu chiến lược mà hai nước cùng hướng tới. Kể từ năm 2014 - 2024, hai nước đã thiết lập hơn 15 cơ chế hợp tác, nổi bật là Đối thoại “2+2” cấp bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng (2017 - 2024), Cơ chế Tham vấn chính sách... và ký kết hơn 30 MOA/MOU quan trọng trên mọi lĩnh vực. Hai nước cũng tăng cường hợp tác tại các cơ chế và diễn đàn đa phương, nơi mà Ấn Độ có thể nâng cao vị thế trên trường quốc tế và tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ như UN, QUAD, G20, ba bên Ấn Độ - Mỹ với các quốc gia châu Á, châu Phi cũng như tìm kiếm tiếng nói chung trong các vấn đề quốc tế như quan hệ với Nga, Iran, Pakistan, Afghanistan, Ukraine. Như vậy, việc Ấn Độ và Mỹ tăng cường quan hệ chính trị ngoại giao phản ánh sự hội tụ lợi ích ngày càng lớn giữa hai nước. Cả hai quốc gia đều nhận thức rõ tầm quan trọng của nhau trong bối cảnh an ninh khu vực và toàn cầu, nhất là trong việc bảo vệ tự do hàng hải

và ổn định khu vực ÁDD - TBD. Mối quan hệ này đã chuyển biến từ đối tác chiến lược thành đối tác chiến lược toàn cầu, tập trung vào các lĩnh vực như quốc phòng, công nghệ, và thương mại, ngày càng sâu sắc và toàn diện hơn.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Trong những năm qua, thương mại song phương hai nước đã tăng lên đáng kể. Mỹ là một trong những đối tác thương mại lớn của Ấn Độ. Năm 2022, Mỹ đã trở lại vị trí là đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ.

Hình 3.5: Thương mại song phương Ấn Độ - Mỹ (2014 - 2024)



Nguồn: Ministry of External Affairs [MEA, GoI, 2024h].

Kim ngạch thương mại giữa Mỹ và Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2024 cho thấy xu hướng tăng trưởng ổn định với tổng kim ngạch hai chiều tăng đều, đặc biệt đạt đỉnh với 128,8 tỷ USD (2022 - 2023). Mặc dù có sự giảm nhẹ (2023 - 2024) song quan hệ thương mại giữa hai nước vẫn tiếp tục mở rộng với cán cân thương mại có lợi cho Ấn Độ. Xu hướng tăng trưởng này là nhờ quan hệ đối tác chiến lược, sự phát triển kinh tế của Ấn Độ, sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu, hợp tác trong lĩnh vực công nghệ và năng lượng cùng với các chính sách thúc đẩy thương mại. Những yếu tố này đã giúp mở rộng dòng chảy hàng hóa và dịch vụ giữa hai quốc gia, củng cố mối quan hệ kinh tế song phương. Đặc biệt, Mỹ luôn là đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ (ngoại trừ năm 2020, danh hiệu này thuộc về Trung Quốc) [PTI, 2024]. Sau khi quyết định rút khỏi RCEP, Ấn Độ đang hướng đến việc đạt một MOA thương mại với Mỹ. Các cơ chế đối thoại hợp tác cũng được tổ chức thường xuyên gồm Diễn đàn Chính sách Thương mại, Đối thoại Thương mại, Diễn đàn CEO, JWG về CNTT và truyền thông; Đối thoại Đối tác Kinh tế và Tài chính (EFP); Khuôn khổ kinh tế ÁDD - TBD (IPEF).

Về đầu tư, Mỹ là nguồn FDI lớn thứ hai với 13,82 tỷ USD (2020 - 2021) và 10,54 tỷ USD (2021 - 2022) tại Ấn Độ song đã tụt xuống vị trí thứ ba với 4,99 tỷ USD (2023 - 2024). Dòng vốn đầu tư tích lũy của Mỹ vào Ấn Độ là 62,24 tỷ USD (2000 - 2023) [IBEF, 2024e]. Mỹ là một trong năm điểm đến đầu tư hàng đầu của Ấn Độ. Hiện có khoảng hơn 160 công ty Ấn Độ đang đầu tư vào Mỹ với số vốn hơn 40 tỷ USD và tạo ra hơn 425.000 việc làm trực tiếp (2023) [IBEF, 2024e]. Có 06 lĩnh vực công nghiệp hàng đầu thu hút FDI của Ấn Độ tại Mỹ là phần mềm và dịch vụ CNTT, dịch vụ kinh doanh, dược phẩm, kim loại, thiết bị công nghiệp và truyền thông. Hiệp định Ưu đãi đầu tư được ký kết (2022). USIDFC cũng đề xuất khoản đầu tư 04 tỷ USD để hỗ trợ tài chính cho Ấn Độ. Nhằm tăng cường đầu tư, Hội nghị Thượng đỉnh Doanh nghiệp toàn cầu (GES), Diễn đàn Chính sách thương mại (TPF) được tổ chức...; ký kết Hiệp định Khuyến khích đầu tư (IIA) và Hợp tác Tài chính Phát triển Quốc tế (DFC) (2022) [MEA, GoI, 2024h]. Có thể thấy, hai nước đã coi nhau là những đối tác quan trọng để đối phó với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời tạo ra một môi trường hòa bình, thịnh vượng hơn trong khu vực Á-ĐD - TBD. Ấn Độ cũng đang điều chỉnh chính sách đối ngoại để duy trì sự tự chủ, đồng thời tìm kiếm sự hỗ trợ từ Mỹ để phát triển kinh tế và nâng cao vai trò trên trường quốc tế.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Về hợp tác an ninh, Đối thoại An ninh Nội địa (HSD) cấp bộ trưởng được nâng cấp. Hợp tác chống khủng bố là một trụ cột trong hợp tác an ninh. Cơ chế đối thoại về chống khủng bố được thành lập kèm theo MOU về hợp tác đào tạo cảnh sát được ký kết (2017). Về phòng chống ma túy, JWG về chống Ma túy (CNWG) được tổ chức định kỳ và MOA sửa đổi (ALOA) về hợp tác trong các vấn đề liên quan đến ma túy được ký kết. Về hợp tác an ninh mạng, “Khuôn khổ không gian mạng Ấn Độ - Mỹ” được ký kết (2016), Đối thoại không gian Mạng được tổ chức (2022), Ấn Độ cũng tham gia cuộc họp Sáng kiến chống mã độc tổng tiền (CRI) (2022).

Về hợp tác quốc phòng, đối với Mỹ, cân bằng Trung Quốc và duy trì vị trí bá chủ toàn cầu là thách thức chiến lược lớn của thế kỷ này. Trung Quốc đang là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và công nghệ quân sự của nước này đang phát triển nhanh chóng. Để đối trọng với Trung Quốc, Mỹ đã thành lập các liên minh an ninh với các nước có cùng chí hướng. Ấn Độ, vốn có quan hệ căng thẳng với Trung Quốc, đã trở thành quốc gia tiên tuyến trong các nỗ lực toàn cầu do Mỹ dẫn đầu nhằm đẩy lùi Trung Quốc. Năm 2018, với Đạo luật Ủy quyền Quốc phòng, Quốc hội Mỹ chính thức nhấn mạnh việc tăng cường

hợp tác quốc phòng với Ấn Độ. Kể từ năm 2014 - 2024, hai nước đã ký kết hàng loạt MOU/MOA về hợp tác quốc phòng, nổi bật là “Khuôn khổ mới cho hợp tác quốc phòng” (2015), MOU trao đổi hậu cần (LEMOA) (2016), Bảo mật và tương thích truyền thông (COMCASA) (2018), Phụ lục An ninh Công nghiệp (ISA) (2019), Hợp tác và trao đổi cơ bản về hợp tác không gian địa lý (BECA) (Mỹ chỉ ký riêng với các đồng minh thân cận) (2020), An ninh Cung ứng (SoSA) và Phân công liên lạc (2024) ... Các MOA này thực sự có lợi cho Ấn Độ, giúp thúc đẩy tham vọng trở thành một cường quốc khu vực, tăng cường chiến lược “Akhand Bharat” (Ấn Độ mở rộng - Đại Ấn Độ) và trở thành “hạt nhân” khu vực, cho phép sử dụng chung các cơ sở quân sự của nhau để chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở châu Á và tham gia chống khủng bố, chia sẻ thông tin tình báo, cung cấp cho Ấn Độ quyền truy cập vào một loạt dữ liệu hàng không và địa không gian nhạy cảm được coi là quan trọng đối với hành động quân sự. Với việc ký kết các MOU/MOA, một bộ ba “Hiệp ước cơ bản” được hoàn thành để tăng cường hợp tác quân sự. Hợp tác quốc phòng có nhiều mặt và bao gồm đối thoại song phương thường xuyên được thể chế hóa, diễn tập quân sự và mua sắm quốc phòng. Đỉnh cao của các cơ chế đối thoại là “Đối thoại 2+2” được tổ chức 06 lần (2017 - 2024), Nhóm DPG, DPPG, JTG, Đối thoại An ninh Hàng hải, Hội nghị Thượng đỉnh ISS&DTTI. Ấn Độ cũng tham gia các hoạt động huấn luyện và chương trình đào tạo quốc phòng do Mỹ tổ chức theo Chương trình Giáo dục và Đào tạo Quân sự quốc tế (IMET) [MEA, GoI, 2024h].

Bên cạnh đó, thương mại quốc phòng đã đạt một tầm cao mới kể từ năm 2014. Ấn Độ tìm cách đưa quốc phòng của nước này thành một lĩnh vực có công nghệ tiên tiến. Theo hướng này, Ấn Độ đã lên kế hoạch chi khoảng 100 tỷ USD cho các hoạt động mua sắm mới. Năm 2016, Ấn Độ được tuyên bố là đối tác quốc phòng chính của Mỹ (MDP) và đạt trạng thái Cấp phép Thương mại Chiến lược Cấp 1 (2018), cho phép Ấn Độ được tiếp cận miễn phí giấy phép đối với các công nghệ quân sự. Theo các khuôn khổ này, Ấn Độ đã nhận được vũ khí tối tân và thiết bị giám sát từ Mỹ. Thương mại vũ khí giữa hai nước đã đạt đến một mức cao mới, tăng từ 200 triệu USD (2000) lên tới gần 20 tỷ USD (2023). Các vũ khí Mỹ bán cho Ấn Độ (2017 - 2023) gồm máy bay vận tải chiến lược Globemaster C-17, máy bay tác chiến đặc biệt C-130 Hercules, trực thăng Apache AH-64E và Chinook đầy đủ vũ khí, súng hải quân hạng nhẹ MK45, trực thăng Seahawk MH-60R, hệ thống phóng tên lửa phòng thủ bờ biển Harpoon, máy bay Boeing P8I, MQ-9B, phao âm thanh chống tàu ngầm, đạn dược...[Forum on the Arms Trade, 2024]. Lộ trình

Hợp tác Công nghiệp Quốc phòng và Hệ sinh thái INDUS-X được ký kết (2023) đã thúc đẩy nhanh chóng việc hợp tác công nghệ và hợp tác sản xuất, nổi bật là thỏa thuận chuyển giao công nghệ động cơ phản lực của Mỹ. Ngoài ra, Ấn Độ là đồng minh ngoài hiệp ước duy nhất của Mỹ được cung cấp Hệ thống máy bay không người lái loại 1 của Chế độ kiểm soát công nghệ tên lửa - Sea Guardian UAS. Lĩnh vực hàng hải cũng đã trở thành lĩnh vực hợp tác quốc phòng chính giữa Ấn Độ và Mỹ. Mỹ và Ấn Độ cũng là hai nước có nhiều cuộc tập trận song phương/đa phương đạt hiệu quả cao như Tiger Triumph, Malabar, Passex, Cope India, Yudh Abhyas, Vajra Prahar và tập trận đa phương như Red Flag, RIMPAC, CUTLASS Express, Sea Dragon, Milan. Ấn Độ cũng đã gia nhập Lực lượng Hàng hải kết hợp đa phương (CMF) (2022) do Mỹ đứng đầu. Trong lĩnh vực hàng hải, lợi ích của Mỹ và Ấn Độ đang hội tụ trong bối cảnh sức mạnh hải quân ngày càng tăng của Trung Quốc, vốn đang làm suy giảm cơ cấu quyền lực hiện có trong khu vực. Sự hợp tác của hai nước được thể hiện qua chuyến thăm Ấn Độ của Tổng thống B. Obama (2015) với việc công bố “Tầm nhìn chiến lược chung cho CA-TBD và ÁĐĐ”. Đây là lần đầu tiên hai nước công khai bày tỏ ý định hợp tác để đảm bảo lợi ích chung của họ trong khu vực. Ấn Độ cũng công khai ủng hộ Chiến lược “ÁĐĐ - TBD Tự do và Rộng mở” của Mỹ dưới thời Tổng thống D. Trump (2017 - 2021) và hiện tại là Tổng thống J. Biden (2021 - 2025). Các chiến lược đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hỗ trợ Ấn Độ với tư cách là một đối tác trong tầm nhìn khu vực và củng cố mối quan hệ đối tác song phương hơn. Vai trò của Ấn Độ được Mỹ công nhận là “nhà cung cấp an ninh toàn cầu và khu vực đang lên ở ÁĐĐ”. Hai bên cũng tăng cường hợp tác tại các cơ chế đa phương như QUAD, ba bên Ấn - Mỹ - Nhật và Ấn - Nhật - Australia... Việc Ấn Độ tăng cường hợp tác an ninh - quốc phòng với Mỹ phản ánh chiến lược toàn diện để bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực ÁĐĐ - TBD, là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao khả năng quân sự và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu vũ khí, với mục tiêu tự lực, tự cường trong sản xuất quốc phòng. Việc nâng cao năng lực quân sự không chỉ có lợi cho quốc phòng của Ấn Độ mà còn củng cố vai trò của nước này như một đối tác quan trọng trong các cấu trúc an ninh đa phương toàn cầu.

** Trên các lĩnh vực khác*

Về các vấn đề quốc tế, Mỹ ủng hộ Ấn Độ trở thành thành viên thường trực của UNSC, cùng ủng hộ giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình và phù hợp với luật pháp quốc tế, nhất là vấn đề Biển Đông. Về hợp tác năng lượng và bảo vệ

khí hậu, Ấn Độ và Mỹ có quan hệ đối tác song phương mạnh mẽ trong lĩnh vực năng lượng. Hiệp định về việc sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình được ký kết (2014) và khởi động lại Chương trình Hợp tác hạt nhân dân sự (2015); ký kết “Chương trình nghị sự 2030” (2021) với các nội dung về năng lượng, tài chính và biến đổi khí hậu. Thương mại về hydrocarbon với Mỹ đã lên mức 19 tỷ USD (2022). Mỹ trở thành nhà cung cấp dầu thô lớn thứ 4 và cung cấp LNG lớn thứ 2 của Ấn Độ [MEA, GoI, 2024h]. Mỹ đã tham gia Liên minh ISA (2021) và Ấn Độ cũng đã tham gia Diễn đàn Các nền kinh tế lớn về năng lượng và khí hậu (MEF) do Mỹ tổ chức hàng năm. Về KH&CN, MOA hợp tác KH&CN được gia hạn thêm 10 năm (2019 - 2029). Diễn đàn KH&CN (IUSSTF) được thành lập cùng Sáng kiến về Công nghệ quan trọng và mới nổi (iCET) được ký kết (2022) nhằm tạo điều kiện cho sự hợp tác chiến lược trong các công nghệ quan trọng và mới nổi. Về hợp tác vũ trụ, ISRO đã có sự hợp tác mạnh mẽ về không gian dân sự với NASA, NOAA, USGS và các tổ chức học thuật của Mỹ. JWG về Hợp tác Không gian Dân dụng được thành lập cùng với Tuyên bố chung và Khung Chiến lược hợp tác ISRO - NASA (2024). ISRO và NASA đang phát triển vệ tinh viễn thám vi sóng để quan sát Trái đất - NISAR (2024). ISRO đã sử dụng sự hỗ trợ của Anten Mạng Không gian sâu của NASA/JPL cho Chandrayaan-1, Sứ mệnh Tàu quỹ đạo Sao Hỏa (MOM), sứ mệnh Chandrayaan-2 và vệ tinh Chandrayaan-3 sắp ra mắt. ISRO và NASA cũng đã triển khai thành công Chương trình Trao đổi Nhân sự được ký kết (2017). Về mặt thương mại, ISRO đã phóng hơn 200 vệ tinh từ Mỹ trên tên lửa phóng vệ tinh địa cực (PSLV) [MEA, GoI, 2024h]. Về hợp tác y tế, hai nước có sự hợp tác nghiên cứu lâu dài trong lĩnh vực y tế để phát triển các phương pháp điều trị và chẩn đoán mới, trong đó có ung thư với việc thành lập các cuộc họp Đối thoại (2024). Chương trình hành động song phương về vaccine (VAP) đã dẫn đến việc phát triển vaccine ROTAVAC chống lại virus Rota. Có hơn 200 hoạt động hợp tác tích cực giữa các Viện Nghiên cứu Quốc gia. Các công ty dược phẩm Ấn Độ có địa điểm sản xuất tại 14 địa điểm ở Mỹ quảng bá về Ayurveda. [MEA, GoI, 2024h]. Đối thoại Y tế là nơi giám sát sự hợp tác trong lĩnh vực y tế. Ấn Độ đã tham gia khuôn khổ Kế hoạch hành động toàn cầu (GAP) (2022) do Mỹ chủ trì để thu hẹp khoảng cách chính sách và chấm dứt đại dịch Covid-19. Về hợp tác giáo dục, cả hai quốc gia đều tài trợ học bổng. USIEF đã trao khoảng 20.000 học bổng Fulbright - Nehru cho các nhà nghiên cứu và sinh viên hai nước từ khi thành lập (1950). Các sáng kiến như Đối thoại Giáo dục Đại học, Tri thức Thế kỷ XXI, Toàn cầu về Mạng lưới Học thuật (GIAN) (2015),

JWG về Giáo dục và Phát triển Kỹ năng (WGESD) (2023) đã liên tục được tổ chức và tăng cường [MEA, GoI, 2024h]. Mỹ là một trong những điểm đến được ưa chuộng nhất của sinh viên Ấn Độ, đã có hơn 351.000 sinh viên Ấn Độ học tại Mỹ (2024) (chiếm 20% tổng số sinh viên quốc tế) và đóng góp của sinh viên Ấn Độ đối với nền kinh tế Mỹ là khoảng 7,7 tỷ USD/năm [MEA, GoI, 2024h]. *Về hợp tác văn hóa*, Ấn Độ đã hợp tác với các tổ chức văn hóa - giáo dục uy tín của Mỹ để tổ chức nhiều sự kiện văn hóa nhằm quảng bá văn hóa Ấn Độ. Các nghệ sĩ của hai nước được đào tạo tại các cơ sở ở Mỹ và Ấn Độ trong nhiều lĩnh vực như điện ảnh, bảo tàng, nhà hát... Các chương trình nêu bật di sản văn hóa Ấn Độ và các sáng kiến như tiêu biểu như Ngày Quốc tế Yoga được tổ chức với sự tham gia đông đảo của người dân Mỹ. Hai nước cũng đã ký kết MOA về Sở hữu văn hóa nhằm ngăn chặn buôn lậu cổ vật (2024). *Về cộng đồng hải ngoại*, có khoảng 4,4 triệu người Mỹ gốc Ấn và công dân Ấn Độ cư trú tại Mỹ. Người gốc Ấn khoảng 3,18 triệu người đã tạo thành nhóm dân tộc châu Á lớn thứ ba ở Mỹ [MEA, GoI, 2024h]. Có nhiều tổ chức cộng đồng và các tổ chức nghề nghiệp của người Mỹ gốc Ấn. Người Mỹ gốc Ấn là một trong những cộng đồng thành công nhất và vượt trội trong các lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả chính trị. Cộng đồng hải ngoại là chất xúc tác trong việc củng cố mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa hai nước. Hiện có 05 người gốc Ấn trong Quốc hội Mỹ. Cuộc họp Đối thoại Lãnh sự Ấn Độ - Mỹ định kỳ (2014 - 2024).

Có thể thấy, quan hệ Ấn Độ - Mỹ từ năm 2014 -2024 đã phát triển mạnh mẽ và toàn diện, từ đối tác chiến lược thành đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện, với sự hợp tác chặt chẽ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng..., cho thấy một sự chuyển mình mạnh mẽ trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ “không liên kết” sang “đa liên kết”. Sự hội tụ lợi ích chiến lược giữa hai nước, đặc biệt trong bối cảnh đối trọng với Trung Quốc và củng cố an ninh khu vực ÁĐD- TBD, đã giúp mối quan hệ này ngày càng sâu sắc và bền vững.

3.5.2.2. Đối với Trung Quốc

Ấn Độ và Trung Quốc là hai quốc gia lớn và có ảnh hưởng sâu sắc đến cục diện khu vực ÁĐD - TBD. Do đó, trong chính sách đối ngoại với Trung Quốc, Ấn Độ luôn duy trì hai khía cạnh hợp tác và cạnh tranh.

* Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Quan hệ song phương đã không ngừng được mở rộng và đa dạng hóa dưới thời Thủ tướng N. Modi với hàng loạt các chuyến thăm cấp nhà nước được tổ chức (2014 - 2024). Về phía Ấn Độ, có các chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống P. Mukherjee (2016) và

Thủ tướng N. Modi (2015, 2016, 2017, 2018 (02 lần)). Về phía Trung Quốc, có các chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch Tập Cận Bình (2014, 2019). Các nhà lãnh đạo cũng thường xuyên tham dự các hội nghị cấp cao đa phương và có các cuộc gặp bên lề tại G20, BRICS, SCO... Tại các chuyến thăm, hai bên đã cam kết hợp tác bằng “ba quan hệ đối tác” gồm đối tác phát triển gần gũi hơn, đối tác hợp tác trong tăng trưởng kinh tế và đối tác toàn cầu trong hợp tác chiến lược. Từ năm 2014 - 2024, đã có gần 80 MOA/MOU được ký kết trong các lĩnh vực khác nhau [MEA, GoI, 2024i]. Quan hệ song phương dường như đang chuyển biến theo hướng tích cực giữa hai gã khổng lồ châu Á. Hội nghị Cấp cao không chính thức giữa hai nước (2018, 2019) đã chứng kiến sự hợp tác thực sự mạnh mẽ của hai nước, đây cơ chế là giúp hình thành sự hiểu biết chung về định hướng tương lai của quan hệ được xây dựng dựa trên sự tôn trọng đối với nguyện vọng phát triển của nhau, quản lý thận trọng những khác biệt cùng với sự nhạy cảm lẫn nhau. Tại các hội nghị, các nhà lãnh đạo đã trao đổi quan điểm về các vấn đề có tầm quan trọng song phương và toàn cầu, xây dựng tầm nhìn và ưu tiên mục tiêu phát triển của mỗi quốc gia, từ đó đề xuất những biện pháp làm sâu sắc hơn sự tương tác song phương và thể hiện vai trò ngày càng tăng của cả hai nước trên trường quốc tế. Ấn Độ và Trung Quốc cũng nhận thấy hai nước là những nhân tố góp phần cho sự ổn định trong bối cảnh quốc tế và cả hai bên nên quản lý tốt những khác biệt của mình và không để chúng trở thành tranh chấp.

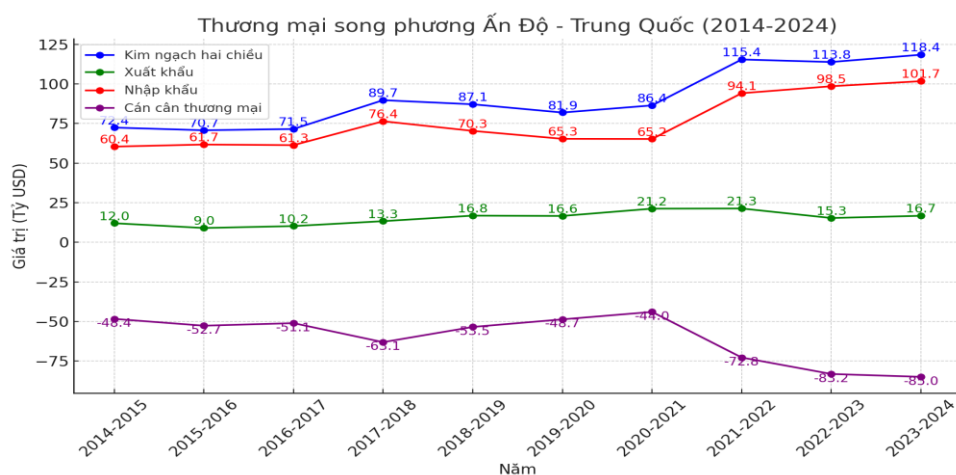
Bên cạnh các chuyến thăm và trao đổi giữa lãnh đạo cấp cao hai nước, các chuyến thăm cấp bộ trưởng và cơ chế hợp tác khác cũng được tổ chức. Hai nước đã thiết lập hơn 30 cơ chế đối thoại ở nhiều cấp độ, bao gồm các vấn đề song phương trên các lĩnh vực cũng như về các vấn đề khu vực và toàn cầu; Đối thoại chiến lược tái thiết; Đối thoại quốc phòng và an ninh thường niên; Đối thoại Cấp cao về Chống Khủng bố và An ninh; Diễn đàn Think Tank; Nhóm Kinh tế Chung; Đối thoại Kinh tế Chiến lược; JWG về Thương mại, JWG về Hợp tác Phát triển Kỹ năng và Giáo dục Nghề nghiệp; JWG về CNTT, Truyền thông và Công nghệ cao; JWG về Hiệp định thương mại khu vực...[MEA, GoI, 2024i]

Mặc dù có những thành tựu trong nỗ lực hợp tác chính trị - ngoại giao chứng minh cho lối ngoại giao “linh hoạt”, “khéo léo” của Thủ tướng N. Modi, song mối quan hệ hai nước vẫn trở nên căng thẳng do vấn đề biên giới và chính sách bang giao của mỗi bên. Chính phủ N. Modi luôn chủ trương “cứng rắn” trong quan hệ với Trung Quốc khi cần thiết, nhất là từ sự cố Doklam (2017) và Galwan (2020) và đến năm 2024, Ấn Độ vẫn triển khai hơn 100.000 quân ở biên giới Trung - Ấn. Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ S.

Jaishankar đã nhiều lần tuyên bố dùng vấn đề biên giới để ràng buộc mối quan hệ giữa hai nước, đồng thời khẳng định quan hệ hai quốc gia sẽ không thể trở lại quỹ đạo bình thường trừ khi vấn đề biên giới được giải quyết. Vấn đề này đã tạo ra nhiều cuộc gặp mặt và hội nghị nhưng vẫn chưa tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh các phát ngôn “mạnh mẽ” về vấn đề biên giới, Ấn Độ cũng chủ động bắt tay với Mỹ để kiềm chế Trung Quốc như tích cực phối hợp với “Chiến lược ÁĐĐ - TBD” của Mỹ, mở rộng tầm ảnh hưởng tại các khu vực chiến lược của Trung Quốc như Đông Nam Á. Ngoài ra, Ấn Độ còn có các ký kết hợp tác với Nhật Bản; triển khai nhiều cuộc tập trận chung giữa ba nước Ấn Độ - Nhật Bản - Mỹ (JAI); ký kết các MOA với Australia, Canada, Anh, Hàn Quốc, Israel, UAE, EU... Ấn Độ đang chủ động tham gia vào các nhóm đa phương QUAD để đối phó với sự bành trướng của Trung Quốc luôn cho thấy mối quan hệ giữa hai quốc gia này có thể diễn biến phức tạp hơn trong tương lai. Ấn Độ từ lâu tìm cách duy trì quyền tự chủ chiến lược, từ chối bị kéo vào các liên minh nhưng giờ đây bắt đầu bắt tay với các quốc gia khác để giải quyết những thách thức từ Trung Quốc. Về phía Trung Quốc, nước này cũng không ngừng gia tăng ảnh hưởng đến các nước láng giềng của Ấn Độ, nhất là hợp tác quân sự và coi Pakistan là đồng minh, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng dân sự, quân sự ở hàng loạt các nước Nam Á để nối liền Vịnh Bengal tới Vân Nam, giành quyền khai thác tài nguyên tại Nam Á, đã tạo ra nhiều thách thức về bất ổn chính trị - an ninh trong khu vực và với Ấn Độ. Mặt khác, Trung Quốc không muốn Ấn Độ trở thành thành viên thường trực của UNSC cũng là rào cản trong quan hệ hai nước.

* *Trên lĩnh vực kinh tế*

Hình 3.6: Thương mại song phương Ấn Độ - Trung Quốc (2014 - 2024)



Nguồn: Ministry of External Affairs, [MEA, GoI, 2024i]

Thương mại song phương đã phát triển nhanh chóng (2014 - 2024). Trung Quốc trở thành đối tác thương mại hàng hóa lớn nhất của Ấn Độ (2023) với kim ngạch hai chiều đạt 113,8 tỷ USD, vượt qua Mỹ. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Ấn Độ (2023) [IBEF, 2024b]. Sự tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn 2017 - 2021, được thúc đẩy bởi các Đối thoại kinh tế chiến lược như “Tuyên bố Nguyên tắc về Hợp tác Năng lực” (2016). Trong đại dịch Covid-19, kim ngạch thương mại song phương vẫn tăng trưởng, đạt 115,4 tỷ USD và lần đầu tiên vượt mốc 100 tỷ USD (2021 - 2022)¹, duy trì liên tục cho đến hiện tại [PTI, 2024]. Lý giải cho điều này là do chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn nghiêm trọng, Ấn Độ gặp khó khăn trong sản xuất và vận chuyển, phải phụ thuộc vào nhập khẩu từ Trung Quốc để duy trì. Nhìn vào biểu đồ, có thể thấy, xuất khẩu của Ấn Độ sang Trung Quốc không có nhiều biến động (2014 - 2024), song thâm hụt thương mại của Ấn Độ lại ngày càng gia tăng, gây thách thức lớn cho quốc gia này. Thâm hụt thương mại của Ấn Độ có hai vấn đề (1) quy mô thực tế của thâm hụt và (2) sự mất cân bằng liên tục gia tăng qua các năm. Sự gia tăng thâm hụt thương mại với Trung Quốc có thể là do các yếu tố như chưa đa dạng về hàng hóa; những trở ngại khi tiếp cận thị trường đối với hầu hết các sản phẩm nông nghiệp và những ngành mà Ấn Độ có khả năng cạnh tranh như dược phẩm, IT/IteS; ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trên thực tế, phần lớn sự tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc sang Ấn Độ (2021 - 2022) là do nhập khẩu vật tư y tế và nguyên liệu thô cho ngành dược phẩm của Ấn Độ trong bối cảnh Covid-19 diễn biến phức tạp.

Mặt khác, sau cuộc đụng độ căng thẳng dọc biên giới đang tranh chấp giữa hai nước, Thủ tướng N. Modi đã kêu gọi Ấn Độ tăng cường khả năng tự lực song Ấn Độ vẫn phải phụ thuộc vào Trung Quốc trong việc nhập khẩu các loại máy móc hạng nặng, thiết bị viễn thông và đồ gia dụng (gần 8.500 loại hàng hóa) [MEA, GoI, 2024i]. Một trong những lý do khiến nhập khẩu tăng là nhu cầu phục hồi của ngành công nghiệp Ấn Độ sau đại dịch. Tăng trưởng xuất khẩu của Ấn Độ ra thế giới cũng đã thúc đẩy nhu cầu đối với nhiều mặt hàng trung gian quan trọng. Trong khi Ấn Độ nhập khẩu một lượng kỷ lục các thành phẩm như

¹ Ở Ấn Độ và Nhật Bản, năm tài chính bắt đầu từ 01/4 của năm và kết thúc vào cuối ngày 31/3 năm sau đó. Tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Việt Nam, năm tài chính trùng với năm dương lịch (01/01). Tại Mỹ, năm tài chính bắt đầu từ 01/10 của năm và kết thúc vào cuối ngày 30/9 năm tiếp theo. Tại Australia, năm tài chính bắt đầu từ 01/7 của năm và kết thúc vào cuối ngày 30/6 năm sau đó. Vì vậy, số liệu thương mại song phương sẽ có sự chênh lệch tạm thời.

đồ điện tử, thì nước này cũng phụ thuộc vào Trung Quốc để cung cấp một loạt các bán thành phẩm công nghiệp, nhiều loại không thể nhập khẩu từ các nước khác hoặc sản xuất hàng loạt ở Ấn Độ. Điều này đã khiến thâm hụt thương mại với Trung Quốc càng ngày càng tăng. Mối quan hệ căng thẳng với Trung Quốc đã ảnh hưởng nhiều đến tham vọng của Ấn Độ trong việc tăng cường năng lực sản xuất nội địa nhằm giảm bớt phụ thuộc vào Trung Quốc. Nhìn chung, sự phụ thuộc của Ấn Độ vào Trung Quốc đã tăng lên đáng kể. Song cũng có thể là một dấu hiệu tốt cho thấy Ấn Độ đang nổi lên như một trung tâm sản xuất cần nhập khẩu hàng hóa trung gian để đáp ứng nhu cầu của thế giới đối với hàng hóa thành phẩm của Ấn Độ. Ấn Độ sẽ còn phải trải qua một chặng đường khá dài trong nỗ lực giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc. Cho đến khi đó, Ấn Độ sẽ vẫn tiếp tục cần đến quốc gia này.

Về đầu tư, tăng trưởng đầu tư chưa theo kịp tốc độ tăng trưởng kim ngạch thương mại giữa hai nước. Trong khi cả hai quốc gia đã nổi lên như những điểm đến đầu tư hàng đầu thế giới, dòng vốn đầu tư vẫn thực sự hạn chế. Sự hiện diện của các ngân hàng Ấn Độ hoạt động tại Trung Quốc đã giảm xuống chỉ còn 02 ngân hàng. Các ngân hàng Trung Quốc như Ngân hàng Công thương Trung Quốc (ICBC) và Ngân hàng Trung Quốc (BOC) có văn phòng chi nhánh tại Mumbai. Nhiều công ty Ấn Độ đã thành lập các chi nhánh tại Trung Quốc để phục vụ khách hàng hai nước như Dr. Reddy's Laboratories, Matrix Pharma, NIIT... Hơn 100 công ty Trung Quốc cũng đã thành lập văn phòng đại diện và hoạt động tại Ấn Độ như China Dongfang International, Huawei Technologies, TCL... Các công ty di động Trung Quốc đã đạt được sự tăng trưởng đáng kể ở thị trường Ấn Độ như Xiaomi, Huawei, Vivo và Oppo (60% thị trường điện thoại di động) của nước này.

Việc tăng cường hợp tác kinh tế cho thấy hai quốc gia này đang cố gắng duy trì ổn định địa kinh tế tại khu vực ÁĐD - TBD. Cả hai nước đều nhận thấy hợp tác kinh tế vừa mang lại lợi ích trực tiếp vừa giúp củng cố vị thế chiến lược của mình trong mắt các đối tác khác tại khu vực và trên thế giới. Ấn Độ và Trung Quốc có thể giảm thiểu căng thẳng và tạo ra mối liên kết tích cực trong bối cảnh các xung đột biên giới và bất đồng về chính trị. Đồng thời, cả hai nước cũng đang tận dụng các nguồn tài nguyên và thị trường lẫn nhau để tạo ra lợi ích kinh tế, giảm sự phụ thuộc vào các thị trường phương Tây, đặc biệt là trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Trung, Nga - Ukraine và phương Tây. Tuy vậy, về mặt chiến lược, Ấn Độ vẫn luôn cảnh giác trong tương tác với Trung Quốc, cho rằng Trung Quốc là thách thức cận kề và nghiêm trọng đối với quốc gia. Ấn Độ đã đặt ra những hạn chế với đầu tư của Trung Quốc, quyền tiếp cận các hợp đồng mua sắm công của Ấn Độ

và hoạt động của các công ty, tổ chức Trung Quốc trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, viễn thông, xã hội dân sự và giáo dục, đồng thời đình chỉ hoặc rút khỏi một số thỏa thuận với đối tác Trung Quốc....Trong các cơ chế đa phương, Ấn Độ đang và sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi việc tạo ra ít nhất 04 hành lang trong BRI là BCIM, ICP, CPEC và MSR.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Hai nước cũng đang thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, bắt chấp ảnh hưởng của bên thứ ba. Từ 2014 - 2024, hai nước đã tổ chức các vòng Đối thoại hợp tác hàng hải và Đối thoại an ninh về chống khủng bố (2016); Đối thoại Quốc phòng và An ninh thường niên Ấn Độ - Trung Quốc (ADSD), ký kết MOU hợp tác trong lĩnh vực an ninh và thực thi pháp luật (2018); tham gia Duyệt binh Hạm đội Quốc tế tại Visakhapatnam (2016), Thanh Đảo (2019) và Cuộc tập trận chung “Tay trong tay” lần thứ 8 (2019) nhằm diễn tập chống khủng bố, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai...

Bên cạnh việc hợp tác, vấn đề an ninh giữa hai nước vẫn đang được đặt trên bàn cân so bì và phản ứng chiến lược. Kể từ năm 2017 về vấn đề Doklam và căng thẳng hơn xảy ra khi tranh chấp biên giới trên dãy Himalaya bùng phát thành cuộc đụng độ lớn (2020) ở khu vực Kashmir đã khiến quan hệ hai nước trở nên lạnh nhạt. Dù hai bên đã tiến hành các vòng đàm phán ngoại giao và quân sự, đụng độ giữa binh sĩ hai nước vẫn tiếp tục xảy ra vào năm 2022 tại Đường kiểm soát ở Arunachal Pradesh hay Bắc Kinh gọi là Tạng Nam. Trung Quốc đã công khai phản đối Ấn Độ tổ chức một cuộc họp ngành của G20 tại Kashmir (2023), nơi đang xảy ra tranh chấp và ngay lập tức Ấn Độ cũng bác bỏ phản đối đó của Trung Quốc.

Ấn Độ luôn cảnh giác về tiềm năng an ninh ngày càng tăng của Bắc Kinh trong khu vực, đặc biệt khi các căn cứ hải quân nước ngoài đầu tiên của Trung Quốc đặt tại Djibouti (2017). Thêm vào đó, Trung Quốc đã điều hành/hợp tác tại cảng Gwadar (Pakistan), cảng Hambantota (Sri Lanka); cảng Chittagong (Bangladesh); cảng Kyunkpyu (Myanmar); quân cảng Ream (Campuchia); cảng Dar es Salaam (Tanzania); đồng thời thiết lập căn cứ quân sự ở Seychelles và Maldives. Tất cả các dự án chiến lược này tạo thành “Mạng lưới Chuỗi ngọc trai” (một phần trong sáng kiến BRI của Trung Quốc) bao quanh Ấn Độ từ phía Đông, Tây và Nam, điều này càng làm tăng thêm sự nghi ngờ của Ấn Độ về ý định của Trung Quốc ở Á-ĐD. Để đối phó với sự bao vây đó, New Delhi đã công bố Sáng kiến SAGAR, kết hợp với Chính sách “Hành động hướng Đông” và “Nghĩ về phía Tây”, tăng cường cơ sở hạ tầng quân sự ở đảo Andaman và Nicobar trong Vịnh Bengal, bao gồm

một căn cứ hải quân hoàn chỉnh, trạm hải quân Ấn Độ (INS) Kohassa. Năm 2015, New Delhi cũng đã ủy quyền cho INS Kadamba, căn cứ hải quân lớn nhất thế giới về phía đông của kênh đào Suez. Ấn Độ đã liên hệ với các quốc đảo khác nhau ở ÁĐĐ để mở rộng ảnh hưởng an ninh của mình, từ đó hình thành chiến lược “Vòng cổ kim cương” để đối phó. Ấn Độ đã đồng ý xây dựng cơ sở hạ tầng quân sự trên Quần đảo Assumption (Seychelles) cùng đảo Agalega (Mauritius) và đang hoàn thiện các cơ sở tại Oman (cảng Duqm), Iran (cảng Chabahar), Indonesia (cảng Sabang), Myanmar (cảng Sittwe), Bangladesh (cảng Mongla), Singapore (cảng Changi). Ngoài ra, Ấn Độ đã hỗ trợ và các khoản tín dụng các quốc gia khác trong khu vực để xây dựng năng lực hàng hải, tập trận chung, xây dựng các trạm radar ven biển, hồi sinh IORA...

** Trên các lĩnh vực khác*

Về hợp tác văn hóa và giáo dục, hai nước đã ký MOA đồng sản xuất phim. Nhiều phim Bollywood như Three Idiots, Dangal, Bajrangi Bhaijaan... đã trở thành siêu phẩm phòng vé Trung Quốc. Yoga ngày càng trở nên phổ biến ở Trung Quốc. Trung Quốc là một trong những nước ủng hộ cho nghị quyết của UN chỉ định ngày 21/6 là Ngày Quốc tế Yoga và hai nước đã ký kết MOA thành lập Trường Cao đẳng Yoga (Côn Minh). Trung tâm Văn hóa Swami Vivekananda (SVCC) (2018) được thành lập đã tổ chức các lớp âm nhạc, khiêu vũ, Yoga, tiếng Hindi cùng với nhiều hoạt động văn hóa khác. Hàng năm sinh viên Trung Quốc được trao học bổng để học tiếng Hindi tại Kendriya Hindi Sansthan (KHS). *Về hợp tác năng lượng*, hai nước đã duy trì trao đổi thường xuyên về hợp tác tài nguyên nước. Cơ chế cấp chuyên gia để thảo luận về cung cấp dữ liệu thủy văn mùa lũ, quản lý tình huống khẩn cấp và các vấn đề khác liên quan đến sông xuyên biên giới được tổ chức thường niên. Tóm lại, hợp tác trên các lĩnh vực khác giữa hai nước đang phản ánh một nỗ lực tăng cường giao lưu văn hóa và hợp tác nghiên cứu, tạo ra môi trường thuận lợi cho sinh viên và các học giả, nhằm phát triển các "công dân toàn cầu" và phát triển bền vững. Tuy nhiên, chính quyền Ấn Độ từ năm 2019 đã có động thái hạn chế các chương trình hợp tác với Trung Quốc, cho thấy những lo ngại về an ninh và chính trị vẫn tồn tại trong mối quan hệ này.

Có thể thấy, chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc từ 2014-2024 đã thể hiện quan điểm vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Một mặt, Ấn Độ vẫn tăng cường hợp tác với Trung Quốc trên các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế. Mặt khác, lại luôn cảnh giác và thận trọng với Trung Quốc khi nước này tập trung vào việc mở rộng “vòng tròn bạn bè”, với ưu tiên là các nước láng giềng của Ấn Độ và các nước lớn; phát triển mạng lưới quan hệ

đổi tác bằng cách công bố BRI, CPEC và MOU với các quốc gia dọc theo các tuyến đường thương mại đi từ Trung Quốc đến Châu Phi, Châu Âu và châu Đại Dương, hình thành “Chuỗi ngọc trai” bao vây Ấn Độ. Trước thực tế này, Ấn Độ chọn hợp tác với Mỹ và các đồng minh của Mỹ trong khu vực Á-ĐD-TBD để đối trọng với Trung Quốc.

3.5.2.3. Đối với Nhật Bản

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản ngày càng được tăng cường dưới thời Thủ tướng N. Modi do sự hội tụ chiến lược giữa hai nước. Bắt đầu từ việc hai bên nâng quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược và toàn cầu đặc biệt” (2014). Kể từ đó, các hội nghị thượng đỉnh thường niên song phương được tổ chức thường xuyên. Hai nước cũng tổ chức các chuyến thăm cấp cao lẫn nhau và các cuộc gặp bên lề tại các diễn đàn đa phương như G7, G20, QUAD... Về phía Ấn Độ, đã có các chuyến thăm tới Nhật Bản của Tổng thống Ấn Độ (2019), Thủ tướng N. Modi (2014, 2016, 2018, 2019, 2022 (02 lần), 2023). Về phía Nhật Bản, Thủ tướng Nhật Bản đã có các chuyến thăm Ấn Độ (2014, 2022, 2023). Tại các cuộc hội đàm, lãnh đạo hai nước đã thể hiện mong muốn tăng cường mối quan hệ trên tất cả các lĩnh vực, nhất là kinh tế và an ninh. Ngoài các hội nghị thượng đỉnh thường niên, các chuyến thăm cấp bộ trưởng lẫn nhau cùng cơ chế hợp tác song phương cũng được tổ chức (2014 - 2024) bao gồm các JWG, Hội nghị Bộ trưởng “2+2”, Đối thoại Chiến lược cấp Bộ trưởng Ngoại giao, FOC, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng, Đối thoại Cổ vấn An ninh Quốc gia, Đối thoại không gian Mạng... Kể từ năm 2016, các cuộc trao đổi giữa các đoàn nghị sĩ của nghị viện hai nước cũng được tổ chức.

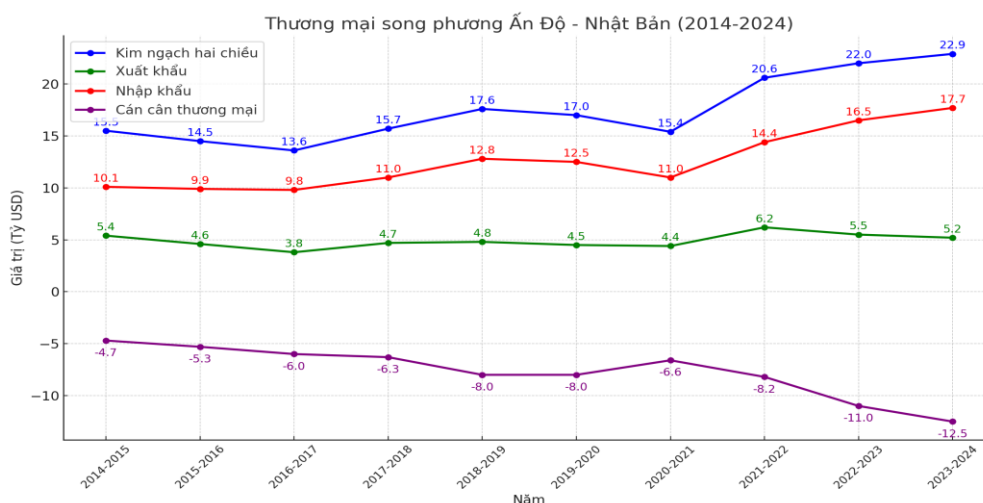
Thủ tướng N. Modi đã kế thừa và cố gắng xây dựng mối quan hệ này thông qua việc lồng ghép mối quan hệ song phương với các quan hệ đối tác chiến lược khác như ba bên (Ấn Độ - Nhật Bản - Mỹ), bốn bên - QUAD, ba bên (Ấn Độ - Nhật Bản - Australia (SCRI)). Bên cạnh đó, có sự phối hợp giữa Sáng kiến Á-ĐD - TBD của Ấn Độ (IPOI) (2021) và Tầm nhìn Á-ĐD - TBD tự do và rộng mở của Nhật Bản (FOIP) (2016). Nhật Bản đã đồng ý dẫn đầu hợp tác về trụ cột thương mại, kết nối và vận tải hàng hải của IPOI đồng thời tham gia các sáng kiến do Ấn Độ dẫn đầu như ISA, CDRI và LeadIT. Điều này cho thấy sự vai trò lãnh đạo của Ấn Độ đang được dân phát huy với sự ủng hộ của Nhật Bản.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

CEPA (2011) là hiệp định toàn diện nhất trong tất cả các hiệp định mà Ấn Độ đã ký kết với Nhật Bản. CEPA bãi bỏ thuế quan với 94% các mặt hàng được giao dịch giữa hai

nước trong 10 năm. Để tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ kinh tế cũng như giải quyết các vấn đề thực hiện CEPA, nhiều tiểu ban được thành lập. Diễn đàn “Hành động hướng Đông” được thành lập (2017) nhằm cung cấp nền tảng cho sự hợp tác theo tiêu chí Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ và “Tầm nhìn về một ÁDD - TBD tự do và rộng mở” của Nhật Bản. Diễn đàn xác định các dự án cụ thể để hiện đại hóa kinh tế của khu vực Đông Bắc Ấn Độ như những dự án liên quan đến kết nối, cơ sở hạ tầng phát triển, liên kết công nghiệp... Các cơ chế song phương khác trong hợp tác kinh tế có Nghị định thư sửa đổi DTAA, MOA định giá trước (APA), Đối thoại song phương về thị trường tài chính, Quan hệ đối tác cạnh tranh công nghiệp (IJICP), Lộ trình truy tố bằng sáng chế (PPH) và Đối thoại Kinh tế chiến lược cấp cao. Ngoài ra, Sáng kiến về phục hồi chuỗi cung ứng (SCRI) cùng Hội nghị Quan chức kinh tế cấp cao (SEOM) (2021) ba nước Ấn Độ, Nhật Bản và Australia đã giúp bảo vệ và đa dạng hóa các chuỗi cung ứng toàn cầu, xúc tiến kết nối đầu tư và giảm phụ thuộc vào Trung Quốc.

Hình 3.7: Thương mại song phương Ấn Độ - Nhật Bản (2014 - 2024)



Nguồn: Ministry of External Affairs [MEA, GoI, 2024j]

Giai đoạn 2014 - 2017, chứng kiến sự giảm dần trong cả xuất khẩu và nhập khẩu, chủ yếu do những biến động kinh tế toàn cầu, tác động từ suy thoái kinh tế và chính sách bảo hộ thương mại của một số nước song từ năm 2017, kim ngạch thương mại bắt đầu tăng trưởng trở lại (ngoại trừ thời điểm Covid-19) và đạt đỉnh 22,9 tỷ USD (2023 - 2024). Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 18 của Nhật Bản và Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 12 của Ấn Độ (2020) [IBEF, 2024c]. Lý giải cho xu hướng tăng trưởng này là do sự ra đời của các sáng kiến chiến lược như Đối tác Công nghiệp (2021); Sáng kiến Chuỗi

cung ứng bền vững (SCRI) (2020),...Ngoài ra, các dự án cơ sở hạ tầng lớn như Hành lang Công nghiệp Delhi - Mumbai và Tuyến Đường sắt Cao tốc Mumbai - Ahmedabad được Nhật Bản hỗ trợ tài chính đáng kể đã thúc đẩy kinh tế giữa hai nước [Bhardwaj, N., 2023].

Về đầu tư, Ấn Độ đứng thứ hai về FDI của Nhật Bản (sau Trung Quốc) trong trung hạn (3 năm) (2020). FDI của Nhật Bản vào Ấn Độ đã tăng lên nhưng vẫn còn khiêm tốn so với tổng vốn FDI của Nhật Bản, đạt 1,95 tỷ USD (2020 - 2021) và 1,49 tỷ USD (2021 - 2022) [MEA, GoI, 2024j]. Giai đoạn 2000 - 2024, FDI của Nhật Bản vào Ấn Độ lên tới 42,57 tỷ USD, xếp thứ năm trong số các quốc gia đầu tư [Invest India, 2024a]. Năm 2022, có 1.455 công ty Nhật Bản với 4.948 cơ sở kinh doanh tại Ấn Độ (50% là các công ty sản xuất) [MEA, GoI, 2024j]. Tương tự, có hơn 100 công ty Ấn Độ tại Nhật Bản [MEA, GoI, 2024j]. Trong giai đoạn 2022 - 2027, Nhật Bản cam kết đầu khoảng 42 tỷ USD vào Ấn Độ; đề nghị đẩy mạnh hợp tác công nghiệp; công bố Hiệp định Đối tác Năng lượng sạch (CEP); ký kết các công hàm trao đổi liên quan đến 07 dự án cho vay bằng đồng Yên, trong đó Nhật Bản sẽ cung cấp tổng cộng hơn 2,7 tỷ USD [Bhardwaj, N., 2023].

Về hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Nhật Bản là nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Ấn Độ. Khoản giải ngân ODA của Nhật Bản cho Ấn Độ đạt 3,28 tỷ USD (2021 - 2022) [MEA, GoI, 2024j]. Năm 2023, Nhật Bản đã công bố kế hoạch tài trợ 75 tỷ USD nhằm cải thiện hàng loạt lĩnh vực và tăng cường hợp tác chặt chẽ với New Delhi trong việc duy trì sự ổn định ở khu vực Nam Á [Nhân Dân, 2023]. Cam kết tích lũy ODA của Nhật Bản cho Ấn Độ đạt hơn 48,98 tỷ USD và có 77 dự án đang được Nhật Bản tài trợ ở Ấn Độ (2023) [Bhardwaj, N., 2023]. Các dự án hạ tầng và hỗ trợ kỹ thuật từ Nhật Bản đã giúp nâng cao năng lực phát triển kinh tế của Ấn Độ...

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Hợp tác quốc phòng song phương là trụ cột không thể thiếu và được tăng cường do sự hội tụ ngày càng tăng về các vấn đề chiến lược và tầm quan trọng của nó đang tăng dần lên từ quan điểm chung về các vấn đề hòa bình, an ninh và ổn định của khu vực Á-ĐD - TBD. Kể từ năm 2014, các tuyên bố và các MOA/MOU được hai nước ký kết gồm Hợp tác và trao đổi quốc phòng (2014); Hợp tác chuyển giao công nghệ và thiết bị quốc phòng; Về các Biện pháp an ninh để bảo vệ thông tin quân sự mật (2015); Triển khai hợp tác sâu hơn giữa IN và Lực lượng Phòng vệ Hàng hải Nhật Bản (JMSDF) (2018); Cung cấp đối ứng vật tư và dịch vụ giữa Lực lượng phòng vệ Nhật Bản và Lực lượng vũ trang Ấn Độ (ACSA) (2020). Ngoài ra, hợp tác ngày càng tăng còn biểu hiện qua việc hai nước tổ chức

hàng loạt các hội nghị (2014 - 2024) như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng, Đối thoại Raisina, Hội nghị cấp cao ICG, các chuyến thăm của quan chức quốc phòng và các cuộc tập trận quân sự chung được mở rộng đáng kể như Chennai, Veer Guardian, Shinyuu Maitri, Sahyog-Kaijin, Malabar định kỳ hàng năm [Bhaumik, A., 2019], [Ministry of Foreign Affairs of Japan, 2020], chuyển giao vũ khí và công nghệ, mặc dù vẫn còn khó khăn (chủ yếu do giá cả). Hai bên đã xây dựng mối quan hệ hợp tác kỹ thuật quân sự (MTC) nhằm “tăng cường sự phụ thuộc lẫn nhau và khả năng tương thích của khí tài quân sự”. Ấn Độ đã mua của Nhật Bản thủy phi cơ US-2 và tàu ngầm Soryu [Economic Times, 2018]. Dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi, hợp tác quân sự đã đạt được nhiều thành quả, vượt ra ngoài khuôn khổ các sáng kiến được đề xuất trong MOA an ninh ban đầu. Việc tăng cường quan hệ an ninh - quốc phòng cho thấy sự tham gia sâu rộng của hai nước vào việc xây dựng một môi trường an ninh ổn định và cởi mở trong khu vực Á-ĐD - TBD, củng cố quan hệ đối tác chiến lược và cam kết hợp tác trong các lĩnh vực như công nghệ quốc phòng, an ninh hàng hải và phòng chống khủng bố, thể hiện tầm quan trọng của mối quan hệ này trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị gia tăng. Ngoài ra, sự hợp tác này không chỉ dừng lại ở cấp độ song phương mà còn mở rộng sang cấp độ đa phương với các đối tác như Mỹ và Australia nhằm tạo ra một tấm khiên vững chắc giúp bảo vệ Ấn Độ trước những thách thức an ninh bên ngoài, nhất là đến từ Trung Quốc.

** Trên các lĩnh vực khác*

Về lĩnh vực năng lượng, MOA hợp tác sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình được ký kết (2016). Đối thoại Năng lượng Ấn Độ - Nhật Bản được tổ chức 10 lần (2006 - 2024). Quan hệ đối tác năng lượng sạch (CEP) được khởi động (2022). Về hợp tác sản xuất, MOU về Quan hệ Đối tác cạnh tranh công nghiệp được ký kết (2021). Hàng loạt cuộc họp của JWG trong các lĩnh vực khác nhau được tổ chức (2020 - 2023). Về hợp tác KH&CN, các sáng kiến hợp tác KH&CN giữa hai nước (2014 - 2024) bao gồm MOU hợp tác phát các “thành phố thông minh” (2014), thành lập 03 Phòng thí nghiệm chung trong lĩnh vực CNTT và truyền thông (AI, IoT và Big Data); Chương trình học bổng DST - JSPS dành cho nhà nghiên cứu trẻ; Dự án Beam Line 3 nghiên cứu vật liệu tiên tiến; thành lập Trung tâm nghiên cứu môi trường và dịch thuật quốc tế DBT-AIST (DAICENTER) và phòng thí nghiệm thuốc Nine SISTER. Quan hệ Đối tác kỹ thuật số (IJDP) và Trung tâm Khởi nghiệp được thành lập (2018). Từ năm 2018 - 2022, nhiều hoạt động khác nhau được tiến hành trong Khuôn khổ Hợp tác toàn diện về CNTT và truyền

thông (2022), MOU về CNTT và truyền thông (2021), Hội thảo trực tuyến về Quan hệ Đối tác kỹ thuật số (2022). *Về hợp tác đường sắt*, Hành lang Đường sắt cao tốc (HSR) đầu tiên được triển khai từ Mumbai đến Ahmedabad với sự hỗ trợ của Nhật Bản. Viện Đào tạo Đường sắt Cao tốc được thành lập tại Vadodara, đào tạo khoảng 3.500 nhân viên vận hành và kỹ thuật [MEA, GoI, 2024j]. Đến năm 2024, đã có 06 dự án đường sắt đô thị tại Ấn Độ đang được thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Nhật Bản. *Về hợp tác không gian*, ISRO và JAXA đã hợp tác tích cực trong các khía cạnh như thiên văn học tia X, định vị vệ tinh, thám hiểm mặt trăng và Diễn đàn Các cơ quan Vũ trụ khu vực CA-TBD (APRSAF). Hai bên đã ký các MOA về việc sử dụng và khám phá không gian vũ trụ dành riêng cho các mục đích hòa bình (2016), MOA về hợp tác trong Dự án APRSAF/SAFE Agromet (2019) và tính toàn vẹn của IRNSS (IRIMS) (2021). *Về hợp tác môi trường*, Hội thảo Chính phủ - Tư nhân về Năng lượng sạch và Hiệu quả năng lượng được tổ chức thường xuyên từ năm 2014. Hai bên cũng đã ký MOU về Hợp tác môi trường (2018) tập trung vào các lĩnh vực như kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, công nghệ môi trường và biến đổi khí hậu. *Về hợp tác văn hóa, giáo dục và giao lưu nhân dân*, Phật giáo tạo nên bản sắc chung mạnh mẽ giữa hai nước. Hiệp định Văn hóa được ký kết đã thành lập JCM để quản lý chính sách và trao đổi văn hóa. Hiện có 665 quan hệ đối tác học thuật/nghiên cứu giữa 138 trường đại học/học viện của Nhật Bản và 227 trường đại học/học viện của Ấn Độ trên các lĩnh vực. Nhiều tổ chức Nhật Bản đã thành lập các trung tâm/phòng thí nghiệm nghiên cứu và hợp tác với Ấn Độ hoặc tập trung vào Ấn Độ... Các chương trình trao đổi sinh viên cho phép sinh viên hai nước đến thăm và trải nghiệm tại mỗi quốc gia. Trung tâm Hội nghị và Hợp tác Quốc tế Rudraksh \được xây dựng (2021) với sự hỗ trợ của Nhật Bản. Cuộc họp Diễn đàn các trường đại học được tổ chức (2023), quy tụ 22 trường đại học hàng đầu của cả hai nước để thảo luận về các lĩnh vực hợp tác chung. Các công ty Nhật Bản đã thành lập 22 Học viện Sản xuất (JIM) và 08 Khóa học hỗ trợ Nhật Bản (JEC) tại Ấn Độ [MEA, GoI, 2024j]. Hai nước cũng hợp tác theo Chương trình đào tạo thực tập sinh kỹ năng (TITP) và Sáng kiến “Người Lao động có tay nghề cụ thể” (SSW) của Nhật Bản. *Về hợp tác địa phương*, ngày càng có nhiều mối liên kết hợp tác giữa các tỉnh/thành phố của hai nước. Tính đến 9/2024, đã 07 bang và 04 thành phố/khu vực của Ấn Độ đã hợp tác với các tỉnh/thành phố của Nhật Bản thông qua các MOU trong nhiều lĩnh vực [MEA, GoI, 2024j]. *Về cộng đồng hải ngoại*, thành phần của cộng đồng Ấn Độ đã có sự thay đổi với sự xuất hiện của nhiều chuyên gia, bao gồm

các chuyên gia CNTT và kỹ sư. Khu vực Nishikasai ở Tokyo đang nổi lên như một “Ấn Độ thu nhỏ”. Số lượng công dân Ấn Độ ngày càng tăng đã thúc đẩy việc mở 03 trường học Ấn Độ tại đây. Đến hết năm 2023, có hơn 40.000 công dân Ấn Độ tại Nhật Bản, trong đó có 282 du học sinh (30 - 40% theo học chương trình tiến sĩ). Ngoài ra, có khoảng 150 giáo sư và 50 người có thị thực nghiên cứu [MEA, GoI, 2024j]. Việc tăng cường hợp tác trong nhiều lĩnh vực cho thấy một tư duy toàn diện trong chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế của Ấn Độ. Ấn Độ sẽ có cơ hội tích lũy kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ tiên tiến từ Nhật Bản; cải thiện kết nối nội địa, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và đầu tư phát triển; đào tạo nhân lực chất lượng cao và tạo ra nhiều việc làm;... Xây dựng mối quan hệ bền vững trên cơ sở hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, tạo ra những cơ hội hợp tác lâu dài trong tương lai.

Với những biểu trên, có thể thấy Ấn Độ đang nỗ lực xây dựng một đối tác chiến lược toàn diện với Nhật Bản để cộng hưởng sức mạnh đối trọng với Trung Quốc và nâng cao vị thế của mình trong khu vực và trên trường quốc tế.

3.5.2.4. Đối với Australia

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Từ 2014 - 2024, một loạt các cơ chế thể chế được thiết lập để thúc đẩy hợp tác giữa hai nước. Các cơ chế hợp tác song phương bao gồm các chuyến thăm cấp cao, Hội nghị Thượng đỉnh song phương, Đối thoại của Bộ trưởng Ngoại giao (FMFD), Đối thoại Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng “2+2”, Ủy ban Bộ trưởng Thương mại, Đàm phán Chính sách Quốc phòng, Hội đồng Giáo dục Ấn Độ - Australia, Đối thoại năng lượng, JWG về các vấn đề khác nhau... Về phía Ấn Độ, có các chuyến thăm Australia của Tổng thống S. Kovind (2018), Thủ tướng N. Modi (2014, 2023). Về phía Australia, có các chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Australia (2014, 2017, 2023). Các Thủ tướng cũng gặp nhau bên lề các hội nghị quốc tế như G20, COP26, QUAD... và có 03 cuộc điện đàm (2021). Tại các chuyến thăm, hai nước ký kết Khuôn khổ Hợp tác an ninh (2014); nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện (CSP) (2020); ký kết gần 50 MOA/MOU hợp tác trên các lĩnh vực, nổi bật là việc thiết lập cơ chế Đối thoại “2 + 2” cấp bộ trưởng (2020); thành lập Chương trình trao đổi Sĩ quan quốc phòng Trẻ (2022); mở Tổng lãnh sự quán Ấn Độ tại Brisbane và Tổng lãnh sự quán Australia tại Bengaluru; thành lập Trung tâm Quan hệ Ấn Độ - Australia (2023)... Các chuyến thăm cùng các cơ chế hợp tác đã phản ánh chiều sâu và sự trưởng thành trong quan hệ song phương. Ngoài ra, hai nước

cũng hợp tác mạnh mẽ tại các diễn đàn đa phương và đều là thành viên của Khối thịnh vượng chung, Năm bên quan tâm (FIP), IORA, ARF, ISA, CDRI, IPEF, EAS...Australia ủng hộ Ấn Độ là thành viên thường trực UNSC và APEC.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Mối quan hệ kinh tế - thương mại song phương đã phát triển đáng kể từ khi Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền. Năm 2023, Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 9 của Australia và Australia là đối tác thương mại lớn thứ 13 của Ấn Độ [IBEF, 2024a] với thương mại song phương gấp hai lần từ 13 tỷ USD (2015) lên mức đạt đỉnh 26 tỷ USD và giảm nhẹ còn 24,1 tỷ USD (2023 - 2024) [MEA, GoI, 2024l]. Cán cân thương mại nghiêng về phía Australia. Hai nước cũng đã xây dựng được các cơ chế nhằm tăng cường hợp tác bằng việc ký kết Hiệp định Thương mại và Hợp tác Kinh tế Ấn Độ - Australia (IndAus ECTA) (2022). FTA này là kết quả của sự tin cậy chính trị ngày càng tăng giữa hai nước; tổ chức JCM về thương mại và đầu tư định kỳ 02 năm/lần; tổ chức Diễn đàn CEO cho doanh nghiệp; thiết lập cơ chế Đối thoại Chính sách Kinh tế (2019) và đang thúc đẩy việc ký kết CECA. Điều này sẽ tiếp thêm sức mạnh và định hướng mới cho hợp tác kinh tế và thương mại song phương. Về đầu tư, Australia chiếm vị trí thứ 26 về dòng vốn FDI vào Ấn Độ với tổng số vốn FDI tích lũy là 1,38 tỷ USD (2000 - 2023). Đầu tư của Australia vào Ấn Độ được định giá ở mức 15 tỷ USD và của Ấn Độ tại Australia là 12 tỷ USD [IBEF, 2024a].

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Hợp tác song phương ngày càng hướng tới mục tiêu duy trì tự do hàng hải và tạo ra “thế cân bằng chiến lược” trong không gian hàng hải ở Ấn Độ-Thái Bình Dương, giải quyết hòa bình các tranh chấp, nêu cao các giá trị dân chủ và sự toàn vẹn lãnh thổ. Xét cho cùng, cả hai đều được hưởng lợi từ khu vực. Cả hai đã trở nên quan tâm hơn đến sự ổn định của trật tự hàng hải trong khu vực do thái độ thù địch của một số quốc gia có lợi ích ở Ấn Độ-Thái Bình Dương. Giống như nếu không có sự hiêu chiến của Trung Quốc, một QUAD thực chất sẽ vẫn là một giấc mơ xa vời, nếu không có lập trường chủ động của Ấn Độ và Australia, QUAD sẽ không thể tiến xa và nhanh như vậy.

Hai bên đã quyết định mở rộng hợp tác quốc phòng sang lĩnh vực nghiên cứu và hợp tác công nghiệp, nhất trí tổ chức các cuộc họp thường xuyên ở cấp bộ trưởng quốc phòng, tiến hành các cuộc tập trận hàng hải và diễn tập quân sự thường xuyên (2014). MOA về Hỗ trợ hậu cần lẫn nhau (MLSA) và MOA triển khai liên quan đến hợp tác KH&CN quốc phòng được ký kết (2020). Các chuyến thăm chính thức, trao đổi bên lề hội nghị quốc tế

của giới chức quân sự, giữa các tàu hải quân và các cuộc tập trận chung (2014 - 2024) đã thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác quốc phòng. Các cuộc tập trận/điển tập song phương/đa phương như Ausindex (2015, 2017, 2019, 2021), IPE (2022); Milan (2018, 2022), Kakadu (2018, 2022), Malabar (2020, 2021), La Perouse và Talisman Sabre (2021); Austra Hind (2018, 2022); Pitch Black (2018, 2022). Đối thoại “2+2” được tổ chức lần đầu tiên (2021) phản ánh sự hội tụ ngày càng tăng giữa hai nước về các vấn đề an ninh cùng cam kết chung về một khu vực ÁĐD-TBD tự do, cởi mở, thịnh vượng và dựa trên luật lệ. Ngoài ra, các cơ chế hợp tác quốc phòng khác cũng được tổ chức (2022 - 2023) như JWG về Hợp tác Nghiên cứu, Công nghiệp và Vật liệu; Hội đàm Tham mưu trưởng của ba lực lượng Lục quân, Hải quân, Không quân; Chương trình Trao đổi Sĩ quan Quốc phòng Trẻ.

** Trên các lĩnh vực khác*

Hợp tác giữa Ấn Độ và Australia tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực. Hai bên đã ký kết các MOA trong nông nghiệp, KH&CN, năng lượng, và giáo dục, bao gồm việc thành lập Quỹ Nghiên cứu Chiến lược AISRF, hợp tác hạt nhân dân sự, và MOU về khai thác khoáng sản chiến lược. Trong giáo dục, có khoảng 90.000 sinh viên Ấn Độ tại Australia [HCI, Canberra, Australia, 2024], với các sáng kiến như chương trình Học bổng Maitri và hợp tác đào tạo nghề. Du lịch và cộng đồng hải ngoại cũng được thúc đẩy qua các MOU và lễ hội văn hóa. Hợp tác di cư và di chuyển cũng được mở rộng, với số lượng người gốc Ấn tại Australia đạt khoảng 673.000 người [HCI, Canberra, Australia, 2024].

3.5.2.5. Đối với ASEAN

ASEAN có vai trò quan trọng đối với Ấn Độ trên nhiều cấp độ, đặc biệt là vị trí trung tâm trong Chính sách "Hành động hướng Đông" nhằm mục đích kết nối Ấn Độ với các quốc gia gần biên giới phía Đông. Ý tưởng là xây dựng sự gắn kết lẫn nhau để các tỉnh phía Đông và Đông Bắc của Ấn Độ chia sẻ sự thịnh vượng của Đông Nam Á, từ đó giải quyết tình trạng kém phát triển lâu năm. Điều này đang được thực hiện thông qua nhiều hiệp định và dự án kết nối liên quan đến thương mại và ở cấp độ chính trị, thông qua tăng cường quan hệ song phương và đa phương với khu vực. Hơn nữa, trở thành đối tác của ASEAN với tư cách thành viên của ARF và EAS đã mang lại cho Ấn Độ một vị thế toàn cầu nhất định, có vai trò địa chính trị lớn hơn ở ÁĐD - TBD, cũng giúp không chế việc Trung Quốc thống trị hoàn toàn khu vực. Chính sách của Ấn Độ với ASEAN được thúc đẩy bởi ba mục tiêu: (1) Tăng cường kết nối giữa Ấn Độ và ASEAN theo nghĩa

rộng nhất của thuật ngữ (trên tất cả các lĩnh vực có khả năng hợp tác); (2) củng cố tổ chức ASEAN; (3) Mở rộng hợp tác thiết thực trong lĩnh vực hàng hải.

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Thủ tướng N. Modi chưa bao giờ bỏ qua cuộc họp cấp cao nào với ASEAN và ông đã có 16 chuyến thăm tới các quốc gia ASEAN (2014 - 9/2024) [Narendra N. Modi, 2024], đó là minh chứng cho thấy vai trò trung tâm của ASEAN trong Chính sách "Hành động hướng Đông". Những điều này xuất phát từ một số điểm hội tụ giữa “Triển vọng ÁĐD - TBD” (AOIP) của ASEAN và Sáng kiến “ÁĐD - TBD” (IPOI) của Ấn Độ. Tại Hội nghị Cấp cao Đông Á lần thứ 9 tại Myanmar (2014), Ấn Độ đã tuyên bố rằng Chính sách “Hướng Đông” của Ấn Độ đã trở thành Chính sách "Hành động hướng Đông". ASEAN là trung tâm của Chính sách "Hành động hướng Đông", trong đó trọng tâm không chỉ là các tương tác kinh tế mà cả chiến lược và an ninh gồm Quan hệ đối tác cấp cao (2002) và Quan hệ Đối tác chiến lược (2012). Đến năm 2024, có 30 cơ chế thể chế và 07 cơ chế tương tác cấp bộ trưởng với các quốc gia ASEAN trong các lĩnh vực. Trong khi các bang phía Đông Bắc của Ấn Độ được xem xét như một cây cầu trên đất liền nối Ấn Độ với ASEAN, các tuyến đường thủy nội địa của Ấn Độ cùng với các cảng của Bangladesh đang được coi là một liên kết kết nối quan trọng với ASEAN.

Hai bên đã thông qua 03 Kế hoạch Hành động ASEAN - Ấn Độ (POA) (2010 - 2025). Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ (2015), các nhà lãnh đạo ASEAN hoan nghênh sáng kiến của Ấn Độ, đó là Chính sách "Hành động hướng Đông" và ghi nhận rằng sáng kiến này có thể bổ sung cho các nỗ lực xây dựng Cộng đồng ASEAN, khuyến khích Ấn Độ hợp tác với ASEAN để hiện thực hóa tầm nhìn và các mục tiêu nêu trong “ASEAN 2025: Cùng nhau Tiến lên”. Cùng năm, Ấn Độ đã thành lập phái đoàn ngoại giao riêng tại ASEAN. Trong Hội nghị Cấp cao kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ Ấn Độ - ASEAN (2018), Ấn Độ và ASEAN đã nhất trí hơn nữa rằng Quan hệ Đối tác Chiến lược của hai bên sẽ tập trung vào xây dựng hợp tác trong lĩnh vực hàng hải. Tại Đối thoại Shangri La (2018), Thủ tướng N. Modi nêu rõ “Ấn Độ không coi ÁĐD - TBD tự do và rộng mở là một chiến lược loại trừ nhằm kiềm chế một số quốc gia, mà là một khái niệm địa lý bao trùm, nơi có thể hợp tác thay vì xung đột”. Năm 2021, Các nhà lãnh đạo tại Hội nghị Cấp cao Ấn Độ - ASEAN lần thứ 18 đã thông qua Tuyên bố chung về Hợp tác về Tầm nhìn của ASEAN về ÁĐD - TBD vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực nhằm thúc đẩy hợp tác thiết thực giữa ASEAN và Ấn Độ trong các lĩnh vực ưu tiên của

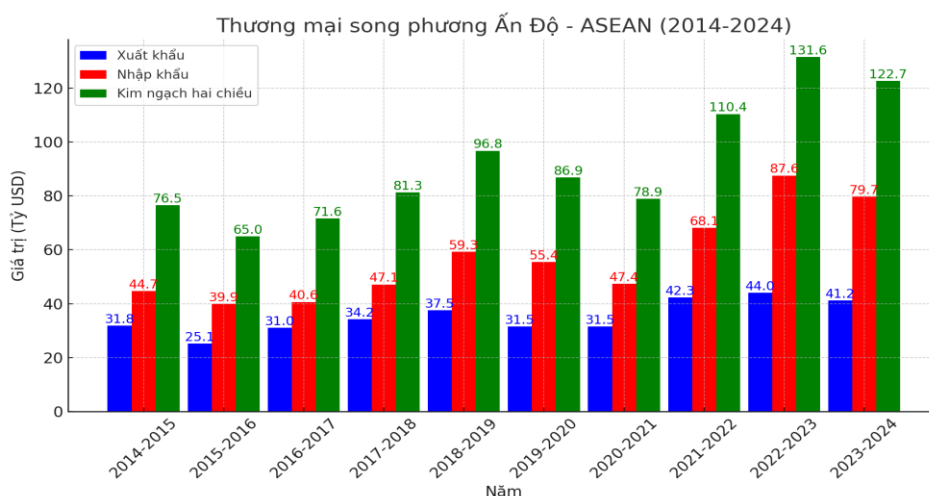
ASEAN tại AOIP và tăng cường Quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Ấn Độ để đạt được hòa bình và thịnh vượng trong khu vực.

Năm 2022 đánh dấu 30 năm quan hệ ASEAN - Ấn Độ và được các nhà lãnh đạo chọn là Năm Hữu nghị. Một loạt hoạt động đã được tổ chức để kỷ niệm. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 19 (2022), quan hệ Đối tác Chiến lược được nâng lên Đối tác Chiến lược Toàn diện. Các cơ chế, thể chế gắn kết Ấn Độ - ASEAN gồm Hội nghị Cấp cao (AIS), Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao (AIFMM), Cuộc họp quan chức cấp cao (AISOM), Đối thoại Delhi (DD), Đối thoại ngành, EAS, MGC, ARF, ASEM, ADMM+, EAMF, IORA, Trung tâm ASEAN - Ấn Độ (AIC), ACMECS, FIPIC...Để hỗ trợ các hoạt động hợp tác giữa ASEAN, Ấn Độ thành lập 03 quỹ là Quỹ Hợp tác (AIF), Quỹ Xanh (AIGF) và Quỹ Phát triển KH&CN (AISTDF). Việc Ấn Độ tăng cường quan hệ chính trị - ngoại giao với các nước ASEAN thể hiện nỗ lực kết nối sâu rộng trong khu vực ÁDD - TBD, với bộ phóng là “Chính sách "Hành động hướng Đông", quan hệ này cũng giúp Ấn Độ phát huy tầm ảnh hưởng và vai trò lãnh đạo trong khu vực.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Quan hệ kinh tế của Ấn Độ - ASEAN đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ từ khi Thủ tướng N. Modi lên cầm quyền. Hai bên đã ký kết 02 hiệp định thương mại về hàng hóa và dịch vụ, tạo ra một trong những khu vực thương mại lớn nhất với thị trường 1,8 tỷ người và tổng GDP khoảng 3.000 tỷ USD [MEA, GoI, 2024y].

Hình 3.8: Thương mại song phương Ấn Độ - ASEAN (2014 - 2024)



Nguồn: Directorate General of Foreign Trade, Ministry of Commerce and Industry of the Government of India [Indian Mission to Asean, Jakarta, 2023] [Thế giới và Việt Nam, 2024a].

Mặc dù có những biến động rõ rệt trong suốt giai đoạn 2014-2024 do tác động của khó khăn kinh tế toàn cầu, song thương mại giữa hai bên vẫn ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, thương mại song phương không ngừng tăng lên kể từ khi AIFTA có hiệu lực đầy đủ (2015), từ 65 tỷ (2015 - 2020) đã lên tới 110,4 tỷ USD (2021 - 2022). Đây là lần đầu tiên kim ngạch thương mại song phương giữa Ấn Độ -ASEAN vượt mốc 100 tỷ USD. Cán cân thương mại luôn nghiêng về ASEAN (2014 - 2024) [Thế giới và Việt Nam, 2024a]. Do đó, năm 2023, Ấn Độ và các nước ASEAN đã đồng ý xem xét lại Hiệp định Thương mại tự do về hàng hóa và giải quyết “sự bất cân xứng” trong thương mại song phương vào năm 2025 [Rao. A, 2024].

Mặt khác, từ năm 2019 - 2024, ASEAN vẫn kêu gọi Ấn Độ tham gia trở lại RCEP nhằm tạo điều kiện hơn nữa cho tăng trưởng thương mại. Nếu thành công, RCEP sẽ bao gồm 50% dân số và 30% thu nhập và thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn hoài nghi về việc tự do hóa lĩnh vực hàng hóa của mình như một phần của thỏa thuận thương mại, điều này có thể gây hại cho sáng kiến “Make in India” của nước này. Song Ấn Độ vẫn ủng hộ việc cấp quyền tiếp cận nhiều hơn vào lĩnh vực dịch vụ mà họ cho rằng các chính phủ khác đã không chú trọng nhiều đến nhu cầu của Ấn Độ trong khía cạnh đó.

Về đầu tư, hai bên đang nỗ lực tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân, bao gồm thông qua việc kích hoạt lại Hội đồng Kinh doanh (AIBC) và Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh (ABIS) bị gián đoạn từ 2010. Các Diễn đàn và Triển lãm ASEAN - Ấn Độ được tổ chức thường niên. Đầu tư giữa Ấn Độ và ASEAN tập trung vào Singapore, Indonesia và Việt Nam. FDI tích lũy từ ASEAN sang Ấn Độ là 117,88 tỷ USD (2000 - 2019), chủ yếu là do các khoản đầu tư của Singapore (115 tỷ USD) [Rao. A, 2024].

Trong lĩnh vực kinh tế, Ấn Độ và ASEAN đều đang nỗ lực đưa những hợp tác đi vào chiều sâu, toàn diện, song trên thực tế, tiến trình hợp tác này lại diễn ra có phần chậm chạp hơn so với kỳ vọng, thậm chí là tụt hậu hơn so với Trung Quốc và các cường quốc khác về hợp tác thương mại, đầu tư trong khu vực. Trong khi tổng kim ngạch thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc đã đạt mức 911,7 tỷ USD (2023) [Ngô Anh Văn, 2024], ASEAN và Nhật Bản là 239,4 tỷ USD (2023) [Thanh Giang, 2024], thì con số này giữa ASEAN và Ấn Độ mới dừng lại ở 122,7 tỷ USD (2023) [Hình 3.8]. Ngoài ra, nỗ lực triển khai các dự án cơ sở hạ tầng của Ấn Độ tại ASEAN được cho là đã chậm tiến độ hơn so với Trung Quốc như sự chậm trễ trong việc hoàn thành các dự án cơ sở hạ tầng - Đường cao tốc ba bên Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan, Dự án Giao thông và Vận tải Đa phương

thức Kaladan và Dịch vụ Xe buýt Moreh - Mandalay, do thách thức về chính trị và tài chính. Ấn Độ miễn cưỡng ký RCEP và sau đó lập tức rút khỏi do lo ngại Trung Quốc sẽ lấn át thị trường Ấn Độ. Một số nước ASEAN chưa phát huy mạnh mẽ quyền tự chủ chiến lược, thậm chí có xu hướng liên kết chặt chẽ với Trung Quốc thông qua BRI vốn bị Ấn Độ phản đối. Những điều này đang trở thành cản trở lớn trong quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ và ASEAN.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Biển Đông vẫn là điểm xung đột trong cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc, với những tác động đến an ninh khu vực. Các nguyên tắc của ASEAN được phản ánh trong lập trường của Ấn Độ về quyền tự do hàng hải và tuân thủ của nước này đối với luật pháp quốc tế, bao gồm Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS). Ấn Độ và ASEAN đã thực hiện các cuộc tập trận hải quân chung, tiêu biểu là AIME (2023) với 09 tàu, 06 máy bay và 1.800 binh sĩ [MEA, GoI, 2024y], các chuyến thăm cảng, các chương trình xây dựng năng lực với hải quân ASEAN, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa, tham gia tích cực vào các cơ chế như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+)..., qua đó phản ánh nỗ lực của New Delhi trong việc củng cố vai trò lãnh đạo khu vực Á-Đ-TBD. Mặt khác, Ấn Độ còn đẩy mạnh xuất khẩu quốc phòng như tên lửa BrahMos cho Philippines, Việt Nam..., cho thấy Ấn Độ có đủ khả năng hỗ trợ nhu cầu quốc phòng cho cả khu vực. Sự hợp tác trên không chỉ giúp duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực mà còn đối phó hiệu quả với nhiều thách thức an ninh phi truyền thống như khủng bố, an ninh hàng hải, tội phạm xuyên quốc gia cũng như tăng cường khả năng tự vệ và bảo vệ lợi ích chung trong bối cảnh biến động địa chính trị, đặc biệt là trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Đồng thời cho thấy cam kết mạnh mẽ trong việc xây dựng một cấu trúc an ninh hợp tác và bền vững trong khu vực, góp phần nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Ấn Độ trên trường quốc tế.

** Trên các lĩnh vực khác*

Về hợp tác văn hóa, giáo dục và ngoại giao nhân dân, kể từ năm 2014, hợp tác đã mở rộng bao gồm phát triển nguồn nhân lực, giao lưu nhân dân, trao đổi văn hóa, tôn giáo (Phật giáo, Hindu giáo), giáo dục, y tế, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và quản lý thiên tai. Tất cả các dự án hợp tác đều được tài trợ bởi Quỹ AIF và Quỹ AIGF. Ấn Độ cũng đang đóng góp tích cực vào việc triển khai các Kế hoạch Công tác của Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) với việc triển khai các dự án/hoạt động như Chương trình Thạc sĩ tại Đại

học Nalanda; các Trung tâm Phát triển Khởi nghiệp (EDC); các Trung tâm Đào tạo Anh ngữ (CELT) tại các nước CLMV; Mạng lưới các trường đại học ASEAN - Ấn Độ; cũng như 1.000 học bổng Tiến sĩ tích hợp tại Ấn Độ. Tiếp tục thúc đẩy giao lưu nhân dân nhằm thúc đẩy quan hệ, ASEAN và Ấn Độ tiếp tục tổ chức các chương trình/hoạt động thường xuyên như Chương trình trao đổi sinh viên, Khóa học đặc biệt dành cho các nhà ngoại giao, Đối thoại Delhi, Hội nghị Quốc tế về liên kết văn hóa, Chương trình trao đổi truyền thông, Chương trình trao đổi nông dân trẻ, Hội nghị Thượng đỉnh Thanh niên và Mạng lưới các Think - Tanks, Trại Nghệ sĩ và Liên hoan Âm nhạc... đã tạo ra mối liên kết sâu sắc hơn giữa nhân dân Ấn Độ và ASEAN. *Về phát triển cơ sở hạ tầng*, Ấn Độ đang ráo riết theo đuổi Đường cao tốc ba bên Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan và tìm cách mở rộng đường cao tốc để bao gồm cả Campuchia, Việt Nam và Lào. Cho đến nay, đã đạt được sự đồng thuận về MOA phương tiện cơ giới Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan (IMT MVA) - cho phép đi lại liên mạch trên các con đường nối ba quốc gia. Năm 2015, một khoản tín dụng trị giá 01 tỷ USD được công bố để hỗ trợ các dự án kết nối trong khu vực, với trọng tâm là các quốc gia CLMV. Cũng đã có những bước tiến lớn nhằm cải thiện kết nối hàng hải và hàng không giữa ASEAN và Ấn Độ [MEA, GoI, 2024y]. *Về du lịch*, việc hai bên ký kết các MOU về hợp tác du lịch đã tăng cường khách du lịch hai chiều và thúc đẩy giao lưu nhân dân sâu rộng hơn. *Về KH&CN*, Ấn Độ đã bổ sung khoản đóng góp cho Quỹ AISTDF từ 01 triệu USD lên 05 USD (2016) [MEA, GoI, 2024y]. *Về hợp tác nông, lâm nghiệp*, hợp tác giữa Ấn Độ và ASEAN được tăng cường bằng cách thông qua các Kế hoạch Hành động Trung hạn (POA) (2016 - 2025) bao gồm giải quyết các thách thức về an ninh lương thực, biến đổi khí hậu và quản lý đất bền vững [MEA, GoI, 2024y]. *Về y tế và hỗ trợ nhân đạo*, ASEAN và Ấn Độ cam kết tăng cường hợp tác trong việc giải quyết những thách thức chưa từng có và liên tục do đại dịch Covid-19, đồng thời đẩy nhanh quá trình phục hồi sau đại dịch ở cả khu vực ASEAN và Ấn Độ. ASEAN hoan nghênh sự hỗ trợ của Ấn Độ đối với các nỗ lực phục hồi của ASEAN sau đại dịch, bao gồm việc Ấn Độ đóng góp 01 triệu USD cho Quỹ Ứng phó Covid-19 của ASEAN. ASEAN cũng hoan nghênh Ấn Độ nói lại xuất khẩu vaccine Covid-19 và nhấn mạnh sự cần thiết phải hợp tác về vaccine, sản phẩm thuốc và công nghệ y tế an toàn, hiệu quả, giá cả phải chăng. Cả hai còn đang tìm hiểu/tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực khác, bao gồm an ninh mạng, giao thông và kết nối, kinh tế số, kinh tế xanh, intech, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs), khởi nghiệp, tài chính, năng lượng, an ninh lương thực, không gian, CNTT và

Truyền thông (ICT), quản lý tài nguyên thiên nhiên, sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững, thành phố thông minh, giáo dục và đào tạo kỹ thuật và dạy nghề (TVET).

Quan hệ đối ngoại của Ấn Độ - ASEAN chính là biểu hiện rõ nét rất của chính sách “Hành động hướng Đông” được Thủ tướng N. Modi nâng cấp từ chính sách “Hướng Đông” của các chính phủ tiền nhiệm, thể hiện thay đổi trọng tâm từ việc chỉ đơn thuần là phát triển quan hệ đến việc tăng cường hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh... Ấn Độ đã có nhiều lợi thế khi nhận được sự hoan nghênh của các nước ASEAN vì cùng hướng tới mục tiêu tạo ra một nền tảng cho sự phát triển chung ở Á-ĐD - TBD và tìm kiếm một trật tự dựa trên luật lệ, thúc đẩy sự minh bạch, tôn trọng chủ quyền, luật pháp quốc tế và ổn định cùng hợp tác (khác hẳn với quan điểm “bành trướng của Trung Quốc), song Ấn Độ vẫn gặp nhiều thách thức trong việc thực thi các quyết sách đối ngoại, nhất là về kinh tế, khiến quan hệ hai bên chưa thật sự đi vào chiều sâu.

3.5.2.6. Đối với các nước khu vực Trung Á

Trung Á là nơi giao thoa của những con đường thương mại và các nền văn minh lớn trên thế giới. Trong vài thập kỷ qua, Trung Á đã trở thành khu vực cạnh tranh địa chiến lược và địa chính trị giữa các cường quốc cũ và mới như Nga, Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ và cả các nước châu Âu. Trung Á với nguồn tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý đặc biệt vẫn luôn là một địa bàn chiến lược để các cường quốc tranh thủ. Với vị trí như vậy, hầu hết các chiến lược gia quân sự đều nhất trí cho rằng ai kiểm soát được Trung Á, người đó có thể tiếp cận các con đường thương mại quan trọng và thậm chí là các hướng tấn công vào tất cả các cường quốc trong khu vực như Nga, Trung Quốc và Ấn Độ. Vì vậy, kể từ năm 2014, Ấn Độ đã dành sự ưu tiên nhất định cho 05 quốc gia Trung Á. Chính sách hướng Bắc (LNP) [Bal, S. N., 2004] của Thủ tướng N. Rao, được tuyên bố là Chính sách “Kết nối Trung Á” (CCAP) (2012) dưới thời Thủ tướng M. Singh và được kế thừa, bổ sung và triển khai dưới thời Thủ tướng N. Modi trong suốt 10 năm qua. Ấn Độ nhìn thấy ở đây không chỉ những lợi ích chính trị, an ninh mà còn cả những tiềm năng kinh tế, thương mại ...nên ngày càng coi trọng vị trí, vai trò của khu vực này, đồng thời coi Trung Á là ưu tiên quan trọng trong chính sách đối ngoại và an ninh. Mối quan hệ Ấn Độ - Trung Á đã và đang chứng kiến sự biến đổi về chất theo cách chưa từng có, theo đó sự hội tụ ngày càng tăng, giúp đưa quan hệ hai bên lên tầm cao chiến lược.

Từ năm 2014, chính sách của Ấn Độ đối với khu vực Trung Á đã tập trung vào việc tăng cường hợp tác kinh tế và an ninh để mở rộng ảnh hưởng của mình, nhằm đối phó với

sự cạnh tranh của các nước lớn khác như Trung Quốc và Nga. Chương trình “Make in India” là một phần quan trọng trong Chính sách Trung Á của Ấn Độ, khuyến khích đầu tư nước ngoài vào sản xuất trong nước và giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu. Ấn Độ tìm cách mở rộng các mối quan hệ kinh tế với Trung Á thông qua hành lang năng lượng và cơ sở hạ tầng. Ấn Độ đã đặt mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng thông qua các dự án năng lượng trong khu vực, đặc biệt là với Turkmenistan. Tuy nhiên, các dự án này gặp trở ngại lớn do tình trạng bất ổn ở Afghanistan và sự kiểm soát của Taliban.

Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, từ năm 2014 - 2024, quan hệ ngoại giao giữa Ấn Độ với các quốc gia Trung Á đã phát triển mạnh. Chuyến công du của Thủ tướng N. Modi tới các nước Trung Á (2015) và việc New Delhi trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) (2017) đã thiết lập giai đoạn hợp tác quốc tế tiếp theo giữa New Delhi và các nước Cộng hòa Trung Á (CAR). Các chuyến thăm giữa các bên cũng đánh dấu một bước chuyển lớn trong quan hệ Ấn Độ với CAR. Lần đầu tiên, New Delhi xem khu vực này như một đơn vị địa lý tổng hợp và trở thành khu vực quan tâm của New Delhi. Ấn Độ và các nước CAR đã ký một số thỏa thuận về an ninh, năng lượng, thương mại và văn hóa, với việc thủ tướng nhắc lại tầm quan trọng của khu vực đối với tương lai của Ấn Độ [BBC, 2015]. Những phát triển này là dấu hiệu cho thấy mối quan hệ được cải thiện cũng như sự can dự mang tính xây dựng của Ấn Độ với khu vực về năng lượng, thị trường và an ninh. Bên cạnh đó, cơ chế Đối thoại Ấn Độ - Trung Á (2019 - 2021) đã giúp New Delhi vươn xa hơn tới khu vực. Đối thoại này nhằm thiết lập sự hợp tác giữa các quốc gia trong các lĩnh vực tài chính, năng lượng tái tạo, thông tin, kỹ thuật số, năng lượng xanh và các công nghệ tiên tiến khác.

Trên lĩnh vực kinh tế, Hội đồng Kinh doanh Ấn Độ - Trung Á được thành lập (2019). Ấn Độ đã thông qua hạn mức tín dụng trị giá 01 tỷ USD cho các dự án phát triển tại khu vực trong các lĩnh vực năng lượng, chăm sóc sức khỏe, kết nối, CNTT, nông nghiệp, giáo dục...(2019). Hai bên nhất trí hội nhập kinh tế mạnh mẽ qua dự án Ashgabat - Turkmenabat và cảng Chabahar với sự hỗ trợ của Ấn Độ và xem xét tham gia MOA về hành lang thương mại và quá cảnh ba bên với Ấn Độ, Iran và Afghanistan (2016). Các quốc gia CAR, đặc biệt là Kazakhstan và Uzbekistan, rất muốn Ấn Độ là đối tác chính trong nỗ lực củng cố vị thế của họ trên toàn cầu. Việc tiếp cận trực tiếp CAR sẽ giúp Ấn Độ làm suy yếu các dự án BRI được thổi phồng quá mức của Trung Quốc.

Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, hợp tác an ninh là một trong những trụ cột trong quan hệ giữa Ấn Độ với các quốc gia CAR. Ấn Độ đã tăng cường hợp tác quân sự với các quốc gia khu vực để đối phó với các mối đe dọa khủng bố và sự bất ổn trong khu vực, đặc biệt là từ Afghanistan và các phần tử cực đoan. Ấn Độ cố gắng cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc tại Trung Á bằng cách tham gia các dự án phát triển hạ tầng và năng lượng, và sử dụng các biện pháp ngoại giao để mở rộng thị phần của mình, coi đó là chiến lược đối trọng với Trung Quốc.

Tham gia Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) cũng là một chiến lược được Ấn Độ đề gia tăng quan hệ hợp tác với các nước Trung Á. Đây là tổ chức khu vực gồm 09 thành viên từ các khu vực Trung Á, Nam Á, Tây Á và Đông Á và Nga (Kazakhstan, Ấn Độ, Trung Quốc, Kyrgyzstan, Pakistan, Nga, Tajikistan, Uzbekistan và Iran). Mục đích chính của tổ chức này là chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế, chủ nghĩa khủng bố sắc tộc và chủ nghĩa cực đoan tôn giáo ở các nước thành viên. Các mục tiêu khác của SCO là củng cố lòng tin và tăng cường quan hệ tốt đẹp giữa các nước; thúc đẩy hợp tác hiệu quả về chính trị, thương mại và kinh tế, KH&CN, văn hóa, giáo dục, năng lượng, giao thông vận tải, du lịch, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác. SCO đang không ngừng nâng tầm ảnh hưởng như một trung tâm quyền lực mới đáng chú ý. Trung Quốc và Nga đã thay đổi nguyên tắc cơ bản của SCO để khôi phục uy tín của họ trên thế giới. Đó là lý do tại sao SCO hiện đang được sử dụng như một công cụ để cân bằng các chính sách của Mỹ không chỉ trong khu vực mà còn cả bên ngoài khu vực. Ấn Độ đã trở thành thành viên đầy đủ của SCO cùng Pakistan (2017). Như vậy, SCO cung cấp thêm một góc nhìn sâu sắc về chính sách đối ngoại của Ấn Độ vì nước này có hai nước láng giềng Nam Á, tức là Trung Quốc và Pakistan dưới cùng một mái nhà. Ấn Độ đã tham gia đầy đủ các cơ chế của SCO như các cuộc họp của Hội đồng Nguyên thủ quốc gia, Ban Thư ký, Chủ tịch Quốc hội, các cuộc họp cấp bộ trưởng..., tham gia các cuộc tập trận chung mang tên “Sứ mệnh hòa bình” 02 năm/lần, diễn tập ứng phó thảm họa...SCO là một mô hình quản trị toàn cầu thay thế cho mô hình liên minh kiểu phương Tây (NATO, EU, QUAD) và hiện bao gồm hầu hết các vùng đất Á - Âu (khoảng 40% dân số thế giới) nhưng lại không phải là một liên minh quân sự và không nhằm mục đích tập hợp các quốc gia thành viên vào các khuôn khổ một khối. Trọng tâm ban đầu về an ninh sau đó chuyển sang các vấn đề kinh tế và bây giờ là chính sách năng lượng. SCO cho phép các quốc gia thành viên đa dạng hóa và cân bằng các vấn đề liên quan đến an ninh, kinh tế và ngoại giao, nhờ đó có được

nhiều quyền tự do hành động chính trị hơn. Ấn Độ cũng kỳ vọng SCO sẽ đóng vai trò trung tâm trong việc ổn định Trung Á và Afghanistan, khu vực mà họ coi là một phần của khu vực láng giềng mở rộng, đồng thời đảm bảo rằng tổ chức này không rơi vào tay của chủ nghĩa cực đoan dưới bất kỳ hình thức nào. Ấn Độ trong nhiều năm đã trải qua sự tàn ác của chủ nghĩa khủng bố và nhận ra tác động của điều này đối với tâm lý xã hội và sự phát triển của đất nước. Do đó, xóa bỏ chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và chủ nghĩa khủng bố là mục tiêu mà Nga, Trung Quốc và Ấn Độ cùng chia sẻ. Ấn Độ cũng hy vọng rằng một Trung Á ổn định sẽ cho phép nước này khai thác các nguồn năng lượng cần thiết cho sự phát triển của khu vực. Hơn nữa, SCO cung cấp cho Ấn Độ một nền tảng khác để tăng cường đối thoại, tăng cường quan hệ với Trung Quốc, cải thiện quan hệ với Pakistan và tăng cường hiện diện nhiều hơn ở Trung Á; tăng cường an ninh năng lượng, khả năng kết nối và hợp tác chống khủng bố của Ấn Độ phù hợp với Chính sách "Hành động hướng Đông"...SCO cũng giúp theo dõi và “cảnh báo sớm” các chiến lược và chiến thuật của Bắc Kinh trong khu vực có thể tác động đến New Delhi. Cuối cùng, tư cách thành viên của Ấn Độ trong SCO làm tăng thêm sự đa dạng của các bên tham gia vào Trung Á, đem đến cho các quốc gia Trung Á nhiều lựa chọn hợp tác hơn. Sự can dự sâu hơn của Ấn Độ vào khu vực cũng có thể giúp ngăn chặn sự nổi lên của một bá quyền ở Trung Á - một diễn biến có lẽ sẽ được hầu hết các nước hoan nghênh, đặc biệt là Nga. Ngoài ra, không giống như các nhóm như ASEAN, SCO tập trung nhiều hơn vào an ninh, và điều đó thể hiện giá trị của nó đối với Ấn Độ. Ấn Độ cũng là một phần của BRICS và đang cân bằng chính sách đối ngoại của mình bằng việc đồng thời gia nhập liên minh QUAD do Mỹ lãnh đạo. Như vậy, mục tiêu của Ấn Độ khi tham gia vào SCO đang trong quá trình đạt được.

Một dấu hiệu khác cho thấy sức mạnh đang lên của Ấn Độ là việc Ấn Độ lần đầu tiên giữ chức chủ tịch luân phiên của SCO (2022 - 2023). Những trụ cột trong tầm nhìn của Ấn Độ đối với SCO được định hướng bởi SECURE, viết tắt của cụm từ “An ninh - Phát triển kinh tế - Kết nối - Thống nhất - Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ - Bảo vệ môi trường”. Ấn Độ cũng đã khởi xướng 05 trụ cột hợp tác trong SCO bao gồm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, y học cổ truyền, trao quyền cho thanh niên, bao trùm số và di sản Phật giáo chung. Việc Ấn Độ đã áp dụng các sáng kiến mới đã mang lại động lực cũng như định hướng mới cho sự phát triển của SCO trong thời gian tới, đồng thời phát huy vai trò tích cực trong việc xoa dịu căng thẳng ở quy mô toàn cầu. Đáng chú ý, đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử hơn hai thập kỷ của SCO, tổ chức này do một quốc gia

Nam Á đứng đầu. Điều này sẽ thúc đẩy hơn nữa triển vọng thiết lập lại mối liên kết giữa Nam Á và Trung Á không giáp biển, vốn được hai khu vực dự tính từ lâu. SCO đang là nơi mang lại cơ hội để Ấn Độ thể hiện hình ảnh nước lớn trỗi dậy, là cường quốc biển, đồng thời là cường quốc lục địa, của Á - Âu, của ÁĐD - TBD, thiết lập lòng tin giữa Ấn Độ với các quốc gia, thúc đẩy chính sách Âu - Á của nước này. Tầm quan trọng về mặt địa chiến lược của SCO là đa diện. Nó tăng cường các hợp đồng xã hội - văn hóa và thương mại với các nước Cộng hòa Trung Á (CAR) đồng bộ với Chính sách Tây Á của Ấn Độ. Nó giải quyết các thông số khu vực và an ninh cho dù đó là xung đột Ấn Độ - Pakistan, mối quan hệ Trung - Ấn hay chủ nghĩa cực đoan Taliban. Trên hết, sự hợp tác này rất quan trọng đối với hợp tác thương mại và kinh tế của Ấn Độ.

Về cơ bản, hai cường quốc như Trung Quốc và Ấn Độ cùng xuất hiện tại Trung Á là kết quả của các sự dịch chuyển địa chiến lược; trong bối cảnh các nước lớn gia tăng hợp tác và tập hợp lực lượng tại đây. Tuy nhiên, để khẳng định việc chạy đua ảnh hưởng này có thể gây ra những hệ lụy nào hay không, vẫn cần thêm thời gian đánh giá. Các lợi ích của Ấn Độ và Trung Quốc tại Trung Á hiện chưa xuất hiện nhiều mâu thuẫn, thậm chí, đôi lúc còn song trùng. Đó là việc hợp tác để ngăn chặn khủng bố, thiết lập cơ sở hạ tầng, tăng cường các hoạt động trung chuyển hàng hóa, hợp tác về năng lượng. Dĩ nhiên, đối tác nào tới trước, đưa ra các đề xuất hợp lý hơn thì sẽ có nhiều lợi thế hơn. Điểm quan trọng nhất quyết định cuộc đua này chính là thực lực và quan điểm hợp tác của các nước đối tác ra sao. Nó sẽ tác động tới cục diện tại khu vực.

3.5.2.7. Đối với các nước khu vực Tây Á

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao,*

Chính sách đối ngoại trước khi Thủ tướng N. Modi lên cầm quyền và trong giai đoạn đầu dưới thời Thủ tướng N. Modi, kéo dài khoảng từ tháng 4/2014-7/2015, Tây Á (Trung Đông) chỉ được Ấn Độ coi là một lợi ích ngoại biên và chưa có một chính sách đối ngoại cụ thể đối với khu vực này. Tuy nhiên, nhận định trên đã nhanh chóng thay đổi từ 2015, khi UAE báo hiệu mong muốn có một mối quan hệ chiến lược thực sự - mối quan hệ bao gồm các khoản đầu tư dài hạn vào Ấn Độ và sẵn sàng giảm quan hệ với Pakistan. UAE đã công khai bày tỏ việc coi Ấn Độ là “đối tác an ninh”. Mối quan hệ với UAE được coi là cốt lõi của Chính sách Tây Á. Chuyến thăm của ông N. Modi tới UAE (2015) và các sự kiện tiếp theo đã chứng kiến quan điểm mới của Ấn Độ về khu vực này.

Trong nỗ lực tăng cường quan hệ với các quốc gia láng giềng phía Tây của Ấn Độ, Thủ tướng N. Modi và Chính phủ của ông đã đề xuất việc thực hiện Chính sách “Liên kết Phía Tây” (LWP) [Jianxue, L., 2019] và sau đó là Chính sách “Nghĩ về phía Tây” (TWP) [Chaudhuri, P. P., 2017] để bổ sung cho Chính sách “Hành động hướng Đông” liên quan đến các đối tác ở Đông và Đông Nam Á. Chính sách LWP - TWP có thể được coi là Chính sách Tây Á của Ấn Độ và trong tương lai rất có thể sẽ trở thành chính sách “Hành động Hướng Tây” của Ấn Độ. Lợi ích của Ấn Độ với các quốc gia tại khu vực có liên quan mật thiết đến vấn đề an ninh năng lượng, thương mại, việc làm và lượng lớn kiều hối của Ấn Độ, cùng với đó là sự cạnh tranh ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ của các cường quốc tại khu vực này như Nga và đặc biệt là Trung Quốc trước sự suy giảm ảnh hưởng của Mỹ tại đây. Chính vì vậy, vấn đề an ninh và sự ổn định của các quốc gia tại đây có ý nghĩa thực sự quan trọng đối với sự phát triển kinh tế bền vững của quốc gia đông dân nhất thế giới. Kể từ khi ông N. Modi trở thành thủ tướng, quan hệ của Ấn Độ và các nước ở khu vực này ngày càng được cải thiện và đạt được nhiều thành quả, giúp Ấn Độ giành được sự ủng hộ, tăng cường được sức ảnh hưởng và thể hiện là một cường quốc có trách nhiệm với các vấn đề toàn cầu.

Từ năm 2015 - 2024, Thủ tướng Ấn Độ đã có khoảng 20 chuyến thăm tới các quốc gia thuộc khu vực Tây Á [Narendra N. Modi, 2024], chủ yếu là các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC). Các nhà lãnh đạo của Ấn Độ và Tây Á cũng thường xuyên có những chuyến thăm và tiếp xúc bên lề của các diễn đàn đa phương như UN, G20... Diễn đàn hợp tác Ấn Độ - Ả Rập (2014) và sáng kiến “Bộ tứ Tây Á” (I2U2) đã đặt nền móng cho Ấn Độ và các quốc gia Tây Á tăng cường các chuyến thăm cấp lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương, hợp tác nghị viện. Qua các cuộc gặp, hàng loạt các MOU/MOA được ký kết trên nhiều lĩnh vực. Các bên cũng đã xây dựng các cơ chế thể hợp tác để giải quyết các vấn đề cụ thể của từng ngành như JCM, EAM, JDCC, HLTFI, JCCA...góp phần gặt hái được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật như Ấn Độ nâng cấp quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với UAE (2017); Saudi Arabia đã công khai tuyên bố coi Ấn Độ là đối tác chiến lược cho Tầm nhìn 2030 (2015) và ký kết thành lập Hội đồng Đối tác Chiến lược (SPC) (2019) [Deccan Chronicle, 2019].

** Trên lĩnh vực kinh tế*

UAE là đối tác thương mại lớn nhất tại khu vực và thứ ba trên thế giới của Ấn Độ và Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ hai của UAE (2022), với việc tham gia I2U2 và

ký kết CEPA, thương mại song phương hai nước từ 59,1 tỷ USD (2014 - 2015) đã đạt đỉnh 84,84 tỷ USD (2022 - 2023) và 83,6 tỷ USD (2023 - 2024), dự kiến tăng lên 100 tỷ USD (2027) [MEA, GoI, 2024m]. UAE là nguồn FDI lớn nhất của Ấn Độ từ thế giới Ả Rập và lớn thứ 10 thế giới với 18,5 tỷ USD (2000 - 2024) [Invest India, 2024b]. UAE cam kết dành 75 tỷ USD cho việc phát triển cơ sở hạ tầng ở Ấn Độ và chấp nhận cho Ấn Độ mua dầu bằng đồng Rupee [Invest India, 2024b]. Với *Saudi Arabia*, Ấn Độ là đối tác thương mại song phương lớn thứ 7 trên thế giới của Saudi Arabia với 39,3 tỷ USD (2014 - 2015) [Alam, I., Ahmed, S., 2015] đã đạt đỉnh 52,8 tỷ USD (2022 - 2023) và 43,4 tỷ USD (2023 - 2024) [MEA, GoI, 2024n]. Hiện có khoảng 2.780 công ty Ấn Độ với số vốn hơn 02 tỷ USD tại Saudi Arabia. Đầu tư của Saudi Arabia vào Ấn Độ đạt 3,15 tỷ USD (2022). Saudi Arabia đã cam kết đầu tư 100 tỷ USD trong các công ty liên doanh ở Ấn Độ. Hai nước đã ký kết Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư Song phương (BIPA) và DTAA [MEA, GoI, 2024n]. Với *Qatar*, Qatar chiếm hơn 50% nguồn cung LNG của Ấn Độ. Thương mại song phương hai nước đạt 15,7 tỷ USD (2014 - 2015) đã tăng đạt đỉnh 18,8 tỷ USD (2022 - 2023) và 14,1 tỷ USD (2023 - 2024). MoU mở cửa thị trường Ấn Độ cho Quỹ đầu tư Qatar với số vốn 300 tỷ USD được ký kết (2016) [MEA, GoI, 2024o]. Đến năm 2024, có khoảng 6.000 công ty của Ấn Độ đang hoạt động tại Qatar với tổng vốn đầu tư là 450 triệu USD [MEA, GoI, 2024o]. Với *Kuwait*, Ấn Độ liên tục nằm trong top 10 đối tác thương mại hàng đầu của Kuwait (2014 - 2024) và Kuwait đang là nhà cung cấp dầu lớn thứ hai cho Ấn Độ. Thương mại song phương hai nước đạt đỉnh 14,6 tỷ USD (2014 - 2015) và 10,5 tỷ USD (2023 - 2024). Tính đến năm 2023, các khoản đầu tư vào Ấn Độ từ Kuwait là hơn 06 tỷ USD [MEA, GoI, 2024p]. Với *Oman*, thương mại song phương hai nước đạt 4,13 tỷ USD (2014 - 2015) đã đạt đỉnh 12,4 tỷ USD (2022 - 2023) và 8,95 tỷ USD (2023 - 2024). Ấn Độ là một trong những đối tác thương mại hàng đầu và là thị trường xuất khẩu dầu thô lớn thứ hai của Oman sau Trung Quốc. Quỹ đầu tư chung Ấn Độ - Oman (OIJIF) (2011) là một quỹ chung 50-50 giữa hai nước được huy động thêm 220 triệu USD nhằm đầu tư cho 07 công ty Ấn Độ tại Oman (2022) [MEA, GoI, 2024q]. Với *Bahrain*, Ấn Độ nằm trong top 10 đối tác thương mại hàng đầu của Bahrain với thương mại song phương đạt hơn 919 triệu USD (2014 - 2015) đã đạt đỉnh 1,98 tỷ USD (2022 - 2023) và 1,74 tỷ USD (2023 - 2024). Đầu tư tích lũy của Ấn Độ vào Bahrain đạt khoảng 1,5 tỷ USD và của Bahrain vào Ấn Độ là 185 triệu USD (2022) [MEA, GoI, 2024r]. Với *Iraq*, Iraq hiện đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 7 và luôn nằm

trong số các nhà cung cấp dầu thô hàng đầu cho Ấn Độ với thương mại song phương hai nước 15,1 tỷ USD (2014 - 2015) đã đạt đỉnh 37,1 tỷ USD (2022 - 2023) và 33,4 tỷ USD (2023 - 2024) [MEA, GoI, 2024s]. Với Iran, hai bên đã ký MOA lịch sử để phát triển cảng chiến lược Chabahar và qua đó mở hành lang vận tải và thương mại đến và đi qua Afghanistan đến Trung Á và châu Âu (2016). Thương mại song phương hai nước đạt 13,1 tỷ USD (2014 - 2015), đạt đỉnh 17 tỷ USD (2018 - 2019), tuy nhiên đã sụt giảm mạnh còn 1,85 tỷ USD (2023 - 2024) do Mỹ rút khỏi Thỏa thuận hạt nhân và tái áp đặt trừng phạt về kinh tế với Iran (2019). Iran là nguồn cung cấp dầu thô lớn thứ ba của Ấn Độ (sau Iraq và Saudi Arabia). Ấn Độ đã đầu tư 08 tỷ USD vào Iran để giúp xây dựng thêm các nhà ga và kết nối đường sắt, lĩnh vực mà Trung Quốc duy trì lợi thế so với Ấn Độ [MEA, GoI, 2024t]. Với Israel, với việc tham gia I2U2, thương mại song phương hai nước từ 5,6 tỷ USD (2014 - 2015) đã đạt đỉnh 10,8 tỷ USD (2022 - 2023) và giảm xuống còn 6,5 tỷ USD (2023 - 2024) do ảnh hưởng từ cuộc chiến với nhóm khủng bố Hamas ở Gaza. Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ hai ở châu Á, lớn thứ bảy trên thế giới của Israel. Ấn Độ và Israel cũng đang đàm phán về FTA. Tổng vốn FDI của Israel vào Ấn Độ khoảng 290 triệu USD (2000 - 2023) với khoảng 300 công ty [MEA, GoI, 2024u]. Với Syria, do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng Syria (2011), đã kéo theo sự khủng hoảng trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có kinh tế, khiến thương mại song phương hai nước đạt 216 triệu USD (2014 - 2015) đã giảm mạnh chỉ còn 81,5 triệu (2023 - 2024) [MEA, GoI, 2024v]. Với Palestine, thương mại song phương hai nước đạt 67,77 triệu USD (2020). Hai nước đã ký MOU hợp tác giữa Hội đồng Xúc tiến Thương mại Ấn Độ (TPCI) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Ramallah (RCCI) (2022) [MEA, GoI, 2024w]. Với Jordan, Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Jordan, với thương mại song phương đạt 2,3 tỷ USD (2014 - 2015) đã đạt đỉnh 4,43 tỷ USD (2022 - 2023) và 2,87 tỷ USD (2023 - 2024). MOU về việc rà soát toàn diện Hiệp định tránh đánh thuế hai lần hiện hành đang được tiến hành [MEA, GoI, 2024w]. Với sự ủng hộ của nhóm “Bộ Tứ Tây Á” (I2U2) và Hành lang thực phẩm Ấn Độ - Israel - UAE, MOU Hành lang Ấn Độ - Trung Đông - Châu Âu (IMEC) (2023) được ký kết. IMEC sẽ củng cố an ninh năng lượng của Ấn Độ và đóng vai trò là thị trường hàng hóa cho nước này, góp phần giúp Ấn Độ tạo ra ảnh hưởng lớn hơn đối với ÁĐĐ, mở rộng phạm vi hoạt động vào Địa Trung Hải và đối phó với CPEC/BRI của Trung Quốc.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Sự phát triển quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia Tây Á cũng bắt nguồn từ sự tương thích về địa chính trị và các mối quan tâm an ninh chung. Các chuyến thăm và trao đổi đã đặt nền móng cho các cuộc tập trận chung thường niên của các lực lượng hải quân và cảnh sát biển, tạo nền tảng vững chắc cho hợp tác an ninh hàng hải tại khu vực, tiêu biểu là Gulf Star-1 (2018), Ấn Độ - Saudi Arabia (2021), Naseem Al-Bahr (2022), Al Najah IV (2022). Các cuộc hội đàm trao đổi tập trung vào việc tăng cường hợp tác cấp độ hiện tại giữa lực lượng quân đội và thúc đẩy quan hệ quốc phòng chiến lược trước tình hình an ninh trong khu vực. Đối thoại Quốc phòng thường niên đã thúc đẩy hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và các nước. Hợp tác quốc phòng được chỉ đạo thông qua Ủy ban hợp tác quốc phòng chung ở cấp bộ với các quốc gia. Ngoài ra, không thể không kể đến các triển lãm quốc phòng mà các bên tổ chức (2015 - 2024) như cuộc thi Hàng không Ấn Độ (2019), Triển lãm và Hội nghị Quốc phòng Quốc tế (IDEX), Triển lãm An ninh Hàng hải và Quốc phòng Hải quân (NAVDEX) (2021), Hội nghị và Triển lãm Quốc phòng Hàng hải Quốc tế Doha (DIMDEX) (2022)... Để củng cố sự hợp tác, Ấn Độ và một số quốc gia Tây Á như Saudi Arabia, UAE, Israel, Iran đã ký kết các hiệp ước hợp tác sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng quốc phòng; các MOA về tăng cường an ninh hàng hải ở Vùng Vịnh và Ấn Độ; thực hiện hỗ trợ nhân đạo, sơ tán trong thiên tai và tình huống xung đột; thông qua các hiệp ước dẫn độ và hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù, bắt giữ các nghi phạm khủng bố; cung cấp các vị trí đào tạo, huấn luyện trong các cơ sở quốc phòng; mua sắm và bảo dưỡng các khí tài quân sự...

Chính sách Tây Á của ông N. Modi cơ bản đã giúp Ấn Độ và Tây Á xích lại gần nhau hơn, tuy vậy, trước mặt quan hệ này vẫn vấp phải những thách thức lớn về an ninh như sự bất ổn địa chính trị trong khu vực (căng thẳng giữa KAS – Iran, ảnh hưởng đến UAE và Bahrain; căng thẳng Mỹ - Iran; chiến tranh ủy nhiệm tại Yemen, Iraq, Syria và chủ nghĩa khủng bố); sự đan xen phức tạp giữa hợp tác và cạnh tranh giữa các cường quốc châu Á như Ấn Độ - Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc; quan hệ sâu xa giữa Pakistan – Tây Á trên nền tảng quốc gia Hồi giáo. Đây là những rào cản lớn khiến Ấn Độ khó cân bằng các mối quan hệ, từ đó chưa thể thúc đẩy ý tưởng về một kiến trúc an ninh tập thể và triển vọng về vai trò của Ấn Độ tại khu vực này.

** Trên các lĩnh vực khác, về hợp tác không gian*

Ấn Độ đã hỗ trợ các quốc gia Tây Á về hợp tác thăm dò và sử dụng không gian bên ngoài vì mục đích hòa bình (2015 - 2024). Về văn hóa, giáo dục, các đại sứ quán đã và

đang quảng bá văn hóa và di sản Ấn Độ thông qua các chương trình và sáng kiến khác nhau. Mạng Văn hóa Ấn Độ (ICN) của các Đại sứ quán kết nối và tập hợp tất cả các nghệ sĩ và những người ngưỡng mộ văn hóa và di sản Ấn Độ tại Tây Á. Đến hết năm 2023, có khoảng 900 sinh viên Ấn Độ đang theo học tại Israel chủ yếu là thạc sĩ và tiến sĩ; hơn 10.000 sinh viên Iraq đã lấy bằng tiến sĩ, thạc sĩ và học đại học ở Ấn Độ; gần 1.000 suất học bổng cho Syria...Hàng năm, Ấn Độ đã hỗ trợ các quốc gia Tây Á theo chương trình ITEC, ICCR để đào tạo các quan chức của Chính phủ, đặc biệt là về quản lý đại dịch, công nghệ mạng, AI và công nghệ mới nổi. *Về y tế và hỗ trợ nhân đạo*, trong suốt đại dịch Covid-19, Ấn Độ đã chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau để đảm bảo cung cấp lương thực, thuốc men cùng các mặt hàng thiết yếu. Ấn Độ đã cung cấp hàng chục triệu liều vaccine cho các quốc gia Tây Á và các quốc gia này cũng đã gửi vật tư cùng oxy y tế lỏng cho Ấn Độ qua đường hàng không và hải quân. Ấn Độ cũng tổ chức các đội y tế tự nguyện đến các quốc gia Tây Á để giúp đỡ công tác phòng chống Covid-19; viện trợ nhân đạo 06 triệu USD bằng hiện vật cho Syria (2018); 103 tấn hàng cứu trợ thiên tai trong đợt lũ lụt (2019) và thuốc trừ sâu Malathion để chống lại châu chấu sa mạc (2020) cho Iran; Saudi Arabia cũng đã đồng ý thành lập 1.000 trung tâm lọc máu tại Ấn Độ. Ấn Độ trở thành một trong nơi để điều trị y tế được người dân Tây Á ưa thích nhất. *Về cộng đồng hải ngoại*, Ấn Độ có khoảng gần 10 triệu công dân Ấn Độ đang sinh sống và làm việc tại các quốc gia Tây Á (chưa tính công dân Tây Á gốc Ấn) và được ghi nhận về những đóng góp cho sự phát triển của khu vực này. Cộng đồng hải ngoại tại các quốc gia Tây Á đã tạo ra hàng chục tỷ USD kiều hối/năm, góp phần giảm nghèo, cải thiện y tế và giáo dục của Ấn Độ. Văn hóa Ấn Độ (đặc biệt là Yoga) cũng được truyền bá tới các quốc gia Tây Á qua cộng đồng này. Để tăng cường sự hợp tác, Ấn Độ đã thực hiện cấp thị thực kinh doanh cho công dân của các nước Tây Á. Phúc lợi của cộng đồng người Ấn Độ tại khu vực này là vấn đề ưu tiên của các đại sứ quán. Ban Phúc lợi Cộng đồng và Lao động chuyên trách đăng ký, theo dõi các khiếu nại được thông báo tại các đại sứ quán. Tại các nước Tây Á, Chính phủ cho phép xây dựng hàng chục trường học để cung cấp chương trình giảng dạy đáp ứng nhu cầu giáo dục của hơn học sinh Ấn Độ tại các quốc gia.

Như vậy, động lực về đầu mô, thương mại và cộng đồng hải ngoại đã duy trì mối quan hệ lịch sử giữa Ấn Độ và Tây Á. Con đường phía trước phụ thuộc vào việc phát triển một mô hình xoay quanh các chiều hướng chính trị, kinh tế và an ninh chiến lược.

3.5.2.8. Đối với các nước khu vực Châu Phi

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Kể từ những năm 1990, Ấn Độ đã mở rộng đáng kể quan hệ với châu Phi. Ba Hội nghị Thượng đỉnh Diễn đàn Ấn Độ - Châu Phi (IASF) (2008, 2011, 2015) cùng với sự tăng cường hợp tác thương mại và an ninh đã chứng tỏ tầm quan trọng ngày càng tăng của lục địa châu Phi đối với chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Năm 2014, ông N. Modi trở thành Thủ tướng Ấn Độ. Hội nghị IASF lần thứ ba (2015) chắc chắn là một bước ngoặt. Không giống như hai hội nghị thượng đỉnh trước, vốn tuân theo Nguyên tắc Banjul, hội nghị lần này bao gồm tất cả 54 quốc gia châu Phi, khiến nó mang tính đại diện hơn. Tại Hội nghị Thượng đỉnh, Ấn Độ đã công bố một loạt hỗ trợ tài chính như hạn mức tín dụng mới 10 tỷ USD, hỗ trợ tài chính 600 triệu USD và 50.000 suất học bổng bổ sung cho sinh viên châu Phi [Chakrabarty, M., 2016]. Sau Hội nghị Thượng đỉnh, Tổng thống, Phó Tổng thống và Thủ tướng Ấn Độ đã có một loạt các chuyến thăm cấp cao (2016). Nhằm mở rộng sự hiện diện chính trị của Ấn Độ tại lục địa này, từ năm 2018 - 2021, 47 đại sứ quán của Ấn Độ được thành lập tại các nước châu Phi. Tính đến hết năm 2024, Ấn Độ hiện đã có các đại sứ quán, cao ủy và lãnh sự quán trên khắp 54 quốc gia của lục địa Đen. Kể từ khi Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền, mỗi quốc gia châu Phi được ít nhất một bộ trưởng của Ấn Độ đến thăm. Bản thân Thủ tướng N. Modi cũng đã thực hiện các chuyến thăm tới một số nước châu Phi trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh BRICS tại Nam Phi (2018). Cũng trong năm 2018, Thủ tướng N. Modi đã chính thức công bố “Chính sách Châu Phi” của Ấn Độ tại Quốc hội Uganda với “10 nguyên tắc chỉ đạo” cho quan hệ Ấn Độ với châu Phi. Trong đó, nhấn mạnh học thuyết SAGAR và phương châm “Vasudhaiva Kutumbakam” (Thế giới là một gia đình) là hai nguyên tắc chủ đạo trong quan hệ Ấn Độ - châu Phi và nhấn mạnh “Châu Phi sẽ là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi” [India Perspectives, 2018]. Những điều này không chỉ nhằm cải thiện quan hệ chính trị, mở rộng quan hệ kinh tế, mà còn tăng cường hơn nữa các liên kết với cộng đồng hải ngoại. Trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20, Thủ tướng Ấn Độ N. Modi đã thúc đẩy các nhà lãnh đạo G20 kết nạp thành công Liên minh Châu Phi (AU) là thành viên thường trực (2023), đề xuất này nhằm hiện thực hóa cam kết trước đó của Ấn Độ sẽ tăng cường sự hiện diện và quan hệ đối tác với châu Phi trên các diễn đàn đa phương, trong các vấn đề toàn cầu như khủng bố, biến đổi khí hậu, năng lượng mặt trời, toàn cầu hóa, chủ nghĩa đa phương, WTO, Kinh tế Xanh... Việc Ấn Độ tăng cường quan hệ chính trị ngoại giao với các quốc gia châu Phi

thể hiện rõ ràng quyết tâm của quốc gia này trong việc mở rộng ảnh hưởng toàn cầu và tăng cường hợp tác đa phương. Sự gia tăng quan hệ với châu Phi không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn giúp Ấn Độ khẳng định vai trò của mình trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược với các cường quốc khác, đặc biệt là Trung Quốc. Ấn Độ đang tận dụng cơ hội để trở thành đối tác phát triển thích hợp cho một số quốc gia châu Phi, tạo ra mạng lưới hợp tác góp phần thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững và chính trị khu vực, cho thấy Ấn Độ không chỉ tìm kiếm lợi ích kinh tế mà còn có ý định tạo dựng một trật tự chính trị quốc tế đa cực, nơi mà vai trò của các quốc gia đang phát triển được củng cố.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Ấn Độ hiện là đối tác thương mại lớn thứ ba của Liên minh châu Phi (AU) và AU là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ sau Mỹ, Trung Quốc và là nhà đầu tư lớn thứ năm của châu Phi, có cổ phần quan trọng trong hiệp định AfCFTA. Tổng thương mại giữa Ấn Độ và AU có xu hướng biến động trong giai đoạn 2014 – 2021, cao nhất đạt 71,5 tỷ USD (2014 - 2015) và thấp nhất là 52 tỷ USD (2016 - 2017). Tuy nhiên, con số này đã có chiều hướng đã tăng đều đặn từ 2022-2024, lần lượt đạt 89,5 tỷ USD (2021 - 2022), 90,5 tỷ USD (2022 - 2023) và 83,34 tỷ USD (2023 - 2024) do tác động từ Khu vực thương mại tự do lục địa châu Phi (AfCFTA) (2021) [Bhatia, R., 2022a] [Africa Expert Group, 2023, p. 28] [Confederation of Indian Industry, 2024]. Cán cân thương mại nghiêng về phía AU. Lý do chính được cho là do sự tăng giá của dầu và nguyên liệu thô. Hơn nữa, thương mại của Ấn Độ hiện tập trung chủ yếu vào 10 quốc gia châu Phi là Nigeria, Nam Phi, Ai Cập, Angola, Ghana, Morocco, Tanzania, Guinea, Mozambique và Algeria. Xuất khẩu sang Ấn Độ chủ yếu là dầu mỏ, khí đốt, quặng và vàng. Chỉ riêng xuất khẩu dầu mỏ và khí đốt đã chiếm 2/3 kim ngạch xuất khẩu của châu Phi sang Ấn Độ. Với thị phần khoảng 20% - 25%, lục địa Đen đã trở thành nhà cung cấp năng lượng quan trọng cho Ấn Độ. Xuất khẩu của Ấn Độ sang các quốc gia châu Phi chủ yếu là các sản phẩm dầu mỏ tinh chế, ô tô và phụ tùng, dược phẩm, máy móc. Có sự khác biệt giữa các khu vực, Ấn Độ xuất khẩu chủ yếu các sản phẩm dầu mỏ sang Đông và Nam Phi, dược phẩm sang Tây và Trung Phi, xe cộ và phụ tùng sang Bắc Phi. Nam Phi hiện là đối tác thương mại quan trọng nhất của Ấn Độ, chiếm hơn 22% kim ngạch xuất khẩu của Ấn Độ [Bhatia, R., 2022a].

Trong nỗ lực tăng cường hợp tác kinh tế giữa Ấn Độ và châu Phi, Thủ tướng N. Modi cùng với Nhật Bản đã đưa ra Sáng kiến Hành lang tăng trưởng Á - Phi (AAGC), thỏa thuận sẽ thúc đẩy liên kết thương mại hàng hải giữa Nam, Đông Nam và Đông Bắc

Á với châu Đại Dương và châu Phi. Nền tảng cho cam kết của Ấn Độ và Nhật Bản đối với AAGC là hy vọng rằng sáng kiến này sẽ cho phép các nhà xuất khẩu trong nước tận dụng các xu hướng nhân khẩu học thuận lợi của châu Phi, đặc biệt là tỷ lệ tăng trưởng dân số toàn cầu và mở rộng tầng lớp trung lưu của châu Phi, thường được miêu tả là một giải pháp đối trọng với BRI của Trung Quốc.

Về đầu tư, đầu tư của Ấn Độ vào châu Phi tăng nhanh trong thập kỷ qua và nước này hiện là nhà đầu tư lớn thứ 5 tại châu Phi (2022). Quy mô hợp tác phát triển của Ấn Độ với châu Phi cũng tăng nhanh. Từ 2015 - 2020, Ấn Độ nhận được FDI trị giá khoảng 62,8 tỷ USD từ châu Phi. Từ 2015 - 2021, Ấn Độ đầu tư vào châu Phi khoảng 23,3 tỷ USD. Dịch vụ viễn thông, sản xuất xi măng, tài chính, sản xuất điện, vận tải hàng không và dịch vụ quảng cáo là các lĩnh vực quan trọng mà Ấn Độ đã nhận được FDI từ châu Phi. Đặc biệt với AfCFTA, đã tạo cơ hội tăng cường thương mại giữa Ấn Độ-châu Phi khi tích hợp Ấn Độ với chuỗi giá trị toàn cầu và trong phạm vi châu Phi bằng cách thúc đẩy liên kết thương mại với các quốc gia khác nhau của châu lục [Sowmiya V., 2023].

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Quốc phòng và an ninh đang nổi lên như những trụ cột quan trọng trong quan hệ Ấn Độ - châu Phi. Bên cạnh các trọng tâm truyền thống của Ấn Độ là đào tạo và xây dựng năng lực, các vấn đề chống khủng bố, chủ nghĩa cực đoan, rửa tiền, tội phạm xuyên quốc gia và hoạt động vì các đại dương tự do và rộng mở cũng được chú trọng, giúp mở rộng hơn nữa phạm vi các hoạt động quân sự của hai bên. Ấn Độ đã tích cực giúp đỡ châu Phi với các sáng kiến an ninh mạng, gìn giữ hòa bình, chống khủng bố và đào tạo sĩ quan quân đội theo ITEC ($\frac{1}{3}$ trong số 54 quốc gia Châu Phi). Ấn Độ cũng đã thành lập các cơ sở đào tạo quốc phòng gồm các học viện/đại học ở một số quốc gia châu Phi như Đại học Hải quân Nigeria, Học viện Quân sự Ethiopia và Học viện Không quân Ghanaian. Ấn Độ cũng đã tổ chức các chương trình huấn luyện quân sự tới một số quốc gia như Namibia, Tanzania, Zambia, Uganda, Mauritius và Seychelles. Ấn Độ và 17 quốc gia châu Phi cũng đã có cuộc tập trận chung AF-Index (2019, 2023) với sự tham gia của 40 quốc gia châu Phi. Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ - châu Phi (IADMC) cùng Triển lãm quân sự Ấn Độ - châu Phi (DefExpos) (2020) và Hội nghị Tham mưu trưởng Lục quân chung (2023) được tổ chức. Việc thiết lập Đối thoại Quốc phòng Ấn Độ - châu Phi (IADD) hỗ trợ tăng cường quan hệ đối tác hiện có và khám phá các lĩnh vực hội tụ mới để cùng tham gia như xây dựng năng lực, đào tạo, an ninh mạng, an ninh hàng hải và chống khủng bố.

IADMC đã thu hút được sự tham gia của gần 30 quốc gia châu Phi. Các cuộc đàm phán của Ấn Độ cũng phục vụ mục đích thứ yếu trong việc mở rộng khả năng tiếp cận thị trường cho các nhà sản xuất vũ khí trong nước. Ba quốc gia Châu Phi nhập khẩu vũ khí của Ấn Độ nhiều nhất là Seychelles, Mauritius và Mozambique (2017 - 2022) [Abhishek, M., 2023]. Việc tăng cường các nhiệm vụ chống nổi dậy ở Sahel, bên cạnh các chương trình nghị sự hiện đại hóa cho quân đội của Algeria, Nam Phi, Nigeria, Ethiopia và Kenya và những quốc gia khác, báo hiệu cơ hội xuất khẩu vũ khí cho lục địa này (châu Phi chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ) [Abhishek, M., 2023]. Hợp tác hàng hải của Ấn Độ với các quốc gia châu Phi, đặc biệt là các quốc gia ở phía Đông và phía Nam của châu Phi cũng được tăng cường theo học thuyết SAGAR. Cùng với Hải quân Brazil và Nam Phi, IN đã tham gia cuộc tập trận IBSAMAR-VI (2018), Cutlass Express (2021) và Vùng Vịnh (2023) với sự tham gia của Mỹ, Anh, 12 quốc gia Đông Phi và nhiều tổ chức quốc tế. Các quốc gia châu Phi, với đường bờ biển dài dọc theo ÁĐD, có vai trò quan trọng trong khu vực ÁĐD - TBD cũng như tăng cường chiến lược của Ấn Độ về an ninh hàng hải. Ấn Độ đã ký kết hàng loạt MOA về quốc phòng, thương mại và vận chuyển trong những năm qua để thể hiện rằng châu Phi thực sự có vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại của mình. Với sự can thiệp ngày càng tăng của Trung Quốc cùng chiến lược “Chuỗi ngọc trai”, Ấn Độ buộc phải phối hợp chặt chẽ với các quốc gia ven biển châu Phi giống như cơ chế phối hợp mà nước này đã sử dụng với Australia và Nhật Bản. Ấn Độ đang đóng vai trò quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình, hỗ trợ các hoạt động chống khủng bố, cướp biển, đồng thời hỗ trợ đào tạo và xây dựng năng lực cho các tổ chức ở châu Phi. Ấn Độ đã thiết lập 32 trạm radar giám sát bờ biển ở Seychelles, Mauritius, Sri Lanka và Maldives; ký MOA với Seychelles để thiết lập căn cứ quân sự đầu tiên của mình ở nước ngoài (2015). Các cuộc tuần tra chống cướp biển ở Vịnh Aden, phía bắc ÁĐD và eo biển Hormuz; các nhiệm vụ chuyên biệt ở Mauritius; Mozambique, Réunion (cùng Pháp); Madagascar và Seychelles và Nam ÁĐD là những nhiệm vụ chính mà Ấn Độ đang đảm nhận. Là một phần của quyền lực mềm nhưng Ấn Độ chỉ đặt 05 tùy viên quốc phòng và duy trì một số chuyên gia huấn luyện quân sự của mình tại lục địa Đen. Sự hiện diện quân sự như vậy là rất nhỏ trong tham vọng tổng thể nhằm có một chỗ đứng vững chắc ở lục địa này.

** Trên các lĩnh vực khác*

Về KH&CN, CNTT là một trụ cột quan trọng trong hợp tác kỹ thuật giữa Ấn Độ với châu Phi. Với Chương trình ITEC và SCAAP, các quốc gia châu Phi đã nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật từ Ấn Độ. Các chương trình thuộc khuôn khổ Sáng kiến KH&CN Ấn Độ - châu Phi thường xuyên được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho các nhà nghiên cứu châu Phi được hợp tác về KH&CN tại Ấn Độ. Ấn Độ đã ký MOA về hợp tác công nghệ với 04 nước châu Phi gồm Nam Phi, Tunisia, Ai Cập và Mauritius và triển khai các công nghệ năng lượng tái tạo ở khu vực. ISA đã thúc đẩy hợp tác nhiều hơn giữa Ấn Độ và châu Phi, giúp thúc đẩy an ninh năng lượng và tạo điều kiện cho quá trình chuyển đổi năng lượng của các nước thành viên. Ấn Độ cũng thiết lập một mạng cáp quang nhằm cung cấp thông tin liên lạc qua vệ tinh, y tế và giáo dục từ xa cho 48 quốc gia châu Phi. Về hợp tác giáo dục, Ấn Độ đã cam kết cung cấp 50.000 học bổng ICCR cho sinh viên châu Phi trong thời gian 5 năm và thành lập các tổ chức giáo dục đại học ở khu vực (2015) [Gupte, Y. S., 2023]. Về hợp tác nông nghiệp và an ninh lương thực, lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực nổi lên trong quan hệ hợp tác. Các tổ chức của Ấn Độ như Viện nghiên cứu Cây trồng quốc tế (ICRISAT) và Viện Nghiên cứu Chăn nuôi quốc tế (ILRI) dẫn đầu hợp tác giữa Ấn Độ và châu Phi trong lĩnh vực nông nghiệp với mục tiêu giảm nghèo và cải thiện an ninh lương thực ở các nước châu Phi thông qua việc sử dụng bền vững cây trồng và vật nuôi do Ấn Độ nghiên cứu và cung cấp. Ấn Độ luôn là bên đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề đang tồn tại ở châu Phi. Châu Phi cũng chấp nhận cách tiếp cận của Ấn Độ đối với quan hệ đối tác phát triển dựa trên ba nguyên tắc “không điều kiện, không quy định chính sách và không gây áp lực lên chủ quyền” [Viswanathan H.H.S., Mishra, A., 2020], tương thích với Các Mục tiêu Phát triển (SDGs) và Chương trình nghị sự 2063 của AU. Về y tế và hỗ trợ nhân đạo, Ấn Độ cũng đã hỗ trợ các nước châu Phi trong bối cảnh khủng hoảng (Ebola, lũ lụt, hạn hán). Trong đại dịch Covid-19, Ấn Độ đã viện trợ 270 tấn lương thực cho Sudan, Nam Sudan, Djibouti và Eritrea, đồng thời cung cấp các gói hỗ trợ y tế trị giá 05 triệu USD đến hơn 25 quốc gia châu Phi. Với chính sách ngoại giao y tế “Vaccine Maitri”, Ấn Độ cũng đã tổ chức các khóa đào tạo, e-ITEC cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe về Covid-19 và quản lý bệnh dịch. 42 quốc gia châu Phi cũng được nhận 39,65 triệu liều vaccine Covid từ Ấn Độ [Mishra, A., 2022]. Ấn Độ hỗ trợ nhân đạo và các biện pháp cứu trợ thiên tai cho các nước châu Phi gồm các quốc gia ven biển và hải đảo châu Phi dễ bị thiên tai. Năm 2022, Ấn Độ đã mở rộng tổng cộng 204 LOC với trị giá 12,37 tỷ USD cho 42 quốc gia châu Phi [Mishra, A., 2022]. Năm 2021, MOU giữa

Liên đoàn Y tế của Ấn Độ (NATHEALTH) và Liên đoàn Y tế Châu Phi (AHF) được ký kết nhằm xây dựng hệ sinh thái chăm sóc sức khỏe, tăng cường đầu tư và tạo ra các mối quan hệ đối tác xuyên quốc gia.

Việc tăng cường hợp tác với các quốc gia châu Phi trên nhiều lĩnh vực cho thấy Ấn Độ không chỉ tìm kiếm lợi ích thương mại, mà còn mong muốn xây dựng các mối quan hệ đối tác dựa trên nguyên tắc "đôi bên cùng có lợi", chứng minh cam kết của Ấn Độ trong việc trở thành người ứng phó đầu tiên trong các cuộc khủng hoảng ở châu Phi, khác với cách tiếp cận của Trung Quốc nhằm vào khai thác tài nguyên và ngoại giao “bẫy nợ”. Điều này cho phép hai bên cùng nhau giải quyết các thách thức như nghèo đói, phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện dịch vụ xã hội, góp phần vào xây dựng một trật tự thế giới đa cực, trong đó vai trò của các quốc gia đang phát triển được tôn trọng và thúc đẩy.

3.5.2.9. Đối với QUAD

Đối thoại An ninh Tứ giác (QUAD) (2007) gồm Ấn Độ, Australia, Nhật Bản và Mỹ. Điều khiến các quốc gia này xích lại gần nhau là mối quan tâm chung về sự trỗi dậy của Trung Quốc và các giá trị chính trị chung với tư cách là các nền dân chủ. QUAD được coi là một liên minh dân chủ biển, nhưng sau đó không tồn tại vì Australia rút lui do sự phản đối của Trung Quốc. Tuy nhiên, QUAD đã hồi sinh (2017) bên lề ARF. QUAD được xây dựng dựa trên sự tương tác ba bên Ấn Độ - Nhật Bản - ARF. Trong giai đoạn Covid-19, New Zealand, Hàn Quốc và Việt Nam được thêm vào dưới dạng “QUAD plus”. Vị trí địa chính trị và địa lý của Ấn Độ tạo ra một đối trọng đối với bước chân ngày càng tăng của Trung Quốc ở ÁĐD. Ấn Độ đã đạt được cơ hội để vươn lên từ một cường quốc tầm trung thành một cường quốc đúng nghĩa. Việc tăng cường các hoạt động của QUAD cho thấy QUAD đang phát triển như một trong những nhóm đa phương quan trọng. Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo đã cung cấp nền tảng trí tuệ cho nhóm trong cuốn sách “Hướng tới một đất nước tươi đẹp” (2006). Sau đó, trong một bài phát biểu trước Quốc hội Ấn Độ (2007), Thủ tướng Nhật Bản đã chỉ ra rằng một “châu Á rộng lớn hơn” đang nổi lên thông qua “sự kết hợp năng động” giữa TBD và ÁĐD, đồng thời kêu gọi quan hệ đối tác giữa Nhật Bản - Ấn Độ - Australia - Mỹ để xây dựng một “vòng cung tự do và thịnh vượng”. Các thành viên của QUAD đã nhấn mạnh rằng họ cam kết đảm bảo một khu vực “tự do và rộng mở”, với “sự tôn trọng luật pháp quốc tế” và “trật tự dựa trên luật lệ” ở ÁĐD - TBD, rõ ràng là ám chỉ đến sự quyết đoán của Trung Quốc và các hành động ở Biển Hoa Đông và Biển Đông của nước này.

Tuy nhiên, trong khi QUAD được hồi sinh, nó vẫn còn ở giai đoạn sơ khai và các thành viên dường như vẫn chưa chắc chắn về mục tiêu của tổ chức. Đó là an ninh hàng hải, kết nối, ngăn chặn các động thái của Trung Quốc tại ÁĐĐ - TBD và BRI hay là một sự kết hợp của cả ba mục tiêu trên. Mặc dù QUAD rất ít khả năng trở thành một công cụ ngăn chặn cứng rắn đối với Trung Quốc nhưng thông qua việc làm sáng tỏ các nguyên tắc và các cuộc tập trận hải quân thường xuyên, QUAD cho Trung Quốc thấy rằng đã có một tổ chức mà sức mạnh của các thành viên có thể được sử dụng khi cần thiết. QUAD thể hiện mong muốn của Ấn Độ là ngăn chặn bất kỳ quốc gia nào muốn thống trị ÁĐĐ - TBD và tạo thêm uy tín cho cấu trúc khu vực, trong đó đặt Ấn Độ ở vị trí trung tâm của an ninh khu vực. Đó là một phản ứng đối với mối đe dọa an ninh từ Trung Quốc và thể hiện sự sẵn sàng của Ấn Độ chịu trách nhiệm nhiều hơn đối với an ninh của khu vực. Ấn Độ đang lấp đầy những khoảng trống được tạo ra bởi sự rút lui của Mỹ tại khu vực và QUAD sẽ là một công cụ tốt cho việc này. QUAD đã đem lại cho Ấn Độ nhiều cơ hội:

(1) Không giống như cấu trúc CA-TBD, cấu trúc ÁĐĐ - TBD mang lại cho New Delhi cơ hội vượt lên trên vị thế cường quốc tầm trung vốn được dán nhãn lâu nay. Điều này được củng cố bởi việc Ấn Độ gia nhập liên minh các cường quốc - cụ thể là Mỹ và Nhật Bản đồng thời thúc đẩy các mối quan hệ chiến lược chặt chẽ với Washington và các đồng minh của họ trong khu vực. Điều này thúc đẩy đáng kể khát vọng cường quốc của Ấn Độ và khả năng triển khai sức mạnh ở ÁĐĐ - TBD và xa hơn nữa;

(2) Sự tham gia tích cực của New Delhi ở ÁĐĐ - TBD sẽ tự động thúc đẩy Chính sách "Hành động hướng Đông" và Chính sách "Láng giềng mở rộng" của Ấn Độ. Sự thúc đẩy này được củng cố bởi mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa New Delhi với các quốc gia ASEAN, bao gồm Việt Nam, Singapore, Thái Lan và Myanmar;

(3) Việc tăng cường quan hệ đối tác chiến lược Ấn Độ - Mỹ, chủ yếu thông qua quan hệ quốc phòng, đóng vai trò là một đối trọng mạnh mẽ với các đối thủ của Ấn Độ. Quan trọng nhất, mối quan hệ mang lại sự tăng cường đáng kể cho năng lực quân sự của Ấn Độ, đặc biệt là trong việc tấn công các mục tiêu với độ chính xác tuyệt đối - một nhu cầu cấp thiết đối với Ấn Độ trong việc theo dõi sát sao các hoạt động di chuyển của Trung Quốc dọc theo biên giới Himalaya và trong việc lập bản đồ sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc ở ÁĐĐ;

(4) Vai trò chiến lược của Ấn Độ được tăng cường hơn nữa trong quan hệ Ấn Độ - Australia, được nâng cấp lên Đối tác chiến lược toàn diện;

(5) Ấn Độ chứng tỏ mình là nước phản ứng đầu tiên trước cuộc khủng hoảng khu vực, cung cấp viện trợ y tế cho các quốc gia, trong đó có các thành viên của tổ chức;

(6) Ấn Độ trở thành một trong những điểm đến đầu tư “ưa thích” mới của thế giới, khi các nước tìm cách chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc (Apple, Samsung). Hơn nữa, QUAD phù hợp với chiến lược mới của Mỹ nhằm khôi phục ảnh hưởng ở Đông Á, thông qua việc đề cập đến “ÂĐD - TBD” thay vì “CA-TBD” và cả chiến lược của Mỹ trên bán đảo Triều Tiên đã đặt Trung Quốc vào thế khó.

Hiện là thành viên của cả QUAD và BRICS, Ấn Độ là trường hợp duy nhất tham gia vào nhiều cơ chế tập hợp lực lượng có tính đối lập và cạnh tranh với nhau. Với tốc độ, phạm vi hoạt động ngày càng tăng của nhóm, QUAD thực sự đang nổi lên như một trong những diễn đàn đa phương quan trọng thúc đẩy quan hệ đối tác an ninh trong trật tự thế giới hậu Covid-19. Ấn Độ nổi lên như một trung tâm chính trị, chiến lược mới của thế giới, trở thành một “thế lực” mới nắm giữ “chìa khóa” để cân bằng quyền lực tại khu vực và trên thế giới. Việc tăng cường hợp tác tại QUAD giúp Ấn Độ bảo vệ lợi ích tại khu vực ÂĐD - TBD, đặc biệt là nhằm đối phó với ảnh hưởng của Trung Quốc. Sự hiện diện của QUAD giúp Ấn Độ củng cố sự hỗ trợ an ninh và kinh tế từ các quốc gia trong tổ chức, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ trật tự quốc tế dựa trên luật pháp. Hợp tác trong QUAD tập trung vào các vấn đề như an ninh hàng hải, đối phó với các thách thức an ninh như khủng bố và sự gia tăng căng thẳng tại các điểm nóng địa chính trị, tạo điều kiện bảo vệ lợi ích kinh tế và chính trị của Ấn Độ trong bối cảnh toàn cầu thay đổi. Cuối cùng, thông qua QUAD, Ấn Độ có thể tăng cường khả năng tiếp cận công nghệ, hỗ trợ lẫn nhau trong các lĩnh vực như y tế và khí hậu, nhằm nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức chung trong khu vực. Tóm lại, việc hợp tác này không chỉ giúp nâng cao an ninh mà còn nâng cao vị thế chiến lược của Ấn Độ trong bối cảnh toàn cầu đa cực.

3.5.2.10. Đối với BRICS

BRICS đã trở thành một lực lượng chính trị quan trọng trong thập kỷ qua. Ban đầu là một khối các nền kinh tế mới nổi là Brasil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi, chiếm khoảng 41% dân số, 25% GDP, 35% thương mại và 25% FDI của toàn cầu [Báo Điện tử VOV, 2022] đã tăng gấp đôi quy mô vào năm 2024 sau khi kết nạp thêm 05 nước là UAE, Iran, Saudi Arabia, Ai Cập và Ethiopia. BRICS nổi lên như là tổ chức lớn nhất trong việc đa dạng hóa vai trò lãnh đạo toàn cầu và là ủng hộ cho sự đổi mới trên trường quốc tế. Hợp tác BRICS có các cơ chế hợp tác gồm tham vấn về

các vấn đề cùng quan tâm qua các cuộc gặp cấp lãnh đạo, các bộ trưởng trong các lĩnh vực như thương mại, tài chính, y tế, giáo dục, KH&CN, nông nghiệp, môi trường, năng lượng, lao động, quản lý thiên tai, chống tham nhũng, chống ma túy... Các cuộc họp của BRICS cũng được tổ chức bên lề các sự kiện đa phương.

Đến năm 2024, 16 Hội nghị Thượng đỉnh BRICS được tổ chức, trong đó 03 lần được tổ chức tại Ấn Độ. Ấn Độ tiếp nhận chức chủ tịch BRICS. Chức Chủ tịch BRICS của Ấn Độ trùng với lễ kỷ niệm 15 năm thành lập BRICS. Chủ đề năm của Ấn Độ là “BRICS-15: Hợp tác nội bộ BRICS vì sự liên tục, hợp nhất và đồng thuận”. Với vai trò Chủ tịch BRICS, Ấn Độ ưu tiên các nội dung hợp tác như cải cách hệ thống đa phương, chống khủng bố, công cụ kỹ thuật số và công nghệ để đạt được SDGs và tăng cường kết nối công dân. Hơn 150 sự kiện và cuộc họp được kết thúc trong thời gian Ấn Độ làm Chủ tịch BRICS. Các sự kiện nổi bật gồm Hội nghị Thượng đỉnh; cuộc họp của các Bộ trưởng Ngoại giao và Cố vấn An ninh Quốc gia cùng gần 20 cuộc họp cấp bộ trưởng khác thuộc mọi lĩnh vực MEA, GoI, 2024z]. Đối với Ấn Độ, việc tham gia vào tổ chức này như là một phần của chính sách đa phương hóa để hợp tác với các cường quốc. Ấn Độ đã thấy trước được những lợi ích kinh tế và địa chính trị to lớn khi hợp tác với các quốc gia mới nổi khác trong một diễn đàn đa phương. Khi Ấn Độ có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn hơn, Ấn Độ cũng ý thức được rằng lợi ích cũng phải tăng theo và Ấn Độ phải đóng một vai trò lớn hơn trong quản trị toàn cầu. Đa số các tổ chức quốc tế lớn đều do các cường quốc phương Tây kiểm soát như UNSC, IMF, WB... vì vậy, dư địa dành cho Ấn Độ là rất ít. Phương Tây cũng nhận ra Ấn Độ chắc chắn sẽ có được vai trò lớn hơn trong các tổ chức trọng điểm như một sự tất yếu nhưng sẽ tốn không ít thời gian trước khi Ấn Độ có được vị trí và vai trò mong muốn. BRICS xuất hiện như một tổ chức có thể giúp Ấn Độ sớm đạt được mục tiêu đó. Nó ra đời trong bối cảnh các cường quốc phương Tây đang trải qua cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng, Mỹ không kịp điều tiết nền kinh tế, nhưng vẫn chi phối các thể chế quốc tế và coi thường lợi ích của các quốc gia khác trong quản trị toàn cầu, trong khi đó, Trung Quốc, Nga và Brazil có dấu hiệu của tăng trưởng. Liên kết với các quốc gia này dường như là cách tốt nhất để đối phó với cuộc khủng hoảng, để các nước mới nổi chung tay tái cấu trúc các chế độ quản trị toàn cầu. BRICS dường như hoàn toàn phù hợp với chính sách đa phương hóa với tất cả các cường quốc của Ấn Độ, nơi mà mối quan hệ của Ấn Độ với Nga và Trung Quốc có thể tồn tại song song với mối quan hệ ngày càng tăng của Ấn Độ với Mỹ và EU.

Ấn Độ coi BRICS không phải là tổ chức chống lại ảnh hưởng của phương Tây mà chỉ bổ sung thêm cho thể chế toàn cầu đang hiện có, giúp cân bằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ, đánh dấu sự khởi đầu của trật tự đa cực trong trật tự toàn cầu. Tư cách thành viên của Ấn Độ trong một tổ chức có Nga là động lực chính được coi là rất quan trọng để duy trì “quyền tự chủ chiến lược” của Ấn Độ. BRICS đại diện mong muốn của một số lượng lớn quốc gia tìm kiếm dân chủ hóa các cấu trúc tài chính toàn cầu nơi mà Ấn Độ có thể sẽ được hưởng lợi từ quá trình này.

Vượt qua rào cản trong quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc, các nước thành viên vẫn hợp tác chặt chẽ với nhau trên nhiều lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, an ninh, an ninh phi truyền thống... và đã đạt được tiến bộ đáng kể khiến vai trò của tổ chức được tăng lên. BRICS đã thành lập các tổ chức tài chính mới như Ngân hàng Phát triển Mới (NDB), Cơ chế Dự trữ Dự phòng (CRA) như giải pháp thay thế cho WB, IMF và đang thảo luận về khả năng đưa ra một hệ thống thanh toán đa phương, với đồng tiền chung không phải là USD song có vẻ Ấn Độ không quan tâm đến kế hoạch này, thay vào đó là tập trung củng cố và làm mạnh đồng tiền Rupee. Có hai lý do giải thích việc này (1) Ấn Độ là quốc gia duy nhất BRICS có thành tích tốt về GDP mà chưa cần đến sự hỗ trợ của khối và (2) Ấn Độ không muốn mạo hiểm quan hệ với Mỹ và EU cũng như chưa thật sự tin tưởng vào kế hoạch tiền tệ của BRICS.

Dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ hợp tác chặt chẽ với Mỹ, Trung Quốc, Nga và Nhật Bản. Ấn Độ nhiệt tình tổ chức các hội nghị thượng đỉnh BRICS mà Ấn Độ đang cai, đặc biệt là tại Goa (2016). BRICS cũng chứng kiến lập trường cứng rắn của Ấn Độ với Trung Quốc trước thềm Hội nghị Thượng đỉnh BRICS tại Hạ Môn (2017) vì vấn đề biên giới Dokham. Ấn Độ muốn gửi một thông điệp tới Trung Quốc rằng còn “xung đột ở biên giới” thì không có “ăn tối tại các diễn đàn đa phương”, đòi tẩy chay hội nghị. Với việc Nga đóng vai trò xoa dịu, hai bên đã “hạ nhiệt” và hội nghị diễn ra tốt đẹp. Qua đó, có thể thấy BRICS đã chứng tỏ là một diễn đàn hữu ích đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý khủng hoảng, tiếng nói của Nam bán cầu.

Mỗi một quốc gia tham gia BRICS đều có mục đích khác nhau. Với Nga và Trung Quốc, trong quá trình tìm kiếm trật tự đa cực, coi BRICS như công cụ để “xóa bỏ sự thống trị” của phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Bị phương Tây cô lập, Nga đã tìm kiếm các lợi ích kinh tế và chính trị ở phương Đông. Trung Quốc thì muốn xây dựng một tổ chức nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của phương Tây và được tiếp cận với thị trường và nguồn lực của

các nước đang phát triển thông qua một diễn đàn đa phương. Trung Quốc vẫn nỗ lực kêu gọi Ấn Độ “tạm gác tranh chấp về biên giới”, hướng đến “tầm nhìn dài hạn”, đề xuất “mặt trận thống nhất” để chống lại phương Tây và thúc đẩy chủ nghĩa đa phương. Khác với Nga và Trung Quốc, Ấn Độ không có ý định kiềm chế ảnh hưởng của các cường quốc phương Tây thông qua BRICS mà coi đó là nơi để “tìm kiếm địa vị” và “phòng ngừa rủi ro” trong quá trình toàn cầu hóa. Các mục tiêu chính của Ấn Độ tại BRICS gồm có (1) Cải cách các tổ chức quốc tế; (2) Tìm kiếm sự ủng hộ cho việc gia nhập UNSC; (3) Hợp tác chống khủng bố; (4) Tăng cường hợp tác kinh tế; (5) Thúc đẩy các sáng kiến trong BRICS. Khi mà Mỹ tỏ ra ủng hộ Ấn Độ gia nhập NSG, Trung Quốc đã phản đối mạnh mẽ nhằm kiềm tỏa Ấn Độ. Tuy nhiên, Ấn Độ rất cần sự hỗ trợ của Nga, Mỹ và thậm chí cả Trung Quốc trong các vấn đề khu vực và quốc tế.

Ấn Độ không thể đạt được tham vọng toàn cầu của mình chỉ với hỗ trợ từ BRICS và các nước đang phát triển. Ấn Độ coi việc thúc đẩy BRICS là cần thiết để tăng cường hợp tác đa phương trong các vấn đề phát triển và an ninh. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Goa (2016), Ấn Độ nhấn mạnh thúc đẩy bằng cách đề xuất các cơ quan xếp hạng, tổ chức nghiên cứu, tổ chức thúc đẩy thương mại và hợp tác nội khối BRICS. BRICS được coi là một diễn đàn hữu ích để tăng cường thương mại và đầu tư với các nước thành viên. Trung Quốc đã nổi lên như một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ nhưng Ấn Độ có thâm hụt thương mại với hầu hết các nước BRICS, đặc biệt là Trung Quốc, vì vậy, Ấn Độ cũng mong muốn tăng cường hợp tác nội khối để đẩy mạnh xuất khẩu nhằm giảm thâm hụt thương mại. BRICS cũng là một đường dẫn để tăng cường đầu tư nội khối BRICS nhưng Ấn Độ đã kiên quyết từ chối tham gia BRI mặc dù Nga đã vận động. Trung Quốc, Brazil và Ấn Độ có đầu tư lớn ở châu Phi song các khoản đầu tư lớn của Ấn Độ và Trung Quốc là ở các nước phát triển. Với sự suy thoái ở phương Tây, Trung Quốc đang cố gắng định hướng lại chiến lược đầu tư của mình tập trung vào các nước đang phát triển ở châu Á và châu Phi. BRICS có thể hoạt động như một người hỗ trợ để chuyển hướng đầu tư vào các quốc gia ở Nam bán cầu.

Thách thức lớn nhất đối với khả năng tồn tại và gắn kết của BRICS có lẽ là quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc, xoay quanh vấn đề biên giới và khủng bố, nếu không thể giải quyết được, rất có thể sẽ có SAARC thứ hai mà không cần có Pakistan. Ưu thế của Trung Quốc tại BRICS cũng là một mối lo ngại khác đối với Ấn Độ khi mà nước này thường xuyên “soán ngôi” tại các chương trình nghị sự cùng ảnh hưởng ngày càng tăng lên các

thành viên của BRICS. Ấn Độ cũng phản đối rất nhiều đề xuất của Trung Quốc như “BRICS Plus” nhằm mục đích hội nhập thêm nhiều quốc gia hơn hay đề xuất tăng đóng góp của Trung Quốc tại BRICS hơn các quốc gia còn lại...vì Ấn Độ tin rằng bất kỳ sự thay đổi nào trong thời điểm này đều có thể khiến BRICS có lợi hơn cho Trung Quốc và gây thêm sức ép cho Ấn Độ. BRICS hiện đã nâng cao vị thế của Ấn Độ bằng cách định vị quốc gia này trong chiến lược của Nga và Trung Quốc. Ấn Độ có nhiều ảnh hưởng hơn tại BRICS so với tại G20 hoặc UN. Đổi lại, sự hiện diện của Ấn Độ mang lại uy tín cho BRICS, giúp tổ chức này không bị lên án là một khối chống phương Tây với sự tham gia của Nga và Trung Quốc mặc dù cả 04 thành viên còn lại đều không tham gia các biện pháp trừng phạt Nga vì cuộc xung đột Nga - Ukraine. Ấn Độ như một người đánh chuông, luôn thức tỉnh các thành viên khác chú ý trước “chủ nghĩa siêu dân tộc” và những “đề xuất” của Trung Quốc nhằm biến “Giấc mộng Trung Hoa” thành hiện thực.

Tóm lại, chính sách đối ngoại của Ấn Độ trở nên bao quát và sâu sát với các nước láng giềng mở rộng tại vòng tròn thứ hai đã giúp mở rộng ảnh hưởng, duy trì cân bằng quyền lực và củng cố quan hệ chiến lược với các cường quốc, nhất là Mỹ và Trung Quốc.

3.5.3. Vòng tròn thứ ba trong chính sách đối ngoại

Về vòng tròn thứ ba, tức là cấp độ toàn cầu, Ấn Độ tìm cách định vị mình là một trong những “người chơi chính trong hòa bình và an ninh quốc tế.” Để theo đuổi mục tiêu này, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi không chọn bên hay ngã về phía một cường quốc nào cả, mà vẫn giữ quan điểm “trung lập” với nguyên tắc “tự chủ chiến lược”. Điều này cho phép Ấn Độ tự tin thúc đẩy quan hệ với Nga trong khi vẫn giữ mối quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ. Ấn Độ được Mỹ và hầu hết các đồng minh của họ coi là một quốc gia “dao động” [Osirus, T., 2014], không hoàn toàn liên kết với một siêu cường nhất định và do đó có thể tạo ra các động lực quyền lực mới, điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Trung Quốc đang trỗi dậy. Trên trường quốc tế, Ấn Độ ủng hộ một trật tự thế giới đa cực, trong đó nước này tìm cách “chiếm vị trí xứng đáng của mình trong cộng đồng các quốc gia.” Về chính sách đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chiến lược “đa liên kết”, đa dạng hóa quan hệ, điều này cho phép New Delhi củng cố vị thế của mình ở cấp độ toàn cầu. Chiến lược đa dạng hóa quan hệ đặt trọng tâm vào việc hợp tác với nhiều đối tác trên một loạt các lĩnh vực và tham gia tích cực hơn vào các tổ chức đa phương. Đến hết năm 2024, Ấn Độ đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 201 quốc gia, bao gồm cả những quốc gia ở vòng ngoài Á-ĐD - TBD như khu vực EU, Mỹ Latinh và Caribe, là thành viên của hơn

2.000 tổ chức quốc tế trong tổng số 6.000 tổ chức trên thế giới. Tuy nhiên, Ấn Độ lại không phải là thành viên của bất kỳ liên minh quân sự nào.

3.5.3.1. Đối với Nga

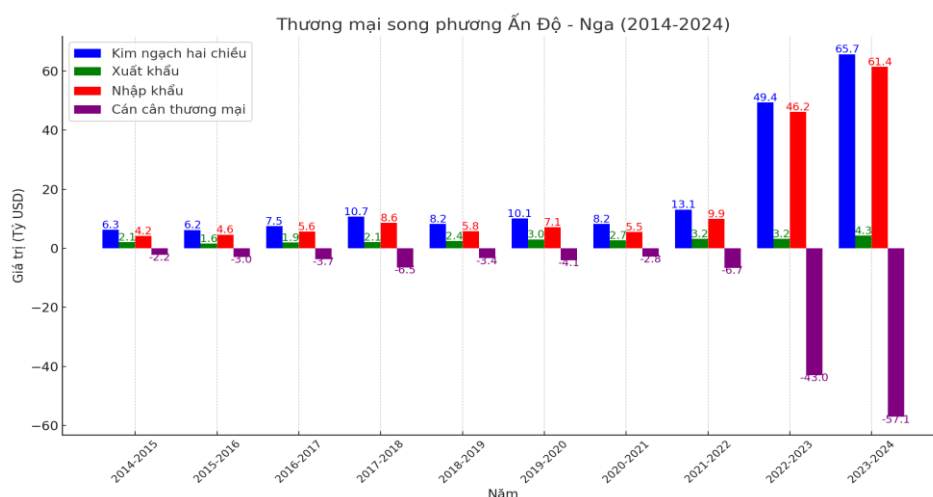
** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Đối với Ấn Độ, Nga là một cường quốc cân bằng ở châu Á và là một cực quan trọng trong một thế giới đa cực, có tiềm lực quân sự mạnh thuộc top đầu thế giới, vì vậy, Ấn Độ chú trọng phát triển mối quan hệ đôi bên cùng có lợi với Nga. Kể từ năm 2014 - 2024, lãnh đạo hai nước đã thường xuyên có các chuyến thăm lẫn nhau cũng như các cuộc gặp bên lề các diễn đàn đa phương như BRICS, SCO, G20.... Về phía Nga, có 03 chuyến thăm Ấn Độ của Tổng thống V. Putin (2014, 2018, 2021). Về phía Ấn Độ, có 06 chuyến thăm Nga của Thủ tướng N. Modi (2015 (02 lần), 2017, 2018, 2019, 2024). Hai nhà lãnh đạo cũng tổ chức trao đổi 07 cuộc điện đàm (2021 - 2022). Đến năm 2024, đã có 22 hội nghị thượng đỉnh thường niên giữa hai nước được tổ chức kể từ năm 2000. Bên cạnh đó, hai bên đã tổ chức thành công 25 cuộc họp thượng đỉnh thường niên của chính phủ nhằm tăng cường hợp tác trên mọi lĩnh vực và 20 cuộc họp về hợp tác quân sự và kỹ thuật quân sự do Bộ trưởng Quốc phòng hai nước chủ trì [MEA, GoI, 2024đ]. Hai bên cũng thường xuyên tổ chức các cuộc gặp cấp bộ trưởng các bộ, ngành nhằm đảm bảo duy trì tiếp xúc cấp cao hai nước. Trong các chuyến thăm, hai bên đã ký kết hàng chục MOA hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Các chuyến thăm và các cuộc gặp gỡ được tăng cường giữa các nhà lãnh đạo đã thể hiện việc cả hai nước đều coi trọng mối quan hệ này. Hai nhà lãnh đạo cũng chia sẻ quan điểm rằng Nga và Ấn Độ có vai trò hết sức quan trọng trong việc góp phần xây dựng một trật tự thế giới mở và bình đẳng; ghi nhận vai trò của nhau với tư cách là các cường quốc lớn có trách nhiệm trong duy trì hòa bình, ổn định toàn cầu, đồng thời nhất trí về tầm quan trọng của việc xây dựng một trật tự thế giới đa cực, đồng thời nhận xét mỗi hệ Ấn - Nga là “tin cậy, thân thiết”, “được thử thách qua thời gian” và “ăn sâu bén rễ” [Báo Quân đội Nhân dân, 2018], nhất là sau khi Nga công bố Chiến lược An ninh quốc gia (2021) trong bối cảnh thế giới đang trải qua sự biến đổi mạnh khi cuộc đối đầu giữa Nga - Mỹ và các đồng minh trở nên gay gắt, Nga coi Ấn Độ là đối tác chiến lược ưu tiên cùng với Trung Quốc... [Trenin, D., 2021]. Hai nước cũng thể hiện sự ủng hộ lẫn nhau trong việc xây dựng vị thế trong các thể chế khu vực quan trọng như SCO, BRICS, G20... Ấn Độ đã và đang nổi lên như một cường quốc khu vực ở Nam Á và ÁĐD với quan hệ chính trị và kinh tế chặt chẽ với hầu hết các quốc gia trong khu vực. Trong khi

Nga có ý định duy trì mối quan hệ thân thiện với Trung Quốc, thì lợi ích của Ấn Độ là kìm hãm và ngăn chặn chủ nghĩa bá quyền của nước này trong khu vực. Do đó, Ấn Độ sẽ luôn là một đối tác quan trọng của Nga trong chính sách Nam Á nhằm thúc đẩy trật tự thế giới đa cực vì lợi ích chung. Ấn Độ tiếp tục giữ quan điểm trung lập và không công khai chỉ trích các hành động của Nga, đặc biệt trong bối cảnh cuộc xung đột Ukraine, cho thấy sự trân trọng của Ấn Độ đối với quan hệ lâu dài và ổn định với Moscow nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, phản ánh sự đồng nhất về quan điểm chiến lược trong bối cảnh toàn cầu ngày càng phức tạp.

* Trên lĩnh vực kinh tế

Hình 3.9: Thương mại song phương Ấn Độ - Nga (2014 - 2024)



Nguồn: Ministry of External Affairs [MEA, GoI, 2024đ]

Ấn Độ và Nga là đối tác thương mại lớn của nhau. Thương mại song phương đều tăng trong suốt nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi. Cơ chế chính ở cấp chính phủ để tăng cường hợp tác kinh tế và thương mại là IGC Ấn Độ - Nga về hợp tác thương mại, kinh tế, khoa học và văn hóa (IRIGC-TEC) và Đối thoại Kinh tế Chiến lược Ấn Độ - Nga (IRSED). Hai nước đã ký MOA thành lập Quỹ đầu tư chung với số vốn 01 tỷ USD (2016), đồng thời sẽ thúc đẩy đàm phán ký kết FTA giữa Ấn Độ và EAEU. Thương mại song phương đạt 6,3 tỷ USD (2014 - 2015) đã tăng lên 10,17 tỷ USD (2017 - 2018) và tăng ngoạn mục lên 49,4 tỷ USD (2022 - 2023), đạt đỉnh 65,7 tỷ USD (2023 - 2024) [MEA, GoI, 2024đ]. Lý do đạt được tăng trưởng thương mại là vì Ấn Độ tranh thủ mối quan hệ giữa Nga và các nước phương Tây đang rạn nứt để tăng cường trao đổi quan hệ thương mại với Nga khi Nga đang bị cấm vận hàng hóa. Hai nước cũng đã thiết lập cơ chế thanh

toán bằng đồng Rúp và đồng Rupee trong các giao dịch chung mà không cần sử dụng đồng USD. Hành lang hàng hải phía Đông (EMC) được tận dụng để giảm thiểu chi phí vận chuyển và tối ưu hóa thương mại giữa hai nước, phản ánh sự quan tâm chung trong việc nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng. *Đầu tư* song phương cũng vượt mục tiêu trước đó là 30 tỷ USD (2018), dẫn đến mục tiêu sửa đổi là 50 tỷ USD (2025) và 100 tỷ USD (2030) [MEA, GoI, 2024đ]. Các khoản đầu tư chính của Nga ở Ấn Độ là dầu khí, ngân hàng, đường sắt và thép, trong khi đầu tư của Ấn Độ vào Nga chủ yếu là trong lĩnh vực dầu khí và dược phẩm. Nga không chỉ là nhà xuất khẩu dầu và khí tự nhiên lớn nhất sang Ấn Độ mà còn là nhà đầu tư vào lĩnh vực năng lượng của Ấn Độ. Đổi lại, Ấn Độ đã đầu tư vào các công ty năng lượng của Nga. Hai nước đang hợp tác để hiện thực hóa Dự án “Cầu nối năng lượng”, hợp tác trong lĩnh vực dầu khí và năng lượng tái tạo. Với việc quan hệ với Nga, Ấn Độ đang tìm cách giảm thiểu sự phụ thuộc vào các cường quốc phương Tây như Mỹ, đồng thời tối đa hóa lợi ích từ hai bên trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị toàn cầu.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Cơ chế Hợp tác kỹ thuật quân sự cùng Cơ chế Liên chính phủ về hợp tác quân sự và kỹ thuật quân sự (IRIGC-MMTC), “Đối thoại 2+2” (2021) là các cơ chế quan trọng, định hướng hợp tác quốc phòng hai nước, bao gồm hợp tác giữa các quân binh chủng, tập trận chung, đào tạo, mua sắm vũ khí và chuyển giao công nghệ. Tại Hội nghị Thượng đỉnh thường niên Nga - Ấn lần thứ 15 (2014), Nga khẳng định là đồng minh chiến lược của Ấn Độ và sẽ không làm bất cứ điều gì gây tổn hại đến an ninh và lợi ích của New Delhi, khẳng định này được nêu ra trong bối cảnh Nga đang viện trợ vũ khí cho Pakistan.

Hai nước đã ký kết kế hoạch nhằm mở rộng quan hệ đối tác hạt nhân dân sự; MOA mua 05 tiểu đoàn phòng không tên lửa tầm xa S-400 (5,43 tỷ USD). Tổng giá trị của hợp đồng quốc phòng là hơn 5,8 tỷ USD (2018) [Báo Quân đội Nhân dân, 2022a]. Ngoài S-400, Nga sẽ cung cấp thêm cho Ấn Độ các trực thăng đa dụng hạng nhẹ Kamov Ka 226T, 04 chiếc khu trục hạm tàng hình tên lửa Đô đốc Grigorovich 11356, hiện đại nhất của Nga và xây dựng một “khu công nghiệp quốc phòng” (2018) [MEA, GoI, 2024đ]. Trong năm 2021, tập đoàn sản xuất vũ khí Kalashnikov (Nga) đã ký hợp đồng trị giá 590 triệu USD với Ấn Độ về việc sản xuất súng trường tấn công AK-203 tại Ấn Độ [Báo Quân đội Nhân dân, 2022a]. Theo Báo cáo của SIPRI, Ấn Độ là khách hàng lớn nhất của ngành công nghiệp quốc phòng Nga, chiếm tỷ lệ 34% (2019 - 2023) [VnExpress, 2024].

Về hợp tác quân binh chủng, hai bên duy trì thường xuyên các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo giữa các quân binh chủng nhằm tăng cường sự tin cậy chính trị và chia sẻ kinh nghiệm; duy trì thường xuyên các cơ chế tập trận chung 02 năm/lần như INDRA (hình thành năm 2003), Avia - Indra (hình thành năm 2014), INDRA Navy (hình thành năm 2003) và đa phương PASSEX nhằm duy trì tự do hàng hải; Quân đội hai nước đã tham gia Hội thao quân sự quốc tế và cuộc tập trận Vostok-2022 (2022) tại Nga. *Về trang thiết bị quốc phòng*, Ấn Độ tiếp tục là nhà nhập khẩu lớn nhất các trang thiết bị quân sự của Nga, 50% vũ khí nhập khẩu của Ấn Độ đến từ Nga (trước đó là Liên Xô) nhằm đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa quân đội bao gồm máy bay chiến đấu (thế hệ MiG và Sukhoi), xe tăng (T-72MI và T-90s), trực thăng, các hệ thống tên lửa chống tăng, chống hạm, hệ thống phòng không tầm ngắn Igla-S, tàu ngầm, tàu ngầm hạt nhân (lớp Akula-2) và tàu sân bay. Liên Xô và Nga đã đóng tổng cộng 67 tàu hải quân, cung cấp 130 xe tăng T-90s và nhiều máy bay Su-30MKI cho quân đội Ấn Độ. Ấn Độ cũng đã đặt hàng Nga thêm 400 xe tăng T-90, 200 máy bay Su-30 và MiG-29 [Báo Quân đội Nhân dân, 2022a]; chuyển giao dây chuyền sản xuất tên lửa, xe chiến đấu, bảo dưỡng nâng cấp xe tăng cùng 700.000 súng trường AK-203, thuê tàu ngầm hạt nhân từ Nga [Nhật Minh, 2021]. Hơn 10.000 sĩ quan Ấn Độ được đào tạo tại Liên Xô và Nga [Azizian, R., 2004]. *Về hợp tác nghiên cứu phát triển*, hai nước tăng cường nhiều dự án nghiên cứu, phát triển và cùng sản xuất như dự án sản xuất tên lửa hành trình BrahMos và sản xuất máy bay chiến đấu thế hệ thứ năm. Ấn Độ là nước duy nhất Nga đã hợp tác để cùng phát triển các hệ thống vũ khí tiên tiến. Việc Ấn Độ hợp tác với Nga trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng cho thấy chiến lược “cân bằng quyền lực” của New Delhi trong mối quan hệ với các nước lớn.

** Trên các lĩnh vực khác*

Trong khi các nước phương Tây chưa sẵn sàng giúp đỡ Ấn Độ phát triển *lĩnh vực năng lượng hạt nhân dân dụng* thì Nga đã là quốc gia đầu tiên cung cấp nhiên liệu công nghệ hạt nhân, hỗ trợ kỹ thuật, sản xuất linh kiện cho các lò phản ứng hạt nhân theo thiết kế của Nga, giúp Ấn Độ xây dựng các tổ máy của nhà máy điện hạt nhân Kudankulam (2021), sau đó là kế hoạch tiếp tục hỗ trợ xây dựng thêm 25 nhà máy điện hạt nhân ở các vùng khác nhau nhằm giúp Ấn Độ giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu dầu mỏ, đảm bảo an ninh năng lượng. Đồng thời, Nga đã chính thức trở thành quốc gia đóng góp lớn nhất cho “kho dự trữ uranium chiến lược” của Ấn Độ ngoài Kazakhstan và Canada. Hai nước cũng đã nhất trí hợp tác sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình tại nước thứ ba.

MOA ba bên giữa Ấn Độ - Nga - Bangladesh (2018) được ký kết để xây dựng Nhà máy Điện hạt nhân Rooppur. MOA này mang tính lịch sử bởi nó chứng tỏ Ấn Độ được cộng đồng quốc tế công nhận là cường quốc hạt nhân có trách nhiệm. Hợp tác hạt nhân dân sự với Nga đóng góp lớn vào việc hiện thực hóa mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng và giúp Ấn Độ nâng cao vị thế trong các tổ chức quốc tế [Phạm Quyết Thắng, 2023]. Nga cũng là đối tác thân thiết của Ấn Độ trong các chương trình *hợp tác không gian* trong bốn thập kỷ qua, với sự hợp tác mở rộng sang các sứ mệnh trên Mặt Trăng và Sao Hỏa. Ấn Độ rất hy vọng nhận được sự hỗ trợ của Nga trong Kế hoạch Gaganyaan đưa con người lên vũ trụ của mình. Năm 2015, Ấn Độ và Nga đã ký MOA tăng cường hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực, phát triển hệ thống đẩy và phóng, phát triển công nghệ định vị vệ tinh, viễn thám trái đất từ vũ trụ, khoa học trái đất và thám hiểm các chòm sao. *Về hợp tác địa phương*, tiếp theo chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi tới Vladivostok (2019), các nỗ lực được thực hiện nhằm phát triển hơn nữa hợp tác với vùng Viễn Đông của Nga. *Về hợp tác văn hóa, giao lưu nhân dân và cộng đồng hải ngoại*, hiện có khoảng 30.000 người Ấn Độ sống ở Nga. Hai nước đã thành lập các Trung tâm văn hóa tại các thủ đô và thành phố lớn của nhau; ký kết các MOA để tổ chức tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa giữa hai nước (2015 - 2024). Trung tâm văn hóa JNCC của Ấn Độ tại Moscow và khoảng 20 trường phổ thông, đại học của Nga cũng thường xuyên tổ chức các lớp học Yoga, múa Ấn Độ, y dược học cổ truyền, dạy tiếng Hindi, Tamil, Pali... cho học viên Nga, đồng thời tổ chức Lễ hội văn hóa Ấn Độ tại Nga. Lễ hội Yoga quốc tế cũng thường xuyên được tổ chức với sự tham gia đông đảo của người tập Yoga tại Nga. Nga cũng là nước tham gia tích cực vào Chương trình hợp tác kinh tế kỹ thuật của Ấn Độ, số lượng học viên Nga tham dự chương trình này tăng theo từng năm. *Về hợp tác y tế và nhân đạo*, Ấn Độ và Nga hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực sản xuất vaccine. SPUTNIK-V được chấp thuận trở thành vaccine nước ngoài đầu tiên được phép sử dụng ở Ấn Độ (2021). Trong đại dịch Covid-19, hai nước đã hỗ trợ lẫn nhau kịp thời. Ấn Độ đảm bảo cung cấp các loại thuốc quan trọng, bao gồm paracetamol, HCQ và một số loại kháng sinh trong giai đoạn đầu diễn ra đại dịch ở Nga và Nga đã hỗ trợ cung cấp máy thở, máy tạo oxy và các thiết bị vật tư quan trọng trong giai đoạn thứ hai của đại dịch Covid-19 cho Ấn Độ. Hơn 11.000 hành khách được sơ tán khỏi Nga trên 54 chuyến bay trong thời gian phong tỏa liên quan đến Covid-19 (2020). Ấn Độ và Nga hiện đang thảo luận về MOA công nhận lẫn nhau về Giấy chứng nhận vaccine nhằm tạo thuận lợi cho việc di chuyển của người dân giữa hai

quốc gia [MEA, GoI, 2024đ]. *Về hợp tác trong các vấn đề khu vực và quốc tế*, hai nước đều là thành viên của G20, BRICS, SCO và nhiều diễn đàn đa phương khác. Hai nước thường xuyên tham vấn lẫn nhau về các vấn đề của UN, đặc biệt là cải tổ UNSC; vấn đề hạt nhân của Iran; tình hình Afghanistan, Trung Đông, Syria. Liên quan đến cuộc xung đột ở Ukraine, Ấn Độ luôn kêu gọi chấm dứt hoàn toàn mọi hoạt động thù địch và ủng hộ con đường hòa bình, đối thoại và ngoại giao; duy trì quan điểm trung lập về cuộc xung đột, từ chối lên án chiến dịch quân sự của Nga, không ủng hộ các lệnh trừng phạt của phương Tây, đồng thời tăng cường mua dầu của Moscow với giá ưu đãi làm giảm bớt tình trạng suy thoái kinh tế do hậu quả của đại dịch và xung đột Ukraine. Trong hợp tác chống khủng bố, hai nước đều nhấn mạnh phải có trách nhiệm đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố và kiên quyết chống lại bất kỳ ai giúp đỡ, cung cấp tài chính, đào tạo và bảo trợ cho chúng.

Có thể khẳng định trước những thay đổi phức tạp của trật tự toàn cầu, Ấn Độ đã thành công trong nỗ lực tăng cường quan hệ song phương với Nga trên nhiều lĩnh vực, nhất là hợp tác an ninh - quốc phòng và năng lượng, trên cơ sở có những song trùng về lợi ích ngay cả khi vẫn tồn tại những thách thức như thương mại vẫn còn khiếm tốn, cạnh tranh địa chính trị, Nga - Trung Quốc tăng cường liên minh, xung đột Ukraine, lệnh trừng phạt, yếu tố Mỹ và phương Tây... song hai nước vẫn luôn tìm cách để mối quan hệ này đi theo hướng đem lại lợi ích tối đa cho cả hai bên.

3.5.3.2. Đối với EU

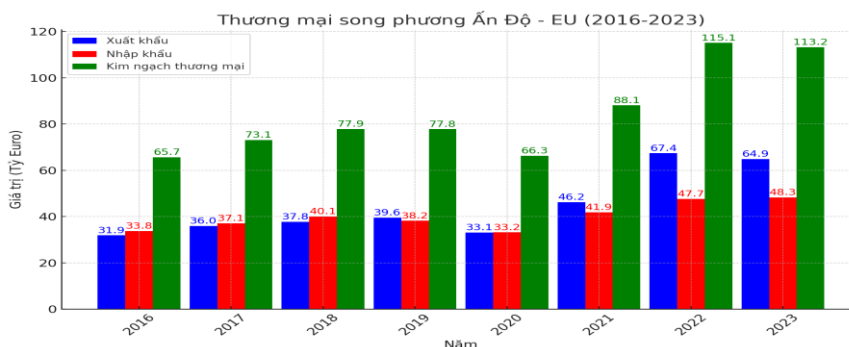
** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Mối quan hệ song phương giữa Ấn Độ - EU (1962) đã nâng cấp thành “Đối tác chiến lược” trong Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - EU lần thứ 5 (2004). Tính đến năm 2024, đã có 15 Hội nghị Thượng đỉnh được tổ chức giữa Ấn Độ và EU. Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - EU lần thứ 15 được tổ chức ở chế độ trực tuyến (2020) đã chứng kiến việc ký kết và thông qua Tuyên bố chung về Đối tác Chiến lược Ấn Độ - EU đến năm 2025, MOA về Hợp tác Năng lượng Hạt nhân Dân sự và MOA về hợp tác KH&CN được gia hạn thêm 05 năm. Tiếp nối Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - EU lần thứ 15 (2020), Hội nghị các nhà lãnh đạo Ấn Độ - EU đầu tiên được tổ chức (2021) với sự tham gia của Thủ tướng N. Modi và các nhà lãnh đạo của tất cả 27 quốc gia thành viên EU cũng như của Chủ tịch Hội đồng châu Âu và Chủ tịch Ủy ban châu Âu. Tại Hội nghị, các nhà lãnh đạo quyết định nối lại đàm phán các FTA (2007), đầu tư cân bằng và toàn diện; đưa ra một “Đối tác kết nối” đầy tham vọng và toàn diện, tập trung vào tăng cường kết nối kỹ thuật số, năng

lượng, giao thông, con người và vấn đề biến đổi khí hậu. Ngoài các hội nghị thượng đỉnh, các nhà lãnh đạo Ấn Độ và EU thường xuyên có các hoạt động tương tác cấp cao như các cuộc gặp gỡ bên lề các hội nghị quốc tế và các chuyến thăm lẫn nhau. Về phía Ấn Độ, ngoài 23 chuyến thăm song phương tại các quốc gia thuộc EU, Thủ tướng N. Modi cũng có các chuyến thăm tới và trao đổi với các nhà lãnh đạo của EU bên lề các hội nghị quốc tế như G20, G7... Về phía EU, ngoài các chuyến thăm song phương giữa các nhà lãnh đạo các nước thuộc EU với Ấn Độ, có các chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch Ủy ban Châu Âu U. Leyen (2022). Tại các chuyến thăm, các nhà lãnh đạo đã ký kết hàng loạt văn bản hợp tác quan trọng trong nhiều lĩnh vực, nổi bật là tuyên bố thành lập Hội đồng Thương mại và Công nghệ Ấn Độ - EU và tham gia Đối thoại Raisina (2022). Bên cạnh đó, từ năm 2014 - 2024 đã chứng kiến sự tương tác thường xuyên ở cấp bộ trưởng/ủy viên giữa Ấn Độ và EU phụ trách các lĩnh vực. Từ các cuộc tiếp xúc, hàng loạt các MOA/MOU được ký kết, nổi bật là MOA khởi động lại các cuộc đàm phán về FTA, Hiệp định Bảo hộ Đầu tư độc lập và MOA về chỉ dẫn địa lý (2022). Tương tác Nghị viện giữa hai bên cũng được chú ý giữa Nghị viện Châu Âu (EP), Ủy ban Thương mại Quốc tế Nghị viện EU (INTA) với Nghị viện Ấn Độ để thảo luận về các vấn đề mà hai bên đang cùng quan tâm trong đó có tăng cường tương tác giữa các nghị viện. Ấn Độ và EU đã thể chế hóa các cuộc đối thoại chính trị xoay quanh những vấn đề như chống khủng bố, an ninh mạng, di cư, an ninh hàng hải, nhân quyền, không phổ biến vũ khí hạt nhân và giải trừ quân bị. Hai bên thường xuyên gặp gỡ để thảo luận về hợp tác song phương và quốc tế trong các lĩnh vực này. Các cơ chế Đối thoại chính trị và an ninh bao gồm Tham vấn chính sách đối ngoại và Cuộc họp Đánh giá Quan hệ Đối tác Chiến lược. Theo Chủ tịch Ủy ban châu Âu U. Leyen, quan hệ EU - Ấn Độ sẽ trở thành trung tâm của chiến lược địa chính trị châu Âu [Báo Quân đội Nhân dân, 2022b], đặc biệt trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng và chống biến đổi khí hậu. Mọi quan hệ hệ đối tác chiến lược giữa Ấn Độ và EU không chỉ nâng cao vị thế của Ấn Độ mà còn góp phần vào việc duy trì cân bằng quyền lực và hỗ trợ chính sách tự cường của Ấn Độ.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Hình 3.10: Thương mại song phương Ấn Độ - EU (2016 - 2023)



Nguồn: Ministry of External Affairs [MEA, GoI, 2024ê]

Thương mại song phương giữa Ấn Độ và EU (2014 - 2024) có xu hướng tăng mạnh (2021 - 2022). Xuất khẩu từ Ấn Độ tăng từ 31,9 tỷ Euro (2016) lên 67,4 tỷ Euro (2022), phản ánh nỗ lực tăng cường sản xuất và xuất khẩu của Ấn Độ và hưởng lợi từ việc nối lại FTA giữa hai bên đã bị đình trệ suốt 14 năm (2007 - 2021). Nhập khẩu cũng tăng đều, đạt 48,3 tỷ Euro (2023). Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 9 trong xuất khẩu hàng hóa (1,89%) và cũng là đối tác lớn thứ 9 trong nhập khẩu hàng hóa của EU (2,58%) (2023). Thương mại song phương của Ấn Độ chiếm 2,19% trong tổng kim ngạch thương mại toàn cầu của EU (2023) [MEA, GoI, 2024ê]. Những con số này là minh chứng khẳng định vị thế quan trọng của Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế tại châu Âu, đồng thời mở ra triển vọng phát triển hơn nữa trong tương lai. Về đầu tư, tỷ trọng của EU trong dòng FDI vào Ấn Độ đã tăng hơn gấp đôi từ 8% lên 18% trong thập kỷ qua, khiến EU trở thành nguồn FDI lớn nhất của Ấn Độ. Dòng vốn FDI từ EU vào Ấn Độ đạt tổng cộng 86,82 tỷ USD (2000 - 2020). Tính đến hết năm 2023, có tới 4.500 công ty của EU đang hoạt động ở Ấn Độ, cung cấp 1,5 triệu việc làm trực tiếp và khoảng 05 triệu việc làm gián tiếp trong nhiều lĩnh vực. Đầu tư của Ấn Độ vào EU khoảng 50 tỷ Euro [MEA, GoI, 2024ê]. Ấn Độ và EU cũng đã thiết lập Cơ chế tạo thuận lợi cho đầu tư (IFM) (2017), tạo ra cơ chế một cửa duy nhất cho các công ty EU đầu tư vào Ấn Độ. Để cung cấp định hướng hợp tác cho các cuộc đàm phán, Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - EU lần thứ 15 (2020) đã quyết định thiết lập cơ chế Đối thoại cấp cao về thương mại và đầu tư ở cấp CIM và Cao ủy Thương mại của EU.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Ấn Độ và EU đã tổ chức các đối thoại chính sách an ninh định kỳ, tập trung vào các vấn đề như an ninh hàng hải, chống khủng bố, và an ninh mạng. Điều này đã giúp hai bên tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và cùng hợp tác trong việc đối phó với các thách thức an

ninh phi truyền thống, đảm bảo an ninh khu vực và toàn cầu. Về an ninh hàng hải, Ấn Độ và EU tiến hành các cuộc tập trận chung như cuộc Diễn tập Hải quân chung (2021), nhằm tăng cường khả năng phối hợp tại ÁĐD - TBD và chia sẻ thông tin tình báo để đảm bảo an toàn hàng hải trong khu vực chiến lược này. Ấn Độ đã thực hiện ký MOA về an ninh với Pháp bao gồm “Tầm nhìn chiến lược chung về hợp tác ở khu vực ÁĐD” đồng thời đồng ý trao quyền tiếp cận các cơ sở hải quân của nhau. Tuy vậy, điều này vẫn chỉ dừng lại ở Pháp và chưa mở rộng ra các cường quốc khác như Đức và Anh. Về chống khủng bố, hai bên hợp tác chặt chẽ thông qua các cuộc họp và chia sẻ kinh nghiệm, thông tin tình báo để nâng cao hiệu quả đối phó với các mối đe dọa khủng bố, đặc biệt là các nguy cơ từ các nhóm khủng bố quốc tế. Về an ninh mạng, Ấn Độ và EU hợp tác qua các đối thoại an ninh mạng, nơi hai bên cùng phát triển các chiến lược và công nghệ để bảo vệ cơ sở hạ tầng quan trọng khỏi các cuộc tấn công mạng, điển hình là các thỏa thuận về an ninh mạng đạt được trong các cuộc Đối thoại an ninh Ấn Độ - EU (2020).

**Trên các lĩnh vực khác*

Hai bên hợp tác trong nhiều lĩnh vực gồm nông nghiệp và hàng hải, năng lượng, môi trường, nước, dược phẩm, công nghệ sinh học và thiết bị y tế, KH&CN, cơ sở hạ tầng, CNTT, truyền thông và hàng không. Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB) đang cung cấp các khoản vay cho các dự án tàu điện ngầm tại Ấn Độ. EIB đã mở văn phòng đầu tiên tại khu vực Nam Á có trụ sở tại New Delhi (2017). Về hợp tác lãnh sự, tại Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - EU lần thứ 13, các nhà lãnh đạo đã thông qua Tuyên bố chung về Chương trình nghị sự chung về di cư và di chuyển (CAMM) nhằm tạo điều kiện cho cả hai bên di cư hợp pháp. Đối thoại Cấp cao về Di cư và xuất nhập cảnh lần thứ 6 (2022) đã khẳng định rằng di cư và di chuyển là những khía cạnh quan trọng trong quan hệ đối tác chiến lược giữa Ấn Độ với EU và trao đổi quan điểm về tương lai cùng các sáng kiến nhằm hiện thực hóa toàn bộ tiềm năng hợp tác.

Quan hệ đối tác chiến lược với EU có thể xem là sự thúc đẩy riêng của Ấn Độ về quan hệ hai bên sau ASEM do diễn đàn này chưa phát huy được sức mạnh gắn kết Á-Âu. Nước đi này cũng giúp Ấn Độ và EU đã có nhiều triển vọng phát triển hơn trên nhiều lĩnh vực, nhưng vẫn chưa được đồng đều giữa các cường quốc trong nội khối EU.

3.5.3.3. Đối với khu vực Mỹ Latinh và Caribe

Tại khu vực Mỹ Latinh và Caribe (LAC), dường như Ấn Độ vẫn chưa thực sự nỗ lực nhằm tăng cường sự hiện diện của mình, ngoại trừ quan hệ với Brazil được đặc trưng

bởi quan hệ ngoại giao lâu đời, cùng là thành viên của BRICS, IBSA và G20; và mở rộng tầm nhìn hơn với Mexico (nền kinh tế lớn thứ 2 sau Brazil) cùng Argentina. Khu vực LAC có rất nhiều tổ chức phục vụ mục đích chính trị và kinh tế của các nước, song nổi bật lên là Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS) và Cộng đồng các nước Mỹ Latinh và Caribe (CELAC)... Trong suốt thời gian dài, câu hỏi đặt ra là tại sao cả Ấn Độ và LAC đều không tìm cách kết hợp các mối quan hệ kinh tế ngày càng tăng của họ với sự hiểu biết nhiều hơn về động lực hoặc sức mạnh của nhau. Có lẽ lý do nằm ở việc cả Ấn Độ và khu vực LAC đều không có chính sách rõ ràng về việc quan hệ song phương sẽ đi về đâu. Tiến bộ trong quan hệ song phương chỉ được đo lường bằng thương mại gia tăng hơn là quan hệ đối tác. Tuy nhiên, kể từ năm 2014, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi, quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC đã có bước phát triển đáng kể.

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Kế thừa di sản của sự liên kết giữa Ấn Độ và NAM, kể từ năm 2014, đã có 06 chuyến thăm của Tổng thống Ấn Độ và 04 chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi tới LAC [Narendra N. Modi, 2024]. Các bộ trưởng trong Chính phủ của Thủ tướng N. Modi cũng đã tiến hành một loạt các chuyến thăm tới các quốc gia trong khu vực. Từ năm 2014 - 2024, hàng loạt các FOC, JCM và được tổ chức giữa Ấn Độ với các quốc gia LAC như Colombia, Bolivia, Nicaragua, Mexico,... để tìm kiếm các biện pháp tăng cường quan hệ song phương cũng như tìm ra các lĩnh vực hợp tác mới. Các chuyến thăm và sự hiện diện ngày càng tăng của Ấn Độ tại khu vực cho thấy sự chú trọng của nước này trong quan hệ với các quốc gia LAC và tầm quan trọng chiến lược của khu vực này trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Ấn Độ cũng đã tăng cường cam kết với các cơ chế khu vực như CELAC, một tổ chức chính trị và liên minh kinh tế của 33 quốc gia LAC.

Về phía các quốc gia LAC, đã có 37 chuyến thăm quan trọng tới Ấn Độ. Năm 2015, Ấn Độ đã nối lại cơ chế đối thoại với các quốc gia SICA. Để tiếp tục tham gia với các tổ chức tại LAC, JCM Ấn Độ - CARICOM được thành lập (2015). Đối với các quốc gia LAC, Ấn Độ là một phần của chiến lược châu Á rộng lớn hơn và bao trùm. Với Ấn Độ, Mỹ Latinh và Caribe là một phần trong mục tiêu lớn hơn của Ấn Độ là “trở thành cường quốc hàng đầu thế giới”. Kể từ năm 2018, New Delhi cũng đã bắt đầu mở cơ quan đại diện tại những quốc gia vốn trước đây không có sự hiện diện ngoại giao, đồng thời tăng cường hợp tác và can dự. Nếu như trước đây, Ấn Độ chỉ cử Quốc vụ khanh phụ trách LAC thì từ năm 2018, Bộ trưởng Ngoại giao sẽ trực tiếp phụ trách công tác này, thể hiện

sự chú trọng của Ấn Độ với LAC. Ngoài ra, trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20, Ấn Độ đặt mục tiêu đóng vai trò là tiếng nói của các quốc gia đang phát triển hay Nhóm các nước Nam bán cầu, đây có thể là cơ hội thúc đẩy lợi ích chung của Ấn Độ với các quốc gia LAC trong phạm vi chương trình Nghị sự G20.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Mỹ Latinh sở hữu trữ lượng tài nguyên thiên nhiên khổng lồ như quặng kim loại, khoáng sản và sản phẩm nông nghiệp trong khi các ngành như hàng kỹ thuật, dược phẩm, công nghệ thông tin, dệt may và nhiều ngành công nghiệp khác là thế mạnh của Ấn Độ. Khu vực này coi Ấn Độ là đối tác chính cho tăng trưởng kinh tế, là nhà nhập khẩu khoáng sản, năng lượng và nông nghiệp của khu vực, đồng thời là nhà đầu tư và tạo việc làm [Kalita, S., 2017]. Thương mại tổng thể giữa Ấn Độ và khu vực (43 quốc gia) vẫn còn khiêm tốn, đạt 38,5 tỷ USD (2014 - 2015), 25,2 tỷ USD (2015 - 2016), 24,5 tỷ USD (2016 - 2017), 29,3 tỷ USD (2017 - 2018) và 30,3 tỷ USD (2018 - 2019). Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tổng thương mại giữa Ấn Độ và LAC giảm xuống còn 27,1 tỷ USD (2019 - 2020) và còn 22,6 tỷ USD (2020 - 2021). Tuy nhiên, tổng thương mại giữa Ấn Độ và LAC đã khởi sắc và tăng trưởng trở lại, đạt 36,7 tỷ USD (2021 - 2022), 39,6 tỷ USD (2022 - 2023) và 35,7 tỷ USD (2023 - 2024) [MCI, GoI, 2024]. Cán cân thương mại nghiêng về phía LAC. Kim ngạch thương mại khu vực chủ yếu tập trung vào thương mại song phương giữa Ấn Độ với các quốc gia như Brazil, Argentina, Chile, Costarica, Ecuador, Colombia, Peru, Guatemala, Cuba, Mercosur, Trinidad & Tobago, Dominica do Ấn Độ đã tạo ra các cơ chế thể chế và ký kết các MOA/MOU hợp tác với các quốc gia này như cơ chế giám sát thương mại, ủy ban kinh tế và thương mại chung, các Hiệp định thương mại, PTA...Ấn Độ coi LAC là khu vực đóng góp lâu dài cho an ninh năng lượng và lương thực của quốc gia này. Ấn Độ xuất khẩu một số mặt hàng sang LAC như dược phẩm, xe máy, nông sản, dịch vụ IT và các sản phẩm dầu tinh chế... Ngoài trữ lượng khai khoáng và dầu mỏ, các quốc gia LAC mang đến cho Ấn Độ những vùng đất nông nghiệp tiềm năng, tạo cho Ấn Độ cơ hội giải quyết sự phụ thuộc vào nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu [ECLAC, 2022]. Về đầu tư, Brazil, Bahamas, Panama, Colombia và Mexico là những điểm đến hàng đầu của FDI Ấn Độ tại LAC. Các công ty Ấn Độ đang thực hiện nhiều dự án ở LAC bao gồm dầu mỏ, cơ sở hạ tầng, truyền tải điện và khai thác mỏ, đồng thời cũng đang cung cấp các sản phẩm trong lĩnh vực dược phẩm, vận chuyển và hàng không. Tuy vậy, trong khoảng hai thập kỷ qua, Ấn Độ mới chỉ đầu tư 16 tỷ USD, bằng 1/10 Trung Quốc (159 tỷ USD)

cho các dự án quan trọng tại khu vực này. Mặc dù thương mại và đầu tư đều chỉ là “cái bóng mờ” với Trung Quốc song Ấn Độ lại nhận được nhiều thiện chí trong khu vực. Các quốc gia LAC cũng hy vọng Ấn Độ tăng cường thương mại và đầu tư để thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển [ECLAC, 2022]. Ấn Độ có kinh nghiệm đáng kể trong việc xây dựng và vận hành các lò phản ứng hạt nhân, đây có thể là một lựa chọn hấp dẫn đối với một số nước trong LAC, nơi có trữ lượng uranium đáng kể mà Ấn Độ có thể quan tâm. Kinh nghiệm của Ấn Độ về năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió cũng đang được các quốc gia LAC chú ý. Rất nhiều quốc gia LAC cũng là thành viên của ISA - sáng kiến do Ấn Độ khởi xướng. Rõ ràng còn rất nhiều dư địa hợp tác mà Ấn Độ và các quốc gia LAC có thể thảo luận và hỗ trợ cho nhau. Triển vọng tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực cũng rất thuận lợi do hai bên có sự tương đồng như hợp tác trong biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, kết nối kỹ thuật số, đóng tàu và hàng không vũ trụ... Song mối quan hệ kinh tế này vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm việc thiếu cơ chế hợp tác chặt chẽ với toàn bộ khu vực, chưa ký kết được các hiệp định thương mại tự do, các hàng rào thuế quan và phi thuế quan làm hạn chế thị trường và sự thiếu hiệu quả của các tuyến vận tải và hậu cần đã và đang tiếp tục cản trở thương mại ở các mức độ khác nhau. Ngoài ra, khoảng cách địa lý, văn hóa, ngôn ngữ cũng là lý do khiến quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC gặp nhiều khó khăn. Trong tương lai, bên cạnh các nước Mỹ Latinh lớn như Brazil, Mexico... Ấn Độ cần tiến xa hơn nữa trong quan hệ với các nước vừa và nhỏ ở Mỹ Latinh và Caribe.

**Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

Hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC còn rất hạn chế, ngoại trừ với Brazil. Hai bên chưa thiết lập được các liên kết chia sẻ thông tin tình báo với lực lượng cảnh sát quốc gia, gây khó khăn trong việc ngăn chặn tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy và buôn bán người. Hai bên hầu như không có hợp tác sản xuất, nghiên cứu và phát triển quốc phòng, hoặc thậm chí là các cuộc tập trận quân sự chung. Dù Ấn Độ có nhiều cơ hội để hợp tác quốc phòng với LAC như hợp tác an ninh tổng thể, đào tạo, cung cấp trang thiết bị, chuyển giao, tặng hoặc bán lại các vũ khí đã không còn sử dụng trong biên chế như xe tăng T-55 và máy bay MiG-21, MiG-23MF và MiG-23BN cho các nước có nhu cầu, song Ấn Độ chưa có thực sự đầu tư vào các hoạt động này.

Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng mở rộng tầm ảnh hưởng tại LAC, Ấn Độ vẫn chưa xây dựng một cơ chế để can dự với toàn bộ LAC - hoặc thậm chí là tham gia một

cách có ý nghĩa với các nhóm nhỏ trong khu vực, chẳng hạn như SICA, Liên minh Thái Bình Dương (AP) hay CELC. Điều này sẽ tiếp tục là khó khăn cho đến khi LAC đạt được mục tiêu hội nhập khu vực lâu dài. Đến lúc đó, Ấn Độ phải tập trung vào các mối quan hệ song phương với từng quốc gia trong khu vực. Như vậy, New Delhi chưa thực sự thể hiện đủ quyết tâm để tăng cường quan hệ với khu vực này.

3.5.3.4. Đối với Liên hợp quốc

Là một thành viên sáng lập của UN, Ấn Độ ủng hộ mạnh mẽ các mục đích và nguyên tắc của UN và đã có những đóng góp đáng kể trong việc thực hiện các mục tiêu của Hiến chương cũng như sự phát triển của các chương trình và cơ quan chuyên môn của UN. Ấn Độ coi tư cách thành viên của mình tại UN là một bảo đảm quan trọng để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Cam kết ngày càng sâu rộng của Ấn Độ với UN dựa trên cam kết kiên định của nước này đối với chủ nghĩa đa phương và coi đối thoại là chìa khóa để đạt được các mục tiêu và giải quyết những thách thức chung mà cộng đồng toàn cầu phải đối mặt, bao gồm những thách thức liên quan đến xây dựng và gìn giữ hòa bình, phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo, biến đổi khí hậu, khủng bố, giải trừ quân bị, nhân quyền, di cư, y tế và hỗ trợ nhân đạo, cải cách toàn diện UN (bao gồm UNSC) cùng nhiều vấn đề khác. Ấn Độ tin tưởng mạnh mẽ rằng UN và các chuẩn mực quan hệ quốc tế mà nước này đã thúc đẩy vẫn là phương tiện hiệu quả nhất để giải quyết các thách thức toàn cầu. Kể từ khi tham gia UN, Ấn Độ đã luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động và đóng vai trò quan trọng trong tổ chức này.

Trong lĩnh vực giải trừ quân bị và an ninh quốc tế, Ấn Độ phối hợp chặt chẽ với Ủy ban giải trừ quân bị của UN (UNDC); tham gia cam kết không phổ biến vũ khí hạt nhân trên mọi phương diện (UNSCR 1540) và “Các biện pháp ngăn chặn những kẻ khủng bố sở hữu vũ khí hủy diệt hàng loạt”; coi trọng Công ước Vũ khí Hóa học (CWC); phản đối việc vũ khí hóa ngoài không gian và tham gia Nhóm các chuyên gia của Chính phủ về ngăn chặn chạy đua vũ trang trong không gian (GGE); tham gia thảo luận về các biện pháp minh bạch và xây dựng lòng tin (TCBMs) và cuộc họp không chính thức của UNDC (2019). Tại UNDC 73 (2018), Ấn Độ đã bỏ phiếu ủng hộ tất cả các nghị quyết được đề trình, bao gồm cả Nghị quyết về ngăn chặn chạy đua vũ trang ngoài không gian (Ấn Độ đồng tài trợ). Kể từ năm 2017, Ấn Độ đã trình bày Nghị quyết về “vai trò của KH&CN trong bối cảnh an ninh quốc tế và giải trừ quân bị”. Ấn Độ đã hỗ trợ các nỗ lực xây dựng lòng tin và sự tin tưởng lẫn nhau, bao gồm thông qua các cuộc thảo luận về tính bền vững

lâu dài của các hoạt động ngoài không gian tại COPUOS đồng thời ủng hộ việc xem xét thực chất vấn đề Ngăn chặn chạy đua Vũ trang tại Hội nghị Giải trừ Quân bị. Ấn Độ cũng đã tích cực tham gia xây dựng Luật vũ trụ quốc tế bằng việc tổ chức các hội thảo, hội thảo quốc gia và quốc tế về những vấn đề này. Năm 2017, Ấn Độ đã tổ chức APRSAF-24 với chủ đề “Công nghệ vũ trụ nhằm tăng cường quản trị và phát triển” tại Bengaluru và ACRS-38 với chủ đề “Ứng dụng không gian: Chạm vào cuộc sống con người” tại New Delhi. Tháng 6/2018, Ấn Độ đã tổ chức Hội nghị toàn thể lần thứ 46 của Nhóm Điều phối về Vệ tinh Khí tượng (CGMS). ISRO tiếp tục chia sẻ cơ sở vật chất và chuyên môn của mình thông qua Trung tâm CSSTEAP trực thuộc UN. Có thể thấy, Ấn Độ đang đóng vai trò dẫn dắt và mang tính xây dựng cùng với các đối tác khác trong các cuộc thảo luận và đàm phán về ngăn chặn chạy đua vũ trang ngoài vũ trụ, bao gồm các biện pháp ràng buộc pháp lý, TCBMs và hướng dẫn bền vững dài hạn.

Trong lĩnh vực kinh tế và tài chính, Ấn Độ luôn bày tỏ sự quan tâm đến các vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế như chính sách kinh tế vĩ mô; tài trợ cho phát triển; phát triển bền vững; khu định cư của con người; toàn cầu hóa và phụ thuộc lẫn nhau; xóa đói giảm nghèo; hoạt động vì sự phát triển; phát triển nông nghiệp, an ninh lương thực và dinh dưỡng; CNTT và truyền thông để phát triển và hướng tới quan hệ đối tác toàn cầu. Năm 2017 và 2020, Ấn Độ đã trình bày “Báo cáo quốc gia tự nguyện về việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững” tại diễn đàn HLPF của UN về phát triển bền vững. Báo cáo nhấn mạnh ngoài việc lồng ghép các SDGs vào các chính sách quốc gia và địa phương đang triển khai, Ấn Độ sẽ tiếp tục tập trung vào việc tăng cường xây dựng quan hệ đối tác ở cấp khu vực và toàn cầu.

Trong lĩnh vực xã hội, nhân đạo và nhân quyền, Ấn Độ bày tỏ sự quan tâm đến sự tiến bộ của phụ nữ, bảo vệ trẻ em, các vấn đề bản địa, đối xử với người tị nạn, thúc đẩy các quyền tự do cơ bản thông qua xóa bỏ phân biệt chủng tộc và quyền tự quyết cũng như các vấn đề liên quan đến thanh niên, gia đình, người cao tuổi, người khuyết tật, phòng chống tội phạm, tư pháp hình sự và kiểm soát ma túy quốc tế. Ấn Độ đã liên tục nhấn mạnh rằng không thể đạt được sự cải thiện thực sự về nhân quyền bằng cách thực hiện các phương pháp hung hăng và xâm phạm quá mức mà không có sự tham vấn và đồng ý của quốc gia liên quan. Cách tiếp cận đối đầu như vậy là phản tác dụng, dẫn đến chính trị hóa các vấn đề nhân quyền. Ấn Độ tin rằng chỉ có cách tiếp cận dựa trên đối thoại, tham vấn, hợp tác và minh bạch thì mới có hiệu quả. Ấn Độ đã hợp tác với UN Women kể từ

khi thành lập để giải quyết các vấn đề quan trọng liên quan đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Theo thống kê của UN Women, đến hết năm 2021, Ấn Độ đã tự nguyện đóng góp 08 triệu USD cho UN Women và tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển thăm thực địa của UN Women tới Ấn Độ (2017).

Trong lĩnh vực ngân sách, Ấn Độ cho rằng việc phân bổ nguồn lực phải tương xứng với cam kết thực hiện Chương trình nghị sự 2030. Hệ thống của UN phải được cung cấp đầy đủ nguồn lực để hỗ trợ các quốc gia thành viên đạt được mục tiêu này. Tỷ lệ đóng góp của Ấn Độ trong ngân sách của UN đã tăng lên đáng kể trong giai đoạn 2014 - 2024. Năm 2020, đóng góp của Ấn Độ tăng 13% so với 2019 [MEA, GoI, 2024ô], bao gồm cả các khoản đóng góp trong vấn đề gìn giữ hòa bình. UN đã nợ Ấn Độ và các quốc gia thành viên khác những khoản tiền đáng kể để chi trả cho quân đội và COE từ các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình đang được triển khai. Ấn Độ cũng nhấn mạnh rằng những khoản nợ và sự chậm trễ thường xuyên trong việc hoàn trả đã biến các Quốc gia đóng góp quân đội (TCC) trở thành những nhà tài trợ trên thực tế cho hoạt động gìn giữ hòa bình của UN, vốn là hoạt động không tự nguyện và vượt quá khả năng thanh toán của nhiều TCC. Tính đến hết năm 2020, các TCC đã nợ 357 triệu USD cho quân đội và cảnh sát [MEA, GoI (2024ô)]. Ấn Độ cũng đang tham gia tích cực vào các cuộc họp của UN về kiểm điểm việc thực hiện cải cách trụ cột hòa bình và an ninh; kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết 72/266B; xây dựng và quản lý tài sản; mô hình tài trợ của DMSPC và DOS; đánh giá ngân sách CPC và ACABQ; hệ thống chung của UN, hệ thống hưu trí, hành chính tư pháp. Các cuộc thảo luận về đánh giá quy mô, kế hoạch tổng thể về vốn, ngân sách chương trình và ước tính sửa đổi cũng được Ấn Độ nhấn mạnh cùng với cải thiện tình hình tài chính của UN, cũng như các báo cáo của Hội đồng Kiểm toán và OIOS.

Trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, Ấn Độ đang tích cực tham gia vào các cuộc đàm phán nhằm hoàn tất nội dung của MOA về đa dạng sinh học ngoài vùng tài phán quốc gia (BBNJ) và Quản lý Thông tin Không gian Địa lý Toàn cầu (GGIM). Ấn Độ đã tham gia MOA Paris về biến đổi khí hậu và Sửa đổi Doha đối với Nghị định thư Kyoto; tham gia Công ước Singapore về hòa giải thương mại quốc tế và đang nỗ lực thực hiện việc đưa luật pháp của Ấn Độ phù hợp với luật pháp quốc tế. Từ năm 2014 - 2020, Ấn Độ đã ban hành gần 43 đạo luật mới phù hợp với luật pháp quốc tế, từ luật về sức khỏe tâm thần, quyền của người khuyết tật, hàng không dân dụng, lao động và việc làm, nông nghiệp và phúc lợi nông dân, thuế hàng hóa và dịch vụ, đường thủy quốc gia, chống không tặc...

Về lĩnh vực gìn giữ hòa bình, Ấn Độ có lịch sử phục vụ lâu dài và xuất sắc trong lực lượng gìn giữ hòa bình của UN (UNPKO), đóng góp nhiều nhân lực hơn bất kỳ quốc gia nào khác. Tính đến năm 2020, đã có hơn 253.000 lượt người Ấn Độ tham gia 49/71 phái bộ gìn giữ hòa bình của UN trên khắp thế giới. Tính đến hết năm 2024, có 5.474 binh sĩ và cảnh sát từ Ấn Độ được triển khai tới các phái bộ gìn giữ hòa bình của UN, xếp thứ 5 trong tổng số các lực lượng gìn giữ hòa bình của UN mà các nước đóng góp [MEA, GoI, 2024a]. Ấn Độ đã cung cấp 17 chỉ huy lực lượng cho các nhiệm vụ khác nhau. Ngoài Tư lệnh Lực lượng, Ấn Độ còn vinh dự cung cấp 02 cố vấn quân sự, 01 nữ cố vấn cảnh sát và 01 phó cố vấn quân sự cho Tổng Thư ký UN. Ấn Độ cũng thực hiện các nhiệm vụ chuyên biệt tại các phái bộ như hỗ trợ y tế và dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa đường bộ, tập huấn sức khỏe (môn Yoga)... Quân đội Ấn Độ ở khu vực Thượng sông Nile (bao gồm Tiểu đoàn Ấn Độ, Công ty Cơ khí, Bệnh viện dã chiến cấp II, Trung đội Dầu khí và Lực lượng thông tin) đều đã nhận được huy chương danh dự của UN vì những cống hiến và phục vụ trong việc gìn giữ hòa bình tại đây. Tính đến năm 2024, hơn 170 nhân viên gìn giữ hòa bình của Ấn Độ đã hi sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ, trở thành quốc gia mất nhiều binh sĩ gìn giữ hòa bình hơn bất kỳ quốc gia thành viên nào khác. Năm 2021, Ấn Độ đã góp phần quan trọng trong việc thông qua Nghị quyết của UNSC về “Bảo vệ những người Bảo vệ”, đồng thời đóng góp 1,6 triệu USD để phát triển nền tảng phần mềm nhận diện tình huống Unite Aware để hỗ trợ các phái bộ gìn giữ hòa bình của UN [MEA, GoI, (2024b)].

Ấn Độ đã tiếp tục thành công trong các cuộc bầu cử vào các cơ quan khác nhau của UN như Hội đồng Nhân quyền (HRC), Hội đồng Kinh tế và Xã hội (ECOSOC), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Ủy ban Kiểm soát Ma túy Quốc tế (INCB), Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ), Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (CESCR), Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS), Ủy ban Pháp luật Quốc tế (ILC), Đơn vị Thanh tra (JIU). Đến năm 2022, Ấn Độ có đại diện trong 23 cơ quan của UN. Ấn Độ đã và đang đẩy mạnh đa phương hóa bằng cách thúc đẩy các chuyến thăm các Đại sứ/Đại diện thường trực của các quốc gia thành viên khác nhau có đại diện tại UN.

Về đóng góp sáng kiến, trong giai đoạn 2014 - 2024, Ấn Độ đã đề nghị Ngày Quốc tế Yoga 21/6 (2014); sử dụng tiếng Hindi tại UN (2018); Quỹ Hợp tác và Phát triển Ấn Độ - UN (2017); Quỹ Khôi Thịnh vượng chung (2018); bổ sung Masood Azhar vào danh sách trừng phạt 1267; sáng kiến “Một Trái đất, Một Sức khỏe” và “Một Mặt trời, Một Thế giới, Một Lưới điện” (2024) [Ngọc Thúy, 2024b]. Ấn Độ cũng đã đảm nhiệm thành công

vị trí thành viên không thường trực của UNSC (2021 - 2022). Trong thời gian tham gia UNSC, Ấn Độ đã tập trung vào các vấn đề như thúc đẩy sự tiến bộ; chủ nghĩa khủng bố quốc tế; cải cách hệ thống đa phương; cách tiếp cận toàn diện đối với hòa bình và an ninh quốc tế; thúc đẩy công nghệ và tương tác hiệu quả của con người với cách tiếp cận được hướng dẫn bởi "5S" do Thủ tướng N. Modi đề ra Samman (Tôn trọng); Samvad (Đối thoại), Sahyog (Hợp tác) và Shanti (Hòa bình) để tạo điều kiện cho Samriddhi (Thịnh vượng). Ấn Độ cũng đẩy mạnh vận động cải tổ UNSC hiện đang bộc lộ những hạn chế, đặc biệt từ khi xuất hiện sự phân cực và chia rẽ giữa nhóm P5 từ năm 2014 nhằm đảm bảo sứ mệnh giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế của UN.

Việc Ấn Độ tăng cường tham gia UN phản ánh rõ rệt ước vọng giành một ghế thường trực trong UNSC. Ấn Độ cam kết nâng cao vị thế và thúc đẩy cải cách UNSC, qua đó bảo đảm các nước đang phát triển có tiếng nói hơn trong các vấn đề toàn cầu.

3.5.3.5. Đối với WTO

Ấn Độ là một trong 23 bên ký kết ban đầu của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) (1947). Kể từ đó, Ấn Độ đã tham gia hiệu quả vào việc xây dựng tất cả các hiệp định thương mại đa phương quan trọng. Trong các cuộc đàm phán thương mại đa phương trong khuôn khổ GATT, Ấn Độ thường đóng vai trò là nước đi đầu trong các nước đang phát triển và dẫn dắt các nước này thách thức một số nguyên tắc cơ bản của GATT, trong đó có nguyên tắc có đi có lại.

Khi tổ chức kế nhiệm của GATT là Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được thành lập (1995), Ấn Độ đã trở thành thành viên sáng lập. Các bất đồng thương mại của Ấn Độ được giải quyết thông qua WTO với các nước khác. Song cách tiếp cận thuần túy của Ấn Độ đối với hệ thống thương mại đa phương - một chế độ thương mại công bằng, cởi mở, minh bạch và cân bằng vì lợi ích của các nước đang phát triển, còn trong các cuộc đàm phán của WTO. Ví dụ, Ấn Độ phản đối mở rộng các quy tắc thương mại sang các lĩnh vực có vấn đề như tiêu chuẩn lao động, chính sách cạnh tranh, mua sắm chính phủ, thương mại trong đầu tư và hiệp định thuận lợi hóa thương mại. Cùng với các cường quốc mới nổi như Brazil và Trung Quốc, Ấn Độ đã dẫn đầu các nước đang phát triển trong việc đảm bảo một số điều khoản đối xử đặc biệt và khác biệt (SDT) quan trọng.

Ấn Độ cũng là một trong những chất xúc tác chính cho sự thay đổi quyền lực trong WTO. Tuy nhiên, trong thập kỷ qua, cách tiếp cận của Ấn Độ đối với cơ chế thương mại đa phương đã trải qua một sự thay đổi lớn. Mặc dù Ấn Độ vẫn tiếp tục ủng hộ các nước

đang phát triển và kém phát triển song nước này đã tiết chế quan điểm của mình trong nhiều lĩnh vực vấn đề. Các mối quan tâm cụ thể đối với Ấn Độ vẫn tập trung vào nông nghiệp, nông dân và các biện pháp tự vệ đặc biệt. Do đó, Ấn Độ dẫn đầu các nỗ lực cải cách các quy định trợ cấp của WTO để cho phép các nước đang phát triển tham gia vào dự trữ lương thực công khai vì mục đích an ninh lương thực. Ấn Độ cũng kêu gọi làm cho hệ thống thương mại đa phương trở nên công bằng và toàn diện hơn. Về vấn đề này, Ấn Độ cùng với Nam Phi đã đệ trình một đề xuất kêu gọi cải cách lấy phát triển làm trung tâm tại WTO. Trong bối cảnh môi trường thương mại hỗn loạn, Ấn Độ đã phê chuẩn Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) (2016) nhằm đơn giản hóa các quy trình thương mại quốc tế, giúp giảm chi phí và thời gian cho hoạt động xuất nhập khẩu..

Hiện không chỉ có một mà có rất nhiều vấn đề gây khó khăn cho WTO. Chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, thiếu thẩm phán trong Tòa phúc thẩm để giải quyết tranh chấp, số lượng Hiệp định Thương mại Khu vực (RTA) và FTA ngày càng tăng...đã dẫn đến việc các nước thành viên đặt câu hỏi về tính hiệu quả của WTO với tư cách là một thể chế nhằm đảm bảo thương mại tự do và thúc đẩy chủ nghĩa đa phương. Ngoài ra, đã xuất hiện những cuộc giao tranh thương mại trên toàn cầu, điển hình giữa Mỹ - Trung Quốc. Lập luận của Ấn Độ là cải cách thể chế của WTO tốt nhất nên được giao cho các thành viên hơn là Ban thư ký WTO. Ấn Độ cũng khẳng định WTO là tổ chức cần thiết và nên duy trì nhưng vẫn phải có sự thay đổi song Ấn Độ phản đối việc thay đổi đặc tính dựa trên sự đồng thuận của cơ quan thương mại đa phương. Ấn Độ đã đưa ra một đề xuất nhằm cải cách cơ chế giải quyết tranh chấp, xây dựng quy tắc và yêu cầu minh bạch. Các đề xuất này được đưa ra tại cuộc họp cấp bộ trưởng không chính thức tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới được tổ chức ở Davos (2019). Nếu WTO không sớm thay đổi cơ chế một cách linh hoạt, trong tương lai Ấn Độ hay bất kỳ quốc gia nào cũng không cần phải “gõ cửa” WTO để giải quyết tranh chấp thương mại nữa. Các quốc gia có thể giải quyết các tranh chấp thương mại một cách thân thiện vì sự hiểu biết lẫn nhau giữa các bên đã làm tăng yếu tố niềm tin vào nhau, một ví dụ mới đây đã chứng minh nhận định trên là việc tranh chấp thương mại giữa Mỹ và Ấn Độ tại WTO được giải quyết bằng chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi đến Mỹ (2023). Việc tăng cường tham gia vào WTO thể hiện sự cam kết của Ấn Độ đối với hệ thống thương mại đa phương và cải cách thương mại quốc tế. Ấn Độ đã duy trì tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2015 - 2020 ở mức cao, trung bình khoảng 7,36% mỗi năm [Trung tâm WTO và Hội nhập, 2021], tốc độ tăng trưởng nhanh nhất vào năm 2022, 2023

và được dự báo sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2024, bất chấp những thách thức toàn cầu như đại dịch COVID-19 và căng thẳng thương mại [Tổ Uyên, 2024]. Tuy nhiên, sự gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại và các rào cản thương mại từ phía Ấn Độ cũng khiến nhiều quốc gia quan ngại về tác động của nó đến thương mại toàn cầu. Ngoài ra, sự phát triển trong quan hệ thương mại giữa Ấn Độ và Mỹ tạo cơ hội cho Ấn Độ tăng cường vai trò trong chuỗi cung ứng toàn cầu, hướng tới mục tiêu trở thành một trung tâm sản xuất mới. Điều này không chỉ giúp Ấn Độ hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới mà còn gia tăng khả năng cạnh tranh và phát triển kinh tế bền vững cho quốc gia. Với sức mạnh tổng hợp ngày càng tăng, Ấn Độ không nên để bị coi là “kẻ nắm giữ quy tắc” mà cần trở thành một “người định hình quy tắc”. Ấn Độ cần thể hiện rõ lập trường, thậm chí phải hành động mạnh mẽ tại các tổ chức đa phương nếu muốn được công nhận là một cường quốc toàn cầu có trách nhiệm. Chủ nghĩa đa phương thương mại có thể đã lỗi thời đối với Mỹ, nhưng vẫn là yếu tố sống còn đối với các quốc gia như Ấn Độ. Do đó, Ấn Độ, với tư cách là nước Chủ tịch G20, nên hợp tác với các nước khác để thúc đẩy chương trình cải cách của WTO nhằm hướng tới chủ nghĩa đa phương thương mại toàn diện.

3.5.3.6. Đối với G20

Ấn Độ đã là một phần không thể thiếu trong các hội nghị thượng đỉnh G20 khi xem xét mức độ liên quan ngày càng tăng của Ấn Độ trên toàn cầu. G20 (1999) là một tổ chức liên chính phủ bao gồm 19 quốc gia và 01 tổ chức khu vực - EU. Hội nghị Thượng đỉnh G20 có tên chính thức là Hội nghị Thượng đỉnh về Thị trường Tài chính và Kinh tế Thế giới. Thành viên của Nhóm bao gồm sự kết hợp của các nền kinh tế tiên tiến và mới nổi lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 90% GDP của thế giới, 80% thương mại toàn cầu và 67% dân số hành tinh [Bhatia, R., 2022b]. Các thành viên được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm có không quá 04 quốc gia. Chủ tịch được luân phiên giữa các nhóm. G20 thực hiện lựa chọn hàng năm một quốc gia từ nhóm khác để giữ chức chủ tịch. Ấn Độ nằm trong Nhóm 2 cùng với Nga, Nam Phi và Thổ Nhĩ Kỳ. Các nhà lãnh đạo G20 gặp nhau 02 lần/năm.

G20 đã trở thành một nền tảng rất quan trọng đối với Ấn Độ với tư cách là một nền kinh tế mới nổi và nước này tìm cách đạt được các mục tiêu chính trị và chiến lược của mình trong các cuộc họp G20. Khi Ấn Độ chuẩn bị đảm nhận chức chủ tịch G20 vào năm 2023, Ấn Độ đã đưa ra chủ đề “Một trái đất, một gia đình, một tương lai” và mục tiêu nhằm tăng cường hơn nữa chủ nghĩa đa phương và quản trị toàn cầu để xây dựng một thế giới hòa bình, bền vững và thịnh vượng cho tất cả các quốc gia. Với tư cách là thành viên

sáng lập của G20, Ấn Độ đã sử dụng diễn đàn này để tích cực tham gia vào các quá trình giải quyết các vấn đề và hỗ trợ hợp tác toàn cầu, phát triển toàn diện, ổn định kinh tế và tăng trưởng bền vững, phù hợp với các mục tiêu quốc gia của Ấn Độ và của các bên tham gia khác trong G20. Ấn Độ đã tham gia tích cực vào các hội nghị thượng đỉnh G20 với chương trình nghị sự toàn diện đầy tham vọng trải dài từ cơ sở hạ tầng toàn cầu đến phát triển toàn diện kết hợp với tạo việc làm; sử dụng hiệu quả năng lượng; hành động biến đổi khí hậu và cuộc chiến chống khủng bố. Mặc dù đầu tư và thương mại luôn nằm trong chương trình nghị sự của G20 song Ấn Độ vẫn đang cố gắng kết nối những điều này với vấn đề nghèo đói. Trong thời gian làm Chủ tịch G20, Ấn Độ tổ chức hơn 200 cuộc họp ở nhiều khu vực trên khắp đất nước, mời nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế làm khách mời như UN, IMF, WB, WTO, ILO, OECD, AU, ASEAN, ISA, ADB... G20 trong nhiệm kỳ Chủ tịch của Ấn Độ đã giúp nước này thể hiện được 04 nội dung gồm: (1) Ấn Độ đã nổi lên như một thành viên thiết yếu của G20 với chính sách ngoại giao vaccine, đồng thời góp phần tái cấu trúc trật tự kinh tế và tài chính thế giới; (2) Từ năm 2021 - 2025, bốn nền dân chủ sẵn sàng trở thành các tác nhân kinh tế lớn gồm Indonesia, Ấn Độ, Brasil và Nam Phi - sẽ giữ chức chủ tịch luân phiên của G20. Cơ hội hiếm có này sẽ giúp các quốc gia đang phát triển tăng trưởng và khẳng định vai trò lãnh đạo tập thể của Ấn Độ ở phía Nam bán cầu; (3) Ấn Độ, Brazil và Nam Phi sẽ giữ chức chủ tịch G20 liên tiếp vào các năm 2023, 2024 và 2025, có thể phát triển một kế hoạch gắn kết để giải quyết các mối quan tâm ưu tiên của Nam bán cầu mà không phải chịu áp lực từ BRICS (nơi ba quốc gia này bắt buộc phải hợp tác với Nga và Trung Quốc) (4) Ấn Độ đã có cơ hội để trở thành nhà ngoại giao hàng đầu thế giới khi có tầm nhìn bao quát về chương trình nghị sự của diễn đàn để đáp ứng các lợi ích khác nhau của tất cả những bên liên quan như 05 thành viên UNSC, các thành viên G7, các thành viên của BRICS và các thành viên G20.

Việc tăng cường tham gia tại G20 cho thấy Ấn Độ đang nỗ lực khẳng định vị thế trong cộng đồng quốc tế và trở thành một tiếng nói mạnh mẽ đại diện cho các nước đang phát triển, đặc biệt là ở Nam bán cầu. . Ấn Độ đã tận dụng G20 như một nền tảng để thảo luận về các vấn đề song phương và đa phương như khủng hoảng tài chính, biến đổi khí hậu, đại dịch, khủng bố, chiến tranh ở Ukraine, mâu thuẫn giữa EU/Mỹ - Nga, cạnh tranh Mỹ - Trung, căng thẳng biên giới Ấn Độ - Trung Quốc, thúc đẩy hòa bình và hợp tác trên thế giới, đặc biệt là nỗ lực hàn gắn những rạn nứt đang diễn ra trong chính G20. Tuy gặp nhiều thách thức trong việc đạt được đồng thuận giữa các thành viên về nhiều vấn đề như

xung đột Ukraine và khí hậu, nhưng Ấn Độ đã thể hiện thái độ tích cực trong việc tìm kiếm giải pháp chung, điều này cho thấy sự quyết tâm của nước này trong việc trở thành một cường quốc toàn cầu có trách nhiệm.

Ở vòng tròn thứ ba, Ấn Độ đã thành công trong việc phát triển mối quan hệ đối tác đa dạng với nhiều quốc gia và tổ chức đa phương, thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực, trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực toàn cầu và sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Tiểu kết Chương 3

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi (2014 - 2024) là sự kết hợp giữa tầm nhìn chiến lược dài hạn và tính linh hoạt thực tiễn. Tầm nhìn đối ngoại của Ông không chỉ đơn thuần hướng đến việc bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn nâng cao vai trò lãnh đạo của Ấn Độ trong một thế giới đa cực, nơi Ấn Độ vừa đóng vai trò là “người kiến tạo luật chơi” vừa đảm bảo lợi ích của chính mình và các đối tác toàn cầu. Mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi được xây dựng trên ba trụ cột cốt lõi là “*Phát triển, An ninh, Vị thế*”. Trong đó, “Phát triển” là ưu tiên hàng đầu, “An ninh” là trọng yếu và “Vị thế” là mục tiêu dài hạn. Từ mục tiêu cốt lõi, Ấn Độ xác định các nhiệm vụ trọng tâm mang màu sắc “thực dụng” và “đa liên kết” khi sẵn sàng tìm kiếm và thiết lập các liên minh để tăng cường quan hệ hợp tác phát triển, đồng thời mở rộng vai trò lãnh đạo trong các diễn đàn quốc tế và khu vực, thúc đẩy củng cố các giá trị văn hóa và tinh thần thông qua ngoại giao mềm nhằm xây dựng nên một “thương hiệu” Ấn Độ và “bản sắc Ấn Độ” có tính duy nhất trên toàn cầu. “Lợi ích quốc gia trên hết”, “Tự chủ chiến lược” và “Panchamrit” là ba nguyên tắc đối ngoại quan trọng được đề cập. Về thực tiễn triển khai chính sách dưới góc độ phân tích theo lý thuyết *vòng tròn đồng tâm*, từ các nước láng giềng Nam Á, đến các nước láng giềng mở rộng ở khu vực ÁĐD - TBD và cuối cùng là phần còn lại của thế giới. Có thể thấy, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã có sự bao quát và mở rộng toàn diện về phạm vi, quy mô, lĩnh vực, thể hiện tầm vóc của một cường quốc châu Á không còn “giấu mình chờ thời” nữa mà dám “nghĩ lớn”, “làm lớn”, “cởi mở”, “linh hoạt” và sẵn sàng gánh vác các trọng trách của thế giới trên con đường đi đến vị trí “lãnh đạo toàn cầu”.

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY, DỰ BÁO CHIỀU HƯỚNG TRIỂN KHAI VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

4.1. Đánh giá về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi

4.1.1. Thành tựu và nguyên nhân thành tựu của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi

4.1.1.1 Về việc hoàn thành mục tiêu chung

Nhìn chung, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi trong suốt một thập kỷ (2014 - 2024) đã gặt hái được những thành tựu đáng kể, bám sát ba mục tiêu trọng yếu đặt ra trong chính sách đối ngoại gồm “Phát triển Ấn Độ”, “An ninh Ấn Độ” và “Vị thế Ấn Độ”.

Về mục tiêu “*Phát triển Ấn Độ*”, Thủ tướng N. Modi đã thành công trong việc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của Ấn Độ thông qua chính sách đối ngoại. Ấn Độ từ nền kinh tế xếp thứ 10 thế giới (2014) [VnEconomy, 2024] đã vươn lên thứ 5 thế giới (2023) [VTV Online, 2024] và dự báo sẽ vượt Nhật Bản (2025) sau đó là Đức (2027) để xếp vị trí thứ 3 thế giới [Tạp chí Tài chính Online, 2024b]. Tăng trưởng của Ấn Độ được thể hiện bằng những con số ấn tượng. GDP của quốc gia đạt 2,040 nghìn tỷ USD (2014) và tăng gấp 1,5 lần lên 3,568 nghìn tỷ USD (2023) [World Bank, 2024b]. GDP bình quân đầu người tăng từ 5.000 USD lên hơn 7.000 USD trong 10 năm. Năm 2023, tốc độ tăng trưởng đạt 8,2% - mức cao nhất thế giới [VTV Online, 2024]. Hệ thống ngân hàng và tài chính ổn định kể cả trong giai đoạn đại dịch.

Chính sách đối ngoại là một trong những nhân tố góp phần giúp Ấn Độ tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển ổn định như vậy. Cụ thể, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã mở rộng các FTA với nhiều quốc gia và khối kinh tế như MOA thương mại trị giá 100 tỷ USD của Ấn Độ với Hiệp hội Thương mại Tự do Châu Âu (EFTA) gồm 04 quốc gia Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ (2024) hay MOA thương mại song phương với Mauritius (2021), UAE và Australia (2022)...Điều này đã giúp tăng trưởng kim ngạch thương mại quốc tế của Ấn Độ lên mức đáng kể với sự gia tăng trong kim ngạch xuất nhập khẩu. Theo thống kê của Bộ Tài chính Ấn Độ, xuất khẩu hàng hóa của Ấn Độ đã tăng 41% (2014 - 2024) [CMIE, 2024]. Ngoài ra, nước này cũng đã đạt được điều khoản hòa bình vĩnh viễn tại WTO cho các chương trình an ninh lương thực (2014), điều khoản

này cũng phát huy được hiệu quả trong đại dịch Covid-19, giúp Ấn Độ duy trì được an ninh lương thực trong những ngày phong tỏa kéo dài. Chính phủ N. Modi đã thúc đẩy xuất khẩu bằng cách cải thiện cơ sở hạ tầng và giảm thiểu các rào cản thương mại. Xuất khẩu của Ấn Độ đã tăng trưởng mạnh mẽ trong các ngành hàng công nghệ thông tin, dược phẩm và các sản phẩm nông nghiệp.

Bên cạnh thương mại, một trong những thành tựu lớn của chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi là thu hút FDI. Khi các nhà đầu tư phương Tây có xu hướng chuyển dịch từ Trung Quốc sang các quốc gia khác để tránh những thiệt hại từ cuộc đối đầu Mỹ - Trung, Ấn Độ đã nắm bắt thời cơ rất tốt khi đưa ra những chính sách thu hút FDI quy mô lớn và vô cùng hấp dẫn như Chương trình Khuyến khích liên kết sản xuất (PLI) (2019), nêu rõ các công ty thuộc diện hỗ trợ được nhận mức trợ cấp từ 4 - 6% doanh thu tăng thêm từ các sản phẩm sản xuất tại Ấn Độ. Tổng gói hỗ trợ có trị giá trên 7,33 tỷ USD. Năm 2020, Ấn Độ mạnh tay đầu tư 20 tỷ USD nhằm thu hút các doanh nghiệp nước ngoài chuyển dây chuyền sản xuất sang nước này. Thủ tướng N. Modi cũng phê duyệt đề án "Pradhan Mantri Gati Shakti" (2022) với ngân sách 1.200 tỷ USD nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, chuẩn bị đón làn sóng các nhà máy dịch chuyển từ Trung Quốc. Nhờ những chính sách hấp dẫn này, Ấn Độ nhanh chóng nổi lên như một trong những điểm đến hàng đầu cho các khoản đầu tư toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ. Với nền tảng khoa học và kỹ thuật vững chắc, cùng nguồn nhân lực chất lượng cao, Ấn Độ đã thu hút nhiều “ông lớn” trong lĩnh vực công nghệ như Apple, GE, Siemens, HTC, Toshiba và Boeing... Đáng chú ý, Apple đã chuyển dần trọng tâm sản xuất từ Trung Quốc sang Ấn Độ, gia tăng sản lượng điện thoại thông minh tại đây gấp 05 lần (10/2022), giúp cho các sản phẩm Apple gắn nhãn "Made in India" tăng gấp 03 lần (12/2022). [Báo Điện tử Chính phủ, 2023]. Những điều này đang góp phần hiện thực hóa những mục tiêu trong chương trình “Make in India” của Thủ tướng N. Modi.

Có thể thấy, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã đạt được dấu ấn vô cùng nổi bật về kinh tế, cải thiện được tình trạng trì trệ, thúc đẩy sức sản xuất trong nước đi đôi với việc mở rộng việc ký kết FDI để tạo đà cho gia tăng xuất nhập khẩu, hướng đến nền kinh tế hội nhập toàn cầu, cùng có lợi cũng như thu hút đầu tư để nâng cao tiềm lực phát triển của đất nước. Và nếu chú ý, có thể thấy trong nhiệm kỳ là chủ tịch luân phiên đồng thời của G20 và SCO (2022 - 2023), Ấn Độ đã tận dụng cơ hội này để thúc đẩy mạnh mẽ

thương mại - đầu tư song phương/đa phương, thể hiện qua kim ngạch thương mại của Ấn Độ với các đối tác đã tăng mạnh hơn so với thời gian trước đó.

Về mục tiêu “*An ninh Ấn Độ*”, Thủ tướng N. Modi đã thành công trong việc áp dụng Chiến lược “Đa liên kết” để tạo nên những hàng rào an ninh bao quanh bảo vệ Ấn Độ. Nghĩa là từ việc gia tăng mối liên kết với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, Ấn Độ đã ngày càng mở rộng vùng ảnh hưởng về an ninh của mình, được hình dung như những vòng tròn đồng tâm. Trong đó, Ấn Độ ở vị trí trung tâm của vòng tròn này được bảo vệ và phòng thủ kiên cố bởi các lớp lang vòng tròn bên ngoài, trong đó quan trọng nhất là vòng tròn thứ nhất - các nước láng giềng và vòng tròn thứ hai - các nước láng giềng mở rộng. Tất nhiên để những vòng tròn đồng tâm bên ngoài phát huy khả năng “bảo vệ” Ấn Độ thì phải phụ thuộc rất lớn vào chiến lược ngoại giao khéo léo, khả năng dung hòa các mối quan hệ và tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia. Nhận thức được điểm đột phá cốt lõi này, quan điểm của Thủ tướng N. Modi về an ninh quốc gia đã chuyển từ thận trọng sang chủ động. Thủ tướng N. Modi đã mạnh dạn trong việc đề xuất hợp tác an ninh với các nước láng giềng trong khu vực Nam Á và các nước láng giềng mở rộng trong khu vực ÁĐD - TBD. Đối với khu vực láng giềng ở Nam Á, ông N. Modi cũng sớm nhận ra sự rạn nứt giữa Ấn Độ và Pakistan đã làm cho sợi dây liên kết trong SAARC bị đứt gãy. Do đó, Ông đã nhanh chóng chuyển sang chiến lược ngoại giao song phương với từng nước riêng lẻ để tranh thủ sự ủng hộ của các nước láng giềng và củng cố an ninh trong khu vực. Kết quả là, một số quốc gia trong khu vực đã ủng hộ vai trò an ninh ngày càng mở rộng của Ấn Độ như Bhutan, Afghanistan (trước thời điểm Taliban lên nắm quyền (2021)), đồng thời một số các quốc gia khác như Bangladesh, Nepal, Sri Lanka dù không thể hiện sự ủng hộ tuyệt đối nhưng vẫn giữ trạng thái ôn hòa với Ấn Độ. Đối với các nước láng giềng mở rộng, ông chú trọng đến việc hợp tác an ninh với các quốc gia ASEAN và các đối tác chiến lược như Mỹ, Nhật Bản và Australia thông qua QUAD. Mặt khác, Ấn Độ đã mở rộng hợp tác hàng hải với nhiều quốc gia trong khu vực ÁĐD - TBD, đảm bảo tự do hàng hải và an ninh trên các tuyến đường biển quan trọng, qua đó bảo vệ lợi ích kinh tế và an ninh quốc gia.

Điểm sáng nhất trong chính sách đối ngoại an ninh xuyên suốt các nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi là việc không ngừng thúc đẩy mạnh mẽ Chiến lược ÁĐD - TBD, tức là Ông đã dành sự quan tâm nhiều hơn đến vòng tròn thứ hai nhằm khẳng định vai trò của Ấn Độ như một “lực lượng cung cấp an ninh” tại khu vực rộng lớn trong thời kỳ đương đại. Tại khu vực này, Ấn Độ đã khéo léo áp dụng Chiến lược “Cân bằng quyền lực” nhằm

cân bằng ảnh hưởng của các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, Nga và ngăn họ làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia.

Bên cạnh Chiến lược “Đa liên kết”, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi cũng tuân thủ nghiêm khắc nguyên tắc “Tự chủ chiến lược”. “Học thuyết Doval” (2014), do Cố vấn an ninh quốc gia của Ông đưa ra một cách tiếp cận cứng rắn đối với an ninh quốc gia đã ảnh hưởng rất lớn đến định hướng của Ấn Độ với quốc phòng. Khi mà Bắc Kinh và Islamabad tăng cường hợp tác và sự xâm nhập của Trung Quốc vào khu vực Á-ĐD ngày càng tăng làm gia tăng khả năng xảy ra một cuộc chiến tranh đa mặt trận. Bên cạnh đó, những tiến bộ trong công nghệ quân sự đã nhấn mạnh sự cần thiết phải phát triển lực lượng vũ trang của đất nước dựa trên đánh giá toàn diện về nhu cầu hiện tại và tương lai, thay vì đánh bại các đối thủ tiềm tàng cụ thể. Điều này được thể hiện thông qua việc Ấn Độ không ngừng gia tăng sức mạnh quân đội nội tại, tăng ngân sách và chi tiêu quốc phòng để tăng cường khả năng phòng vệ và chống lại những đe dọa từ bên ngoài. Hiện đại hóa quân đội là một nước đi đúng đắn của nước này trước tình hình chính trị thế giới đang có nhiều biến động làm nảy sinh hàng loạt các mâu thuẫn, xung đột và căng thẳng. Ấn Độ đã dồn lực vào công tác hiện đại hóa quân đội, tăng cường năng lực, tái cấu trúc ba quân chủng thành ba Bộ Tư lệnh chiến trường (gồm cả việc thành lập chức vụ Tổng Tham mưu trưởng Quốc phòng (2019) và Bộ Các vấn đề Quân sự (2020)), phát triển các loại vũ khí và công nghệ quốc phòng tiên tiến, nhằm tăng cường khả năng tự vệ trước các mối đe dọa. Chính sách "Make in India" trong lĩnh vực quốc phòng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sức sản xuất của ngành công nghiệp quốc phòng trong nước, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu vũ khí và tăng cường khả năng tự chủ về quốc phòng. Điều này không chỉ tăng cường an ninh quốc gia mà còn giúp Ấn Độ trở thành một nguồn cung cấp vũ khí và công nghệ quân sự cho các quốc gia khác trong khu vực.

Bên cạnh việc đối phó với các thách thức an ninh truyền thống, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã có một số thành tựu trong việc tăng cường đối ngoại để giải quyết với các thách thức an ninh phi truyền thống như khủng bố, an ninh mạng, an ninh năng lượng, dịch bệnh và tội phạm xuyên quốc gia. Chẳng hạn, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Ấn Độ đã triển khai chiến dịch ngoại giao vaccine (Vaccine Maitri) nhằm cung cấp vaccine cho nhiều quốc gia trên thế giới. Tính đến tháng 6/2021, Ấn Độ đã xuất khẩu hơn 66 triệu liều vaccine Covid-19 tới hơn 95 quốc gia, bao gồm cả các nước láng giềng Nam Á và các quốc gia châu Phi [Lao động, 2021]. Ấn Độ đã ký kết hàng loạt các MOU song phương

về an ninh mạng với nhiều cường quốc công nghệ như Israel (2018), Mỹ (2021), Nhật Bản (2022) nhằm nâng cao khả năng đối phó với các mối đe dọa từ không gian mạng. Ngoài ra, Ấn Độ ký kết các MOU song phương trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng mặt trời với Đức (2015), Anh (2021)...Thông qua các sáng kiến này, Ấn Độ không chỉ có phòng ngừa được vấn đề an ninh phi truyền thống mà còn tăng cường được vị thế quốc tế và nâng cao các quan hệ đối ngoại.

Về mục tiêu “*Vị thế Ấn Độ*”, nhờ sự tăng trưởng về kinh tế, Thủ tướng N. Modi đang khơi dậy một niềm tin mạnh mẽ trong xã hội Ấn Độ rằng Ông có khả năng đưa đất nước tỷ dân này từ một cường quốc tầm trung lên hàng ngũ các cường quốc hàng đầu thế giới. Vị thế của Ấn Độ nhìn chung đã gia tăng đáng kể dưới thời Thủ tướng N. Modi nhờ xử lý tốt mối quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn và sự gia tăng hiện diện tại các diễn đàn quốc tế.

Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã tập trung vào việc cải thiện và củng cố quan hệ với các nước láng giềng lân cận. Điều này bao gồm việc thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế và ngoại giao với các quốc gia Nam Á. Chính quyền N. Modi đã thực hiện nhiều chuyến thăm cấp cao, thiết lập các thỏa thuận kinh tế và hỗ trợ phát triển nhằm xây dựng lòng tin và tạo ra một môi trường ổn định trong khu vực. Chính sách “*Láng giềng trước tiên*” được ông N. Modi triển khai kể từ khi ông nhậm chức (2014), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ thân thiện với các quốc gia láng giềng. Thông qua chính sách này, Ấn Độ đã nỗ lực giải quyết các vấn đề biên giới tồn tại từ lâu với Trung Quốc và Pakistan, đồng thời tăng cường sự hợp tác trong các lĩnh vực như an ninh, kinh tế, và năng lượng với các nước trong khu vực Nam Á. Ấn Độ dưới thời N. Modi đã khéo léo sử dụng sức mạnh mềm và ngoại giao văn hóa để xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng. Việc phổ biến văn hóa Ấn Độ, bao gồm cả việc thúc đẩy Yoga và Ayurveda đã giúp Ấn Độ thu hút sự quan tâm và cảm tình từ các quốc gia trong khu vực. Qua những động thái trên, Ấn Độ đã và đang cải thiện hình ảnh cũng như dần lấy lại vị thế của một “*nhà lãnh đạo*” tại Nam Á.

Bên cạnh các nước láng giềng lân cận, Chính quyền N. Modi cũng chú trọng đến các nước láng giềng mở rộng trong khu vực Á-Đ - TBD khi thực hiện hàng loạt các chính sách để gia tăng kết nối với các quốc gia mà New Delhi cho là dù xa về địa lý nhưng có chung về lợi ích như Chính sách “*Hành động hướng Đông*” để tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á (Việt Nam, Singapore, Indonesia...) và Đông Bắc Á (Nhật Bản);

Chính sách “Kết nối Trung Á” để tăng cường quan hệ với Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan, Kazakhstan và Kyrgyzstan; Chính sách “Liên kết phía Tây”, “Nghĩ về phía Tây” để tăng cường quan hệ với các nước Tây Á (UAE, Saudi Arabia, Israel, Iran...); thúc đẩy hợp tác với châu Phi (Nam Phi, Mozambique, Tanzania...)...Việc phân bổ sự quan tâm đồng đều với láng giềng mở rộng giúp Ấn Độ tranh thủ sự ủng hộ, uy tín và vị thế trong khu vực.

Một trong những thành công nổi bật trong một thập kỷ cầm quyền của Thủ tướng N. Modi là xây dựng được một chính sách đối ngoại nhất quán, đặt lợi ích của Ấn Độ lên hàng đầu. Mọi mối quan hệ quốc tế, dù với bất kỳ cường quốc nào, cũng phải phục vụ lợi ích quốc gia và không lệ thuộc vào bất kỳ quốc gia nào khác. Có thể nói, nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi là một “giai đoạn hiếm có” của Ấn Độ khi nước này giữ được mối quan hệ cân bằng, hài hòa giữa Nga và phương Tây trên nền tảng lợi ích quốc gia được tối đa hóa. Ấn Độ vừa là khách hàng mua dầu lớn từ Nga với giá ưu đãi, vừa là đối tác quan trọng trong các liên minh do Mỹ dẫn dắt, như QUAD hay I2U2. Ấn Độ đã bỏ phiếu trắng cho nghị quyết của UNGA về việc lên án chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng ưu tiên phương Tây trong các cam kết của nước này, đặc biệt là Mỹ, bằng chứng là trong hai nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi, Washington đã tăng cường bán vũ khí và chuyển giao công nghệ cho Ấn Độ [Báo Tin tức, 2024]. Bằng đường lối đối ngoại linh hoạt và cởi mở, ông N. Modi đã và đang tập trung vào việc tạo ra không gian để Ấn Độ chứng minh với thế giới rằng họ có thể là “một cường quốc cầu nối giữa phương Tây và phần còn lại của thế giới”.

Bên cạnh Mỹ và Nga, quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc cũng là một phạm trù khá phức tạp được Thủ tướng N. Modi xử lý khá khéo léo. Trung Quốc là đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ và vẫn tiếp tục là mối quan hệ quan trọng nhất đối với Ấn Độ tại châu Á. Thủ tướng N. Modi luôn nỗ lực duy trì cách tiếp cận đúng đắn trong quan hệ hai bên dù giữa còn tồn tại nhiều vấn đề về tranh chấp và cạnh tranh chiến lược. Rõ ràng hai nước có những quan điểm đối ngoại vô cùng khác biệt, trong khi Ấn Độ sẵn sàng xây dựng một thế giới chia sẻ, một trật tự đa cực thì Trung Quốc lại tham vọng làm “bá chủ”, độc tôn và quyền lực duy nhất, trước hết là ở châu Á. Điều này đã chạm đến lần ranh lợi ích của Ấn Độ, khiến nước này không thể ngồi yên. Song, điều đáng chú ý là Thủ tướng N. Modi vẫn chấp nhận vượt qua những sự khác biệt đó để dung hòa mối quan hệ này, khéo léo triển khai đồng thời 04 chính sách: hợp tác, quản lý xung đột, cân bằng quyền lực và kiềm chế

ảnh hưởng. Ông tách bạch rất rõ lợi ích kinh tế và lợi ích an ninh trong mối quan hệ này nên vẫn duy trì hài hòa mối quan hệ hợp tác kinh tế đồng thời vẫn thể hiện thái độ cứng rắn trong các vấn đề an ninh. Ông luôn cố gắng cân bằng quyền lực trong các mối quan hệ với Trung Quốc và với các nước lớn khác. Chính điều này đã góp phần nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực và quốc tế, khiến New Delhi trở thành một nhân tố “quan trọng” và “không thể thiếu” trong chính sách ưu tiên của các nước lớn tại ÁĐD - TBD.

Mặt khác, sự hiện diện của Ấn Độ trên các diễn đàn thế giới đã trở nên “sắc nét” và “rõ ràng” hơn các giai đoạn trước đó khi thể hiện sự đóng góp và vai trò chủ chốt của mình. Ấn Độ đã tham gia tích cực vào các tổ chức toàn cầu như UN, WTO, WHO... Đặc biệt, dưới thời của Thủ tướng N. Modi (2014 - 2024), Ấn Độ đã trở thành Thành viên không thường trực của UNSC; đảm nhiệm vai trò Chủ tịch G20; mạnh mẽ ủng hộ việc kết nạp AU vào G20; chủ trì các hội nghị thượng đỉnh BRICS và ủng hộ kết nạp thêm 05 quốc gia; khởi xướng 05 trụ cột hợp tác trong SCO.

Trong số những nỗ lực đáng chú ý, Ấn Độ đã tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh G20 (2023), nhấn mạnh vai trò của nước này như một cường quốc mới nổi với sức ảnh hưởng ngày càng lớn trên toàn cầu. Thủ tướng N. Modi đã thúc đẩy các Sáng kiến toàn cầu như "Liên minh Năng lượng mặt trời quốc tế" (ISA) và "Liên minh Nhiên liệu sinh học quốc tế" (GBA), thể hiện cam kết của Ấn Độ trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu và phát triển bền vững [Bajpae, C., 2023] [Mohan, G., 2024].

Hơn nữa, Ấn Độ đã kêu gọi được hơn 120 quốc gia tham dự Sáng kiến Hội nghị Thượng đỉnh Tiếng nói phương Nam (VOGSS) do nước này khởi xướng (2023). Các quốc gia đã thể hiện sự sẵn sàng hỗ trợ và ủng hộ sự lãnh đạo của Ấn Độ trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu có tác động lớn đến tình trạng của nhiều nước đang phát triển. Mặc dù ban đầu tỏ ra ít quan tâm đến Phong trào NAM song hiện nay Thủ tướng N. Modi coi VOGSS là một con đường hữu ích để củng cố tuyên bố của Ấn Độ về vị trí lãnh đạo Nam Bán cầu và hướng tới cải cách các thể chế quốc tế đã thành lập, đặc biệt là UN. Những thành tựu này chứng minh rằng dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã và đang nắm giữ vai trò ngày càng quan trọng trong việc định hình các chính sách toàn cầu.

Trong một bài phát biểu (05/2024), chính Thủ tướng N. Modi đã bày tỏ niềm tự hào khi khẳng định về sự gia tăng vị thế và cơ đồ của Ấn Độ trên trường quốc tế giai đoạn hiện nay: “Khi Ấn Độ phát biểu tại các diễn đàn toàn cầu...toàn thế giới đều chú ý lắng nghe. Khi Ấn Độ đưa ra một quyết định, thế giới cũng hành động theo các bước đi đó”

[Báo Tin tức, 2024]. Việc các nước theo sát từng hành động đối ngoại của Ấn Độ trong các cơ chế đa phương cũng cho thấy vai trò chiến lược của quốc gia trên bản đồ địa chính trị thế giới đương đại. Đó cũng có thể xem là một thành công của Ấn Độ trên hành trình tái khẳng định vị thế của mình dưới thời Thủ tướng N. Modi.

4.1.1.2. Về việc triển khai chính sách đối ngoại với từng vòng tròn đồng tâm

4.1.1.2.1. Đối với vòng tròn thứ nhất

Ở vòng tròn thứ nhất, Chính sách “Láng giềng trước tiên” của Thủ tướng N. Modi đã có những bước tiến đáng kể. Trên thực tế, từ khi Ấn Độ giành được độc lập, mối quan hệ giữa Ấn Độ và các nước láng giềng đã có sự thâm hụt lòng tin rất lớn do nghi ngờ Ấn Độ đang phô trương thái độ “anh cả” đối với các nước láng giềng nhỏ hơn. Vì một số yếu tố khách quan, Ấn Độ đã không giải quyết tốt các vấn đề còn tồn tại xung quanh mối quan hệ với các nước láng giềng. Ngay cả những sáng kiến mang lại lợi ích cho khu vực cũng bị nghi ngờ là động thái ngầm có lợi cho riêng Ấn Độ. Để tái tạo và củng cố lại lòng tin của các nước láng giềng với Ấn Độ, Thủ tướng N. Modi đã tuyên bố ngay sau khi nhậm chức rằng quan hệ với các nước láng giềng được đặt lên hàng đầu trong việc xây dựng và thực hiện chính sách đối ngoại của ông.

Về chính trị - ngoại giao, Chính sách “Láng giềng trước tiên” của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã góp phần mang lại những bước tiến đầy triển vọng trong việc tăng cường quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng tại khu vực Nam Á. Đặc biệt là thông qua các diễn đàn như SAARC, BIMSTEC và BBIN. Thủ tướng N. Modi đã mời lãnh đạo các nước láng giềng tham dự lễ nhậm chức của mình vào các năm 2014, 2019 và 2024, thể hiện sự cam kết của Ấn Độ trong việc cải thiện và duy trì quan hệ chính trị - ngoại giao với các quốc gia láng giềng. Đặc biệt, Ấn Độ đã tăng cường quan hệ với Nepal và Bhutan qua việc hỗ trợ phát triển và cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ. Thủ tướng N. Modi đã thực hiện nhiều chuyến thăm cấp cao tới hai quốc gia này, thúc đẩy hợp tác song phương trên nhiều lĩnh vực. Cuộc khủng hoảng Doklam (2017) kéo dài 73 ngày giữa lực lượng Ấn Độ và Trung Quốc trên lãnh thổ Bhutan chính là một cam kết của Ấn Độ với Bhutan cũng như tất cả các quốc gia trong khu vực lân cận rằng Ấn Độ luôn kiên định bảo vệ lợi ích chiến lược của chính mình và của các nước láng giềng trước sự bành trướng của Trung Quốc. Trong các tuyên bố tại các chuyến thăm, Thủ tướng N. Modi luôn tìm cách thuyết phục các nước láng giềng trở thành những đối tác tích cực giúp Ấn Độ phát triển và thịnh vượng, đồng thời khuyến khích họ tận dụng tối đa những thành

công hiện có của Ấn Độ. Ông trở thành Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên đến thăm thành phố Jaffna (Sri Lanka), nơi đang nỗ lực phục hồi sau nhiều thập kỷ chiến tranh giữa quân nổi dậy Tamil và chính quyền trung ương, góp phần thắt chặt hơn nữa mối quan hệ bền chặt giữa hai quốc gia. Mối quan hệ Ấn Độ - Bangladesh đã được thắt chặt đáng kể từ khi hai bên ký thỏa thuận lịch sử giải quyết các vấn đề chủ quyền lãnh thổ tồn tại suốt hơn 300 năm (2015) ít nhất là một mức độ nào đó, một cách thân thiện. Mối quan hệ giữa Ấn Độ với Afghanistan đã từng rất tốt đẹp trước khi chế độ Taliban nắm quyền tại quốc gia này (2021). Đối với Maldives, quan hệ giữa Ấn Độ và quốc gia này bị thăng trầm phụ thuộc vào thiên hướng “thân Trung” của các đời Tổng thống Maldives, song phải khẳng định giai đoạn 2018 - 2023 là thời điểm hai nước “nồng ấm” và “thân thiện”. Mặt khác, quan hệ giữa Ấn Độ và Pakistan dưới thời ông N. Modi đã trải qua nhiều căng thẳng, bao gồm các cuộc xung đột ở biên giới và vụ tấn công Pulwama (2019). Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn nỗ lực khôi phục đối thoại với Pakistan và đến năm 2021, hai nước đã đạt được lệnh ngừng bắn chung tại Đường kiểm soát. Những nỗ lực này thể hiện thiện chí của Ấn Độ trong việc cải thiện quan hệ láng giềng.

Về kinh tế, Thủ tướng N. Modi chủ trương nâng cao kim ngạch thương mại trong nội khối SAARC, nhằm hỗ trợ các nước láng giềng về các mặt như nguồn lực, thiết bị và đào tạo, gia tăng liên kết và hội nhập khu vực, hướng tới mô hình chủ nghĩa khu vực do Ấn Độ dẫn đầu. Hàng loạt các sáng kiến ra đời như cấp thẻ xanh cho các doanh nhân thuộc SAARC, giúp họ có được thị thực doanh nhân từ 3-5 năm và miễn thuế hàng không tại Ấn Độ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác kinh doanh giữa Ấn Độ và SAARC. Ấn Độ cũng thực hiện việc phóng vệ tinh viễn thông có tên “Vệ tinh Nam Á” (SAS) lên quỹ đạo (2017) nhằm hỗ trợ các nước trong khu vực phát triển giáo dục, y học từ xa, giải trí, nghiên cứu khí tượng, ứng phó thiên tai và truyền thông... Các sáng kiến trên cùng với việc tăng cường phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và các nội dung khác thông qua ITEC đã cho thấy Ấn Độ sẵn sàng hỗ trợ một chiều cho sự phát triển của các nước Nam Á và không cần mặc cả một sự nhượng bộ hay thỏa thuận nào.

Từ khi lên nắm quyền, Thủ tướng N. Modi đã tăng cường hợp tác thủy điện và tăng gấp đôi học bổng cho sinh viên Bhutan; tăng cường thương mại, cải thiện kết nối và các cơ sở trung chuyển giữa Ấn Độ và Bangladesh; thúc đẩy đầu tư tại Sri Lanka; công bố khoản ưu đãi tín dụng 01 tỷ USD cho các dự án cơ sở hạ tầng, thủy lợi và năng lượng ở Nepal, khởi động lại dự án Pancheshwar đình trệ 18 năm; dành những khoản hỗ trợ cho

Afghanistan để nước này tái thiết nền kinh tế, tăng cường khả năng quốc phòng và thúc đẩy hội nhập và kết nối khu vực; ký kết hiệp định về hợp tác quốc phòng, du lịch, thuế và bảo vệ môi trường với Maldives...

Trong hành trình vươn tới mục tiêu kết nối và hội nhập khu vực, chính quyền N. Modi đã táo bạo khởi xướng ý tưởng về việc xây dựng một cộng đồng kinh tế chung cho các nước SAARC trong thời gian 15 năm tới, cùng với đó, kêu gọi các quốc gia trong khu vực hưởng ứng tham gia các sáng kiến hợp tác tiểu vùng như BIMSTEC, BBIN...; phát triển các dự án cơ sở hạ tầng ở khu vực Nam Á, bao gồm việc triển khai hai tuyến đường Hành lang ưu tiên kết nối Ấn Độ với Bangladesh, Nepal và Bhutan qua khu vực Bắc Bengal, kết nối Ấn Độ với Myanmar ở phía Đông Bengal; thảo luận dự án đường ống dẫn khí lớn kết nối Ấn Độ với Turkmenistan, Afghanistan và Pakistan, phát triển các cảng biển Sagarmala Dugara Patnam, Sagar ở Vịnh Bengal, phát triển Hành lang kinh tế phía Đông (ECEC).

Về an ninh quốc phòng, dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ đã đạt được một số thành tựu nổi bật trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng thông qua Chính sách "Láng giềng trước tiên". Chính sách này đã được thiết kế nhằm tăng cường mối quan hệ an ninh nhằm ổn định khu vực và tìm kiếm sự đồng điệu với các nước láng giềng trong việc phủ quyết đối với các động thái tăng cường ảnh hưởng từ các cường quốc bên ngoài khu vực. Đồng thời củng cố vị thế của Ấn Độ như là một nhà lãnh đạo khu vực Nam Á và là “người cung cấp an ninh” trong khu vực Ấn Độ Dương (IOR).

Một trong những thành tựu nổi bật là sự cải thiện đáng kể trong hợp tác quốc phòng với các quốc gia láng giềng như Bangladesh, Sri Lanka, Nepal, Bhutan, và Maldives. Thủ tướng N. Modi đã thúc đẩy các MOA quốc phòng, bao gồm cả việc cung cấp thiết bị quân sự, huấn luyện quân đội và chia sẻ thông tin tình báo. Những hợp tác này không chỉ giúp các quốc gia láng giềng tăng cường năng lực phòng thủ mà còn đóng góp vào việc xây dựng một mạng lưới an ninh khu vực mạnh mẽ, nhằm đối phó với các mối đe dọa chung như khủng bố, tội phạm xuyên biên giới, và các thách thức an ninh phi truyền thống khác.

Cụ thể, Ấn Độ đã tăng cường hợp tác an ninh với Bangladesh thông qua việc chia sẻ thông tin tình báo và hỗ trợ trong các hoạt động chống khủng bố. Điều này không chỉ giúp cải thiện an ninh nội bộ của Bangladesh mà còn giảm thiểu các mối đe dọa đối với Ấn Độ từ phía Đông Bắc. Tương tự, tại Sri Lanka, Ấn Độ đã cung cấp hỗ trợ quân sự và đóng góp vào các hoạt động duy trì hòa bình sau cuộc nội chiến kéo dài, góp phần tạo ra một môi trường an ninh ổn định hơn tại Ấn Độ Dương.

Ngoài ra, Thủ tướng N. Modi cũng đã thúc đẩy các sáng kiến như Sáng kiến “ÂĐD - TBD” nhằm mở rộng sự hiện diện chiến lược của Ấn Độ trong khu vực, đồng thời tạo ra các liên minh an ninh biển với các nước như Maldives, Mauritius và Seychelles. Các sáng kiến này giúp tăng cường khả năng giám sát và kiểm soát vùng biển, ngăn chặn các hoạt động buôn lậu, cướp biển, và bảo vệ các tuyến hàng hải quan trọng, từ đó góp phần duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực.

Với Nepal và Bhutan, Ấn Độ đã duy trì và mở rộng các chương trình hỗ trợ quốc phòng và phát triển hạ tầng quân sự. Điều này không chỉ giúp hai quốc gia này tăng cường khả năng tự vệ mà còn củng cố mối quan hệ chiến lược giữa Ấn Độ và các quốc gia trên dãy Himalaya, từ đó tạo ra một vành đai an ninh vững chắc trước các tác động từ phía Bắc.

Chính sách đối ngoại dưới thời Thủ tướng N. Modi không chỉ tập trung vào hợp tác song phương mà còn hướng đến việc xây dựng các cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực Nam Á và ÂĐD. Các cơ chế này bao gồm việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng trong khuôn khổ các tổ chức khu vực như SAARC và QUAD, trong đó Ấn Độ đóng vai trò chủ chốt trong việc định hình các chiến lược an ninh chung.

Dưới thời Thủ tướng N. Modi, Chính sách Nam Á của Ấn Độ đã trải qua một sự thay đổi mang tính chuyển đổi hướng tới hợp tác tiểu vùng. Chính sách này tìm cách thắt chặt mối quan hệ giữa Ấn Độ và các nước láng giềng, *chuyển từ song phương truyền thống sang hợp tác tiểu vùng*. Nhận ra vị thế then chốt của mình, Ấn Độ đã đảm nhận vai trò là một bên tạo điều kiện chính, tạo điều kiện cho thương mại và kết nối giữa các quốc gia láng giềng. Ấn Độ cung cấp giải pháp để các quốc gia Nam Á tăng cường giao thương với nhau, rộng hơn là cả bên ngoài khu vực qua cơ chế hợp tác tiểu vùng như BBIN, BIMSTEC. Hơn nữa, Ấn Độ cũng tìm cách hợp tác với các quốc gia khác tại khu vực ÂĐD theo Sáng kiến “SAGAR” như Mauritius và Seychelles. Sự tham gia của các nước láng giềng Nam Á và các nước ÂĐD trong lễ tuyên thệ (2024) cho thấy một dấu hiệu tích cực về việc phát triển sự tham gia rộng rãi và tiểu vùng kiên định. Những thay đổi này từ chủ nghĩa song phương sang các sáng kiến hợp tác tiểu vùng chủ động nhằm mục đích tăng cường sự ổn định trong khu vực và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng chung. Việc Thủ tướng N. Modi tái khẳng định Chính sách “Láng giềng trước tiên” của Ấn Độ và “Tầm nhìn SAGAR” nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của hợp tác tiểu vùng [MEA, GoI, 2024ă]. Ấn Độ ưu tiên quan hệ với các quốc gia láng giềng và các nước láng giềng mở rộng, dự định khuyến khích phát triển toàn diện và tăng trưởng bền vững.

Sự trì trệ trong SAARC đã thúc đẩy sự thay đổi mô hình hướng tới các sáng kiến tiểu vùng, nổi bật là BIMSTEC và BBIN - những mô hình kiểu mẫu, tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng, tạo thuận lợi cho thương mại và hợp tác kinh tế. Các mô hình này nhận được sự ủng hộ của các nhà lãnh đạo thành viên, báo hiệu một quỹ đạo tích cực cho các cam kết tiểu vùng và đa phương, mang lại triển vọng hợp tác mới. Những động thái ngoại giao của Ấn Độ đã minh chứng cho vai trò quan trọng của nước này trong việc định hình bối cảnh địa chính trị tiểu vùng và khu vực. Thông qua những nỗ lực chung và các sáng kiến hợp tác, Ấn Độ củng cố được vị thế là một cường quốc có trách nhiệm trong khu vực, sẵn sàng bảo vệ lợi ích của mình và của các nước láng giềng trước các mối đe dọa an ninh; tạo ra một môi trường ổn định hơn cho sự phát triển KT-XH của khu vực; tăng cường sự tin cậy và hợp tác, từ đó mở ra mở ra kỷ nguyên tăng trưởng bền vững, thịnh vượng và hòa hợp trong tiểu vùng Nam Á và khu vực ÁĐD.

Về lĩnh vực khác, đúc rút và kế thừa từ Học thuyết Gujral, Chính sách “Láng giềng trên hết” được xây dựng trên nguyên tắc cơ bản “không ăn miếng trả miếng” (không cần có đi có lại) đối với các nước nhỏ hơn trong khu vực, kết hợp với chính sách hợp tác dài hạn với Pakistan, chú trọng xử lý những vấn đề nan giải của khu vực bằng đối thoại và đàm phán, không chấp nhận bất kỳ quốc gia Nam Á nào sử dụng phương pháp lấy hành động xích mích với láng giềng để xây dựng lòng tin. Nguyên lý này vẫn được Thủ tướng N. Modi vận dụng khi xây dựng các chính sách với khu vực Nam Á. Song có một điểm nổi bật là Ấn Độ giai đoạn này tập trung nhiều hơn vào quyền lực mềm thay vì quyền lực cứng. Ông N. Modi nhận thấy rằng phương pháp quyền lực cứng của Ấn Độ trong thập niên 70 và 80 của thế kỷ XX đã không đạt hiệu quả mong muốn trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, với thiện chí trở thành quốc gia lãnh đạo khu vực, Ấn Độ cho rằng cần phải thể hiện tinh thần trách nhiệm cao cả hơn đối với các nước láng giềng, nghĩa là trở thành trợ lực giúp các nước láng giềng phát triển thay vì chỉ chú tâm đến những gì nước này thu nhận được. Một minh chứng có thể thấy, với Chính sách "Láng giềng trước tiên", trong tổng số 32 tỷ USD cho các dự án sử dụng dòng tín dụng ưu đãi (IDEAS/LOC) tại 68 quốc gia, Ấn Độ đã mở rộng các LOC trị giá 7,86 tỷ USD cho Bangladesh, 1,65 tỷ USD cho Nepal, hơn 02 tỷ USD cho Sri Lanka, 1,43 tỷ USD cho Maldives để giúp các nước này phát triển [MEA, GoI (2024r)].

Có thể thấy, Chính sách “Láng giềng trước tiên” của Ấn Độ dưới sự thời Thủ tướng N. Modi là một nhu cầu chiến lược và thực tế đã đạt được những thành tựu, góp phần tăng

cường ảnh hưởng và vai trò lãnh đạo có trách nhiệm của Ấn Độ trong khu vực Nam Á, cải thiện đáng kể quan hệ song phương với đa số các nước lân cận, kìm hãm quá trình can dự của Trung Quốc vào khu vực này.

4.1.1.2.2. Đối với vòng tròn thứ hai

Ở vòng tròn thứ hai, Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi đã gia tăng ảnh hưởng ở khu vực ÁĐD - TBD.

Về chính trị - ngoại giao, một trong những điểm nhấn quan trọng trong chính sách đối ngoại của ông N. Modi tại khu vực ÁĐD - TBD chính là Chiến lược “Đa liên kết” được áp dụng linh hoạt và hiệu quả. Tính “Đa liên kết” của Ấn Độ được thể hiện thông qua hình thức tham gia các diễn đàn, tổ chức trong khu vực, xây dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược, điều chỉnh chiến lược với các cường quốc Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản đồng thời thực hiện chiến lược ngoại giao song phương và tăng cường liên minh, theo đuổi các nguyên tắc và giá trị riêng.

Cụ thể, Thủ tướng N. Modi đã rất coi trọng quan hệ đối tác chiến lược vì chúng mang lại những tiềm năng và lợi ích phù hợp với các mục tiêu trong chính sách đối ngoại mà Ấn Độ đề ra. Mối quan hệ này cho phép quyền tự chủ về chính sách lớn hơn so với các liên minh, không bị cản trở bởi các mục tiêu chiến lược từ các đối tác lớn, cho phép sự linh hoạt trong đàm phán. Nó cũng giúp tăng cường an ninh, quân sự thông qua chuyển giao vũ khí, chia sẻ hậu cần quân sự và nâng cao năng lực hợp tác được thúc đẩy bởi các cuộc tập trận quân sự/diễn tập hàng hải. Ngoài ra, quan hệ đối tác chiến lược thường gắn liền với lợi ích kinh tế thông qua thương mại và đầu tư. Cuối cùng, tạo điều kiện thuận lợi cho triển vọng đạt được vị thế cao hơn thông qua việc đạt được các biểu tượng về sức mạnh quân sự, hợp tác chặt chẽ với các cường quốc lớn, các vấn đề quốc tế quan trọng. Ấn Độ đã ký kết hàng chục quan hệ đối tác chiến lược nhưng những quan hệ đối tác chính mang lại những lợi ích kể trên đa số là với Mỹ, Nhật Bản, Australia. Hiệu quả tích lũy được từ nhiều quan hệ đối tác chiến lược hay “đa liên kết” là việc Ấn Độ xây dựng được các mạng lưới vừa để hỗ trợ các đối tác lại vừa kiềm chế các đối thủ, tạo điều kiện để tăng trưởng kinh tế và nâng cao vị thế của mình.

Trong quan hệ với Mỹ, với Chiến lược “Đa liên kết”, Ấn Độ đã làm sâu sắc và tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ bất chấp sự thay đổi lãnh đạo ở cường quốc này. Hai nền dân chủ lớn nhất vừa là đối tác chiến lược vừa là liên minh dựa trên lợi ích chung. Quan hệ Ấn - Mỹ là đôi bên cùng có lợi, đặc biệt cùng quan tâm đến lợi ích của cả hai ở

ÂDD - TBD, cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc và Nga. Cũng trong Chiến lược “Đa liên kết”, Ấn Độ xác định Trung Quốc vừa là đối thủ, vừa là đối tác. Vì vậy, cả hai đã và đang chuyển đổi và bình thường hóa quan hệ vì lợi ích chung lớn nhất giữa hai bên.

Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi ngày càng tự coi mình là một “cường quốc bậc trung” độc lập, bắt tay với Mỹ trong một loạt vấn đề chiến lược dựa trên các mục tiêu và giá trị chung. Ấn Độ đang ở điểm uốn trong các mối quan hệ quốc tế của nước này. New Delhi đang xoay trục từ các mối quan hệ truyền thống sang các liên minh kinh tế, chính trị có thể hỗ trợ nhiều nhất cho Ấn Độ trong bối cảnh nước này tìm cách nổi lên như một cường quốc kinh tế toàn cầu và tiếp tục thực hiện mục tiêu cân bằng với Trung Quốc.

Trong quan hệ với Đông Bắc Á, chính quyền N. Modi đã chú trọng duy trì và nâng cao mối quan hệ ngoại giao với Nhật Bản. Ông N. Modi đã thúc đẩy một quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt, tập trung vào an ninh, kinh tế và cơ sở hạ tầng. Nhật Bản trở thành một trong những đối tác chiến lược quan trọng nhất của Ấn Độ với nhiều dự án cơ sở hạ tầng lớn được hỗ trợ bởi vốn đầu tư từ Nhật Bản.

Trong mối quan hệ với khu vực Đông Nam Á, Thủ tướng N. Modi đã mạnh dạn nâng cấp Chính sách “Hướng Đông” thành “Hành động hướng Đông” ngay khi lên nắm quyền (2014), cho thấy mong muốn của ông là hướng tới sự thay đổi về “chất” thông qua việc thực thi nhanh và có hiệu quả các khía cạnh kế thừa từ Chính sách “Hướng Đông”. Nếu như dưới thời Thủ tướng N. Rao, Chính sách “Hướng Đông” chỉ giới hạn phạm vi trong vòng Đông Nam Á thì đến thời Thủ tướng N. Modi, Chính sách “Hành động hướng Đông” đã bao hàm một phạm vi địa lý rộng lớn hơn (mở rộng đến các quốc đảo TBD, chú ý nhiều hơn đến Đông Bắc Ấn Độ cho đến nay vẫn bị bỏ quên, giáp với Myanmar của Đông Nam Á). Theo đó, ông N. Modi nhận định Myanmar sẽ là cầu nối giữa Ấn Độ và Đông Nam Á, có tầm quan trọng chiến lược trong Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ.

Chính sách “Hướng Đông” (1992) ban đầu được dự kiến là một sáng kiến kinh tế, nhưng giờ đây được nâng cấp thành Chính sách “Hành động hướng Đông” đã đạt được các khía cạnh chính trị, chiến lược và văn hóa bao gồm việc thiết lập các thể chế cho đối thoại và hợp tác, qua đó làm nổi bật rõ ràng cách tiếp cận mới của Ấn Độ. Điều này không chỉ giúp Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng tại Đông Nam Á mà còn củng cố mối quan hệ chiến lược trong các lĩnh vực kinh tế và an ninh, tạo điều kiện thuận lợi cho Ấn Độ đóng vai trò lớn hơn trong các cơ chế khu vực như EAS và ARF.

Ngoài ra, Ấn Độ hiện đã nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược với Indonesia, Việt Nam, Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Singapore và ASEAN. Theo đó, Chính sách "Hành động hướng Đông" của ông N. Modi nhấn mạnh đến hợp tác Ấn Độ - ASEAN trong các lĩnh vực về cơ sở hạ tầng, sản xuất, thương mại, đổi mới đô thị, thành phố thông minh, Make in India, ...New Delhi cũng đang tích cực tham gia vào các sáng kiến khu vực như BIMSTEC, ACD, MGC.

Một điểm nổi bật khác trong Chính sách "Hành động hướng Đông" là chú trọng nhiều hơn vào vấn đề Biển Đông - vốn đang được xem là “điểm nóng” tranh chấp trên thế giới. Điều này chính là sự tái khẳng định về quan điểm đối ngoại của Ấn Độ trong giai đoạn hiện nay: Ấn Độ không còn là “người đứng ngoài cuộc”, Ấn Độ thật sự đang tham dự và đóng góp tiếng nói về các vấn đề quốc tế. Ấn Độ coi an toàn hàng hải trên Biển Đông là lợi ích quốc gia của Ấn Độ. Thủ tướng N. Modi đã thể hiện những quan điểm rõ ràng, trực tiếp về lập trường của Ấn Độ về Biển Đông. Ấn Độ có những phát biểu mạnh mẽ hơn ủng hộ quan điểm của Việt Nam và các nước trong khu vực trong việc đảm bảo an toàn trên Biển Đông cũng như kêu gọi giải quyết hòa bình các mâu thuẫn và tranh chấp trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Trong quan hệ với Trung Á, chính quyền N. Modi đã thực hiện chiến lược ngoại giao chủ động, áp dụng một chiến lược chặt chẽ để nâng cao mối quan hệ với các nước CAR và khôi phục lại các mối quan hệ lâu đời với khu vực thông qua các sáng kiến mới như “‘‘Kết nối Trung Á’’, nhằm thúc đẩy các mối quan hệ chính trị và kinh tế. Ấn Độ đã tổ chức nhiều chuyến thăm cấp cao tới các quốc gia Trung Á. Những chuyến thăm này không chỉ tạo nền tảng cho việc tăng cường quan hệ song phương mà còn mở ra các cuộc đối thoại chiến lược quan trọng về các vấn đề khu vực và toàn cầu. Trong các cuộc đối thoại này, Ấn Độ đã nhấn mạnh tầm quan trọng của Trung Á đối với an ninh và phát triển khu vực, đồng thời thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng, an ninh, thương mại, đầu tư. Với khu vực Trung Á, trong tổng số 32 tỷ USD cho các dự án IDEAS/LOC, Ấn Độ đã mở các LOC trị giá 1,84 tỷ USD để giúp các quốc gia Trung Á nhanh chóng phát triển [MEA, GoI (2024)]. Ngoài ra, trong bối cảnh cạnh tranh với ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga trong khu vực, Ấn Độ và các nước Trung Á và ký kết các hiệp định hợp tác về năng lượng, an ninh và thương mại như Hiệp định về Dự án Đường ống dẫn khí Turkmenistan - Afghanistan - Pakistan - Ấn Độ (TAPI), MOA An ninh Quốc phòng với Kazakhstan, Hiệp định về Chống Khủng bố với Uzbekistan, Hiệp định Thương mại với

Uzbekistan, MOA về Hợp tác Đầu tư với Kazakhstan. Bằng cách thúc đẩy các mối quan hệ chính trị, kinh tế và an ninh thông qua các thỏa thuận hợp tác cụ thể, Ấn Độ không chỉ củng cố vị trí của mình như một đối tác tin cậy trong khu vực mà còn tạo ra một mạng lưới quan hệ song phương và đa phương, giúp bảo vệ lợi ích quốc gia của Ấn Độ trước các thách thức địa chính trị.

Trong quan hệ với Tây Á, Tây Á là một câu chuyện thành công lớn về ngoại giao của Ấn Độ trong việc cân bằng các lợi ích cạnh tranh trong khu vực. Việc các bên tham gia trong khu vực hiểu rằng Ấn Độ không phải là kẻ gây rối, nhưng sẽ tham gia với tất cả các bên trên cơ sở bình đẳng, song phương, không chông chéo đã giúp New Delhi giành được vị thế chiến lược quan trọng với sức mạnh kinh tế ngày càng lớn. Các chuyến thăm của ông N. Modi tới các quốc gia (thường đóng vai trò là “Thụy Sĩ của khu vực” với vị trí tương đối trung lập) giúp duy trì hành động cân bằng cần thiết để tiến hành ngoại giao hiệu quả trong khu vực. Từ Chính sách “Liên kết Hướng Tây”, Thủ tướng N. Modi đã điều chỉnh thành “Nghĩ về phía Tây” và trong tương lai có thể là Chính sách “Hành động hướng Tây”. Chính sách “Nghĩ về phía Tây” đánh dấu sự thay đổi lớn nhất trong chính sách của Ấn Độ đối với các nước Vùng Vịnh, Tây Á và Bắc Phi. Đáng chú ý, Thủ tướng N. Modi đã mở ra cho Ấn Độ một sự tiếp cận táo bạo với Saudi Arabia và UAE. Đã quá lâu rồi, Vùng Ba Tư không nhận được sự quan tâm xứng đáng. Nhiều quốc gia ở đó bị coi là quá ủng hộ Pakistan vì lý do tôn giáo và do đó bị gạt ra ngoài các ưu tiên của Ấn Độ, quốc gia vốn vẫn tập trung vào các nước thế tục như Ai Cập và Iraq trong quá khứ. Việc các quốc gia nhỏ hơn ở Vùng Vịnh quá lệ thuộc vào Saudi Arabia cũng không có lợi gì cho Ấn Độ, đặc biệt là khi Riyadh đang sốt sắng xuất khẩu đạo Hồi Wahhabi. Tuy nhiên, nhận ra những thay đổi chính trị tại Tây Á, Thủ tướng N. Modi bất ngờ chuyển sang “gần gũi” với Saudi Arabia và UAE theo những cách hứa hẹn về lợi ích chính trị và kinh tế quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh sự ủng hộ mạnh mẽ của một số nước Tây Á dành cho Pakistan có dấu hiệu suy giảm đáng kể.

Đặc biệt, chuyến thăm Saudi Arabia (4/2016) của ông N. Modi đã làm hồi sinh quan hệ hai nước. Saudi Arabia và Ấn Độ có lịch sử lâu dài về quan hệ đối tác chiến lược ở Vùng Vịnh. Chuyến thăm của ông N. Modi nhằm khám phá những con đường hợp tác mới đồng thời nhấn mạnh hợp tác trong nhiều vấn đề như thương mại, chống khủng bố và đầu tư. Trong lịch sử, sự gần gũi giữa Ấn Độ và Saudi Arabia bị cản trở bởi lập trường của họ về các vấn đề Kashmir và quan hệ với Pakistan. Tuy nhiên, hiện nay, chính phủ

Saudi Arabia đã công nhận vai trò ngày càng tăng của Ấn Độ trong các vấn đề toàn cầu và Ấn Độ trở thành một lựa chọn ưu tiên cho các doanh nghiệp Saudi Arabia.

Các nước UAE ngày càng dành sự quan tâm nhiều hơn đối với Ấn Độ khi nhận thấy những lợi ích mà quốc gia này mang lại. Ấn Độ vẫn là một khách hàng lớn về năng lượng của Vùng Vịnh. Khi Ấn Độ nâng cao vị thế trên trường quốc tế, sẽ trở thành một trong những nhân tố quan trọng trong lợi ích chiến lược của khu vực. Khả năng của ông N. Modi trong việc khởi động quá trình tiếp cận này, đồng thời tránh vướng vào các cuộc đối đầu hiện tại trong Vùng Vịnh và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với Iran đã thể hiện sự nhanh nhạy của Ấn Độ.

Thủ tướng N. Modi đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc củng cố quan hệ với các quốc gia Vùng Vịnh và Tây Á. Ấn Độ duy trì sự hiện diện “không liên kết” ở Tây Á, cân bằng giữa ba cực quyền lực - tức là Israel, Iran và Saudi Arabia. Thông qua các chuyến thăm cấp cao và ký kết các hiệp định hợp tác chiến lược, Ấn Độ đã đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định từ các quốc gia như UAE và Saudi Arabia; quan hệ đối tác công nghệ và quốc phòng với Israel; dầu mỏ ở Iran và các khoản đầu tư tại Chabahar. Trong khi ba tiểu vùng này đạt được nhiều lợi ích nhất, thì các quốc gia còn lại trong khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ, Oman, Qatar, Jordan và thậm chí cả Syria và Palestine cũng được hưởng lợi từ việc mở rộng phạm vi tiếp cận khu vực của Ấn Độ. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng đã tăng cường hợp tác về an ninh và lao động với khu vực này.

Trong quan hệ với châu Phi, Ấn Độ đã có sự gia tăng đáng kể vai trò trung tâm của châu Phi trong các sáng kiến chính sách đối ngoại của nước này. Ấn Độ đã mở rộng sự hiện diện của mình qua việc thúc đẩy các dự án phát triển và viện trợ, đổi mới vào hợp tác phát triển, hạn mức tín dụng và nâng cao năng lực về nguồn nhân lực và công nghệ. Đồng thời, khu vực tư nhân Ấn Độ đã đóng vai trò ngày càng quan trọng bằng cách tham gia vào các dự án phát triển quốc gia và kết nối khu vực ở châu Phi. Đầu tư cũng đang gia tăng trong nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm dược phẩm, viễn thông, năng lượng, điện và ô tô, dịch vụ, công nghệ thông tin, khoa học máy tính và hidrocarbon cùng nhiều lĩnh vực khác. Trong tổng số 32 tỷ USD cho các dự án IDEAS/LOC, Ấn Độ đã mở 196 LOC trị giá 12 tỷ USD để giúp 42 quốc gia châu Phi tăng trưởng [MEA, GoI (2024)]. Chính quyền N. Modi đã củng cố các mối quan hệ chính trị và kinh tế với các quốc gia trong khu vực này, tạo nền tảng cho việc mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ tại châu Phi.

Không chỉ nhận thức được lợi ích từ các mối quan hệ song phương, Ấn Độ còn hiểu rõ các lợi ích và cơ hội khi tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, do đó, quốc gia này đã tham gia tích cực với những mục đích khác nhau. Ấn Độ đã nghiêm túc nghiên cứu lại những ưu điểm của chủ nghĩa đa phương và thấy rằng sự tham gia đa phương lớn hơn, đặc biệt là ở cấp khu vực, sẽ giúp Ấn Độ vượt qua được sự nghi ngờ và lấy lại được lòng tin của các quốc gia, đồng thời nhìn thấy những giá trị lợi ích quan trọng nếu tập hợp chủ quyền quốc gia trong các thể chế hợp tác đa phương. Ấn Độ tin rằng nếu các quốc gia trở thành một phần của các tổ chức hoặc thể chế, họ sẽ buộc phải giao tiếp với nhau, làm tăng phụ thuộc lẫn nhau, khiến các quốc gia phải suy nghĩ kỹ trước khi bắt đầu các hành động thù địch. Các quốc gia buộc phải hợp tác với nhau để cùng đối phó với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống...Ấn Độ tham gia các tổ chức đa phương mà ở đó các đối thủ cũng là thành viên đã giúp Ấn Độ được cảnh báo sớm các hành động đáng nghi đến từ đối thủ hoặc đối tác để không phải nhận những kết quả không mong muốn bởi các tổ chức quốc tế cung cấp thông tin về mục tiêu của các thành viên khác, từ đó mang lại sự minh bạch, giảm sự ngờ vực và sợ bị lợi dụng. Sự tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác đa phương như BRICS, QUAD không chỉ giúp nước này khẳng định vai trò của mình trong việc duy trì an ninh khu vực, tăng cường vị thế mà còn củng cố mối quan hệ với các cường quốc trong khu vực này.

Về kinh tế, chính quyền của Thủ tướng N. Modi đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trong quan hệ kinh tế - thương mại và đầu tư với các nước trong khu vực ÁDD - TBD, bao gồm:

Trong quan hệ với Mỹ, dưới sự lãnh đạo của ông N. Modi, quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ và Mỹ đã được tăng cường mạnh mẽ. Thương mại song phương giữa hai nước đạt mức cao nhất từ trước đến nay và đạt đỉnh 128,8 tỷ USD (2022 - 2023). Ấn Độ cũng tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ và đầu tư, nhờ các chính sách thúc đẩy môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các công ty Mỹ tại Ấn Độ.

Trong quan hệ với Trung Quốc, dù có những thách thức trong quan hệ chính trị, Ấn Độ và Trung Quốc vẫn duy trì mối quan hệ kinh tế chặt chẽ. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ năm tài chính (2023 - 2024) với 118,4 tỷ USD. Chính quyền N. Modi đã khuyến khích đầu tư từ Trung Quốc vào các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng và công nghiệp nhẹ.

Trong quan hệ với Nhật Bản, Chính phủ N. Modi đã thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế chiến lược. Kết quả là Nhật Bản trở thành đối tác quan trọng trong các dự án cơ sở hạ tầng lớn ở Ấn Độ, bao gồm dự án tàu cao tốc và các đặc khu kinh tế.

Trong quan hệ với ASEAN, ông N. Modi đã thúc đẩy Chính sách "Hành động hướng Đông" tập trung vào việc tăng cường hợp tác kinh tế với các quốc gia ASEAN, coi việc phát triển kinh tế là ưu tiên hàng đầu và có thể thấy một quỹ đạo đi lên trong quan hệ kinh tế. Thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN đạt đỉnh 131,6 tỷ USD (2022 - 2023) với nhiều FTA được ký kết và các dự án hợp tác kinh tế, cơ sở hạ tầng được triển khai. Chính sách "Hành động hướng Đông" còn mang lại nhiều lợi ích cho Ấn Độ, khi đưa nước này thực hiện xuất sắc các dự án kinh tế như Đường cao tốc ba bên Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan kết nối Ấn Độ với Thái Lan thông qua Myanmar (và sẽ được mở rộng sang Lào, Campuchia và Việt Nam); dự án Giao thông vận tải đa phương thức Kaladan; dự án đường Rhi-Tiddim; BCIM và Tuyến đường sắt Delhi - Hà Nội được hình dung như một tuyến đường sắt nối Ấn Độ với các nước Mekong (Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam). Để đạt được lợi ích từ các dự án này, Thủ tướng N. Modi đã ý thức phải hỗ trợ khu vực Đông Bắc Ấn Độ cải thiện và nâng cấp cơ sở hạ tầng, gia tăng khả năng kết nối với Myanmar - “cửa ngõ” vào phía Đông. Ngoài ra, Chính sách "Hành động hướng Đông" cũng góp phần quảng bá và thu hút đầu tư cho Ấn Độ thông qua sáng kiến “Make in India”.

Trong quan hệ với Trung Á, chính quyền N. Modi đã mở rộng sự hiện diện của Ấn Độ tại Trung Á thông qua các dự án năng lượng và cơ sở hạ tầng, như các đường ống dẫn dầu và khí đốt. Ấn Độ cũng đã đẩy mạnh các mối quan hệ thương mại và đầu tư trong khu vực này để đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia.

Trong quan hệ với Tây Á, Ấn Độ đang dần củng cố quan hệ với các quốc gia Vùng Vịnh với việc tăng cường hợp tác trong lĩnh vực năng lượng, lao động và đầu tư. Ấn Độ đã ký các hiệp định hợp tác kinh tế với các quốc gia như UAE và Saudi Arabia, giúp tăng cường dòng chảy dầu mỏ và khí đốt từ khu vực này về Ấn Độ.

Trong quan hệ với châu Phi, ông N. Modi đã chú trọng xây dựng quan hệ kinh tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực thương mại và đầu tư vào nông nghiệp và hạ tầng. Ấn Độ cũng đã thực hiện nhiều dự án viện trợ phát triển tại châu Phi nhằm tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng cũng như mở rộng thị trường cho Ấn Độ.

Những kết quả này cho thấy sự nỗ lực của chính quyền N. Modi trong việc thiết lập và củng cố các mối quan hệ kinh tế chiến lược, nhằm đưa Ấn Độ trở thành một cường quốc kinh tế trong khu vực ÁDD - TBD.

Về an ninh quốc phòng, chính quyền của Thủ tướng N. Modi đã đạt được những thành tựu quan trọng trong khu vực ÁDD - TBD thông qua các chính sách và hành động. Tất cả những cam kết ÁDD - TBD này cho thấy sự tham gia ngày càng tăng của Ấn Độ và nhấn mạnh “tính toàn diện” trong khuôn khổ ÁDD - TBD đó là:

(i) Tăng cường hợp tác quân sự với các cường quốc: Chính quyền N. Modi đã thiết lập và củng cố mối quan hệ quân sự với các quốc gia trong khu vực như Mỹ, Nhật Bản, và Australia, đặc biệt là thông qua cơ chế QUAD. Những hợp tác này không chỉ giúp Ấn Độ tăng cường khả năng phòng thủ mà còn khẳng định vị trí của Ấn Độ như một lực lượng quan trọng trong việc duy trì an ninh và ổn định khu vực.

(ii) Đầu tư vào hạ tầng quốc phòng và công nghệ quân sự: Ấn Độ đã đầu tư mạnh mẽ vào hiện đại hóa quân đội và phát triển công nghệ quốc phòng, bao gồm việc mua sắm các thiết bị quân sự tiên tiến từ các quốc gia ngoài khu vực như Pháp và Nga. Sự gia tăng chi tiêu quốc phòng này nhằm đảm bảo rằng Ấn Độ có đủ năng lực để đối phó với các thách thức an ninh trong khu vực.

(iii) Thúc đẩy hợp tác hải quân: Ấn Độ đã tăng cường sự hiện diện hải quân của mình tại khu vực ÁDD - TBD với các cuộc tập trận chung cùng các quốc gia đối tác. Điều này giúp bảo vệ lợi ích hàng hải của Ấn Độ, đóng góp vào an ninh hàng hải khu vực. Trong đó, lợi ích an ninh cơ bản của Ấn Độ trên các tuyến hàng hải quan trọng là cho phép thông suốt các hoạt động thương mại quốc tế, chống lại cướp biển và bảo đảm việc nhập khẩu năng lượng của nước này. Việc thăm dò năng lượng ở phía Đông eo biển Malacca và Biển Đông đã mang lại lợi ích cho Ấn Độ nhất là trong bối cảnh nhu cầu năng lượng trong nước ngày càng gia tăng. Do đó, khi Trung Quốc coi Biển Đông là một phần lãnh thổ của mình, mối quan hệ giữa New Delhi và Bắc Kinh đã có chiều hướng diễn biến phức tạp hơn.

(iv) Nâng cao nhận thức về lĩnh vực hàng hải và cơ sở hạ tầng hàng hải: Ấn Độ đang hợp tác với các nước đối tác và các cơ quan đa quốc gia để phát triển nhận thức hàng hải, xây dựng cơ sở hạ tầng và chia sẻ thông tin về các tàu chở hàng thương mại và tăng cường liên kết giữa các lực lượng hải quân thông qua đào tạo và tương tác chuyên nghiệp.

(v) Nâng cao năng lực: Ấn Độ đã được phép bán các sản phẩm công nghệ cao, đặc biệt là trong lĩnh vực vũ trụ dân dụng và quốc phòng cho một số quốc gia. Hơn nữa, Ấn

Độ đã bắt đầu sản xuất linh kiện quốc phòng, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang của một số quốc gia.

(vi) Chính sách đối ngoại quốc phòng toàn diện: Chính quyền N. Modi đã thúc đẩy một chính sách đối ngoại quốc phòng toàn diện, mở rộng phạm vi hợp tác từ châu Á tới châu Phi và khu vực TBD. Ấn Độ đã tăng cường hợp tác quốc phòng với các quốc gia Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Đông Phi nhằm tạo lập các đối tác chiến lược trong khu vực. Các hoạt động đối ngoại quốc phòng nổi bật của Ấn Độ có thể kể đến như hỗ trợ Việt Nam thông qua các khoản vay tín dụng quốc phòng, hành động như người phản ứng đầu tiên trong khu vực trong các hoạt động QUÀ về Hỗ trợ Nhân đạo và cứu trợ Thảm họa (HADR), thường xuyên thăm cảng hải quân của các quốc gia Đông Nam Á và Đông Bắc Á, cho phép Singapore sử dụng các cơ sở của Ấn Độ để huấn luyện quân sự...

(vii) Sự gắn kết chiến lược: Ấn Độ và các quốc gia đều có Tầm nhìn chung về khu vực ÁĐD - TBD và đang đẩy mạnh hợp tác giữa IPOI (Ấn Độ), FOIP (Mỹ, Nhật Bản), AOIP (ASEAN)...nhằm tăng cường năng lực, gắn kết các quốc gia khác và thúc đẩy hợp tác lớn hơn trong khu vực ÁĐD - TBD.

Nhìn chung, Ấn Độ vẫn coi mình là một lực lượng an ninh quan trọng, và là đòn bẩy tác động, định hình các vấn đề nóng trong khu vực. Song điều quan trọng hơn, Ấn Độ nhận thức được mình không phải là lực lượng an ninh duy nhất tại ÁĐD - TBD, mà cùng tồn tại song hành là lực lượng an ninh của các cường quốc khác như Mỹ, Nga, Trung Quốc. Ấn Độ đã thể hiện nỗ lực trong hoạt động đối ngoại quốc phòng với các đối tác trong toàn bộ khu vực nhằm tạo dựng và củng cố vững chắc vai trò an ninh của mình trong khu vực, định hình vị trí cường quốc hàng đầu của nước này tại ÁĐD - TBD.

Về lĩnh vực khác, Thủ tướng N. Modi có đạt một số thành tựu trong việc thúc đẩy ngoại giao văn hóa, giáo dục, hợp tác KH&CN...

Trên khía cạnh ngoại giao văn hóa và giáo dục, chính phủ N. Modi đã tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ trên trường quốc tế thông qua các sáng kiến ngoại giao văn hóa. Điều này bao gồm việc thiết lập và hỗ trợ các trung tâm văn hóa Ấn Độ, tổ chức các sự kiện văn hóa và hợp tác với các quốc gia trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. Đồng thời, ông N. Modi cũng thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục Ấn Độ bằng cách mở rộng hợp tác giáo dục với các quốc gia trong khu vực. Điều này được thực hiện thông qua các chương trình trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu, và các sáng kiến giáo dục quốc tế. Các chương trình này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục tại Ấn Độ mà còn

góp phần vào việc xây dựng hình ảnh tích cực của Ấn Độ như một trung tâm giáo dục trong khu vực.

Trên khía cạnh hợp tác KH&CN, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác KH&CN với các quốc gia trong khu vực, bao gồm các dự án nghiên cứu chung, chuyển giao công nghệ, và tổ chức các hội nghị quốc tế. Những sáng kiến này không chỉ giúp Ấn Độ tiến xa hơn trong lĩnh vực KH&CN mà còn tạo ra các cơ hội hợp tác mới với các quốc gia khác.

Trên khía cạnh phát triển xã hội và hỗ trợ phát triển, Chính quyền N. Modi đã tăng cường hỗ trợ phát triển cho các quốc gia láng giềng trong khu vực ÁĐD - TBD thông qua các chương trình viện trợ và phát triển. Điều này bao gồm việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện y tế và giáo dục, và hỗ trợ trong các lĩnh vực phát triển xã hội khác. Các sáng kiến này đã giúp Ấn Độ xây dựng quan hệ bền vững với các quốc gia trong khu vực và củng cố vị trí của mình như một đối tác phát triển quan trọng.

Những thành tựu này cho thấy sự cam kết của Ấn Độ trong việc sử dụng văn hóa, giáo dục và phát triển xã hội như những công cụ quan trọng trong chính sách đối ngoại, góp phần vào việc nâng cao vị thế của Ấn Độ trong khu vực ÁĐD - TBD.

4.1.1.2.3. Đối với vòng tròn thứ ba

Kiên định với chiến lược “đa liên kết”, Ấn Độ coi trọng việc mở rộng quan hệ đối ngoại ở cấp độ toàn cầu, tức vòng tròn thứ ba và gặt hái được một số kết quả nhất định.

Về chính trị - ngoại giao, trong mối quan hệ với Nga, hai nước có mối quan hệ đối tác chiến lược lâu đời, đặc biệt trong lĩnh vực quốc phòng và năng lượng. Ấn Độ đã duy trì và phát triển mối quan hệ này, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị ngày càng tăng ở khu vực ÁĐD - TBD. Các cuộc gặp cấp cao và hợp tác trong nhiều lĩnh vực như quốc phòng, năng lượng, và hợp tác chiến lược được đẩy mạnh, cho thấy mối quan hệ giữa hai nước vẫn rất bền chặt và có chiều sâu. Là người theo đuổi Chủ nghĩa Thực dụng, Thủ tướng N. Modi vẫn coi trọng việc duy trì quan hệ với Nga trong khi là đối tác chiến lược với Mỹ. Dù có nhân tố Trung Quốc xuất hiện kéo gần thêm khoảng cách Mỹ - Ấn nhưng điều này cũng không gây ảnh hưởng quá nhiều đến mối quan hệ Nga - Ấn. Và trên thực tế, sự lựa chọn của ông N. Modi đã cho thấy mang lại điều có lợi hơn cho Ấn Độ như tranh thủ sự ủng hộ của Nga trong việc xây dựng vị thế trong các thể chế khu vực quan trọng (SCO và BRICS).

Trong mối quan hệ với EU, hai bên tiếp tục duy trì và mở rộng kết nối trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, nhấn mạnh sự hợp tác trong các vấn đề toàn cầu như an ninh, biến

đổi khí hậu và phát triển bền vững. Cả hai bên đều cam kết tăng cường đối thoại và phối hợp trong các tổ chức quốc tế nhằm thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực. Hợp tác cũng bao gồm việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm trong quản lý khủng hoảng và chống khủng bố. Sự gắn kết này không chỉ củng cố mối quan hệ song phương mà còn đóng góp vào việc định hình trật tự toàn cầu đa cực.

Trong mối quan hệ với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Ấn Độ đã nỗ lực mở rộng mối quan hệ ngoại giao thông qua nhiều chuyến thăm cấp cao của Tổng thống Ấn Độ và Thủ tướng, bao gồm 06 chuyến thăm của Tổng thống Ấn Độ và 04 chuyến thăm của Thủ tướng N. Modi [Narendra Modi, 2024]. Ngoài ra, các bộ trưởng trong Chính phủ Ấn Độ cũng đã tiến hành nhiều chuyến thăm tới các quốc gia trong khu vực để tìm kiếm các biện pháp tăng cường quan hệ song phương cũng như khai thác các lĩnh vực hợp tác mới. Ấn Độ đã bắt đầu mở cơ quan đại diện tại các quốc gia mà trước đây chưa có sự hiện diện ngoại giao, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức khu vực như Cộng đồng các nước Mỹ Latinh và Caribe (CELAC). Đặc biệt, từ năm 2018, Ấn Độ đã chuyển quyền phụ trách công tác này từ Quốc vụ khanh phụ trách LAC sang cho Bộ trưởng Ngoại giao, thể hiện sự chú trọng của Ấn Độ đối với khu vực này. Ấn Độ đã nối lại cơ chế đối thoại với các quốc gia thuộc Hệ thống Hội nhập Trung Mỹ (SICA) (2015) và thành lập JCM Ấn Độ - CARICOM, tạo cơ sở cho các cuộc trao đổi về hợp tác chính trị và kinh tế, giúp củng cố quan hệ của Ấn Độ với khu vực Mỹ Latinh và Caribe.

Về các cơ chế đa phương, New Delhi đã trở nên chủ động hơn trong việc tham dự và tăng cường vai trò ở một số tổ chức quốc tế như UN, WTO, G20, EU... bước đầu góp phần củng cố và nâng cao vị thế của Ấn Độ. Tại UN, Ấn Độ đã đóng góp tích cực vào các hoạt động gìn giữ hòa bình và luôn kiên trì theo đuổi mục tiêu trở thành thành viên thường trực của UNSC. Dù mục tiêu này chưa thể thành sự thật, song Ấn Độ đã khá thành công khi khẳng định vai trò lớn hơn của mình tại liên kết lớn nhất thế giới thông qua việc trở thành Thành viên không thường trực tại UNSC trong nhiều nhiệm kỳ. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng bộc lộ một chiến lược đối ngoại linh hoạt khi dựa vào các đối tác là các Thành viên thường trực của UNSC (Mỹ, Pháp, Nga) để gây ảnh hưởng lên các khu vực mà nước này quan tâm. Trong WTO, Ấn Độ đã và đang giữ vai trò quan trọng trong các cuộc đàm phán thương mại, đặc biệt là trong việc bảo vệ lợi ích của các quốc gia đang phát triển. Tại G20, Ấn Độ đã nỗ lực thúc đẩy các sáng kiến về phát triển bền vững và chống biến đổi khí hậu, đồng thời gia tăng ảnh hưởng của mình trong việc định hình các chính sách toàn cầu.

Về kinh tế, trong quan hệ với Nga, mặc dù thương mại song phương chưa đạt mức cao như mong đợi nhưng hai nước đã có những bước tiến nhất định trong việc tăng cường hợp tác kinh tế. Đặc biệt, tiềm năng hợp tác trong lĩnh vực dược phẩm khi Ấn Độ đẩy mạnh xuất khẩu dược phẩm sang Nga. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu và mở rộng thị trường cho hàng hóa Ấn Độ.

Quan hệ kinh tế giữa Ấn Độ và EU đã đạt được những thành tựu quan trọng thông qua các MOA thương mại song phương. EU là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ. Thương mại song phương giữa Ấn Độ và EU đã đạt mức hơn 100 tỷ USD (2022) với các mặt hàng xuất khẩu chính từ Ấn Độ bao gồm dệt may, hóa chất, kim loại quý, và máy móc. Quan hệ thương mại song phương đã không chỉ tăng về khối lượng mà còn về đa dạng hóa, với việc Ấn Độ đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao và dịch vụ kỹ thuật số sang EU. Ấn Độ và EU đã tiến hành nhiều vòng đàm phán về một FTA nhằm giảm bớt các rào cản thương mại và đầu tư giữa hai bên. Mặc dù chưa hoàn thành, các cuộc đàm phán này đã mở đường cho việc cải thiện quan hệ kinh tế và đầu tư, và khẳng định cam kết của cả hai bên trong việc xây dựng một khung hợp tác kinh tế bền vững và có lợi cho cả hai phía. Sự hợp tác giữa hai bên không chỉ dừng lại ở thương mại mà còn mở rộng sang các lĩnh vực như công nghệ và biến đổi khí hậu, tạo ra những cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế bền vững của Ấn Độ.

Với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Chính phủ N. Modi đã thể hiện sự quan tâm đến việc đa dạng hóa sự tham gia của Ấn Độ ở LAC và trong khi mối quan tâm của Ấn Độ ở LAC là tương đối mới, thì mối quan hệ này đang trên đà phát triển. Các nước LAC như Mexico, Brazil, Panama, Argentina, Chile đang tìm kiếm sự hợp tác với Ấn Độ trong các lĩnh vực mới như vũ trụ, KH&CN và quốc phòng - điều này thể hiện động lực tích cực theo quan điểm của New Delhi. Ấn Độ đã thành công trong việc trở thành một trong những đối tác thương mại chính của khu vực này khi tổng kim ngạch thương mại giữa hai bên đạt khoảng 35,7 tỷ USD (2023 - 2024) [MCI, GoI, 2024]. Ấn Độ đã phần nào khẳng định được vị thế của mình trong khu vực này. Mối quan hệ thương mại với Brazil và Argentina, hai nền kinh tế lớn trong khu vực, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng và lương thực cho Ấn Độ, đồng thời tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ tại khu vực này. Trong tổng số 32 tỷ USD cho các dự án IDEAS/LOC, Ấn Độ đã mở rộng các LOC trị giá 811 triệu USD để giúp các quốc gia Mỹ Latinh và Caribe nhanh chóng phát triển [MEA, GoI (2024)].

Với các cơ chế đa phương, Ấn Độ đã thể hiện vai trò tích cực trong các hoạt động kinh tế toàn cầu thông qua việc tham gia vào các cơ chế của UN. Mặc dù không trực tiếp liên quan đến lĩnh vực kinh tế, nhưng các hoạt động của Ấn Độ trong việc thúc đẩy cải cách UNSC và đóng góp vào các hoạt động gìn giữ hòa bình đã giúp nâng cao vị thế quốc tế của nước này, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế toàn cầu.

Ấn Độ đã đạt được thành tựu đáng kể trong việc bảo vệ lợi ích của các quốc gia đang phát triển trong WTO. *Thứ nhất*, vai trò lãnh đạo của Ấn Độ trong các cuộc đàm phán thương mại đa phương, đặc biệt là về các điều khoản đối xử đặc biệt và khác biệt (Special and Differential Treatment - S&DT), giúp các nước đang phát triển, bao gồm Ấn Độ có thể duy trì những chính sách bảo hộ cần thiết cho phát triển kinh tế nội địa trong khi vẫn tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu. *Thứ hai*, Ấn Độ đã kiên trì đàm phán để giữ vững chính sách hỗ trợ giá cho nông sản trong nước, một vấn đề quan trọng đối với sự sống còn của hàng triệu nông dân Ấn Độ. Thành tựu này được thể hiện qua việc WTO công nhận "Chương trình dự trữ thực phẩm vì an ninh lương thực", cho phép các quốc gia duy trì dự trữ lương thực mà không bị giới hạn bởi các cam kết cắt giảm trợ cấp nông nghiệp. *Thứ ba*, Ấn Độ đã nỗ lực thúc đẩy một hệ thống thương mại công bằng và cân bằng tại WTO, đặc biệt là trong các vấn đề liên quan đến trợ cấp và thuế quan. Ấn Độ đã tích cực tham gia vào các cuộc đàm phán để giảm thiểu các bất bình đẳng trong hệ thống thương mại toàn cầu, bảo vệ các ngành công nghiệp non trẻ và những lĩnh vực kinh tế nhạy cảm trong nước. *Thứ tư*, Ấn Độ đã cam kết duy trì hệ thống thương mại đa phương, bất chấp những thách thức toàn cầu đối với WTO trong những năm gần đây.

Trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20 (2022), Ấn Độ đã có những đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy các sáng kiến kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong bối cảnh hậu đại dịch Covid-19. Ấn Độ đã tổ chức nhiều cuộc họp và sự kiện, tạo điều kiện cho sự hợp tác kinh tế đa phương và tăng cường vai trò của mình trong việc định hình các chính sách kinh tế toàn cầu.

Về an ninh - quốc phòng, với Nga, Ấn Độ duy trì một mối quan hệ quốc phòng chặt chẽ với cường quốc này. Các cơ chế hợp tác kỹ thuật quân sự cùng các kế hoạch tập trận chung, đào tạo, mua sắm vũ khí và chuyển giao công nghệ đã đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố năng lực quốc phòng của Ấn Độ. Trong Hội nghị thượng đỉnh Nga - Ấn lần thứ 15 (2014), Tổng thống Nga có chuyến thăm đến Ấn Độ và ký kết 20 MOA hợp tác liên quan tới đào tạo quân sự, sử dụng năng lượng nguyên tử...như một lời khẳng

định về thắt chặt quan hệ cùng có lợi với Ấn Độ, một tuyên bố quan trọng trong bối cảnh Nga cung cấp vũ khí cho Pakistan. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã ký kết một số thỏa thuận quan trọng với Nga, bao gồm việc mua 05 tiểu đoàn tên lửa phòng không S-400 trị giá 5,43 tỷ USD (2018) [Báo Quân đội Nhân dân, 2022a]. Điều này giúp Ấn Độ tăng cường năng lực phòng thủ đáng kể, có khả năng theo dõi và bắn hạ nhiều mục tiêu cùng lúc trong phạm vi 400 km.

Với EU, hợp tác an ninh giữa Ấn Độ và EU đã được củng cố thông qua các đối thoại chính sách an ninh, với trọng tâm là an ninh hàng hải, chống khủng bố, và an ninh mạng. Quan hệ này giúp cả hai bên đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống và thúc đẩy sự ổn định khu vực và toàn cầu.

Với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, mặc dù chưa có nhiều chi tiết về hợp tác quốc phòng cụ thể giữa Ấn Độ với khu vực này nhưng Ấn Độ đã mở rộng mối quan hệ đối tác trong các lĩnh vực an ninh phi truyền thống bao gồm hợp tác năng lượng và an ninh hàng hải. Những nỗ lực này góp phần vào việc xây dựng một khu vực ổn định hơn và tăng cường mối quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia trong khu vực.

Với các cơ chế đa phương, Ấn Độ đã đóng góp mạnh mẽ vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của UN (UNPKOs). Ấn Độ xếp thứ 5 trong tổng số các lực lượng gìn giữ hòa bình (khoảng 5.500 binh sĩ và cảnh sát) của UN, giúp nâng cao vị thế quốc tế của nước này và đóng góp vào an ninh toàn cầu [MEA, GoI, 2024a]. Trong G20, Ấn Độ đã tích cực thúc đẩy các sáng kiến an ninh toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực chống khủng bố và an ninh mạng. Ấn Độ đã thể hiện vai trò lãnh đạo trong việc tạo ra một môi trường an ninh quốc tế ổn định, đóng góp vào sự an toàn và thịnh vượng chung.

Về lĩnh vực khác, Ấn Độ và Nga đã tăng cường hợp tác trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và KH&CN. Hai nước ký nhiều hiệp định về trao đổi văn hóa và khoa học, đồng thời tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa và học thuật. Hợp tác này đã giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và củng cố quan hệ song phương trong các lĩnh vực ngoài kinh tế và quốc phòng. Bên cạnh đó, hai nước đã hợp tác trong các chương trình không gian, bao gồm việc Nga hỗ trợ Ấn Độ trong các nhiệm vụ không gian như phóng vệ tinh và khám phá không gian. Quan hệ hợp tác này đã góp phần vào việc nâng cao năng lực không gian của Ấn Độ và mở rộng tầm ảnh hưởng của cả hai quốc gia trong lĩnh vực công nghệ cao.

Với EU, quan hệ giữa Ấn Độ và EU đã chạm đáy dưới thời Thủ tướng M. Singh do không có sự hội tụ lợi ích giữa hai bên cũng như căng thẳng kéo dài từ vụ việc lính thủy

đánh bộ Italia sát hại ngư dân Ấn Độ tại Kerala (2012) và càng trở nên tồi tệ đến mức Hội nghị Thượng đỉnh EU - Ấn Độ đã phải hoãn lại (2015). Tuy nhiên, nhiều thứ đã thay đổi kể từ đó và Ấn Độ và EU hiện đang trải qua sự hồi sinh trong quan hệ, trở về quỹ đạo và sôi động hơn. Đó là một bước phát triển và là kết quả của sự hội tụ lợi ích trong một môi trường quốc tế đang thay đổi nhanh chóng. Quan hệ giữa Ấn Độ và EU đã mở rộng sang các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, công nghệ cao, và hợp tác giáo dục. Sự hợp tác này không chỉ giới hạn ở các thỏa thuận thương mại mà còn mở rộng sang các lĩnh vực quan trọng khác như hợp tác chống khủng bố, an ninh mạng, an ninh hàng hải, năng lượng và biến đổi khí hậu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Ấn Độ trên trường quốc tế.

Với khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác với khu vực này về phát triển bền vững, bao gồm các dự án năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ và bảo vệ môi trường. Đồng thời, thiết lập các chương trình học bổng và trao đổi học thuật với các quốc gia trong khu vực này, thúc đẩy giao lưu giáo dục và tăng cường hợp tác giữa các trường đại học và viện nghiên cứu. Điều này đã giúp nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học, đồng thời tăng cường sự gắn kết giữa các quốc gia.

Với các cơ chế đa phương, Ấn Độ đã đóng góp mạnh mẽ vào các sáng kiến của UN trong lĩnh vực phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo, và đối phó với biến đổi khí hậu. Ấn Độ đã thành công trong việc đề xuất Ngày Quốc tế Yoga (21/6) và thúc đẩy các sáng kiến như Quỹ Hợp tác và Phát triển Ấn Độ - UN, đóng góp vào sự phát triển của các chương trình và cơ quan chuyên môn của UN. Bên cạnh UN, Ấn Độ đã sử dụng G20 như một diễn đàn để thúc đẩy các sáng kiến toàn cầu về phát triển bền vững, quản trị toàn cầu và hành động chống biến đổi khí hậu. Trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20, Ấn Độ đã đưa ra chủ đề “Một trái đất, một gia đình, một tương lai”, tập trung vào việc xây dựng một thế giới hòa bình, bền vững và thịnh vượng.

Cuối cùng, trong kỷ nguyên của động lực địa chính trị thay đổi và sự gia tăng căng thẳng về môi trường, “Ngoại giao Cực” đang trở nên quan trọng hơn. Ngoại giao Cực thường đề cập đến các nỗ lực và sáng kiến mà các quốc gia tham gia trong khu vực Bắc Cực và Nam Cực. Đối với Ấn Độ, dưới thời Thủ tướng N. Modi, việc tập trung vào “Ngoại giao Cực” bao gồm các nỗ lực chiến lược do Ấn Độ thực hiện kết hợp với các quốc gia khác để bảo vệ lợi ích của mình ở hai cực này. Ấn Độ đã ban hành Đạo luật Nam Cực (2022), thực hiện 43 chuyến thám hiểm khoa học thành công [Kakodkar, P., 2024] (Ấn Độ cũng đang nghiên cứu bổ sung Bắc Cực vào Đạo luật), điều này đã khẳng định cam

kết quản lý có trách nhiệm tại Nam Cực và ưu tiên đủ cho nghiên cứu khoa học tại lục địa này. Mặc dù không có yêu sách lãnh thổ, chính phủ đã nhận ra tầm quan trọng của địa chính trị và nền kinh tế xung quanh các khu vực Bắc Cực và Nam Cực. Nhiều yếu tố khác nhau đã ảnh hưởng đến “Ngoại giao Cực” của Ấn Độ, bao gồm tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, nhu cầu năng lượng tăng và vấn đề nóng lên toàn cầu. Thành tựu của Ấn Độ trong “Ngoại giao Cực” đó là việc Ấn Độ đã thúc đẩy sự hợp tác và quan hệ đối tác lớn hơn với các quốc gia khác tham gia vào nghiên cứu về vùng cực như Nhóm P5, Canada, Na Uy... đồng thời tích cực tham gia vào nhiều nền tảng khác nhau như Hội đồng Bắc Cực (AC) và Hệ thống Hiệp ước Nam Cực (ATS) nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học đồng thời đóng góp vào việc bảo tồn môi trường ở cấp độ địa phương và quốc tế. Việc ưu tiên các vùng cực cho phép Ấn Độ tăng cường mối quan hệ song phương và đa phương với các quốc gia khác và cho phép Ấn Độ thúc đẩy các chương trình nghị sự toàn cầu, nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế.

Những thành tựu này thể hiện sự nỗ lực của Ấn Độ trong việc mở rộng và đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, không chỉ tập trung vào lĩnh vực kinh tế và quốc phòng, mà còn trong các lĩnh vực khác như văn hóa, giáo dục, KH&CN... Điều này giúp Ấn Độ nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế và góp phần vào sự phát triển bền vững toàn cầu.

Như vậy, có thể khái quát lại, chính phủ N. Modi cơ bản đã bám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của chính sách đối ngoại với ba trụ cột là “Phát triển Ấn Độ”, “An ninh Ấn Độ” và “Vị thế Ấn Độ”. Ba trụ cột này tạo thành một tam giác chiến lược có sự tương tác lẫn nhau, do đó, các thành tựu đạt được trong trụ cột này có thể trở thành động lực thúc đẩy cho trụ cột khác, hình thành sự gắn kết chiến lược và phục vụ cho lợi ích của quốc gia.

4.1.1.3. Nguyên nhân của thành tựu

Các thành tựu trên này được xuất phát từ nhiều nguyên nhân

Một là, mục tiêu và động lực rõ ràng. Chính phủ của Thủ tướng N. Modi đã chuyển từ chính sách đối ngoại thận trọng sang một cách tiếp cận chủ động hơn, sẵn sàng bảo vệ lợi ích quốc gia một cách mạnh mẽ. Với mục tiêu rõ ràng và lợi ích kinh tế, chính sách đối ngoại của Ấn Độ được xây dựng xung quanh mục tiêu bảo vệ độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia, cũng như tham vọng phát triển kinh tế bền vững (Ấn Độ tự cường) và nâng cao vị thế quốc tế. Ấn Độ tập trung vào việc nâng cao hợp tác kinh tế với các quốc gia khác, từ đó tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế trong nước. Chính phủ

cũng chú trọng đến việc thu hút đầu tư từ nước ngoài, đặc biệt là từ các cường quốc và mở rộng thị trường hàng hóa Ấn Độ, chú trọng thúc đẩy ngoại giao gắn với phát triển kinh tế nội địa. Các sáng kiến như “Make in India”, “Digital India”, và “Startup India” được thúc đẩy ra quốc tế. Ngoài ra, Ấn Độ đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút FDI, ký các hiệp định thương mại tự do mới. Qua đó, tăng niềm tin của nhà đầu tư quốc tế, đưa Ấn Độ trở thành điểm đến hấp dẫn thay thế Trung Quốc, kết nối kinh tế giúp củng cố vị thế chính trị và chiến lược.

Hai là, tầm nhìn chiến lược, các nguyên tắc đối ngoại và sự linh hoạt. Với sự độc lập chiến lược, quyết đoán trong quyết định và chủ động trong hội nhập, Ấn Độ duy trì chính sách đối ngoại độc lập, không liên minh quân sự với bất kỳ quốc gia nào nhưng mềm dẻo và linh hoạt hơn (duy trì quan hệ với cả Nga và Mỹ; vừa tham gia QUAD, vừa là thành viên BRICS và SCO), điều này giúp họ phản ứng linh hoạt với các tình huống quốc tế và tối ưu hóa lợi ích, giữ được cân bằng ngoại giao, đảm bảo lợi ích kinh tế, quân sự mà không bị “lệ thuộc” vào bất kỳ phe nào, tạo được uy tín như một quốc gia có lập trường độc lập, đáng tin cậy. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Ấn Độ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó tận dụng tối đa các cơ hội phát triển và tiếp cận công nghệ mới.

Ba là, khả năng thiết lập quan hệ chiến lược với nhiều cường quốc khác nhau và nỗ lực duy trì hòa bình và ổn định khu vực. Ấn Độ đã xây dựng mối quan hệ chiến lược với nhiều quốc gia quan trọng như Mỹ, Nga, Nhật Bản và các nước trong khu vực ASEAN, giúp củng cố vai trò cạnh tranh của Ấn Độ trên trường quốc tế. Ấn Độ đánh dấu sự chuyển mình rõ rệt trong việc mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các nước CA - TBD. Không dừng lại ở khu vực, chính quyền Thủ tướng N. Modi còn đẩy mạnh quan hệ với châu Âu, Trung Đông và châu Phi, theo hướng toàn diện và cân bằng chiến lược. Từ đó, giúp Ấn Độ thoát khỏi cái bóng “Nam Á hóa”, khẳng định vị thế ở khu vực Á-ĐD - TBD, Củng cố vai trò đối trọng với Trung Quốc trong khu vực. Đồng thời, Ấn Độ thúc đẩy quan hệ đa phương, Ấn Độ không chỉ tập trung vào các mối quan hệ song phương mà còn tham gia tích cực vào các tổ chức đa phương như BRICS, G20, UN..., qua đó góp phần nâng cao tầm ảnh hưởng của mình trong các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, chống khủng bố và phát triển bền vững. Ấn Độ chủ động đề xuất các giải pháp và sáng kiến trong các vấn đề khu vực và hợp tác an ninh, tích cực tham gia vào các cuộc đối thoại và giải quyết xung đột trong khu vực Nam Á, nhằm xây dựng một môi trường hòa bình và ổn định. Đồng thời, Ấn Độ tham gia vào các sáng kiến an ninh trong khu vực, bao gồm hợp tác với các nước láng giềng và các cường quốc khác để giải quyết các thách thức toàn cầu, giúp nâng cao hình ảnh một quốc

gia nhân đạo, có trách nhiệm với thế giới cũng như tạo dựng được quan hệ thông qua “sức mạnh mềm” với các quốc gia đang phát triển (đặc biệt là châu Á và châu Phi).

Bốn là, tận dụng thời cơ trong bối cảnh địa chính trị thay đổi. Ấn Độ đã thể hiện năng lực thích ứng và tận dụng thời cơ trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu biến động, như Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung hay xung đột Nga - Ukraine. Ấn Độ đã tận dụng sự dịch chuyển chuỗi cung ứng để thu hút đầu tư. Trong khi các nước khác bị "kẹt" giữa các phe đối lập, Ấn Độ giữ lập trường mềm dẻo, trở thành đối tác trung gian đáng tin cậy, để định vị mình như một trung tâm cân bằng chiến lược khu vực và toàn cầu, được các nước lớn tranh thủ và hợp tác, đồng thời, giúp Ấn Độ đóng vai trò lớn hơn trong các tổ chức toàn cầu (G20, UN, BRICS...).

Năm là, sự cá nhân hóa chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi. Truyền thống ngoại giao Ấn Độ trước đây khá thận trọng, chủ yếu dựa vào bộ máy hành chính và Bộ Ngoại giao song Thủ tướng N. Modi đã thay đổi điều đó, ông trực tiếp “dẫn dắt” ngoại giao bằng việc thực hiện hàng loạt chuyến công du, thường xuyên gặp lãnh đạo các quốc gia, xây dựng hình ảnh một lãnh đạo mạnh mẽ và có tầm ảnh hưởng. Ông N. Modi cũng thường xuyên tận dụng mạng xã hội, các bài phát biểu và hình ảnh truyền thông để thể hiện lập trường của Ấn Độ và nâng cao vị thế quốc tế, giúp tạo được thiện cảm cá nhân, thúc đẩy ngoại giao nhân dân.

Cuối cùng, sự thành công trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi có được từ sự phối hợp nhịp nhàng giữa bộ máy ngoại giao chuyên nghiệp, sự tham gia tích cực từ các nhóm lợi ích đa dạng, đóng góp trí tuệ từ cộng đồng học giả, cùng với sự ủng hộ mạnh mẽ từ nhân dân cả trong nước lẫn cộng đồng người Ấn Độ ở hải ngoại đã tạo nên một nền tảng vững chắc để thúc đẩy vị thế toàn cầu ngày càng tăng cao của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Trong đó, Bộ máy ngoại giao Ấn Độ đã thể hiện hiệu quả cao trong việc thực thi chính sách đối ngoại của đất nước; các nhóm lợi ích như doanh nghiệp, học giả và truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và thực thi chính sách đối ngoại của Ấn Độ, giúp tạo ra một "cỗ máy ngoại giao" toàn diện (cộng đồng học giả, các nhóm nghiên cứu chiến lược và các nhà nghiên cứu chính sách đã tham gia vào việc đưa ra các ý tưởng sáng tạo và chiến lược lớn cho vai trò của New Delhi trên trường quốc tế, giúp phân tích sâu sắc về những thay đổi trong môi trường quốc tế và đề xuất các phương án phù hợp cho chính sách đối ngoại của Ấn Độ); sự ủng hộ và đồng lòng của đa số nhân dân trong nước và cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài là nền tảng

quan trọng cho sự thành công của chính sách đối ngoại (Chính phủ Ấn Độ đã tăng cường nỗ lực vận động người Ấn Độ ở nước ngoài đóng góp tích cực vào các hoạt động đối ngoại chung và sự quan tâm sâu sắc của người dân Ấn Độ đến các diễn biến liên quan chính sách đối ngoại có thể được xem là một yếu tố thúc đẩy cho sự phát triển mạnh mẽ vị thế quốc tế của đất nước).

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế của chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi

Dù đạt được những thành tựu nhất định, nhưng chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng vẫn còn tồn tại những hạn chế và thách thức.

Thứ nhất, trong vòng tròn thứ nhất, Ấn Độ chưa giải quyết tốt mối quan hệ với Pakistan tại khu vực Nam Á.

Mặc dù Thủ tướng N. Modi đã cố gắng cải thiện quan hệ với Pakistan trong những năm đầu nhiệm kỳ nhưng căng thẳng vẫn tiếp tục leo thang, tạo nên chướng ngại về an ninh đối với Ấn Độ và chưa có hướng giải quyết trong thời gian tới. Hai nước luôn lạnh nhạt với nhau do tranh chấp về Jammu - Kashmir và chiến lược quân sự duy trì liên tục của Pakistan chống lại Ấn Độ. Pakistan đang nằm trong vòng kiểm soát bởi quân đội và các cơ quan tình báo của nước này, vốn vẫn sử dụng các nhóm khủng bố làm lực lượng ủy nhiệm. Dưới thời Thủ tướng N. Modi, Ấn Độ luôn phải đối mặt với các cuộc tấn công khủng bố tào bạo từ phía Pakistan, thậm chí còn hướng vào các căn cứ quân sự của Ấn Độ. Đặc biệt là trong những giai đoạn căng thẳng như vụ tấn công Uri (2016) khiến 19 binh sĩ Ấn Độ thiệt mạng và nhiều dân thường bị thương. Ấn Độ đã phản ứng bằng cách thực hiện các cuộc tấn công nhắm vào các tay súng bên kia Đường Kiểm soát. Năm 2019, vụ đánh bom tự sát ở Pulwama xảy ra, được cho là do nhóm khủng bố có căn cứ tại Pakistan thực hiện, Ấn Độ đã trả đũa bằng cách không kích vào khu vực Balakot (Pakistan). Các cuộc đụng độ biên giới thường xuyên tiếp diễn, làm gia tăng thêm sự thù địch giữa hai nước, gia tăng thêm bất ổn về an ninh, chính trị tại khu vực Nam Á.

Mặt khác, mối quan hệ ngày càng “xích lại” giữa Pakistan và Trung Quốc khiến Ấn Độ lại càng nằm trong tình thế khó khăn, bị đe dọa từ cả hai đầu Đông - Tây. Cả Trung Quốc và Pakistan đều tỏ ra không chấp nhận đối với tham vọng khu vực của Ấn Độ. Điều này đóng vai trò như chất keo kết dính cho mối quan hệ đối tác quân sự ngày càng toàn diện của hai nước này. Hợp tác trong lĩnh vực an ninh của Trung Quốc và Pakistan có thể được truy nguyên từ những năm 1960 và tiếp tục phát triển trong giai đoạn Thủ tướng N.

Modi nắm quyền. Quan hệ quân sự mạnh mẽ của họ được thể hiện qua việc Trung Quốc cung cấp thiết bị quân sự cho Pakistan, hỗ trợ của Trung Quốc cho các chương trình vũ khí hạt nhân và tên lửa của Pakistan cùng sự hỗ trợ của Bắc Kinh trong việc nâng cấp các cơ sở hạ tầng sản xuất quốc phòng như Nhà máy Tái xây dựng Năng (HRF) và Tổ hợp Hàng không Pakistan (PAC),... Việc Ấn Độ không xử lý tốt mối quan hệ với Pakistan đã khiến các thách thức mới gia tăng như để cả hai quốc gia cùng sở hữu vũ khí hạt nhân là Trung Quốc và Pakistan hợp tác đã làm suy yếu ảnh hưởng chính trị của Ấn Độ, tăng thêm động thái nguy hiểm trong khu vực, và ảnh hưởng trực diện đến lợi ích của New Delhi.

Thứ hai, việc hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Nam Á (vòng tròn thứ nhất) còn bị chi phối khá nhiều vào những nhân tố bên trong và bên ngoài khu vực, khiến Ấn Độ khó có thể làm chủ khu vực Nam Á như mục tiêu mà nước này đã đề ra.

Lo sợ về việc đầu tư ngày càng tăng của Trung Quốc, Ấn Độ đã mở rộng nhiều hạn mức tín dụng cho các nước láng giềng. Tuy nhiên, các bất đồng “cốt lõi” vẫn chưa được giải quyết, từ việc chia sẻ nước sông, di cư, khủng bố cho đến các vấn đề chính trị - quân sự. Xu hướng “bài Ấn Độ” vẫn tồn tại trên khắp Nam Á, với các nước láng giềng đang xây dựng mối quan hệ chặt chẽ hơn với Bắc Kinh để chống lại sự thống trị của Ấn Độ.

Sự liên kết giữa Mỹ, Pakistan và Afghanistan, hay sự can thiệp nhiều hơn của Trung Quốc ở khu vực Nam Á và ÁĐD chứng tỏ sự can dự của bên ngoài ở khu vực này đang tăng lên. Điều này đã làm phân tán nghiêm trọng lợi ích của Ấn Độ ở Nam Á (vòng tròn thứ nhất). Một ví dụ điển hình là Sáng kiến BRI của Trung Quốc, đã thu hút nhiều quốc gia Nam Á như Pakistan, Sri Lanka và Bangladesh. Các quốc gia này đã nhận được các khoản đầu tư lớn từ Trung Quốc làm giảm sự phụ thuộc của họ vào Ấn Độ và tăng cường quan hệ với Bắc Kinh. Điều này làm suy yếu nỗ lực của Ấn Độ trong việc thiết lập mình là cường quốc chủ đạo trong khu vực. Bên cạnh đó, mặc dù Ấn Độ và Mỹ có mối quan hệ chiến lược chặt chẽ, đặc biệt trong việc đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc, điều này cũng tạo ra những hạn chế trong chiến lược của Ấn Độ tại Nam Á. Quan hệ chặt chẽ với Mỹ đã khiến các quốc gia láng giềng của Ấn Độ lo ngại và do dự trong việc “toàn tâm toàn ý” hợp tác với Ấn Độ, đặc biệt là những quốc gia có quan hệ tốt với Trung Quốc. Ấn Độ đã ở trong một tình thế “tiên thoái lưỡng nan” khi phải duy trì một sự cân bằng khó khăn trong quan hệ với các cường quốc ngoài khu vực như Mỹ và Trung Quốc để bảo vệ lợi ích của mình tại Nam Á. Điều này đã làm giảm khả năng hành động độc lập của Ấn Độ trong khu vực, vì mọi quyết định lớn đều phải cân nhắc tới các phản ứng có thể có từ Trung Quốc

hoặc Mỹ. Mặt khác, các quốc gia trong khu vực Nam Á như Pakistan, Bangladesh và Sri Lanka không hoàn toàn ủng hộ sự thống trị của Ấn Độ và đã tìm kiếm sự cân bằng quyền lực bằng cách hợp tác với các cường quốc bên ngoài như Trung Quốc hoặc Mỹ. Điều này khiến cho Ấn Độ không thể dễ dàng “làm chủ cuộc chơi” trên bàn cờ Nam Á.

Thủ tướng N. Modi có lẽ đã không may mắn khi lên nắm quyền ngay sau khi ông Tập Cận Bình trở thành người lãnh đạo Trung Quốc (2012) và sự không may mắn tiếp tục được nhân đôi khi ông D. Trump đắc cử Tổng thống Mỹ (2017 - 2021). Ấn Độ đã phải đối mặt với nhiều hạn chế từ các diễn biến khách quan như các động thái quyết đoán hơn của Bắc Kinh và những hành vi thất thường của Washington, ít nhất là đến khi ông J. Biden nhậm chức Tổng thống Mỹ mới được cải thiện. Căng thẳng và rắc rối với cả Trung Quốc và Mỹ đã làm phức tạp thêm mối quan hệ của Ấn Độ với các nước láng giềng lân cận.

Thứ ba, cũng trong vòng tròn thứ nhất, Ấn Độ chưa thể thúc đẩy được vai trò của các cơ chế đa phương phục vụ cho lợi ích của quốc gia và khu vực Nam Á.

Vai trò của SAARC đang ngày càng suy yếu do nhiều yếu tố, trong đó có sự đứt gãy quan hệ giữa Ấn Độ và Pakistan và những e ngại của các nước nhỏ đối với cường quốc Ấn Độ. Các nước thành viên thường coi Ấn Độ là “anh cả” và lo sợ rằng nước này có thể sử dụng tổ chức để theo đuổi quyền bá chủ trong khu vực. Do đó, các nước láng giềng nhỏ hơn đã miễn cưỡng thực hiện các thỏa thuận khác nhau. Ấn Độ vẫn chưa nổi lên là nhân tố xây dựng sự đồng thuận, giải quyết tranh chấp và hòa giải xung đột giữa các nước thành viên, khiến các nước chuyển sang chủ nghĩa song phương để dễ đạt thỏa thuận, từ đó làm giảm sự phụ thuộc vào tổ chức và ít quan tâm hơn đến việc theo đuổi sáng kiến cấp khu vực. Sự tin tưởng lẫn nhau là một phần quan trọng trong việc phát triển hợp tác. Ấn Độ đã và đang có vai trò lớn trong việc xây dựng một số chính sách kinh tế và đối ngoại tại SAARC, điều đó có thể đem lại sự chủ động hơn cho Ấn Độ song lại vô tình làm lu mờ ý tưởng thiết lập hợp tác của các thành viên khác trong tổ chức. Các quốc gia nhỏ hơn trong khu vực Nam Á không chỉ muốn thoát ra khỏi cái bóng của Ấn Độ mà còn muốn Ấn Độ hành động có trật tự, để họ có thể chia sẻ một số hình thức hợp tác bình đẳng thông qua nền tảng của tổ chức. Ấn Độ cũng phải đối mặt với tình trạng thiếu nguồn lực vì tại một số tổ chức, các quốc gia thành viên không muốn tăng cường đóng góp nữa. Một trong những trở ngại lớn đối với hợp tác và chủ nghĩa khu vực ở Nam Á là môi trường chính trị xã hội chịu ảnh hưởng của Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tân Hiện thực. Cấu trúc xã hội - chính trị - kinh tế và an ninh của Nam Á được coi là vô chính phủ và lấy

nhà nước làm trung tâm, đi ngược lại tinh thần của Chủ nghĩa Tự do, an ninh con người và hợp tác khu vực. Các chính sách lấy nhà nước làm trung tâm và các lựa chọn chính trị đã cản trở sự tăng trưởng và hiệu quả hợp tác và hội nhập khu vực của Nam Á. Như vậy, mục tiêu của Ấn Độ tại SAARC là chưa đạt được, Nam Á vẫn là một trong những khu vực kém hội nhập, thiếu đồng thuận và thậm chí đang bị Trung Quốc phân tán.

Thứ tư, tại vòng tròn thứ hai, chính sách đối ngoại “thực dụng” của Ấn Độ vẫn chưa đủ sức để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc và giảm thiểu “độ vênh” về sức mạnh giữa hai cường quốc châu Á.

Ấn Độ đã đề ra nhiều mục tiêu trong chính sách đối ngoại đối với Trung Quốc, bao gồm việc phát triển kinh tế với duy trì hòa bình và ổn định biên giới, cũng như tìm cách cân bằng quyền lực với Trung Quốc trong khu vực. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các nỗ lực này chưa đạt được kết quả như mong đợi. Về kinh tế và thương mại, những con số nói lên một câu chuyện rõ ràng về cách Trung Quốc nhìn nhận mối quan hệ với Ấn Độ, chỉ đơn thuần là một thị trường cho hàng tiêu dùng và công nghiệp do nước này sản xuất. Chủ nghĩa Trọng thương của Trung Quốc không có chỗ cho quan hệ đối tác; chỉ có lệ thuộc mà thôi. Bất chấp nhiều cuộc đàm phán, trong đó Ấn Độ đã thể hiện sự không hài lòng với cán cân thương mại tiêu cực, sự khác biệt đang ngày càng lớn hơn. Về an ninh, Bắc Kinh đã hoàn toàn phớt lờ những lo ngại về chủ quyền của Ấn Độ ở Kashmir. Các cuộc xung đột tại biên giới, đặc biệt là tại khu vực Ladakh và Doklam, cho thấy sự căng thẳng giữa hai nước vẫn tiếp tục tồn tại và thậm chí có xu hướng leo thang, điều này làm giảm đi hiệu quả của các chính sách ngoại giao hòa bình mà Ấn Độ theo đuổi. Mặc dù Ấn Độ đã có những nỗ lực đáng kể trong việc nâng cao vị thế của mình, nhưng nước này vẫn chưa đủ sức mạnh và nguồn lực để thực hiện các mục tiêu đối ngoại với Trung Quốc một cách hiệu quả. Nói cách khác, Ấn Độ còn chưa có vị thế đứng ngang hàng với Trung Quốc nên khó đưa những hành động thật sự mạnh mẽ và cứng rắn với nước này.

Mặc dù Thủ tướng N. Modi đã có sự quyết đoán hơn trong chính sách kiềm chế Trung Quốc song vẫn chưa ngăn cản được những hành động “bành trướng” của Bắc Kinh tại khu vực. Ông nhận thức được những hạn chế về quân sự và kinh tế của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Những nỗ lực ban đầu về ngoại giao cá nhân cấp lãnh đạo đã không tạo ra mối quan hệ chặt chẽ hơn. Mặc dù không bị Ấn Độ khiêu khích, song bất chấp các biện pháp phản ứng của Ấn Độ, Bắc Kinh vẫn tiếp tục thúc đẩy các yêu sách và hành động nhằm gây áp lực lên New Delhi, đặc biệt là về vấn đề lãnh thổ và việc mở rộng ảnh hưởng

của Trung Quốc tại các khu vực vốn là “sân sau” của Ấn Độ. Với Sáng kiến BRI, Trung Quốc đã thúc đẩy mạnh mẽ Hành lang CPEC mà Ấn Độ cho rằng là “đi qua các bang Jammu và Kashmir của Ấn Độ đang bị Pakistan chiếm đóng bất hợp pháp” [Business Standard, 2019]. Diễn biến đáng lo ngại này vẫn là điều mà Chính phủ N. Modi lo ngại nhưng chưa thể giải quyết. Mặt khác, thâm hụt thương mại giữa Ấn Độ với Trung Quốc ngày càng gia tăng đáng kể, khả năng cạnh tranh về thị trường và hàng hóa của Ấn Độ so với Trung Quốc còn yếu. Điều này đã và đang làm gia tăng sự phụ thuộc kinh tế của New Delhi đối với Bắc Kinh.

Nhìn chung, phần lớn các chính sách của chính quyền N. Modi đối với Trung Quốc vẫn mang tính phản ứng chiến thuật hơn là sự tính toán chiến lược dài hạn, phản ánh phương pháp tiếp cận kiềm chế chiến lược, sản phẩm của nền văn hóa chính trị Ấn Độ vốn luôn ưu tiên tránh xung đột, ủng hộ giải pháp hòa bình và tư duy phòng thủ [Paranjpe, S., 2017, p.176]. Điều này giúp Ấn Độ có hình ảnh linh hoạt trong chiến lược và chiến thuật, nhưng lại giới hạn khả năng chủ động của nước này trong đối phó với Trung Quốc. Kết quả là, Ấn Độ thường rơi vào thế bị động, phản ứng theo từng tình huống hơn là chủ động ngăn chặn và kiểm soát vấn đề với Trung Quốc. Triển vọng đột phá trong quan hệ là rất mờ nhạt, thể hiện bằng sự vắng mặt của Chủ tịch Tập Cận Bình tại Hội nghị thượng đỉnh G20 được tổ chức tại New Delhi (9/2023).

Thứ năm, cũng trong vòng tròn thứ hai, cấu trúc ÁĐD - TBD đã tạo cơ hội cho Ấn Độ tối đa hóa lợi ích chiến lược của mình và ứng phó với những thay đổi trong môi trường an ninh, song bất chấp sự nhiệt tình chính trị giữa New Delhi và các đối tác, tốc độ thực hiện và lộ trình hiện thực hóa chiến lược ÁĐD - TBD của New Delhi vẫn còn hạn chế.

Trên thực tế, nội tại Ấn Độ đã đẩy mạnh đầu tư vào hiện đại hóa quân sự, nhưng năng lực triển khai và duy trì sức mạnh quân sự tại các khu vực trọng yếu trong ÁĐD - TBD vẫn còn là vấn đề đang bỏ ngỏ. Điều này làm giảm khả năng của Ấn Độ trong việc đối phó với các thách thức an ninh từ Trung Quốc và các quốc gia khác. Bên cạnh đó, mặc dù Ấn Độ đã tích cực tham gia vào các diễn đàn và sáng kiến khu vực như QUAD cùng với Mỹ, Nhật Bản và Australia, song tiến độ thực hiện các chương trình hợp tác cụ thể vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng. Ví dụ, các cuộc tập trận quân sự chung và các thỏa thuận an ninh được đề xuất giữa các quốc gia này vẫn còn ở mức độ thăm dò và chưa có những bước tiến quyết định. Ấn Độ cũng gặp khó khăn trong việc mở rộng mạng lưới quan hệ đối tác của mình với các quốc gia Đông Nam Á, vốn là khu vực trọng yếu trong Tầm

nhìn ÁĐD - TBD. Dù đã có những bước đi ban đầu như "Hành động hướng Đông" nhưng sự gắn kết và hợp tác sâu rộng với các nước ASEAN vẫn chưa đạt được nhiều tiến triển.

Một trong những yếu tố chính trong Tầm nhìn ÁĐD - TBD là phát triển cơ sở hạ tầng kết nối trong khu vực để đối trọng với Sáng kiến BRI của Trung Quốc. Tuy nhiên, Ấn Độ chưa có những khoản đầu tư đủ lớn hoặc các dự án mang tính biểu tượng để thể hiện cam kết của mình. Các dự án hợp tác phát triển cảng, đường sắt và kết nối hàng hải còn chậm chạp, nhiều dự án bị đình trệ hoặc thiếu vốn đầu tư. Thậm chí trong nước, việc nâng cấp và phát triển các hạ tầng chiến lược như cảng biển hay căn cứ quân sự tại các điểm nóng trong khu vực cũng diễn ra chậm. Điều này khiến cho năng lực của Ấn Độ trong việc triển khai sức mạnh quân sự và kinh tế tại khu vực ÁĐD - TBD bị hạn chế.

Mặt khác, mặc dù Ấn Độ đã công bố Tầm nhìn ÁĐD - TBD với mục tiêu xây dựng một khu vực tự do, rộng mở, và hòa bình, nhưng các chiến lược cụ thể để đạt được mục tiêu này vẫn chưa được xác định rõ ràng. Ví dụ, Ấn Độ chưa đề ra một lộ trình chi tiết cho việc triển khai các cam kết về an ninh và phát triển kinh tế trong khu vực. Sự thiếu hụt này dẫn đến việc thực hiện các kế hoạch bị kéo dài hoặc không đạt được sự đồng thuận giữa các bên liên quan, khiến cho tiến độ của toàn bộ chiến lược bị chậm lại.

Thứ sáu, ở cấp độ toàn cầu (vòng tròn thứ ba), vị thế của Ấn Độ vẫn chưa xứng tầm với tiềm năng hiện có của quốc gia này và chưa đạt được như mục tiêu đã đề ra.

Ấn Độ là quốc gia đông dân nhất, sở hữu hơn 1/6 dân số thế giới với nhiều lợi thế về nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên và khoa học công nghệ, nhưng mới chỉ được xem là “cường quốc tiềm trung” chứ chưa thể đứng vào hàng ngũ các cường quốc lãnh đạo thế giới. Đây cũng là một trong những trăn trở của chính quyền N. Modi, vì thế, trong nhiệm kỳ của mình, Thủ tướng N. Modi luôn khẳng định một trong những tầm nhìn đối ngoại của Ấn Độ là nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trên thế giới với việc thể hiện vai trò lãnh đạo toàn cầu [The Times of India, 2017] và Cương lĩnh tranh cử của Đảng BJP (2014) cũng nhấn mạnh “*Ấn Độ sẽ...giành lại vị trí xứng đáng trong sự hòa hợp giữa các quốc gia*” [BJP, 2014]. Nhưng trên thực tế, rõ ràng điều này chưa thể trở thành hiện thực một cách nhanh chóng được, dù chính quyền N. Modi đã nỗ lực hết sức trong suốt hai nhiệm kỳ. Tại châu Á, khoảng cách giữa Ấn Độ và Trung Quốc về tầm vóc và quyền lực quốc tế vẫn đang gia tăng đáng kể dù xuất phát điểm của hai quốc gia này không quá chênh lệch (đều là hai nền văn minh lớn của châu Á). Bên cạnh đó, ảnh hưởng của Ấn Độ tại “sân sau” chiến lược của chính quốc gia này - bao gồm Nepal, Sri Lanka, Bangladesh và

Maldives - đã bị thu hẹp. Thật vậy, Bhutan vẫn là nơi duy nhất có ảnh hưởng chiến lược của Ấn Độ ở Nam Á. Ấn Độ cũng phải đối mặt với những nguy cơ từ mối quan hệ ngày càng gia tăng giữa Trung Quốc và Pakistan, hai đối thủ khu vực có vũ khí hạt nhân. Cả hai đều đưa ra yêu sách đối với những vùng lãnh thổ rộng lớn của Ấn Độ và tiếp tục hợp tác chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt. Sự suy giảm ảnh hưởng của New Delhi ở sân sau đang là một hồi chuông cảnh tỉnh. Chỉ thông qua tư duy tiến bộ, Ấn Độ mới có thể hy vọng cải thiện tình hình này và đóng một vai trò toàn cầu lớn hơn, nếu không, quốc gia sẽ tiếp tục bị mất dần vai trò lãnh đạo trong khu vực.

Bên cạnh đó, ở cấp độ hệ thống, Ấn Độ được đánh giá là quốc gia có vị thế thấp hơn nhiều so với Mỹ và Nga. Ấn Độ cũng chưa được coi là một "cực" trong hệ thống quốc tế và cũng chưa đủ khả năng để tạo ra một trật tự khu vực hay trật tự quốc tế. Đặc biệt, Ấn Độ chưa phải là Thành viên thường trực của UNSC như trong nhiệm vụ đã đề ra. Điều này hạn chế khả năng của Ấn Độ trong việc thực hiện các chính sách đối ngoại. Dưới thời Thủ tướng N. Modi, ÂĐD như đang đồng thời theo đuổi chính sách ngoại giao dọc theo hai trục song song: cân bằng với Trung Quốc ở khu vực ÂĐD - TBD thông qua sự hỗ trợ của Mỹ và cân bằng với Trung Quốc ở Âu - Á thông qua sự trợ giúp của Nga. Như vậy, Ấn Độ vẫn là một lực lượng "cân bằng" trên thế giới chứ chưa phải là một thế lực trỗi dậy toàn cầu. Ở một khía cạnh khác, dường như mối quan tâm chính của Thủ tướng N. Modi chỉ chủ yếu hướng tới Nam Á và ÂĐD - TBD. Còn những khu vực khác như Mỹ Latinh và Caribe, Ấn Độ chưa dành quá nhiều sự chú ý, mới chỉ đang dừng ở mức duy trì ngoại giao, chứ chưa thực sự đẩy mạnh. Minh chứng là hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia LAC vẫn còn rất hạn chế, ngoại trừ với Brazil. Về mặt định lượng, thương mại giữa Ấn Độ và LAC vẫn còn khiêm tốn mặc dù đã ghi nhận mức tăng trưởng (2014 - 2024). Ngoài ra, có vẻ như Ấn Độ đã không nỗ lực nhiều để thu hút các quốc gia vùng Caribe như Trinidad và Tobago, Haiti và Dominica. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng mở rộng tầm ảnh hưởng tại LAC, Ấn Độ vẫn chưa xây dựng một cơ chế/chính sách cụ thể để can dự với toàn bộ LAC - hoặc thậm chí là tham gia một cách có ý nghĩa với các nhóm nhỏ trong khu vực, chẳng hạn như SICA, Liên minh TBD (AP) hay CELC. New Delhi cũng có tương đối ít các hiệp định thương mại và các cuộc trao đổi hợp tác kinh tế - thương mại với khu vực này.

Mặc dù Ấn Độ tích cực tham gia vào hoạt động "Ngoại giao Cực", nhưng vẫn phải đối mặt với một số thách thức ở khu vực Bắc Cực và Nam Cực. Tại Bắc Cực, các xung

đột địa chính trị, sự cạnh tranh về tài nguyên và suy thoái môi trường tạo ra những trở ngại cho sự hợp tác và các hoạt động thân thiện với môi trường. Ở Nam Cực, các vấn đề hậu cần, điều kiện thời tiết khắc nghiệt, vùng sâu vùng xa và thiếu cơ sở hạ tầng cũng ảnh hưởng đến các chuyến thám hiểm nghiên cứu khoa học và tốn nhiều chi phí.

Cuối cùng, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi vẫn chủ yếu tuân thủ các quy tắc hơn là tham gia tạo ra quy tắc, trật tự quốc tế hay khu vực. Ấn Độ chưa thể tham gia vào các nền tảng quản trị toàn cầu như Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân (NSG) hay “Nhóm P5” của UNSC. Trong khi vị trí Thành viên thường trực của UNSC có thể đem lại cho Ấn Độ vị thế ngang hàng với Mỹ, Trung Quốc, Nga thì NSG lại tạo bộ phận để New Delhi phát triển các chương trình hạt nhân để củng cố và thúc đẩy tiềm lực quốc phòng. Mọi nỗ lực gia nhập hai nhóm này của Ấn Độ luôn bị Trung Quốc cản trở khiến Ấn Độ chưa thể đứng vào hàng ngũ của những nhà lãnh đạo tạo ra luật chơi toàn cầu. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng chưa đưa ra được các phản ứng hiệu quả đối với những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế, và xung đột khu vực...khiến mức độ đóng góp của nước này vào các cơ chế đa phương trở nên chưa rõ rệt. Cuối cùng, Ấn Độ vẫn chưa có đủ khả năng tự thành lập và thúc đẩy các tổ chức đa phương “bảo vệ lợi ích và phản ánh các giá trị của mình” - như Mỹ đã làm sau Chiến tranh Lạnh và Bắc Kinh đang thực hiện thông qua BRI và AIIB. Do đó, dù có những nỗ lực, Ấn Độ vẫn chưa thể đạt được mục tiêu trở thành một quốc gia có tầm ảnh hưởng, nhà lãnh đạo trong hệ thống quốc tế.

Các hạn chế trên này được xuất phát từ nhiều nguyên nhân

Một là, tại Nam Á, tranh chấp về lãnh thổ đã kéo dài từ lịch sử chính là nguyên nhân khiến Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi khó làm dịu đi mối quan hệ với Pakistan. Kashmir được chia thành ba phần do Ấn Độ, Pakistan và Trung Quốc kiểm soát, nhưng cả Ấn Độ và Pakistan đều tuyên bố chủ quyền toàn bộ khu vực này. Vấn đề này đã dẫn đến nhiều cuộc chiến tranh và xung đột biên giới, làm gia tăng sự thù địch và khiến mâu thuẫn khó có thể giải quyết. Những tranh chấp mang tính “lịch sử” thường luôn kéo dài và khó có thể dung hòa. Mặt khác, sự thiếu lòng tin và thiếu tinh thần thiện chí giữa Ấn Độ và Pakistan là một rào cản lớn cho việc giải quyết mâu thuẫn. Đây cũng là lý do khiến Thủ tướng N. Modi khó thiết lập những đối thoại hòa giải với Pakistan và tạo cơ hội cho Trung Quốc bắt tay với Pakistan, gây ra nhiều thách thức an ninh cho khu vực Nam Á.

Hai là, tính không đồng nhất và sự bất đối xứng. Tính đồng nhất giữa các chính phủ dường như không tồn tại ở Nam Á khi có sự đan xen nhiều mô hình nhà nước tại các quốc

gia trong khu vực như (quân chủ, thần quyền, cộng hòa, thế tục). Điều này, tạo nên sự khác biệt rõ nét về ý thức hệ, tư duy quản trị, góp phần làm thất bại mục đích hội nhập khu vực của Ấn Độ với các quốc gia. Bên cạnh đó, sự bất đối xứng giữa Ấn Độ với các nước láng giềng về sức mạnh kinh tế, quân sự và tầm ảnh hưởng trên trường quốc tế khiến các nước nhỏ hơn tại Nam Á e ngại và không muốn bị Ấn Độ chi phối, nhất là trong các cơ chế đa phương khu vực. Từ đó làm giảm tính gắn kết trong các tổ chức, diễn đàn khu vực, và dễ bị các nước lớn can thiệp và gây ảnh hưởng.

Ba là, tình hình luôn bất ổn của Nam Á cũng là một trong những nguyên nhân khiến chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với khu vực này gặp nhiều hạn chế và dễ bị thao túng bởi các thế lực bên ngoài khu vực, như Mỹ và Trung Quốc. Nam Á là nơi có sự hiện diện mạnh mẽ của nhiều nhóm khủng bố và cực đoan, bao gồm Taliban ở Afghanistan, Lashkar-e-Taiba ở Pakistan, và các nhóm phiến quân ở Kashmir. Những nhóm này không chỉ gây ra các vụ tấn công khủng bố mà còn gây ra tình trạng bất ổn về an ninh trong toàn khu vực. Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và dân tộc đã lan rộng khắp Nam Á, đặc biệt là ở Pakistan và Afghanistan. Bên cạnh đó, biểu tình cũng nổ ra tại Bangladesh khiến nước này rơi vào bất ổn kéo dài. Thực tế trên đã và đang làm tăng thêm tình trạng bất ổn và gây khó khăn cho Ấn Độ trong việc nỗ lực xây dựng hòa bình và ổn định trong khu vực, và cũng gián tiếp tạo ra những mối đe dọa an ninh cho New Delhi. An ninh của Ấn Độ chỉ được đảm bảo khi nước này tạo ra được những vành đai bảo vệ kiên cố, tính từ vòng tròn đồng tâm đầu tiên. Tuy vậy, vòng tròn thứ nhất lại tiềm ẩn quá nhiều sự “hỗn loạn”, khiến các chính phủ trong khu vực khó có “khoảng trống” để cùng ngồi lại giải quyết các vấn đề và đồng lòng liên kết lại với nhau. Đồng thời, bên trong các nước láng giềng của Ấn Độ cũng đang tồn tại những nhóm và những thế lực “thân Trung Quốc”, “thân Mỹ” đã cản trở chính sách đối ngoại của Ấn Độ phát huy tác dụng.

Bốn là, mặc dù Ấn Độ được xem là cường quốc đang lên nhưng xét về tổng thể sức mạnh vẫn chưa thể đứng ngang hàng với Trung Quốc, tạo ra độ “vênh” lớn về tương quan lực lượng giữa hai nước. Về kinh tế, dù đã nỗ lực tăng trưởng kinh tế, song Ấn Độ mới là nền kinh tế lớn thứ năm trên thế giới trong khi Trung Quốc đã là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới nếu xét về GDP [Báo Quân đội Nhân dân, 2024]. Về quân sự, theo thống kê năm 2024, Ấn Độ được xếp hạng là quân đội mạnh thứ tư trên thế giới song vẫn đứng sau Trung Quốc tại châu Á [The Global firepower, 2024]. Ấn Độ có 164 đầu đạn hạt nhân, ít hơn rất nhiều so với Trung Quốc là 410 đầu đạn [Kristensen, H., Korda, M., Johns, E., Knight, M.,

Kohn, K., 2024]. Về vị thế, Ấn Độ mới chỉ là thành viên không thường trực của UNSC trong khi Trung Quốc đã là thành viên thường trực. Nếu Trung Quốc đã đủ lực để tạo ra những luật chơi cho riêng mình như BRI, AIIB thì Ấn Độ mới chỉ dừng lại những biểu hiện tuân thủ luật pháp quốc tế hơn là tạo ra luật chơi mới. Đây cũng là nguyên do khiến Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi chưa thể kiểm chế được sức mạnh của Trung Quốc và có lẽ New Delhi đã thực sự “bỏ lỡ” rất nhiều thời gian trong quá khứ từ những chính phủ tiền nhiệm khiến nước này đi chậm hơn rất nhiều so với Bắc Kinh. Do đó, đến hiện tại áp lực dành cho ông N. Modi lớn hơn bao giờ hết trong việc rút ngắn lại khoảng cách này.

Năm là, tại khu vực ÁĐD - TBD, đây được xem là khu vực có địa chiến lược quan trọng với nhiều nước lớn, song tầm nhìn ÁĐD - TBD của các quốc gia trong khu vực không bao giờ hoàn toàn phù hợp với nhau mà luôn tiềm ẩn những sự khác biệt về ưu tiên, bối cảnh và động lực. Vì thế, Ấn Độ khó có thể tranh thủ được nguồn lực của các quốc gia khác để phục vụ toàn bộ mục tiêu chiến lược của mình, khiến lộ trình hiện thực hóa tầm nhìn ÁĐD - TBD của New Delhi vẫn còn chậm chạp. Ví dụ, cũng tại ÁĐD - TBD, trong khi các ưu tiên của Australia và Nhật Bản nằm ở TBD, thì Pháp tập trung chủ yếu vào Tây ÁĐD. Mặc dù ÁĐD rất quan trọng đối với Mỹ, nhưng các cam kết và sự hiện diện của chính nước này tại khu vực đã bị hạn chế hơn so với tại TBD. ÁĐD là khu vực quan tâm thứ yếu của Australia và Nhật Bản, trong khi TBD là khu vực quan tâm thứ yếu của Ấn Độ. Với các lĩnh vực ưu tiên khác nhau, mỗi quốc gia sẽ có mong muốn chính trị khác nhau và chuẩn bị các nguồn lực không giống nhau cho ÁĐD và TBD. Do đó, sự hợp tác thành công ở ÁĐD - TBD đang không nằm ở sự hội tụ của các chính sách mà đang chỉ dựa trên sự hội tụ về lợi ích chiến lược cùng các nguyên tắc. Điều này khiến Ấn Độ khó có thể kêu gọi các quốc gia cùng đồng hành sát sao với mình trong các sáng kiến khu vực.

Sáu là, các yếu tố nội tại như các vấn đề kinh tế (tỷ lệ thất nghiệp cao, giá cả leo thang), các thách thức nội bộ về chính trị (sự cạnh tranh giữa các đảng, tình trạng biểu tình), tiến trình cải cách quốc phòng (diễn ra chậm giữa các quân chủng, nhập khẩu quốc phòng lớn) cũng góp phần làm chậm tốc độ thực hiện tầm nhìn và mục tiêu đối ngoại của Ấn Độ. Nước này đang phải đối mặt với nhiều áp lực khác nhau trong nước, làm phân tán sự chú ý và nguồn lực cần thiết để thực hiện các mục tiêu khu vực. Bên cạnh đó, sự thiếu vắng của các chính sách hỗ trợ dài hạn và liên tục từ chính phủ cũng khiến cho việc hiện thực hóa tầm nhìn, mục tiêu đối ngoại gặp nhiều khó khăn. Cuối cùng, sự xuất hiện của

các xu hướng bảo hộ và dân tộc chủ nghĩa từ các nước phát triển sẽ đặt ra một thách thức phức tạp và khó khăn đối với chính phủ mới của Ấn Độ trong chính sách đối ngoại.

Bảy là, việc khơi dậy Chủ nghĩa Dân tộc trong nước đã bị một số thế lực cực đoan lợi dụng làm xấu đi hình ảnh của Ấn Độ tại khu vực và trên thế giới khiến chính sách đối ngoại gặp nhiều xung đột hơn trong tương lai. Ví dụ, Thủ tướng Canada J. Trudeau cáo buộc Ấn Độ có liên quan đến vụ ám sát một nhà lãnh đạo ly khai theo đạo Sikh tại Canada (2023) và dẫn đến hai bên trục xuất nhân viên ngoại giao của nhau [VTV Online, 2023] hay các quan chức Mỹ tuyên bố họ đã ngăn chặn một nỗ lực ám sát tại Mỹ, liên quan đến phần tử cực đoan người Ấn Độ. Mặc dù không có khả năng thay đổi cơ bản mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ nhưng cả hai sự cố đều đặt ra câu hỏi về khả năng tách biệt thực dụng giữa chính trị trong nước và chính trị quốc tế của Ấn Độ.

Tám là, các mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ bị cản trở trong quá trình thực hiện bởi ba vấn đề bất cập trong bộ máy ngoại giao của New Delhi: (1) bất chấp cá tính và sáng kiến của Thủ tướng N. Modi, chính sách đối ngoại của Ấn Độ vẫn tiếp tục được thúc đẩy bởi bộ máy quan liêu, vốn không phải lúc nào cũng mang tính chiến lược trong tư duy và thường mang tính giáo điều về mặt ý thức hệ, đặc biệt là đối với chính sách tại Nam Á. Ông là người ra quyết định trong các kế hoạch lớn nhưng những người còn lại trong bộ máy mới là người thực hiện chúng. Mặc dù chính phủ đã thực hiện các bước thay đổi nhận thức và nâng cao năng lực nhưng vẫn còn một chặng đường dài để hoàn thiện. (2) Bộ Ngoại giao Ấn Độ còn thiếu một quy trình được thể chế hóa về xây dựng và hoạch định chính sách. Khi mới được bổ nhiệm, Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar đã hỏi các quan chức cấp cao xem ai là người từng suy nghĩ thấu triệt về chính sách đối ngoại tổng thể của chính phủ và nhận được sự im lặng “ngượng ngùng” [Sidhu, W.P.S., Mehta, V. S., 2015, p.4]. Ấn Độ hiện đang có những động thái cải tổ bộ phận hoạch định chính sách và nghiên cứu để thay đổi hiện trạng này nhưng cần phải quyết liệt hơn nữa. (3) Việc New Delhi chưa có khả năng phối hợp hiệu quả cùng chính quyền các bang chủ chốt với tư cách là các bên liên quan trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại cũng có thể là nhân tố làm “hổng” các sáng kiến táo bạo. Ví dụ, sự phản đối của chính phủ Tây Bengal đối với Thỏa thuận sông Teesta với Bangladesh đã khiến Ấn Độ lúng túng trong các cuộc đàm phán với Dhaka.

4.1.3. Sự kế thừa, tiếp nối và điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Narendra Modi so với các chính phủ tiền nhiệm

Ông N. Modi đã đi vào lịch sử Ấn Độ với tư cách là nhà lãnh đạo đầu tiên trong hơn 60 năm qua tái đắc cử Thủ tướng Ấn Độ trong ba nhiệm kỳ liên tiếp, kể từ thời Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ độc lập, J. Nehru. Chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi thể hiện sự kế thừa và tiếp nối những chính sách của các chính phủ trước đây:

Thứ nhất, các chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi vẫn tiếp tục đặt ra các ưu tiên chiến lược cho Ấn Độ trên cả ba trụ cột: phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, và nâng cao vị thế quốc tế. Người tiền nhiệm của ông - Thủ tướng M. Singh cũng nhấn mạnh vào ba trụ cột quan trọng này trong chính sách đối ngoại của mình bao gồm: (1) Bảo vệ độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia [Indian Ministry of Defense, 2004]; (2) Tạo môi trường hòa bình, ổn định để Ấn Độ có thể tập trung cho phát triển kinh tế [MEA, GoI, 2006]. Tăng cường và mở rộng quan hệ với các nước lớn, các trung tâm kinh tế lớn của thế giới, các nước vừa và nhỏ trong khu vực nhằm tranh thủ nguồn vốn đầu tư và khoa học công nghệ từ các nước này để phát triển kinh tế [MEA, GoI, 2005]; (3) Nâng cao vai trò, vị thế của Ấn Độ trong khu vực và trên trường quốc tế, đưa Ấn Độ trở thành một trong những nước đóng vai trò quan trọng của thế kỷ XXI [GoI, 2006].

Thứ hai, Thủ tướng N. Modi duy trì nguyên tắc “tự chủ chiến lược” trong việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Nguyên tắc này nhấn mạnh rằng Ấn Độ sẽ không bị phụ thuộc hoặc chịu ảnh hưởng từ bất kỳ cường quốc nào khác, và sẽ luôn hành động dựa trên lợi ích quốc gia của mình.

Quan điểm “tự chủ chiến lược” của Ấn Độ đã phát triển qua các thời kỳ khác nhau, thích ứng với bối cảnh quốc tế và những thách thức cụ thể mà nước này phải đối mặt. Trong thời kỳ trật thế giới hai cực (1947-1991) cũng là thời kỳ giành lại độc lập (1947), Ấn Độ đứng trước thách thức phải xây dựng đất nước trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh giữa hai cực - Mỹ và Liên Xô. Thủ tướng J. Nehru quan điểm “tự chủ chiến lược” là “*không liên kết*”, không tham gia vào liên minh quân sự với bất kỳ cường quốc nào, và duy trì một chính sách đối ngoại độc lập. Đồng thời Ấn Độ theo đuổi mô hình phát triển kinh tế hỗn hợp, tập trung vào tự lực, tự cường và phát triển nền kinh tế độc lập, không bị lệ thuộc vào các quốc gia khác. Trong thời kỳ trật tự thế giới đơn cực (1991-2014), do Mỹ dẫn đầu, Ấn Độ tiếp tục kiên định với quan điểm “tự chủ chiến lược”, nhưng có sự điều chỉnh, nhấn mạnh vào việc hợp tác kinh tế quốc tế.

Đến thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự trỗi dậy của các cường quốc mới như Trung Quốc, Ấn Độ vẫn tiếp nối và củng cố quan điểm “tự chủ chiến lược” thông qua khẩu hiệu “*Ấn Độ tự cường*”. Ông N. Modi là người khởi xướng Chiến lược “*Ấn Độ tự cường*” (Self-reliant India hay Atmanirbhar Bharat) nhằm đưa New Delhi trở thành một quốc gia tự lực, tự cường về kinh tế và độc lập, tự chủ trong đối ngoại. Về mặt chính trị - ngoại giao, ông đã thành công trong việc duy trì mối quan hệ cân bằng với các cường quốc như Mỹ, Nga, và Trung Quốc, nhưng vẫn giữ khoảng cách chiến lược để bảo vệ tính độc lập trong các quyết định đối ngoại. Về mặt kinh tế, ông N. Modi đã thúc đẩy tự do hóa và mở cửa nền kinh tế Ấn Độ, cải thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích đầu tư nước ngoài và phát triển các ngành công nghệ cao. Chính phủ N. Modi đã khởi xướng sáng kiến “Make in India”, “Digital India” nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu và xây dựng một nền kinh tế tự chủ và mạnh mẽ hơn. Về mặt an ninh - quốc phòng, Ấn Độ đã đẩy mạnh chương trình hiện đại hóa quân sự để nâng cao năng lực tự vệ và bảo vệ lợi ích quốc gia, đầu tư vào phát triển các công nghệ quân sự nội địa và mở rộng hợp tác quân sự với các cường quốc như Mỹ, Nga, và Pháp. Ấn Độ tiếp tục theo đuổi chính sách tự lực trong quốc phòng, bao gồm phát triển chương trình vũ khí hạt nhân và các hệ thống tên lửa tiên tiến, nhằm đảm bảo rằng Ấn Độ có thể bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và duy trì rắn đe trước các mối đe dọa từ bên ngoài.

Thứ ba, Thủ tướng N. Modi tiếp nối chính sách tăng cường quan hệ với các nước láng giềng Nam Á, với mục tiêu xây dựng một khu vực ổn định và phát triển bền vững. Từ khi giành được độc lập (1947), chính sách đối ngoại Ấn Độ đều thống nhất coi các các nước láng giềng là “vòng tròn đồng tâm đầu tiên” cũng là “ưu tiên số một” trong chính sách đối ngoại của nước này. Điều này thể hiện rõ nhất qua các chính sách can dự về an ninh của Ấn Độ từ Thủ tướng J. Nehru đến thời Thủ tướng M.Singh như ủng hộ phong trào giải phóng ở Đông Pakistan (nay là Bangladesh), các nỗ lực chính trị và quân sự nhằm chấm dứt xung đột dân sự ở Sri Lanka, sự can dự nhằm chấm dứt cuộc đảo chính ở Maldives,... Các hành động này đều hướng đến việc định vị Ấn Độ như là một nhân tố an ninh chủ đạo ở Nam Á. Đến thời Thủ tướng N. Modi, Chính sách “Láng giềng ưu tiên” tiếp tục được phát triển thành “*Láng giềng trước tiên*”. Chính sách “Láng giềng trước tiên” không phải là sự thay thế cho “Láng giềng ưu tiên” mà là một sự tiếp nối và mở rộng từ Chính sách “Láng giềng ưu tiên” của các chính phủ tiền nhiệm. Dưới thời Thủ tướng N. Modi, chính sách này đã được đẩy mạnh hơn với tên gọi mới “Láng giềng trước tiên”,

nhấn mạnh sự ưu tiên tuyệt đối trong quan hệ đối ngoại của Ấn Độ với các quốc gia láng giềng trong khu vực Nam Á. Tức là không chỉ tập trung vào việc duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng mà còn nỗ lực giải quyết các vấn đề tồn tại, xây dựng các mối quan hệ hợp tác sâu rộng hơn, từ phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng đến hợp tác an ninh. Chính sách này cũng tập trung vào việc thúc đẩy phát triển bền vững và hòa bình trong khu vực, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự ổn định của Ấn Độ và các nước láng giềng.

Thứ tư, Thủ tướng N. Modi duy trì cách tiếp cận vừa cứng rắn vừa sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc về các vấn đề song phương, đồng thời thực hiện các chính sách cân bằng quyền lực trên phạm vi đa phương. Ông N. Modi tiếp tục phương pháp của Thủ tướng M. Singh trong việc xử lý các vấn đề trong quan hệ với Trung Quốc ở ba lĩnh vực chính: duy trì ổn định chính trị, thúc đẩy quan hệ kinh tế, và cạnh tranh ảnh hưởng địa chính trị ở châu Á. Ngoài ra, ông còn tập trung vào việc giải quyết các tranh chấp biên giới, điều này phản ánh sự tiếp nối chính sách từ các chính phủ trước đây. Ông luôn nhấn mạnh rằng biên giới là một vấn đề cần giải quyết trong quan hệ giữa hai nước. Việc này được thể hiện qua các cơ chế giải quyết tranh chấp biên giới mà hai nước đã duy trì từ năm 1993 đến nay. Mặc dù đã có những nỗ lực tìm kiếm giải pháp cân bằng mới, vấn đề biên giới giữa hai nước vẫn còn nằm trong khuôn khổ các cơ chế hiện có. Thủ tướng N. Modi tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác kinh tế và thương mại giữa hai nước, một chính sách đã được Thủ tướng Rajiv Gandhi thiết lập từ những năm 1980. Cách tiếp cận này không chỉ dừng lại ở việc hợp tác kinh tế mà còn kết hợp với việc hiện đại hóa quân đội để thu hẹp khoảng cách về sức mạnh với Trung Quốc. Tuy nhiên, dù đã có những điều chỉnh chiến lược, tổng thể cách tiếp cận của Thủ tướng N. Modi đối với Trung Quốc vẫn tiếp nối phương hướng của các chính phủ tiền nhiệm.

Các luận điểm trên thể hiện sự nhất quán và tiếp nối trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi so với các chính phủ tiền nhiệm, đồng thời cho thấy cách ông đã điều chỉnh và phát triển thêm để phù hợp với bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay.

Bên cạnh những điểm kế thừa và tiếp nối, *Thủ tướng N. Modi cũng có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại*, tạo nên “bản sắc” N. Modi khác biệt với những người tiền nhiệm:

Thứ nhất, Thủ tướng N. Modi đã điều chỉnh chính sách đối ngoại từ “Chủ nghĩa Lý tưởng” của các nhà tiền nhiệm thành “Chủ nghĩa Thực dụng”.

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trước đây, đặc biệt là dưới thời J. Nehru, người sáng lập ra chính sách đối ngoại của Ấn Độ thời kỳ hậu độc lập, tập trung vào các giá trị lý tưởng như *không liên kết*, hòa bình và hợp tác quốc tế. Nehru chủ trương duy trì sự trung lập trong Chiến tranh Lạnh, không liên kết với bất kỳ khối quân sự nào, đồng thời thúc đẩy các nguyên tắc như phi bạo lực, chủ quyền quốc gia và tự do quốc tế. Đến thời kỳ I. Gandhi, chính sách đối ngoại của Ấn Độ vẫn giữ nhiều yếu tố lý tưởng của Nehru, nhưng có thêm các yếu tố thực dụng, không ngần ngại sử dụng sức mạnh quân sự này khi cần thiết, chẳng hạn như trong Chiến tranh Ấn Độ - Pakistan (1971) dẫn đến việc thành lập Bangladesh. Các yếu tố thực dụng tiếp tục mạnh mẽ ở thời kỳ của A. B. Vajpayee khi tăng cường với sự mở rộng hạt nhân, thúc đẩy quan hệ gần gũi hơn với Mỹ và các nước phương Tây.

Tuy nhiên, “thực dụng” thực sự trở thành một điểm tựa cốt lõi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, nhấn mạnh vào việc đưa ra quyết định và hành động dựa trên các tình huống cụ thể và lợi ích quốc gia. Điều này thể hiện qua việc tăng cường các quan hệ song phương với các cường quốc lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc, và Nhật Bản, đồng thời mở rộng sự hiện diện của Ấn Độ tại các khu vực chiến lược như Đông Nam Á và Châu Phi, nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế của Ấn Độ. Minh họa rõ nhất cho “Chủ nghĩa Thực dụng” của Thủ tướng N. Modi chính là sự ưu tiên của ông dành cho việc củng cố mối quan hệ với Mỹ ngay sau khi nhậm chức, bất chấp việc Mỹ đã từng thẳng thừng từ chối cấp thị thực cho ông từ năm 2005 khi ông còn là thủ hiến bang Gujarat. Bên cạnh đó, trong năm đầu tiên nhậm chức, ông N. Modi cũng đã cố gắng thúc đẩy mối quan hệ với “đối thủ chiến lược” của Ấn Độ là Trung Quốc, nhằm tận dụng tiềm lực của nước này để vực dậy lại sức mạnh kinh tế của Ấn Độ, trong bối cảnh những xung đột quân sự vẫn đang leo thang.

Chủ nghĩa thực dụng cũng là bộ phận để chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời N. Modi trở nên táo bạo, quyết đoán và có phần tham vọng hơn khi “nghĩ lớn, làm lớn” đúng với tinh thần của một cường quốc lớn mạnh châu Á. Trước đó, Ấn Độ đã trải qua một thời kỳ được đánh giá là “thập kỷ mất mát” dưới thời Thủ tướng M. Singh lên nắm quyền (2004 - 2014) khi hầu hết các quyết sách đối ngoại của ông đều dựa trên tinh thần “dĩ hòa vi quý”, thiếu sự quyết đoán, do dự, và chỉ xác định mình là “cường quốc cân bằng” chứ không phải “cường quốc hàng đầu”, chỉ là một nước tuân thủ luật lệ chứ không phải một nhà lãnh đạo tạo ra “luật chơi” như dưới thời Thủ tướng N. Modi [Singh, K., Debhade, M., 2023, pp. 24 -37].

Thứ hai, trong khi các mục tiêu đối ngoại cốt lõi của Ấn Độ không có nhiều thay đổi, thì thứ tự ưu tiên của các mục tiêu đó dưới thời Thủ tướng N. Modi đã có sự thay đổi lớn.

Cụ thể, dưới thời Thủ tướng J. Nehru, mục tiêu đối ngoại của Ấn Độ được xác định theo thứ tự ưu tiên là: (1) Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và độc lập về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, (2) Thúc đẩy hòa bình và an ninh quốc tế, (3) Sự phát triển kinh tế của Ấn Độ [Appadorai, A., Rajan, MS, 1985]. Nghĩa là đặt mục tiêu “an ninh” lên ưu tiên số một rồi mới đến mục tiêu “phát triển”. Dưới thời Thủ tướng R. Gandhi, các mục tiêu này bắt đầu có sự bổ sung thêm yếu tố “vị thế”, song vẫn đặt “an ninh” là ưu tiên hàng đầu trong mục tiêu đối ngoại, sau đó mới đến “phát triển”, cụ thể là: (1) Tăng cường an ninh của Ấn Độ, (2) Tìm kiếm các mối quan hệ kinh tế đối ngoại tối ưu để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa, (3) Hiện thực hóa quyền bá chủ của Ấn Độ đối với khu vực, (4) Khuếch đại tiếng nói của Ấn Độ trong nền chính trị thế giới thứ ba [Kapur, H., 1987]. Dưới thời Thủ tướng M. Singh, mục tiêu đối ngoại của Ấn Độ là sự tiếp nối với các thời kỳ trước đó, khi thứ tự ưu tiên lần lượt là mục tiêu “an ninh”, “phát triển, và “vị thế”, tương ứng với: (1) Bảo vệ độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia [Indian Ministry of Defense, 2004]; (2) Tạo môi trường hòa bình, ổn định để Ấn Độ có thể tập trung cho phát triển kinh tế [MEA, GoI, 2006]. Tăng cường và mở rộng quan hệ với các nước lớn, các trung tâm kinh tế lớn của thế giới, các nước vừa và nhỏ trong khu vực nhằm tranh thủ nguồn vốn đầu tư và khoa học công nghệ từ các nước này để phát triển kinh tế [MEA, GoI, 2005]; (3) Nâng cao vai trò, vị thế của Ấn Độ trong khu vực và trên trường quốc tế, đưa Ấn Độ trở thành một trong những nước đóng vai trò quan trọng của thế kỷ XXI [GoI, 2006].

Tuy nhiên, đến thời đại N. Modi, ông đã điều chỉnh và thay đổi hoàn toàn thứ tự ưu tiên trong các mục tiêu đối ngoại của Ấn Độ. Ông mạnh dạn đưa vấn đề “phát triển” lên là ưu tiên hàng đầu thay vì vấn đề “an ninh” như các nhà tiền nhiệm. Cụ thể: (1) Thúc đẩy sự phát triển kinh tế; (2) Tăng cường an ninh của Ấn Độ trong khu vực (3) Nâng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trên thế giới, thể hiện vai trò lãnh đạo và vai trò của nhà giữ gìn trật tự an ninh thế giới. Bởi Thủ tướng hiểu rằng an ninh của Ấn Độ sẽ khó được bảo đảm nếu quốc gia này chìm đắm trong đói nghèo và lạc hậu. Và Ấn Độ sẽ chẳng thể có vị thế ở bên ngoài nếu nội lực bên trong không đủ lớn mạnh. Do đó, vấn đề phát triển kinh tế của đất nước được Thủ tướng N. Modi đưa lên ưu tiên hàng đầu trong nhiệm kỳ của ông, sau đó mới đến mục tiêu đảm bảo an ninh và nâng cao vị thế.

Nếu đặt Ấn Độ vào bối cảnh của thế kỷ trước khi Ấn Độ vừa giành được độc lập sau những tháng ngày bị đô hộ, việc đưa vấn đề “an ninh” trở thành mục tiêu số một trong chính sách đối ngoại chắc chắn là một lối đi đúng đắn và sáng suốt. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, khi hợp tác đã trở thành xu thế tất yếu và hầu hết các quốc gia đều chuyển dịch sự chú ý từ vấn đề “an ninh” sang vấn đề “phát triển”, thì việc chú trọng vào phát triển kinh tế mới nên là ưu tiên số một trong mục tiêu của chính sách đối ngoại. Quốc gia nào có thực lực kinh tế hùng mạnh sẽ củng cố được sức mạnh quốc gia, từ đó dễ dàng nâng cao vị thế của mình trong khu vực và trên toàn cầu. Từ đây, có thể dễ dàng nhận thấy những thay đổi trong mục tiêu đối ngoại của ông N. Modi là hoàn toàn phù hợp với xu thế khách quan và là lựa chọn đúng đắn để mở ra những triển vọng mới cho quốc gia Ấn Độ.

Việc ông N. Modi hết lòng củng cố năng lực kinh tế cốt lõi của Ấn Độ không chỉ bị chi phối bởi niềm tin của chính ông mà còn do sự giảm tốc kinh tế của nước này trong giai đoạn ông mới lên nắm quyền (2014). Sau cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu và tình trạng tê liệt chính sách trong nước kéo dài, “nền kinh tế Hổ” của Ấn Độ đã tăng trưởng dưới 5%. Ấn Độ bị Standard & Poor's hạ xếp hạng tín dụng nghiêm trọng (2013), do thâm hụt ngân sách và nợ quốc gia quá cao [Choudhury, S. D., Paul, S., 2013]. Những khó khăn về kinh tế này đã ảnh hưởng đáng kể đến việc thu hút các doanh nghiệp “dừng chân” ở Ấn Độ. Thách thức về kinh tế trong nước và sự đánh mất dần vai trò trong khu vực khiến Ấn Độ trở thành một “đối thủ” mà ngay cả Maldives nhỏ bé cũng không coi trọng khi “thắng thường” loại bỏ ứng cử viên thân Ấn Độ trong cuộc bầu cử (2013) [Pant, H. V, 2013]. Do đó, chính phủ N. Modi nhất thiết phải quan tâm và chú trọng đến các quan hệ thương mại, đặc biệt là ưu tiên ngoại giao kinh tế để tạo điều kiện phục hồi sự phát triển của Ấn Độ. Ông N. Modi từng tuyên bố rằng “Tôi tin rằng một nền kinh tế mạnh là động lực của một chính sách đối ngoại hiệu quả” [Sahoo, N., 2014].

Thứ ba, chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi được xem là sự thống nhất giữa địa chính trị và địa kinh tế. Điều mà các nhà tiền nhiệm trước đó chưa thực sự làm được vì còn dồn lực chính vào các vấn đề an ninh.

Theo đó, ông N. Modi coi địa kinh tế là chìa khóa của chính sách đối ngoại. Với tư cách là thủ hiến lâu năm của Gujarat, một bang giáp biên giới với Pakistan, ông N. Modi nhận thấy tiềm năng tác động lớn của thương mại quốc tế về hàng hóa và dịch vụ và thể hiện rõ ý định biến các khu vực biên giới thành các trung tâm kinh doanh linh hoạt bằng

cách nói lỏng các hạn chế, tăng cường kết nối cơ sở hạ tầng và hội nhập thực sự vào các thị trường chung. Thương mại dưới thời N. Modi thực sự đã có những chuyển biến tích cực và được xem là yếu tố có thể làm các quốc gia trong khu vực xích lại gần nhau hơn, vượt qua những rào cản mâu thuẫn. Mặc dù chủ trương thúc đẩy kinh tế, song chính quyền N. Modi có xu hướng ủng hộ việc thúc đẩy sản xuất trong nước (qua sáng kiến “Make in India”), khuyến khích xuất khẩu và kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu để hạn chế thâm hụt thương mại. Ở khía cạnh này, có thể thấy rằng, ông N. Modi là điển hình của người theo Chủ nghĩa trọng Thương kiểu mới (neomercantilism).

Trong mối quan hệ với các cường quốc, địa kinh tế cũng đang định hướng chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi. Ông là người đi tiên phong trong chính sách ngoại giao thương mại và kinh tế. Khi còn là thủ hiến bang Gujarat, ông đã thực hiện một số chuyến công du đến Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, xây dựng mối quan hệ cá nhân với các nhà lãnh đạo như Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe. Ông N. Modi muốn mở rộng kinh tế “kiểu mẫu Gujarat” của mình ra toàn Ấn Độ bằng cách thúc đẩy các tuyến đường thương mại để tăng cường quan hệ với các cường quốc như hợp tác với Nga, Iran, và các quốc gia Trung Á để thiết lập Hành lang INSTC, hợp tác với Mỹ, UAE, Saudi Arabia và EU thiết lập Hành lang IMEC... Các tuyến đường này có ý nghĩa quan trọng đối với sự hồi sinh kinh tế và sự trỗi dậy về địa chính trị của Ấn Độ.

Mặc khác, địa kinh tế cũng đã đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy quan hệ Ấn - Trung. Ông N. Modi đã nhận thức rõ rằng Trung Quốc cần thị trường lớn của Ấn Độ, trong khi Ấn Độ đang tìm kiếm các khoản đầu tư lớn của Trung Quốc để xây dựng quá cảnh và cơ sở hạ tầng quan trọng khác cho sự phục hồi kinh tế của mình. Bất chấp sự gay gắt về biên giới và sự cạnh tranh địa chính trị trong khu vực, thương mại đã trở thành trọng tâm trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Địa kinh tế còn đặt ra nhiều lựa chọn chính sách của ông N. Modi đối với phần còn lại của Đông Bắc Á và Đông Nam Á, đặc biệt là liên quan đến mối quan hệ ngày càng gia tăng giữa Ấn Độ và Nhật Bản. Nhất là khi các công ty Nhật Bản đang phải đối mặt với sự kìm kẹp ngày càng lớn ở Trung Quốc thì Ấn Độ lại trở thành điểm đến đầu tư tốt hơn đối với họ.

Và chính phủ N. Modi đã thành công triển khai địa kinh tế để củng cố các mối quan hệ quan trọng nhất của Ấn Độ. Với Mỹ, mối quan hệ Ấn - Mỹ đã bị ảnh hưởng từ thời ông M. Singh do sự đình trệ trong các cuộc đàm phán thương mại, tranh chấp về sở hữu trí tuệ, sự trì trệ về kinh tế và mối bận tâm của chính quyền Obama với Afghanistan và

Syria. Mối quan hệ từng nở hoa đã rơi xuống mức thấp mới sau vụ bắt giữ một nhà ngoại giao Ấn Độ ở New York (2013) [Agarwal, V., Mandhana, N., 2014]. Nhận thức được điều này, ông N. Modi đã thực hiện các bước quan trọng để tạo điều kiện cho một sự thay đổi. Thông báo táo bạo mở cửa lĩnh vực quốc phòng trị giá 250 tỷ USD của Ấn Độ cho tư nhân tham gia, trong đó bao gồm các công ty Mỹ nhằm góp phần hồi sinh quan hệ kinh tế Ấn - Mỹ [Wilkes, T., 2014].

Thương mại cũng là nền tảng trong chính sách đối ngoại của ông N. Modi với EU, phần lớn Trung Đông và lục địa Á - Âu. Đặc biệt, ông N. Modi đề cao tầm quan trọng trong quan hệ thương mại với Đức, đối tác lớn nhất của Ấn Độ ở châu Âu. Tham vọng của ông là biến Ấn Độ trở thành một trung tâm sản xuất của thế giới với sáng kiến “Make in India”. Lấy “kinh tế” - lĩnh vực dễ có tiếng nói chung nhất để thúc đẩy các quan hệ đối ngoại toàn cầu chính là nước đi đầy sáng tạo của ông N. Modi. Điều này là một trong những động lực giúp nền kinh tế Ấn Độ hồi sinh và tăng trưởng mạnh mẽ trong các nhiệm kỳ của ông.

Thứ tư, Thủ tướng N. Modi đã mạnh mẽ thay đổi năm nguyên tắc đối ngoại truyền thống Panchsheel (thuật ngữ xuất phát điểm từ Phật giáo) có từ thời Thủ tướng J. Nehru thành năm trụ cột mới là Panchamrit - (thuật ngữ xuất phát điểm từ Hindu giáo). Điều này không chỉ thể hiện bản sắc Hindu giáo trong đường lối của ông N. Modi mà còn cho thấy sự đổi mới trong đối ngoại theo hướng táo bạo, chủ động, sáng tạo và đầy tham vọng. Panchsheel là 05 nguyên tắc chung sống hòa bình gồm tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác; bình đẳng, hợp tác cùng có lợi; và chung sống hòa bình dựa trên. Năm nguyên tắc này được xây dựng trên hai trụ cột đối ngoại quan trọng là an ninh quốc gia và lợi ích kinh tế. Khi ông N. Modi lên nắm quyền, trong khi giữ nguyên hai trụ cột quan trọng là thịnh vượng kinh tế (Samridhi) và an ninh quốc gia (Suraksha), ba trụ cột nữa đã được bổ sung vào là phẩm giá và danh dự (Samman); tham gia và đối thoại sâu rộng hơn (Samvad); các liên kết văn hóa và nền văn minh (Sanskriti evam Sabhyata). Samman tập trung vào việc nâng cao phẩm giá và danh dự của Ấn Độ, không chỉ dành cho quốc gia mà còn cho tất cả người dân Ấn Độ ở trong và ngoài nước. Điều này đã thúc đẩy một làn sóng tự hào dân tộc, khi chính phủ cam kết bảo vệ và tôn trọng danh dự của mọi công dân, tạo nên một cộng đồng người Ấn Độ gắn kết và mạnh mẽ hơn, dù họ đang sống ở bất cứ đâu. Samvad là nhấn mạnh sự tham gia rộng rãi hơn trong ngoại giao. Dưới thời N. Modi, Ấn Độ đã đẩy mạnh các cuộc đối thoại không chỉ ở cấp chính phủ mà còn với các doanh nghiệp,

giới học giả, và cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài. Điều này cũng lý giải cho việc Thủ tướng tăng cường các chuyến thăm đến các quốc gia và thậm chí tham dự từ mười hai đến mười bốn cuộc gặp trong một ngày [India Foundation, 2018]. Theo số liệu thống kê từ 2014 - 2024, ông N. Modi đã có 150 chuyến thăm đến các quốc gia [Narendra N. Modi, 2024]. Đồng thời, ông cũng thúc đẩy các chương trình giao lưu, gặp gỡ theo hướng “ngoại giao nhân dân”. Những cuộc gặp gỡ đa chiều này đã giúp Ấn Độ thiết lập những mối quan hệ sâu sắc và mở rộng tầm ảnh hưởng của mình trên nhiều diễn đàn quốc tế. Trụ cột cuối cùng là Sanskriti, ngụ ý sử dụng các giá trị văn hóa và di sản như một công cụ ngoại giao mạnh mẽ. Trong quá khứ, chính sách đối ngoại của Ấn Độ không coi việc khai thác sự giàu có trong nền văn minh Ấn Độ như một công cụ của chính sách đối ngoại, vì cho rằng để có một chính sách đối ngoại thể tục thì không thể bao gồm văn hóa. Song dưới thời chính quyền N. Modi, những điều này đã được chuyển đổi thành các công cụ hiệu quả của chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Với chương trình hỗ trợ của Chính phủ Ấn Độ, hơn 50 dự án văn hóa và di sản đã được hoàn thành và 25 dự án khác đang được triển khai trên khắp thế giới [MEA, GoI, 2024a].. Thủ tướng Nhật Bản đã đến Varanasi và thực hiện nghi lễ tôn giáo Hindu Ganga Aarti. Thủ tướng Trung Quốc đã tham gia các lễ hội địa phương ở Gujarat. Tương tự như vậy, Thủ tướng N. Modi đã đến thăm đền Pashupatinath ở Nepal, một nhà thờ Hồi giáo ở Trung Á, một nhà thờ hoặc giáo đường Do Thái ở nơi khác [India Foundation, 2018]. Khía cạnh biến sự giàu có về văn hóa và văn minh thành một công cụ ngoại giao hiệu quả là một dấu ấn quan trọng của chính sách đối ngoại của N. Modi. Cùng với Samridhi (thịnh vượng kinh tế) và Suraksha (an ninh), Ấn Độ đã tạo ra một cách tiếp cận năm mũi nhọn mạnh mẽ đối với chính sách đối ngoại.

Thứ năm, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đánh dấu sự chuyển hướng rõ nét và mạnh mẽ từ “không liên kết” thành “đa liên kết”. Thật ra, xu hướng “đa liên kết” của Ấn Độ đã bắt đầu manh nha từ thời Thủ tướng N. Rao khi tham gia tích cực vào các tổ chức khu vực và quốc tế, sử dụng các quan hệ đối tác chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế và an ninh quốc gia, nhằm phát huy vai trò của mình mà không bị phụ thuộc vào các nước phương Tây [Elizabeth, R., 2024]. Song phải đến thời đại N. Modi, chiến lược này mới chính thức trở nên rõ ràng. Ông N. Modi là Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên không tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Phong trào không liên kết (NAM) (2016) [Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, 2022]. Về bản chất, điều này có nghĩa là Ấn Độ - một quốc gia tiên phong sáng lập của NAM - đã chuyển hướng mạnh mẽ và dứt khoát từ “không liên kết” sang “đa liên

kết”. Sự điều chỉnh đó cho phép Ấn Độ xây dựng quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cường quốc lớn nhằm theo đuổi lợi ích chung thay vì phải “giấu mình” như trước đây. Trong khi “không liên kết” được xem là một cách tiếp cận thụ động, bao gồm cả việc đứng ngoài lề thì “đa liên kết” mở ra một cách tiếp cận chủ động hơn. Một Ấn Độ tích cực đa dạng hóa và tham gia nhiều cặp quan hệ đã giúp cân bằng chính sách đối ngoại của New Delhi với thế giới. Trong khi thúc đẩy quan hệ với Mỹ, Nhật Bản, Australia trong QUAD ở khu vực ÁDD - TBD, Ấn Độ đồng thời tăng cường tam giác quan hệ với Trung Quốc và Nga trong RIC. Ấn Độ cũng bắt đầu phát triển quan hệ với những quốc gia ít được chú ý, dành nhiều sự quan tâm tới các đối tác xa hơn về mặt địa lý nhưng tương đồng về lợi ích tại khu vực ÁDD - TBD. Đặc biệt, nỗ lực xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia xung quanh khu vực ngoại vi của Trung Quốc để chống lại sự bao vây chiến lược ngày càng tăng của quốc gia này đối với Ấn Độ. Ông trở thành Thủ tướng đầu tiên thăm Mông Cổ và nâng cấp quan hệ Đối tác toàn diện lên Đối tác chiến lược (2015). Năm 2016, ông N. Modi nâng cấp quan hệ với Việt Nam lên Đối tác chiến lược toàn diện. Ông N. Modi cũng là Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên đến thăm Israel, Canada và UAE và nâng cấp các mối quan hệ lên Đối tác chiến lược với Israel (2017) và Đối tác chiến lược toàn diện với UAE (2017). Ấn Độ cũng tích cực tham gia vào các tổ chức quốc tế từ cấp độ toàn cầu đến khu vực, tiểu khu vực, tiểu vùng như UN, G20, BRICS, BIMSTEC, ... Sự chuyển hướng chiến lược trên của ông N. Modi được xem là xuất phát từ thực tế khách quan khi nhiều quốc gia có sự trỗi dậy mạnh mẽ và quan điểm chấp nhận tiếng nói của số đông thay vì thiểu số trong việc quyết định các chương trình nghị sự toàn cầu. Điều này cũng giúp chống lại chủ nghĩa bá quyền, bành trướng của các thế lực cường quốc.

Thứ sáu, trong khi Thủ tướng N. Modi duy trì cách tiếp cận vừa cứng rắn vừa sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc về các vấn đề song phương của các nhà tiền nhiệm, thì hành động phản ứng “cứng rắn” của ông N. Modi có phần mạnh mẽ, quyết liệt và táo bạo hơn. Các nhà lãnh đạo trước N. Modi thường ưu tiên một chính sách đối ngoại ít đối đầu với Trung Quốc, nhằm duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực. Quan điểm này thể hiện rõ qua các nỗ lực ngoại giao nhằm giải quyết các tranh chấp biên giới và phát triển quan hệ kinh tế song phương. Nhưng đến thời N. Modi, điều này đã thay đổi đáng kể. Chính phủ của ông đã tăng cường hiện diện quân sự dọc theo biên giới Trung-Ấn, đặc biệt sau các cuộc xung đột tại thung lũng Galwan (2020). Động thái này được xem là sẵn sàng “đáp trả” nếu Trung Quốc có hành động gây hấn. Chính sách của ông N. Modi còn tập

trung vào việc củng cố liên minh với các quốc gia trong khu vực ÁDD - TBD, như Nhật Bản, Mỹ, và Australia, thông qua QUAD, để đối phó với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc.

Ngoài ra, ông N. Modi cũng thúc đẩy các chính sách kinh tế nhằm giảm sự phụ thuộc của Ấn Độ vào hàng hóa Trung Quốc, thông qua các chiến lược như "Ấn Độ tự cường" nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước và phát triển các nguồn cung ứng thay thế. Những thay đổi này đánh dấu một cách tiếp cận quyết đoán và thận trọng hơn so với các nhà tiền nhiệm.

Thứ bảy, từ chính sách “Hướng Đông” của các chính phủ tiền nhiệm, Thủ tướng N. Modi đã nâng cấp thành chính sách “Hành động hướng Đông” [Đỗ Thanh Hà, 2022], thể hiện một cách tiếp cận chủ động hơn trong việc xây dựng quan hệ với các nước ASEAN, đồng thời tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ trong khu vực ÁDD - TBD. Sự điều chỉnh này đã thay đổi trọng tâm từ việc chỉ đơn thuần là phát triển quan hệ đến việc tăng cường hành động, bao gồm cả hợp tác kinh tế, quốc phòng và an ninh với các nước Đông Nam Á. *Một là*, ký kết các hiệp định thương mại tự do, tăng cường đầu tư và hợp tác trong các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, năng lượng và công nghệ. *Hai là*, tích cực tham gia vào các sáng kiến an ninh khu vực như ARF và ADMM+ giúp tăng cường hợp tác quân sự và an ninh giữa Ấn Độ và các nước ASEAN, nhằm đối phó với các thách thức an ninh khu vực như khủng bố, cướp biển, và các vấn đề về tự do hàng hải. *Ba là*, tập trung vào việc phát triển kết nối khu vực thông qua các dự án hạ tầng, như Hành lang Kinh tế Ấn Độ-Myanmar-Thái Lan, nhằm tăng cường giao thương và kết nối giữa Ấn Độ và các nước ASEAN. Điều này không chỉ thúc đẩy thương mại mà còn tạo cơ hội cho hợp tác chiến lược sâu rộng hơn. Các điểm trên đều chỉ ra sự chuyển biến trong chính sách của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi, từ việc chỉ phát triển quan hệ ngoại giao sang việc thực hiện các hành động cụ thể để thúc đẩy hợp tác sâu rộng và bền vững với các nước ASEAN.

Thứ tám, từ khu vực bị “bỏ quên”, Tây Á đã trở thành khu vực thu hút sự quan tâm trở lại trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi. Trước đây, Tây Á chỉ được Ấn Độ coi là một lợi ích ngoại biên và chưa có một chính sách đối ngoại nào cụ thể đối với khu vực này. Tuy nhiên, khi ông N. Modi lên nắm quyền, ông đã đề xuất việc thực hiện Chính sách “Liên kết Phía Tây” [Jianxue, L, 2019] và sau đó là Chính sách “Nghĩ về Hướng Tây” [Chaudhuri, P. P., 2017]. Dưới sự lãnh đạo của chính quyền N. Modi, Ấn Độ đã tăng cường hiện diện về an ninh quân sự, thúc đẩy hợp tác chống khủng bố với khu vực Tây Á, đi vào hợp tác có chiều sâu trong lĩnh vực kinh tế, biến khu vực này trở thành

đổi tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ (2015 - 2016), góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh năng lượng cho Ấn Độ, củng cố quyền lực mềm và tăng cường hỗ trợ cho cộng đồng hải ngoại tại Tây Á.

Đáng chú ý, Thủ tướng N. Modi đã mở ra cho Ấn Độ một sự tiếp cận táo bạo với Saudi Arabia và UAE. Đã từ rất lâu, Vịnh Ba Tư không nhận được sự quan tâm xứng đáng. Nhiều quốc gia ở đó bị coi là quá ủng hộ Pakistan vì lý do tôn giáo và do đó bị gạt ra ngoài các ưu tiên của Ấn Độ, quốc gia vốn vẫn tập trung vào các nước thế tục như Ai Cập và Iraq trong quá khứ. Việc các quốc gia nhỏ hơn ở Vùng Vịnh quá lệ thuộc vào Saudi Arabia cũng không có lợi gì cho Ấn Độ, đặc biệt là khi Saudi Arabia đang sốt sắng truyền bá đạo Hồi Wahhabi.

Tuy nhiên, nhận ra những thay đổi chính trị tại Tây Á, Thủ tướng N. Modi bất ngờ chuyển sang “gần gũi” với Saudi Arabia và UAE theo những cách hứa hẹn về lợi ích chính trị và kinh tế quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh sự ủng hộ mạnh mẽ của một số nước Tây Á dành cho Pakistan có dấu hiệu suy giảm đáng kể. Tiêu biểu như UAE bày tỏ sẵn sàng giảm quan hệ với Pakistan và xây dựng mối quan hệ chiến lược thực sự với Ấn Độ.

Chuyến thăm Saudi Arabia (2016) của ông N. Modi đã làm hồi sinh quan hệ Ấn Độ - Saudi Arabia. Hai nước có lịch sử lâu dài về quan hệ đối tác chiến lược ở Vùng Vịnh. Chuyến thăm của ông N. Modi nhằm khám phá những con đường hợp tác mới đồng thời nhấn mạnh hợp tác trong nhiều vấn đề như thương mại, chống khủng bố và đầu tư. Trong lịch sử, sự gần gũi giữa Ấn Độ và Saudi Arabia bị cản trở bởi lập trường của họ về các vấn đề Kashmir và quan hệ với Pakistan. Tuy nhiên, hiện nay, chính phủ Saudi Arabia đã công nhận vai trò ngày càng tăng của Ấn Độ trong các vấn đề toàn cầu và Ấn Độ trở thành một lựa chọn ưu tiên cho các doanh nghiệp Saudi Arabia.

Các nước Vùng Vịnh ngày càng dành sự quan tâm nhiều hơn đối với Ấn Độ khi nhận thấy những lợi ích mà quốc gia này mang lại. Ấn Độ vẫn là một khách hàng lớn về năng lượng của Vùng Vịnh. Khi Ấn Độ nâng cao vị thế trên trường quốc tế, sẽ trở thành một trong những nhân tố quan trọng trong lợi ích chiến lược của khu vực. Khả năng của ông N. Modi trong việc khởi động quá trình tiếp cận này, đồng thời tránh vướng vào các cuộc đối đầu hiện tại trong Vùng Vịnh và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với Iran, đã thể hiện sự nhanh nhạy của Ấn Độ.

Việc nối lại quan hệ Iran-Mỹ đã trở thành tiền đề phục hồi quan hệ Ấn Độ-Iran. Ấn Độ nhấn mạnh tầm quan trọng của Tây Á đối với tính toán kinh tế và chiến lược của Ấn

Độ. Ban đầu, các biện pháp trừng phạt quốc tế và cưỡng chế khu vực vẫn là trở ngại giữa Ấn Độ và Iran; tuy nhiên, họ đã mở ra hành lang hữu nghị cho nhau, nhấn mạnh sự hội tụ chiến lược của họ. Các thỏa thuận “quá cảnh ba chiều” mà N. Modi đã ký với Iran và Afghanistan (2016) là lời hứa đầu tư tới 500 triệu USD để phát triển một cảng chiến lược ở Iran và cũng đồng ý thực hiện các dự án song phương khác trị giá hàng trăm triệu USD.

Thứ chín, chính quyền N. Modi cũng thay đổi mạnh mẽ chính sách về *quyền lực mềm*. Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của chính quyền N. Modi nhận thức được tầm quan trọng của việc phát huy quyền lực mềm, sử dụng ngoại giao văn hóa để đạt những mục đích ngoại giao kinh tế và chính trị. Chính sách về quyền lực mềm của Ấn Độ đã thay đổi đáng kể từ khi ông N. Modi nhậm chức. Chính quyền N. Modi đã khởi xướng việc kết hợp sức mạnh của một quốc gia “trẻ” với giá trị của một nền văn hóa “già” nhằm làm hồi sinh hình ảnh của Ấn Độ trên trường quốc tế. Trong thời đại kỷ nguyên số, quyền lực mềm phát triển thông qua hai hình thức đó là phát triển thương hiệu quốc gia và ngoại giao công chúng. Trước N. Modi, quyền lực mềm của Ấn Độ chủ yếu chỉ được lan tỏa một cách tự nhiên theo “hữu xạ tự nhiên hương”. Tuy nhiên, dưới thời Thủ tướng N. Modi, quyền lực mềm được đặt dưới sự chi phối và phát triển của chính phủ với những chiến lược rõ ràng, trong đó có “Ngoại giao văn hóa” nhằm phát triển thương hiệu quốc gia. Khi phương thức truyền thông hiện đại mới xuất hiện như mạng xã hội, báo điện tử... có tốc độ nhanh chóng, phạm vi rộng, tính tương tác cao và mức độ ảnh hưởng mạnh mẽ thì ông N. Modi đã nhanh chóng vận dụng các hình thức truyền thông mới này trong các hoạt động đối ngoại, tạo nên một phong cách “ngoại giao số”, “ngoại giao mạng xã hội”... đầy tính năng động. Tính đến đầu năm 2024, Ấn Độ có hơn 751,5 triệu người sử dụng Internet, 462 triệu người sử dụng mạng xã hội với tỉ lệ người dùng Facebook và Instagram cao nhất thế giới, lần lượt là 366,9 triệu tài khoản Facebook và 362,9 triệu tài khoản Instagram, 26,08 triệu tài khoản Twitter, 462 triệu tài khoản Youtube [Data Reportal, 2024]. Chính Thủ tướng N. Modi cũng là một người sử dụng rất nhiều mạng xã hội (Twitter, Facebook, Pinterest, Youtube) với hàng trăm triệu người theo dõi trên toàn thế giới, ông rất nhiều lần công khai quan điểm cá nhân và các tuyên bố chính sách trên các nền tảng đó. Ngoài ra, Thủ tướng N. Modi thành lập một nhóm khoảng 20 người có nhiệm vụ theo dõi các luồng quan điểm, phản ứng của cư dân mạng trước các sáng kiến và tuyên bố của ông N. Modi, từ đó giúp Thủ tướng và nội các kịp thời có những điều chỉnh phù hợp.

Điểm mới trong chính sách quyền lực mềm của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi thể hiện ở chỗ Ấn Độ chủ động gánh vác trách nhiệm toàn cầu. Theo thống kê, từ năm 2014 - 2024, Ấn Độ đã thực hiện gần 100 “Dự án mang tính biểu tượng” tại hơn 30 quốc gia; 300/600 dự án sử dụng dòng tín dụng ưu đãi LOC/IDEAS thông qua Ngân hàng Exim cho 68 quốc gia trị giá 21,8 tỷ USD, 50% dự án còn lại trị giá 32 tỷ USD với các quốc gia đối tác; viện trợ, cho vay giúp đỡ đối tác trên toàn thế giới khoảng 11 tỷ USD, tăng mạnh nhất 13% giai đoạn (2018 - 2023); viện trợ không hoàn lại 4,17 tỷ USD cho các dự án phát triển tại các quốc gia và sẵn sàng đi đầu trong ứng phó với nhiều cuộc khủng hoảng trong và ngoài khu vực (riêng trong Đại dịch Covid-19, Ấn Độ đã cung cấp hỗ trợ y tế cho khoảng 150 quốc gia, Ấn Độ được mệnh danh là “Nhà thuốc của thế giới”); tăng cường tiếp cận cộng đồng hải ngoại, thúc đẩy ngoại giao văn hóa, giáo dục trên toàn thế giới với việc cung cấp 124.377 học bổng, hơn 2.500 khóa học, hơn 225.000 chuyên gia được đào tạo từ 120 quốc gia thông qua ITEC, 31.898 học bổng ICCR, 3.546 học bổng IAFS, xây dựng 37 Trung tâm văn hóa Ấn Độ (ICC), 06 Khoa Ngôn ngữ Ấn Độ (ILC) trên toàn thế giới, xây dựng tượng của lãnh tụ M. Gandhi tại gần 90 quốc gia và phát hành tem về lãnh tụ M. Gandhi tại hơn 100 quốc gia [MEA, GoI, 2024a].

Trước thời Thủ tướng N. Modi, cách tiếp cận quyền lực mềm của Ấn Độ chủ yếu vẫn đi theo hướng quyền lực mềm mang tính phòng thủ và dè dặt trong việc chuyển tiềm năng thành khả năng gia tăng tầm ảnh hưởng quốc tế của Ấn Độ, coi quyền lực mềm chỉ là một động lực khá nhỏ bé. Đến thời N. Modi, chính quyền đã có một phương thức tiếp cận mạnh mẽ hơn với quyền lực mềm, thể hiện trong việc cung cấp các dịch vụ cho công dân và cộng đồng hải ngoại như cấp hộ chiếu, xin thị thực, giải quyết khiếu nại và hỗ trợ hành hương là những tương tác hữu hình nhất, góp phần thu hút sự đóng góp của cộng đồng hải ngoại và chiến lược quảng bá những giá trị văn hóa văn minh Ấn Độ. Để thúc đẩy trao đổi văn hóa và giao lưu nhân dân, từ năm 2014 - 2024, Ấn Độ đã cấp mới tổng cộng gần 126 triệu hộ chiếu với thời gian cấp 06 ngày; hơn 47 triệu thị thực, chấp nhận sử dụng thị thực điện tử (E-Visa) với 171 quốc gia và giảm thời gian cấp E-Visa xuống còn 03 ngày; chứng thực hơn 12,6 triệu lý lịch công dân và các tài liệu liên quan để sử dụng ở nước ngoài và giải quyết 89.456/93.421 khiếu nại lãnh sự của công dân thông qua ứng dụng MADAD của Bộ Ngoại giao.

Cộng đồng người Ấn Độ trên toàn thế giới đóng vai trò then chốt trong nhiều khía cạnh của chính sách đối ngoại. Thủ tướng N. Modi đã chủ động tìm kiếm sự kết nối bền

vững với cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài. Thông qua việc phát hành Thẻ “Quốc tịch Ấn Độ ở nước ngoài” (OCI), nhiều chương trình học bổng, hỗ trợ theo Quỹ Phúc lợi Cộng đồng Ấn Độ (ICWF) và Chương trình Know India (KIP), Chính phủ của Thủ tướng N. Modi hướng đến mục tiêu tăng cường kết nối hơn nữa với cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài. Để phát huy vai trò của cộng đồng hải ngoại trong sự phát triển của đất nước, Thủ tướng N. Modi có hướng tiếp cận khá mới so với hướng tiếp cận của những chính quyền tiền nhiệm về vấn đề người Ấn ở hải ngoại. Ông không hướng vào việc đưa nhân tài hồi hương, mà tập trung vào việc phát huy vai trò của người Ấn ở hải ngoại. Trong tất cả các chuyến công du nước ngoài, Thủ tướng N. Modi làm rất tốt công tác liên hệ với cộng đồng hải ngoại ở những nước mà ông đến. Điều quan trọng là, ông N. Modi đã bác bỏ thái độ phê phán cộng đồng này như những người từ bỏ quê hương tồn tại suốt một thời gian dài ở Ấn Độ, sang thái độ tự hào về những thành tựu của họ trên khắp thế giới, khẳng định họ hoàn toàn có thể đóng góp cho sự phát triển của đất nước mà không cần phải trở về quê hương. Thủ tướng N. Modi đã có những hành động thiết thực, cụ thể đã có 1.157 suất học bổng cho Cộng đồng hải ngoại (SPDC) trong 12 lĩnh vực; hơn 3,57 triệu thẻ OCI được cấp mới theo Sắc lệnh đảm bảo thị thực Ấn Độ cho cộng đồng hải ngoại; 2.018 thanh thiếu niên hải ngoại được đến thăm Ấn Độ theo Chương trình KIP; hơn 340.000 công dân Ấn Độ ở nước ngoài được hỗ trợ theo ICWF; hỗ trợ tổng cộng hơn 1,79 triệu người hành hương (Kailash Mansarovar, Haj và Sikh) và hỗ trợ việc mang gần 52.000 thi hài, hài cốt, tro cốt của công dân và Ấn kiều về nước (2014 - 2024) [MEA, GoI, 2024a].

Trong thời gian cầm quyền, Thủ tướng N. Modi đã chứng tỏ, cộng đồng hải ngoại là trọng tâm của tầm nhìn mới của Ấn Độ. Chính sách cộng đồng Ấn kiều của chính phủ N. Modi đã được khái quát trong 3 chữ C, đó là Connect (kết nối với Ấn Độ), Celebrate (chào mừng di sản văn hóa Ấn Độ) và Contribute (đóng góp cho sự phát triển của Ấn Độ).

Chính quyền Thủ tướng N. Modi cũng chú trọng thúc đẩy ngoại giao văn hóa, nhấn mạnh cả văn hóa truyền thống (Yoga, Ayurveda, Hindu giáo, Phật giáo) và văn hóa đương đại của Ấn Độ (thông qua Bollywood). Ngoại giao Yoga đã quảng bá rất nhiều cho hình ảnh của Ấn Độ và Yoga trở thành “món quà của Ấn Độ dành cho thế giới”. Nhờ sự vận động tích cực của ông N. Modi và chính quyền của ông, ngày 21/6 hàng năm trở thành Ngày Quốc tế Yoga, được tổ chức rầm rộ ở khắp nơi trên thế giới. Y học cổ truyền của Ấn Độ, Ayurveda, cũng ngày càng được thế giới biết đến nhiều hơn. Phật giáo Ấn Độ

cũng trở thành sợi dây liên kết tâm linh và triết học giữa Ấn Độ với nhiều nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Myanmar, Nepal, Mông Cổ, Indonesia, Việt Nam...và sử dụng Sufism để xây dựng liên kết với Trung Á. Một sáng kiến mới mang tên “Cộng hòa Truyền hình” cũng được chính quyền N. Modi đưa ra và thực hiện nhằm biến Ấn Độ trở thành một trong những nơi có kênh truyền thông đẳng cấp thế giới, song song với BBC và CNN [MEA, GoI, 2015]. Quyền lực mềm của Ấn Độ còn được thể hiện ở tính cách dân tộc rất khác với các cường quốc trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản... Đó là một dân tộc khoan hòa, nhân ái, thân thiện, tôn trọng tiếng nói của những nước yếu hơn, sẵn sàng cứu trợ và ủng hộ các nước khi cần. Vì vậy, Ấn Độ đã tạo được “lòng tin chiến lược” về một cường quốc trời dậy hòa bình, có khả năng đóng góp lớn cho một thế giới hòa bình và thịnh vượng.

Có thể nói, chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi đã thể hiện sự kế thừa và tiếp nối từ các chính phủ tiền nhiệm, đồng thời có những điều chỉnh sáng tạo nhằm đáp ứng và phù hợp với bối cảnh quốc tế mới. Chính những thay đổi này đã tạo nên một "Bản sắc N. Modi" riêng biệt, giúp Ấn Độ tăng cường vị thế và đóng vai trò ngày càng quan trọng trên trường quốc tế.

4.2. Tác động của chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời thủ tướng Narendra Modi đến quan hệ quốc tế và Việt Nam

4.2.1. Tác động đến quan hệ quốc tế

4.2.1.1. Tác động đến sự chính sách đối ngoại của các nước lớn với Ấn Độ

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N.Modi cũng góp phần định hình các chiến lược đối ngoại của các cường quốc đối với quốc gia này.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại của New Delhi dưới sự lãnh đạo của ông N. Modi góp phần thúc đẩy Trung Quốc hướng tới xu hướng đa cực, hợp tác và phát triển cùng có lợi. Cả Ấn Độ và Trung Quốc đều không thể kiềm chế lẫn nhau, và lợi ích tốt nhất của cả hai nước là tìm kiếm một thế giới đa cực bằng cách sắp xếp các lợi ích tương ứng của họ. Thế giới đủ rộng cho cả hai bên tham gia. Cả hai quốc gia đều có thể đạt được các mục tiêu tương ứng của mình trong một thế giới đa nguyên. Điều này đặc biệt khả thi trong bối cảnh châu Á luôn duy trì tính đa nguyên, nơi sự cạnh tranh không loại trừ khả năng hợp tác và giao lưu cùng có lợi. Một tầm nhìn chung về một tương lai hòa bình và ổn định có tính đến các mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế mà các bên cùng áp ủ là điều có thể thực hiện được.

Thứ hai, đối với Mỹ, Ấn Độ trở thành đối tác quan trọng trong chiến lược kiềm chế Trung Quốc. Sự hội tụ trong nhận thức về mối đe dọa của Mỹ đối với Ấn Độ và Trung Quốc bắt đầu thay đổi khi Mỹ chuyển nhận thức về Trung Quốc từ “đối tác chiến lược” sang “đối thủ cạnh tranh chiến lược”. Mỹ đang theo đuổi các mục tiêu chính sách đối ngoại của mình là kiềm chế Trung Quốc và duy trì ưu thế của nước này trên toàn thế giới, trong khi Ấn Độ tìm cách tiếp cận các công nghệ phương Tây và cân bằng Trung Quốc trong khu vực. Mỹ đã thay đổi chính sách của mình đối với Ấn Độ, đặc biệt Mỹ cung cấp khả năng tiếp cận các công nghệ quân sự hiện đại nhằm định vị nước này như một bên tham gia tiềm năng trong khu vực trước ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Mặt khác, Ấn Độ đã thể hiện vai trò là một quốc gia tiềm năng trong đại chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ. Sự hỗ trợ của Mỹ dành cho Ấn Độ đang cho phép nước này tăng cường năng lực thông thường và hạt nhân. Ấn Độ đang thể hiện mình là một đối trọng chống lại Trung Quốc song có xu hướng nâng cao năng lực quân sự và đạt được tham vọng chiến lược trở thành “hạt nhân” khu vực. Ở đây, điều quan trọng cần chú ý là việc Mỹ đã chấp nhận sự trỗi dậy của Ấn Độ. Washington không coi New Delhi là một mối đe dọa mà là một đồng minh và một thành phần quan trọng trong việc chống lại Trung Quốc. Điều này cũng có thể được chứng minh bởi tuyên bố của Phó Trợ lý của Tổng thống Mỹ D. Trump là L. Curtis rằng “Mỹ ủng hộ sự trỗi dậy của Ấn Độ với tư cách là nhà cung cấp quyền lực và an ninh ở Á-ĐD và hơn thế nữa” [Stimson Center, 2022]. Ấn Độ - Mỹ tiếp theo các thỏa thuận cũng là bằng chứng về mối quan hệ chặt chẽ giữa hai quốc gia. Đến lượt mình, Ấn Độ công khai ủng hộ Mỹ trong các mục tiêu của nước này, đặc biệt khi nói đến khái niệm “một Á-ĐD - TBD tự do và cởi mở”.

Thứ ba, đối với Nga, chiến lược đối ngoại của Ấn Độ góp phần giúp Nga ngày càng coi trọng và ưu tiên mối quan hệ đối tác chiến lược với Ấn Độ. Theo truyền thống, Nga vẫn duy trì quan hệ hữu nghị với Ấn Độ, và hầu hết thời gian, Ấn Độ vẫn là trung tâm trong chính sách đối ngoại của nước này đối với Nam Á. Mặc dù, một sự thay đổi chiến lược đã được quan sát thấy sau cuộc khủng hoảng Ukraine (2014), khi Nga nghiêng về phía Trung Quốc nhiều hơn để được hỗ trợ chính trị và hợp tác kinh tế. Tuy nhiên, kể từ năm 2016, Nga đã dần dần thay đổi chiến lược hợp tác với Ấn Độ. Mối quan hệ Đối tác Chiến lược Đặc biệt, đặc quyền này càng được khẳng định qua việc Nga công bố Chiến lược An ninh quốc gia (2021), coi Ấn Độ là đối tác chiến lược ưu tiên. Nga thường xác định Chủ nghĩa Thực dụng trong việc phát triển quan hệ với Ấn Độ để báo hiệu với

phương Tây rằng phạm vi tiếp cận chiến lược của Nga sẽ không bị hạn chế bởi bất kỳ cấm vận nào áp đặt lên nước này, đặc biệt khi cuộc xung đột Nga - Ukraine (2022) diễn ra và Ấn Độ giữ lập trường trung lập. Trong bối cảnh đầy thách thức tại Nam Á và trên thế giới, sự hợp tác chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại và quân sự của hai nước được thể hiện qua hàng loạt các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao giữa các nhà lãnh đạo; ủng hộ nhau trong các vấn đề đa phương; mua sắm vũ khí và thiết bị quốc phòng và hợp tác phát triển năng lượng hạt nhân; chia sẻ các cơ chế được thể chế hóa hướng tới việc chuyển giao thiết bị công nghệ cao và đã thực hiện liên doanh sản xuất; thương mại song phương tăng trưởng mạnh; Nga tăng cường bán dầu cho Ấn Độ và chấp nhận thanh toán bằng đồng Rupee và đồng Rúp... Tất cả những điều đó cho thấy sự thay đổi rõ rệt trong chính sách đối ngoại của Nga đối với Ấn Độ.

Thứ tư, Nhật Bản và Ấn Độ đã nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Đặc biệt. Mỗi quan hệ này ngày càng sâu sắc hơn kể từ khi Thủ tướng N. Modi nhậm chức (2014), qua đó đưa quốc gia này cùng với Nhật Bản vào hành trình củng cố ảnh hưởng khu vực và khẳng định mình là một cường quốc khu vực trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy và những chuyển đổi trong khu vực. Nhật Bản rất mong muốn thúc đẩy quan hệ đối tác đặc biệt với Ấn Độ, không chỉ cho phép Nhật Bản hiện diện trong kiến trúc chiến lược và an ninh khu vực mà còn không cản trở quyền tự chủ lẫn nhau. Nhật Bản đã ủng hộ các sáng kiến và chiến lược của Ấn Độ (IPOI, ISA), đồng thời tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực như an ninh - quốc phòng, cơ sở hạ tầng, ODA với Ấn Độ. Đặc biệt từ năm 2014, Nhật Bản đã nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã thay đổi như thế nào để cho phép Nhật Bản có thể thắt chặt quan hệ với Ấn Độ và những yếu tố nào đã dẫn đến những thay đổi này trong chính sách của Ấn Độ nhằm theo đuổi và thúc đẩy sự hiện diện lớn hơn của hai nước trong các lĩnh vực địa chính trị và địa chiến lược.

Thứ năm, trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và leo thang xung đột Mỹ - Trung, Ấn Độ và Australia có nhiều điểm tương đồng trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia và cân bằng quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, góp phần thúc đẩy quan hệ giữa hai nước. Quan hệ song phương đã có những bước tiến nhất định thông qua các chính sách và hành động triển khai thực tế. Việc nâng cấp quan hệ lên “Đối tác chiến lược toàn diện” đã mở đường cho sự hợp tác sâu rộng hơn trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị cấp cao đến cơ sở. Các khuôn khổ và đối thoại cấp cao định kỳ đã được thiết lập, mở ra khả năng làm việc hướng tới các thỏa thuận trong tương lai. Bước tiến đó tạo động lực để hai nước hợp tác chặt chẽ hơn

nữa trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là quân sự, mở ra triển vọng hai bên tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc bảo đảm an ninh khu vực và các lợi ích trên biển. Các cam kết song phương và đa phương nhằm ngăn chặn sự hình thành một trật tự lấy Trung Quốc làm trung tâm được thực hiện bằng hành động cụ thể liên quan đến hỗ trợ hậu cần, tập trận, năng lực quân sự và khả năng hỗ trợ lẫn nhau cùng với đó là tăng cường hợp tác thông qua các cơ chế như IORA, IONS, EAS, ARF, QUAD VÀ QUAD+. Với cùng một mục tiêu, hai nước có chung tầm nhìn về việc thiết lập một trật tự đa phương. Vì vậy, Australia đã thể hiện sự ủng hộ đối với chính sách đối ngoại của Ấn Độ với xu hướng tập trung vào việc cùng hợp tác bảo vệ lợi ích tại khu vực ÁDD - TBD.

Thứ sáu, Là một phần trong chiến lược đối với khu vực ÁDD - TBD, EU nói chung và các quốc gia châu Âu nói riêng (Anh, Pháp, Đức...) đã và đang tăng cường quan hệ với Ấn Độ, giúp củng cố ổn định và hòa bình của khu vực. Mỗi bên đều có thế mạnh riêng và có thể chia sẻ với nhau để tạo nên một tương lai an toàn và thịnh vượng. Các bên đang thúc đẩy các chương trình nghị sự và khám phá những tiềm năng hợp tác mới; mong muốn làm việc cùng nhau để giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu đồng thời thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Kể từ năm 2014, bỏ qua những rào cản về vấn đề chính trị (vụ ngư dân Ấn Độ bị sát hại) quan hệ hai bên đã phát triển đáng kể, thương mại tiếp tục tăng trưởng và càng mở rộng hơn khi ký kết Hiệp định thương mại Ấn Độ - EU. Hai bên đều bày tỏ tăng cường hợp tác chiến lược nhằm kiềm chế Trung Quốc để duy trì ổn định khu vực. Việc phát triển các MOA về hợp tác hàng hải và không gian, KH&CN đã giúp tăng cường sức mạnh của Ấn Độ cũng như tạo dựng niềm tin và sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai bên. Quan hệ đối tác chiến lược Ấn Độ - EU đã trở thành một mối quan hệ quan trọng trong khu vực ÁDD - TBD và trên thế giới.

4.2.1.2. Góp phần chuyển dịch trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới, xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới

Cả Ấn Độ và hệ thống quốc tế đang trải qua những thay đổi sâu sắc, làm phức tạp thêm sự tương tác giữa Ấn Độ và hệ thống quốc tế. Với sự trỗi dậy của Ấn Độ, có những yêu cầu mới đối với Ấn Độ để đóng một vai trò lớn hơn trong quản trị khu vực và toàn cầu. Trong khi theo truyền thống, Ấn Độ luôn cố gắng thận trọng trong việc xác định vai trò của mình trong các vấn đề quản trị toàn cầu, thì đối với các vấn đề an ninh khu vực, Ấn Độ thường là một bên quyết đoán. Bất chấp thách thức do Trung Quốc và Pakistan đặt ra, Ấn Độ hiện đang mong muốn đi đầu trong việc định hình cấu trúc quản trị khu vực và

tạo uy tín toàn cầu cho mình. Vào thời điểm mà Mỹ dường như đang rút lui khỏi các cam kết toàn cầu và sự trỗi dậy của Trung Quốc đang gây áp lực lên các thể chế và chuẩn mực hiện có, vai trò lãnh đạo của Ấn Độ càng trở nên quan trọng hơn, góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới và xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới.

Một trong những cách mà chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã thay đổi trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới là việc bảo vệ quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ, tránh xa các liên minh ràng buộc, làm sâu sắc thêm quan hệ thương mại với Nga, trong khi tăng cường quan hệ đối tác với các quốc gia lớn như Mỹ, Nhật Bản, Australia và các quốc gia châu Âu thông qua các chuyến thăm cấp nhà nước rất và các thỏa thuận quốc phòng quan trọng để xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược với những đối tác quan trọng này, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng và quốc phòng. Thông qua việc thiết lập các cơ chế hợp tác như QUAD và G20 và BRICS, Ấn Độ đã gia tăng sự tham gia của mình trong quá trình ra quyết định và hình thành cấu trúc đa phương mới, đồng thời tạo ra một cơ sở vững chắc cho việc thúc đẩy các giá trị chung như tự do, dân chủ và luật pháp quốc tế.

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng đã tập trung vào việc nâng cao vai trò của chính nước này trong các tổ chức đa phương quốc tế. Ấn Độ đã nỗ lực để tăng cường sự tham gia và ảnh hưởng trong UN, nơi nước này đang xem xét việc trở thành một thành viên Thường trực UNSC. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã đề xuất những cải cách cấu trúc trong tổ chức này để phản ánh sự thay đổi về cân bằng quyền lực và đảm bảo sự công bằng và hiệu quả hơn trong quyết định toàn cầu.

Hơn nữa, Ấn Độ đã thể hiện sự chú trọng đặc biệt đến việc xây dựng và nâng cao quan hệ với các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á và châu Đại Dương. Ấn Độ đã tăng cường quan hệ với các quốc gia như Việt Nam, Indonesia và Singapore thông qua việc ký kết các thỏa thuận hợp tác kinh tế, an ninh và văn hóa. Dưới thời Thủ tướng N. Modi (2014 - 2024), Ấn Độ đã ký tổng cộng 2.469 MOU/MOA và bãi bỏ 393 MOU/MOA khác [MEA, GoI, 2024a]. Điều này không chỉ giúp Ấn Độ mở rộng quyền ảnh hưởng và tạo ra một mạng lưới quan hệ đa phương chặt chẽ, mà còn đóng góp vào việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và phát triển bền vững trong khu vực.

Cuối cùng, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi đã góp phần quan trọng vào việc xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới. Ấn Độ đã tăng cường vai trò lãnh đạo và tham gia tích cực trong các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí

hậu, phát triển bền vững và giảm nghèo. Ấn Độ đã đề xuất các sáng kiến và chương trình để đối phó với những thách thức này, đồng thời thúc đẩy sự hợp tác quốc tế và đưa ra giải pháp toàn diện cho các vấn đề cấp bách. Ví dụ, về hợp tác năng lượng, Liên Minh Năng Lượng Mặt Trời Quốc Tế (ISA) do Ấn Độ thành lập với Thỏa thuận khung hợp tác đã được 120 quốc gia ký kết và 104 quốc gia phê chuẩn (2024). [MEA, GoI, 2024a].

4.2.1.3. Thúc đẩy hòa bình, an ninh thế giới, giải quyết các vấn đề toàn cầu

Ấn Độ, với tư cách là một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới và quốc gia có dân số đông nhất, đã đạt được những thành công đáng kể trong việc định hình chính sách đối ngoại của mình dựa trên các nguyên tắc quan trọng như hòa bình, tôn trọng chủ quyền và hợp tác.

Một trong những đóng góp quan trọng của chính sách đối ngoại của Ấn Độ là việc tạo ra môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực. Ấn Độ đã thể hiện cam kết của mình đối với quyền tự chủ và chủ quyền của các quốc gia, đồng thời hướng tới giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp bằng cách tham gia vào các cuộc đối thoại và đàm phán xây dựng lòng tin. Ví dụ, Ấn Độ đã đóng một vai trò tích cực trong việc giải quyết các mâu thuẫn biên giới với các nước láng giềng như Trung Quốc và Pakistan thông qua các cuộc đàm phán và các biện pháp hòa bình. Điều này đã giúp tạo ra một môi trường ổn định và thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội trong khu vực.

Ấn Độ cũng đã đóng vai trò tích cực trong việc đảm bảo an ninh và ổn định toàn cầu. Với vị trí địa lý chiến lược và nền kinh tế phát triển, Ấn Độ đã thể hiện khả năng và ý chí của mình trong việc tham gia vào các hoạt động duy trì hòa bình và chống khủng bố. Qua việc thúc đẩy hợp tác an ninh với các quốc gia khác và tham gia vào các tổ chức quốc tế như UN, SCO... Ấn Độ đã làm việc để đối phó với các thách thức an ninh toàn cầu như khủng bố, tội phạm, vấn nạn ma túy... Hơn nữa, Ấn Độ cũng đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa bình bằng cách tham gia vào các nhiệm vụ duy trì hòa bình của UN ở các khu vực xung đột như Congo và Lebanon.

Thêm vào đó, Ấn Độ đưa ra những góp ý và đề xuất thiết thực để giải quyết các vấn đề toàn cầu. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ hợp tác với các quốc gia trên toàn thế giới, đặc biệt là các quốc gia có nền kinh tế phát triển và các quốc gia thành viên BRICS. Ấn Độ đã tham gia vào các diễn đàn và tổ chức quốc tế như Hội nghị G20 và WTO để đóng góp ý kiến và thúc đẩy các biện pháp hợp tác kinh tế

và phát triển toàn cầu. Ngoài ra, Ấn Độ cũng đã đề xuất các sáng kiến và chương trình để giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và giảm nghèo.

Trong tổng thể, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi đã góp phần quan trọng vào việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới và giải quyết các vấn đề toàn cầu. Qua việc thể hiện cam kết đối với hòa bình và tôn trọng chủ quyền, tham gia vào các cuộc đối thoại và đàm phán xây dựng lòng tin, đảm bảo an ninh và ổn định toàn cầu, và đưa ra những góp ý thiết thực cho các vấn đề toàn cầu, Ấn Độ đã chứng minh vai trò tích cực của mình trong việc xây dựng một thế giới hòa bình và thịnh vượng.

4.2.1.4. Thúc đẩy nền kinh tế thế giới

Thúc đẩy lợi ích kinh tế được coi là nhiệm vụ ưu tiên của hơn 191 phái bộ và cơ quan ngoại giao ở nước ngoài của Ấn Độ, thông qua các phương tiện như phái đoàn thương mại, đề xuất đầu tư cá nhân và giải quyết các thắc mắc về thương mại. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy nền kinh tế thế giới. Với tầm nhìn đổi mới và những biện pháp kinh tế mạnh mẽ, Ấn Độ đã trở thành một đối tác quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế toàn cầu và đóng góp vào tăng trưởng bền vững và phát triển chung. Tổng giá trị thương mại song phương của Ấn Độ với 214 quốc gia đạt hơn 9.068 tỷ USD (2014 - 2024) [MEA, GoI, 2024a]

Ngoài quan hệ đối tác chiến lược và các hiệp định thương mại, Ấn Độ đã chiếm được lòng tin của các chính phủ, doanh nghiệp, nhà đầu tư, doanh nhân và nhà đổi mới quốc tế. Kết quả là Ấn Độ đã được tiếp cận với các hiệp định quốc phòng độc quyền, thông quan thương mại và các thị trường được bảo vệ trên toàn thế giới. Quyết tâm của Ấn Độ nhằm nâng cao tính dễ dàng trong kinh doanh thông qua nhiều cải cách trong nước kết hợp với chính sách ngoại giao đã dẫn đến dòng vốn FDI chảy vào mạnh mẽ, bên cạnh việc tạo ra các cơ hội sinh lợi cho nhiều bên liên quan. Điều này đã củng cố những lời hứa về tương lai của Thủ tướng N. Modi với nhân dân Ấn Độ và các đối tác.

Một trong những cách mà chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã góp phần vào thúc đẩy nền kinh tế thế giới là bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và thương mại. Ấn Độ đã đưa ra các biện pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, giảm quy định thủ tục hành chính, và tạo ra một môi trường thân thiện hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này đã thu hút sự quan tâm và đầu tư từ các công ty đa quốc gia và giúp Ấn Độ trở thành một trong những điểm đến hàng đầu cho các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việc mở rộng thị trường và tăng cường quan hệ thương mại với các quốc gia khác cũng đã tạo

ra cơ hội mới và mở rộng cơ sở sản xuất, góp phần vào tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Theo số liệu của Bộ Ngoại Giao Ấn Độ, Tổng vốn FDI vào Ấn Độ đạt gần 492 tỷ USD (2014 - 2024) [MEA, GoI, 2024a].

Qua việc tập trung vào xây dựng quan hệ đối tác kinh tế vững chắc với các quốc gia khác, Ấn Độ đã thực hiện các thỏa thuận thương mại tự do và ký kết các hiệp định kinh tế với nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới. Điều này đã giúp mở rộng thị trường xuất khẩu của Ấn Độ và tăng cường hợp tác kinh tế song phương và đa phương. Ấn Độ đã tạo ra cơ hội cho các công ty Ấn Độ tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và tăng cường năng lực cạnh tranh của mình trong ngành công nghiệp và dịch vụ. Đồng thời, việc gia tăng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ từ Ấn Độ đã tạo nguồn thu nhập và việc làm, góp phần vào tăng trưởng kinh tế thế giới.

Ngoài ra, chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng thúc đẩy việc hợp tác kỹ thuật và KH&CN với các nước khác. Ấn Độ đã tạo ra cơ hội hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin, năng lượng tái tạo, y tế và nông nghiệp. Việc chia sẻ kiến thức và kỹ thuật đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung và giúp giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác kinh tế vùng và khu vực. Ấn Độ đã tham gia vào các liên minh kinh tế như ASEAN, EAEU... tạo ra cơ hội hợp tác kinh tế và đầu tư trong khu vực ÁĐD - TBD. Điều này đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế vùng và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Có thể nói, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi đã đóng góp một phần quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế thế giới. Thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và thương mại, xây dựng quan hệ đối tác kinh tế vững chắc, hợp tác kỹ thuật và khoa học công nghệ, và thúc đẩy hợp tác kinh tế vùng và khu vực, Ấn Độ đã đóng vai trò tích cực trong việc tăng trưởng kinh tế toàn cầu và đóng góp vào sự phát triển chung của thế giới.

4.2.2. Tác động đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ

4.2.2.1. Thúc đẩy mối quan hệ song phương lên tầm cao mới

- Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận xét mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ “trong sáng như bầu trời không gợn bóng mây”. Cùng với việc hai bên chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ (1972), nâng cấp quan hệ song phương lên Đối tác toàn diện (2003) và

Đối tác chiến lược (2007), quan hệ hai nước trên các lĩnh vực liên tục phát triển. Khi Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền, ông đã kế thừa di sản tốt đẹp trước đó đồng thời phát huy và nâng cấp mối quan hệ này trở thành mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện (2016), đây được coi là dấu mốc quan trọng đưa quan hệ hai nước lên một tầm cao mới. Việt Nam được coi là trụ cột then chốt trong Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ (trụ cột chính - Singapore và trụ cột quan trọng - Thái Lan). Mối quan hệ chính trị - ngoại giao mạnh mẽ đã mở rộng toàn diện trên các lĩnh vực khác.

Có thể nói, quan hệ hai nước dưới thời Thủ tướng N. Modi đã có sự tăng tốc và cường độ. Nếu các chính phủ tiền nhiệm chủ yếu duy trì mối quan hệ tốt đẹp với Việt Nam thì Thủ tướng N. Modi đã tạo một lực đẩy mới và bước đột phá mới cho mối quan hệ, đưa Ấn Độ trở thành một trong 12 đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam. Sự tăng tốc trong quan hệ hợp tác giữa hai nước thể hiện ở chỗ, hai nước đã có những bước đột phá trong các chuyến thăm cấp cao lẫn nhau, các cơ chế đối thoại và hợp tác chiến lược. *Thứ nhất, các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao diễn ra thường xuyên hơn*, tần suất đã tăng lên và độ tin cậy chính trị ngày càng cao trên hầu hết các kênh từ Chính phủ tới Quốc hội, đảng phái chính trị và giao lưu nhân dân. Từ năm 2014 - 2024, có 07 chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống/Phó Tổng thống Ấn Độ (2014, 2018, 2019), Chủ tịch Hạ Viện (2015, 2021, 2022) và Thủ tướng N. Modi (2016). Về phía Việt Nam, có 07 chuyến thăm chính thức Ấn Độ của Chủ tịch nước/Phó Chủ tịch nước (2018, 2020), Thủ tướng Chính phủ (2014, 2018, 2024), Chủ tịch Quốc hội (2016, 2021). Ngoài ra còn có các chuyến thăm của các chính đảng và Hạ viện Ấn Độ cùng cấp bộ trưởng/thứ trưởng ngành của các bên. Các lãnh đạo cũng gặp nhau bên lề UNGA, IPU, COP, G20 và duy trì các kênh liên lạc như hội đàm trực tuyến, điện đàm. Sự gặp gỡ, trao đổi thường xuyên giữa lãnh đạo cấp cao hai nước thể hiện sự coi trọng quan hệ song phương và “lòng tin chiến lược” của hai nước đối với nhau. Sự phát triển quan hệ song phương được định hướng bởi “Tầm nhìn chung vì Hòa bình, Thịnh vượng và Con người” với Kế hoạch hành động (2020) và tinh thần “Năm hơn” (2024) [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2024]. *Thứ hai, cơ chế đối thoại song phương đa dạng hơn*. Hai bên đã thiết lập các cơ chế song phương như JCM cấp Bộ trưởng Ngoại giao và FOC; Tham vấn chính trị và Đối thoại Chiến lược cấp bộ trưởng cùng trao đổi nghị viện đã cung cấp khuôn khổ chính cho đối thoại song phương bao gồm tất cả các lĩnh vực cùng quan tâm. *Cuối cùng, hai bên có nhiều tương đồng trong quan điểm về các vấn đề khu vực và toàn cầu*, hai nước tăng cường hỗ trợ lẫn nhau về các

vấn đề chiến lược và chính trị. Việt Nam tích cực ủng hộ các sáng kiến khu vực và toàn cầu cũng như Chính sách “Hành động hướng Đông” và hoan nghênh Ấn Độ tham gia vào các vấn đề ÁDD - TBD thông qua cơ chế hợp tác khu vực; ủng hộ việc Ấn Độ tham gia UNSC với tư cách thành viên thường trực; Ấn Độ cũng ủng hộ con đường phát triển và chính sách của Việt Nam trên nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế.

- Tăng cường hợp tác trên lĩnh vực kinh tế

Hai nước đều lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm trong chiến lược phát triển quốc gia. Quan hệ kinh tế - thương mại song phương đã có sự thúc đẩy rất lớn kể từ khi Ấn Độ công bố “Make in India” (2014). Thương mại song phương giữa Ấn Độ và Việt Nam đã tăng trưởng ổn định trong những năm qua. Thương mại song phương đã tăng từ 237 triệu USD (2001 - 2002) lên 9,3 tỷ USD (2014 - 2015), giảm xuống thấp nhất 7,8 tỷ USD (2015 - 2016), duy trì ở mức 10 - 14,7 tỷ USD (2016 - 2023) và đạt đỉnh 14,8 tỷ USD (2023 - 2024). Cán cân thương mại nghiêng về Ấn Độ (2014 - 2018) và nghiêng về Việt Nam (2018 - 2024) [MEA, GoI, 2024ơ]. Ấn Độ là một trong 8 đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong khi Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 15 của Ấn Độ (2023) [IBEF, 2024f]. *Về đầu tư*, đầu tư của Ấn Độ vào Việt Nam khoảng 1,9 tỷ USD. Việt Nam chiếm vị trí thứ 94 về dòng vốn FDI vào Ấn Độ với tổng số vốn FDI tích lũy là 7,83 triệu USD (2000 - 2023) [IBEF, 2024f]. Năm 2024, Ấn Độ đã cam kết đầu tư các dự án có tổng số vốn khoảng 10 tỷ USD [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2024]. Tính đến năm 2024, Việt Nam có hơn 10 dự án đầu tư sang Ấn Độ với tổng vốn đầu tư ước tính hơn 30 triệu USD [Embassy of India, Hanoi, Vietnam, 2024]. Kể từ năm 2014, thương mại Ấn Độ - Việt Nam đã thể hiện các đặc điểm sau (1) Tổng khối lượng giao dịch có biến động song xu hướng chung là tăng trưởng tốc độ cao; (2) Thặng dư thương mại của hai nước đang dần được thu hẹp và tối ưu hóa hơn nữa quan hệ kinh tế - thương mại; (3) Thương mại song phương giữa hai nước ít chịu tác động của những biến động kinh tế thế giới.

- Tăng cường hợp tác trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Hợp tác an ninh giữa Việt Nam - Ấn Độ ngày càng được tăng cường và củng cố, thể hiện rõ nhất trong các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao và giữa các cơ quan an ninh của hai nước. Phía Bộ Công an Việt Nam cũng cử nhiều đoàn sang Ấn Độ để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm an ninh, nhất là việc áp dụng KH&CN vào công tác an ninh. Hai bên nhất trí thực hiện MOU giữa Bộ Công an Việt Nam và Hội đồng An ninh Quốc gia Ấn Độ (2016) và khởi động Đối thoại an ninh cấp thứ trưởng (2018 và 2023) nhằm tăng

cường hợp tác trong các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, cũng như triển khai các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực... Có thể thấy quan hệ hợp tác về an ninh đang tiến triển tốt và có sự tin cậy nhất định với sự hỗ trợ bước đầu của Ấn Độ, mặc dù đến nay chưa có thông tin về các tội phạm có tổ chức của Ấn Độ hoạt động ở Việt Nam và ngược lại [Nguyễn Hoàng Hải, 2021a].

Hợp tác quốc phòng, là điểm sáng trong quan hệ song phương, tuy hợp tác trên lĩnh vực này bắt đầu muộn hơn nhưng có tốc độ phát triển nhanh. *Đầu tiên*, các Tuyên bố “Tầm nhìn chung về Hợp tác Quốc phòng” (2015), “Tầm nhìn chung về Quan hệ Đối tác Quốc phòng Ấn Độ - Việt Nam hướng tới năm 2030” và “MOU về hỗ trợ hậu cần lẫn nhau” (2022) đã cung cấp phương hướng, động lực và thực chất mới cho sự hợp tác song phương. Cơ chế phòng thủ của hai bên hoàn thiện hơn, đối thoại quốc phòng thường xuyên hơn. Hai nước nhất trí tăng cường quan hệ đối tác chiến lược thống nhất với IPOI của Ấn Độ và AOIP của ASEAN về ÁDD - TBD. Nếu Chính sách “Hướng Đông” với hợp tác quốc phòng chủ yếu tập trung vào mua bán vũ khí, chia sẻ thông tin tình báo, tập trận chung trên biển, duy trì an ninh khu vực và chống tội phạm xuyên quốc gia thì Chính sách “Hành động hướng Đông”, hợp tác quốc phòng hai nước tiếp tục đi vào chiều sâu, quy mô và lĩnh vực hợp tác cũng đã được mở rộng, trình độ quốc phòng không ngừng được nâng cao và hợp tác quân sự được phát triển. Hợp tác quốc phòng thông qua một loạt các cơ chế như các chuyến thăm cấp cao, Đối thoại Chính sách Quốc phòng, Đối thoại An ninh cấp thứ trưởng; tham vấn được thể chế hoá giữa hai Bộ Quốc phòng với ba Quân chủng và Lực lượng Bảo vệ bờ biển Ấn Độ; hợp tác dịch vụ; các chuyến thăm của lực lượng hải quân; đào tạo và nâng cao năng lực cho quân đội; mua sắm trang thiết bị quốc phòng; chuyển giao công nghệ và hợp tác tại các diễn đàn khu vực, đa phương như UN, ASEAN, ARF, EAS và ADMM +. *Thứ hai*, hai nước chia sẻ quyền sở hữu và vận hành các hệ thống vũ khí có nguồn gốc từ Nga (Liên Xô cũ) như máy bay chiến đấu Su-30 MKI và tàu ngầm điện - diesel lớp Kilo; cung cấp thiết bị, phụ tùng có xuất xứ từ Nga để sửa chữa và nâng cấp tàu chiến lớp Petya, tàu tên lửa lớp OSA-II, xe tăng chiến đấu chủ lực T-54/55 và xe chiến đấu bộ binh BMP. MOA đào tạo và huấn luyện phi công cũng như hỗ trợ bảo dưỡng máy bay SuKoi-30MK2 (2016) được thông qua. Ấn Độ đã đào tạo 550 thủy thủ tàu ngầm cho Việt Nam để vận hành tàu ngầm tấn công Kilo do Nga chế tạo [Godbole, A., 2017]. Từ năm 2017, ITEC cung cấp gần 70 học bổng cho quân nhân Việt Nam tại nhiều cơ sở đại học/học viện quốc phòng Ấn Độ [MEA, GoI, 2024σ]. *Thứ ba*, nỗ

lực tăng cường vũ khí phòng thủ của cả hai nước tạo thành một chủ đề chung trong hợp tác. Với mục tiêu mở rộng, hiện đại hóa, nâng cao năng lực tác chiến của các lực lượng vũ trang đồng thời tăng cường và nâng cấp quan hệ quốc phòng, an ninh với các đối tác nhằm đối phó với các thách thức an ninh tại khu vực và trên thế giới (bao gồm Trung Quốc), cả hai đã không ngừng gia tăng ngân sách quốc phòng. Ấn Độ đang xem xét việc xuất khẩu sang Việt Nam các hệ thống và vũ khí phòng thủ như hệ thống tên lửa, máy bay không người lái (UAV), máy bay giám sát Dornier, máy bay chiến đấu hạng nhẹ (LCA), xe tăng Arjun Mk-2, T-72 nâng cấp, pháo tự hành, SONAR..tùy thuộc vào theo yêu cầu từ phía Việt Nam. Ấn Độ tạo thêm xung lực phát triển mới khi cung cấp khoản tín dụng quốc phòng trị giá 100 triệu USD (2014 - 2015), 500 triệu USD (2020 -2021) và 300 triệu USD (2024 - 2025) cho Việt Nam để mua các hệ thống phòng thủ của Ấn Độ, nâng tổng hạn mức tín dụng lên 991,5 triệu USD (2001 - 2024) [MEA, GoI, 2024σ]. Nhằm hiện thực hóa các cam kết về hợp tác quốc phòng, Ấn Độ đã ký kết Hiệp định đóng tàu tuần tra cho Cảnh sát biển và xem xét việc bán tên lửa BrahMos, Akash, Astra, Prahar cùng ngư lôi chống ngầm Varunastra cho Việt Nam, giúp gia tăng khả năng phòng vệ. 12 tàu tuần tra cao tốc xa bờ do Ấn Độ chế tạo đã bàn giao cho Việt Nam (2022). Năm 2023, Ấn Độ đã tặng Việt Nam tàu hộ vệ tên lửa INS Kirpan, đây cũng là lần đầu tiên Ấn Độ tặng một tàu hộ vệ đầy đủ vũ khí cho một “quốc gia thân thiện nước ngoài”, phản ánh mối quan hệ đối tác chiến lược ngày càng tăng giữa hai nước [Embassy of India, Hanoi, Vietnam, 2024].

Thứ tư, mở rộng hợp tác và chuyển giao công nghệ. Hội nghị Gặp gỡ Doanh nghiệp Quốc phòng lần thứ IV (2018) đã góp phần quan trọng vào hiện thực hóa hợp tác nghiên cứu, chế tạo và chuyển giao công nghệ, mua sắm trang thiết bị quốc phòng, hợp tác công nghiệp quốc phòng và đào tạo nguồn nhân lực - là tiền đề để mở ra các cơ hội đầu tư kinh doanh mới cho cả hai phía. Ngoài việc bán vũ khí, hai nước tiếp tục sử dụng các kênh ngoại giao không chính thức, các biện pháp xây dựng lòng tin và các cuộc tập trận chung nhằm tăng cường hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Tính đến năm 2024, hai nước đã tổ chức 14 cuộc tập trận/diễn tập hàng hải song phương [Embassy of India, Hanoi, Vietnam, 2024]. Qua hợp tác với Việt Nam trên biển, Ấn Độ cũng muốn truyền thông điệp đến các nước bạn bè khác của mình rằng, Ấn Độ cam kết tuân thủ các quy tắc toàn cầu và thúc đẩy hòa bình, ổn định ở khu vực Á-ĐD - TBD, bao gồm cả việc giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông.

- Tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực khác

Về đối tác phát triển, Ấn Độ có quan hệ đối tác phát triển lâu dài với Việt Nam. Kể

từ năm 2017, Ấn Độ đã thực hiện các Dự án Tác động Nhanh (QIP) tại Việt Nam để phát triển cơ sở hạ tầng cộng đồng. Từ năm 2020, Ấn Độ đã quyết định nâng số lượng dự án QIP từ 5 lên 10 dự án/năm tại Việt Nam. Cho đến nay, 37 dự án QIP được hoàn thành tại 23 tỉnh của Việt Nam và 10 dự án khác đang ở giai đoạn hoàn thiện tại 10 tỉnh khác, 10 dự án khác đang ở trong quá trình hoàn thiện thủ tục và xin xét duyệt từ chính phủ hai nước. [Embassy of India, Hanoi, Vietnam, 2024]. Về văn hóa, giáo dục và ngoại giao nhân dân, từ năm 2014 - 2024, hai nước đã phối hợp tổ chức nhiều chương trình hoạt động văn hóa có ý nghĩa như chương trình biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim truyền hình Ấn Độ. Đáng chú ý, sự kiện “Ngày Quốc tế Yoga” đã được tổ chức tại nhiều tỉnh/thành tại Việt Nam (2015 - 2024). Hai nước cũng có các hoạt động trao đổi thường xuyên ở cấp tỉnh, các viện nghiên cứu, các cơ quan cổ vấn và đoàn thanh niên. Kết nối con người thông qua Phật giáo có thể xem là điển hình cho sự gắn bó sâu sắc giữa hai nước. Việc thành lập các Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ (2014) và Trung tâm Văn hóa Ấn Độ (2016) tại Hà Nội cùng Trung tâm nghiên cứu Việt Nam tại New Delhi (2018) góp phần tăng cường hiểu biết và giao lưu văn hóa giữa hai nước cũng như quảng bá “sức mạnh mềm” của Ấn Độ. Hợp tác giữa các viện nghiên cứu, các tổ chức giáo dục và thanh niên góp phần thúc đẩy trao đổi cấp nhân dân. Từ năm 2018, Ấn Độ đã tăng số học bổng hàng năm lên 230 suất cho Việt Nam (ITEC và ICCR). Việt Nam cũng bắt đầu có học bổng cho sinh viên Ấn Độ nhưng số lượng còn ít. Ấn Độ cam kết tiếp tục dành nhiều suất học bổng cho Việt Nam và các suất học bổng đặc biệt nghiên cứu về Phật học tại Ấn Độ. Ấn Độ tuyên bố hỗ trợ Việt Nam 05 triệu USD để xây dựng Công viên Phần mềm ở Nha Trang. Năm 2019, hai nước cũng đã ký MOU về hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu khoa học [Nguyễn Hoàng Hải, 2021a]. Về khoa học công nghệ, chứng kiến những tiến bộ lớn, đặc biệt trong nhiều lĩnh vực như IT, viễn thám và vũ trụ, sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình và nông nghiệp. Do nhu cầu phát triển, nội dung hợp tác mở rộng ra một số lĩnh vực mới như KH&CN về dự báo thời tiết, công nghệ vật liệu...; nổi bật nhất là hợp tác năng lượng hạt nhân với việc ký Hiệp định Khung về Hợp tác sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và MOU giữa Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam và Trung tâm Năng lượng hạt nhân toàn cầu Ấn Độ. Ấn Độ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam về đào tạo nguồn nhân lực CNTT và viễn thông. MOA về không gian cho phép hai bên xúc tiến hợp tác trong lĩnh vực này. Về du lịch, từ năm 2019, hai nước có đường bay thẳng kết nối các thành phố lớn và các trung tâm du lịch. Số khách Ấn Độ đến Việt Nam đạt

hơn 130 nghìn lượt (2019), khoảng 138 nghìn lượt (2022) và 392 nghìn lượt (2023) [Nguyễn Hoàng Hải, 2021a] [VOV, 2024]. *Về y tế và nhân đạo*, Ấn Độ đã tích cực hỗ trợ Việt Nam trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 bằng việc hỗ trợ 300 máy tạo oxy và 100 tấn oxy y tế lỏng, 01 triệu liều vaccine Remdesivir. Hai nước cũng ký kết MOA về thử nghiệm và sản xuất vaccine Nano Kovax [Embassy of India, Hanoi, Vietnam, 2024]. Ấn Độ đã gửi 35 tấn vật dụng thiết yếu trị giá 01 triệu USD để Việt Nam khắc phục hậu quả của bão Yagi (2024) [Minh Thu, 2024]. *Về cộng đồng hải ngoại*, khoảng 8.500 người Ấn Độ đang sinh sống tại Việt Nam. Hầu hết là các chuyên gia làm việc trong các công ty và lĩnh vực như CNTT, khách sạn/nhà hàng, khai thác mỏ, cơ sở yoga, hàng không dân dụng và trường học [MEA, GoI, 2024σ].

Có thể thấy, mối quan hệ giữa hai nước đã phát triển đáng kể trong thời gian qua, hình thành mối quan hệ chiến lược toàn diện. Cả hai đã tìm thấy sự song trùng về kinh nghiệm đối ngoại và nhu cầu thực tế trong hợp tác, cụ thể (1) Chính sách đối ngoại của hai nước đều có khát vọng chiến lược nhằm cân bằng quyền lực, Ấn Độ hy vọng Việt Nam là cầu nối giúp Ấn Độ mở rộng hoạt động sang Đông Bắc Á và Nam TBD, giúp kiềm chế Trung Quốc và gia tăng ảnh hưởng tại Nam Á. Phía bên này, Việt Nam mong muốn đóng vai trò lớn hơn trong ASEAN và có tiếng nói hơn trên chính trường quốc tế; kiềm chế sự bành trướng của Trung Quốc tại biển Đông; bảo vệ lợi ích chính trị và kinh tế trong bối cảnh quốc tế có nhiều bất ổn; (2) Đảng Cộng sản Việt Nam và các chính đảng tại Ấn Độ đều có chung quan điểm coi trọng mối quan hệ hữu nghị truyền thống này; (3) Hai nước đều đang đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế, đổi mới, tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế; (4) Hai nước có những kinh nghiệm lịch sử như từng là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc và giành được độc lập; đã và đang có những tranh chấp về vấn đề biên giới với Trung Quốc và có quan điểm khá tương đồng về các vấn đề khu vực và quốc tế; (5) Hai nước đều quan tâm vấn đề an ninh năng lượng và an ninh lương thực.

4.2.2.2. *Tạo ra thách thức trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ*

Sự nổi lên của Trung Quốc như một cường quốc kinh tế và quân sự đã làm thay đổi cán cân quyền lực trong khu vực theo hướng lấy Trung Quốc làm trung tâm hơn. Các quốc gia ở châu Á đang điều chỉnh lại chính sách của mình để xây dựng mối quan hệ song phương và đa phương nhằm tạo ra sự cân bằng trong cán cân quyền lực, trong đó có Việt Nam. Việc Ấn Độ tìm kiếm vị thế cường quốc toàn cầu đã khiến Bắc Kinh phải cảnh giác. Trung Quốc nhận thức rằng châu Á có thể là “chiến trường quan trọng để định hình các

mô hình quốc tế trong tương lai” [Yuyan, Z., Weijiang, F., Wei, L., 2020]. Phát triển kinh tế và hiện đại hóa quân sự của Ấn Độ cũng như sự thay đổi bản chất trong định vị toàn cầu từ cân bằng thành cường quốc dẫn đầu là thách thức đối với quan điểm của Trung Quốc về tranh chấp quyền lực khu vực và toàn cầu, khi mà nước này cũng đang thúc đẩy ngoại giao kết nối để mở rộng ảnh hưởng trong khu vực và toàn cầu. Trên thực tế, chính sách đối ngoại của Trung Quốc mang đặc trưng bởi sự “quyết đoán, phối hợp và đa dạng hóa trên các công cụ và mục tiêu quản lý nhà nước” [Blackwill, R. D., Campbell, K. M., 2016]. Trung Quốc cũng lo ngại về việc Ấn Độ tăng cường hoạt động thông qua việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và tăng cường hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Việt Nam. Sự hỗ trợ của Ấn Độ nhằm nâng cao năng lực quốc phòng của Việt Nam thực chất là tìm kiếm các thị trường để xuất khẩu sản phẩm vũ khí nội địa của Ấn Độ. Hạn mức tín dụng 500 triệu USD (2016) chính là khoản đầu tư theo thời gian thực của Chính phủ Thủ tướng N. Modi nhằm hiện thực hóa kết quả của chính sách “Make in India”.

Phản ứng lại sự can thiệp gián tiếp của Ấn Độ vào khu vực thông qua việc bán vũ khí cho Việt Nam, Trung Quốc đã tăng cường hợp tác và đầu tư vào CPEC cũng như vào dự án sản xuất quốc phòng ở Pakistan để kiềm chế Ấn Độ trong phạm vi Nam Á.

Việc Trung Quốc triển khai tàu và tàu ngầm ở khu vực ÁĐD (IOR) là nguyên nhân gây lo ngại lớn ở Ấn Độ, quốc gia vốn lo ngại bị Trung Quốc bao vây. Để đối phó với Trung Quốc, hải quân Ấn Độ đã bắt đầu các chuyến thăm cảng thường xuyên với các quốc gia thân thiện như Việt Nam. Là một phần của Chính sách "Hành động hướng Đông", Ấn Độ hướng tới phát triển mối quan hệ thực chất hơn với các quốc gia đang có tranh chấp với Trung Quốc ở Biển Đông như Việt Nam đồng thời tìm cách gây áp lực lên Bắc Kinh trên mặt trận hàng hải ở khu vực đầy rẫy xung đột và các yêu sách lãnh thổ chồng chéo. Chiến lược hàng hải của Ấn Độ đang ngày càng chuyển sang kiểm soát trên biển và ngoại giao hải quân hướng tới tương lai. Việt Nam đã nổi lên là một quốc gia trọng tâm trong Chính sách "Hành động hướng Đông" của Ấn Độ và là đối tác chiến lược trong việc chống lại tham vọng trên biển của Trung Quốc. Ấn Độ không có lợi ích trực tiếp trong tranh chấp hàng hải ở Biển Đông, nhưng Ấn Độ ngày càng coi hành vi hung hăng của Trung Quốc ở đây là dấu hiệu báo hiệu các hành động của Trung Quốc ở khu vực ÁĐD (IOR) và trong tranh chấp biên giới gây tranh cãi cao ở dãy Himalaya. Với tầm nhìn đó, Ấn Độ tích cực nêu các vấn đề liên quan đến Biển Đông trong hoạt động đối ngoại cũng như tiến hành hỗ trợ năng lực cho các nước ven biển. Việt Nam cũng đang rất chú

trọng đến động thái chính sách, lập trường của Ấn Độ đối với khu vực cũng như Biển Đông và đang tận dụng chính sách của Ấn Độ để tăng cường hợp tác giữa hai nước, đặc biệt là ở Biển Đông. Triển vọng hợp tác giữa hai nước trong tương lai chắc chắn được mở rộng hơn nữa khi cả hai nước đều hiểu rõ chính sách và nhu cầu của nhau. Tuy nhiên, Việt Nam cần thực hiện linh hoạt chính sách “cân bằng động” trong quan hệ với các nước lớn, để duy trì môi trường bên ngoài hòa bình, ổn định, lấy quan hệ với Ấn Độ để tăng thêm thế trong xử lý quan hệ với Trung Quốc và ngược lại, tránh rơi vào tình huống bị “kẹt” và “chọn bên”.

Giả sử, nếu xảy ra căng thẳng giữa Ấn Độ - Trung Quốc, Việt Nam có thể sẽ phần nào gặp khó khăn trong việc duy trì thế cân bằng trong quan hệ kinh tế với cả hai nước. Mặc dù tương quan lực lượng Trung - Ấn thời gian qua đang diễn biến có phần nghiêng về Trung Quốc, sự chủ động thuộc về phía Trung Quốc, song tương lai quan hệ Ấn - Trung còn phụ thuộc vào nhiều biến số và ẩn số chưa thể lường trước. Việc Ấn Độ điều chỉnh chính sách theo hướng tự tin, thách thức Trung Quốc tạo ra nhiều hệ lụy đối với Việt Nam. Bởi hiện nay, Ấn Độ là một trong những quốc gia ở châu Á thể hiện quan điểm ngăn ngừa Trung Quốc áp đặt bá quyền khu vực. Khả năng Trung Quốc sẽ có những bước đi quyết liệt hơn, ảnh hưởng tới nguyên trạng khu vực Biển Đông là điều phải lường trước. Điều quan trọng là, dù hình thái quan hệ Ấn - Trung như thế nào, thì Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng, giữa một bên là Ấn Độ - đối tác an ninh tin cậy với một bên là Trung Quốc - láng giềng lớn nhất và cũng là đối tác thương mại lớn nhất. Vì vậy, Việt Nam chỉ có thể tự điều chỉnh chính sách, chuẩn bị để ứng phó với các kịch bản khác nhau nhằm phục vụ tốt nhất lợi ích quốc gia, hạn chế tối thiểu những tác động bất lợi.

Ngoài ra, căn cứ vị trí địa - chiến lược đặc thù của Việt Nam, đối sách hợp lý nhất của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn là chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đồng thời thực hiện linh hoạt chính sách “cân bằng động” trong quan hệ với các nước lớn. Nếu nghiêng hẳn về một nước lớn, có nghĩa là giá trị chiến lược của Việt Nam trong toan tính của các nước lớn khác sẽ không còn, thậm chí gây ra phản ứng cực đoan nếu hai nước lớn là đối thủ chiến lược. Là nước nhỏ nằm sát với Trung Quốc, Việt Nam không thể lựa chọn một chính sách đối ngoại mang tính đối đầu với Trung Quốc hoặc tham gia vào các tập hợp lực lượng nhằm kiềm chế Trung Quốc một cách công khai, trực diện.

Xu hướng tích cực không có nghĩa là không có thách thức. Cả hai nước đều cho rằng khối lượng và mức độ hợp tác kinh tế như hiện nay là chưa đủ. Thái độ của Việt Nam đối

với một số dự án khu vực có sự tham gia của Ấn Độ là thận trọng. “Yếu tố Trung Quốc” một mặt thúc giục Việt Nam và Ấn Độ hợp tác với nhau, nhưng mặt khác cũng khiến hai bên thực sự phải chú ý khi tiến hành đối thoại song phương với sự thận trọng đặc biệt “tôn trọng ranh giới đỏ”.

Trong một số tình huống nhất định, như khi xảy ra chiến tranh, xung đột trực tiếp hay gián tiếp giữa các nước lớn, với vị trí địa - chiến lược của mình, Việt Nam sẽ có thể bị đẩy vào thế khó nếu vẫn muốn kiên trì chính sách “cân bằng động”. Khi đó, Việt Nam cần tỉnh táo đánh giá, dự báo về cục diện để có những quyết sách ứng phó phù hợp nhất, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc. Tương tự, nếu xảy ra xung đột từ các tranh chấp biển, đảo, Việt Nam cần có những chính sách ưu tiên nhằm bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chiến lược của Việt Nam.

4.3. Dự báo chiều hướng triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thời gian tới

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ là chính sách của một cường quốc tầm trung vì Ấn Độ có sức mạnh và ảnh hưởng mạnh mẽ trong khu vực, đồng thời có vai trò quan trọng trong các vấn đề toàn cầu. Tuy nhiên, không giống như các siêu cường như Mỹ hay Trung Quốc, Ấn Độ chưa có khả năng tạo ra các luật chơi quốc tế, mà chủ yếu tập trung vào các lợi ích khu vực, phát triển kinh tế, và duy trì sự độc lập trong chính sách đối ngoại của mình. Với cơ sở này tác giả sẽ đưa ra dự báo về chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong hai thập kỷ tới (đến năm 2047) trên góc độ là một cường quốc tầm trung và bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài, bên trong quốc gia.

Trong tương lai, bối cảnh quốc tế có thể sẽ thay đổi nhanh chóng và cực kỳ phức tạp cả về địa chính trị và địa kinh tế. *Trên lĩnh vực địa chính trị*, thế giới vẫn sẽ phát triển theo xu hướng hình thành trật tự “đa cực” và không một quốc gia hay cường quốc nào có thể chi phối toàn bộ hệ thống quốc tế như đã từng tồn tại trong quá khứ. Tuy vậy, tương quan lực lượng giữa các nước lớn sẽ có sự thay đổi. Trung Quốc có khả năng sẽ ngày càng rút ngắn sự chênh lệch sức mạnh với Mỹ và cả hai nước có thể tiếp tục kiểm soát lẫn nhau bằng việc theo đuổi chính sách kiềm chế. Mặt khác, Nga sẽ suy yếu sau cuộc chiến Ukraine. Sự trỗi dậy của Đức và Nhật Bản với tư cách là những nhân tố chủ chốt trong các vấn đề toàn cầu là điều không thể tránh khỏi trong tương lai gần. Anh và Pháp có thể sẽ trở nên quyết đoán hơn, trở thành các chủ thể riêng biệt và ít phụ thuộc hơn vào Mỹ. SAARC, EU, ASEAN và các tổ chức khu vực tương tự có thể gặp khó khăn bởi mối liên

kết lỏng lẻo và kém hiệu quả. Do đó, Ấn Độ sẽ phải có chiến lược liên kết thận trọng với tất cả các bên tham gia đó. Sự trỗi dậy của Ấn Độ đã diễn ra trong hòa bình và do đó, Ấn Độ cũng nên tiếp tục duy trì hòa bình để phấn đấu trở thành một siêu cường “thân thiện” trong mắt bạn bè quốc tế, từ đó tăng cường hợp tác hơn nữa trong tương lai. Theo quan điểm của Ấn Độ, sự định hình của trật tự thế giới đa cực về cơ bản có lợi cho sự phát triển của Ấn Độ. Cho dù có gọi nó là một đại chiến lược hay không, thì chiến lược “đa liên kết” về cơ bản sẽ đảm bảo quyền tự chủ chiến lược nhất định và mang đến nhiều lợi ích nhất cho Ấn Độ trong tương lai. Ấn Độ cũng là một trong những quốc gia trên thế giới đã quản lý được mâu thuẫn giữa các cường quốc khác trong hệ thống quốc tế, dù đó là trong thời kỳ “không liên kết” hay hiện tại. Thậm chí, quốc gia này còn có thể xây dựng mối quan hệ hợp tác với các quốc gia ở cả hai phía đối lập. Vì vậy, về cơ bản, điều Ấn Độ cần lưu tâm là quản lý tốt mối quan hệ của mình với Mỹ và Trung Quốc, ngay cả khi có một mức độ lưỡng cực nhất định đang nổi lên giữa hai cường quốc này. Xét mối quan hệ của Ấn Độ với các cường quốc mới nổi khác hoặc các nước ASEAN, Ấn Độ đang ở một vị thế khá thuận lợi. Mối quan hệ của Ấn Độ với các quốc gia ở Tây Á đã có sự tiến triển, Ấn Độ đã quản lý được mối quan hệ Israel và Ai Cập, Iran và Saudi Arabia.

Tác giả cho rằng vấn đề lớn nhất của Ấn Độ vẫn đang nằm ở khu vực Nam Á - nơi có sự góp mặt của Pakistan. Làm thế nào để Ấn Độ “đối phó” được với Pakistan? Sẽ không nảy sinh bất kỳ vấn đề gì với các nước nhỏ ở Nam Á, Ấn Độ sẽ có thể cùng họ đi “chung đường” nhưng Ấn Độ vẫn sẽ phải giải quyết bài toán khó với Pakistan khi mà nội bộ và chính sách đối ngoại của Pakistan đang thực sự có vấn đề.

Ngoài ra, những xu hướng “tiêu cực” xuất hiện trong hệ thống như chiến tranh và xung đột gia tăng, kéo dài; chính trị nội bộ của nhiều quốc gia bất ổn do sự can thiệp của các nước lớn với thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, nhiều nước nhỏ có thể bị cuốn vào vòng xoáy cạnh tranh chiến lược những các nước lớn...cũng là những rào cản lớn với chính sách đối ngoại của ông N. Modi.

Trên lĩnh vực địa kinh tế, xu hướng hội nhập và hợp tác quốc tế vẫn sẽ tiếp tục là xu hướng chủ đạo, song sẽ phát sinh những vấn đề tiêu cực như lạm phát toàn cầu đang có chiều hướng tăng cao, kinh tế thế giới suy thoái và cần thời gian để hồi phục, sự phụ thuộc vào nền kinh tế giữa các quốc gia... Do đó, tốc độ tăng trưởng của các quốc gia trên thế giới có thể sẽ biến động lớn và phải sắp xếp lại thứ tự. Thủ tướng N. Modi đã đặt mục tiêu đưa Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới trong nhiệm kỳ thứ ba của ông [Báo

Đầu tư, 2024]. Bên cạnh đó, theo dự báo của Ngân hàng dự trữ Ấn Độ (RBI), nước này có thể trở thành nền kinh tế lớn thứ hai vào năm 2031 và lớn nhất thế giới vào năm 2060 nếu tăng trưởng với tốc độ 9,6%/năm trong 10 năm tới [Ngọc Thúy, 2024]. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo về PPP, Ấn Độ sẽ vượt Mỹ vào năm 2048 để trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới [Ngọc Thúy, 2024]. Tác giả cho rằng, dự báo Ấn Độ trở thành nền kinh tế thứ hai sẽ khó thực hiện được vì GDP hiện tại của Ấn Độ mới chạm ngưỡng 3,568 tỷ USD (2023) [World Bank, 2024b], trong khi nền kinh tế thứ hai thế giới Trung Quốc đã chạm mức 17,7 nghìn tỷ USD (2023) [Phương Linh, 2024]. Chênh lệch lớn này khiến Ấn Độ rất khó có thể đuổi kịp Trung Quốc trong hai thập kỷ tới. Thay vào đó, tác giả nhận định Ấn Độ có tiềm năng vượt Nhật Bản và Đức (hai nước có GDP lần lượt là 4,2 nghìn tỷ và 4,4 nghìn tỷ USD (2023) [Phương Linh, 2024]) để trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới trong 1-2 thập kỷ tới với những lợi thế bẩm sinh về nhân lực và sức sản xuất. Song dù tăng trưởng về GDP lên vị trí lên thứ ba toàn cầu, nhưng nếu Ấn Độ không thể cải thiện mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người phù hợp, thì tất cả người dân Ấn Độ sẽ không thể thoát khỏi đói nghèo và vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ thời gian tới chủ yếu sẽ bị ảnh hưởng với các yếu tố bên ngoài nêu trên. Còn trong nội bộ Ấn Độ, dù Đảng BJP của ông không đạt được đa số tuyệt đối trong Quốc hội như hai nhiệm kỳ trước đó và xu hướng bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi Đảng liên minh. Song xét trên cấp độ quốc gia, tác giả dự đoán chính sách Ấn Độ sẽ bị ảnh hưởng nhiều trong khía cạnh đối nội, còn khía cạnh đối ngoại sẽ ít có sự xáo trộn và vẫn đi theo định hướng của các nhiệm kỳ trước đó vì bộ ngoại giao Ấn Độ vẫn nằm trong tầm kiểm soát của ông N. Modi. Mặc dù vậy, khi có những sáng kiến đối ngoại mới và đưa ra thảo luận, ông N. Modi có thể gặp ít nhiều trở ngại. Cùng với đó, chủ nghĩa dân tộc Hindu vẫn sẽ là công cụ hữu ích để ông N. Modi áp dụng nhằm tăng cường tính đoàn kết dân tộc trong các quyết sách đối ngoại Ấn Độ và tranh thủ được sức mạnh cộng hưởng của người Ấn tại nước ngoài.

Dự báo trong hai thập kỷ tới (2047), Ấn Độ sẽ tiếp tục tập trung giải quyết 03 vấn đề trọng tâm trong chính sách đối ngoại.

Thứ nhất, đó là phát triển Ấn Độ lớn mạnh một cách toàn diện. Hiện nay, người Trung Quốc có thể tự tin nói về sức mạnh quốc gia toàn diện của họ nhưng Ấn Độ thì chưa thể. Điều Ấn Độ cần làm trong các thập kỷ tới là phát triển đất nước thịnh vượng về

mọi mặt như kinh tế, công nghệ, văn hóa, xã hội, và quan trọng nhất là văn minh. Không chỉ đưa thương hiệu Ấn Độ bước ra vũ đài thế giới theo khát vọng của dân chúng, mà trước hết là đưa các giá trị và thành quả của phát triển kinh tế đến cho tất cả toàn bộ người dân Ấn Độ được thụ hưởng, nâng cao phúc lợi tinh thần cho người dân và trung thành với những giá trị văn minh của dân tộc. Để đạt được những mục tiêu này, Ấn Độ sẽ cần tăng cường mở rộng thị trường, tăng cường kết nối đa phương, bao gồm cả các quốc gia đối tác có sự khác biệt với nhau như Mỹ và Nga. Ấn Độ sẽ nỗ lực đảm bảo kết nối xuyên biên giới để tạo điều kiện cho chuỗi cung ứng được vận hành thông suốt, đặc biệt là đối với các nguồn lực quan trọng như năng lượng. Ấn Độ sẽ tham gia sâu rộng vào các lĩnh vực quan trọng như đảm bảo các nhu cầu cơ bản; tăng cường thông tin quan trọng; tăng cường quốc phòng; và trao quyền cho nghiên cứu, thiết kế và đổi mới. Nó cũng sẽ mở rộng sản xuất, đầu tư vào các công nghệ quan trọng và hiệu quả, và tiến hành ngoại giao hiệu quả để tăng cường hợp tác quốc tế.

Mặt khác, FTA rất quan trọng đối với Ấn Độ để tăng xuất khẩu, thu hút FDI và đảm bảo các công nghệ có giá trị. Dự báo Ấn Độ sẽ tiếp tục với các FTA mới và muốn kết thúc FTA với Anh, EU, Bangladesh, cùng nhiều nước khác. Bên cạnh đó, có khả năng sẽ kết thúc việc xem xét các FTA với ASEAN. Các quốc gia sẽ quan tâm nhiều hơn đến các hiệp định thương mại trong các lĩnh vực kinh tế số và thương mại điện tử. Nga và Trung Quốc là những quốc gia mà Ấn Độ không có bất kỳ FTA nào, trong khi Ấn Độ phụ thuộc rất nhiều vào họ vì lý do an ninh và kinh tế. Nga là nguồn năng lượng mới của Ấn Độ. Các dự án như INSTC hoặc Hành lang Hàng hải Chennai-Vladivostok có tiềm năng to lớn để chuyển đổi quan hệ đối tác với Nga. Trung Quốc đang chậm lại.

Cùng với việc mở rộng thị trường và tăng cường FTA, Ấn Độ tiếp tục thúc đẩy sáng kiến “Make in India” để nâng cao năng lực sản xuất trong nước, qua đó giúp hạn chế các tác động từ bên ngoài hệ thống ảnh hưởng.

Thứ hai, đó là nỗ lực giải quyết triệt để các vấn đề liên quan đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Đây là điều mà suốt bao năm qua Ấn Độ chưa thể hoàn thành. Quốc gia này đã phải đối mặt với rất nhiều những thách thức và đe dọa từ biên giới theo nhiều cách, song điều đáng lo ngại nhất là đường biên giới của Ấn Độ chưa có sự nhất trí công nhận từ cộng đồng quốc tế. Do đó, đây sẽ là một nhiệm vụ quan trọng mà Ấn Độ phải chú trọng và sớm hoàn tất để mang lại lợi ích cho dân tộc. Cụ thể:

* *Quản lý Trung Quốc*: Các ưu tiên trước mắt về chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia sẽ bao gồm thách thức quan trọng nhất, tức là quản lý quan hệ với Trung Quốc. Dự báo New Delhi sẽ tiếp tục thúc đẩy nguyên trạng trước đó trên Đường Kiểm soát như một điều kiện tiên quyết cần thiết để bình thường hóa quan hệ. Ấn Độ sẽ tiếp tục tăng cường cơ sở hạ tầng biên giới và kết nối. Điều đáng chú ý là đảng cầm quyền ở trung tâm (tức là BJP) cũng nắm quyền ở các tiểu bang biên giới như Ladakh (một lãnh thổ liên bang ở khu vực phía tây), Uttarakhand (ở khu vực giữa) và Sikkim và Arunachal Pradesh (ở khu vực phía đông) dọc theo Đường Kiểm soát. Ấn Độ cũng sẽ tham gia vào việc tăng cường các sáng kiến về tự do hàng hải và biển khơi ở Ấn Độ và khu vực Ấn Độ - TBD rộng lớn hơn, và đặc biệt sẽ đẩy mạnh nếu Trung Quốc tiếp tục gây sức ép đơn phương với Ấn Độ về biên giới trên bộ.

* *Đối phó với Pakistan*: Dự báo Ấn Độ sẽ tiếp tục thúc đẩy Pakistan chấm dứt hỗ trợ cho chủ nghĩa khủng bố xuyên biên giới trước khi bắt đầu nối lại đối thoại. Không thể loại trừ khả năng sẽ có một kênh liên lạc bí mật cho các cuộc đàm phán với chính quyền S. Sharif, tránh xa sự giám sát của giới truyền thông và cộng đồng quốc tế.

Thứ ba, đó là tìm kiếm vị trí thực sự và xứng đáng của Ấn Độ trong hệ thống quốc tế và trật tự toàn cầu, từ “Vishwa Bandhu” (người bạn của thế giới) hướng tới “Viksit Bharat” (Ấn Độ thịnh vượng) trong 25 năm tới. Điều này không chỉ đơn thuần về mặt sức mạnh kinh tế hay quân sự, mà là những gì Ấn Độ có thể mang lại cho thế giới để tiến đến một vị trí xứng tầm. Một thế giới đa cực đang nổi lên nhưng đó là đa cực đang tranh chấp, điều này tác động đến Ấn Độ theo hai thái cực. Ở thái cực đầu tiên, tính đa cực mang đến cho Ấn Độ nhiều không gian hơn để phát triển và quốc gia này nên biết cách tận dụng với trách nhiệm cao hơn. Tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu sẽ giúp Ấn Độ trở thành nền kinh tế thứ ba thế giới. Vai trò lãnh đạo của Ấn Độ về các vấn đề toàn cầu trong tình hình bất ổn này sẽ được tất cả các đối tác hoan nghênh. Tuy nhiên, ở thái cực thứ hai, tính đa cực đe dọa đến việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ thông qua đe dọa quân sự, đe dọa hạt nhân và các vấn đề an ninh phi truyền thống. Những vấn đề cụ thể như biến đổi khí hậu, cải cách các tổ chức đa phương, an ninh năng lượng và lương thực, kiềm chế lạm phát... cần được xử lý cẩn thận. Hợp tác với Nam bán cầu, Ấn Độ tiếp tục thúc đẩy lợi ích của các nước đang phát triển thông qua BRICS hoặc IBSA. Sẽ là thành tựu to lớn nếu Ấn Độ đảm bảo được việc gia nhập UNSC với tư cách là thành viên thường trực.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh các ưu tiên trong chính sách, cụ thể như:

* *Chính sách “Láng giềng trước tiên”*, Ấn Độ sẽ tiếp tục ưu tiên quan hệ với các nước láng giềng, việc mời lãnh đạo của các quốc gia Nam Á tới tham dự lễ nhậm chức đã minh chứng điều đó bất chấp những biến đổi phức tạp trong khu vực và trên thế giới. Tại Maldives, Tổng thống M. Muizzu đã thành công trong việc loại bỏ sự hiện diện quân sự hạn chế của Ấn Độ trong bối cảnh ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trên hòn đảo này. Quyền lực ở Nepal, vốn đã thay đổi quá thường xuyên trong những năm qua, dẫn đến bất ổn chính trị, hiện nằm trong tay các đảng cánh tả do P. Dahal (Prachanda) lãnh đạo trong liên minh với KP Oli, người trước đây là Thủ tướng có tư tưởng “bài Ấn Độ”. Sri Lanka vẫn đang phục hồi sau những khó khăn kinh tế và có nghĩa vụ trả nợ với Trung Quốc, đây là mối quan ngại lớn của Ấn Độ. Tương tự như vậy là sự hiện diện ngày càng tăng của hải quân Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ và hầu như không có sự hợp tác nào với các nước láng giềng phía tây là Pakistan và Afghanistan do Taliban lãnh đạo.

* *Chính sách “Ngoại giao nước lớn”*: Tiếp tục duy trì thúc đẩy hợp tác với các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga. Trong đó, đặc biệt chú trọng vào mối quan hệ với Mỹ về quốc phòng và công nghệ, ngay cả khi các đối tác truyền thống của Ấn Độ là Nga và Israel đang bận tâm với các cuộc xung đột ở Ukraine và Gaza.

* *Sáng kiến “Ấn Độ - TBD” (IPOI)*, chắc chắn sẽ có một hướng đi mới cho IPOI. Ấn Độ sẽ có sự nhấn mạnh đáng kể vào các sáng kiến hàng hải, đặc biệt là SAGAR với các quốc gia ven biển ở khu vực Ấn Độ. Với sự quyết đoán trên biển ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực, trọng tâm sẽ là tăng cường giám sát và năng lực, đặc biệt là để đảm bảo sự ổn định trong các tuyến đường biển liên lạc quan trọng (SLOCs). Việc mở rộng cách tiếp cận này sẽ chứng kiến sự tham gia tích cực của Ấn Độ vào việc hợp tác với các quốc đảo TBD để tăng cường phối hợp về các hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa (HADR), củng cố cơ sở hạ tầng và kết nối, và hợp tác với cộng đồng người Ấn Độ ở nước ngoài. Đảm bảo tự do hàng hải trên biển khơi là một nỗ lực khác ở khu vực Ấn Độ - TBD rộng lớn hơn trong bối cảnh Trung Quốc quyết đoán về lãnh thổ trên các đảo đang tranh chấp. Trong bối cảnh đó, hợp tác chặt chẽ với AOIP/ASEAN và QUAD sẽ là ưu tiên quan trọng. Ấn Độ cũng đã có những nỗ lực đáng kể trong việc thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu quốc phòng. Ấn Độ sẽ tiếp tục hợp tác với các đối tác cùng chí hướng trong khu vực, nhất là Philippines và Việt Nam về vấn đề này.

* *Chính sách “Hành động hướng Đông”*, dự báo trong tương lai, chương trình nghị sự mới cho Chính sách này phải xuất hiện. Quan hệ đối tác đổi mới với ASEAN, nước

láng giềng của Ấn Độ, cũng như Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia sẽ tạo ra sức mạnh lâu dài trong vai trò lãnh đạo chiến lược. Ấn Độ sẽ theo dõi sâu sắc và hành động đối với các diễn biến địa chính trị rộng lớn hơn, bao gồm cả sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc.

**Chính sách “Nghĩ về hướng Tây”,* Tây Á vẫn là trụ cột chính trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, mang lại cả lợi ích kinh tế và lợi ích địa chiến lược. Dự báo Ấn Độ sẽ tiếp tục nỗ lực đảm bảo an ninh và cân bằng chính trị ở Tây Á và những nơi khác. Ngày nay, các cuộc tấn công ở biển Đỏ và việc chặn Kênh đào Suez đang tác động mạnh đến thương mại của Ấn Độ; đảm bảo chuỗi cung ứng năng lượng phục hồi sẽ là ưu tiên quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong tương lai. Nga và các nước Tây Á (đặc biệt là UAE, Saudi Arabia, Qatar) sẽ tiếp tục là đối tác chiến lược quan trọng để giải quyết các nhu cầu năng lượng. Không còn nghi ngờ gì nữa, hòa bình ở Tây Á là yếu tố then chốt đối với thương mại và kết nối của Ấn Độ. Các FTA song phương như CEPA Ấn Độ - UAE và các sáng kiến như I2U2 sẽ đóng vai trò lớn hơn trong việc đảm bảo lợi ích chiến lược của Ấn Độ trên mặt trận phía Tây. Việc nâng cao tiếng nói toàn cầu hơn nữa sẽ giúp Ấn Độ giảm thiểu rủi ro khủng hoảng cho chính mình và những người khác. New Delhi sẽ tăng cường kết nối xuyên biên giới, đặc biệt là Hành lang INSTC và IMEC vốn được xem là giải pháp thay thế khả thi để tránh eo biển Bab El-Mandab, điểm nghẽn lớn đối với giao thông hàng hải. Những lo ngại ngày càng tăng về chủ nghĩa cực đoan và khủng bố (đặc biệt là các mối đe dọa tiềm tàng từ Afghanistan) sẽ giúp các nước Trung Á tìm được tiếng nói chung với Ấn Độ. Ấn Độ sẽ tiếp tục thúc đẩy việc duy trì sự chú ý vào những lo ngại này xuất phát từ Afghanistan và Pakistan.

** Chính sách Châu Phi,* dự báo nhiều khả năng Ấn Độ sẽ tiếp tục thúc đẩy quan hệ đối tác Ấn Độ - Châu Phi và rất ít có khả năng bị gián đoạn. Trong tương lai, Liên minh châu Phi cùng với các quốc gia châu Phi riêng lẻ như Ai Cập, Maroc, Kenya, Nigeria và Ghana dự báo sẽ tiếp tục tăng cường sự tham gia của họ trong hệ thống quốc tế. Dựa trên các mối quan hệ viện trợ về kinh tế, xu hướng ủng hộ trật tự đa cực, cũng như giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và an ninh hàng hải, mối liên kết hai bên sẽ ngày càng trở nên khăng khít, tăng cường thiết lập các FTA song phương. Cả hai bên dự kiến sẽ hợp tác hiệu quả trong các diễn đàn đa phương như G20 hoặc BRICS, cùng nỗ lực để thay đổi cấu trúc của UNSC hoặc định hình lại các tổ chức tài chính toàn cầu.

* *Các sáng kiến khu vực và đa phương*, cùng với QUAD, Ấn Độ sẽ tiếp tục theo đuổi một loạt các sáng kiến đa phương mà nước này đã giúp thiết lập với tốc độ cao hơn, bao gồm BIMSTEC, IORA, BBIN, Sáng kiến ba bên hàng hải với Sri Lanka và Maldives và I2U2. Ấn Độ sẽ tăng cường chủ động tham gia vào các sáng kiến đa phương khác, bao gồm cả cách UNSC, BRICS; ba bên Nga - Ấn Độ - Trung Quốc về Afghanistan; các cuộc họp của SCO và đặc biệt là Sáng kiến về Cấu trúc chống Khủng bố khu vực (RATS). Khả năng cao SAARC sẽ được tái kích hoạt dần dần với điều kiện quan hệ Ấn Độ - Pakistan trở lại bình thường.

* *Chiến lược “Đa liên kết” đi vào chiều sâu, thực chất*: Theo tác giả, các cam kết của Ấn Độ với phần còn lại của thế giới sẽ không còn bị giới hạn trong khu vực lân cận và láng giềng mở rộng hoặc đối với vấn đề đó ở Á-ĐD - TBD. Ấn Độ sẽ xây dựng một tầm nhìn toàn diện và tích hợp để tham gia với toàn thế giới. Khái niệm Á-ĐD - TBD sẽ được Ấn Độ mở rộng để bao gồm cả Đại Tây Dương và sẽ không chỉ giới hạn ở các quốc gia ven biển. Ấn Độ cũng sẽ gia tăng quan hệ với các nước châu Phi, Mỹ Latinh và Caribe, châu Âu và Bắc Mỹ bằng các mục tiêu chính sách đối ngoại được tích hợp và toàn diện hơn, không còn bị phân mảnh hoặc ngăn cách. Ấn Độ sẽ khắc phục những hạn chế hiện tại và nhận thức được việc phải nuôi dưỡng các mục tiêu và chiến lược phù hợp với nhu cầu trong tương lai.

Để thực hiện những dự kiến trên, Ấn Độ sẽ *đổi mới chiến các lược ngoại giao và phương pháp ngoại giao* tương xứng với thách thức quốc tế và yêu cầu trong nước, tăng cường đào tạo nhân viên ngoại giao của mình phù hợp với vị trí nhiệm vụ, đặc biệt là trong việc lựa chọn và đào tạo các nhà ngoại giao. Các nhà ngoại giao tương lai sẽ là những chuyên gia và có kiến thức sâu sắc hơn về nước ngoài, xã hội, nền kinh tế, điểm mạnh và điểm yếu nội bộ của họ. Đồng thời, Ấn Độ sẽ thúc đẩy sự tham gia sâu hơn của các cấp tiểu bang vào việc thực hiện chính sách đối ngoại như Chính sách “Láng giềng trước tiên” hoặc Chính sách “Hành động hướng Đông”. Ấn Độ sẽ tận dụng điểm mạnh lớn nhất của Ấn Độ nằm ở văn hóa, con người và địa lý để hiện thực hóa được điều đó. Mặt khác, duy trì sự ổn định chính trị trong nội bộ, hạn chế các xung đột bên trong quốc gia, để tạo chú tâm vào việc thực hiện chính sách ra bên ngoài.

4.4. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi đã đem lại nhiều bài học kinh nghiệm đến sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã xác định được tầm quan trọng của việc đổi mới tư duy đối ngoại dựa trên lợi ích cốt lõi của quốc gia, giúp Ấn Độ ứng phó linh hoạt với tình hình thế giới, đồng thời có vị thế mới trên trường quốc tế. Trên thực tế, Ấn Độ đã tiến hành khá hiệu quả việc theo dõi, phân tích và dự báo các xu thế, định vị quốc gia trên trường quốc tế, không gian chiến lược, hệ thống đối tác và đối tượng... Bằng việc đề xuất các học thuyết, điều chỉnh chiến lược quốc gia, chuyển hướng chính sách đối ngoại, Ấn Độ đã chuyển từ vị thế là một cường quốc khu vực sang tiềm năng trở thành một trong những cường quốc toàn cầu trong cấu trúc đa cực đang được tái cấu trúc. Ấn Độ sử dụng sự kết hợp độc đáo giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm, nhằm đảm bảo sự hiện diện và tầm quan trọng của Ấn Độ trên vũ đài chính trị quốc tế trong tương lai và việc tái cơ cấu quyền lực toàn cầu sẽ không chỉ mang tính chất tiếp tuyến. Điều này đặc biệt được thấy rõ qua hành vi của Ấn Độ trong các tổ chức và diễn đàn quốc tế. Tuy nhiên, để có thể vươn tầm thế giới, Ấn Độ hay bất kì quốc gia nào cũng đều cần giải quyết các vấn đề an ninh khu vực, tạo dựng niềm tin với các quốc gia trong khu vực cũng như khả năng duy trì lợi ích kinh tế và xã hội trong nước. Với Việt Nam, đổi mới tư duy đối ngoại Việt Nam là luôn nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ lớn giữa ổn định, đổi mới và phát triển dựa trên ba nền tảng và năm nội dung, được đúc kết, hình tượng hóa qua khái niệm “Ngoại giao cây tre Việt Nam” [Trần Chí Trung, 2022].

Thứ hai, việc Ấn Độ lựa chọn “tự chủ chiến lược” trong chính sách đối ngoại đã giúp Ấn Độ đã có thể giảm thiểu áp lực cũng như tránh rơi vào “tình thế lưỡng nan” từ sự cạnh tranh giữa các cường quốc, từ đó tranh thủ được cơ hội để phát triển, đảm bảo hài hòa lợi ích quốc gia - dân tộc [Vũ Lê Thái Hoàng, Trần Hà My, 2022]. Ấn Độ đã kết hợp giữa nội lực và huy động tối đa ngoại lực, cùng với đó sự tham gia của toàn bộ hệ thống, lấy nội lực là nền tảng bằng việc cải cách thể chế, xác định các lĩnh vực quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia như kinh tế, lương thực, KH&CN, năng lượng... là những lĩnh vực cần tăng cường khả năng tự chủ. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm các đối tác tin cậy để đảm bảo thị trường, chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất, công nghệ... bền vững khi xảy ra khủng hoảng cũng được đặc biệt chú ý. Thực tế cho thấy, chính sách tự chủ chiến lược của Ấn Độ có nhiều sự tương đồng với chủ trương, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế của các nước nhỏ, tầm trung, trong đó có Việt Nam. Việt Nam cần thúc đẩy các hình thức ngoại giao chuyên biệt, hợp tác nhóm, tiểu đa phương, phát huy vai trò cầu nối đối thoại, trung gian, hòa giải đồng

thời chủ động thích ứng và tham gia điều chỉnh, xây dựng, định hình các “luật chơi” chung trên cơ sở đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời, tôn trọng lợi ích chính đáng của các quốc gia khác trên cơ sở Hiến chương UN và luật pháp quốc tế.

Kế thừa di sản tốt đẹp từ lịch sử và xuất phát từ các lợi ích trong quá trình phát triển, Việt Nam và Ấn Độ đều coi trọng vị trí và vai trò của nhau. Việt Nam luôn đóng vai trò quan trọng trong Chính sách "Hành động hướng Đông" của Ấn Độ cả về mục tiêu phát triển, chiến lược và an ninh tại Đông Nam Á và ÁĐD - TBD nhằm giúp Ấn Độ vươn lên là cường quốc châu Á và hướng tới cường quốc toàn cầu. Đồng thời, Việt Nam cũng đặt Ấn Độ vào vị trí rất quan trọng trong chính sách đối ngoại của mình để thúc đẩy lợi ích kinh tế, tạo sự cân bằng trong quan hệ các nước lớn và đảm bảo chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Mỗi quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa được thiết lập giữa hai nước là sự phản ánh rõ nhất lợi ích chiến lược trong quan hệ song phương.

Mặc dù Việt Nam và Ấn Độ đều gặp nhiều thách thức trên con đường phát triển, nhưng có thể dự báo vị thế và vai trò của Việt Nam và Ấn Độ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 sẽ tăng lên đáng kể trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là Ấn Độ. Đây là cơ sở quan trọng để dự báo triển vọng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030 là tiếp tục duy trì và củng cố quan hệ đối tác chiến lược toàn diện theo hướng sâu sắc hơn. Xuất phát từ tiềm năng vốn có của mỗi nước, các hướng ưu tiên phát triển quan hệ song phương trên từng lĩnh vực cũng cần được xác định trên cơ sở thế mạnh và nhu cầu của mỗi nước và các lợi ích chung, để đưa quan hệ đi đúng hướng, trong đó lấy lĩnh vực chính trị - đối ngoại và lĩnh vực kinh tế làm động lực thúc đẩy quan hệ song phương. Trong đó, hai nước tiếp tục tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện trong khuôn khổ Sáng kiến ÁĐD - TBD và Tầm nhìn về các khuôn khổ ÁĐD - TBD; tăng cường hợp tác chặt chẽ tại UNSC, ASEAN và các tổ chức khác trong khu vực và trên toàn cầu.

Trước những triển vọng tốt đẹp trong mối quan hệ, hai quốc gia vẫn cần xem xét kỹ lưỡng về những hạn chế trước mắt như (1) Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện chưa tương xứng với tiềm năng và mong muốn của cả hai nước. Không gian cho phát triển quan hệ Việt Nam - Ấn Độ là rất lớn nhưng mới chỉ khai thác được một phần rất nhỏ; (2) Khó khăn do khoảng cách địa lý xa, nên có hạn chế nhất định trong kết nối hạ tầng và kết nối số; (3) Sự hiểu biết lẫn nhau của nhân dân hai nước (bao gồm các doanh nghiệp) còn tương đối hạn chế như về văn hóa, phong cách làm việc, luật pháp, trình độ, năng lực, cơ chế đối thoại; (4) Cơ cấu kinh tế của hai nước khá tương đồng, tính bổ sung giữa hai nền

kinh tế không nhiều, còn nhiều hạn chế về cơ chế, chính sách, vốn, công nghệ, thị trường; (5) Cạnh tranh nước lớn ở khu vực ÁĐD - TBD ngày càng phức tạp, khó lường, tác động gián tiếp đến quá trình triển khai các hợp tác song phương giữa Việt Nam và Ấn Độ, đặc biệt hợp tác thương mại. Những rào cản trong hợp tác thương mại và đầu tư cũng là những nguyên nhân chính trong việc thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Ấn Độ phát triển ở mức độ và cường độ mà hai nước kỳ vọng trên những lĩnh vực khác.

Với những khó khăn đó, hai nước rất cần thiết phải đưa ra những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những vướng mắc, sau đây là một số gợi ý nhằm tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đó là:

Thứ nhất, quan điểm trong phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện

Nhằm đề ra biện pháp hiệu quả để thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Ấn Độ phát triển theo đúng hướng hai bên mong muốn, Việt Nam cần xác định quan điểm chỉ đạo sau đây trong phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Ấn Độ thời gian tới:

(1) Chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Ấn Độ phải nằm trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước, đặc biệt liên quan đến chính sách cân bằng giữa các nước lớn trong khu vực ÁĐD - TBD (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga) và với ASEAN. Do đó, quan hệ Việt Nam với Ấn Độ không được cản trở hoặc tác động tiêu cực đến quan hệ của Việt Nam với các cường quốc (đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ), với ASEAN, cũng như không đi ngược lại với xu thế hòa bình, hợp tác trong khu vực ÁĐD - TBD và tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam;

(2) Việt Nam cần nhìn thấy triển vọng Ấn Độ ngày càng có vai trò quan trọng trên thế giới, có thể là một cường quốc trong tương lai, cả về kinh tế và chính trị, nên cần có tầm nhìn dài hạn trong quan hệ với Ấn Độ. Việt Nam cần xác định rõ lợi ích lâu dài và lợi ích ngắn hạn của Việt Nam trong quan hệ với Ấn Độ được xác định trên cơ sở lợi ích quốc gia của Việt Nam, và cần đặt lợi ích chiến lược và lâu dài lên trên các lợi ích trước mắt;

(3) Các cán bộ hoạch định chính sách, doanh nghiệp và người dân Việt Nam cũng cần có nhận thức đúng tiềm năng và thế mạnh của Ấn Độ. Hiện nay, dường như các nghiên cứu và đánh giá về sự nổi lên mạnh mẽ của Ấn Độ chủ yếu từ nước ngoài, qua đó tác động không nhỏ vào các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam là cần phải quan tâm đến Ấn Độ; sự chủ động nghiên cứu của Việt Nam về Ấn Độ của Việt Nam còn ít, nên hiểu biết về Ấn Độ còn chung chung và nhiều khi tiêu cực. Việt Nam cần nhìn nhận khách quan và toàn diện về các hạn chế của Ấn Độ (như tỷ lệ dân số đói nghèo cao, cơ sở hạ tầng yếu

kém, thủ tục hành chính quan liêu và tham nhũng nặng nề, doanh nhân Ấn Độ khó hợp tác, tác phong làm việc chậm chạp...), tránh để những hạn chế này cản trở ý chí hợp tác với Ấn Độ. Do đó, cách nhìn mới của Việt Nam về Ấn Độ cần theo hướng tích cực hơn và các thông tin về Ấn Độ phải rõ ràng, cụ thể trên từng lĩnh vực thì mới có cơ sở thúc đẩy hợp tác với Ấn Độ. Ngoài ra, Việt Nam cũng không nên nôn nóng thúc đẩy nhanh quan hệ với Ấn Độ vì đặc điểm văn hóa Ấn Độ là chậm và chắc chắn, nên các bước đi cũng phải có tuần tự từng bước;

(4) Quan hệ giữa hai nước cần được củng cố và phát triển trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi mới phát triển nhanh, mạnh và bền vững. Vị thế và vai trò của Việt Nam đã khác trước, không còn là nước kém phát triển nữa. Một mặt, Việt Nam tiếp tục khai thác khía cạnh quan hệ bạn bè, truyền thống từ lâu nay với Ấn Độ. Mặt khác, Việt Nam không nên lạm dụng quan hệ chính trị có truyền thống tốt đẹp để tranh thủ dựa vào sự trợ giúp của Ấn Độ trong nhiều nội dung hợp tác. Bởi vì bản chất mối quan hệ này hiện nay là bình đẳng, do đó những gì Ấn Độ trợ giúp ta thì đổi lại Việt Nam cũng phải có đi có lại với Ấn Độ ở lĩnh vực hoặc nội dung hợp tác khác. Đồng thời, Việt Nam cần chủ động đáp ứng nhu cầu mà Ấn Độ cần ở Việt Nam để thúc đẩy với Ấn Độ, tạo ra sự đan xen về lợi ích khăng khít giữa hai nước;

(5) Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ cần được thúc đẩy toàn diện trên các lĩnh vực, tuy nhiên cần phải chọn một số lĩnh vực trọng tâm để tạo động lực thúc đẩy lĩnh vực khác. Để mối quan hệ này phát triển bền vững, Việt Nam cần xác định lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực chính trị - đối ngoại làm động lực để thúc đẩy các lĩnh vực khác, vì đây là hai lĩnh vực có nhiều tiềm năng phát triển mạnh trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi [Nguyễn Hoàng Hải, 2021a].

Thứ hai, cần giải quyết một số vấn đề chung sau

Một là, hai bên cần khẩn trương xây dựng chiến lược phát triển quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nội dung của chiến lược này là xác định các chiều hướng lớn trong quan hệ song phương, cụ thể hóa nội hàm của quan hệ đối tác chiến lược, xác định rõ chức năng của các cơ chế hợp tác song phương, thiết lập các hướng ưu tiên hợp tác và các cơ chế ưu đãi, đề ra các giải pháp lớn và lộ trình cụ thể trên các lĩnh vực. Việt Nam cần học hỏi vấn đề này từ quan hệ đối tác chiến lược của Ấn Độ với Indonesia, Singapore và Malaysia.

Hai là, nâng cao nhận thức của các cán bộ hoạch định chính sách, các ngành, các

cấp, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người dân Việt Nam về tiềm năng, thế mạnh của Ấn Độ; khắc phục định kiến, sự thụ động và ngại khó khi quan hệ với Ấn Độ. Việt Nam cần có kế hoạch tuyên truyền bài bản về Ấn Độ và quan hệ hai nước, đặc biệt trên các phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời xúc tiến nghiên cứu về Ấn Độ một cách bài bản và khoa học, trước hết là nghiên cứu sâu về tình hình nội trị của Ấn Độ, chính sách đối ngoại và một số lĩnh vực mà ta đang thúc đẩy hợp tác như quốc phòng - an ninh, KH&CN, văn hóa, giáo dục... Các tổ chức nghiên cứu về Nam Á nói chung và Ấn Độ nói riêng cần được thiết lập và củng cố hơn nữa tại các trường đại học, các viện nghiên cứu...

Ba là, Việt Nam cần xác định rõ Việt Nam cần gì ở Ấn Độ, cũng như xác định lợi ích quốc gia của Ấn Độ và Ấn Độ cần gì ở Việt Nam, trong từng giai đoạn hợp tác và từng nội dung cụ thể, lựa chọn các lĩnh vực hợp tác tiềm năng để từ đó đề ra các biện pháp cụ thể để tăng cường quan hệ hai nước. Việt Nam cần xác định lợi ích chiến lược với Ấn Độ là nâng cao vị thế của Việt Nam tại khu vực, bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền tại Biển Đông và lợi ích to lớn của quan hệ kinh tế.

Bốn là, tiếp tục duy trì hình thức xây dựng chương trình hành động 03 năm/lần, nhưng không phải để triển khai kết quả của các kỳ JCM, mà để cụ thể hóa chiến lược nói trên. Nội dung của Chương trình hành động cần có mục tiêu định lượng cụ thể, thời gian hoàn thành, điều kiện để thực hiện, các đầu mối liên hệ...

Năm là, duy trì và nâng cao hiệu quả của các cơ chế hợp tác song phương sẵn có và thiết lập các cơ chế hợp tác mới (thiết lập cơ chế đối thoại giữa các doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với Chính phủ) đáp ứng yêu cầu tình hình thực tiễn. Nâng cấp JCM về kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật thành JCM liên chính phủ về kinh tế, KH&CN, văn hóa và giáo dục định kỳ 02 năm một lần, trong đó cần có sự tham gia của Thứ trưởng Thương mại hai nước. Điều này sẽ nâng cao vai trò của JCM, đồng thời tạo thuận lợi cho Bộ trưởng chuyên ngành kinh tế hai bên có điều kiện thường xuyên trao đổi, gặp gỡ nhau để thúc đẩy quan hệ kinh tế với vai trò là động lực thúc đẩy quan hệ hai nước nói chung. Hai bên tiếp tục duy trì cơ chế hợp tác hiện hành như tham khảo chính trị, đối thoại chiến lược, đối thoại an ninh, tiểu ban hợp tác về KH&CN. Đồng thời hai bên cần thiết lập Tiểu ban hợp tác về kinh tế do Thứ trưởng Bộ Thương mại Ấn Độ và Thứ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam đồng chủ trì, họp 01 năm/lần để thúc đẩy các nội dung, dự án kinh tế cụ thể; lập Tiểu ban hợp tác giáo dục cấp Thứ trưởng Giáo dục. Tuy nhiên, các tiểu ban này cần hoạt động dưới sự chỉ đạo thống nhất và nội dung của JCM.

Sáu là, hoàn thiện cơ chế pháp lý điều chỉnh quan hệ hai nước trên các lĩnh vực. Trước hết cần ký kết lại một số hiệp định, thỏa thuận ký đã lâu như về thương mại (nhất là thủ tục xuất nhập khẩu, cơ chế thanh toán và giải quyết tranh chấp thương mại), văn hóa, năng lượng, KH&CN, bảo hộ đầu tư, DTAA, hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao... Đồng thời, Chính phủ cần giao cho Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm đôn đốc các Bộ, ngành khẩn trương triển khai quyết liệt các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết.

Bảy là, củng cố và nâng cao năng lực các cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại giữa Việt Nam và Ấn Độ, trước hết là nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo và tham mưu của Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Ấn Độ, cả về tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất; lập Bộ phận Thương vụ tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Mumbai; phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại với các cơ sở nghiên cứu về Ấn Độ [Nguyễn Hoàng Hải, 2021a].

Cuối cùng, cần tích cực hơn trong việc quảng bá, tuyên truyền, chia sẻ thông tin để tăng cường sự hiểu biết của nhân dân hai nước.

Tóm lại, xét về mục tiêu, chính sách, ưu tiên phát triển của cả Việt Nam và Ấn Độ trong bối cảnh mỗi nước hiện nay ở giai đoạn trung hạn cơ bản sẽ không có biến động lớn, do đó, mỗi quan hệ đối tác chiến lược sẽ phát triển tích cực theo hướng ngày càng sâu rộng.

Tiểu kết Chương 4

Tóm lại, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay cơ bản đạt được những thành tựu đáng kể, bám sát ba mục tiêu trọng yếu đề ra là “Phát triển”, “An ninh” và “Vị thế”. Cụ thể, từ nền kinh tế xếp thứ 10 thế giới (2014), Ấn Độ đã vươn lên thứ 5 thế giới (2023). Kim ngạch thương mại và FDI có sự tăng trưởng, góp phần giúp sức mạnh nội tại của Ấn Độ gia tăng mạnh mẽ. Chiến lược “Đa liên kết” dựa trên nguyên tắc “tự chủ chiến lược” đang chứng minh tính phù hợp và hiệu quả của nó khi góp phần tạo nên những hàng rào an ninh bao quanh bảo vệ Ấn Độ. Vị thế của Ấn Độ nhìn chung đã gia tăng đáng kể dưới thời Thủ tướng N. Modi nhờ xử lý tốt mối quan hệ với hầu hết các nước láng giềng lân cận ở Nam Á, các nước láng giềng mở rộng ở ÁĐD - TBD trải dài từ Phi đến Á và sự gia tăng sự hiện diện tại các diễn đàn quốc tế. Dù đạt được nhiều thành tựu, song chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi vẫn còn tại những hạn chế như chưa giải quyết tốt mối quan hệ với Pakistan, chưa thúc đẩy được vai trò của các cơ chế đa phương trong khu vực, bị chi phối khá nhiều từ các

nhân tố bên trong và bên ngoài khu vực đến chính sách tại Nam Á, chưa đủ sức để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc và giảm thiểu “độ vênh” về sức mạnh giữa hai nước, tốc độ thực hiện chiến lược ÁDD - TBD còn chậm, vị thế của Ấn Độ vẫn chưa xứng tầm với tiềm năng hiện có của quốc gia và chưa đạt được như mục tiêu đã đề ra. Đây sẽ là những vấn đề ông N. Modi cần xem xét kỹ lưỡng trong thời gian tới để hoàn thiện chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Mặt khác, trong sự đối chiếu với các chính phủ tiền nhiệm, chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi đã có những sự kết thừa, tiếp nối và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn giai đoạn hiện nay, từ đó, thành công tạo nên một “Bản sắc Modi” khác biệt so các thời kỳ trước đó. Chính sách đối ngoại của ông cũng có tác động lớn đến quan hệ quốc tế như thúc đẩy sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn với Ấn Độ, góp phần chuyển dịch trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới, xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới, thúc đẩy hòa bình, an ninh thế giới, giải quyết các vấn đề toàn cầu, thúc đẩy nền kinh tế thế giới. Đối với Việt Nam, Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ đang góp phần thúc đẩy mối quan hệ song phương lên tầm cao mới dù vẫn còn những thách thức trong quan hệ. Dự báo trong thời gian tới, Ấn Độ sẽ tiếp tục nâng cao sức mạnh tổng thể của Ấn Độ, nỗ lực giải quyết vấn đề chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tiếp tục ủng hộ một trật tự thế giới đa cực, phản đối chủ nghĩa bá quyền và tìm kiếm vị trí thực sự xứng đáng của Ấn Độ trong hệ thống quốc tế.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, về cơ sở lý luận, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi từ năm 2014 đến nay là sự vận dụng sáng tạo của các Chủ nghĩa Lý tưởng, Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo. Trong khi Chủ nghĩa Hiện thực lý giải về xu hướng “thực dụng” trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, nhất là trong cách ứng xử với các nước lớn, thì Chủ nghĩa Tự do mang đến góc nhìn toàn diện về xu hướng hợp tác của Ấn Độ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa. Mặt khác, Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh về vai trò của bản sắc Ấn Độ trong việc định hình chính sách đối ngoại của nước này. Dựa trên góc nhìn của mô hình chủ thể duy lý và ba cấp độ trong phân tích chính sách đối ngoại (cấp độ hệ thống, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân), tác giả đã làm rõ những nhân tố nội sinh và ngoại sinh tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi. Nếu các biến số ở cấp độ hệ thống ảnh hưởng trực diện đến cách lựa chọn công cụ, chiến lược và mục tiêu của chính sách đối ngoại của Ấn Độ, thì tình hình trong nước cùng vai trò của người lãnh đạo là nền tảng để thúc đẩy quá trình triển khai chính sách đối ngoại của quốc gia này. Như vậy, trong khi các yếu tố bên ngoài (cấp độ hệ thống) là điều kiện cần cho hoạch định chính sách thì các yếu tố bên trong (cấp độ quốc gia và cá nhân) là điều kiện đủ để thực hiện chính sách đối ngoại của New Delhi. Trong đó, cấp độ cá nhân có thể được đề cập là nhân tố có ảnh hưởng đáng kể đến chính sách của nước này do ông N. Modi có những “bản sắc” cá nhân khác biệt so với các nhà tiền nhiệm, dẫn tới những sự điều chỉnh trong chiến lược đối ngoại của New Delhi từ năm 2014 đến nay.

Thứ hai, về nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ, Thủ tướng N. Modi đã đề ra một tầm nhìn đối ngoại khá táo bạo và có phần tham vọng khi muốn biến Ấn Độ từ một cường quốc tầm trung trở thành một thế lực trỗi dậy trên toàn cầu, từ một nước giữ “cân bằng” trở thành một quốc gia lãnh đạo, từ một nước tuân thủ các quy tắc trở thành một quốc gia tạo ra luật lệ. Mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi được xây dựng trên ba trụ cột cốt lõi là “*Phát triển*”, “*An ninh*”, “*Vị thế*”. Trong đó, “Phát triển” là ưu tiên hàng đầu, “An ninh” là trọng yếu và “Vị thế” là mục tiêu dài hạn. Xuất phát từ các mục tiêu cốt lõi, Ấn Độ đã xác định những nhiệm vụ trọng yếu với tính chất “thực dụng” và “đa liên kết”, sẵn sàng thiết lập các liên minh nhằm tăng cường hợp tác phát triển. Đồng thời, Ấn Độ cũng mở rộng vai trò lãnh đạo trong các diễn đàn quốc tế và khu vực, thúc đẩy việc bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa, tinh thần qua ngoại

giao mềm, nhằm xây dựng một "thương hiệu" và "bản sắc" Ấn Độ độc đáo trên phạm vi toàn cầu. "Lợi ích quốc gia trên hết", "Tự chủ chiến lược", và "Panchamrit" là ba nguyên tắc đối ngoại quan trọng được Ấn Độ áp dụng để hiện thực hóa các nhiệm vụ trên.

Về thực tiễn triển khai chính sách, tác giả vận dụng lý thuyết *vòng tròn đồng tâm* để phân tích và làm rõ mức độ ưu tiên các quan hệ quốc tế trong chính sách đối ngoại Ấn Độ. Theo đó, *vòng tròn thứ nhất* đề cập đến các nước láng giềng bao gồm hợp tác song phương với các quốc gia khu vực Nam Á và hợp tác đa phương qua cơ chế khu vực thể hiện qua Chính sách “Láng giềng trước tiên”. *Vòng tròn thứ hai* đề cập đến các nước láng giềng mở rộng là các quốc gia trong khu vực ÁDD - TBD, bao gồm Chính sách “Ngoại giao nước lớn” với Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản; Sáng kiến ÁDD – TBD; Chính sách “Hành động hướng Đông” với các nước Đông Nam Á, Chính sách “Kết nối Trung Á” với các nước Trung Á, Chính sách “Liên kết Phía Tây” - “Nghĩ về phía Tây” với các nước Tây Á, Chính sách châu Phi và sự hiện diện tại các cơ chế hợp tác đa phương như BRICS, QUAD, SCO... *Vòng tròn thứ ba* đề cập đến phần còn lại của thế giới, bao gồm Nga, EU, Mỹ Latinh và Caribe cùng các cơ chế đa phương như UN, WTO, G20.

Thứ ba, về đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới Thời thủ tướng N. Modi, có thể thấy cơ bản chính sách này đã được một số thành tựu đáng kể trên cả 3 trụ cột mục tiêu “Phát triển”, “An ninh” và “Vị thế”. Trong đó, nổi bật là sự tăng trưởng kinh tế vượt bậc của Ấn Độ và sự triển khai chính sách đối ngoại toàn diện trên các vòng tròn đồng tâm đã khiến phạm vi ảnh hưởng của Ấn Độ gia tăng đáng kể, thúc đẩy và duy trì một môi trường bên ngoài hòa bình và ổn định để Ấn Độ phát triển. Điểm sáng nhất trong chính sách đối ngoại an ninh xuyên suốt các nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi là việc không ngừng thúc đẩy Chiến lược ÁDD - TBD, tức là ông đã dành sự quan tâm nhiều hơn đến vòng tròn thứ hai nhằm khẳng định vai trò của Ấn Độ như một “lực lượng cung cấp an ninh” tại khu vực rộng lớn trong thời kỳ đương đại. Thời kỳ N. Modi cũng được đánh giá là “giai đoạn hiếm có” của Ấn Độ khi nước này giữ được mối quan hệ cân bằng, hài hòa giữa Nga và phương Tây trên nền tảng lợi ích quốc gia được tối đa hóa. New Delhi cũng thúc đẩy sự hiện diện, tiếng nói và nâng cao vai trò của mình bằng cách thúc đẩy mô hình chủ nghĩa khu vực do quốc gia này dẫn dắt, đồng thời tăng cường tham gia và thể hiện vai trò nhiều hơn tại các diễn đàn quốc tế như UN, WTO, G20,...

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi vẫn tồn tại một số hạn chế như chưa giải quyết triệt để mối quan hệ với

Pakistan, chưa thúc đẩy mạnh mẽ vai trò của các cơ chế đa phương trong khu vực và còn bị ảnh hưởng đáng kể bởi các yếu tố bên trong và bên ngoài khu vực trong việc định hình chính sách với Nam Á. Đồng thời, Ấn Độ chưa đủ khả năng kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc và chưa thể thu hẹp khoảng cách về sức mạnh giữa hai nước, tốc độ thực hiện chiến lược ÁDD - TBD vẫn còn chậm, và vị thế của Ấn Độ chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của quốc gia. Những hạn chế này sẽ là điều mà ông N. Modi cần cân nhắc kỹ lưỡng trong thời gian tới nhằm hoàn thiện chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Thứ tư, về sự kế thừa, tiếp nối và điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng N. Modi so với các chính phủ tiền nhiệm. *Một là*, Thủ tướng N. Modi đã có sự điều chỉnh từ “Chủ nghĩa Lý tưởng” sang “Chủ nghĩa Thực dụng” nhằm tạo nên một chính sách đối ngoại có phần quyết đoán, táo bạo và cứng rắn hơn các nhà tiền nhiệm, bỏ qua những “khuôn mẫu” và “nguyên tắc” để tối đa hóa lợi ích quốc gia. *Hai là*, dù vẫn tiếp tục duy trì 3 mục tiêu đối ngoại chiến lược là phát triển, an ninh, vị thế như những thời kỳ trước, song Thủ tướng N. Modi đã có sự điều chỉnh về thứ tự ưu tiên khi đặt mục tiêu “phát triển” lên hàng đầu thay vì “an ninh” như các giai đoạn trước. *Ba là*, ông tiếp tục duy trì nguyên tắc “tự chủ chiến lược” thông qua khẩu hiệu “*Ấn Độ tự cường*”, song có sự kết hợp đan xen và thống nhất giữa hai yếu tố địa chính trị và địa kinh tế, điều mà các nhà tiền nhiệm trước đó chưa thực sự làm được. *Bốn là*, ông N. Modi thay đổi năm nguyên tắc đối ngoại truyền thống Panchsheel thành năm trụ cột mới của Panchamrit. *Năm là*, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đánh dấu sự chuyển hướng rõ nét và mạnh mẽ từ “không liên kết” thành “đa liên kết”. *Sáu là*, ông tiếp nối chính sách tăng cường quan hệ với các nước láng giềng Nam Á và phát triển thành “*Láng giềng trước tiên*”. *Bảy là*, duy trì cách tiếp cận vừa cứng rắn vừa sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc, song hành động phản ứng “cứng rắn” của ông N. Modi có phần mạnh mẽ và quyết liệt hơn. *Tám là*, từ Chính sách “Hướng Đông” của các chính phủ tiền nhiệm, Thủ tướng N. Modi đã nâng cấp thành Chính sách “Hành động hướng Đông”, thể hiện một cách tiếp cận chủ động hơn trong việc xây dựng quan hệ với các nước ASEAN, đồng thời tăng cường sự hiện diện của Ấn Độ trong khu vực ÁDD - TBD. *Chín là*, chính quyền N. Modi cũng coi trọng và thay đổi mạnh mẽ chính sách về *quyền lực mềm* theo hướng bài bản và chiến lược hơn các nhà tiền nhiệm.

Thứ năm, về tác động đối với thế giới và dự báo chính sách. Chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi đã có những ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ quốc

tế như thúc đẩy sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn, góp phần chuyển dịch trọng tâm bàn cờ địa chính trị thế giới, xác định lại cấu trúc đa phương của trật tự thế giới, thúc đẩy hòa bình, an ninh thế giới, giải quyết các vấn đề toàn cầu và thúc đẩy nền kinh tế thế giới. Đối với Việt Nam, Sáng kiến ÁĐD - TBD và Chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ đang góp phần thúc đẩy mối quan hệ song phương với Việt Nam lên tầm cao, đồng thời cũng tạo những thách thức mới. Trong thời gian tới, Ấn Độ dự kiến sẽ tiếp tục tăng cường sức mạnh tổng hợp, nỗ lực giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, duy trì sự ủng hộ đối với một trật tự thế giới đa cực, phản đối chủ nghĩa bá quyền và tìm kiếm vị thế xứng đáng của mình trong hệ thống quốc tế. Những điều này sẽ mang lại cơ hội để Việt Nam tận dụng, nhằm thúc đẩy mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ phát triển sâu rộng và đi thực chất.

Thứ sáu, sau khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi, tác giả đã đúc rút 02 bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Một là*, đổi mới tư duy đối ngoại Việt Nam là luôn nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ lớn giữa ổn định, đổi mới và phát triển dựa trên ba nền tảng và năm nội dung, được đúc kết, hình tượng hóa qua khái niệm “Ngoại giao cây tre Việt Nam”. *Hai là*, Việt Nam cần thúc đẩy các hình thức ngoại giao chuyên biệt, hợp tác nhóm, tiểu đa phương, phát huy vai trò cầu nối đối thoại, trung gian, hòa giải đồng thời chủ động thích ứng và tham gia điều chỉnh, xây dựng, định hình các “luật chơi” chung trên cơ sở đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời, tôn trọng lợi ích chính đáng của các quốc gia khác trên cơ sở Hiến chương UN và luật pháp quốc tế.

Đồng thời, tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đó là:

Một là, Việt Nam cần xác định quan điểm chỉ đạo sau đây trong phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Ấn Độ thời gian tới (1) Chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Ấn Độ phải nằm trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước, đặc biệt liên quan đến chính sách cân bằng giữa các nước lớn trong khu vực ÁĐD - TBD (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga) và với ASEAN; (2) Việt Nam cần nhìn thấy triển vọng Ấn Độ ngày càng có vai trò quan trọng trên thế giới, cần xác định rõ lợi ích lâu dài và lợi ích ngắn hạn của Việt Nam trong quan hệ với Ấn Độ được xác định trên cơ sở lợi ích quốc gia của Việt Nam, và cần đặt lợi ích chiến lược, lâu dài lên trên các lợi ích trước mắt; (3) Các cán bộ hoạch định chính sách, doanh nghiệp và người dân Việt Nam

cũng cần có nhận thức đúng về tiềm năng và thế mạnh của Ấn Độ theo hướng tích cực và các thông tin về Ấn Độ phải rõ ràng, cụ thể trên từng lĩnh vực để làm cơ sở thúc đẩy hợp tác với quốc gia này. Ngoài ra, Việt Nam cũng không nên nôn nóng thúc đẩy nhanh quan hệ với Ấn Độ vì đặc điểm văn hóa Ấn Độ là chậm và chắc chắn, nên các bước đi cũng phải có tuần tự từng bước; (4) Quan hệ giữa hai nước cần được củng cố và phát triển trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi mới phát triển nhanh, mạnh và bền vững; (5) Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ cần được thúc đẩy toàn diện trên các lĩnh vực, tuy nhiên cũng cần phải chọn một số lĩnh vực trọng tâm để tạo động lực thúc đẩy lĩnh vực khác.

Hai là, cần giải quyết một số vấn đề chung sau: (1) Khẩn trương xây dựng chiến lược phát triển quan hệ Việt Nam - Ấn Độ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (2) Cần có kế hoạch tuyên truyền bài bản về Ấn Độ và quan hệ hai nước, đặc biệt trên các phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời xúc tiến nghiên cứu về Ấn Độ một cách bài bản và khoa học; (3) Cần xác định lợi ích chiến lược với Ấn Độ là nâng cao vị thế của Việt Nam tại khu vực, bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền tại Biển Đông và lợi ích to lớn của quan hệ kinh tế; (4) Tiếp tục duy trì hình thức xây dựng chương trình hành động 03 năm/lần, nhưng không phải để triển khai kết quả của các kỳ JCM, mà để cụ thể hóa chiến lược nói trên; (5) Duy trì và nâng cao hiệu quả của các cơ chế hợp tác song phương sẵn có và thiết lập các cơ chế hợp tác mới đáp ứng yêu cầu tình hình thực tiễn; (6) Hoàn thiện cơ chế pháp lý điều chỉnh quan hệ hai nước trên các lĩnh vực; (7) Củng cố và nâng cao năng lực các cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại giữa Việt Nam và Ấn Độ; (8) Cần tích cực hơn trong việc quảng bá, tuyên truyền, chia sẻ thông tin để tăng cường sự hiểu biết của nhân dân hai nước../

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Hoàng Hải (2021), “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ”, *Hội thảo Khoa học quốc tế “Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở”*, tr.315-327, NXB Thế giới.
2. Nguyen Hoang Hai (2021), “Strategic Maritime Competition between India and China in Indo-Pacific region”, *International Scientific Conference Proceedings “India-China strategic competition and its impacts on other countries”*, pp. 183 - 190, NXB Khoa học xã hội
3. Nguyen Hoang Hai (2021), “India’s Cooperation with SAARC in Response to the Covid-19 Pandemic”, *International Conference Proceedings “The security and developments issues in the new situations”*, Vol.2, pp.211-230, The Gioi Publishers.
4. Nguyen Hoang Hai (2023), “The East Vietnam sea: Security risks and the interference of big countries”, *International Conference Proceedings “The First International conference on the issues of social sciences and humanities”*, pp.137-158, USSH, Vietnam National University Press, Ha Noi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ngô Xuân Bình (2019), *Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Duy Thái (2023), “Sự thay đổi chiến lược của Ấn Độ tại Đông Nam Á trong thế cạnh tranh với Trung Quốc sau Chiến tranh Lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, ĐHQG Hà Nội, tập 39, số 1, tr. 59-76.
3. Godbole, A. (2017) “Quan hệ quốc phòng Ấn Độ - Việt Nam: Lịch sử và triển vọng”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đổi tác chiến lược*, HVCTQG Hồ Chí Minh, tr. 390.
4. Gupta, S. (2019), “Indian Foreign Policy under Modi: A New Brand or Just Repackaging?”, *International Studies Perspectives*, pp. 1–45, doi: 10.1093/isp/eky008.
5. Đỗ Thanh Hà (2022), “Nepal trong Chính sách “Láng giềng trước tiên” của Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2020)”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 2 (111), tr.10-16.
6. Nguyễn Hoàng Hải (2021a), “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Quan hệ quốc tế trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở*, Nhà xuất bản Thế giới, tr. 316 - 327.
7. Quách Thị Huệ (2023), *Quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến năm 2022*, Luận án Tiến sĩ, ĐHQG Hà Nội
8. Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2011), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, NXB Từ điển Bách khoa, tr. 256
9. Vũ Khoan (1993), “An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 2, tr. 3.
10. Đặng Ngọc Lợi (2008), "Chính sách công ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (12), tr. 20-21.
11. Trần Thị Lý (2002), *Sự điều chỉnh chính sách của Cộng hòa Ấn Độ từ 1991 đến 2000*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Hoàng Khắc Nam (2017), *Lý thuyết Quan hệ quốc tế*, NXB Thế Giới, tr.37-44.
13. Nguyễn Thị Oanh (2022), *Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019)*, Luận án Tiến sĩ, ĐHQG Hà Nội.
14. Paranjpe, S. (2017), “India’s strategic culture: the making of national security policy”, *Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (biên dịch)*, NXB Thông tin và Truyền thông.
15. Dương Văn Quảng, Vũ Dương Huân (2002), *Từ điển Thuật ngữ Ngoại giao*, NXB Thế giới, Hà Nội.

16. Nguyễn Thị Quế, Đặng Đình Tiến (2017), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
 17. Tôn Sinh Thành (2018), *Hợp tác khu vực châu Á: Nhân tố ASEAN và Ấn Độ*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 18. Tôn Sinh Thành (2020), “Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc từ sau Chiến tranh lạnh đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 7, tr. 33-40.
 19. Nguyễn Văn Thắng (2023), *Chính sách Hành động Hướng Đông của Ấn Độ (2014 - 2022)*, Luận án Tiến sĩ, ĐHQG Hà Nội.
 20. Đặng Đình Tiến (2021), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh (2004 - 2014)*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Ngoại giao.
 21. Trần Nam Tiến (2022), “Chính sách Nam Á của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014-2019): tiếp cận từ góc độ an ninh”, *Viện Thông tin Khoa học Xã hội*, Số 7 (475), Tr. 3 - 11, 21.
 22. Lê Văn Toàn (2018a), *Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 23. Lê Văn Toàn (2018b), “Ngoại giao văn hóa đối với sự phát triển của Ấn Độ hiện nay”, *Lý luận chính trị*, số 8, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, tr.100-106.
 24. Nguyễn Xuân Trung (2017), *45 năm quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: Thành tựu và triển vọng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
 25. Nguyễn Xuân Trung (2020), “Chiến lược của Ấn Độ giai đoạn Thủ tướng Modi: Những điều chỉnh và kết quả”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, Số chuyên đề về Thủ tướng Narendra Modi, Số 8 (93), <http://viisas.vass.gov.vn/>.
 26. Trung tâm Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, tr. 475.
 27. Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2016), *Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
 28. Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2017), *Sức mạnh mềm Ấn Độ, sức mạnh mềm Việt Nam trong bối cảnh khu vực hóa, toàn cầu hóa*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
 29. Viện Ngôn ngữ học (1994), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, tr. 157.
- Tiếng Anh**
30. Africa Expert Group (2023), *India - Africa Partnership Achievements, Challenges and Roadmap 2030*, Vivekananda International Foundation, New Delhi
 31. Ahmed, F., Kumar, S. (2016), *Foreign Policy of India: West Asia & North Africa (WANA)*, New Century Publications.

32. Alam, I., Ahmed, S. (2015), "India- Saudi Arabia Bilateral Trade Relations: Recent Experiences and Future Opportunities", *International Journal of Economics and Empirical Research*, Vol. 3(7), pp. 327-342.
33. Allison, G. T., Halperin, M. H. (1972), "Bureaucratic Politics: A Paradigm and Some Policy Implications", *World Politics*, Vol. 24, *Supplement: Theory and Policy in International Relations*, The Johns Hopkins University Press, pp. 40-79.
34. Appadorai, A., Rajan, MS (1985), *India's foreign policy and relations*, South Asian publishers, New Delhi.
35. Aras, F. C., Kandemir, E. (2023), "An Evaluation of India's Central Asian Policy in the Context of Regional Interests", *Khoja Akhmet Yassawi International Kazakh*, Turkish University, 2023/4/1, Issue 105, pp. 159 - 181.
36. Aryal, S. K., Bharti, S. S. (2023), "State of the Regional Integration Within South Asian Association for Regional Organisation (SAARC): Assessment of India's Leadership", *South Asian Survey*, 30(2), 175-188.
<https://doi.org/10.1177/09715231241228013>
37. Bajpai, K. (2023), *How Realist Is India's National Security Policy?*, Routledge India, <https://doi.org/10.4324/9781003093343>.
38. Bal, S. N. (2004), *Central Asia: A Strategy for India's Look-north Policy*, Lancer Publishers
39. Basrur, R. (2023), *Subcontinental Drift: Domestic Politics and India's Foreign Policy*, Georgetown University Press.
40. Basrur, R., Mukherjee, A., Thazha. V. P. (2019), *India - China Maritime Competition: The Security Dilemma at Sea*, Routledge, Taylor & Francis Group.
41. BBC (2015), "Can Modi reconnect India with Central Asia?", <https://www.bbc.com/news/world-asia-india-33421552>, accessed 22/12/2022.
42. Bhagavan, M. (2010) "A New Hope: India, the United Nations and the Making of the Universal Declaration of Human Rights", *Modern Asian Studies*, 44(2), 311-347, doi:10.1017/S0026749X08003600
43. Bhuiyan, D. (2022), "Internal determinants of India's foreign policy: Issues and challenges", *UGC Care Group I Journal*, Vol. 82, No. 14, pp. 91 - 96.
44. Blackwill, R. D., Campbell, K. M. (2016), *Xi Jinping on the Global Stage: Chinese Foreign Policy Under a Powerful but Exposed Leader (Council Special Report No.74)*, Council on Foreign Relations Inc, New York.
45. Breuning, M. (2007), *Foreign Policy Analysis: A Comparative Introduction*, Palgrave Macmillan New York, p.5.

46. Cerra, V., Saxena, S. C. (2002), "What Caused the 1991 Currency Crisis in India?", *IMF Staff Papers*, Vol. 49, No. 3, pp. 395-425.
47. Chalamalla, V. (2020), "India - Sri Lanka Relations Ethnic and Cultural Relations in the Context of SAARC", *India Journal*, Vol. 6, Issue 2, pp. 113-140.
48. Clarke, M. (2017), "The Belt and Road Initiative: China's New Grand Strategy?", *Asia Policy*, Vol. 24, pp. 71-79.
49. Dahiya, R., Singh, U. B. (2015), *Delhi Dialogue VI: Realising the ASEAN - India Vision for Partnership and Prosperity*, Pentagon Press.
50. Dougherty, J. E., Pfaltzgraff, R. L. (1990), *Contending Theories of International Relations: A Comprehensive Survey*, the University of California, p. 477.
51. Dube, M (2007), "India and the WTO", *Strategic Arena Switching in International Trade Negotiations*, Routledge, pp. 95-139.
52. ECLAC (2022), "Bilateral modern service trade between India and Latin America and the Caribbean in the context of the Covid-19 pandemic", *International Trade*, Series 175, United Nations, pp. 11-39.
53. Ganguly, S., Pardesi, M. S. (2009), "Explaining sixty years of India's foreign policy", *India Review*, Vol. 8 (1), p.4.
54. Ganguly, S. (2015), "Hindu nationalism and the foreign policy of India's Bharatiya Janata Party", *Transatlantic Academy Paper Series*, No. 2, Washington DC: Transatlantic Academy.
55. Ganguly, S., Sridharan, E. (2024), *The Oxford Handbook of Indian Politics*, Oxford University Press, <https://doi.org/10.1093/oxfordhb/9780198894261.001.0001>,
56. GoI (2006), "Indian Foreign Policy: A Road Map for the Decade Ahead - Speech by External Affairs Minister Shri Pranab Mukherjee at the 46th National Defence College Course".
57. Gupte, Y. S. (2023), "The Role of IAFS: India – Africa Forum Summit in Shaping the Indo – Africa Relations in the 21st Century", *African Currents, Centre for African Studies*, University of Mumbai, Vol. 41, No. 1, pp. 16-29.
58. Nguyễn Hoàng Hải (2021b), "India's Cooperation with SAARC in Response to the Covid-19 Pandemic", *International Conference Proceedings the Security and Development Issues in the new situations*, Vol. 2, pp.211 - 230.
59. Hagerty, D. T. (1991), "India's Regional Security Doctrine," *Asian Survey*, Vol. 31. No. 4, pp. 351-363.
60. Harsh, V. P. (2017), *Indian Foreign Policy: An Overview*, Manchester University Press.

61. Hilsman, R. (1993), *The Politics of Policymaking in Defense and Foreign Affairs*, Prentice Hall.
62. Horimoto, T. (2017), “Explaining India’s Foreign Policy: From Dream to Realization of Major Power”, *International Relations of the Asia-Pacific*, Vol (17), pp.463 – 496
63. India Perspectives (2018), “India for Africa”, , Vol. 32, Issue 3, pp. 20-21, https://mea.gov.in/Images/attach/IP_Jul_Sep_18_Book_low.pdf.
64. Indian Ministry of Defense (2004), *Defence White paper 2004: Indian Army Doctrine*, Headquarters Army Training Command, Shimla, pp. 7-8.
65. Jackson, R. (2013), *Introduction to International Relations: Theories and Approaches*, Oxford University Press, p. 257.
66. Jagannath, P. P., (2016), *India - China Relations: Politics Of Resources, Identity And Authority In A Multipolar World Order*, Routledge, Taylor & Francis Group.
67. Jain, B. M. (2016), *India - US Relations in the Age of Uncertainty: An Uneasy Courtship*, Routledge, Taylor & Francis Group.
68. Jaishankar, S. (2020), *India Way: Strategies for an Uncertain world*, Harper Collins Publishers India.
69. Jakub, Z., Jivanta, S., Manish, T. (2015), *India in the Contemporary World*, Routledge.
70. Jianxue, L. (2019), “India’s “Link West” Strategy: Origin, Progress and Prospects”, *China International Studies (English)*, 77, 131.
71. Kalita, S. (2017), “India’s quest for energy in Latin America”, *International Journal of Advanced Research and Development*, Vol. 2, Issue 4,, pp. 293-298.
72. Kandel, I. P. (2020), “Nepal-India Relationship After The Rise of Modi”, *Historical Journal*, Vol. 11, No.1, pp. 8-15.
73. Kapur, H. (1987), “India’s foreign policy under Rajiv Gandhi”, *The Round Table*, 76(304), 469–480. <https://doi.org/10.1080/00358538708453838>.
74. Kaura, V. (2020), “India’s Pakistan policy: from 2016 ‘surgical strike’ to 2019 Balakot ‘airstrike’”, *Taylor & Francis*, Vol.109, Issue 3, pp. 277-287
75. Keohane, R. O. (2003), *Power and Governance in a Partially Globalized World*, Routledge, pp. 117-132.
76. Kesgin, B. (2011), “Foreign Policy Analysis”, *21st Century Political Science: A Reference Handbook*, (Thousand Oaks, CA: SAGE Publications), pp. 336- 343.
77. Khanna, V. N., Kumar, L. K. (2018), *Foreign Policy Of India*, Vikas Publishing House.

78. Kumar, A. (2016), "India - Maldives Relations: Is the Rough Patch Over?", *Indian Foreign Affairs Journal*, Vol. 11, No. 2, pp.153 - 167.
79. Kumar, R. (2017), "India and the BRICS A Cautious and Limited Engagement", *International Studies*, Vol. 54, Issue 1-4, pp.162 - 179, Jawaharlal Nehru University, New Delhi.
80. Kumar, S. (2020), "Reinvigoration of BIMSTEC and India's Economic, Strategic and Security Concerns", *Association of Asia Scholars*, Vol. 11, Issue 2, pp.133-159.
81. Malhotra, A. (2019), "India's security outlook: An explanation through concentric circles approach", *Journal for Intelligence, propaganda and security studies*, Vol.13, No. 2, ACIPSS, p.2.
82. Malhotra, S. (2015), "EU-India Relations: A Soft Power Approach", *European Institute for Asian Studies*, EU - Asia at a Glance, pp.1-8.
83. Mathur, A. (2017), *Japan and China in India's Foreign Policy*, Palgrave Macmillan, Singapore.
84. Miller, M. C., Kate, S. E. (2017), "Pragmatism in Indian foreign policy: how ideas constrain Modi", *Oxford University Press*, pp. 27-30.
85. MEA, GoI (2005), "Prime Minister Dr. Manmohan Singh's Interview to Thai Newspapers - The Nation (English language) and Khao Sod (Thai language)", New Delhi.
86. MEA, GoI (2009), "Address by Foreign Secretary on India's Foreign Policy", *Talk by Foreign Secretary Mr. Shivshankar Menon at Delhi University*.
87. Mishra, R. (2023), *From non-alignment to multi-alignment: assessing India's foreign policy shift*, *The Round Table*, Taylor & Francis Group, Vol. 112, Issue 1, pp. 43-56.
88. Mohan, C. R. (2006), "India and the Balance of Power", *Foreign Affairs*, July/August, pp. 17-32.
89. Morgenthau, H. J. (1952), *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace*, Alfred A. Knopf, pp. 189-201.
90. Mukherjee, B. (2022), "India and the G20 presidency: Its priorities and challenges", *India Foundation Journal*, Vol.3, No. 6, pp.15-23
91. Nandy, D. (2019), "India's Bangladesh Policy: Dilemmas and Challenges", *India Journal*, Vol. 5, Issue 1, pp. 20-35.
92. Pal, P. (2018), "India's neighbourhood policy - Contemporary trajectories", *IMPACT: IJRHAL*, Vol.6, Issue 4, pp. 217-228.

93. Pankaj, J., Smita, T. (2015), *Transitions and Interdependence: India and its Neighbours*, NXB KW Publishers.
94. Panigrahi, D. N. (2016), *The Himalayas and India - China Relations*, Routledge, Taylor & Francis Group.
95. Rabin, J. (2003), *Encyclopedia of Public Administration and Public Policy*, Vol.1: A-J, CRC Press, Marcel Dekker.
96. Raghav, P., Rai, T. (2020), "India's strategic interest in SAARC countries: Soft power approach", *Asian Journal of Research in Social Sciences and Humanities*, Vol. 10, Issue 10, pp.14-24.
97. Raghavan, TCA. (2019), *The People Next Door: The Curious History of India's Relations with Pakistan*, Oxford University Press
98. Rangaraj, V., Vaibhavi Palsule (2017), *US - India Forward Leap - The Partnership Building*, Allied Publishers Pvt. Ltd.
99. Rajesh, B. (2017), "Modi's Foreign Policy Fundamentals: A Trajectory Unchanged", *International Affairs*, Vol. 93 (1), pp. 7-26.
100. Rajendra, M. A. (2018), *Indian Diplomacy: Beyond Strategic Autonomy*, Oxford University Press.
101. Rajesh, B., Kate, S. E. (2017), *Rising India: Status and Power*, Routledge, Taylor & Francis Group.
102. Rakhee, B. (2018), *Northeastern India and Its Neighbours: Negotiating Security and Development*, Routledge, Taylor & Francis Group
103. Rekha, C. (2017), *India - Russia Post Cold War Relations: A New Epoch Of Cooperation*, Routledge, Taylor & Francis Group
104. Sangit, K. R., Sunil, S., Vidhan, P. (2017), *Imagining India as a global power: Prospects and challenges*, Routledge, Taylor & Francis Group.
105. Sarma, A. S. (2022), "India in SCO: Strengthening India's Footprint in Central Asia", *Dialogue, A Journal of Astha Bharati New Delhi*, Vol. 23, No.3-4, pp. 53-69.
106. Sarki, A. (2019), "Paradiplomacy, domestic considerations and New Delhi's prerogative", *The Journal of International Issues*, Vol. 23, No. 4, pp. 138-151, Kapur Surya Foundation.
107. Saqib, M.Y. (2019), "India's socio-economic and political engagement in Afghanistan", *Asian Journal of Multidimensional Research (AJMR)*, Vol. 8, Issue 7, pp.11-28
108. Saran, S. (2017), *How India sees the world: Kautilya to the 21st century*, Juggernaut Books

109. Sauvagerd, M. (2018), "India's Strategies on its Periphery - A Case Study in the India-Bhutan Relationship", *The German Journal on Contemporary Asia*, ASIEN 146 (1), pp.56–77
110. Sinha, A., Mohta, M. (2007), *Indian Foreign Policy: Challenges and Opportunities*, Foreign Service Institute, New Delhi
111. Singh, K., Debhade, M. (2023), "Emergence of New India under Modi Era: Changing Foreign Policy Dynamics", *Himachal Pradesh University Journal*, Vol.11 No.1, pp. 24 - 37
112. Sowmiya V. (2023), "India – Africa Partnership: Prospects and Problems", *African Currents*, Centre for African Studies, University of Mumbai, Vol.41, No.1, pp. 30-42.
113. Sumit (2017), "Variables of India's foreign policy", *International Journal of Information Movement*, Vol (2), Issue VI, pp.288 - 291
114. Suryanarayana, P. S. (2016), *Smart Diplomacy: Exploring China - India Synergy*, World Century Publishing Corporation.
115. Tan Qingshan (1992), "The Making of U.S. China Policy: From Normalization to the Post-Cold War Era", *The Australian Journal of Chinese Affairs*, Vol. 31, Lynne Rienner Publishers, Boulder, pp. 159-161.
116. US Department of Defense (2023), "Military and Security Developments involving The People's Republic of China", *Annual report to Congress*, p. 10.
117. Vaishali, J., Somvir, G. (2023), "Situating the quad in India's multi-alignment policy", *Indian Journals*, Vol. 9, Issue 2, pp. 178 - 191.
118. Yadav, G. (2022), "Trade and Investment Relations Between India and Sub-Saharan African Countries In Recent Times", *International Journal of Economic Perspectives*, 16 (10), pp. 115 - 131.
119. Yang, L. (2016), *China - India Relations in the Contemporary World: Dynamics of national identity and interest*, Routledge, Taylor & Francis Group
120. Yuyan, Z., Weijiang, F., Wei, L. (2020), "China's International Strategic Environment", *The Jingshan Report: Opening China's Financial Sector*, ANU Press, pp.25-49.

Website

125. Abhishek, M., (2023), "Dr. S. Jaishankar's Africa sojourn demonstrates continuity in India-Africa engagement", *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/continuity-in-india-africa-interaction-is-shown-by-dr-s-jaishankar/>, accessed 21/7/2024.

126. Agarwal, V., Mandhana, N. (2014), “Obama and India’s Modi to Meet in Washington”, *The Wall Street Journal*, <http://online.wsj.com/articles/obama-and-indias-modi-to-meet-in-washington-in-september-1402056996>, accessed on 11/11/2022.
127. Al Jazeera (2019), “India’s BJP releases manifesto before elections”, <https://www.aljazeera.com/news/2019/4/8/indias-bjp-releases-manifesto-before-elections>, accessed 10/10/2021
128. Kiều Anh (2022), “Nguy cơ hạt nhân kích hoạt chuỗi leo thang khiến NATO phản ứng thế nào ở Ukraine?”, *Báo Điện tử VOV*, <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/nguy-co-hat-nhan-kich-hoat-chuoi-leo-thang-khien-nato-phan-ung-the-nao-o-ukraine-post977489.vov>, truy cập 16/10/2023
129. Azizian, R. (2004), "Russia-India Relations: Stability amidst Strategic Uncertainty", *Asia Pacific Centre for Securities Studies*, <https://apps.dtic.mil/sti/pdfs/ADA591913.pdf>.
130. Báo cáo viên (2024), “Xuất khẩu vũ khí của Ấn Độ tăng trưởng lớn, đạt mức kỷ lục 2,63 tỷ USD”, <https://baocaovien.vn/tin-tuc/xuat-khau-vu-khi-cua-an-do-tang-truong-lon-dat-muc-ky-luc-2-63-ty-usd/161747.html>, truy cập ngày 29/12/2024.
131. Báo Điện tử Chính phủ (2023), “Thu hút FDI: Một góc nhìn từ Ấn Độ”, *Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam*, <https://baochinhphu.vn/thu-hut-fdi-mot-goc-nhin-tu-an-do-102231027182024762.htm>, truy cập ngày 29/11/2023.
132. Báo Điện tử VOV (2022), “Nga định hướng dòng chảy thương mại sang Trung Quốc, Ấn Độ trong hội nghị BRICS”, <https://vov.vn/the-gioi/nga-dinh-huong-dong-chay-thuong-mai-sang-trung-quoc-an-do-trong-hoi-nghi-brics-post952337.vov>, truy cập ngày 10/01/2023.
133. Báo Điện tử VOV (2024), “Người dân trên khắp Ấn Độ chào đón năm mới 2024”, <https://vov.vn/the-gioi/nguoi-dan-tren-khaph-an-do-chao-don-nam-moi-2024-post1069034.vov>, truy cập ngày 25/01/2024
134. Báo Tin tức (2024), “Nỗ lực đưa Ấn Độ trở thành cường quốc toàn cầu của Thủ tướng Modi”, *Thông tấn xã Việt Nam*, <https://baotintuc.vn/phan-tichnhan-dinh/no-luc-dua-an-do-tro-thanh-cuong-quoc-toan-cau-cua-thu-tuong-modi-20240713145341736.htm>, truy cập ngày 18/8/2024.
135. Bajpae, C. (2023), “The G20 showcases India’s growing power. It could also expose the limits of its foreign policy”, *Chatham House*, <https://www.chathamhouse.org/2023/09/g20-showcases-indias-growing-power-it-could-also-expose-limits-its-foreign-policy>, accessed on 19/12/2023.

136. Báo Quân đội Nhân dân (2018), “Thủ tướng Ấn Độ ca ngợi mối quan hệ với Nga”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/thu-tuong-an-do-ca-ngoi-moi-quan-he-voi-nga-539559>, truy cập ngày 21/9/2020.
137. Báo Quân đội Nhân dân (2022a), “Những khách hàng lớn của ngành công nghiệp vũ khí Nga”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/quan-su-the-gioi/nhung-khach-hang-lon-cua-nganh-cong-nghiep-vu-khi-nga-682934>, truy cập ngày 10/12/2022.
138. Báo Quân đội Nhân dân (2022b), “Quan hệ EU-Ấn Độ là trung tâm của chiến lược địa chính trị châu Âu”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/doi-song/quan-he-eu-an-do-la-trung-tam-cua-chien-luoc-dia-chinh-tri-chau-au-692589>, truy cập ngày 21/8/2022.
139. Báo Quân đội Nhân dân (2024), “10 cường quốc kinh tế lớn nhất thế giới năm 2023”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/10-cuong-quoc-kinh-te-lon-nhat-the-gioi-nam-2023-765442>, truy cập ngày 01/5/2024.
140. Bhardwaj, N. (2023), “India-Japan Economic Partnership: Bilateral Trade, Infrastructure Projects, and Semiconductor Collaboration”, *India Briefing*, <https://www.india-briefing.com/news/india-japan-trade-investment-data-fy2023-new-frontier-areas-cooperation-29096.html/>, accessed on 09/9/2024.
141. Bhatia, R. (2019), “Indian Foreign Policy in the Twenty-First Century”, *Distinguished Lectures MEA*, <https://www.mea.gov.in/distinguished-lectures-detail-hi.htm?804>, accessed on 27/7/2022.
142. Bhatia, R. (2022), “Re-energizing India’s Africa policy”, *Gateway House*, <https://www.gatewayhouse.in/re-energizing-indias-africa-policy/>, accessed on 19/12/2022.
143. Bhatia, R. (2022b), “Heading the G20 and New Delhi’s choices”, *The Hindu*, <https://www.thehindu.com/opinion/lead/heading-the-g20-and-new-delhis-choices/article65806589.ece>, accessed on 12/12/2022.
144. Bhaumik, A. (2019), “India, Japan to ink pact to share military logistics”, *Deccan Herald*, <https://www.deccanherald.com/national/india-japan-to-ink-pact-to-share-military-logistics-781355.html>, accessed on 15/10/2022.
145. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), “Ấn Độ cấp tín dụng giúp Sri Lanka phát triển đường sắt”, <https://mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=26544&idcm=138>, truy cập ngày 20/11/2022.
146. Bums, N. (2012), “India’s strategic importance to the us”, <https://www.bostonglobe.com/opiriion/2012/02/03/mdia-strategic-umportance/GeI26HClZGLUuWCw1lXHAn/story.html>, accessed on 20/11/2022.

147. Business Standard (2019), “Inclusion of CPEC under OBOR shows lack of appreciation of India’s concerns on sovereignty”, https://www.business-standard.com/article/pti-stories/inclusion-of-cpec-under-obor-shows-lack-of-appreciation-of-india-s-concerns-on-sovereignty-119062601263_1.html, accessed on 26/8/2022
148. BJP (2014), *BJP Election Manifesto 2014*, https://www.bjp.org/images/pdf_2014/full_manifesto_english_07.04.2014.pdf, *bjp.org*, pp.38 - 40, accessed on 30/06/2021.
149. BJP (2019), *Bharatiya Janata Party Sankalp Patra Lok Sabha 2019*, <https://library.bjp.org/jspui/bitstream/123456789/2988/1/BJP-Election-english-2019.pdf>, *bjp.org*, pp.38 - 39, accessed on 03/8/2022.
150. BJP (2024), *Bharatiya Janata Party Modi ki Guarantee 2024*, <https://www.bjp.org/bjp-manifesto-2024>, p.35 - 38, *bjp.org*, accessed on 01/8/2024.
151. Chakrabarty, M. (2016), “Understanding India’s Engagement with Africa”, *Indian Foreign Affairs Journal*, Vol. 11, No. 3, p. 268.
152. Chaudhury, D. R. (2016), “Chinese company bags Maldivian Island on 50-year lease”. *Economic Times*, <https://economictimes.indiatimes.com/news/politics-and-nation/chinese-companies-bags-maldivian-island-on-50-year-lease/articleshow/56245729.cms>, accessed on 21/8/2022.
153. Chaudhuri, P. P. (2017), “Think West to Go West: Origins and Implications of India’s West Asia Policy Under Modi”, *Middle East Institute*, <https://www.mei.edu/publications/think-west-go-west-origins-and-implications-indias-west-asia-policy-under-modi-part-i>, accessed on 29/8/2022.
154. Quỳnh Chi (2023), “Afghanistan đóng cửa vĩnh viễn đại sứ quán ở New Delhi”, *VTV Online*, <https://vtv.vn/the-gioi/afghanistan-dong-cua-vinh-vien-dai-su-quan-o-new-delhi-20231125153959048.htm>, truy cập ngày 26/11/2023.
155. Choudhury, S. D., Paul, S. (2013), “In Blow for India, S&P Affirms Negative Ratings Outlook”, *Reuters*, <http://in.reuters.com/article/2013/05/17/india-ratings-sp-idINDEE94G06Y20130517>, accessed on 20/11/2022.
156. CMIE (2024), “India's exports grew 41% in 2014-22”, *Economic Outlook*, <https://www.cmie.com/kommon/bin/sr.php?kall=warticle&dt=20240209111936&msec=623>, accessed on 18/8/2024.
157. Confederation of Indian Industry (2024), “India and Africa: Partners in Progress and Prosperity”, <https://ciiblog.in/india-and-africa-partners-in-progress-and-prosperity/>, accessed 12/9/2024.

158. Cổng Thông tin điện tử Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2017), “Làn sóng bảo hộ - Rủi ro lớn của thương mại toàn cầu”, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM116762, truy cập ngày 14/10/2023.
159. Data Reportal (2024), “Digital 2024: India”, <https://datareportal.com/reports/digital-2024-india>, accessed on 08/6/2024
160. Deccan Chronicle (2019), “India is Strategic Partner for Vision 2030”, <https://www.deccanchronicle.com/nation/current-affairs/101219/india-isstrategic-partner-for-vision-2030-saudi-envoy.html>, accessed on 19/9/2021.
161. Deutsche Welle (2024), “India under Modi: An Underrated Superpower?”, <https://www.dw.com/en/india-under-modi-an-underrated-superpower/video-68916277>, accessed on 15/5/2024.
162. Nguyễn Văn Dương (2021), “Ấn Độ sau 30 năm thực hiện công cuộc cải cách toàn diện đất nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/3739-an-do-sau-30-nam-thuc-hien-cong-cuoc-cai-cach-toan-dien-dat-nuoc.html>, truy cập ngày 22/10/2022
163. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), “Xu thế “đa cực hóa” thế giới đang chuyển mạnh từ định hướng sang định hình?”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://dangcongsan.vn/su-kien-binh-luan/xu-the-da-cuc-hoa-the-gioi-dang-chuyen-manh-tu-dinh-huong-sang-dinh-hinh-421757.html>, truy cập ngày 30/10/2022.
164. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), “Thủ tướng Phạm Minh Chính kết thúc tốt đẹp chuyến thăm cấp Nhà nước đến Ấn Độ”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/thu-tuong-pham-minh-chinh-ket-thuc-tot-dep-chuyen-tham-cap-nha-nuoc-den-an-do-674067.html>, truy cập ngày 03/8/2024.
165. Điện Biên Phủ Online (2021), “Nhu cầu khai thác than tăng cao đe dọa môi trường”, <https://www.baodienbienphu.com.vn/tin-tuc/quoc-te/187820/nhu-cau-khai-thac-than-tang-cao-de-doa-moi-truong>, truy cập ngày 22/6/2022.
166. Economic Times (2018), “Make in India’ boost: Japan offers to set up plant in India for US-2 amphibious aircraft”, <https://economictimes.indiatimes.com/news/defence/make-in-india-boost-japan-offers-to-set-up-plant-in-india-for-us-2-amphibious-aircraft/articleshow/50809244.cms>, accessed on 05/5/2022.
167. Elizabeth, R. (2024), “Opinion: Narasimha Rao Recast Not Just India's Economy, But Foreign Policy Too”, *NDTV*, <https://www.ndtv.com/opinion/narasimha>

rao-recast-not-just-indias-economy-but-foreign-policy-too-5134659, accessed on 09/3/2024.

168. Embassy of India, Beijing, China (2023), “Trade and Economic Relations”, https://www.eoibeijing.gov.in/eoibeijing_pages/MjQ, accessed on 01/5/2024.

169. Embassy of India, Hanoi, Vietnam, (2024), “India – Vietnam relations”, <https://www.indembassyhanoi.gov.in/page/bilateral-relations2/>, accessed on 01/8/2024.

170. Embassy of India, Washington, D.C., USA (2024), “India - U.S Relations”, https://indianembassyusa.gov.in/pdf/menu/India_US_Sept_2024.pdf, accessed on 10/9/2024.

171. Forum on the Arms Trade (2024), “US Arms Sales to India”, <https://www.forumarmstrade.org/usindia.html>, accessed on 10/8/2024.

172. Ghimire, Y. (2014), “Becoming best friends”, *The Indian Express*, <http://indianexpress.com/article/opinion/columns/becoming-best-friends/#sthash.sP8IDVq1.dpuf>, accessed on 24/11/2020)

173. Gia Lai Online (2023), “Sức mạnh giúp Ấn Độ có thể “thống trị” thế giới”, <https://baogialai.com.vn/suc-manh-giup-an-do-co-the-thong-tri-the-gioi-post242472.html>, truy cập ngày 22/9/2023.

174. Thanh Giang (2024), “ASEAN với các đối tác: Khai thác tiềm năng, phát huy thế mạnh, thúc đẩy kết nối, nâng cao tự cường”, Báo Nhân dân, <https://nhandan.vn/asean-voi-cac-doi-tac-khai-thac-tiem-nang-phat-huy-the-manh-thuc-day-ket-noi-nang-cao-tu-cuong-post836066.html>, truy cập 20/9/2024.

175. Giri, A. (2018), “Modi, Nepal PM Oli build trust and rapport, eye greater connectivity and trade”, *Hindustan Times*, <https://www.hindustantimes.com/india-news/pm-modi-exchanges-views-on-strengthening-ties-with-prachanda-otherleaders-in-nepal/story-DPVrumxTdENfi76nyuLLBP.html>, accessed 20/9/2022

176. Haegeland, H. E. (2016), “Nepal’s pivot to China may be too late”, *The National Interest*, <http://nationalinterest.org/blog/the-buzz/nepals-pivot-china-may-be-too-late-16285?page=2>, accessed 10/10/2021.

177. Haidar, S. (2019), “*Demonetisation impact: Delay in currency exchange irks Nepal*”, *The Hindu*, <https://www.thehindu.com/news/international/demonetisation-impact-delay-in-currency-exchange-irks-nepal/article25972141.ece>, accessed on 11/12/2021.

178. Haider, M., Haider, I. (2015), “FO Spokesperson Expresses Regret over Modi’s Dhaka Speech,” *Dawn*, <http://www.dawn.com/news/1187118>, accessed on 20/3/2020.
179. Hà Nội mới (2019), “10 nước chiếm giữ một nửa diện tích đất liền của thế giới”, <https://hanoimoi.vn/10-nuoc-chiem-giu-mot-nua-dien-tich-dat-lien-cua-the-gioi-536768.html>, truy cập ngày 20/03/2020
180. HCI, Colombo, Sri Lanka (2024), “India - Sri Lanka Relations”, <https://hcicolombo.gov.in/>, accessed 24/8/2024.
181. Trung Hiếu, Lâm Phương (2024), “Những thay đổi tầm nhìn chiến lược trong lĩnh vực quân sự của Ấn Độ”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquptd.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/nhung-thay-doi-tam-nhin-chien-luoc-trong-linh-vuc-quan-su-cua-an-do/23044.html>, truy cập ngày 15/11/2024.
182. Vũ Lê Thái Hoàng, Trần Hà My (2022), “Xu hướng tự chủ chiến lược trong quan hệ quốc tế hiện nay”, *Tạp chí công sản*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/826033/xu-huong-tu-chu-chien-luoc-trong-quan-he-quoc-te-hien-nay.aspx>, truy cập ngày 22/11/2022
183. Ias Gyan (2022), “India - Sri Lanka ties, *Daily News Analysis*, <https://www.iasgyan.in/daily-current-affairs/india-sri-lanka-ties-11>, accessed on 09/10/2022.
184. Indian Mission to Asean, Jakarta (2023), “Brief on ASEAN-India Relations”, <https://indmissionasean.gov.in/pages/MjU>, accessed on 22/6/2024.
185. IBEF (2024b), “India - China Trade”, <https://www.ibef.org/indian-exports/india-china-trade>, accessed on 02/9/2024.
186. IBEF (2024c), “India - Japan Trade”, <https://www.ibef.org/indian-exports/india-japan-trade>, accessed on 08/8/2024.
187. IBEF (2024e), “India - US Trade”, <https://www.ibef.org/indian-exports/india-us-trade>, accessed on 09/8/2024.
188. IBEF (2024f), “India - Vietnam Trade”, <https://www.ibef.org/indian-exports/india-vietnam-trade>, accessed on 09/8/2024.
189. India Foundation (2018), “Panchamrit : Recent Innovations in India’s Foreign Policy”, *India Foundation Journal*, <https://indiafoundation.in/articles-and-commentaries/panchamrit-recent-innovations-in-indias-foreign-policy/>, accessed on 11/11/2022.

190. Invest India (2024a), “Japan - India Relations”, <https://www.investindia.gov.in/country/japan-plus>, accessed, 01/8/2024.
191. Invest India (2024b), “UAE - India Relations”, <https://www.investindia.gov.in/country/united-arab-emirates>, accessed, 01/8/2024.
192. Jha, P. (2017), “How India steadily lost all its leverage in Nepal”, *Hindustan Time*, <https://www.hindustantimes.com/opinion/how-india-steadily-lost-all-its-leverage-in-nepal/story-eyZcX3OOVJRVqJvP7EXH0O.html>, accessed on 11/12/2021.
193. Joshi, M. (2014), “The Bigger Picture: How the World Sees a Future Modi Government,” *Mail Online India*, <https://www.dailymail.co.uk/indiahome/indianews/article-2626455/THE-BIGGER-PICTURE-How-world-sees-future-Modi-Government.html>, accessed on 22/6/2022.
194. Kakodkar, P. (2024), “India to Host 46th Antarctic Treaty Consultative Meeting”, *The Times of India*, <https://timesofindia.indiatimes.com/india/india-to-host-46th-antarctic-treaty-consultative-meeting/articleshow/109791546.cms>., accessed on 09/5/2024
195. Kashyap, S. G. (2017), “India and Bangladesh kick off joint military drill with focus on counter-terrorism operations”, *The Indian Express*, <http://indianexpress.com/article/india/india-and-bangladesh-kick-off-joint-military-drill-with-focus-on-counter-terrorism-operations-492534>, accessed on 18/11/2022.
196. Kotokey, A. (2024), “India’s Strategic Diplomacy: Navigating India’s Engagement with the Taliban Regime in Afghanistan”, *Vivekananda International Foundation*, <https://www.vifindia.org/article/2024/april/19/India-s-Strategic-Diplomacy-Navigating-India-s-Engagement-with-the-Taliban-Regime-in-Afghanistan>, accessed on 21/6/2024
197. Kristensen, H., Korda, M., Johns, E., Knight, M., Kohn, K. (2024), “Status Of World Nuclear Forces”, *FAS* , <https://fas.org/initiative/status-world-nuclear-forces/>, Accessed on 14/7/2024.
198. Lao động (2021), “Ấn Độ nổi lại xuất khẩu vaccine COVID-19”, *Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam*, <https://laodong.vn/the-gioi/an-do-noi-lai-xuat-khau-vaccine-covid-19-955953.ldo>, truy cập ngày 30/10/2021.
199. MCI, GoI (2024), “Foreign Trade Division”, <https://www.commerce.gov.in/about-us/divisions/foreign-trade-territorial-division/foreign-trade-latin-america/#>, accessed 20/8/2024.

200. Nhật Minh (2021), “Tăng cường quan hệ Đối tác chiến lược Nga - Ấn Độ”, *Quốc phòng Thủ đô Online*, <http://quocphongthudo.vn/quoc-te/binh-luan-quoc-te/tang-cuong-quan-he-doi-tac-chien-luoc-nga-an-do.html>, truy cập ngày 10/12/2021.

201. Menon, S. (2016), “What China’s rise means for India”, *Brooking*, <https://www.brookings.edu/articles/what-chinas-rise-means-for-india/>, accessed on 14/7/2024.

202. MEA, GoI (2002), “Address By External Affairs Minister Shri Yashwant Sinha at the International Institute for Strategic Studies, London 30.10.2002”, http://mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/8814/Address_By_External_Affairs_Minister_Shri_Yashwant_Sinha_at_the_International_Institute_for_Strategic_Studies_London, accessed on 21/3/2022

203. MEA, GoI (2006), “Present Dimensions of the Indian Foreign Policy - Address by Foreign Secretary Mr. Shyam Saran at Shanghai Institute of International Studies, Shanghai 11.01.2006”, <https://www.mea.gov.in/incoming-visit-detail.htm?2078/Present+Dimensions+of+the+Indian+Foreign+Policy++Address+by+Foreign+Secretary+Mr+Shyam+Saran+at+Shanghai+Institute+of+International+Studies+Shanghai>, accessed on 27/7/2021.

204. MEA, GoI (2015), “External Affairs Minister's address at the Youth Pravasi Bharatiya Divas”, <https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/24652>, accessed on 20/4/2023.

205. MEA, GoI (2018), “Prime Minister’s Keynote Address at Shangri La Dialogue 01.6.2018”, <https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/29943/Prime+Ministers+Keynote+Address+at+Shangri+La+Dialogue+June+01+2018>, accessed on 22/3/2022

206. MEA, GoI (2023), “Trade Agreements”, <https://indbiz.gov.in/trade/trade-agreements/>, accessed on 14/7/2024.

207. MEA, GoI (2024a), “India - Pakistan Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 20/8/2024

208. MEA, GoI (2024b), “India - Nepal Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 21/8/2024

209. MEA, GoI (2024c), “India - Bhutan Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 21/8/2024

210. MEA, GoI (2024d), “India - Bangladesh Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 21/8/2024

211. MEA, GoI (2024e), “India - Sri Lanka Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 22/8/2024
212. MEA, GoI (2024f), “India - Afghanistan Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 22/8/2024
213. MEA, GoI (2024g), “India - Maldives Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 22/8/2024
214. MEA, GoI (2024h), “India - US Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 24/8/2024
215. MEA, GoI (2024i), “India - China Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 25/8/2024
216. MEA, GoI (2024j), “India - Japan Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 26/8/2024
217. MEA, GoI (2024m), “India - UAE Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
218. MEA, GoI (2024n), “India - KAS Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
219. MEA, GoI (2024o), “India - Qatar Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
220. MEA, GoI (2024p), “India - Kuwait Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
221. MEA, GoI (2024q), “India - Oman Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
222. MEA, GoI (2024r), “India - Bahrain Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
223. MEA, GoI (2024s), “India - Iraq Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
224. MEA, GoI (2024t), “India - Iran Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
225. MEA, GoI (2024u), “India - Israel Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
226. MEA, GoI (2024v), “India - Syria Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
227. MEA, GoI (2024w), “India - Palestine Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.

228. MEA, GoI (2024x), “India - Jordan Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 27/8/2024.
229. MEA, GoI (2024y), “India - ASEAN Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 28/8/2024.
230. MEA, GoI (2024z), “India - BRICS Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 29/8/2024.
231. MEA, GoI (2024đ), “India - Russia Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 31/8/2024.
232. MEA, GoI (2024ê), “India - EU Relation”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 01/9/2024.
233. MEA, GoI (2024ô), “India and the United Nations”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/india-and-the-united-nations.htm>, accessed 01/9/2024.
234. MEA, GoI (2024â), “Development Partnership”, <https://www.mea.gov.in/development-partnership.htm>, accessed 01/9/2024
235. MEA, GoI (2024ã), “Participation of leaders from India’s neighbourhood and Indian Ocean region in the swearing-in ceremony of Prime Minister and Council of Ministers”, <https://www.mea.gov.in/press-releases.htm?dtl/37858/Participation+of+leaders+from+Indias+neighbourhood+and+Indian+Ocean+region+in+the+swearingin+ceremony+of+Prime+Minister+and+Council+of+Ministers>, accessed on 11/8/2024.
236. MEA, GoI (2024o), “India - Vietnam”, *Foreign Policy*, <https://mea.gov.in/foreign-relations.htm>, accessed 01/9/2024.
237. MEA, GoI (2024u), “Lines of Credit for Development Projects”, <https://www.mea.gov.in/Lines-of-Credit-for-Development-Projects.htm>, accessed on 18/9/2024.
238. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2020), “Signing of the agreement between the government of japan and the government of the republic of india concerning reciprocal provision of supplies and services between the self-defense forces of Japan and the Indian armed forces”, [https:// www.mofa.go.jp/press/release/press4e_002896.html](https://www.mofa.go.jp/press/release/press4e_002896.html), accessed on 14/9/2022.
239. Mishra, A. (2022), “Elevating the India-Africa partnership to new horizons”, *ORF*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/elevating-the-india-africa-partnership-to-new-horizons/>, accessed on 24/8/2022.

240. Mohan, C. R. (2015), “Modi and the Indian Ocean: Restoring India’s Sphere of Influence”, *Asia Maritime Transparency Initiative*, <https://amti.csis.org/modi-and-the-indian-ocean-restoring-indias-sphere-of-influence/>, Accessed on 14/7/2024.
241. Mohan, G. (2024), “Prime Minister Narendra Modi Set to Address 79th UN General Assembly on September 26”, *India Today*, <https://www.indiatoday.in/global/story/pm-modi-to-address-79th-unga-on-september-26-2568339-2024-07-18>, accessed on 27/7/2024.
242. Nhân Dân (2023), “Thủ tướng Nhật công bố kế hoạch mới cho Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương”, <https://nhandan.vn/thu-tuong-nhat-cong-bo-ke-hoach-moi-cho-an-do-duong-thai-binh-duong-post743852.html>, truy cập ngày 31/12/2023.
243. An Nhiên (2019), “Narendra Modi - Người nâng tầm đất nước Ấn Độ”, *Báo Công an Nhân dân*, <https://cand.com.vn/tu-lieu-quoc-te/Chuyen-ve-Thu-tuong-Narendra-Modi-Nguoi-nang-tam-An-Do-i522426/>, truy cập 27/07/2020.
244. Narendra Modi (2014), “PM Modi addresses the United Nations General Assembly, in New York”, <https://www.youtube.com/watch?v=kPEB-6eRssA>, accessed on 30/9/2021.
245. Narendra Modi (2024), “*International visits & Summits*”, <https://www.narendramodi.in/internationalmainhtml>, truy cập ngày 11/9/2024.
246. NDTV (2019), “Sri Lanka seeks India’s help to counter terrorism: PM Wickremesinghe”, <https://www.ndtv.com/india-news/sri-lanka-seeks-indias-help-to-counter-terrorism-pm-wickremesinghe-2051146>, accessed on 14/4/2022.
247. Norwich University (2024), “5 Key Approaches to Foreign Policy Analysis”, <https://online.norwich.edu/online/about/resource-library/5-key-approaches-foreign-policy-analysis>, accessed 11/06/2024
248. Olufemi, A. (2014), “Concentric circles approach to foreign policy making and analysis: An exploratory essay”, <http://olufemiadelusi.blogspot.com/2014/03/concentric-circles-approach-to-foreign.html?m=1>, accessed on 28/12/2022
249. Osius, T. (2014), “Global Swing States: Deepening Partnerships with India and Indonesia”, *Asia Policy*, 17 (2014), www.jstor.org/stable/24905256, accessed on 10/6/2022.
250. Phương Hồ (2023), “Ấn Độ kêu gọi Liên hợp quốc cải cách “phù hợp với thực tế thế kỷ 21””, *Vietnamplus*, <https://www.vietnamplus.vn/an-do-keu-goi-lien-hop-quoc-cai-cach-phu-hop-voi-thuc-te-the-ky-21-post892283.vnp>, truy cập ngày 10/9/2023.

251. Pant, H. V (2013), “India marginalised in backyard”, *The New Indian Express*, <https://www.newindianexpress.com/opinions/2013/Nov/26/india-marginalised-in-backyard-541494.html>, accessed on 20/11/2022.
252. PM India (2023), “Our nation is on the cusp of a take-off: PM in an interview to The Financial Times”, https://pmindia.gov.in/en/pms-interview-single/?interview_id=16342511, accessed on 22/12/2023
253. PTI (2024), “China largest trading partner of India in FY24 with \$118.4 bn; US second with \$118.3 bn”, *The Hindu businessline*, <https://www.thehindubusinessline.com/economy/china-largest-trading-partner-of-india-in-fy24-with-1184-bn-us-second-with-1183-bn/article68167247.ece>, accessed on 20/9/2024.
254. Nguyễn Hồng Quân (2020), “Sức mạnh mềm quốc phòng, an ninh của Ấn Độ”, *Trang Thông tin điện tử tổng hợp Ban Đối ngoại Trung ương*, <https://bdntw.org.vn/suc-manh-mem-quoc-phong-an-ninh-cua-an-do-015551.html>, truy cập ngày 14/06/2023.
255. Rao. A, (2024), “India-ASEAN Trade Pact: Tariff Anomalies on Goods to be Reviewed”, *India Briefing*, <https://www.india-briefing.com/news/india-asean-trade-pact-to-review-tariff-discrepancies-on-goods-31994.html/>, accessed on 02/5/2024
256. Ravish, T. (2015), “BJP Calls for a Muscular Foreign Policy: Panchamrit to Replace Panchsheel” *India Today*. <http://indiatoday.intoday.in/story/bjp-foreign-policy-national-executive/1/428383.html>, accessed on 15/01/2021.
257. Sahoo, N. (2014), “Decoding Modi’s Foreign Policy”, *Carnegie Endowment for International Peace*, <https://carnegieendowment.org/research/2014/09/decoding-modis-foreign-policy?lang=en>, accessed on 22/11/2022.
258. Sajjanhar, A. (2016), “Two Years On, Has Modi’s ‘Act East’ Policy Made a Difference for India?”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2016/06/2-years-on-has-modis-act-east-policy-made-a-difference-for-india/>, accessed on 22/6/2022.
259. Sajjanhar, A. (2021), “Neighbourhood Policy of Modi Government: Challenges and Opportunities”, *India Foundation*, <https://indiafoundation.in/articles-and-commentaries/neighbourhood-policy-of-modi-government-challenges-and-opportunities/>, accessed on 01/01/2022.
260. Sidhu, W.P.S., Mehta, V. S. (2015), “Modi’s Foreign Policy @365: Course Correction”, *Brookings India*, p.4, https://www.brookings.edu/wp-content/uploads/2015/05/modi365_final-book.pdf, accessed 29/9/2024.

261. Nguyễn Văn Sinh (2016), “Nam Á trong bàn cờ chiến lược của các nước lớn”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquptd.vn/vi/binh-luan-phe-phan/nam-a-trong-ban-co-chien-luoc-cua-cac-nuoc-lon/9321.html>, truy cập ngày 28/9/2023.
262. Stimson Center (2022), “SAV Q&A with Lisa Curtis: U.S. Lessons from Balakot”, *The Henry L. Stimson Center*, <https://www.stimson.org/2022/sav-qa-with-lisa-curtis-u-s-lessons-from-balakot/>, accessed on 21/02/2024.
263. Tạp chí Tài chính Online (2019), “Chủ nghĩa bảo hộ đe dọa kinh tế toàn cầu”, <https://tapchitaichinh.vn/chu-nghia-bao-ho-de-doa-kinh-te-toan-cau.htm>, truy cập 14/10/2023
264. Tạp chí Tài chính Online (2024a), “Ấn Độ “bùng nổ” trên đà trở thành nền kinh tế thứ 3 thế giới”, <https://tapchitaichinh.vn/an-do-bung-no-tren-da-tro-thanh-nen-kinh-te-thu-3-the-gioi.html>, truy cập ngày 09/03/2024.
265. Tạp chí Tài chính Online (2024b), “Nền kinh tế Ấn Độ tăng tốc”, <https://tapchitaichinh.vn/nen-kinh-te-an-do-tang-toc.html>, truy cập ngày 30/8/2024.
266. Thanh Hóa (2024), “Bầu cử Ấn Độ 2024: Cuộc đua gay gắt đến phút chót”, <https://baothanhhoa.vn/bau-cu-an-do-2024-cuoc-dua-gay-can-den-phut-chot-215983.htm>, truy cập ngày 06/6/2024.
267. The Global firepower (2024), “Comparison of India and China Military Strengths”, <https://www.globalfirepower.com/countries-comparison-detail.php?country1=india&country2=china>, accessed on 10/7/2024.
268. The Guardian (2020), “Namaste Trump”: India welcomes US president at Modi rally”, <https://www.theguardian.com/world/2020/feb/24/namaste-donald-trump-india-welcomes-us-president-narendra-modi-rally>, accessed on 11/11/2022.
269. The Indian Express (2017), “Why is the FTA between China and Maldives important to India?”, <http://indianexpress.com/article/india/maldives-fta-india-china-4983730/>, accessed on 26/8/2022.
270. Srivatsan, K. C. (2021), “PM Modi delivers India 'panchamrit' gift at COP26 to fight climate change: Five commitments in detail here”, *Hindustan Times*, <https://www.hindustantimes.com/india-news/pm-modi-delivers-india-panchamrit-gift-at-cop26-to-fight-climate-change-five-commitments-in-detail-here-101635788023755.html>, accessed on 12/12/2022.
271. The Times of India (2017), “PM Narendra Modi talks of foreign policy goals with Indian envoys”, http://timesofindia.indiatimes.com/articleshow/58555674.cms?utm_source=contentofinterest&utm_medium=text&utm_campaign=cppst, accessed on 02/04/2022.

272. The Tribune (2012), "Ex-Prime Minister IK Gujral dies at 92", <https://www.tribuneindia.com/2012/20121201/main1.htm>, accessed on 02/9/2020
273. Thế giới và Việt Nam (2024a), "India, ASEAN hold 4th Joint Committee meeting to review AITIGA", <https://en.baoquocte.vn/india-asean-hold-4th-joint-committee-meeting-to-review-aitiga-271169.html>, accessed on 14/7/2024.
274. Thế giới và Việt Nam (2024b), "Thủ tướng Modi: Ngày Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới không còn xa", <https://baoquocte.vn/thu-tuong-modi-ngay-an-do-tro-thanh-nen-kinh-te-lon-thu-ba-the-gioi-khong-con-xa-280755.html>, truy cập ngày 01/8/2024.
275. Phạm Quyết Thắng (2023), "Quan hệ Ấn Độ - Nga từ năm 2014 đến nay", *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/4782-quan-he-an-do-nga-tu-nam-2014-den-nay.html>, truy cập ngày 22/06/2023.
276. Minh Thu (2024), "Chính phủ Ấn Độ dùng chuyên cơ gửi 35 tấn hàng cứu trợ đến Việt Nam", *Vietnamplus*, https://www.vietnamplus.vn/chinh-phu-an-do-dung-chuyen-co-gui-35-tan-hang-cuu-tro-den-viet-nam-post976981.vnp#google_vignette&utm_source=insider&utm_medium=web_push&utm_campaign=20240916_dailynews_01&webPushId=NzA2NQ==, truy cập ngày 16/9/2024
277. Ngọc Thúy (2023), "Ấn Độ mở rộng đầu ấn sang Mỹ Latinh", *Báo Tin tức, TTXVN*, <https://baotintuc.vn/the-gioi/an-do-mo-rong-dau-an-sang-my-latinh-20230430142341247.htm>, truy cập ngày 06/5/2023.
278. Ngọc Thúy (2024a), "Ấn Độ củng cố vị thế nền kinh tế lớn tăng trưởng nhanh bậc nhất thế giới", *Báo Vietnamplus*, <https://www.vietnamplus.vn/an-do-cung-co-vi-the-nen-kinh-te-lon-tang-truong-nhanh-bac-nhat-the-gioi-post956678.vnp>, truy cập 14/7/2024.
279. Ngọc Thúy (2024b), "Ấn Độ nhân mạnh cam kết "Một Trái đất, Một Gia đình và Một Tương lai", *Báo Vietnamplus*, <https://www.vietnamplus.vn/an-do-nhan-manh-cam-ket-mot-trai-dat-mot-gia-dinh-va-mot-tuong-lai-post978871.vnp>, truy cập ngày 24/9/2024.
280. Timofeev, I. (2019), "A new anarch? Scenarios for world order dynamics", *Russian International Affairs Council*, <https://russiancouncil.ru/en/analytics-and-comments/analytics/a-new-anarchy-scenarios-for-world-order-dynamics/>, accessed on 14/6/2023

281. Trenin, D. (2021), "Russia's National Security Strategy: A Manifesto for a New Era", *Carnegie Endowment for International Peace*, <https://carnegiemoscow.org/commentary/84893>, accessed on 21/11/2022.

282. Trivedi, R. (2024), "India-Russia Trade Hits Record High, Surging to \$65 Bln in 2023", *Sputniknews India*, <https://sputniknews.in/20240220/india-russia-trade-hits-record-high-surging-to-65-bln-in-2023-6612443.html>, accessed on 14/7/2024.

283. Trần Chí Trung (2022), "Một số suy nghĩ về nền tảng và nội hàm của đổi mới tư duy đối ngoại Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825315/mot-so-suy-nghi-ve-nen-tang-va-noi-ham-cua-doi-moi-tu-duy-doi-ngoai-viet-nam.aspx>, truy cập ngày 20/02/2023.

284. Quang Trung (2024), "Xuất khẩu vũ khí của Ấn Độ tăng trưởng lớn, đạt mức kỷ lục 2,63 tỷ USD", *Vietnam Plus*, <https://www.vietnamplus.vn/xuat-khau-vu-khi-cua-an-do-tang-truong-lon-dat-muc-ky-luc-263-ty-usd-post1004327.vnp>, truy cập ngày 01/01/2025.

285. Nguyễn Xuân Trung, Lê Thị Hằng Nga (2021), "Chiến lược "Ấn Độ tự cường" dưới thời kỳ Thủ tướng Narendra Modi", *Tạp chí Cộng sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/ket-qua-giua-nhiem-ky-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/824944/view_content#, truy cập ngày 08/11/2022

286. Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2022), "Ấn Độ đi theo hướng "đa liên kết"", *HVCTQG Hồ Chí Minh*, <https://cis.org.vn/an-do-di-theo-huong-da-lien-ket-8858.html>, truy cập ngày 26/9/2022.

287. Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ (2024), "Kỷ niệm 70 năm Thỏa thuận hòa bình Panchsheel giữa Ấn Độ và Trung Quốc", *HVCTQG Hồ Chí Minh*, <https://cis.org.vn/ky-niem-70-nam-thoa-thuan-hoa-binh-panchsheel-giua-an-do-va-trung-quoc-11561.html>, truy cập ngày 08/7/2024.

288. Trung tâm WTO và Hội nhập (2011), "ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ hai của Hàn Quốc", *Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)*, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/2226-asean-la-doi-tac-thuong-mai-lon-thu-hai-cua-han-quoc>, truy cập ngày 22/12/2022.

289. Trung tâm WTO và Hội nhập (2021), "Rà soát chính sách thương mại lần thứ 7 của Ấn Độ tại WTO", *Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)*, <https://trungtamwto.vn/hiep-dinh-khac/16901-ra-soat-chinh-sach-thuong-mai-lan-thu-7-cua-an-do-tai-wto>, truy cập ngày 11/8/2022.

290. Phan Tùng (2022), “Trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới: Thành tích kỳ diệu của kinh tế Ấn Độ”, *Báo Điện tử VOV*, <https://vov.vn/kinh-te/tro-thanh-nen-kinh-te-lon-thu-5-the-gioi-thanh-tich-ky-dieu-cua-kinh-te-an-do-post968868.vov>, truy cập 14/10/2023
291. Tổ Uyên (2024), “Kinh tế Ấn Độ tăng trưởng bứt phá ngoạn mục”, *Thời báo Tài chính*, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/kinh-te-an-do-tang-truong-but-pha-ngoan-muc-145733.htm>, truy cập ngày 01/8/2024
292. Ngô Anh Văn (2024), “Thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc, VnEconomy”, <https://vneconomy.vn/thuc-day-hop-tac-giua-asean-va-trung-quoc.htm>, truy cập 20/9/2024.
293. Vietnamplus (2019), “Điểm tựa để Ấn Độ vươn tới cường quốc toàn cầu”, https://special.vietnamplus.vn/2019/05/26/thu_tuong_an_do_modi/, truy cập ngày 20/6/2022.
294. Viswanathan H.H.S., Mishra, A. (2020), “India-Africa Partnership for Food Security: Beyond Strategic Concerns”, *Observer Research Foundation*, April, Issue 242, <https://www.orfonline.org/research/india-africa-partnership-for-food-security-beyond-strategic-concerns>, accessed on 01/5/2022.
295. VnEconomy (2024), “IMF: Ấn Độ sẽ vượt Nhật thành nền kinh tế lớn thứ tư thế giới vào năm 2025”, <https://vneconomy.vn/imf-an-do-se-vuot-nhat-thanh-nen-kinh-te-lon-thu-tu-the-gioi-vao-nam-2025.htm>, truy cập ngày 22/4/2024.
296. VnExpress (2024), “Nga tụt hạng trong danh sách xuất khẩu vũ khí thế giới”, <https://vnexpress.net/nga-tut-hang-trong-danh-sach-xuat-khau-vu-khi-the-gioi-4720984.html#:~:text=B%C3%A1o%20C%C3%A1o%20c%E1%BB%A7a%20SIPRI%20cho,v%E1%BB%9Bi%205%20n%C4%83m%20tr%C6%B0%E1%BB%9Bc%20%C4%91%C3%B3>, truy cập ngày 01/9/2024.
297. VOV (2021), “Muốn lập căn cứ tại Trung Á, Mỹ phải bước qua ả Nga - Trung”, *Đài Tiếng nói Việt Nam*, <https://vov.gov.vn/muon-lap-can-cu-tai-trung-a-my-phai-buoc-qua-ai-nga-trung-dtnew-287412>, truy cập ngày 22/8/2022.
298. VOV (2024), “Hà Nội đón những du khách Ấn Độ đầu tiên trong đoàn 4.500 người”, <https://vov.vn/du-lich/ha-noi-don-nhung-du-khach-an-do-dau-tien-trong-doan-4500-nguoi-post1117074.vov>, truy cập ngày 29/8/2024.
299. VOV World (2014), “New Indian Cabinet sworn in”, <https://vovworld.vn/en-US/news/new-indian-cabinet-sworn-in-241499.vov>, accessed on 29/6/2022.

300. VTV News (2023), “Nga trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của Ấn Độ”, <https://vtv.vn/the-gioi/nga-tro-thanh-doi-tac-thuong-mai-lon-thu-tu-cua-an-do-20230622193342027.htm>, truy cập ngày 01/01/2024.
301. VTV Online (2019), “"Ấn Độ trên hết" - Chính sách đối ngoại mang nhiều hàm ý”, *Đài Truyền hình Việt Nam*, <https://vtv.vn/van-de-hom-nay/an-do-tren-het-chinh-sach-doi-ngoai-mang-nhieu-ham-y-20190105060559756.htm>, truy cập ngày 02/02/2021.
302. VTV Online (2023), “Ấn Độ - Canada trục xuất nhà ngoại giao của nhau liên quan đến vụ sát hại nhà lãnh đạo người Sikh”, <https://vtv.vn/the-gioi/an-do-canada-truc-xuat-nha-ngoai-giao-cua-nhau-lien-quan-den-vu-sat-hai-nha-lanh-dao-nguoi-sikh-20230919151325248.htm>, truy cập 18/12/2023.
303. VTV Online (2024), “Một thập kỷ cầm quyền của Thủ tướng Ấn Độ Modi - Dấu ấn song hành cùng thách thức”, *Đài Truyền hình Việt Nam*, <https://vtv.vn/the-gioi/mot-thap-ky-cam-quyen-cua-thu-tuong-an-do-modi-dau-an-song-hanh-cung-thach-thuc-20240609103459437.htm>, truy cập ngày 10/6/2024.
304. Hoàng Vũ (2023), “Xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ đạt mức cao kỷ lục”, *Báo Quân đội Nhân dân*, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/doi-song/xuat-khau-quoc-phong-cua-an-do-dat-muc-cao-ky-luc-723742>, truy cập ngày 11/4/2023
305. Trương Minh Huy Vũ (2015), “Chủ nghĩa hiện thực (Realism)”, *Nghiên cứu quốc tế*, <https://nghiencuuquocte.org/2015/02/18/chu-nghia-hien-thuc/>, truy cập ngày 19/8/2021.
306. Wilkes, T. (2014), “Indian Firms Tool Up for Defense Order on Modi’s ‘Buy India’ Pledge,” *Reuters*, <http://www.reuters.com/article/2014/08/20/us-india-defence-idUSKBN0GK2AQ20140820>, accessed on 21/6/2022.
307. Woetzel, J., Seong, J. (2019), “We’ve entered the Asian Century and there is no turning back”, *World Economic Forum*, World Economic Forum, <https://www.weforum.org/agenda/2019/10/has-world-entered-asian-century-what-does-it-mean/>, accessed 22/10/2021
308. World Bank (2024a), “GDP growth (annual %) - India”, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?end=2023&locations=IN&start=2014>, accessed 10/10/2024.
309. World Bank (2024b), “GDP (current US\$) - India”, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?end=2023&locations=IN&start=2014>, accessed 10/10/2024

310. World Resources Institute (2023), “This Interactive Chart Shows Changes in the World's Top 10 Emitters”, <https://www.wri.org/insights/interactive-chart-shows-changes-worlds-top-10-emitters>, accessed on 01/3/2024.

311. WITS (2021), “India Trade Summary”, <https://wits.worldbank.org/CountryProfile/en/Country/IND/Year/2014/Summarytext#:~:text=Top%20five%20countries%20from%20which,partner%20share%20of%207.12%20percent>, accessed on 10/10/2022.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Tổng số các chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Narendra Modi từ năm 2014 - 2024

Năm	Chuyến thăm	Tổng số
2014	Nepal (02), Myanmar, Australia, Fiji, Mỹ, Nhật Bản, Brazil, Bhutan	09
2015	Nga (02), Pháp (02), Malaysia, Singapore (02), Anh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ireland, Mỹ, UAE, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan, Bangladesh, Trung Quốc, Mông Cổ, Hàn Quốc, Đức, Canada, Seychelles, Mauritius, Sri Lanka, Pakistan, Afghanistan	28
2016	Nhật Bản, Lào, Việt Nam, Trung Quốc, Mozambique, Nam Phi, Tanzania, Kenya, Uzbekistan, Afghanistan, Qatar, Thụy Sĩ, Mỹ (02), Mexico, Iran, Bì, Saudi Arabia	18
2017	Philippines, Trung Quốc, Myanmar, Israel, Đức (02), Bồ Đào Nha, Mỹ, Hà Lan, Kazakhstan, Tây Ban Nha, Nga, Pháp, Sri Lanka	14
2018	Argentina, Maldives, Singapore (02), Nhật Bản, Nepal (02), Rwanda, Uganda, Nam Phi, Trung Quốc (02), Indonesia, Malaysia, Nga, Thụy Điển, Anh, Đức, Jordan, Palestine, UAE, Oman, Thụy Sĩ	23
2019	Brazil, Thái Lan, Saudi Arabia, Mỹ, Nga, Pháp, UAE, Bahrain, Bhutan, Nhật Bản, Kyrgyzstan, Maldives, Sri Lanka, Hàn Quốc	14
2021	Italia, Anh, Mỹ, Bangladesh	04
2022	Indonesia, Nhật Bản (02), Uzbekistan, Đức (02), UAE, Nepal, Đan Mạch, Pháp	10
2023	Pháp, UAE (02), Mỹ (02), Ai Cập, Nhật Bản, Papua New Guinea, Australia, Hy Lạp, Indonesia, Nam Phi	12
2024	UAE, Qatar, Mauritius, Italia, Áo, Bhutan, Nga (02), Ba Lan, Ukraine, Singapore, Brunei, Mỹ, Lào, Nigeria, Brazil, Guyana, Kuwait	18
Tổng số chuyến thăm		150

Nguồn: [MEA, GoI, 2024]

Phụ lục 2

Tiêu chí lựa chọn sắp xếp mức độ trong các vòng tròn đồng tâm

STT	Tiêu chí	Vòng tròn thứ nhất	Vòng tròn thứ hai	Vòng tròn thứ ba	Lý do lựa chọn
1	Mức độ quan trọng, gần gũi và chiến lược địa lý	Các quốc gia trong khu vực Nam Á (bao gồm Pakistan, Bangladesh, Nepal...) được xếp vào vòng đầu tiên vì đó là các quốc gia <i>láng giềng trực tiếp</i> , có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh và ổn định của Ấn Độ. Chính sách “Láng giềng trước tiên” (NFP) được coi là trọng tâm trong việc duy trì mối quan hệ ổn định và hợp tác trong khu vực, với các tổ chức như <i>SAARC, BIMSTEC</i> và <i>BBIN</i>	X	X	Các quốc gia trong khu vực Nam Á có sự tương tác chặt chẽ về các vấn đề chính trị, an ninh và kinh tế, do đó việc duy trì mối quan hệ với các quốc gia này có tầm quan trọng hàng đầu đối với Ấn Độ. Chính sách này thể hiện rõ cam kết của Ấn Độ trong việc duy trì vai trò lãnh đạo và sự ổn định khu vực.

2	Mức độ ảnh hưởng chiến lược và hợp tác đa phương	X	Các quốc gia thuộc khu vực ÁDD - TBD như <i>Nam Phi, UAE, Israel, Iran, Việt Nam, Singapore, Nhật Bản</i> , và <i>Trung Quốc</i> ...được xếp vào vòng này do sự ảnh hưởng chiến lược mà các quốc gia này có đối với Ấn Độ trong cả bối cảnh khu vực và toàn cầu.	X	Những quốc gia này không chỉ có <i>mối quan hệ thương mại và kinh tế mạnh mẽ</i> mà còn liên quan mật thiết đến các chiến lược an ninh của Ấn Độ. Chẳng hạn, <i>Trung Quốc</i> là một cường quốc đang trỗi dậy và ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự cân bằng quyền lực trong khu vực, trong khi <i>Mỹ</i> là một đối tác quan trọng trong việc duy trì trật tự an ninh khu vực. Các cơ chế hợp tác đa phương như <i>BRICS, QUAD, SCO</i> và các tổ chức khu vực như <i>ASEAN, AU</i> giúp Ấn Độ duy trì các mối quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia và khu vực này. Chính sách như <i>Ngoại giao nước lớn, Cân bằng quyền lực, Hành động hướng Đông</i> , và <i>Liên kết Phía Tây</i> cho thấy Ấn Độ đang tìm kiếm <i>sự đa dạng</i>
---	--	---	--	---	---

					<i>trong các đối tác và mở rộng ảnh hưởng</i> trong khu vực ÁĐD - TBD
3	Mức độ ảnh hưởng toàn cầu và hợp tác đa phương	X	X	Các quốc gia như <i>Nga, EU, Mỹ Latinh và Caribe</i> cùng các cơ chế đa phương như <i>UN, WTO, G20</i> được xếp vào vòng tròn thứ ba vì mặc dù các quốc gia này có ảnh hưởng <i>toàn cầu</i> , nhưng mức độ <i>liên quan trực tiếp</i> đến lợi ích và an ninh của Ấn Độ thấp hơn so với các quốc gia trong hai vòng tròn trước.	Mặc dù các quốc gia và tổ chức này có ảnh hưởng mạnh mẽ trong các vấn đề toàn cầu như <i>biến đổi khí hậu, thương mại quốc tế, an ninh quốc tế</i> nhưng mối quan hệ với Ấn Độ trong các vấn đề này không quyết định <i>an ninh và lợi ích quốc gia</i> của Ấn Độ như trong các khu vực gần gũi và khu vực chiến lược.